

PETER ARNETT

TÙ CHIẾN TRƯỞNG

**KHỐC
LIỆT**



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

Mục lục

- [Tựa sách](#)
- [TÁC GIẢ](#)
- [LỜI TỰA](#)
- [Phần I: 1934-1970](#)
 - [§1. Thời Thơ Ấu](#)
 - [§2. Khởi Nghiệp](#)
- [Phần II: 1962-1975](#)
 - [§1. Sài Gòn](#)
 - [§2. Trận Đánh Đầu Tiên](#)
 - [§3. Ấp Bắc](#)
 - [§4. Bị Bắt Chết](#)
 - [§5. Tân Đại Sứ Hoa Kỳ](#)
 - [§6. Vụ Đảo Chính 01-11-1963](#)
 - [§7. Kết Hôn](#)
 - [§8. Tiếp Cận](#)
 - [§9. Sông Bé](#)
 - [§10. Thiếu Tá Norman Schwarzkopf](#)
 - [§11. Lữ Đoàn 173](#)
 - [§12. Đội Tiếp Tế 21](#)
 - [§13. Thách Đố Số Phân](#)
 - [§14. Những Lời Cáo Phó](#)
 - [§15. Đồng Nghiệp](#)
 - [§16. Dăm Trường Đăm Máu](#)
 - [§17. Cuộc Chiến Với Westy – Westmoreland](#)
 - [§18. Đà Nẵng](#)
 - [§19. Chiến Dịch Tết Mậu Thân](#)
 - [§20. Tiêu Diệt Thành Phố Để Cứu Nó](#)
 - [§21. Những Người Bị Lãng Quên](#)
 - [§22. Đụng Đô Gallagher](#)
 - [§23. Kết Thúc Nỗi Âm Ảnh](#)
 - [§24. Chuyến Đi Sang Bên Kia Chiến Tuyến](#)
 - [§25. Bắt Đầu Của Kết Thúc](#)
 - [§26. Sài Gòn Sup Đổ](#)
 - [§27. 30-4-1975](#)
- [Phần III: 1975-1990](#)
 - [§1. Cắt Bỏ Những Trói Buộc](#)
 - [§2. Trong Hầm Hào Cùng CNN](#)
 - [§3. Những Chân Trời Mới](#)

- Phần IV: 1990-1991
 - §1. Baghdad
 - §2. Ngày Thứ Nhất 17-01
 - §3. Ngày Thứ Hai
 - §4. Ngày Thứ Ba
 - §5. Ngày Thứ Tư
 - §6. Ngày Thứ Năm
 - §7. Ngày Thứ Sáu
 - §8. Ngày Thứ Bảy
 - §9. Ngày Thứ Tám
 - §10. Ngày Thứ Chín
 - §11. Ngày Thứ Mười
 - §12. Ngày Thứ Mười Một
 - §13. “Baghdad Pete”
 - §14. Nội Giận Ở Amilriya
 - §15. Buổi Truyền Hình Cuối Cùng

TỪ CHIẾN TRƯỜNG KHỐC LIỆT

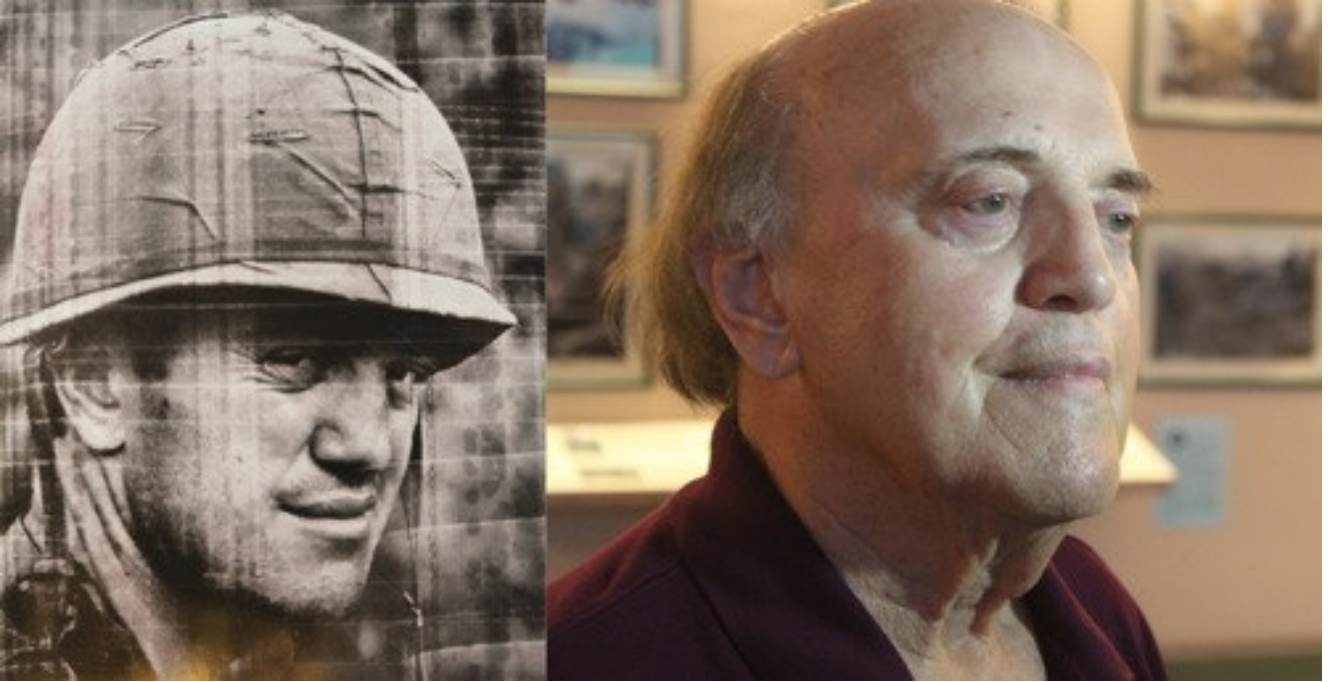
(Nguyên tác: Live From The Battfield)

Tác giả: Peter Arnett
Nhà Xuất bản Thông Tấn

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Nguồn: ThuQuanvn
Tạo bìa: inno14
Biên soạn: Văn Cường
Tạo Ebook: QuocSan

TÁC GIẢ



(ảnh tác giả xưa và nay)



(ảnh tác giả cùng Tướng Giáp)

Peter Arnett là người Mỹ gốc New Zealand, phóng viên nổi tiếng của

Hãng AP, CNN, người đã có mặt ở miền Nam Việt Nam từ những năm 1962 cho tới 1975, chứng kiến rất nhiều sự kiện lịch sử trong chiến tranh Việt Nam và giờ khắc sụp đổ của chính quyền ngụy Sài Gòn.

Cuốn sách được xuất bản lần đầu tại Mỹ năm 1995, sau đó được tái bản nhiều lần, gây tiếng vang lớn và hấp dẫn độc giả. Dư luận trong và ngoài nước Mỹ đánh giá “Đây là một cuốn tự truyện hay nhất”, “Một cuốn hồi ký mẫu mực”, “Một tài liệu có sức mạnh hay nhất”, v.v.

Từ chiến trường khốc liệt – cuốn tự truyện – hồi ký mang tính báo chí được ghi chép cẩn thận, công phu, là tập tài liệu lịch sử vô cùng quý giá của một phóng viên chiến trường, gần như dành cả phần lớn thời gian cuộc đời mình viết về đề tài chiến tranh. Ông viết về tất cả những điều cảm nhận, trải qua, chứng kiến ở những nơi chiến sự mà Ông đặt chân tới: Việt Nam, Lào, Iran, Iraq, Afganistan...

Trong cuốn sách, tác giả ghi lại khá kỹ về những sự kiện Chiến tranh Việt Nam, diễn biến những hoạt động tác chiến ở chiến trường, đặc biệt là những sự kiện dấu mốc như: cuộc đấu tranh, biểu tình của các tăng ni, Phật tử ở Huế, vụ tự thiêu của nhà sư Thích Quảng Đức, cuộc đảo chính lật đổ anh em Ngô Đình Diệm, các trận đánh, các chiến dịch lớn giữa quân Mỹ – Ngụy và quân giải phóng miền Nam Việt Nam, cuộc nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, các chiến dịch dẫn tới giải phóng Sài Gòn và cuối cùng là giờ khắc sụp đổ của chế độ ngụy quyền Sài Gòn,.. cùng tâm trạng hoang mang, bi quan, thất vọng của các tổng thống, tướng tá Mỹ, ngụy tham gia điều hành bộ máy chiến tranh trước các sự kiện. Tất cả được tác giả ghi chép và kể lại một cách chân thực, khách quan với tư cách là một phóng viên chiến trường chuyên nghiệp. Chính những tin, bài, phóng sự của tác giả được đăng tải trên báo chí khi đó đã gây tranh cãi và có tác động ảnh hưởng sâu sắc tới dư luận Mỹ và nhiều nước trên thế giới, làm cho nhân dân Mỹ và nhân dân nhiều nước trên thế giới hiểu đúng hơn về cuộc chiến tranh Việt Nam. Nhờ đó mà Peter Arnett đã giành được giải thưởng báo chí Pulitzer danh giá vào năm 1966 và rất nhiều giải thưởng khác.

Trong cuộc Chiến tranh vùng Vịnh năm 1991 và tháng 3-2003, Peter Arnett đã gây chấn động thế giới bởi những phóng sự nóng hổi được truyền hình trực tiếp trên CNN từ chiến trường Baghdad. Những sự kiện về Chiến tranh Iraq cũng được phản ánh chân thực trong cuốn sách.

Peter Arnett là phóng viên phương Tây đầu tiên và duy nhất phỏng vấn trùm khủng bố Osama Bin Laden.

LỜI TỰA

Công việc làm tin chiến trường về Chiến tranh Việt Nam đã ảnh hưởng lớn tới 35 năm trong nghề phóng viên quốc tế sau này của tôi. Khi đến với Việt Nam như một chàng trai trẻ đầy lý tưởng tôi nhận thấy không sự thỏa mãn cá nhân nào quá lớn cho một phóng viên chiến trường bằng việc nói ra sự thật về lòng dũng cảm và những bi thương đồng hành cùng người lính. Tôi viết về chiến tranh ở Việt Nam từ năm 1962 đến 1975, và tôi đã học được rằng trong chiến tranh hiện đại người dân thường thiệt thòi hơn những người tham chiến và vai trò của phóng viên chiến trường là phải nói lên câu chuyện của họ.

Đó cũng là niềm tin đồng hành cùng tôi nhiều năm sau này tới Baghdad trong Chiến tranh vùng Vịnh lần thứ nhất năm 1991 đã kiểm nghiệm sự ảnh hưởng của lệnh cấm vận đối với 25 triệu người dân Iraq như sự trừng phạt lên người đứng đầu của họ, Saddam Hussein. Cũng như trong cuộc Chiến tranh vùng Vịnh lần thứ nhất, tôi làm tin truyền hình trực tiếp về các trận đánh bom Baghdad trong suốt chiến tranh vùng Vịnh lần thứ hai vào tháng-2003. Giống như khi ở Việt Nam trước đó 40 năm, để chứng kiến sự thật ác liệt về chiến tranh của người Mỹ, tôi đã ở lại Iraq hơn 4 năm nữa để ghi lại những hỗn loạn và bi thương dẫn đến án treo cổ dành cho Saddam Hussein năm 2006.

Tôi có nhiều dấu mốc quan trọng trong suốt 50 năm làm tin chiến trường của mình, đó là vào tháng 3-1997, cùng với đội quay phim của CNN tôi đã phỏng vấn trùm khủng bố Osama Bin Laden ở nơi ẩn nấp trên núi của ông ta ở Afghanistan. Vào thời điểm đó, Bin Laden ít được công chúng biết đến, nhưng ông ta đã bị các cơ quan tình báo quốc tế theo dõi như một người cuồng tín Hồi giáo nguy hiểm với nguồn tài chính cá nhân đáng kể. Trong bài phỏng vấn cá nhân của mình, Bin Laden tuyên bố một cuộc thánh chiến với Mỹ và hứa sẽ gây ra nhiều xung đột và thiệt hại cho quân đội nhằm xóa bỏ sự ảnh hưởng của phương Tây trong giới Hồi giáo. Vào thời gian phỏng vấn ông ta, những mối đe dọa của Bin Laden từ những ngọn núi phía xa chỉ là lời nói hoa mỹ rỗng tuếch. Nhưng khi cuộc tấn công không tặc mà ông ta tổ chức tấn công vào Tòa nhà Thương mại thế giới ngày 11-9-2001 giết chết 3.000 người dân đã làm thay đổi trật tự thế giới.

Nhiều năm làm phóng viên quốc tế, tôi hiểu rõ vai trò quan trọng của truyền thông trong thời sự thế giới và đây cũng là thông điệp tôi truyền tải trong bài giảng ở các Trường Đại học Báo chí và các Tổ chức truyền thông trong nhiều năm.

Tôi đã dẫn một nhóm sinh viên của Trường Đại học Shantou (Sán Đầu) ở phía nam Trung Quốc tới thăm Việt Nam trong chuyến đi thực tế viết tin ba

tuần đáng nhớ vào mùa hè năm 2007.

Với kinh nghiệm trước đây của tôi ở Việt Nam vào những năm 1960 và 1970 và rất nhiều chuyến thăm sau này, tôi đã giảng bài về chủ đề đó ở Trường Đại học Shantou. Tôi muốn các sinh viên có cảm nhận về cuộc chiến tranh đó và những người Việt nam đã được sinh ra khi chiến tranh kết thúc vào năm 1975. Rất nhiều người quan sát đã viết rằng cuộc chiến tranh không còn ảnh hưởng trong đời sống của người Việt Nam, đất nước đã hòa bình và khôi phục kinh tế là mục tiêu hàng đầu của mọi người.

Đọc hành trình từ Bắc tới Nam, chúng tôi thấy sự tốt bụng và niềm vui trên những gương mặt người Việt Nam với những người khách nước ngoài. Tôi nhận ra rằng Chính phủ nhấn mạnh tầm quan trọng trong hợp tác kinh tế và chính trị với những kẻ thù trước đây ở phương Tây.

Hầu hết những người Việt Nam chúng tôi gặp ở miền Bắc đều hiểu được những đau thương mất mát trong chiến tranh họ phải gánh chịu và chúng tôi được biết có khoảng 3 triệu người chết. Chúng tôi tìm thấy rất nhiều tàn tích của chiến tranh ở miền Nam nhưng cũng hiểu rằng đó là miền Bắc đã cung cấp sức người sức của cho miền Nam với khẩu hiệu “sinh ra ở miền Bắc và chết ở miền Nam”. Đó là lời thương xót của những gia đình Việt Nam mất con trong chiến tranh. Cảm nhận về nỗi đau đã lan tỏa trong Văn học Việt Nam vài thập kỷ qua.

Các sinh viên Trường Đại học Shantou nhanh chóng nhận ra rằng Chính phủ Việt Nam ghi nhận lòng yêu nước và sự hy sinh từ việc dựng lên nghĩa trang Trường Sơn ở khu vực Bến Tắt, Quảng Trị với hơn 10.000 ngôi mộ tôn kính cho đến nhà tù của Pháp cũ có tên “Hỏa lò” ở trung tâm thủ đô, nơi bộ quần áo phi công còn vấy máu của John McCain ở một trong những phòng nơi những người tù Mỹ bị giam giữ trong nhiều năm. Bi thương hơn nữa, nhà tù còn phác họa những hình ảnh và mô hình về các hình thức tra tấn dã man mà thực dân Pháp đã sử dụng đối với tù chính trị trong suốt 100 năm thống trị gồm máy chém cao bằng gỗ với lưỡi dao sắc và chiếc rổ đựng đầu vấy máu nằm gần đó.

Có một khung cảnh đặc biệt thu hút sự chú ý của các sinh viên và tôi hy vọng nó sẽ đọng lại lâu trong ký ức của họ. Đó là một căn phòng lớn trong Bảo tàng Chiến tranh ở thành phố Hồ Chí Minh với những trưng bày cho các phóng viên nước ngoài, những người đã làm tin về các cuộc chiến tranh chống Mỹ và chống Pháp. Những khuôn mặt và hình ảnh đều quen thuộc với các sinh viên Shantou bởi vì họ là những đồng nghiệp trước đây của tôi và tôi thường nói về họ trong các bài giảng của mình, các phóng viên ảnh hy sinh trong chiến tranh như Larry Borrow của tạp chí Life, Henri Huet và Huỳnh Công la của AP và Koichi Sawada của UPI cùng nhiều người khác

nữa. Sự đau thương mất mát của chiến tranh đã không làm mờ đi sự ghi nhận của Chính phủ Việt nam về lòng dũng cảm và sự hy sinh của các phóng viên chiến trường ở các quốc gia đã đấu tranh để nói lên sự thật về cuộc chiến và sự hy sinh của họ. Đó là điểm nhấn trong chủ đề bài giảng của tôi ở Trường Đại học Shantou rằng báo chí có một vai trò to lớn và đáng giá trong thế giới ngày nay.

Những chuyến thăm trở lại Việt nam, đặc biệt là hành trình cùng với các sinh viên là những chuyến thăm hài lòng trong cuộc đời tôi. Đó là những chuyến thăm khép lại vòng tròn từ khi lần đầu tiên tôi đến với tư cách là một phóng viên trong một đất nước bị chiến tranh tàn phá vào năm 1962 đến khi từ những tàn tích của một cuộc chiến tranh dài, một đất nước hòa bình, độc lập xuất hiện tự hào trên chính trường quốc tế.

Peter Arnett, tháng 3-2009

Phần I: 1934-1970

Chương 1: Thời Thơ Ấu

Tôi trải qua tuổi thơ ở Bluff, một thị trấn lộng gió nằm phía dưới cùng của New Zealand cũng là phía dưới cùng của trái đất. Bluff đặt theo tên của một mỏm rừng nhìn ra hải cảng. Từ nơi đó tôi có thể nhìn về vùng đất rộng lớn của Nam Cực. Băng trôi và những vùng đất bỏ hoang xa xôi với khoảng cách 1.600 dặm nhưng tôi vẫn cảm nhận miền đất đó rất gần với tầm mắt. Nam Cực luôn hiện ra trong những đợt sóng xô bờ đầy đá mang theo cái lạnh của băng tan và những chú chim cánh cụt mắt vàng nóng tính làm tổ dọc theo phần đất nhô ra của đường biển đập cánh phần phật bày tỏ sự tức giận và lao về phía tôi khi một đứa trẻ tò mò như tôi quấy rầy tổ của chúng.

Từ mỏm đất lộng gió biển khơi, thời thơ ấu của tôi lớn lên chứng kiến những chú cá voi thường héch mắt lên tìm kiếm vòi rồng để báo hiệu hay bóng đen của loài cá voi đen khi chúng bơi qua eo biển Foveaux từ tháng 5 tới tháng 8, tìm kiếm vùng trú ngụ sinh sản.

Tôi coi Bluff là quê hương, nhưng tôi sinh ra ở Reverton ngày 13-11-1934 – một cộng đồng nhỏ 14 km về phía tây. Tôi có nhiều họ hàng sống ở Reverton. Bố tôi, Eric là người uống bia ít, ông chỉ uống rượu ở mức xã giao vào các buổi chiều thứ bảy. Ông xử lý mỗi lần say của mình rất tốt, lão đảo leo lên các bậc bê tông lên cửa sau nhà bên đồi của chúng tôi sau khi các quán rượu đóng cửa và về ngủ sớm. Bố tôi là người đàn ông hiền lành, làm việc nhiều giờ một tuần với cách sắp xếp đáng phục và luôn trả các hoá đơn của gia đình đúng hạn. Ông để dành tiền tiết kiệm chính xác như dành những quả trứng lót ổ cho những ngày mệt mỏi sau này. Jan, mẹ tôi là một người phụ nữ chịu đựng, bà nói rất thích Bluff bởi đó là nơi bản thân bà, bà ngoại và cả cụ ngoại của tôi từng sống.

Thuở nhỏ, tôi tới lớp với thân hình thấp bé. Sự thiếu hụt về thể chất kéo tôi rời xa sân thể thao. Mũi tôi bị đâm vỡ trong cả môn đâm bích và Cricket. Tôi hồ hởi chứng minh trí tuệ học hành của mình khi giành giải thưởng học tập Kinh thánh của nhà thờ người Anglica ở Bluff 5 năm liên tiếp, nhằm thắng lại điểm yếu về thể chất. Tôi tham gia vào Đội do thám biển và giành được một số huy hiệu kỹ năng mà tôi tự hào đeo trên tay áo hải quân màu xanh. Tôi nhận được các chứng chỉ học tập đặc biệt suốt hai năm Chiến tranh thế giới thứ hai từ Khoa giáo dục New Zealand về chiến thắng trồng vườn ở sân sau thuộc một phần tư hecta trong khối tài sản của chúng tôi, được bà ngoại tôi, Nana trồng và làm cỏ, nhưng luôn luôn dành cho tôi.

Khi những con tàu Tự do Mỹ/American Liberty tới hải cảng chở thịt cừu, bò và bơ phục vụ chiến tranh, tôi thường là người đầu tiên lên tàu xin kẹo

cao su Juicy fruit và thuốc lá Camel. Để kỷ niệm ngày chiến thắng phát xít Nhật năm 1945 tôi ăn trộm nguyên một thùng nước ngọt ở lối ra vào cửa hàng rau quả của Willie Wong. Để chứng minh dũng khí của mình với Johny Jamieson và Owen McQuarrie, tôi trở thành kẻ ăn trộm táo giỏi nhất trong vùng, là nỗi kinh hoàng của những chủ vườn khắp mọi nơi.

Thời gian trôi qua, tôi nhận ra tôi chỉ là người thui thủi một mình chứ không phải là một lãnh đạo, có lẽ bởi tôi quá ích kỷ chia sẻ vinh quang hay không dám mạo hiểm với sự quở trách từ chúng bạn. Marlon Brando trở thành thần tượng của tôi những năm đầu tuổi hai mươi, tôi mặc áo jacket màu đen, áo sơ mi chấm đen và cà vạt màu trắng mà anh ta yêu thích như một tay cờ bạc Sky Masterson trong phim “Guys and Dolls”. Tôi quan hệ tốt với bọn con trai và giải quyết tốt với bọn con gái.

Cha mẹ tôi không chia sẻ với những kinh nghiệm cuộc sống lớn dần trong tôi nhưng họ biết thành phố khó khăn này đủ mang tôi ra khỏi đó trước khi tôi trưởng thành quá sớm. Cha tôi trung thành với Bluff như bất kỳ một người dân nào, phục vụ đội cứu hỏa trong nhiều năm và giúp đỡ thành lập Câu lạc bộ Sư tử địa phương. Nhưng ông lập kế hoạch giáo dục con cái thành đạt hơn bất kỳ ai trong gia đình hoặc thị trấn trước đây. Ông chọn một trong những trường tư thục tốt nhất trong cả nước, Trường Trung học Waitaki nằm ở Oamaru bờ biển phía Đông Bắc tỉnh Otago cho các con theo học. Tường khu khuôn viên có cây thường xuân bao quanh và những con đường lái xe với hàng tuyết tùng, Waitaki là phiên bản New Zealand của trường học công cộng danh tiếng của Anh, một Eton hòn đảo Nam.

Quyết tâm của cha tôi cho chúng tôi trên con đường học hành cao hơn sau khi chính những cố gắng của ông thoát khỏi xiềng xích của cuộc sống không sóng gió sụp đổ cùng với thị trường chứng khoán cuối những năm 1920. Ông sinh ra trong thị trấn vùng quê Matura năm 1903, và giữa tuổi hai mươi ông tìm đường tới thủ đô Wellington, nơi ông mua một cửa hàng nhỏ để kinh doanh bánh kẹo và những đồ không đắt tiền. Buộc phải quay về do tình trạng sụt giá, ông cưới mẹ tôi năm 1929 và định cư ở Reverton. Trải qua những năm tháng khủng hoảng, cha tôi cóp nhặt kiếm sống với kỹ năng thợ mộc và lát gạch mà ông học được như người học việc thương mại. Kinh doanh phục hồi khi sản phẩm thương ngày của New Zealand trở nên quan trọng với một Châu Âu đang lo lắng trên bờ Chiến tranh thế giới thứ hai và việc bùng nổ xây dựng đã cải thiện vận may của gia đình tôi. Chúng tôi chuyển vào một ngôi nhà bằng bê tông vững chắc ở Bluff mà cha tôi thiết kế xây dựng với cầu thang phía ngoài dốc, dẫn ra hiên rộng và mở, nơi các anh em tôi thích ngủ trong thời tiết có bão vì giống như cắm trại ngoài trời. Cha tôi ở nhà không tham gia cuộc chiến vì bệnh tim, nhưng ông tham gia đội lính canh gác thị trấn. Tôi thích đứng gác cùng ông ở ngọn đồi Bluff trông chừng tàu

ngâm của Nhật, như cách mà những người ta đánh bắt cá voi canh chừng con mồi một trăm năm về trước. Cha tôi có khẩu súng bằng gỗ ở vị trí sẵn sàng; những khẩu súng thật tất cả đều ở tiền tuyến. Khi chiến tranh kết thúc, ông gửi những đứa con đi học, điều mà ông chưa bao giờ có.

Mặc dù tôi rất yêu họ nhưng tôi không bao giờ hối hận vì rời xa họ để bước tiếp những bước đi của anh tôi, trên chuyến tàu dài đến Oamaru và bốn năm học trường nội trú với những hy vọng lớn hơn cho tương lai của tôi. Tôi mười ba tuổi. Mẹ tôi than phiền là tôi không khóc ở sân ga như John đã khóc khi anh ấy ra đi.

Trường trung học Nam Waitaki giống như một doanh trại huấn luyện lính thủy cho những đứa trẻ ngang ngược. Trường học thu hút khách hàng là những cha mẹ thượng lưu lo lắng người kế nghiệp của họ lên nấc thang xã hội, những doanh nhân thành công và những người nông dân tìm kiếm môi trường giáo dục tốt nhất cho con trai của họ. Trường có những nhân viên cảm thông, tài năng, lớp học và khu thể thao là hạng nhất. Những khu vườn Anh đẹp và mặt tiền bằng sa thạch trắng lờ mờ giấu quyền lực hà khắc, quyết tâm kiểm soát và ngự trị những điều quá giới hạn của tuổi trẻ. Cách nhìn nhận này làm tươi sáng cuốn tiểu thuyết “Những ngày tới trường của Tom Brow” nhưng chỉ để đọc chứ không phải để sống với nó.

Tôi nhớ phần tằm tối dữ dội trong những ngày ở trường nội trú của mình. Lịch sử sẽ cho thấy hầu hết học sinh sống qua những trải nghiệm, và thực tế người ta tin rằng điều đó làm chúng trở thành những công dân và những người đàn ông tốt hơn; họ hối hận đã xóa bỏ những quy định nghiêm khắc trong những năm gần đây. Tôi thì không. Trong một trường học điên rồ về thể thao, sự thiếu hụt những kỹ năng đó không làm giới hạn hoạt động toàn diện của tôi, thậm chí tôi làm đội trưởng đội bóng bầu dục năm cuối Nhà Don và giành cúp vô địch sau một dịch cúm nhẹ hạ gục hầu hết cầu thủ của phía đối phương. Tuy nhiên, tôi đã kết bạn và nhận được điểm A, học tiếng Latinh, tiếng Pháp và mở rộng chân trời của mình khi nghiên cứu nhạc cổ điển. Tôi tốt nghiệp Trung học Waitaki vào cuối năm thứ ba và chuyển sang năm lớp sáu tiên đại học. Khi tôi sẵn sàng cho kỳ thi đầu vào đại học thì tôi bị đuổi ra khỏi trường.

Tên cô ấy là Dawn. Tôi đã vi phạm kỷ luật khi hẹn hò với cô ấy. Khi tôi kéo lê chiếc túi về nhà, cha tôi cũng nhìn tôi.

Chương 2: Khởi Nghiệp

Những gì tôi còn nhớ là tờ Southland Times nằm trên bàn ăn sáng của chúng tôi hàng ngày trừ chủ nhật. Giống hầu hết các tờ báo của New Zealand vào thời đó đều theo khuôn mẫu tờ Times của London, với các mẫu quảng cáo nhỏ trên trang nhất và sau cùng, hầu hết tin chính trị và thể thao địa phương ở phía trong. Đó là khuôn mẫu đúng đắn cho các bản tin trong ngày không nhạy cảm và không có tên người viết. Chỉ có một trường hợp ngoại lệ – mục thể thao được gọi là “người xem” do Albie Keast, một trong những nhân vật truyền thông nổi tiếng hiếm có trong vùng viết. Albie đưa tin về môn bóng bầu dục quốc tế do những cầu thủ da đen yêu thích của ông ta chơi, viết về mỗi trò chơi như sự tái hiện của Jesu với tư cách là quan toà phán quyết cuối cùng. Ông ta là một ngòi bút độc trong những tay viết về môn bóng bầu dục và người ta nói rằng những vấn đề động chạm không tử tế trong mục của Albie có thể giết chết tương lai của những cầu thủ đang lên hay sẽ trở thành cầu thủ.

Anh trai tôi – John làm phóng viên cho tờ báo đó sau khi tốt nghiệp trung học. Mặc dù cha tôi phàn nàn những tay phóng viên thường chỉ ngồi đâu đó quanh các cuộc gặp gỡ trong thị trấn và nhậu nhẹt quá nhiều, nhưng ông đã gọi điện cho Albie Keast là phóng viên chính của tờ Times nói rằng ông có một đứa con trai nữa cần việc nếu tờ báo có nhu cầu. Mọi việc được sắp xếp và tôi có cuộc hẹn với Tổng biên tập Grimaldi. Với giọng nghiêm trọng ông hỏi thẳng tôi có phải là người sẵn sàng tuân theo các mệnh lệnh và hướng dẫn không. Rõ ràng ông ta đã liên lạc qua điện thoại với Hiệu trưởng Trường Waitaki và tôi lo sợ điều tồi tệ nhất. Ông ta mỉm cười trước sự lúng túng của tôi. Khi đồng ý thuê tôi, ông ta nói có thể hẹn hò với bao nhiêu cô gái tùy thích nhưng không phải trong giờ làm việc. Tôi bắt đầu làm việc vào ngày 7-1-1951, tôi vẫn nhớ rõ cảm giác vui sướng leo lên xe buýt từ Bluff dọc con đường nông thôn lộng gió tới Invercargill nơi có toà báo. Tôi trải bước trong ánh nắng chan hoà đường Dee, băng qua vòi nước ở tượng đài chiến tranh, qua mái vòm của khu mua sắm tới toà nhà làm việc ba tầng bằng gạch đỏ và giới thiệu mình với mọi người ở đó.

Thực tế cho tôi thấy tôi có sở trường làm báo. Cuối cùng tôi cũng được bắt đầu công việc làm tin hàng ngày, những mẫu ghi chú và bút chì gắn với tôi như đôi găng tay. Tôi viết những sự kiện lật vặt, những vụ cháy nhỏ, những sự kiện thể thao đơn giản, nhiều lễ kỷ niệm và cuộc họp của hầu hết các tổ chức vô danh. Đây là tờ báo địa phương và mọi người trong cộng đồng này chỉ cần nhìn thấy tên trên mặt báo. Albie Keast là người đàn ông rất tử mỉ với lịch làm việc nhưng lại ít trí tưởng tượng. Ông ta luôn giữ một cuốn sổ giao việc khổ Fôlio và mỗi buổi tối ông ta viết vội những công việc

giao cho chúng tôi vào ngày hôm sau. Những người kỳ cựu thề rằng bạn có thể so sánh những cuốn sổ qua các năm mà không bỏ lỡ một nhiệm vụ nào.

Tôi kính trọng người cho tôi công việc đầu tiên nhưng luôn giữ khoảng cách. Như một đồng nghiệp từng quan sát, vấn đề của Albie là ông ta đối xử với nhân viên như những nô lệ khổ sai, đẩy họ làm việc tới đa sáu ngày một tuần rồi sau đó ông ta thắt chặt hơn khi tỏ ra thông cảm không thành với những người khôn khéo có nợ với nghề viết làm việc cho ông ta.

Khi tôi bắt đầu làm tin, Albie giao thêm cho tôi hàng đống công việc vào cuối ngày khiến tôi phải vật lộn hoàn thành. Tôi thường làm xong việc vào đêm muộn. Ông ta hay dò xét từ phía sau và lảm nhảm khi tôi ngồi gõ câu chuyện của mình trên máy đánh chữ. Ông ta thường phàn nàn tôi viết quá chậm, tôi đáp lại vì ông ta giao cho tôi quá nhiều việc trong khi cần thời gian sáng tạo mới làm câu chuyện trở nên thú vị. Ông ta nói chuyện thân tình trên điện thoại với cha tôi nhưng lại đối xử với tôi như thằng đàn tình cờ có được công việc này mà tôi không có lý do nào tốt hơn có được.

Tờ Southland Times trả tôi 30 Shilling một tuần. Tôi ở chung phòng có một giường và đồ ăn sáng với một quý ông đầy đà gần công viên Queen với giá 40 Shilling, vì vậy tôi vẫn cần cha tôi hỗ trợ trong năm đầu tiên và sau đó. Tiền không quá quan trọng với tôi vì tôi không có nhiều nhu cầu. Sau khi xong việc, tôi thường ăn muộn ở quầy hàng rong bán bánh, một cửa hàng di động trên xe phân phát những chiếc bánh nhân thịt không rõ nguồn gốc kẹp cà chua cầu thả và những hạt đậu đầy mỡ.

Tuy rất bận rộn nhưng tôi cũng không muốn nghỉ ngơi. Không phải vì Albie Keast làm cho cuộc sống công việc của tôi tồi tệ mà tôi đã cảm nhận báo chí đang ở đỉnh đầu tiên tại Invercargill. Tôi nộp đơn xin làm việc ở tờ Standard – tờ báo tuần của phong trào công đoàn ở Wellington. Tôi được nhận công việc đó vì là người duy nhất nộp đơn. Tôi không nhớ Albie. Ông ta có một phòng ở khách sạn Deschler phía bên kia đường đối diện với tờ báo và rất nhiều năm sau đó tôi có tới thăm ông ta. Ông ta đã nghỉ hưu từ lâu và sau này tôi được biết ông ta bị chứng viêm khớp và tăng cân nhiều nên ít khi có thể đứng đó chào tôi. Cha tôi nói rằng Albie nói rất nhiều điều tốt về tôi sau khi tôi dời đi nhưng ông ta chẳng thân thiện gì khi gặp tôi. Làm sao tôi có thể nói rằng người đàn ông có phong cách hà khắc đó đã làm tôi trở thành một nhà báo chuyên nghiệp, thậm chí giúp tôi đổi mặt những tính cách mà ông ta không bao giờ tưởng tượng tới?

Albie Keast là sự may mắn cho những người chủ tương lai của tôi. Chưa ai từng cho tôi những mệnh lệnh hà khắc hơn ông ta, và tôi biết ơn vì điều đó.

Tờ Standard nằm trong toà nhà năm tầng ở trung tâm Wellington. Tay

biên tập viên có dáng người mảnh khảnh Sid Pickering khá thân thiện và ba hoa. Ông ta thông báo rằng tôi không những là người duy nhất nộp đơn mà còn là phóng viên duy nhất của tờ tuần báo, chịu trách nhiệm làm việc với Liên đoàn Lao động và chính quyền bù nhìn đã hết quyền lực từ ba năm nay của Đảng Lao động nhưng lại muốn thắng vào lần bầu cử tới. Ông ta dành cho tôi phòng làm việc riêng có điện thoại, gần phòng làm việc của Phó Tổng biên tập. Đối với tôi những điều này đều vô lý và tôi đủ khôn ngoan nhận ra tờ Standard là tờ báo lá cải, tờ báo tuyên truyền cho những người công nhân tụ tập nhau mỗi tuần bởi một nhân viên gầy gò với tiền lương còm cõi. Tôi được cử tới hội trường hoành tráng nhà Quốc hội để phỏng vấn lãnh đạo Đảng Lao động Walter Nash và các nhân viên khác của Đảng nhiều lần đến mức tôi trang bị ngay một thẻ thành viên của Đảng luôn đeo trên cổ.

Tôi có chân trong các chiến dịch khác, một trong các thành viên của Nội các, Bộ trưởng Bộ Y tế Ralph Hanan là anh trai bác sỹ nha khoa của tôi ở Invercargill, Roy Hanan. Dựa vào mối thâm tình mà ông ta gọi là “mối kết giao đã có”, ông ta dành cho tôi tới các cuộc phỏng vấn và xì ra thông tin về những điều đang xảy ra xung quanh thành phố, nhờ điều đó tôi có được cái nhìn toàn cảnh về tình hình chính trị nơi đây.

Tôi tham gia vào Câu lạc bộ Esperanto, gặp gỡ các cô gái nhưng nhận ra giao tiếp với họ bằng ngoại ngữ thậm chí còn khó khăn hơn. Tôi thử tham gia Hội Đón kịch, gia nhập Câu lạc bộ jazz Wellington, bắt đầu chơi bóng rổ và một chút cầu lông. Nhưng những điều này chẳng mang lại cho tôi cơ hội là bao và tôi chỉ gặp những người bạn trai cũng đến từ Invercargill đều thất bại theo đuổi những cuộc tình lãng mạn. Tôi thích cảm giác vênh vang làm phóng viên ở thủ đô, tham dự các bữa ăn tối tại nhà Quốc hội vào các dịp Phó Thủ tướng tới thăm, những buổi trình chiếu phim cá nhân tại Đại sứ quán Nhật và các bữa tiệc cocktail do Đoàn ngoại giao tổ chức.

Biên tập viên tờ Standard tức giận với việc sa thải một nhà cải cách xã hội, ông ta bảo vệ các bài xã luận nóng bất lợi và đây tôi trở thành người chịu báng. Khi tôi viết về Chính phủ quốc gia nắm quyền đưa ra những quy định an toàn mới cho những người thợ sửa chữa điện, Pickering giám sát khi tôi đánh bài báo, hạn bài đang tới và ông ta giục tôi tăng tốc miêu tả. Khi bài báo của tôi in ra, chúng tôi buộc tội Bộ trưởng Xã hội. Nhan đề khủng khiếp của một trang báo vin ngày vào và đưa ra lập luận không đúng sự thật “Án giết người, bản án phải có tội”. Bộ trưởng rất tức giận và kiện tờ Standard tội vu khống và đó là trường hợp đầu tiên như vậy trong cộng đồng người Anh từ cuối thế kỷ XIX. Lúc đó tôi còn quá trẻ để hầu toà. Chúng tôi đã thắng nhờ chi tiết chuyên môn.

Tháng 1-1956, tôi có chuyến đi hai tuần hàng năm tới vùng Waiouru hoang vắng ở trung tâm đảo phía bắc. Tập huấn quân sự là điều bắt buộc với

tất cả thanh niên trẻ. Tôi ở trong đội pháo, được trang bị những vũ khí bằng sắt han rỉ thường không nổ và tôi rất sợ nếu đi vào chiến trường với chúng. Nhóm chúng tôi tập hợp lại lều cắm trại ở Baggush, cách sa mạc tám dặm. Chúng tôi ở lại vùng đồi gập ghềnh gió và bụi trong hai tuần. Một nhóm những người hướng dẫn quân sự cố gắng xoá đi những khoảnh khắc thờ ơ của chúng tôi nhưng không thành, thậm chí họ dọa chúng tôi có thể chứng kiến chiến sự ở Malaysia, nơi người Anh đang đàn áp các cuộc nổi dậy của những người cộng sản. Tôi thề rằng không bao giờ tham gia chiến tranh vì bất kỳ lý do gì bởi tôi nghĩ quân đội là trò vớ vẩn. Đợt luyện tập ngắn ngủi này chúng tôi bị cắt khẩu phần ăn chẳng vì lý do gì, vệ sinh thực phẩm thì kinh khủng và một người mắc bệnh nhiễm khuẩn. Đó là nơi tôi tệ và sút kém tinh thần tới mức tôi quyết định viết một bài trên tờ Standard. Khi tôi về Wellington, thiếu tá Healey gọi cho tôi từ văn phòng quan hệ công chúng quân sự cảnh báo rằng bất kỳ câu chuyện không rõ ràng nào đều là “vi phạm bí mật quân sự” và tôi sẽ bị truy tố theo Luật Thông tin bí mật. Tôi cảm thấy buộc phải thoả hiệp với quân đội và chán tờ Standard. Vào giữa mùa đông năm 1956 tôi rời tờ báo và bắt đầu một hành trình mới tới Australia.

Con tàu MV Wanganella cập bến Sydney ngày 16-7-1956, muộn mất 11 tiếng so với hành trình vì gió phương Nam thổi tạt. Thành phố có tiếng tăm từ xưa. Người New Zealand cảm nhận về Australia giống người Canada cảm nhận về Mỹ – “Hữu danh vô thực”. Tôi đi bộ qua năm dãy phố tới văn phòng làm việc của tờ Sydney Sun trên đường Broadway giống các con đường có những toà nhà cao chọc trời đầu tiên tôi nhìn thấy trong đời. Không có gì để mất, tôi nói thẳng với thư ký toà soạn tôi muốn có một công việc. Người biên tập không rỗi nên tôi phải chờ phông vắn ở góc phòng tin nơi trú ngụ cho cả tờ Southland Times, gồm cả bộ phận in. Văn phòng của tờ Sun trải dài một tầng toà nhà, ngăn bằng kính giữa phòng quản lý và dãy bàn làm việc cho phóng viên và biên tập, nơi họ đang bận rộn chuẩn bị tài liệu cho tuần báo sắp ra. Mệnh lệnh thét ra hoà lẫn tiếng ồn của máy telex kêu lách cách cùng tiếng chuông điện thoại reo. Tờ Sun là tờ báo lá cải tích cực xuất bản nửa tá những ấn phẩm thông tin via hệ trong thời kỳ cạnh tranh khắc nghiệt với đối thủ, tờ Sydney Daily Mirror.

Tôi được tuyển ngay lập tức với mức lương 6 đô la Úc một ngày. Biên tập người Australia rất thích những người New Zealand trẻ từng trải qua trường học báo chí phong cách của Albie Keast. Jack Touhy, biên tập tin giao nhiệm vụ cho tôi viết về những khủng hoảng trong ngày, tìm kiếm những âm mưu giết người đáng nghi trên các đường phố của Paddington.

Tôi chạy xuống tầng dưới, nhảy vào xe ô tô nhân viên cùng một phóng viên ảnh và chúng tôi tiến tới hiện trường. Tay phóng viên ảnh đoán tôi chưa từng làm loại công việc này và khi tôi công nhận hẳn kêu lên “chết tiệt”, ngó

ra ngoài cửa sổ khi chúng tôi qua những khu nhà ô chuột lộn xộn có các quán bar và các cửa hàng cầm đồ ở địa phận Paddington. Người lái xe phanh gấp ở đoạn đường cắt có đám đông bu lại.

“Anh ta kia” một phụ nữ hoảng sợ hét lên chỉ vào cửa hàng trước mặt bên kia đường. Máu đầy trên vỉa hè và không có cảnh sát tại hiện trường. Lúc đó tôi biết cần chớp lấy câu chuyện nhưng mặt tôi bỗng trở nên trắng bệch khi đối mặt với tên giết người bằng rìu vào ngày đầu tiên đi làm. Trước khi tôi có thể chen vào thì ba cảnh sát đã tới, còi báo động rú lên, tay thanh tra tổng cổ tôi xuống đường bởi tôi không có thẻ nhà báo.

Tôi mượn điện thoại và gọi cho phòng tin với chút thông tin ít ỏi có được. Khi tôi trở lại văn phòng, Jack Touhy rất gay gắt: “Này nhóc! Con làm cái chết tiệt gì ở đó vậy?”. Anh ta cầm tờ báo mới nhất của Daily Mirror đăng đầy đủ lời thú tội của tên giết người bằng rìu với một phóng viên của tờ Mirror ở hiện trường đầy máu. Tôi phản bác rằng tờ Mirror không có ở đó mà họ bịa toàn bộ câu chuyện. Tay biên tập tin ve vẩy ngón tay trở vào tôi: “Này nhóc! Nếu cần phải làm điều đó trong kinh doanh tin tức thì con nên học cách làm đó”.

Tôi đã không có cơ hội để chuộc lỗi với tờ Sun dù họ giữ tôi lại trở thành nhân viên trong ba tháng tiếp theo và trả cao hơn lương thông thường. Tôi chính là đứa trẻ đã để tên giết người bằng rìu chạy thoát ngày đó. Cuối cùng một mảnh giấy hồng cùng tiền lương và tôi ra đường không có việc làm.

Sau đó, tôi được một nhà kinh doanh bắt đầu gây dựng tờ báo truyền hình hàng tuần thuê. Tờ tạp chí Truyền hình Sydney gồm các chương trình truyền hình cho trẻ con và những bài phỏng vấn dài về các ngôi sao. Một chiều tôi lái xe đến sân bay Kingford Smith tham dự họp báo do Mike Todd và Elizabeth Taylor tổ chức nhằm quảng bá bộ phim “80 ngày vòng quanh thế giới” đang được hâm mộ và đạt doanh thu khổng lồ. Họ nói rất ít về bộ phim, chủ yếu tranh cãi các vấn đề cá nhân.

Tôi chợt nhận ra Sydney dần trở nên nhàm chán. Đó không phải là hành trình mạo hiểm mà tôi từng khao khát khi rời New Zealand. Tôi nhớ đến những cuốn sách mạo hiểm đầy kích động do những phóng viên ngôi sao của Fleet Street viết, chúng kích thích tôi muốn thử tham gia. Nhưng ý nghĩ tôi còn thậm chí không thể dờn bắt tên giết người bằng rìu lại ủa tới. Myrtle Mackenzie, cô bạn gái đưa ra ý kiến. Cô ấy tới từ Anh và đã đi du lịch một số nơi, biết một công ty đường biển Hà Lan không chân chính vận chuyển hàng hoá và hành khách tới phương Đông. Chúng tôi có thể tham gia chuyến đi đó. Tôi vốn luôn là người dễ bị thuyết phục, nhất lại là với một người phụ nữ mạnh mẽ.

Tháng 3-1958, sau khi xin cha mẹ đủ tiền chi trả cho chuyến đi, tôi thề

rằng đó sẽ là lần cuối cùng tôi tấn công ngân quỹ gia đình. Myrtle và tôi lên thuyền tới Châu Á.

Sự nuôi dưỡng không trang bị cho tôi hành trang cảm nhận về phương Đông, nhất là với một đất nước như Thái Lan, nơi dừng chân đầu tiên của tôi trong hành trình tới Châu Á. Nếu như New Zealand là màu xanh xám co thắt chống cái lạnh, bốc hơi ẩm thấp của trái đất và mỡ cừu thì Thái Lan là màu vàng đỏ, là chiếc áo jean thấm đầy mồ hôi, men say của hoa quả chín nẫu và cây dâm bụt hoang dại. Nếu những bữa ăn ở nhà là thịt, rau luộc và bánh mì nướng thì giờ là canh khoai xả “Gang tom”, Cà ri cay “Geang phet”. Cơm nếp và xoài. Tôi lang thang trên những con đường Bangkok, mê đắm cuộc sống đường phố và mùi cay từ những sào huyết thuốc phiện hợp pháp, cùng những ngôi chùa trắng lệt giống như cảnh tượng bằng sứ trên dòng sông Chao Phraya.

Mỗi buổi sáng tôi đều mua tờ Thế giới Bangkok với giá 2 bath. Tờ báo chỉ có 12 trang, kiểu chữ dày đặc giống như bản in chưa hoàn chỉnh, mực in chưa hoàn chỉnh, mực in bám cả vào tay tôi. Tờ Thế giới Bangkok là một trong hai tờ nhật báo bằng tiếng Anh của thành phố phục vụ cộng đồng phương Tây và giới trí thức Thái. Do vậy tôi muốn thử vận may tại đây.

Ông chủ của tờ báo tên là Berrigan nhận tôi vào làm việc với 60 đô la 1 tuần bao gồm việc đặt tiêu đề cho những câu chuyện mua tin, dàn trang và viết bản tin địa phương.

Thời gian trôi đi và tôi bắt đầu viết về những cơ quan sau những cụm từ viết tắt như SEATO, ECAPE, UNESCO, và USOM. Tôi viết những câu chuyện từ người lái xe buýt công cộng còi cộc hàng ngày tới những câu chuyện về các đền thờ hẻo lánh và những thành phố thưa thớt. Tôi viết rất nhiều về các lễ hội ở Bangkok như lễ hội té nước, đua thuyền chuối, lễ hội cày lúa. Tôi tìm kiếm những câu chuyện về văn hoá nông trại, văn hoá ngư nghiệp và các loại văn hoá tôn giáo...

Khi phóng viên thường trú AP, David Lancashire, đề nghị tôi làm cộng tác viên vào đầu năm 1959, tôi chớp ngay lấy cơ hội đó, kiếm thêm khoảng 50 đô la một tháng viết những câu chuyện ngắn gọn về kinh tế và chính trị khi anh ta đi khỏi thành phố.

Tờ Thế giới Bangkok đang thành công và tôi cảm thấy có thể đẩy mình thoát khỏi cám dỗ đầy ma lực của Berrigan. Tôi đang ngẫm nghĩ tới lời đề nghị từ nơi khác lạ hơn, làm chủ bút một tờ báo tuần ở Lào. Chức vụ có vẻ lớn lao nhưng thực chất không hẳn vậy. Tôi sẽ phải đảm đương toàn bộ từ biên tập tới xuất bản.

Sau cuộc hành trình dài bằng tàu qua những vùng đất sét đỏ bụi rậm, qua con sông Mê Kông đầy bùn phù sa, tôi tới Viêng Chăn, thủ đô Vương quốc

Lào, cái tên dịch sang có nghĩa là “thành phố của Mặt trăng”.

Tôi được trả 90 đô la một tháng làm cộng tác viên AP ở Lào, nhưng ngoài ra tôi lặng lẽ thoả thuận làm thay phóng viên UPI vì anh ta đang ở thăm Bangkok, Tôi cũng có thoả thuận giúp đỡ phóng viên Bruce Russell của Hãng tin Reuters ở Sài Gòn, người đang tìm kiếm vô vọng vị trí thay thế cho một cộng tác viên đã nghỉ việc. Sự kiện “Hoàng tử đỏ”, biệt danh người Mỹ dành cho Suphanuvông trốn thoát đã cho tôi cơ hội làm tin thể hiện trách nhiệm với AP, UPI và Reuters. Ngày hôm sau, tôi được AP chúc mừng là người đầu tiên trước 8 phút so với tất cả các hãng khác viết về câu chuyện trốn thoát. Tiếp theo là từ UPI phàn nàn tôi chậm trễ có câu chuyện đầu tiên nhưng cung cấp thông tin đầy đủ hơn. Và Reuters cảm ơn tôi đã giúp đỡ họ.

Tờ Thế giới Viêng Chăn được xuất bản lần đầu tiên vào ngày 9-4-1960. Thế giới Viêng Chăn là cố gắng khiêm tốn nhưng là của tôi. Yêu cầu mỗi tuần lấp đủ 25 chuyên mục với tin tức địa phương ngốn hết sức lực của tôi. Và tôi không có kế hoạch để tờ Thế giới Viêng Chăn liên quan đến các vấn đề xã hội và chính trị lớn lúc đó bởi thực tình tôi không có khả năng cung cấp loại báo chí đó.

Ngày 8-8-1960, Đại úy Kong Le bất ngờ chỉ huy Tiểu đoàn lính dù quân đội Lào tiến hành cuộc đảo chính tại thủ đô. Tôi viết vội câu chuyện cho AP và chạy tới phòng gửi điện tín. Vô ích. Một xe tăng chặn ở cửa vào toà nhà và một đội lính đầy tôi đi với báng súng của họ.

Những người lính trung thành của Tiểu đoàn lính dù 2 giờ đã kiểm soát sân bay, tất cả các toà nhà Chính phủ trong thành phố và trạm xăng. Sư đoàn thiết giáp ở Doanh trại quân sự Chainaimo và hàng trăm tiểu đội hỗ trợ đã bị những kẻ nổi loạn đánh bại và họ đang hưởng thụ quyền lợi chiến thắng. Tôi không thể tưởng tượng điều gì là động lực cho Kong Le đứng ra để tìm hiểu. Đây là câu chuyện lớn nhất trong đời tôi từ trước đến nay và tôi phải tìm ra bất cứ nơi nào để gửi nó đi.

Hy vọng duy nhất cho tin sốt dẻo đó nằm ở bờ sông Mê Kông bên phía Thái Lan. Tôi đi tìm thuyền và thấy rằng lính nhảy dù tham gia vào hành trình trốn thoát xếp hàng dọc bờ sông và biển. Tôi chạy dọc đường bờ sông về phía Sala Khoktane, câu lạc bộ bơi và chèo thuyền do Kaye Ando làm chủ và được cộng đồng nước ngoài ở đây yêu thích. Chẳng có thuyền cũng như chẳng có người lính nào. Quản lý và nhân viên ngạc nhiên khi tôi tự nhảy xuống sông từ boong, nước ngập lên tới ngực và cổ, câu chuyện viết cho AP đã được đánh máy. Hộ chiếu và hoá đơn 20 đô la kẹp ở răng tôi.

Dòng chảy nhanh và ám đưa tôi tới quán bar đầy cát ở trung tâm dòng sông, tôi bò lên, vẫy và ra hiệu về phía bờ đối diện. Một chiếc thuyền ba ván có động cơ, kiểu dáng đẹp do một cảnh sát Thái điều khiển nhắc tôi lên. Khi

vào bờ, tôi nhận ra lính quân đội đang nằm trong rừng tre, súng của họ hướng về Viên Chăn. Chính quyền Thái Lan lo lắng về tiến trình chính trị ở bờ bên kia sông và lưỡng lự để tôi đi, tôi đồng ý đưa họ bản sao phân tin của mình và nhanh chóng lên đường.

Tôi đi nhờ xe đến phòng điện tín gần nhất ở Udorn Thani, trên một xe tải chở gỗ, ngồi nhét vào chỗ của người lái xe cạnh hai cô gái nông dân trẻ bẽn lẽn bám lên cả đùi trần và nụ cười tinh nghịch trên khuôn mặt của họ khi xe xóc và quẹo trên đường đi. Tại trại điện tín, tôi gửi bài, đưa cho nhân viên ở đó một trăm đô la để chuyển thông điệp và trong vài giờ, một số tờ báo buổi sáng của Hoa kỳ mua tin của AP đã có câu chuyện của tôi về vụ đảo chính, thậm chí có báo còn lịch sự để cả tên của tôi.

Tôi lặp lại hành trình vào hôm sau, mang theo không chỉ những bài viết của mình mà rất nhiều cuộn phim cho AP, 18 trang tư liệu từ Tillman Durdin cho tờ Thời báo New York và một câu chuyện của Jame Wilde cho tạp chí Times, hai phóng viên đã tới Lào sau vụ đảo chính. Họ nghĩ tôi thần kinh khi bơi qua sông nhưng điều đó lại có ý nghĩa với tôi. Tôi phải chuyển câu chuyện ra ngoài càng nhanh càng tốt.

Khi đại úy Kong Le sẵn sàng cho buổi phỏng vấn, anh ta tuyên bố mình bị buộc làm đảo chính vì anh ta và lính bị lợi dụng bởi một Chính phủ không có gì khác ngoài việc chỉ lo làm giàu cho bản thân ở Viên Chăn trong khi những người lính đang chết dần trong rừng. Dù động cơ của anh ta là gì đi nữa thì tay đại úy nhỏ bé sẽ bị những lực lượng lớn hơn từ cánh tả nuốt chửng. Một hôm anh ta gọi tôi vào văn phòng ở Dinh Quốc gia tuyên bố một cách hối tiếc rằng tờ Thế giới Viên Chăn sẽ bị đóng cửa vì CIA ngừng cung cấp tài chính. Tôi cũng không có ý phản đối. Đó không phải là lý do những người Viên Chăn mà tôi biết đã không còn như vậy nữa.

Năm 1961, AP đã thuê tôi trở thành phóng viên thường trú cho họ ở Jakarta, Indonesia. “Trong tổ hợp vô khối của tổ chức tin tức Mỹ, tôi là một trong những cái chựa nhỏ nhất của con gà trống” do vậy mà tiền lương cũng khiêm tốn, 87,5 đô la một tuần.

Tôi cố gắng đáp ứng mong đợi của AP ở Indonesia và cách duy nhất tôi biết là nỗ lực hơn bất cứ ai. Trong cuộc chạy đua hàng ngày tôi tìm kiếm các thông tin từ PIA, Antara – các hãng thông tấn của Chính phủ Indonesia và từ các báo địa phương.

Các bản tin đầu ra của chúng tôi tập trung vào Sukarno. Một vị Tổng thống trung niên, là nhân vật sáng chói trên chính trường quốc tế với áo quân đội, gậy sỹ quan và chiếc mũ pitjik màu đen ngộ nghĩnh trên đầu. Tổng thống Kennedy gọi Sukarno là “George Washington của Indonesia” và tặng ông một chiếc trục thăng cho mục đích sử dụng cá nhân.

Tôi viết về mọi hoạt động công khai của Sukarno, đặc biệt là sự xuất hiện tại các buổi gặp chính trị, luôn là nhan đề tốt cho các câu chuyện.

Chuyến thăm của Robert Kennedy tới Indonesia có sức thu hút lớn đối với trụ sở chính AP. Sự xuất hiện công khai đầu tiên của ông ta là Trường Đại học Indonesia nơi Robert Kennedy đối mặt với nhóm sinh viên hỗn loạn bằng sự hài hước, thẳng thừng và duyên dáng. Từ vị trí cạnh sân sân khấu, tôi quan sát thấy một thanh niên gầy xen vào tìm lối đi qua đám đông ném một vật vào mũi của Kennedy đang ngạc nhiên. Ông ta dừng ở giữa bài phát biểu. Nhân viên an ninh tiến vào đẩy gã thanh niên trẻ đi, dành thời gian cho người phát biểu đang run lên lấy lại bình tĩnh kết thúc bài phát biểu của mình. Bài viết của tôi bắt đầu “Robert Kennedy, anh trai của Tổng thống bị tấn công vào mặt bằng một quả trứng rán nguội khi ông ta bắt đầu chuyến đi dài hàng tuần ở Indonesia hôm nay với bài phát biểu tại phòng thính giả của Trường Đại học đông đức”. Thông điệp từ văn phòng New York vào sáng hôm sau công nhận mức độ rộng rãi bài tin của tôi.

Kết thúc chuyến thăm Indonesia của Kennedy, tôi viết: “Robert và Ethel Kennedy kết thúc chuyến đi Indonesia hôm nay với chuyến thăm nhanh chóng quần đảo Bali truyền thuyết nơi những cô gái nông thôn ngực trần vẫy tay các xe điều hành của họ từ những cánh đồng bên đường cao tốc”. Bài viết của tôi gây sốc với phóng viên ảnh Fred Waters vì thông điệp từ New York: “cần một số bức hình về các cô gái người Bali ngực trần lập tức” và anh ta không có.

Fred bực mình gửi thư tới New York rằng chẳng có cô gái ngực trần nào vẫy tay với Robert Kennedy và thách đố tôi tranh cãi chuyện đó. Bị bôi nhọ về lòng tin luôn dày vò tôi, sau này khi Fred đã rời khỏi thành phố, tôi bay tới Bali với chiếc máy ảnh Rolleiflex cũ kỹ, tôi đã chụp những phụ nữ Bali ở nhiều tư thế không mặc áo. Ở chợ Denpasar tôi bấm máy những phụ nữ bán heo con mà họ cho chúng bú sữa của mình để tăng cân, trên đường hướng ra những khách sạn mới trên biển tôi chụp nhiều nhóm lao động nữ trẻ, vén trang phục lên để tránh bắn khi họ bận rộn sử dụng búa đập đá làm đường và trên cánh đồng lúa những phụ nữ trẻ duyên dáng rõ ràng để ngực trần. Tôi đóng gói ba cuộn phim và gửi tới New York.

Sau đó một năm, AP tăng lương cho tôi 50 đô la một tháng. Trong tập san hàng tuần ngày 4-1-1962, tôi được “giới thiệu” với nhân viên còn lại khắp toàn cầu. Tôi vui mừng vì vừa được tăng lương, vừa được ghi nhận.

Ngày 6-2-1962, tôi viết một bài phân tích tới tất cả các báo thành viên của AP với đoạn văn mở đầu “Người chống cộng sản cay đắng trở thành người kế thừa tiếp theo của Tổng thống Sukarno và là nhân vật có quyền lực thứ hai ở nước Indonesia xã hội chủ nghĩa bởi vì xung đột West New Guinea.

Sukarno đã buộc phải nhường lại quyền lực to lớn của mình cho Bộ trưởng An ninh quốc gia, Tướng Abdul Haris Nasution, để đảm bảo sự hậu thuẫn đầy đủ như ngòi nổ với Bộ Ngoại giao của Subandrio, người cũng được xem là người đàn ông của tương lai. Subandrio tức giận gọi tôi trên điện thoại, cao giọng, “Mọi người liên kết vì Irian Barat (West New Guinea) làm sao cậu lại cho chiến dịch được sử dụng với mục đích thăng tiến cá nhân của vài người Indonesia?”. Sự tức giận của ông luôn có quyền lực luật pháp.

Tôi tiếp tục đổ thêm dầu vào lửa khi viết bài phân tích quan trọng từ tập hợp những thông tin chính xác” “Tổng thống Sukarno của Indonesia đã dành quá nhiều tiền bạc và thời gian trong chiến dịch quân sự tại West New Guinea trong khi nạn đói tàn quét qua quốc gia lại không được chú ý. Trong nhiều tháng, Sukarno nói với người dân của ông ta rằng chiến dịch quân sự chống lại Hà Lan là ưu tiên hàng đầu dù khó khăn trong nước ra sao”.

Hậu quả của bài báo đập lên tôi toi bời. Tôi bị trục xuất khỏi Indonesia và văn phòng AP tại Jakarta trong tương lai sẽ chỉ được viết những gì lãnh đạo nói công khai.

Những gì tôi không tính đến là sự giận dữ của một tổ chức tin tức bị khinh miệt. AP bao bọc tôi như một trong những con chiên bị bỏ rơi của chính nó. Chủ tịch AP, Frank Starzel tuyên bố: “Sự thực khi anh ta nói ra điều đó, những bài tin của anh ta là chính xác nhưng Chính phủ phản nộ với mức độ lan truyền thông tin”

Tôi nhận ra rằng nghề nghiệp với AP vẫn còn khi gặp Don Huth ở văn phòng và anh ta nói: “Pedro, cậu nghĩ cậu chịu khó phải không? Tôi vừa có một chỗ cho cậu đấy. Việt Nam!”

Phần II: 1962-1975

Chương 1: Sài Gòn

Tôi bắt đầu thực hiện nhiệm vụ tại Việt Nam ngày 26-6-1962. Tôi đến Sài Gòn từ Viêng Chăn trên chuyến bay của Hãng Hàng không Việt Nam ngày thứ 3, biển khởi sân bay trong chiếc xe buýt cũ kỹ sau trận mưa như trút trên các đại lộ. Tôi nhận phòng tại Khách sạn Caravelle nhìn ra Quảng trường Lam Sơn và Khách sạn Continental; toà nhà Quốc hội màu trắng duyên dáng ngay phía dưới cửa sổ phòng tôi.

Hoàn cảnh của tôi bây giờ khác nhiều so với lần đầu tiên tới thăm Sài Gòn cùng Myrtle trước đó bốn năm như một khách du lịch không xu dính túi. Lần này tôi với tư cách phóng viên của một hãng tin quốc tế và cũng có chút tiền chi tiêu. Tuy nhiên bốn năm cũng có giá phải trả, tôi đã trở thành kẻ nghiện thuốc lá và chung sống với chứng đau dạ dày kinh niên. Hút thuốc thường xuyên và những bữa ăn đầy gia vị tàn phá hàm răng mà tôi tìm kiếm vô vọng phương pháp chữa trị.

Mọi thứ tôi sở hữu chỉ trong hai chiếc va li méo mó gồm một bộ đồ màu xanh sẫm cũ kỹ vải Pôliexte, một áo khoác cotton màu be, hai chiếc quần thể thao, một số áo sơ mi cộc tay, cùng hai con dao găm Kris, tượng phật bằng đồng thiếc loại nhỏ tôi đào từ đồng đồ nát ở Ayuthya, trung tâm vương quốc Thái cổ phía bắc Bangkok, và một thanh kiếm nghi lễ bộ lạc có tua màu đỏ tôi mua ở Lào, treo trong phòng khách sạn. Tôi cũng không có ý định ở đây lâu. Tôi vẫn nhớ chuyến thăm đầu tiên của mình vẫn còn những đặc trưng về đất nước và con người nơi đây được viết ra dưới những nhan đề các bài báo từ thời gian đó như những âm mưu đảo chính chống lại chế độ gia đình trị và những cuộc chiến tranh du kích dữ dội mà các sự kiện hỗn loạn tôi đã chứng kiến trong khu vực lân cận Thái Lan, Lào và Indonesia nếu so sánh thì chẳng thấm vào đâu. Bạo lực nơi này làm tôi hoảng sợ. Hàng nghìn người chết và bị thương được thông báo hàng tháng vào năm 1962. Tôi chỉ mới nhìn thấy một người đàn ông bị giết, đó là một người tù ở Viêng Chăn bị còng cả tay và chân nhảy xuống từ phía sau xe quân đội, cố gắng trốn thoát qua khoảng sân nhà thờ, đi tập tễnh kiệt sức qua những bụi cây trong vườn. Tôi chứng kiến từ bên kia đường khi một người bảo vệ mặc thường phục thõng thả chĩa súng trường bấm cò, người đàn ông đó ngã xuống đất, máu vấy đầy những bụi hoa hồng. Những bạo lực như vậy xuất hiện thường xuyên ở Việt Nam. Tôi tự vấn bản thân liệu có đủ can đảm để bơi tiếp trong vùng nước hỗn loạn này hay có thể làm nên những đột phá huyền thoại như những phóng viên thường trú nước ngoài mà tôi đã đọc.

Một lý do nữa khiến tôi không muốn ở đây lâu. Đó là tin đồn phóng viên thường trú chủ chốt của AP, Malcolm Browne điều hành văn phòng ở Sài

Gòn như một sỹ quan được huấn luyện. Browne có sự hậu thuẫn của Trưởng ban nhân sự Wes Gallagher ở New York và anh ta luôn tận dụng điều đó. Những bài viết của anh ta luôn khác lạ về chi tiết. Dịch vụ bán tin luôn yêu cầu ngắn gọn còn riêng anh ta được cho phép khá dài.

Sáng sớm thứ 4 tôi đi gặp Browne, qua bốn khu phố tới văn phòng tại đại lộ Pasteur, đầu tiên đi dọc đường Tự do qua Khách sạn Continental nơi những thanh niên trẻ đầu húi cua mặc áo sơ mi mà tôi đoán là các cố vấn quân sự Mỹ đang uống cà phê trên tầng thượng. Sau này tôi được biết đó được gọi là “Continental Shelf”. Văn phòng ở số 158/D3 đại lộ Pasteur tầng 1 trong căn hộ ba tầng, cách Dinh Gia Long một khoảng ngắn, nơi Tổng thống Ngô Đình Diệm đang sống.

Khi tôi bước vào, Browne đang đánh máy với tiếng gõ hai ngón tay trên máy Remington cổ. Anh ta không thèm nhìn lên cho tới khi tôi giới thiệu mình với Bill Hà Văn Trần, người quản lý văn phòng, một người Việt Nam mũm mĩm tóc húi cua với phong cách đĩnh đạc. Khi nghe tên tôi Mal rời khỏi bàn, đứng lên tiến về phía tôi, vòng tay mở rộng. Anh ta hướng về phía tôi, kêu lên với nụ cười toe toét “Chào mừng một con cừu hèn nhất nữa”. Tôi nghĩ anh ta nhân cách hoá vì tôi đến từ New Zealand nơi cừu nhiều hơn người, nhưng Mal giải thích chính quyền địa phương luôn coi phóng viên là những kẻ mang bệnh dịch truyền nhiễm và tránh xa họ. Tôi có cảm xúc mãnh liệt khi tiếp xúc với Mal, ngọn lửa loé lên trong mắt anh ta, sự thẳng thắn đối lập với những quan điểm dễ dãi của những phóng viên Mỹ mà tôi đã gặp tới thời điểm đó.

Mal là người hiếm có của AP, một thành viên trong tổ chức ủng hộ những người phía Nam và Trung Bắc Hoa kỳ đôi khi thiếu thành tích trí tuệ. Anh ta quảng cho tôi cuốn sách bìa mềm 24 trang khi quay lại với máy đánh chữ. Đó là tài liệu anh ta viết và sao bằng máy rô-nêo cho các nhân viên tới thăm có tên là Hướng dẫn làm tin ở Việt Nam với những kiến thức thu lượm từ những năm anh ta ở văn phòng Sài Gòn. Tôi đã nghe về tài liệu này ở hệ thống thông tin mật của AP. Những lời bình luận thường là chê bai, đặc biệt những phóng viên kỳ cựu cho rằng họ chẳng cần học gì ở đó cả.

Tôi ngồi trên chiếc ghế mây bắt đầu đọc phần giới thiệu. Phần đó nói rằng “làm tin ở Việt Nam cần gây cản, tài xoay sở và đôi lúc tác nghiệp không phải là bám sát những gì được gọi là thông minh chuyên nghiệp. Bạn nhận được rất ít sự giúp đỡ từ các nguồn tin Chính phủ và khai thác nguồn tin này rất khó khăn. Tuy nhiên, người Việt Nam rất thân thiện và dễ chịu, các nguồn tin cá nhân cần được gây dựng. Do vấn đề chính trị nên bảo vệ nguồn tin là điều quan trọng sống còn, đặc biệt là với những người mang quốc tịch Việt Nam. Một số phóng viên ở Việt Nam đã tiết lộ nguồn tin một cách vô

lý, điều đó sẽ phá hoại nghề nghiệp của chính họ hoặc tệ hơn thế. Những nguồn tin từ quân đội Mỹ cũng nên được bảo vệ tương tự. Chúc may mắn, bạn sẽ cần điều đó”.

Phần nội dung gồm các mục từ vấn đề sức khỏe, tiền nong tới nhiệm vụ tác nghiệp rồi cách thức giải quyết với bạn bè và kẻ thù. “Đừng tin bất cứ thông tin nào nhận được khi chưa kiểm tra bằng cách tốt nhất có thể, kể cả những thông tin trong cuốn sách này. Bạn sẽ nhanh chóng nhận ra hầu hết “thực tế” ở Việt Nam ít nhất dựa vào một phần những thông tin sai lệch hoặc hiểu lầm”. Mal khuyên những người mới đến “tránh xa đám đông. Nam phóng viên và nữ phóng viên đến Việt Nam hàng trăm người và họ có xu hướng tụ tập ở các quán bar, trong các văn phòng, trong các chiến dịch, v.v...”. Anh ta cảnh báo những người tới thăm, “Văn phòng AP tại Sài Gòn là một văn phòng nhỏ, đông đúc và luôn trong tình trạng làm việc quá tải. Bạn luôn luôn được chào mừng nếu bạn muốn làm nên câu chuyện, nhưng nếu bạn đến chỉ để hít thở thì bạn đang liều mạng với chính mình”.

Cuốn sách của Mal được xây dựng trên khuôn mẫu viết cho nhân viên quân sự nhưng đưa ra những lời khuyên hữu ích về cách đưa tin cuộc chiến tranh và danh sách hàng tá những vật dụng cần thiết khi đi làm tin về chiến trường, tất cả gói gọn trong ba lô của lính bộ binh có thể mua ở chợ đen Sài Gòn cùng một số thứ nêu ra như: màn nguy trang chống muỗi, đồ nấu ăn cắm trại, dao xé, thức ăn đóng hộp đủ loại, đệm không khí bằng cao su và nệm trải, một số đồ lót và tất, giấy vệ sinh, đèn pin nhỏ, chăn nhẹ, dụng cụ cứu thương, thuốc làm sạch nước uống, thuốc, một cái bản đồ thích hợp, tiền, giấy tờ chứng minh, bao cao su, súng lục bỏ túi và các đồ cần thiết khác.

Nguyên nhân cần súng lục được giải thích “nếu bạn đi cùng chiến dịch của Chính phủ thì bạn sẽ là mục tiêu của kẻ thù, chính xác như khi bạn là lính tham chiến. Nếu bạn bị thương trong đoàn hộ tống hoặc ở vị trí đã bị chiếm đóng bạn có thể bị bắn chết. Trang bị vũ khí cá nhân là có ích nếu đi cùng một đơn vị nhỏ mà lại rơi vào cuộc tấn công lớn thì mọi người đều phải tham gia chiến đấu để tránh bị nuốt chửng. Mang theo súng lục về mặt hình thức không được chính quyền Việt Nam hay Mỹ chấp nhận nhưng các sỹ quan Mỹ đồng ý về mặt cá nhân. Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng nên cố gắng thoát khỏi Việt Cộng nếu bạn đơn phương. Họ luôn luôn có số lượng nhiều hơn và thường mang theo súng tiểu liên”.

Còn mang theo bao cao su được giải thích như sau” “khi băng qua suối, kênh đào hoặc hào, cổ thường chìm sâu dưới nước và bùn. Mọi thứ cần được bảo vệ để khỏi ướt. Máy ảnh phải được giơ cao trên đầu hoặc ném cho người bên kia bờ trước khi vượt sang. Những dụng cụ nhỏ bỏ túi như diêm, giấy tờ

chứng minh và phim có thể được giữ khô bằng dụng cụ ngừa thai GI. Những vật này đặt trong bao cao su và nút chặt đầu.

Trong mục có nhan đề “Một số lời khuyên về thông tin Chính phủ”, Mal vẽ ra chân dung khung cảnh địa phương tràn đầy tính hai mặt và xuyên tạc. “Không Chính phủ nào bóp méo hoặc che đậy thông tin phục vụ cho mục đích cuối cùng, nhưng ở Việt Nam thực tế này đang thách thức những người làm tin. Hầu hết các nguồn tin Chính phủ không chỉ từ chính quyền Sài Gòn và các cơ quan thông tấn mà những nguồn tin nước ngoài cũng không đáng tin cậy. Con số tử vong và các báo cáo liên quan tới quân đội đặc biệt bị bóp méo. Khi đưa tin liên quan đến quân đội, bạn nên đếm số người trước khi chấp nhận bảng kết quả đưa ra. Trong mọi trường hợp, kiểm tra chéo bằng tin tử vong của Mỹ và người Việt, thường có sự khác biệt rất lớn. Cần thận với các thông tin chiến thắng từ phía quân đội. Đây không phải là cuộc chiến tranh mà chiến thắng thực sự thường dành về một trong hai bên. Sài Gòn và Hà Nội thường quá khích và cường điệu về những thông tin này”.

“Cần thận sự giống nhau trong các bản báo cáo chính thức của người Mỹ về những điều này. Người Mỹ thường chẳng báo cáo gì ngoài những lời phàn nàn của người Việt Nam dù điều này đã giảm vì các cố vấn Mỹ đã báo cáo một cách hiệu quả hơn. Đặc biệt chú ý bất cứ thông tin nào có được từ một số viên chức cụ thể đều có thể được xếp vào loại nói dối 180 độ. Danh sách những viên chức này và mức độ tin tưởng của họ đều có ở văn phòng AP. Thật không may là một số người của họ giữ vị trí khá cao. Nhìn chung nên lưu ý bất kỳ thông tin nào được tiết lộ từ chính quyền Sài Gòn đều là công cụ tuyên truyền và sẽ không được đưa ra nếu không có hiệu quả tuyên truyền”.

“Về cơ bản hãy dựa vào các nguồn tin cá nhân và những nguồn tin đến từ phát ngoài khu vực Hà Nội. Thậm trí ở chiến trường, cần thận những ấn tượng từ những điều do các sĩ quan chỉ cho bạn. Nếu được mời đi xem một thôn bị thảm họa và được các sĩ quan đưa đi thì rõ ràng họ muốn chỉ cho bạn theo cách họ muốn. Bạn không có ai ngoài bản thân tự suy xét xem đó có phải là thôn bị thảm sát đặc biệt hay không. Cũng đừng quá hoài nghi vì như vậy bạn tự động chối bỏ những thông tin và đầu mối. Kiểm tra từng cái một, đôi khi sự thật sẽ làm bạn ngạc nhiên”

Browne gợi ý tôi tự mình ra ngoài làm tin, bản ghi chú anh ta đưa cho tôi vài hướng dẫn những cơ hội có sẵn “Nguồn tin ở các Đại sứ quán nhìn chung rất có ích. Các cuộc phỏng vấn tại văn phòng, hẹn ăn trưa hay tiệc cocktail có thể ghi âm. Một phóng viên thường trú tại Sài Gòn thường được mời ba đến năm tiệc cocktail hàng tuần, đôi khi nhiều hơn. Đi càng nhiều càng tốt dù các khuôn mặt hay chủ đề các cuộc nói chuyện không thay đổi nhiều,

nhưng những người bạn không thể phỏng vấn thì bằng cách khác vẫn khai thác được ở các tiệc chiêu đãi”.

“Đây là một số nhận xét chủ quan về giá trị thông tin từ rất nhiều Đại sứ quán ở Sài Gòn: Đại sứ quán Mỹ, rất đa dạng, vị trí càng cao thì thông tin càng mù mờ. Đại sứ quán Anh, nhìn chung rất ít tiết lộ nhưng thông tin hoàn toàn có ích và là nguồn tin tuyệt vời. Đại sứ quán Pháp, ngoại trừ là ngài Đại sứ chẳng bao giờ tiết lộ gì, thì thông tin nghèo nàn và luôn nghi ngờ giới báo chí. Đại sứ quán Đức, là nơi hợp tác tốt, những bữa chiêu đãi báo chí tuyệt vời nhưng chẳng có giá trị về thông tin. Đại sứ quán Nhật, nhìn chung thông tin đầy đủ nhưng lại lo lắng khi trao đổi thông tin với các phóng viên thường trú. Đại sứ quán Indonesia thông tin ít, nói rất nhiều nhưng không chính xác. Đại sứ quán Philipin, thông tin nghèo nàn và chủ yếu chỉ quan tâm tới thúc đẩy quan hệ với chính quyền Việt Nam. Đại sứ quán Ba Lan, tiệc tốt, ít thông tin”.

Tôi đọc xong và ngắm nghía cách bài trí văn phòng nhỏ của AP tại Sài Gòn. Những gì khiến tôi chú ý là đôi bàn tay người bị đốt cháy được tìm thấy trong một trận đánh do phóng viên ảnh bán thời gian của AP tên là Lê Minh Trang mang về. Một ống nước bằng tre nhuộm màu đỏ sẫm. Bill Hà Văn Trần giải thích đó là máu người. Mal vẫn đang gõ máy đánh chữ.

Phóng viên ảnh Horst Faas của AP đến cùng ngày với tôi, bay từ Bangkok trong chuyến thăm Việt Nam lần đầu tiên giải quyết những trở ngại trong tác nghiệp điện báo truyền ảnh. Faas là người Đức hơn tôi một tuổi và có tiếng làm tin gây cần ở Cônggô và Algeria. Tôi cũng từng làm việc với anh ta ở Lào. Anh ta rất cá nhân và cạnh tranh thô bạo. Khi tôi khen ngợi một trong những bức ảnh ở Châu Phi, anh ta đáp lại đơn giản bằng giọng nhấn mạnh “Những nhiếp ảnh gia lớn không phải tự nhiên sinh ra, họ chỉ thức dậy vào sáng sớm”.

Trong những năm đó, những hình ảnh đi vào lòng người là những bức ảnh đen trắng trên trang nhất của các tờ báo và tạp chí Life, Look và Ap đã cạnh tranh tin ảnh một cách nghiêm trọng như đã làm với tin viết. Năm 1962, nhiều quân tới miền Nam Việt Nam hơn và mọi người trên thế giới quan tâm nhiều hơn tới điều đó, AP muốn những bức ảnh báo chí ở Sài Gòn tương đương với các bản tin. AP gần đây đầu tư hệ thống bán tin ảnh cho phép chuyên ngay lập tức những bức ảnh đen trắng từ bất kỳ nơi nào bằng đường điện thoại quốc tế.

Horst trình bày những cải tiến kỹ thuật. Hầu hết phóng viên ảnh Mỹ chỉ mới được sử dụng từ máy ảnh khó sử dụng Speed Graphics trong chiến tranh Hàn Quốc tới loại máy ảnh Rolleiflex ngu ngốc nhỏ hơn. Horst đã dụng đến loại Leica 35 mm, những chiếc máy ảnh động cơ tốt và nhỏ anh ta đeo quanh

cổ như vòng hoa cuộn cổ của người Hawaii. Tại bữa sang đầu tiên của chúng tôi trong thành phố, Horst nói New York đang kêu ca những sản phẩm ảnh báo chí từ Sài Gòn trong những tháng gần đây thiếu sự đa dạng và anh ta được chỉ đạo cải cách điều đó. Cuối ngày hôm đó, Horst phát hiện phóng viên ảnh Lê Minh Trang sử dụng lại phim mà anh ta đã chụp ở những chiến dịch quân đội trước đó bằng việc cắt xén bản âm từ những cái đã được gửi đi. Horst phát hiện ra khi thấy cùng hình ảnh các cố vấn quân sự Mỹ xuất hiện trong nửa tá những chiến dịch quân sự khác nhau.

Horst tuyên bố anh ta sẽ thiết kế một phòng ở Sài Gòn để đảm bảo tính trong sạch của những sản phẩm ảnh. Không may cho tất cả chúng tôi là khoảng trống duy nhất để làm điều đó cũng là nơi có vòi nước và là nhà vệ sinh nhỏ bé của văn phòng. Horst đã biến nó thành phòng tối vĩnh viễn với lộn xộn đồ đạc – bình đựng dung môi và dung dịch, kẹp treo phim kim loại được treo lên dây phơi quần áo, máy sấy, và máy cắt xén bản in. Vậy là, khâu tráng phim rửa được ưu tiên hơn cả những nhu cầu cần thiết của con người. Bill Hà Văn Trần lảm nhảm Faas là kẻ bất nạt, nhưng quan điểm này không được một nhân viên Việt Nam khác ủng hộ. Phạm Văn Huân, cậu thanh niên nhỏ bé của văn phòng được Faas phân công ở phòng tối. Huân là người Việt Nam theo đạo Thiên chúa giáo có một đại gia đình với mức lương ít ỏi và rất vui được đảm nhiệm thêm công việc này để tăng thu nhập.

Sau khi nói chuyện với Conrad Fink, một phóng viên thường trú AP đang tới thăm từ văn phòng Tokyo, anh ta bước vào văn phòng đầy bùn, đầy những câu chuyện tào lao về trận đánh ở đồng bằng sông Mê Kông. Faas không còn đủ kiên nhẫn để tham gia chiến trường tác nghiệp. Horst đồng ý một số câu chuyện tào lao của Fink với một số chuyện của chính anh ta. Nhiều tháng trước đó, những người lính Katang ở Cônggô đã buộc anh ta phải ăn thẻ nhựa nhà báo Liên Hợp quốc. Anh ta nói mang thêm một chai nước sốt Tabasco ở ba lô trong trường hợp bị bắt làm điều đó một lần nữa.

Khi công hàm của Chính phủ đến vài ngày sau đó, Mal gợi ý chúng tôi đi thăm Tây Nguyên nơi CIA đang tuyển mộ đàn ông dân tộc tham gia lực lượng dân quân địa phương. Chúng tôi đi trên chiếc C-47 tới thủ phủ Buôn Ma Thuột, một cộng đồng nông thôn bụi bặm và xa xôi, nơi những con đường gập ghềnh và con người lười thoi, lãnh đạm. Chúng tôi ở lại một khách sạn bằng gỗ hai tầng nhỏ nhắn có phòng tắm cuối hành lang và trà nóng trong bình sứ tại các phòng. Horst rất thích sự đậm đặc đó. Anh ta nói điều đó nhắc anh ta nhớ tới Cônggô.

Chúng tôi hướng xuống con đường chính dẫn tới khu cố vấn quân sự Mỹ đặt tại nơi trú ngụ bằng gỗ tếch rộng lớn của vua Bảo Đại trước kia. Trước khi chúng tôi tới được đó, một phóng viên thường trú nổi tiếng người

Australia, Dennis Warner ngăn chúng tôi lại và nói các cô vẫn đang tổ chức Ngày 4-7 và những ai không phải người Mỹ thì không được mời. Chúng tôi đành bước vào một quán bar nhếch nhác chỉ phục vụ mỗi loại bia 333. Horst đã kể những câu chuyện về Công-gô và tôi tham gia bằng vài câu chuyện của mình ở Indonesia. Tối muộn hôm đó, Horst hơi say và bắt đầu kể những ngày đầu với AP với tư cách là phóng viên ảnh thể thao ở Đức nơi thường bị điều đi xa và lái xe với tốc độ nguy hiểm để thực hiện nhiệm vụ của mình. Tôi hỏi anh ta cảm giác sống ở Đức trong Chiến tranh Thế giới thứ hai ra sao và anh ta bắt đầu nói về thời gian phục vụ trong Phong trào giới trẻ Hitler. Horst nhận thấy phản ứng của tôi và giải thích “Này, lúc đó tôi mới chỉ chín tuổi thôi”.

Là phóng viên ảnh khu vực, Horst tự do đi lại những nơi anh ta muốn còn tôi thì bó buộc với các bản tin hàng ngày, và phải viết một hoặc hai câu chuyện mỗi ngày. Khi anh ta khám phá các thung lũng cỏ lau cao tới đầu vùng bờ biển miền Trung cùng các anh lính thủy đánh bộ người Việt thì tôi đang mải mê đọc những thông cáo của Chính phủ và phỏng vấn các nhà kinh tế ở Sài Gòn. Khi Horst trở về cháy nắng từ đồng bằng sông Mê Kông bùn dính tới vai và những câu chuyện tào lao về hành động gan dạ của các cố vấn Mỹ, tôi chỉ có thể đưa ra những câu chuyện về các vụ tấn công khủng bố nhỏ ở các khu chợ trong thành phố và một buổi tối trong một thôn thăm sát ở ngoại ô cùng những người lính Việt Nam trẻ tuổi, những người còn sợ bóng tối hơn tôi. Những công việc hàng ngày buộc tôi phải hiểu những lực lượng chủ chốt làm việc trong đất nước này, vào lúc đó không phải là cuộc chiến do Việt Cộng gây ra ở vùng nông thôn mà chính là Chính quyền Ngô Đình Diệm.

Tổng thống Ngô Đình Diệm là một người đàn ông nhỏ, mập mập, ít cười. Ông ta lên cầm quyền năm 1954, coi thường lời tiên đoán của một người xem bói rằng ông ta sẽ chỉ giữ được chiếc ghế của mình trong sáu tháng. Tôi tham dự lễ kỷ niệm Tổng thống của ông ta vào ngày 7-7, bước tới Dinh Gia Long, dọc các con đường Sài Gòn cờ đỏ sọc vàng bay phấp phới cùng những khẩu hiệu yêu nước. Những công dân khá giả cũng diễu hành qua các đại lộ, mua những vật rẻ tiền từ những người bán rong vỉa hè hay dừng tại các cửa hàng bán kem ở trung tâm thành phố. Một nhóm khách du lịch nước ngoài ở khách sạn Caravelle ngạc nhiên chứng kiến cảnh tượng hòa bình long trọng và linh đình của thành phố trong khi họ đã nghĩ sẽ thấy những cảnh hỗn loạn tan tác của chiến tranh. Lính Mỹ mặc thường phục nhưng không mang vũ khí.

Tôi được phép tham gia nhóm các nhà ngoại giao nước ngoài và các nhóm thể thao chuyên nghiệp khác được mời tới Dinh bày tỏ sự kính trọng với Tổng thống. Diệm trong bộ đồ màu đen gọn gàng ôm sát phần giữa, đang

lặng lẽ mỉm cười khi ông ta đón nhận lời chào mừng từ đám đông. Từ năm 1954 có nhiều lời đồn đại về một nhóm đảo chính chống lại ông ta. Chính vì vậy, ông ta luôn cố gắng kiểm soát tình hình, sống sót ít nhất ba lần trong bốn cuộc binh biến có vũ trang và rất nhiều âm mưu chống lại chính quyền ông ta cả trong và ngoài Việt Nam.

Phía sau hình thức nghi lễ chính là cú đấm thép của nhà độc tài nhằm thanh trừng những kẻ thù chính trị và tấn công bằng quân sự. Ở một số điểm thì Diệm sáu mươi tuổi được xem là một trong những người đàn ông có kỷ luật cao nhất và đó cũng là một trong những lý do Mỹ đã “chọn” ông ta để chống Cộng tại miền Nam. Nhưng ông ta mơ hồ và xa rời với những hoạt động thực tế của chính quyền và luôn sẵn sàng giao lại quyền điều hành cho anh em của mình, những người được bổ nhiệm vào những vị trí quyền lực. Em trai của ông ta, Ngô Đình Nhu là cố vấn thân cận cao nhất.

Diệm là kẻ độc thân. Bà vợ hấp dẫn, cá tính của cố vấn Nhu là đệ nhất phu nhân không chính thức của miền Nam Việt Nam. Bà ta là chủ đề của những cuộc bàn tán không ngớt. Người ta đồn rằng bà ta lộng quyền và giết dây người anh chồng mình. Người Sài Gòn gắn biệt danh cho bà là “con rồng cái”. Madame Nhu làm việc tích cực với vai trò cố vấn cho Quốc hội và người đi đầu phong trào “Phụ nữ Liên đới”, người phát ngôn đứng đầu cho quyền phụ nữ ở Việt Nam Cộng hòa và người chỉ trích Mỹ gay gắt. Một ngày trong gió, tôi quan sát thấy bà ta diễu hành cùng các thành viên trong tổ chức, cơn gió thổi tung vạt áo dài màu xanh thẫm bám sát thân hình đệ lộ chiếc quần satin thót ống nhưng chưa thấm thếp so với kiểu tóc quần bóng nhoáng của bà ta.

Madame Nhu cấm khiêu vũ trong các câu lạc bộ đêm thành phố bằng cách buộc Quốc hội thông qua Sắc lệnh đơn giản “Nếu người Mỹ muốn khiêu vũ thì họ có thể đến Hồng Kông”, bà ta tuyên bố, thậm chí dọa bắt bất cứ ai cả gan nhảy nhót ở chính nhà họ. Chuyện bé xé ra to làm cho một số tin bài của AP sống động nhưng dù sao tôi cũng không phải là người thích thú chuyện nhảy nhót. Nửa đêm, giờ giới nghiêm, một số câu lạc bộ vẫn khóa trái cửa và để mọi người vào bên trong nhảy nhót tới sáng.

Một tối, Horst và tôi tới Bar Papillon ở Catinat cuốn vào cùng đám chè chén trong phòng với chín cô gái bar và một anh chàng phục vụ sẵn sàng thực hiện công việc của mình. Horst đang cao hứng uống rất nhiều rượu Scotch và nhảy nhót. Còn tôi vẫn bia 333, một thứ thuốc độc nhiều người tin được pha chế với hóa chất formaldehyde, có phản ứng giảm ham muốn tình dục.

Sau đó chúng tôi nhớ rằng đã được sắp xếp bay với một người bạn phi công tới Sóc Trăng ở đồng bằng sông Mê Kông trong ngày. Sáng sớm tinh

mơ chúng tôi lếch thếch tới sân bay. Tại Sóc Trăng chúng tôi được biết 28 máy bay ném bom bị rơi xuống sông Mê Kông cách đó vài dặm và chúng tôi lên một chiếc trực thăng tìm kiếm máy bay mất tích. Tôi động viên Horst tham gia vào cuộc tìm kiếm lội qua rừng ngập mặn bên dưới trong khi tôi trở lại căn cứ không quân truyền tin qua điện thoại và nhanh chóng chui vào lều tre ngủ suốt thời gian còn lại trong ngày. Horst thấy tôi nghỉ ngơi thư thái và ăn tối trong khu của sĩ quan còn anh ta lấm đầy bùn rất tức giận vì sự lười cá của tôi.

Chương 2: Trận Đánh Đầu Tiên

Tôi thức dậy sáng sớm ngày 29-8-1962, để viết tin về diễn biến trận đánh đầu tiên của mình. Chiếc sơ mi đầm mồ hôi khi tôi bò ra khỏi chiếc màn chống muỗi mắc trên chiếc võng quân sự. Tôi vốc nước lên mặt từ chiếc bình chứa treo trên cột lều và xếp hàng ăn sáng theo chế độ quân sự. Tôi ăn cùng “Rathrun’s Ridge Runner”, đội trực thăng 163 của Quân đoàn Lính thủy đánh bộ Mỹ được cử tới Sóc Trăng, một thị xã nhỏ ở Đồng bằng sông Cửu Long. Đại tá Robert L. Rathbun, cựu phi công trong Chiến tranh Thế giới thứ hai và Hàn Quốc đã cho tôi một lều ngủ qua đêm.

Đọc đường băng là những chiếc trực thăng H34 xếp thành hàng ngang, cái tên “Marine” được sơn màu trắng ở phần đuôi. Các đội ngồi cạnh chiếc máy bay trong bộ đồng phục rằn ri và mũ kaki mềm tiện lợi. Tôi quan sát những hàng lính Việt Nam nhón nháo của Sư đoàn Bộ binh 21 tập trung bên cạnh máy bay. Hầu hết đội mũ kim loại và đồng phục kaki cotton nhẹ. Họ được trang bị súng tiểu liên, Garand M1s, ống bom mỡ và đủ các loại vũ khí cũ hơn mà tôi cũng phân biệt được. Họ nói chuyện liên mồm với nhau trong bộ dạng không lo lắng mặc dù biết rằng sắp bị ném vào trận đánh.

Những người lính cười toe toét khi thấy tôi đến, làm tôi cảm thấy mình lạc lõng. Tôi đội chiếc mũ của người Australia, vành khâu dính lược một bên, chiếc quần màu nâu xám tôi đã mua ở Sài Gòn, áo sơ mi cộc tay bằng vải kaki và đôi giày chiến trường bằng da mới. Ba lô của tôi gồm những vật dụng mà Browne ghi chú trong cuốn sách giới thiệu ngoại trừ súng lục, vì tôi nghi ngờ mình có thể sử dụng được dù trường hợp tồi tệ nhất xảy ra.

Để giết thời gian, tôi đọc mục “Những lời khuyên trong chiến tranh du kích” trong sách giới thiệu của Brown. “Khi ở trong trận chiến, bạn nên hành động như một người lính, làm mọi điều để sống sót và không bị thương. Cố gắng trong tình trạng sức khỏe tốt để hành quân hoặc chạy ở khoảng cách an toàn. Về mặt nào đó bạn sẽ an toàn nếu làm được điều này. Bạn nên biết bơi vì các kênh rạch và mương rạch đều ngập quá đầu. Nếu nghe thấy tiếng súng không phải từ phía mình thì đừng đứng dậy mà hãy nhìn xung quanh xem nó đến từ hướng nào, tiếng súng thứ hai có thể hướng tới bạn. Nằm sấp xuống đất và chỉ di chuyển bằng phần bụng. Tìm nơi che chắn và di chuyển về phía đó. Khi đi cùng đoàn không nên đi gần người đi đầu đội hình hàng dọc hoặc người đi đầu đội hình. Lính chuyên nghiệp được trả lương để làm điều này. Không nên đứng hoặc đi cạnh người mang radio hoặc nhân viên cứu thương vì họ là mục tiêu hàng đầu của kẻ thù. Hãy bám sát người chỉ huy vì họ luôn ở vị trí an toàn nhất. Bạn sẽ học được nhiều điều ở người chỉ huy hơn bất kỳ ai”.

“Mục đích chính làm tin về trận chiến là lấy được thông tin và hình ảnh về

chứ không phải đóng vai trò một người lính. Khi đi qua lãnh địa của kẻ thù hãy chú ý bước chân. Chông gai, mìn, hố nguy trang và bẫy mìn ở khắp nơi. Hãy bước chính xác theo người lính đi trước bạn vì nếu anh ta không bị nổ tung thì bạn cũng không. Nếu bạn mắc kẹt ở hàng rào súng cối hoặc trong trận tấn công không quân về phía bạn thì nơi tốt nhất là ở dưới hào. Những cái hố không tốt hơn điều gì cả. Hầu hết lều của người Việt Nam đều có hầm bên trong là nơi trú ngụ rất tốt. Nếu bạn đi bằng chiếc xe bọc sắt M113 thì đừng ngó đầu ra khỏi cửa khi xe trong vùng bắn phá. Chỉ có người bắn súng làm vậy vì đó là nhiệm vụ của anh ta.

“Đừng nhặt cờ Việt Cộng hay các đồ vật khác ở các đồng cỏ, cành cây hay các cột. Chúng thường là bẫy lựu đạn. Đừng bao giờ là người đầu tiên bước vào lều. Hãy cẩn thận với trâu nước. Khi chúng bị kích động sẽ cuồng loạn và có thể gây sát thương. Lực lượng lính Việt Nam Cộng hòa bị tổn thất nhiều vì trâu nước. Đừng bị đánh lạc hướng bởi những đứa trẻ đùa chơi trên lưng trâu. Trẻ em và trâu là bạn với nhau”.

Tôi rất vui thú với những hướng dẫn của Brown. Chẳng điều gì đề cập đến lòng dũng cảm, điều quan trọng là sống sót và mang tin tức trở về. Tôi quan sát cánh quạt bắt đầu quay và lính thiết giáp người Việt bắt đầu nhảy lên. Tôi lướt tôi, tôi đi cùng với một sỹ quan tuyên úy. Ông ta đội mũ sắt sơn hình thánh giá màu trắng phía trước, bộ đồng phục kaki có hình thánh giá khâu ở cổ áo và ông ta mang theo súng ngắn 12 li. Ông ta nói “Đừng nghĩ rằng tôi sẽ sử dụng nó nếu không bắt buộc phải làm vậy”. Theo quy định, trang bị vũ khí cá nhân thường là bất hợp pháp đối với các cố vấn Mỹ tại Việt Nam, tôi nghĩ cần đặt câu hỏi về những người đàn ông của chúa vào bất cứ thời điểm nào. “Đôi khi Việt Cộng không bắn chúng ta vì họ biết chúng ta chỉ buộc phải bắn trả lại. Tôi chỉ đang giúp chúa canh chừng chúng ta!”.

Cánh quạt thổi tung lớp bụi ở đường băng đầy cát ngạt thở, tôi đóng cửa vào khoang của những người lính Việt nam đang cầm vũ khí. Tôi sẽ không đi theo họ ở mặt đất mà sẽ tiến theo bộ chỉ huy sâu hơn vào vùng đầm lầy ở cà Mau. Vị sỹ quan tuyên úy tự thu xếp một chỗ cạnh cửa sổ, đây cò bang súng và ngắm súng một cách chuyên nghiệp. Tôi lắng nghe cuộc sống bay qua khi trực thăng uốn lượn và nghiêng mình gia nhập đội hình nói rộng cùng hàng tá chiếc khác khi cách mặt đất khoảng một nghìn thước. Tiếng rú chói tai và liên hồi của chiếc Sikorsky-34 làm cho mọi suy nghĩ tắt ngấm. Mal đã quên đề cập tới tai nghe trong danh sách những vật cần có của anh ta. Tôi nhìn qua cửa mở nơi ba người lính Việt Nam ngồi đung đưa chân như ngồi bên bờ suối. Tôi cảm nhận thấy những ruộng lúa bên dưới lần lượt nhường chỗ cho những khoảng đất ngập cây đước đánh dấu vùng bán đầm lầy.

Chúng tôi đáp xuống một khoảng đất khô nhỏ trong vùng hạ cánh chiến

trường, làm nhào lộn cả ruột gan và đẩy máu dữ dội làm tim tôi nhói đau. Ba chiếc trực thăng trên mặt đất đang thả lính, những chiếc khác đang lượn vòng quanh chờ tới lượt. Máy bay của chúng tôi bay cách đó vài thước trên mặt đất. Lính đổ ra vào các bụi cỏ bạt gió, một số nhảy xuống đứng vững bằng chân, một số cắm mặt hoặc mông xuống đất. Sau đó chúng tôi lại cất cánh bay trên những rừng đước và cây hoang cần cỗi. Chúng tôi bay qua bãi đất trống khác có kênh hẹp bao quanh. Tôi ngộp thở. Cách hai trăm thước phía dưới là nhóm người mặc áo đen đi chân trần đang vận chuyển vũ khí, trốn chạy vào các bụi cây hoặc nhảy xuống nước ở kênh. Chúng tôi làm náo loạn một trung đội Việt Cộng. Tôi liếc nhìn tay sỹ quan tuyên úy, ông ta vẫn đang ngắm mục tiêu qua bang súng lục, nhưng không bắn và chúng tôi nhanh chóng thoát ra khỏi khu vực đó tới gần điểm đến của tôi, Cà Mau. Đó là trung tâm quân sự tỉnh An Xuyên, một ngôi làng nhỏ có tường bao cát, hàng rào thép gai và vọng gác bao quanh.

Bên trong dinh chỉ huy, tôi được Đại tá Phạm Văn Đông, Tổng Tham mưu Quân đoàn III của Quân đội Cộng hòa chào đón. Đó là tay đại tá nhã nhặn, là sợi dây liên lạc duy nhất của chúng tôi ở Sài Gòn với chỉ huy quân sự tối cao phía Việt Nam Cộng hòa, tổ chức thường tiếp giới báo chí một cách miễn cưỡng. Ông ta đón tiếp chúng tôi bằng những ly trà xanh, hai hoặc ba lần một tuần cung cấp những thông tin hạn chế hoặc một ít con số thống kê. Chiến dịch hiện tại đã được hai tuần và là chiến dịch lớn nhất từ trước đây trong vùng chỉ huy của ông ta và ông ta lấy tư cách cá nhân mời chúng tôi tới. Browne đã ở đó vài ngày trước đây. Chiến dịch này có tên “Đại bình định”. Theo Đại tá Đông, khoảng bốn nghìn lính thiết giáp Việt Nam tham gia vào chiến dịch này.

Dù gì thì đây là cơ hội hiếm có được chứng kiến một trận đánh thực sự và rất nhiều phóng viên khác cũng đi theo hành trình vất vả này. Một trong số họ là Michel Renard, tay báo ảnh tự do to cao người Bỉ có thái độ hung hăng và cũng lang thang trong văn phòng của AP. Hắn đang mặc bộ quân phục rằn ri vấy bùn, có vỏ để dao rất to treo ở thắt lưng và tay cầm một đồng hồ phim mà hắn mang về Sài Gòn chiều hôm đó. Renard đi cùng lính Việt Nam vì hắn nói tiếng Pháp và thường đưa cọt ra lệnh họ như một sỹ quan quân sự thực dân.

Renard là nguồn gốc của những khôn ngoan bất ngờ về chiến tranh và thường giải khuây cho chúng tôi bằng những câu chuyện mạo hiểm gần đây như cuộc viễn chinh vài ngày trước đó cùng với một đại đội biệt kích người Việt. Mục tiêu là ngôi làng tranh ngập nước vùng đầm lầy được cho là nơi trú ẩn của Việt Cộng. Khi lính biệt kích lội qua đầm lầy họ gọi trực thăng hỗ trợ bắn phá ngôi làng. Renard nói rằng anh ta nhìn thấy một bé gái khóc hoảng loạn trong đồng cỏ nát, trong khi hai tay đang bịt lỗ tai. Cô bé chạy về

phía đê cuối làng, gào gọi “Cha! Cha”. Một người đàn ông bước ra khỏi bụi cỏ cao, một tay cầm súng trường chĩa về những người lính, tay còn lại níu lấy bé gái. Nhưng một loạt súng đã hạ gục ông ta. “Tôi đã ghi lại tất cả trong cuộn phim này, Ap chắc phải trả khá cho vụ này”, Renard kêu lên.

Peter Kalischer của CBS cũng ở Cà Mau, không ngừng giục già Đại tá Đông cung cấp phương tiện cho chúng tôi ra mặt trận. Người quay phim của ông ta đang sử dụng chiếc máy quay to và nặng hiệu Oricon cùng thiết bị phụ để dễ mang ra chiến trường hơn.

Cuối cùng Đại tá Đông cũng bố trí đưa chúng tôi đi cùng Đại đội trực thăng vận 57 của quân đội Mỹ vận chuyển lính vào trận đánh. Chiếc trực thăng H36s đáp xuống đường băng bụi nhỏ. Những chiếc trực thăng to nhất trong bản kê quân sự đang vút khỏi mặt đất trong tiếng gầm gào của cánh quạt.

Tôi bò lên sau hàng tá lính thiết giáp Việt Nam, chen qua lối cửa hẹp và cố gắng giúp tay camera với một đồng đồ nặng lên boong. Chiếc trực thăng nhảy lên giống như con trâu đực khi nó vào vị trí cất cánh, trông tránh về phía trước để lấy đà vút lên đường chân trời. Trong khoảng vài phút chúng tôi bắt đầu hạ xuống. Lần này tôi đi ra ngoài cùng lính chiến để tận mắt chứng kiến cuộc chiến.

Lính thiết giáp người Việt nhảy xuống trước, băng qua vài thước chạy tới đám cỏ phía dưới, họ dốc sức đối mặt gió tạt từ cánh quạt khi di chuyển về phía rừng thưa. Sau đó tới nhóm phóng viên của CBS và đến lượt tôi. Tôi cảm thấy bùn rỉ chân mình khi chạm mặt đất. Kalischer hét lên “đường này” khi anh ta chạy lên phía trước bám theo lưng người lính, nhưng tay quay phim cùng đồng thiết bị nặng đã bước phải hố nước và bị nhấn chìm tới tận nách. Hai người lính phải tới cứu anh ta. Tôi thấy vui vì sự tác nghiệp nghề báo viết của mình khi được đi cùng nhóm chỉ huy và bỏ xa những đồng nghiệp truyền hình công kênh ở phía sau.

Không có lối thoát ở vùng đầm lầy sâu trũng. Bùn ngập tới đầu gối ở khu rừng thưa, giò đã lép đến bụng khi chúng tôi bơi qua rừng đước trên đường tới mục tiêu đầu tiên, một ngôi làng nằm ở phía trước một dậm. Khi chúng tôi luồn vào khu rừng tre nhỏ rậm rạp, mọi thứ còn tồi tệ hơn và mỗi đơn vị được phép nghỉ một trăm thước một lần. Lính thở bì bõm trong nước trong vài phút còn tôi thì quá đuối sức.

Cuối buổi chiều chúng tôi đã tới ven làng, cuối cùng cũng được đi bộ qua những khu vườn đang trong mùa vụ, sau đó là những hào sâu có cắm cọc tre vót nhọn. Không có sự phản kích nào cả khi đội quân tiến vào, nhưng thật ngạc nhiên vì có nhiều biểu ngữ bằng vải màu trắng với khẩu hiệu sơn màu đỏ bằng tiếng Việt bắc qua những ngôi nhà mái lá, kêu gọi tấn công chính

quyền và kháng chiến chống Mỹ. Bên trong là những tờ rơi tuyên truyền của cộng sản và bức hình nhà lãnh đạo Hồ Chí Minh treo trên tường khung kết bằng hoa. Chúng tôi chỉ phát hiện có một người dân ở đây là một ông già đàn trôn trong hồ và được phép thả tự do. Cộng đồng ở đây là bức tranh minh chứng cho việc mở rộng tấn công của Việt Cộng.

Được chỉ đạo tiến hành tàn phá toàn bộ những thôn đã được kiên cố, những người lính thực hiện nhiệm vụ một cách nhiệt tình, tay cầm dao đi lùng soát một cách thành thạo. Chúng tôi bỏ lại những đồng lúa phía sau lưng trong buổi hoàng hôn, tìm nơi cắm trại cho buổi tối. Đơn vị chỉ huy quyết định dựng trại trên một bãi đất khô gần con sông nhỏ, và vừa lúc ổn định vào chập tối thì tôi đã hứng chịu trận bắn phá đầu tiên trong đời mình. Một tay bắn tỉa mở màn vào đội chỉ huy, đạn bay rào rào vào những bụi cây quanh chúng tôi. Mìn đáp trả chói tai của toàn bộ đơn vị phản công trở lại. Khi bị một tay Việt Cộng bắn tỉa bám sát, người chỉ huy ra hiệu cho một trực thăng chiến đấu dạy cho anh ta một bài học: hai chiếc T-28 ném bom oanh tạc và thả bom nê pan dọc bờ sông gần đó suốt một tiếng đồng hồ, khuôn mặt chúng tôi héo úa, để lại khoảng không đen ngòm đầy khói. Tôi nghĩ chẳng thứ gì có thể sống sót. Vào 4h30 sáng, sau một đêm ẩm ướt và không được nghỉ ngơi gói gọn trong một tấm ni lông, tôi bị một tay bắn tỉa đánh thức khi tiếp tục bắn phá nơi cắm trại của chúng tôi. Những người lính của Việt Nam Cộng hòa cũng quá mệt mỏi để đáp trả.

Chúng tôi lại tiếp tục lên đường vào bình minh. Không có dấu hiệu các cuộc tấn công du kích nhưng có vô số kiến lửa cách nhau vài centimet trên cây và bụi trên chặng đường chúng tôi hành quân. Kiến rơi, bò vào quần áo, rúc sâu trong người, cắn cổ, ngực. Đội hình hàng dọc thường xuyên dừng lại khi những người lính nhờ nhau loại bỏ những con vật đáng ghét đó. Cuối buổi chiều tôi đã đủ thấm mệt. Một chiếc trực thăng hải quân viện trợ đến mang theo pin cho thiết bị bộ đàm và tôi xin đi nhờ trở ra vì đã kiệt sức, người lấm đầy bùn và đói.

Tôi học được rất nhiều thử thách trực tiếp đầu tiên với chiến tranh Việt Nam. Tôi thấy cuốn sách hướng dẫn của Mal thật vô giá. Tôi cũng nhận thấy dù bộ quần áo tôi mặc khác lạ hay tôi không có chút kinh nghiệm nào, thì những người lính Việt Nam trong chiến trường và những cố vấn Mỹ đều rất thân thiện và luôn sẵn sàng hỗ trợ. Tôi nhận ra những tóm tắt sơ sài tại các tổng hành dinh không thấm thía gì so với những thực tế trong chiến trường. Tôi không bị kích động bởi những hành động giới hạn đã nhìn thấy. Tôi chỉ cảm thấy xa vời những điều đó khi quan sát. Không giống như những người lính, tôi có thể rời bỏ bất kỳ lúc nào muốn. Đó là bài học đầu tiên khi lâm trận.

Chương 3: Ấp Bắc

Vào thời điểm tôi đến Việt Nam năm 1962, nước Mỹ tiêu tốn hơn một triệu đô la một ngày với hy vọng giành chiến thắng bằng cách bắn phá trên chiến trường. Không khí lạc quan với khẩu hiệu không chính thức “chiến thắng vào năm 1964”. Những nhà chiến lược quân sự mà tôi nói chuyện ở Sài Gòn đều thuyết phục rằng cách thức bắn phá tiêu tốn, thử nghiệm của họ sẽ đảo ngược được phong trào “chiến tranh nhân dân” đang lên cao.

Mức độ can thiệp của Mỹ cũng được thể hiện ở những ngôi sao trên vai hàng tá những vị tướng kinh nghiệm được giao nhiệm vụ chỉ huy những nhiệm vụ phức tạp ở Sài Gòn vào cuối năm đó. Thiếu tướng Joseph W. Stilwell chỉ huy đội quân cứu trợ Quân đội Mỹ với một thế hệ mới những máy bay chiến đấu. Stilwell là con trai của tướng “Vinegar Joe”, Stilwell lừng lẫy trong Chiến tranh Thế giới thứ hai và ông ta thích đưa tôi đi cùng khi trực tiếp lái và nhắm bắn khu du kích Việt Cộng với khẩu súng máy 50 li từ trên trực thăng lên thẳng của mình.

Những tướng Mỹ khác thường điều hành một đơn vị, cố vấn cho Lực lượng Không quân Cộng hòa và lập kế hoạch điều hành chỉ huy. Vào thời điểm đó ở Việt Nam cứ một nghìn cố vấn Mỹ thì có một tướng. Tướng phụ trách Chỉ huy Trợ giúp Quân đội Mỹ được gọi bằng ngôn ngữ quân sự là COMUSMACV, là một tướng bốn sao, Paul D. Harkins, tốt nghiệp West Point với cặp mắt xanh. Ông ta phục vụ cùng tướng George S. Patton, Jr trong suốt Chiến tranh Thế giới thứ hai và từng là Tổng tham mưu của Quân đội 8 suốt Chiến tranh Triều Tiên. Harkins chỉ một phần trông giống sỹ quan chỉ huy vì luôn mặc thường phục, thường phì phèo xì gà to.

Sự đồng lòng của chỉ huy tối cao Mỹ là những nỗ lực họ đang cố gắng ở Việt Nam nhưng chiến thắng thường xa hơn những điều thấy trước được. Nhìn chung các phóng viên ủng hộ quan điểm đó và tôi chẳng thấy ai nghi ngờ xem cuộc chiến có đáng để chiến đấu vậy không. Mal Browne tin tưởng chiến thắng sẽ tới và các bài phân tích AP của anh ta đều phản ánh quan điểm đó nhưng anh ta không có chút ảo tưởng về cách thức sẽ dễ dàng và đoán rằng đó sẽ là chiến dịch lâu dài và ác liệt cần thêm những điều chỉnh trong tiến trình chiến tranh. Mặc dù giới truyền thông và bộ máy quan liêu năm 1962 đều thống nhất cần cách thức khôn ngoan triển khai cuộc chiến nhưng chúng tôi chiến đấu như những con mèo bị nhốt trong bao khi tác nghiệp. Vấn đề trọng yếu là chính quyền Kennedy sẽ tham gia chiến tranh ở miền Nam Việt Nam mà không cần công bố điều đó, họ cố gắng không nói với ai và che đậy việc xây dựng lực lượng, tăng cường máy móc trang thiết bị và che đậy việc xây dựng lực lượng, tăng cường máy móc trang thiết bị và gánh vác những gì họ đang phải chịu đựng để đạt được mục đích.

Tôi chỉ ngạc nhiên là các hoạt động chiến thuật nhảy cảm này lại là những chi tiết mà giới báo chí Sài Gòn cho rằng chẳng việc gì phải che đậy. Thực tế, Mal khẳng khái rằng nhiệm vụ của chúng tôi là phải tiết lộ chúng và những con tem bí mật không có tác dụng vì nếu chúng tôi theo dõi những chuyên tàu quân sự tới hay việc dàn quân thì kẻ thù cũng có thể làm vậy. Ủng hộ chính sách tối mật của Mỹ là chính sách hà khắc chính trị của người Việt Nam dẫn đến việc không tin tưởng bất cứ ai sẵn sàng dọa nạt giới báo chí nước ngoài. Bất kỳ bản báo cáo nào chúng tôi đưa ra câu hỏi về tiến trình của chiến tranh đều bị chính quyền Diệm kiểm duyệt. Ngoài ra, chính quyền còn muốn dập tắt những bài viết của chúng tôi về những xung đột văn hóa giữa những tay lính Mỹ cứng đầu với người dân địa phương bảo thủ. Họ mong đợi chúng tôi đưa ra bức tranh ngọt ngào và sáng sủa về các vùng chiến sự đang bùng nổ khi có mặt của quân đội Mỹ cùng với những xung đột hỗn hợp về mặt xã hội đang ngày càng gia tăng.

Tôi viết theo chỉ dẫn của Mal Browne, một người không bị đê bẹp. Còn hơn cả người điều hành nhân viên, Mal chỉ huy cả cuộc sống nghề nghiệp của chúng tôi. Ngay tuần đầu tiên tới Việt Nam năm 1961, Mal đã gây ra sự phẫn nộ cho giới chức ở đây. Từ đầu anh ta nhận thấy sự can thiệp của người Mỹ lớn hơn những gì mong đợi. Với một chút xào xáo, anh ta phát hiện ra phi công Mỹ tham gia cuộc chiến chống lại Việt Cộng trong những lần bay thả bom cấp cho lính Việt là những máy bay huấn luyện. Mal từ chối giữ bí mật theo như yêu cầu của Đại sứ quán Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Anh ta chuyển sự ngốc nghếch của mình sang tôi.

AP không phải là hãng tin duy nhất nghiên cứu cẩn thận cuộc chiến tranh đang tiến triển. Trong suốt nhiệm vụ 6 tháng, Homer Bigart người giành giải thưởng báo chí Pulitzer, khuấy lên làn sóng nghi ngờ những nỗ lực của người Mỹ bằng những bài báo và bài phân tích cay đắng, sâu sắc cho tờ Thời báo New York. Ba mươi năm làm phóng viên nước ngoài biến anh ta thành ký giả chiến trường hàng đầu vào thời đại của mình. Ngay khi tôi mới tới Sài Gòn thì cũng là lúc Bigart kết thúc nhiệm vụ. Tại bữa tiệc chia tay anh ta, tôi gặp Francois Sully lần đầu tiên, một người Pháp dễ chịu, yêu đời và hiểu biết về những gì đang diễn ra ở đây hơn bất kỳ phóng viên thường trú nào, Sully là phóng viên thường trú cho tờ Newsweek, và trong một phần của sự thật nào đó, anh ta muốn nói anh ta nghĩ những can thiệp ngày càng tăng của người Mỹ là sự khởi đầu thu nhỏ những thất bại của người Pháp trước đó 10 năm.

Chính quyền không hiểu sao chúng tôi không ủng hộ những cố gắng chiến tranh như những phóng viên đã làm trong Chiến tranh Thế giới thứ hai và trong Chiến tranh Triều Tiên. Lúc đầu họ mất kiên nhẫn với Sully và từ chối cấp lại visa cho anh ta. Toàn bộ giới báo chí Sài Gòn gửi điện phản đối tới

Tổng thống Kennedy nhưng không có hiệu quả. Sully bị buộc tội “chống lại một cách hệ thống” trong các bài báo của anh ta và anh ta phải dời sang Hồng Kông ngày 9-9. Chúng tôi ra sân bay tiễn và tự hỏi không biết ai sẽ là người tiếp theo phải đi. Đến lượt Jim Robinson, một phóng viên kinh nghiệm của NBC, chúng tôi ghen tị với cách ăn mặc cuốn hút và hào hoa của anh ta. Anh ta thiết kế bộ quần áo lên hình, kết hợp hoàn hảo giữa áo rộng và quần âu mà trở thành bắt buộc với tất cả phóng viên truyền hình trong phần còn lại của chiến tranh. Điều này làm giàu cho một thợ cắt may vô danh Sài Gòn mà chúng tôi gọi trân trọng là ông Minh. Robinson sở hữu trang phục với mười màu và mười chất liệu khác nhau. Tội lỗi của anh ta không phải ở chuyện xa hoa trong cách ăn mặc mà ở lời nhận xét bất cẩn về Tổng thống Diệm trong những cuộc phỏng vấn nhằm chán. Trước sự có mặt của quan khách, đó là sự coi thường không thể tha thứ. Robinson bị trục xuất ngày 1-11 cho chúng tôi thấy rằng Đại sứ quán Mỹ thờ ơ với tự do báo chí và ngày càng trở nên đả nghi. Chúng tôi tiếp tục công việc, ngày càng cảm thấy bị cô lập, mất hết tinh thần bởi bầu không khí hạn chế bao trùm việc tác nghiệp nhằm tách chúng tôi ra khỏi những vùng chiến tranh quan trọng ở nông thôn.

Chúng tôi nhanh chóng hiểu ra chiến dịch ngăn cản công việc đưa tin được các cơ quan chính quyền ở Washington chỉ đạo và tiếp tay. Đại sứ quán Mỹ sẵn sàng tuân theo chỉ thị. Bằng chứng của nỗi sợ hãi là bản thư ngày 19-9 gửi từ văn phòng AP ở Washington thông báo Quốc hội, Lầu năm góc và Đại sứ quán Việt Nam đều phản đối kịch liệt về hoạt động báo chí phương Tây tại Việt Nam. Ban quản lý AP đảm bảo họ không mua toàn bộ chuyện này nhưng rất lúng túng vì những tóm tắt chính thức ở Washington dường như chĩa vào họ là những đánh giá “ngược 180 độ” của chúng tôi. Người viết bản ghi nhớ đó được chỉ bảo cá nhân rằng Phó Ngoại trưởng Averell Harriman đã quở trách các biên tập viên tờ Thời báo New York về tin bài và đang dự tính quở trách AP và UPI.

Phản ứng của Brown đối với bản ghi nhớ làm chúng tôi nhận thức rõ cảm giác chống báo chí và tiếp tục nói rằng “trong khi những quan điểm công khai về chiến tranh hoàn toàn khác với chúng ta thì chúng ta cũng đâu có viết chiến tranh đã thua hay hết hy vọng”. Thật mỉa mai, Mal ca ngợi chương trình áp chiến lược “dường như có hiệu quả” trong nhiều khía cạnh. Đối với tôi điều đó như phá vỡ sự lạc quan của người Mỹ.

Cuối năm 1962 thử nghiệm quân sự xã hội trở thành công cụ quan trọng phá vỡ kiểm soát của cộng sản ở vùng nông thôn bằng cách tách dân làng khỏi Việt Cộng. Một chương trình tương tự đã được áp dụng thành công chống lại các cuộc tấn công của cộng sản ở Malaysia vào những năm 1950. Hàng triệu đô la Mỹ đổ vào các áp chiến lược ở Việt Nam. Mùa thu năm đó, hơn ba nghìn áp chiến lược được xây dựng là nơi cư trú cho bốn triệu người

dân. Hơn một phần tư số dân đó đang sống trong những nơi định cư nông thôn được bao bọc bằng hào sâu đầy cọc tre nhọn hay bẫy cho những kẻ lạ lai vãng. Công áp luôn đóng khi mặt trời lặn tới bình minh vì đó là thời gian Việt Cộng dễ hoạt động nhất.

Nơi huấn luyện phi công nằm ở phía Bắc Sài Gòn trong vùng đồn điền cao su gần Bến Cát cạnh một trong những điểm nóng không an toàn của đất nước – Vùng chiến khu D, được đặt tên trong chiến tranh với người Pháp. Đó là khu vực cắm, rừng cây rậm rạp trải dài tới những đồi dốc hiểm trở giáp ranh biên giới Campuchia và là con đường tiếp viện huyền thoại cho quân cộng sản phía Nam – đường mòn Hồ Chí Minh. Kế hoạch được gọi là “Chiến dịch mặt trời mọc” bắt đầu tháng 3-1962. Nơi này trở thành thánh địa Mecca đối với các đại biểu Quốc hội và các nhà báo đến thăm quan. Bằng chứng của những khoản tiền viện trợ của Mỹ đang được đầu tư một cách khôn ngoan và hiệu quả. Khi tôi tới thăm vào tháng 11 nơi này còn rất tan hoang.

Cùng một nhân viên Bộ Thông tin Việt Nam Cộng hòa, tôi lái xe về phía bắc trên con đường 13 qua những ngôi làng còn vết tích các trận chiến tới ấp chính tại Bến Tường. Đó là hành trình mà Chính phủ cho rằng là minh chứng cho tiến trình chiến tranh. Những bức tường đắp bùn của ấp chiến lược cắm đầy chông tre sắc nhọn giống như lớp râu lởm chởm trên cái cằm không cạo. Chúng tôi lái xe vào bên trong qua cổng gỗ đan dây thép gai tới bãi sân đầy bụi xung quanh là những ngôi nhà lợp lá và một văn phòng chính quyền lợp mái sắt kiên cố. Không khí căng trọng giữa những lính Việt Nam đang ngồi uể oải bên trong. Tất cả đều trang bị vũ khí và tôi nhận thấy cả cố vấn Mỹ cũng có vũ khí trong tay khi họ đang uống bia và nước ngọt trong một quán lá phía trong cổng.

Chỉ bốn trong mười bốn ấp dự định đã hoàn tất trong “Chiến dịch mặt trời mọc”. Những ấp khác còn nằm chờ vì khó tập hợp đủ người dân sống trong đó. Tổng cộng có ba nghìn nông dân và gia đình họ bị di dời từ những ngôi làng cũ tới định cư tại những ấp lập sẵn này, rất nhiều trong số họ chống lại. Theo con số thống kê miệng thì nữ nhiều hơn nam. Những người đàn ông vắng mặt bị quy là thành phần Việt Cộng nhưng không ai được thuyết phục từ bỏ trong nhiều tháng vì họ bị chia cắt gia đình. Người hướng dẫn của tôi chỉ ra sự ổn định của người dân như một nhân tố thuận lợi và cho rằng chương trình được viện trợ của Mỹ về nhà ở và thức ăn miễn phí, chăm sóc sức khỏe đang thuyết phục nhân dân dưới sự kiểm soát thành công của Chính phủ. Sau đó, một cố vấn Mỹ cho tôi xem một bức thư tìm thấy trên người một phụ nữ đang làm ngoài đồng gửi cho chồng. Có một câu nói rằng: “Đừng lo lắng cho em, chúng ta đều được chăm sóc tốt. Hãy tiếp tục công việc của mình”.

Tôi viết một bài dài về những ảnh hưởng của “Chiến dịch mặt trời mọc”: mỗi ấp cần một đại đội lính Việt kèm theo đảm bảo sự an toàn vì chính quyền không muốn trang bị vũ khí cho dân tự bảo vệ mình. Họ sợ người dân sẽ sử dụng vũ khí đó để chống lại họ. Tôi viết rằng những ấp chiến lược thử nghiệm đó thực tế trở thành những trại giam đất tiền. Mục đích đưa ra nhằm tập trung kiểm soát dân vào vùng an toàn hơn. Chương trình đặc biệt này bị xóa bỏ từng bước. Câu chuyện “đầu sỏ” của tôi không mang lại tràng pháo tay nào từ giới chức, họ xem đó chỉ như một bới móc khác từ giới báo chí.

Chính phủ nỗ lực hạn chế nguồn tin chảy vào Việt Nam bằng nhiều cách hăm dọa nhưng dường như tất cả đều thất bại. Điểm yếu của chính sách là người Mỹ trong chiến trường không xem báo chí như tổ chức bí mật của gián điệp. Những người lính tôi gặp ở đó rất nhiệt huyết và tự tin trong những tháng đầu tiên. Họ tin tưởng vào nhiệm vụ của mình và cho rằng không có lý do gì phải tiết lộ những gì đang làm. Lý tưởng của họ không làm tôi ngạc nhiên vì tôi cũng mong đợi điều đó từ những người Mỹ. Tuổi thơ của tôi cũng chứng kiến bi kịch và chiến thắng trong Chiến tranh Thế giới thứ hai mà nước Mỹ là người đóng vai trò chủ chốt. Tôi chia sẻ giấc mơ của họ về một thế giới trở nên an toàn hơn cho tất cả chúng ta và sự đồng cảm này giúp tôi tiếp cận những người lính Mỹ, giành được sự tin cậy của họ dù tôi đến từ đất nước khác. Thậm chí với những phóng viên khó tính nhất từng có thời gian trải qua cùng các sĩ quan ở Sài Gòn và Washington. Chúng tôi hiếm khi xung đột với những quân nhân trên chiến trường. Sự thật này luôn đứng đầu cuộc chiến cho tới khi kết thúc.

Với những lính Mỹ ở Việt Nam, những năm đầu là thời gian lạc quan và mạo hiểm. Nhiệt tình của họ như lây truyền, thường tràn ngập các bài viết của chúng tôi khi theo họ vào chiến trường và chia sẻ kinh nghiệm của họ. Chúng tôi đặc biệt tán dương những phi công trực thăng. Trực thăng lên thẳng là cách tin cậy để nhanh chóng tham gia hoặc thoát khỏi cuộc chiến. Đó cũng là biểu tượng cuộc chiến này khác với những cuộc chiến trước đó.

Tôi nhanh chóng hiểu ra điều đó khi làm bạn với các sĩ quan và binh lính của đơn vị trực thăng thử nghiệm được cử tới Sài Gòn vào tháng 9-1962, Đại đội Quân dụng Cơ động Chiến thuật cái tên hành chính mờ ảo đặc biệt cho cuộc cải cách mới nhất trong chiến tranh từ thời xe Jeep. Họ bay trên những chiếc Huey UH-1A chạy bằng hơi nước mới của Công ty Bell, một loại máy bay nhiều chức năng và nhỏ hơn những con vật khổng lồ ồn ào ịch ạch kéo trên bầu trời Việt Nam thả lính chiến đấu. Huey xuất hiện như sự cải cách về định nghĩa không vận sẽ làm chủ tiến trình chiến tranh tương lai. Trực thăng lên thẳng được trang bị súng máy 30 li và 16 rocket 6,98 cm theo các xe bọc thép vào trận chiến, bắn thả bãi đáp trước khi lính nhảy xuống và bảo vệ việc di chuyển của họ. Chúng tôi nhận ra trong chiến thuật trực thăng vận điểm

ngắm tốt nhất chính là từ trên trực thăng.

Tay chỉ huy đơn vị trẻ tuổi đầy nhiệt huyết là thiếu tá Ivan Slavich người San Francisco, California. Từ lúc anh ta thân thiết và thoải mái với sự có mặt của chúng tôi. Anh ta rất tự hào về những cải tiến mà đơn vị anh ta đang thử nghiệm vào chiến thuật quân sự. UTT báo cáo cho Đội cố vấn kỹ thuật Quân sự do một tướng chỉ huy, người chỉ đánh giá các chiến thuật chứ không phải phân viết tin. Những chiếc Huey trang bị vũ khí nhằm hỗ trợ cho ba đại đội trực thăng vận vận chuyển lính Cộng hòa vào chiến trường. Chúng tham gia hầu hết các hành động quân sự lớn và luôn có chỗ cho chúng tôi trên trực thăng lên thẳng.

Tôi thích ngồi trên những chiếc máy bay này, thắt dây an toàn, gió thổi vào tóc khi những tay súng trẻ ngó ra ngoài cửa mở máy bay với đôi mắt dõi xuống mặt đất và ngón tay đặt trên cò súng. Binh nhất John C. Dickerson đặt tên trực thăng lên thẳng của mình là “cái hộp nóng” vì năm người nhồi nhét trong đó khi Việt Cộng đang bắn trả từ mặt đất. Anh ta nói với tôi “Bụng như lợn tưng phèo khi thấy họ bắn trả vào mình. Đôi khi đủ gần để cảm thấy độ nóng của viên đạn lướt qua. Thật không vui chút nào nhưng mình có thể bắn trả. “Những phi cơ hộ tống bay là cách mặt đất khoảng 100 thước xếp hàng trên chiến trường xanh bằng phẳng ở Đồng bằng sông Cửu Long. Dickerson tình nguyện đến Việt Nam và xin thêm thời gian lần thứ hai để hoàn thành những gì anh ta gọi là “thời gian địa ngục của tôi” trước khi về nhà cho những điều tốt đẹp. Anh ta bị thương và phải về nhà sớm hơn dự tính. Bởi vì đóng ở Sài Gòn nên các đội Quân dụng Cơ động Chiến thuật (UTT) có thể thăm thành phố. Chúng tôi thường ăn tối cùng các sỹ quan và lính, đi bar cùng họ để thắt chặt quan hệ hơn. Lính quân đội thường giao tiếp với giới báo chí. Đó là ác mộng tồi tệ nhất của bất kỳ nhân viên thông tin quân sự nào, nhưng họ chẳng thể làm được gì ngăn chặn điều đó. Quân Cơ động Chiến thuật và các sỹ quan của họ là cánh cửa cho chúng tôi vào các cuộc chiến và là những người chỉ dẫn đáng tin cậy về những may mắn của người tham chiến.

Chúng tôi cũng bị lôi cuốn bởi Lực lượng Đặc nhiệm quân đội Hoa Kỳ, “những chiếc mũ nồi màu xanh”. Tôi đã trải quan nhiều ngày với đội đặc nhiệm A-113, một trong những đội của Đơn vị lực lượng đặc nhiệm được cử tới Buôn Ma Thuột ở Tây Nguyên. Nơi này địa hình rừng núi hiểm trở, sông suối chảy xiết và là một trong những địa điểm có trò săn bắn đầu tiên ở Châu Á. Nhưng giờ Việt Cộng đang dò tìm theo những hang báo trong rừng, những vết chân của gấu và tự do đi lại giữa dân tộc Êđê. Những người lính Mũ nồi xanh được giao nhiệm vụ đảo ngược làn sóng trong vùng, ngăn cản Việt Cộng trên đường tiến. Họ là những người bí mật, đặc quyền, làm việc dưới sự chỉ đạo của CIA và độc lập với tất cả giới chức quân sự và dân quân

trong khu vực thi hành nhiệm vụ.

Đội đặc nhiệm A-133 tới Buôn Ma Thuột năm 1962 trong chiếc C-46 do phi công người Đài Loan lái để xây dựng chương trình bảo vệ làng Êđê, dân tộc miền núi thông minh, tiên tiến và lớn nhất. Khi bí mật được che đậy, tôi được mời tham gia chứng kiến sự thành công của chiến dịch. Trong một cơn bão lốc, một đội tám người tổ chức cho dân làng của tám mươi thôn bản. Họ giám sát xây dựng nhà bằng tre và những nơi trú ẩn dưới đất và huấn luyện quân sự cơ bản cho trai làng, thay thế nỏ và chông bằng 4.500 khẩu súng trường. Người chỉ huy rầm rập và mảnh khảnh, trung úy Ron Shackleton hướng dẫn tôi xem quanh.

Đầu tiên chúng tôi mở một can bia ấm vì người Mỹ thích sống như những chủ nhà của họ, nguyên thủy, không tủ lạnh hay các phương tiện kỹ thuật hiện đại khác. Sau đó chúng tôi gặp những người bản địa, già làng râu lơ thơ, phì phò tẩu thuốc bằng tre, những dân quân trẻ thì vui thú vận chuyển vũ khí mới và những người phụ nữ thẹn thùng cười khúc khích trong những bộ quần áo bà ba đen truyền thống bám bụi. Tôi không gặp tay chỉ huy CIA luôn bí mật biến mất trong lán bất kì khi nào tôi đi qua.

Tôi quan sát đội của Shackleton làm việc tích cực: trung sỹ, bác sĩ Manfred Baier chữa trị cho mọi người đơn giản nhưng hiệu quả, những người trước đây không được chăm sóc cơ bản về y tế. Những tay huấn luyện vũ khí, Al Clack và John Lindewald kiên nhẫn hướng dẫn các bài học thực tế sử dụng vũ khí tự động cho những lính mới với ngón tay đã chai lại vì sử dụng dây nỏ, rất khó khăn khi đặt lên cò súng. Người Mỹ còn mang tới các kỹ năng khác, hai đội nói tiếng Việt và một đội nói tiếng Pháp để dễ giao tiếp chính xác với dân bản. Khi trở lại Sài Gòn, tôi đã viết một bài dài và tích cực trích dẫn cả lời của chính quyền quân sự Mỹ nói rằng chương trình Mũ nồi xanh là “chương trình hiệu quả nhất từ trước tới giờ” để ngăn chặn sự lan tràn Việt Cộng đến tận gốc và chỉ đúng khi chiến lược này được tiếp tục thực hiện. Tôi cũng viết một câu chuyện về những nhân viên CIA đầu tiên ở Tây Nguyên, đến đó từ các năm trước với vỏ bọc là những nhà nghiên cứu thực vật đi quanh Buôn Ma Thuột tìm tổ bướm. Thông tin này do trung sỹ Shackleton và đội của anh ta cung cấp, sau đó tôi tự hỏi không biết tôi có được xếp là kẻ nói dối trắng trợn khi gây ra lúng túng cho chỉ huy CIA không?

Lính đặc nhiệm Mũ nồi xanh là niềm tự hào của chính quyền Kennedy. Chính Tổng thống ủng hộ những hỗ trợ đặc biệt cho những chiến dịch bán quân sự và các chiến thuật khác thường mà đội Đặc nhiệm yêu cầu. Những sĩ quan quân sự thông thường buộc phải tuân theo lối sống bắt buộc nên ghen tị với Đội Đặc nhiệm, đôi khi gọi những chiến binh đội Mũ nồi xanh mỉa mai “Những khẩu súng trường riêng của Jacqueline Kennedy”, phỏng theo tước

bậc lực lượng quân đội Anh trong đó có “Những khẩu súng trường riêng của Nữ hoàng”. Mật độ hoạt động giới báo chí Sài Gòn dày lên vào cuối mùa hè cùng sự có mặt của phóng viên thường trú từ Thời báo New York, David Halberstam. Mọi người biết đến danh tiếng của anh ta trước đó. Horst Faas đã làm việc và được sắp xếp ở cùng nhà với anh ta ở Cônggô.

Horst lạnh lùng bình thường, miêu tả Halberstan với tôi bằng những cụm từ gần như hoang tưởng nào là một tay hào phóng, thích đàn đúm, cạnh tranh và rất chuyên nghiệp. Khi họ gặp nhau, Halberstam cao lớn ôm trọn Horst bằng cái ôm của gấu và hét lên bằng giọng Đức giả và to lớn “Horst Kaspar Adolf Faas của Đức quốc xã”. Horst mỉm cười đồng ý. David sử dụng văn phòng AP như chính văn phòng của anh ta. Chúng tôi có vài chuyến đi viết bài cùng nhau ở vùng nông thôn, tới thăm Nha Trang, Đà Nẵng và Đồng Bằng sông Cửu Long. Bài viết của anh ta rất lạ, sâu sắc và chi tiết. Một cách thân thiện anh ta và Mal trở thành đối thủ của nhau.

Halberstam đến vào thời điểm khi giới báo chí đang rơi vào thời kỳ đặc biệt khó khăn. Chẳng bao lâu chúng tôi sẽ ngồi trên ghế nóng không giống như trước đây vì cách viết bài của mình. Cái tên khởi sự đó chính là Ấp Bắc, một nơi bình thường ngoài tầm kiểm soát của Chính phủ trong mảnh đất không người mọc lên ở Đồng bằng sông Cửu Long có đầm lầy và đồng lúa phía Nam Sài Gòn. Những mái tranh chụm lại, bụi chuối và chuồng lợn bao quanh là đặc trưng của thôn làng Việt Cộng trải khắp vùng nông thôn, là mục tiêu của các trận rải bom, bắn pháo và oanh tạc thường xuyên của chính quyền bởi vì nó tồn tại ngoài những vùng được gọi là bình định.

Buổi sáng ngày 3-1-1963, Sư đoàn 7 Việt Nam Cộng hòa tập hợp một số tiểu đoàn lính bộ binh và không quân tiến về đánh Ấp Bắc với mục tiêu diệt Đài phát thanh Việt Cộng hoạt động trong vùng lân cận. Chiến dịch này đã đi sai đường. Chúng tôi nghe nói về trận đánh này đầu giờ chiều khi nguồn tin của chúng tôi ở Đại đội Không quân quân đội Mỹ đóng tại Sân bay Tân Sơn Nhất gọi nói rằng tám trực thăng bị tấn công và ít nhất bốn lính không quân bị thương. Tin xấu hơn vào cuối buổi chiều, Browne viết rằng trận Ấp Bắc là tiêu biểu cho sự thất bại nặng nề nhất cho những nỗ lực hỗ trợ của người Mỹ ở miền Nam Việt Nam tới lúc đó. Halberstam và tôi nhanh chóng ra sân bay nói chuyện với những phi công trở về. Mười bốn trong mười lăm trực thăng tham gia chiến dịch bị tấn công bởi pháo dưới mặt đất. Năm máy bay bị lạc trong chiến trường. Ba người Mỹ chết, hai trong số họ là lính không quân và người thứ ba là trung úy cố vấn bộ binh. Những tổn thất của lính Việt Nam lên tới con số hàng trăm.

Những bằng chứng về thảm họa càng rõ ràng hơn vào ngày hôm sau khi Halberstam và tôi biết rằng đối thủ của chúng tôi là Neil Sheehan của hãng

UPI và Nick Turner của Reuters đã tới chiến trường. Chúng tôi thuyết phục Steve Stibbens của tờ Stars and Stripes đưa chúng tôi ra mặt trận. Chúng tôi nài nỉ Steve thay bộ lính Hải quân Mỹ bởi vì chính quyền Việt Nam ngăn cản giới phóng viên đi vào vùng Bắc Đồng bằng sông Cửu Long. Chúng tôi hướng về phía nam qua Chợ Lớn. Đường tắc dài, ô tô và xe buýt bị kiểm tra an ninh tại các cầu và làng canh phòng nghiêm ngặt.

Vượt qua Tây An, chúng tôi rẽ phải sang con đường đồng quê lóc xóc đầy ổ gà dài gần một dặm đường đầy bụi tới làng Tân Hiệp chứng kiến cảnh hỗn loạn: xe Jeep. Xe tải và trực thăng đang tranh giành khoảng trống trên con đường nhỏ còn lính thì lại mỉm cười chờ đợi mệnh lệnh tiếp tục hành quân. Cố vấn cấp cao người Mỹ của Quân đoàn 4, đại tá Daniel Boone Porter tiết lộ những gợi ý về những tổn thất đầu tiên. Ông ta giải thích lần đầu tiên Việt Cộng chủ động đứng lại chiến đấu thay vì chống trả và biến mất trong các vùng nông thôn. Tiểu đoàn Việt Cộng 514 dày dặn kinh nghiệm chiến đấu dù còn thua kém nhiều về khả năng tấn công, đã đương đầu chính xác như những gì cố vấn Mỹ dự đoán. Họ chờ đợi cơ hội được mang pháo đại bác ra chiến trường từ lâu. Nhưng đó là lực lượng Việt Nam Cộng hòa đã đảo ngược tình huống.

Dave và tôi đi một trực thăng để quan sát trận chiến. Chúng tôi nhìn thấy xác chết ngổn ngang ở phía dưới trong bùn, trên cánh đồng và dòng xe bọc thép Việt Nam Cộng hòa đã tới thôn tăng cường lực lượng và đang trên đường trở lại. Việt Cộng trốn thoát một cách dễ dàng, để lại sáu mươi lăm lính Cộng hòa chết, một trực thăng bị hạ và cảm giác bại trận cho các cố vấn quân sự Mỹ.

Sau đó Sheetan lão đảo bước ra từ một trực thăng đầy bùn và run rẩy nói rằng anh ta bị pháo binh tấn công trong khi tới thăm chiến trường. Lính Việt Nam Cộng hòa đã hết hy vọng đến mức cố vấn Vann đã tập hợp sáu mươi nhân viên cố vấn Mỹ của ông ta gồm cả đầu bếp và nhân viên văn phòng và gửi họ đi thám thính Việt Cộng. Hầu hết Việt Cộng đã biến mất.

Áp Bắc là câu chuyện lớn nhất mà tôi viết trong suốt sáu tháng ở Việt Nam. Những điểm yếu được phô bày rõ ràng ám ảnh những người lập kế hoạch quân sự Mỹ hình thành đồng minh trong các cuộc chiến và câu chuyện cũng nhấn mạnh sự thông minh của Việt Cộng, một lối đánh du kích thâm hiểm. Trận chiến làm cho giới báo chí Sài Gòn tin rằng hoặc là do chính quyền không nhận thấy mức độ đầy đủ của cuộc tấn công hoặc những điều này bị chúng tôi tiết lộ. Sự khác biệt này trở thành khoảng cách lòng tin và ngày càng lớn hơn sau này.

Chương 4: Bị Bắn Chết

Trận Ấp Bắc là dấu hiệu rõ ràng cho các sĩ quan Mỹ sẽ phải đảm nhận nhiệm vụ chỉ huy nếu muốn miền Nam Việt Nam tồn tại. Đó cũng là thời điểm làm tin chiến tranh bước vào thời kỳ đỉnh cao. Các nhan đề bùng nổ và các bài bình luận được đưa lên trang nhất vẫn giữ vị trí hơn mười năm. Chúng tôi tiết lộ các quyết định chính sách mà Washington muốn giữ kín về những hỗ trợ quân sự ngày càng tăng và mở rộng can thiệp cuộc chiến yêu cầu binh lính Mỹ phải sử dụng vũ khí. Nhưng quyết định này đã đẩy Hoa Kỳ dẫn sâu hơn vào cuộc chiến. Đó là một cuộc chiến gay go và kéo dài. Chính quyền muốn tiến hành chiến tranh trong bí mật nhưng chúng tôi không để họ làm như vậy. Cố vấn John Paul Vann bị khiển trách vì tiết lộ thông tin cho phóng viên, cuối cùng anh ta cũng rời bỏ quân ngũ.

Các quan chức Mỹ rất tức giận khi báo chí nhắm vào những hành động có hại với Chính quyền Ngô Đình Diệm. Trong một bài phát biểu giữa tháng 2, Đại sứ Frederick Nolting quở trách chúng tôi và kết luận “Với những bình luận vô công rồi nghề, những nhận xét ác ý hay những lời đồn đại lan tràn hoặc là xuất phát từ cộng sản hoặc rơi vào tay cộng sản”. Chính quyền Sài Gòn ngày càng nghi ngờ những hoạt động của chúng tôi và thật mỉa mai họ tin rằng sĩ quan Mỹ cũng tiết lộ nhiều cho chúng tôi. Quan hệ của chúng tôi với Đại sứ quán Mỹ rất tệ hại. Nguồn tin thuận lợi nhất cho chúng tôi là ở bên ngoài thành phố tại các tỉnh lỵ hay huyện lỵ nơi cuộc chiến đang diễn ra.

Tình trạng lộn xộn tiếp diễn giúp cho cộng đồng phóng viên thường trú đi chung một con đường và tất cả đều chuẩn bị cho những gì diễn ra sau đó. Hồ sơ phóng viên của tôi ngày càng nhiều lên. Don Huth nói rằng Wes Gallagher đồng ý lời đề nghị tôi được trở thành nhân viên chính thức của AP. Có các quyền lợi như được trả tiền về thăm nhà ba năm một lần, một năm được nghỉ phép một tháng. Giờ tôi an toàn hơn trước đây. Mal Browne là thuyền trưởng của chiếc thuyền, còn tôi là người bạn kỹ thuật đầu tiên. Horst Faas vẫn là chuyên gia kỹ thuật có tài, tay lúc nào cũng nhiều máy ảnh, bộ đồ dụng cụ và ống kính tập trung vào cuộc chiến. Tôi thích thú làm việc cùng Mal, Horst và David Halberstam. Nhưng David thường dành nhiều thời gian thăm thú thành phố cùng Neil Sheehan của UPI hơn. Cũng không lâu sau đó anh ta đóng gói máy chữ và chuyển ra khỏi văn phòng của chúng tôi.

Chúng tôi luôn cố gắng có cuộc sống tình cảm đúng đắn. Vợ và gia đình của Mal không ở cùng anh ta ở Sài Gòn. Anh ta ngụ ý chuyện hôn nhân đã kết thúc. Anh ta bắt đầu hẹn hò một người phụ nữ Việt Nam hấp dẫn tên Liễu làm việc cho Phòng Thông tin Chính phủ. Đó cũng là người sau này anh ta lấy làm vợ. Neil Sheehan và David Halberstam hay hò hẹn bất chính

với các phụ nữ địa phương. Horst ở cùng cô vợ chưa cưới người Đức, Ursula. Tôi gặp Nina Nguyễn, cô giáo người Việt Nam lanh lợi và nhỏ nhắn tại bữa trưa do Francois Sully tổ chức để giới thiệu với chúng tôi “một vài cô gái đáng kính thay đổi không khí”. Tôi chạy theo hộ tống Nina tới ghé, chỉ để đánh bại người đồng nghiệp người New Zealand, Nicholas Turner của hãng Reuters. Nina mới trở về từ Mỹ tốt nghiệp dược sỹ ở Đại học Bắc California. Gia đình cô ta là dân Bắc di cư vào miền Nam năm 1954 và cha cô là Trưởng phòng hành chính của Quốc hội Việt Nam cộng hòa. Tôi hoàn toàn chết mê cô ấy.

Mối quan hệ của chúng tôi không tiến triển nhanh. Mùa đông năm 1963, báo động toàn quốc bao trùm cuộc chiến và chống lại giới báo chí trong xung đột mới với chính quyền Hòa Kỳ và Việt Nam. Tranh luận mang đến cái nhìn quốc tế khác về Việt nam và thiết lập lại những nỗ lực của Mỹ mà vẫn còn gây tranh cãi ba mươi năm sau đó.

Cuộc khủng hoảng bắt đầu một trong những thành phố yêu thích của tôi, tại cố đô Huế, nơi có dòng sông Hương chảy qua nằm ở miền Trung Việt nam. Tôi đã tới đó nhiều lần và rất thích vẻ đẹp của Hoàng thành cổ kính với những bức tường bao quanh bằng gạch dày, cao và hào rộng xung quanh, do một kỹ sư Pháp Xây dựng cách đây 200 năm. Cung điện và tường thành bao quanh đặc biệt rất đẹp và người ta nói rằng đó là bản sao thu nhỏ Tử Cấm thành ở Bắc Kinh. Những ngôi mộ hùng vĩ của các vị vua lớn lấy theo mô hình của người Trung Quốc. Dòng sông Hương thanh bình bắt nguồn từ những ngọn đồi thấp thoáng phía xa, chảy qua Huế, một thành phố nổi với nhiều nhà thuyền cho thuê và những chiếc thuyền ba lá bán đồ ăn, uống cùng với sự lãng mạn.

Huế cũng là ngôi nhà của dòng họ Ngô, nơi em trai Tổng thống Diệm, Ngô Đình Cẩn thống trị khét tiếng. Một người anh em nữa là Ngô Đình Thục, là Tổng Giám mục Thiên Chúa giáo. Diệm là một Tổng thống theo đạo Thiên Chúa giáo ở một đất nước 80% theo đạo Phật hoặc đạo Khổng. Sự oán giận và thiếu lòng tin trong nhân dân ngày càng lớn khi những người theo đạo Thiên Chúa di cư vào nam giữa những năm 1950 sau khi người Pháp thua trận và lòng oán giận càng tăng khi Thiên Chúa giáo thịnh vượng hơn đạo Phật. Vì người theo đạo Phật không được tham gia giáo dục, thăng tiến quân sự và chia đất công bằng từ chính quyền do chính họ dựng lên.

Chính quyền Mỹ không quan tâm nhiều tới tình hình tôn giáo, chỉ biết trang bị vũ khí cho chính quyền Diệm chống lại cộng sản và tính toàn bộ dân số tham gia ủng hộ cuộc chiến. Giới báo chí chúng tôi cũng ít quan tâm tới tôn giáo có lẽ bởi vì chúng tôi cho rằng đạo Phật ít mang tính chính thống và chỉ là vấn đề của suy nghĩ. Những giao tiếp của tôi với các vị sư ở Thái Lan và Lào đều là rất thú vị nhưng tôi lại có ấn tượng rằng giáo lý đạo Phật là sự

lựa chọn tổng hợp nhiều màu sắc. Một vị sư từng nói với tôi ông ta đảm bảo mỗi buổi sang xin đủ thức ăn “vì mọi người biết rằng một người đói thì không nhận thức được luật lệ” và điều đó khiến họ đáp ứng nhu cầu hơn là bỏ rơi. Ở Việt Nam, tôi quan sát có rất nhiều chùa ở các ngôi làng và tôi thường tới thăm, đi vào bên trong nhìn những bàn thờ trang hoàng và ngửi mùi hương thơm khói tỏa xung quanh, nhưng tôi không cố gắng tìm hiểu nhiều hơn.

Ngay sau đó, chúng tôi nhanh chóng hiểu rằng đạo Phật hoàn toàn tham gia vào Chính trị ở Việt nam với các tổ chức thanh niên, trường học, bệnh viện và các trại trẻ mồ côi, hoạt động một cách thâm lặng trong cả nước. Những người lãnh đạo và sự thù hận chính quyền Diệm đang chờ cơ hội bùng nổ.

Tại chùa Từ Đàm, trung tâm đạo Phật, tổ chức lễ hội ngày Phật Đản ngày 8-5. Chính quyền yêu cầu tất cả cờ Phật phải hạ xuống đồng thời cấm căng dải băng năm màu truyền thống vào ngày Phật sinh. Phật tử phản kháng dữ dội hơn bởi vì những banner Thiên Chúa giáo vẫn bay phấp phới trong rất nhiều cộng đồng Thiên Chúa giáo người Việt. Những đám đông giận dữ tập hợp lại nghe những vị sư đứng đầu thuyết giảng, không phải bắt đầu từ ngày đầu của chính quyền Diệm lên nắm quyền mà đó là nghi lễ thông thường trước đó cả thập kỷ. Hàng nghìn Phật tử theo sau những vị sư áo vàng diễu hành từ chùa dọc con đường chính ở Huế và yêu cầu được bước vào đài phát thanh để phát những lời thỉnh nguyện của họ. Một sĩ quan an ninh địa phương, thiếu tá Đặng Sỹ mất bình tĩnh và yêu cầu lính ngăn những kẻ biểu tình lại. Hai loạt lựu đạn do quân lính ném ra. Kết quả cuộc hỗn chiến là những xe bọc thép tham gia giải tỏa đám biểu tình, 11 người chết gồm một số trẻ em và phần lớn bị thương.

Chúng tôi ở xa hiện trường, trong văn phòng tại Sài Gòn và đầu tiên lấy tin từ chính quyền – sự kiện đó do các phiến quân Việt cộng kích động và một tên phản động đã ném lựu đạn sát hại nạn nhân. Trong vài ngày, sự thật câu chuyện về sự đồng lõa của Chính phủ được làm rõ từ những nhân chứng tới văn phòng chúng tôi với đầy đủ chi tiết. Chính quyền Diệm không bao giờ trao đổi thẳng thắn với giới báo chí nước ngoài trước đây và giờ cũng không muốn làm việc đó vào lúc này. Toàn bộ sự kiện đã được quên lãng nếu các Phật tử không đến gặp chúng tôi trực tiếp. Họ nhận ra chúng tôi là đầu mối quan trọng đến dư luận quốc tế và chúng tôi miêu tả cuộc khủng hoảng như vấn đề nhân quyền. Khi những bản tin của chúng tôi được phát lại bằng tiếng Việt từ đài phát thanh quốc tế, những người tham gia biểu tình càng nhiều lên. Chính quyền Diệm không chấp nhận trách nhiệm đàn áp đẫm máu, trừng phạt những kẻ thủ phạm và bồi thường cho các nạn nhân. Suốt đêm đó, cờ Phật đã trở thành điểm dẫn đường cho những người tham gia

biểu tình chống chính quyền. Đàn ông và phụ nữ không tham gia các hoạt động ở chùa trong nhiều năm giờ bắt đầu tụng những câu kinh bị quên lãng đã lâu và diễu hành trên các đường phố, thách đố những tay lính có vũ trang và cảnh sát, những người thường bắt họ cho lên xe tải.

Giới chức sắc Phật giáo gọi cho báo chí Sài Gòn cùng những thông tin tiết lộ, và vào ngày 11-6 chúng tôi được tin một cuộc diễu hành khác sẽ được tổ chức ở Sài Gòn. Những sự kiện như thế này bắt đầu trở nên phổ biến. Chỉ Malcolm Browne và Bill Hà Văn Trần, quản lý văn phòng người Việt của AP tham dự sự kiện buổi sáng. Như thường lệ, xe cảnh sát dẹp đường trước cho những vị sư diễu hành thâm lặng khi họ rời một chùa nhỏ và hướng lên đường Phan Đình Phùng. Một ô tô mui kín màu xám dẫn trước đoàn diễu hành dừng lại bất ngờ trước Dinh Ngoại giao Campuchia. Ba nhà sư bước ra khỏi xe, vài trăm người diễu hành xếp thành vòng tròn giữa đoạn đường giao nhau. Sau đó vị sư già Thích Quảng Đức tự mình ngồi trên một cái đệm, thu chân lại và hai người đi theo ông tưới xăng lên đỉnh đầu, đấm ướt bộ quần áo màu vàng. Ông tự đốt diêm để trong lòng, sau đó chấp tay theo thế đài sen khi ngọn lửa bốc cháy quanh mình. Browne bấm máy cẩn thận khi một vị sư khác thét lên trước đám đông bằng tiếng Anh và tiếng Việt “Đây là cờ Phật. Ông chết là vì lá cờ này. Thích Quảng Đức tự thiêu vì lá cờ này”. Bức ảnh vị sư già bốc cháy trong khói lửa làm chấn động cả thế giới.

Các Phật tử tiến lên công khai. Tại chùa Xá Lợi ở Sài Gòn, sinh viên và Phật tử trẻ giúp các vị sư in ấn, sản xuất tờ rơi, biểu ngữ phân phát cho các cơ quan báo chí và cả nước. Chúng tôi thường được một vị sư sang trọng, người nhỏ nhắn tên là Thích Đức Nghiệp tóm tắt tình hình tại chùa. Ông nói thành thạo tiếng Anh, thường mời trà chúng tôi tại văn phòng tầng trên của mình. Ông ta nhồi nhét cho chúng tôi những kiến thức về triết học và tuyên truyền. Những vị sư trụ trì nói, chúng tôi là nguồn hy vọng duy nhất của họ để chuyển những thông điệp ra thế giới và đổi lại những người dân địa phương sẽ làm hết khả năng để giúp đỡ chúng tôi.

Horst được mời vào một ngôi nhà người Việt ở độ cao quan sát được cuộc nổi loạn trên ban công tầng trên, nơi có vị trí thích hợp chụp ảnh. Anh ta không ở đó lâu. Đám đông bên dưới làm hỏng việc chụp ảnh khi reo hò điên cuồng mỗi khi anh ta định bấm máy. Tôi dừng lại một cửa hàng sau cuộc nổi loạn tối Chủ nhật để mua một số thực phẩm. Câu hỏi được đưa “Anh có ở đó không? Anh có gửi những bài viết đó ra nước ngoài không? Những tay báo ảnh có mặt ở đó không?”. Người chủ cửa hàng vỗ lưng tôi, những người làm của anh ta vây quanh tôi và cười.

Chính quyền Diệm phản đối kịch liệt việc làm tin của chúng tôi và tất nhiên những tờ báo do chính quyền điều hành cũng lu loa quan điểm đó. Tôi

bị hành hung bên ngoài chùa Ấn Quang ở ngoại ô phía bắc ngày 7-7. Trong khi đang làm tin về một nhóm người biểu tình dâng cao thì tôi bị kèm vào một ngõ nhỏ bởi hai cảnh sát mặc thường phục, họ thụi vào mặt và xô tôi ngã. Họ đã làm hơn thế nếu Halberstam không tới bảo vệ tôi. Anh ta nhảy vào những kẻ tấn công và phân tán họ. Tôi bị choáng và máy ảnh của tôi bị đập, nhưng Browne đã chụp ảnh tôi và khuôn mặt đầy máu được in rộng rãi, khi Đại sứ quán Mỹ từ chối đứng ra bảo vệ, hội đồng nghiệp gửi thông điệp được bảo vệ tới Tổng thống Kennedy.

Cảnh sát vẫn chưa để chúng tôi yên. Ngày thứ hai, Mal và tôi được mời tới trụ sở cảnh sát Sài Gòn vì vụ hành hung bởi hai cảnh sát mặc thường phục liên quan tới cuộc ẩu đả ở chùa. Sau bốn tiếng chất vấn chuyển sang thảo luận và yêu cầu làm đơn kiện những tay tấn công, chúng tôi yêu cầu bồi thường cho chiếc máy ảnh bị hỏng.

Những đôi đầu thô bạo trên đường phố làm tê liệt thành phố, đe dọa các nỗ lực chiến tranh và trở thành những chủ đề hàng đầu trên thế giới. Tổng thống Kennedy thay thế Đại sứ Nolting, người đi nghỉ cùng gia đình ở Hy Lạp bằng Henry Cabot Lodge, Jr. Khi trở về Nolting có buổi gặp cuối cùng với Tổng thống Diệm. Diệm hỏi Nolting xem có phải việc bổ nhiệm Lodge có nghĩa chính sách của Mỹ đang thay đổi và vị Đại sứ chuẩn bị lên đường khuyên ông ta không nên lo lắng, một quan điểm mà sau này ông ta thông báo với Quốc hội Mỹ. Các sỹ quan cố vấn ông ta từ cấp cao nhất, như một bản ghi nhớ cho Tổng thống để đảm bảo với Diệm không có sự thay đổi nào trong chính sách của Mỹ. Ngô Đình Diệm đã sống sót qua gần một thập kỷ khủng hoảng chính trị và quân sự nhưng thực tế chính sách của Mỹ giờ đang thay đổi, cùng những khủng hoảng đạo Phật và những bài viết của chúng tôi.

ĐÀN ÁP PHẬT TỬ

Giữa tháng 8, biểu tình của các Phật tử lôi cuốn hàng nghìn người tham gia, người tham quan lẫn vào đám Phật tử trung thành ở tiền sảnh mở một bên tại chùa Xá Lợi, bước đi cẩn thận quanh vài trăm người cầu nguyện, hầu hết là phụ nữ trong những bộ áo dài bằng lụa sắc sỡ đang quỳ lạy trước một bàn thờ có trái tim đã cháy thành than của Hòa thượng tự thiêu Thích Quảng Đức đựng trong một bình thủy tinh. Trong sân quanh tòa nhà, các vị sư đang phát những bản đánh máy mới nhất của “tờ báo” Phật tử có viết chuyện về cha của Madame Nhu là Đại sứ ở Washington miệng nói, vỗ vào cổ tay của bà vì ăn nói bất kính về Phật tử. Một quầy trong góc sân râm mát bày bán các bài báo, sách và tranh tôn giáo về vụ tự thiêu của Hòa thượng với giá khiêm tốn nhất do một vị sư đứng chào mời. Trong hành lang một tòa nhà, những vị sư áo nâu tiếp tục những công việc hàng ngày tụng kinh gõ mõ trong mùi hương trầm hòa lẫn mùi rác thải. Trên đường bên ngoài chùa trước

đó một tuần đã được cài dây thép gai. Các phóng viên đến, gặt đầu với nhân viên an ninh, trở nên quen biết nhau sau những vụ ẩu đả thường xuyên tại các cuộc diễu hành. Một người bán bột lửa rong có trang trí cờ ở cả hai mặt, một mặt là cờ Phật giáo năm màu còn mặt kia là cờ quốc gia. Người bán hàng giải thích “Làm sao biết được ai sẽ thắng những cờ cả hai mặt chúng ta không thể thua”.

Sự thờ ơ của Đại sứ Nolting đối với đạo Phật là do ông ta tin phong trào có tính chất chính trị chứ không phải tôn giáo “Có thể được gọi là việc hiểu sai trên chính đất nước chúng ta và trong các nước khác như ở Châu Âu, Canada hay nơi nào khác, bề mặt giống như một cuộc nổi loạn thực sự chống lại chế độ Thiên Chúa giáo”. Nolting nghĩ rằng họ đang cố gắng đào mồ chôn chế độ Sài Gòn, bối cảnh làm lo ngại mối quan tâm của người Mỹ. Ông ta động viên Diệm tại buổi họp cuối cùng “để giải quyết vấn đề này một cách đơn giản, đi tới thỏa hiệp chính trị và thực hiện lời hứa người Việt Nam sẽ không có hành động bạo lực chống lại Phật tử”. Theo Nolting “Không có lí do gì ngờ lời nói của Diệm, ông ta luôn thành thật với tôi và tôi hoàn toàn thành thật với ông ta”. Có mặt tại bữa tiệc chia tay vị Đại sứ sắp lên đường là người em trai khó hiểu của Tổng thống, Ngô Đình Nhu. Đó là người đàn ông mà Nolting đã cố gắng để xây dựng mối quan hệ. dành nhiều giờ nói chuyện với ông ta trong những thảo luận triết học.

Diệm không tới sân bay đưa tiễn mà em trai của ông ta đi thay. Tôi quan sát ông Nhu có phong cách nhẹ nhàng khi nói chuyện với Đại sứ. Tuy nhiên, đôi má hóp, gò má nhô cao và trán nhăn cho thấy một tính cách buồn rầu. Thực tế, Nhu là một người cô đơn, ít bạn và ít xuất hiện trước đám đông hơn cả người anh trai – Tổng thống điều khiển từ xa. Nhu không giữ chức vụ bầu cử trong Chính phủ nhưng lại đứng đầu các tổ chức cảnh sát bí mật và Đảng Cần lao, một mạng lưới mật thám quốc gia. Ông ta cũng điều hành phong trào “Thanh niên Cộng hòa” và chỉ đạo chương trình các áp chiến lược quan trọng. Nhưng vị trí quan trọng nhất mà Nhu nắm giữ là cố vấn chính trị cho Tổng thống, anh trai mình, một người đàn ông mà ông ta điều khiển cả thể xác và tinh thần theo như những câu chuyện đồn đại ở Sài Gòn. Nolting khó mà lường trước rằng người tâm giao triết học đưa tiễn ông ta ở sân bay Sài Gòn vào ngày 15-8 đang bí mật lập kế hoạch sử dụng thời gian trống rỗng điều động giữa các Đại sứ Mỹ để tiến hành hàng loạt cuộc tấn công dã man chưa từng có vào những nơi cầu tụng linh thiêng nhất.

Khi tôi trở lại văn phòng từ sân bay, Mal muốn tôi ra Nha Trang viết về những hậu quả sau sự hy sinh của vị sư đầu tiên. Tôi vui vẻ đi ra khu nghỉ mát nổi tiếng với cát trắng, tôm hùm và những chiếc bikini nhỏ nhắn. Một cuộc biểu tình đang diễn ra ở Nha Trang khi chúng tôi đến. Xe tăng và quân đội dàn trên đường để dập tắt biểu tình. Tôi nhận ra rằng chính quyền đón

nhận thi hài của vị sư và tổ chức một lễ tang sơ sài.

Tôi ẩn mình trong nhà hàng và khách sạn Françoise trên biển, một dấu ấn còn lại từ thời đại của người Pháp để xem xét lại những phương án của mình. Sáng sớm Chủ nhật, tôi thuê xe đạp đi theo đường bờ biển tới Ninh Hòa. Những người lính không cho tôi vào làng, họ bắt tôi quay trở lại Nha Trang. Tôi cố gắng tới thăm Chùa Hội bị phong tỏa, nơi các sư đòi trả lại thi hài của vị sư đã hy sinh, nhưng một lần nữa những người lính không cho tôi vào. Những người chứng kiến ném cái nhìn tức giận vào lính, không quan tâm tới hơi ga cay đang tỏa ra. Trên điện thoại, Mal nói với tôi rằng Huế, Đà Nẵng và Sài Gòn đang nổ ra biểu tình sau một vụ tự thiêu khác, lần này là một vị sư ở Huế. Tôi nói rằng một nhân viên Chính phủ tin cậy thông báo “Chúng tôi có khả năng giải quyết những vụ biểu tình xa hơn nữa”, nhưng Mal nói với tôi “Đừng tin điều đó. Toàn bộ nơi này đang dâng cao”.

Anh ta đã đúng. Phong trào bùng nổ đêm thứ hai ngày 21-8. Trước ngày đó các vị sư chùa Xá Lợi tiết lộ lo lắng Đại sứ Lodge đến Sài Gòn muộn ba ngày báo hiệu điềm gở cho hoạt động của họ. Thích Đức Nghiệp nói với Mal rằng Chính phủ đang chơi xấu họ: ví dụ một vụ ám sát nhằm vào Lodge để đổ tội cho Phật tử hay một vụ đảo chính giả mạo. Mal quan sát những vị sư trẻ kéo những chiếc ghế qua sàn nhà chứng minh như những vật chướng ngại. Nhưng chùa Xá Lợi trông vẫn bình thường, chữ “vạn” vẫn sáng đèn neon màu xanh, một biểu tượng của Phật giáo từ ngọn tháp của tòa nhà chính xung quanh cùng ánh đèn màu sắc treo trên mái vòm phía trong vườn.

Khoảng 11 giờ đêm hôm đó, sư Thích Đức Nghiệp gọi điện tới căn hộ của Browne nói rằng vừa nhận được tin của cảnh sát có lệnh phong tỏa chùa Xá Lợi. Khoảng 12h 20 phút ông ta gọi lại “Cảnh sát đã đến. Họ đang ở cổng. Hãy nói với đại sứ Mỹ nhanh lên”. Sau đó đường dây tắt và khi Mal tới hiện trường vài phút sau đó, anh ta thấy vài trăm lính đặc nhiệm Mỹ được huấn luyện, cảnh sát và lính gác Dinh mặc quân phục đã thổi tung cánh cửa sắt chùa Xá Lợi. Phóng viên bị đuổi khỏi khu vực bằng những khẩu súng lục chĩa vào khi những vị sư bị kéo ra vườn, đưa lên xe tải lúc 1 giờ 30 phút sáng. Toàn bộ chùa, nơi có các chức sắc Phật giáo hàng đầu Việt Nam trống rỗng. Chỉ có hai vị sư thoát được nhờ cạy bức tường bê tông nối liền với khu vực cứu trợ Mỹ (U.S AID Mission) bên cạnh.

Cảnh tượng như vậy xảy ra khắp miền Nam Việt Nam. Tất cả những ngôi chùa then chốt đều bị tấn công, các nhà sư bị bắt và tra tấn. Giường nằm, đồ đạc và cửa bị đập, phá nát bằng lưỡi lê. Chuyện đó cũng xảy ra ở Nha Trang nhưng tôi bị cách li khỏi chùa chính. Tôi bay về Sài Gòn. Đến lúc này, hơn một nghìn sư bị bắt, lệnh thiết quân luật được công bố trong cả nước và quân đội chiếm đóng những trung tâm viễn thông và các vị trí then chốt khác. Sẽ

có những cuộc đàn áp, kiểm soát báo chí cứng rắn và những hạn chế khác nữa. Tôi có thể đưa ra những câu chuyện thể hiện sự tức giận của quân nhân Mỹ chứng kiến những cảnh hành hung chuyện đó xảy ra. Một đại úy quân đội Mỹ nói với tôi ở Nha Trang “Trong một đêm Diệm làm hỏng hết những gì chúng tôi xây dựng ở đây trong suốt 18 tháng qua”. Một sỹ quan Mỹ khác nói, anh ta vừa từ một cuộc tuần tra bốn mươi ngày ròng rã và mệt mỏi ở Tây Nguyên về, phàn nàn với tôi tại nhà hàng Francois “Chúng tôi cố gắng tối đa giành được lòng dân cho chính quyền Sài Gòn ở vùng núi thì lại mất họ ở các thành phố”.

Các phóng viên lo ngại chúng tôi sẽ là mục tiêu tiếp theo. Trong vòng 3 tháng, câu chuyện về các Phật tử luôn ở trang nhất. Chính quyền Sài Gòn ghét chúng tôi. Mal và tôi bàn nhau chuyển khỏi căn hộ của chúng tôi vào ở trong khách sạn Caravelle cho an toàn. Một số phóng viên thường trú cũng chuyển vào ở nhờ nhà giới ngoại giao Mỹ vài ngày. Một hôm phóng viên thường trú người Australia Dennis Warner tới thì thăm với tôi “Peter, giờ cậu nằm trong danh sách tấn công hàng đầu bởi chuyến đi Nha Trang của cậu đấy”.

Kiểm duyệt chặt chẽ tách chúng tôi với thế giới. Chúng tôi phải chạy đua hàng giờ với các đối thủ để tuần bài viết ra bên ngoài. Đại sứ quán hứa hợp tác với chúng tôi để chuyển tin tức nhưng chỉ ưu ái cho UPI và bỏ rơi AP. Mal rất tức giận với tay ngoại giao William Trueheart, người cho rằng những câu chuyện của chúng tôi đang bị chặn lại ở Washington. Lúc này chẳng có con sông Mê Kông nào để cho tôi bơi qua.

Chương 5: Tân Đại Sứ Hoa Kỳ

Herry Cabot Lodge đến trong khung cảnh rộng mở đón chào. Chúng tôi bắt tay thân thiện. Vấn đề suy luận giữa các nhà báo là Nolting sẽ “bị nhấn chìm hay bơi cùng với chính quyền Ngô Đình Diệm” đang được thay thế bằng quan điểm đòi hỏi hơn nữa quyền con người, tự do chính trị, tiềm lực quân sự và trách nhiệm giải trình.

Những đồng nghiệp của tôi cho rằng nếu ai có thể vực dậy được tình hình thì đó sẽ là Lodge, Halberstam và Sheethan, cả hai đều sành sỏi, hiểu biết đã cưỡi vào chiếc xe đờn hộ tống của chúng tôi qua những con đường im lặng hướng ra sân bay để đưa tin Đại sứ tới. Bổ nhiệm Lodge là một thách thức với chính quyền Cộng hòa vì “Vỏ quýt dày có móng tay nhọn”.

Lodge trả lời bộ đàm từ trên máy bay rằng sẽ không tuyên bố gì cả. Nhưng dáng người cao lớn xuất hiện trên chiếc máy bay DC-C bước xuống lạnh lẽo đã không làm cho chúng tôi thất vọng khi ông ta nhìn thấy đèn truyền hình và vài chục gương mặt vui mừng hướng lên. Ông ta có vài lời thân thiện về dân chủ Mỹ, vai trò cần thiết của báo chí và nói về những ngày làm việc với tờ New York Herald Tribune khi lần đầu tiên tới Việt Nam với tư cách một phóng viên trẻ. Ông ta hứa giúp đỡ công việc của chúng tôi và dành đôi chút thời gian cho người vợ của mình, Emily.

Chẳng có thông tin gì mới trong tuyên bố của Lodge nhưng cũng an ủi: Việc đảm bảo hỗ trợ của ông ta cho thấy sự cô lập của chúng tôi đã chấm dứt. Với cử chỉ thiện chí, ông ta cho phép bốn phóng viên đi cùng máy bay từ căn cứ không quân Tachikawa, một trong số họ là Robert Eunson, Giám đốc điều hành AP ở châu Á. Eunson dẫn tôi ra một bên nói rằng “Đại sứ đứng về phía chúng ta” và sau đó giới thiệu tôi với một trong những phụ tá của Lodge, thiếu tá John Michael hay “Mike” Dunn gật đầu đáp lại.

Vài ngày sau đó Lodge mời Mal Browne tới dự bữa trưa thân mật và nói rằng ông ta đã nhìn thấy bức ảnh vị sư Thích Quảng Đức tự thiêu của Mal trên bàn Kennedy. Sau này Mal kể tỉ mỉ cho tôi nghe những gì Lodge nói, “Tôi nhớ khi bước vào Văn phòng bầu dục, có bức hình một người đàn ông già ngồi xếp chân tự thiêu và Tổng thống Kennedy nói rằng “Nhìn cái đó đi! Nhìn những gì xảy ra ở Việt Nam. Tôi tin tưởng cậu, tôi muốn cậu tới đó xem có phải chúng ta không thể khiến Chính phủ đó xử sự tốt hơn”.

Nếu vào thời điểm đó chúng tôi không quá phóng đại sự đồng tình của Lodge với quyền báo chí thì cũng không phủ nhận ông ta khá thoải mái với báo chí. Ông ta đến Sài Gòn với mục đích chỉ đạo của Kennedy nhằm thức tỉnh Chính quyền Sài Gòn. Không giống vô số bài bình luận của chúng tôi, ông ta không hạn chế chúng tôi mà ngược lại động viên các bài phân tích và

xem đó là thứ vũ khí khác để thay đổi.

Lodge nhanh chóng hiện hữu có hiệu quả ở Sài Gòn. Buổi sáng đầu tiên, ông ta lái xe dọc những con đường bị phong tỏa của thành phố qua các đoạn đường giao nhau nơi lính được trang bị vũ khí với lưới lê rút ra khỏi vỏ và đi qua những công viên trong thành phố có xe tăng và xe bọc thép đang chờ lệnh. Trên các góc phố, người dân hốt hoảng tụ tập xì xào những tin đồn mới nhất và tự hỏi không biết chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo. Dọc một con đường lớn gần khu Trường Đại học Sài Gòn, hơn hai nghìn xe đạp, xe ga và xe máy xếp trên vỉa hè dưới những cây me, câm lạng chứng kiến việc bắt giữ hàng trăm học sinh và hoạt động tổng giam họ liên tục.

Đại sứ tới thăm hai vị sư được bảo lãnh an toàn tại Sở Chỉ huy cố vấn quân sự Mỹ trên đường Pasteur. Ngay cuối tuần đầu tiên, ông ta đưa các giấy tờ ủy quyền của mình cho Tổng thống Diệm, gặp Ngô Đình Nhu và nói riêng với các nhà báo rằng ông ta không ấn tượng với cả hai và sẽ tiếp tục khâu sức ép cải cách. Lodge làm cho chúng tôi yêu mến khi đi dạo quanh thành phố cùng vợ và một hay hai phụ tá.

Ngài Đại sứ bắt chấp những tay vệ sĩ an ninh của mình, mời mười lăm người trong số chúng tôi đi dạo ngắm cảnh không chính thức, đi qua đại lộ Catinat về phía Dinh Tổng thống và với chiều cao khoảng 1m89 thì cao hơn hầu hết chúng tôi, ông ta trông thư thái trong áo sơ mi mở cổ. Chỉ trước đó vài giờ, một cuộc biểu tình Chính phủ lớn diễn ra trong khu vực lân cận. Hàng nghìn người la hét ủng hộ chế độ, những đội lính đứng gác ở các ngã đường liếc nhìn ngạc nhiên nhận ra Lodge. Những cậu bé bán báo cố gắng mời chào ông ta tờ báo địa phương bằng tiếng Anh – tờ Bưu điện Sài Gòn có bài về cuộc tấn công sắc bén vào Quốc hội Hoa Kỳ. Lodge mỉm cười với chúng tôi nói rằng “không, cảm ơn, tôi có rồi”. Ông ta dừng lại trước hai lính Mỹ 19 tuổi đang đi dọc đường Catinat hỏi thăm họ và chúc họ may mắn. Một viên chức Việt Nam Cộng hòa thò đầu ra cửa sổ xe và thét vào người bán báo “Cái gì đang diễn ra ở đây vậy?”. Anh chàng bán báo trả lời “Một cuộc cách mạng. Đây là Đại sứ Mỹ đầu tiên từng đi bộ dọc con đường Catinat”.

Lodge bắn phát súng đầu tiên cảnh báo Chính quyền Diệm, nhưng Diệm lơ đi sự bảo hộ lớn và những cuộc tấn công. Khi Đại sứ chính thức phản đối kiểm duyệt báo chí thì chính quyền đơn giản thắt chặt việc kiểm soát.

Sài Gòn thách thức không chỉ việc làm tin của chúng tôi mà cả việc đưa tin ra ngoài. Hàng rào đầu tiên là văn phòng kiểm duyệt nằm trong tòa nhà chính quyền gần chợ trung tâm nơi chúng tôi được yêu cầu mang toàn bộ bản sao tin và ảnh tới nhân viên kiểm duyệt quân đội và sau đó là nhân viên dân sự để làm rõ thông tin. Họ bắt bẻ từ những chi tiết nhỏ nhất.

Ngày 27-8, một nhân viên kiểm duyệt cắt xén một trong những bản gửi đi của tôi, họ cho phép viết câu “Chúng tôi đã bước vào ngày thứ bảy Luật Quân sự” nhưng lại gạch chéo bằng bút đỏ đậm câu tiếp theo “Tập trung quân đội trong các khu vực thành thị chủ chốt vẫn dày, đặc biệt khu trung tâm thương mại trước Nhà thị chính thành phố”. Tôi được phép viết các hàng rào thép gai được dọn đi vào sáng sớm thứ ba từ khu vực trung tâm, nhưng nhân viên kiểm duyệt lại gạch phần còn lại của câu như sau “...ở các khoa Luật, Y và Dược của Đại học Sài Gòn. Nhiều sinh viên bị cảnh sát bắt ở đó vào Chủ nhật vì họ tụ tập biểu tình”. Tôi muốn nói rằng nhân viên kiểm duyệt dân sự đảm nhận công việc đọc bản tin nhưng tôi lại bị cấm viết rằng rất nhiều người bị bắt đầu tuần được thả tự do. Nhân viên kiểm duyệt đóng dấu, ký đồng ý và sau đó, ý kiến cuối cùng cần thiết từ văn phòng hội đồng quân sự nơi những con dấu đóng vào từng trang. Có đến 90% các bản gửi đi của chúng tôi bị cắt xén và đôi khi cả bản bị giữ lại. Thậm chí họ cắt cả việc miêu tả Tổng thống Diệm là người theo đạo Thiên Chúa.

Chuyển tin ảnh rất khó khăn. Nhân viên kiểm duyệt cho phép chuyển những bức ảnh Đại sứ Lodge trình giấy tờ ủy nhiệm cho Tổng thống Diệm nhưng sau đó văn phòng Hội đồng quân sự từ chối và không được gửi đi. Phóng viên phát thanh và truyền hình mất liên lạc trực tiếp với văn phòng tổng đài khi tất cả đường dây điện thoại quốc tế đều bị cắt. Thậm chí, ông Peter Kalischer, người đại diện cơ quan phát ngôn chính thức của Chỉ huy quân sự Mỹ, tờ Người quan sát, tuyên bố việc kiểm duyệt chặt chẽ hơn cả ở Liên Xô.

Chúng tôi đấu tranh bằng mọi khả năng, gửi những bản chì câu chuyện và những bản in ảnh phụ bằng tay qua những người du lịch, thường là những người phương Tây rời Sài Gòn trên chuyến bay chiều tối tới Bangkok, Hongkong và Manila nơi đó hy vọng họ có thể chuyển tài liệu về văn phòng của chúng tôi. Chúng tôi hỏi lộ những người đưa thư bán chuyên với giá 50 hoặc 100 đôla và đề kiện thư là “bó thư gửi cho Bassett” mượn chức danh người biên tập ngoại sự, Ben Bassett. Chúng thường được gửi đi mặc dù có vài kiện không lọt. Chuyện đó giống như ném chai được đánh dấu xuống Biển Đông với hy vọng điều tốt nhất sẽ đến. Đôi khi chúng tôi gửi được rất nhanh. Mal ghi được cú hích bài tin khi thay thế lời chú thích vô tội của một bức ảnh đã được duyệt về một cảnh trên đường phố bằng một tin gây ấn tượng giật gân về Bộ trưởng Ngoại giao Vũ Văn Mẫu đã cạo trọc đầu và từ chức để phản đối những cuộc đột kích chùa. Bức ảnh và lời chú thích dùng mẹo để được in rộng rãi. Trụ sở ở New York rất hài lòng với công việc của chúng tôi, đến nỗi họ viết một câu chuyện về nó cho hàng trăm hãng mua tin, trong đó đài tiếng nói Hoa Kỳ đã phát trở lại Sài Gòn. Chúng tôi chắc rằng chính quyền biết tin, bài và ảnh lậu đang lọt qua sân bay nhưng không thể

chặn được chúng tôi. Có lẽ vì họ muốn tránh những đối đầu lộn xộn.

Có những người thuộc dòng truyền thông chính thống của Mỹ không thích những gì chúng tôi đang làm và kêu ca các tin, bài của chúng tôi đang hủy hoại chính sách quan trọng của Mỹ. Họ đổ tội sự “không nhạy cảm” của chúng tôi là do thiếu kinh nghiệm. Joseph Alsop, người phụ trách chuyên mục có ảnh hưởng rất lớn bắt đầu gọi chúng tôi là “những kẻ tham gia thập tự chinh trẻ tuổi” và kêu ca: “vẽ một bức tranh căm phẫn và tăm tối rất dễ khi không cần quan tâm tới thực tế là nếu bỏ qua phần đông người Mỹ thán phục những người Việt nam chiến đấu và chỉ ra một sỹ quan Mỹ trong mười người nghĩ rằng những người nước ngoài chiến đấu thật tẻ”. Một phóng viên nổi tiếng từ chiến tranh Triều Tiên và Chiến tranh Thế giới thứ hai, Marhuerite Higgins cũng thường tới Sài Gòn. Cô ta nghi ngờ chúng tôi không yêu nước, chĩa những lời nói chua cay vào Halberstam. Anh ta cũng phản đòn không kém cạnh. Có tin đồn cô ta nói với những người quen ở Sài Gòn, “phóng viên ở đây thích nhìn thấy chúng ta thua trong cuộc chiến để chứng minh họ đúng”. Tạp chí Time cho rằng chúng tôi là những thanh niên trẻ bị kích động bởi những câu chuyện và sai lầm trầm trọng trong cách làm tin. Charles Mohr, Trưởng phân xã Time ở Đông Nam Á, bỏ việc trong tức giận cùng tay cộng tác viên của tờ Time ở Sài Gòn, Merton Perry.

Vài tuần sau đó, tờ Time tóm tắt những đánh giá bằng một câu chuyện, “Một ngày nào đó sẽ có những cuốn tiểu thuyết về những tên tuổi đắt giá của các phóng viên thường trú Mỹ làm tin chiến tranh ở Việt Nam 1963. Thử giả tưởng họ sẽ làm cho mọi thứ trở nên rõ ràng và mọi thứ đều trở nên đúng như vậy. Nhưng ngày hôm nay nói sự thật với giới báo chí Sài Gòn là một việc khó khăn”. Bài báo tiếp tục nói rằng “Theo quan điểm cá nhân, các phóng viên thường trú nghiêm túc một mặt nào đó về tuổi trẻ, tham vọng, chèn chèn và yêu công việc. Họ nhận thức nhiệm vụ rõ ràng”. Chúng tôi cũng có những người ủng hộ, thường là các biên tập từ các tờ báo Mỹ tới tận mắt chứng kiến những mớ lộn xộn đó và thường làm việc trong văn phòng Sài Gòn của chúng tôi, tham gia làm tin với chúng tôi và những đối mặt xã hội.

Những rắc rối với trụ sở chính AP được giải quyết khi trận Ấp Bắc chứng minh nỗ lực của chúng tôi, ghim chặt những công nhận tích cực chính thức của Washington. Cuộc đấu tranh biểu tình của các Phật tử đẩy câu chuyện lên đầu mọi tờ báo ở Mỹ, mang lại vị trí mà AP hằng mong mỏi. Bây giờ chúng tôi được văn phòng chính hoàn toàn ủng hộ. Hàng ngày báo chí Sài Gòn tấn công chúng tôi bằng tiếng lóng, gọi chúng tôi là cộng sản đang cố gắng phá hoại đất nước cùng những bức tranh biếm họa miêu tả các phóng viên thường trú nước ngoài như những kẻ thù chính trị nguy hiểm, xuất hiện thường xuyên, thể hiện tính hoang tưởng và sự hận thù của chính quyền.

Các nhà phê bình dò xét, chú ý tới tuổi trẻ của chúng tôi và cả những con số nhỏ nhoi tới mức độ tràn lan những câu chuyện và sự giống nhau trong cách làm tin để kết luận rằng chúng tôi đều trong một kết cấu. Nhưng khi câu chuyện tiếp diễn, dành vị trí thường xuyên trên trang nhất thì Luật báo chí thương mại bắt đầu thi hành, các biên tập viên về nhà bắt đầu đánh giá hoạt động của AP, UPI và tờ Thời báo New York. Tất cả chúng tôi đều mong mỏi là người đầu tiên viết những sự kiện mới nhất hoặc những bài phân tích sâu sắc nhất, nhưng Phòng Ngoại sự luôn nhắc nhở nếu chúng tôi quá chậm.

Phóng viên thường trú có ảnh hưởng nhất là Mal Browne và Dave Halbrstam, cả hai đều viết những bài phân tích gây tranh cãi và đều viết không biết mệt mỏi. Văn phòng AP luôn luôn đông đúc, Roy Essoyan thường đến từ Tokyo cùng với Ed White để giúp chúng tôi. Tất nhiên là có Horst với những bức ảnh về chiến sự ở Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên tới các cuộc hỗn loạn ở các đại lộ Sài Gòn.

Chia sẻ suy nghĩ của họ với chúng tôi có Beverly Deepe – phóng viên nữ duy nhất sống ở Sài Gòn vào lúc đó làm cộng tác cho tờ New York Herald Tribune, Francois Nivolon của tờ Le Figaro, người sống trong căn hộ cùng toà nhà với chúng tôi và phóng viên ảnh tự do Maichael Renard. Bất kỳ lúc nào chúng tôi cũng có thể tập hợp được những người bạn tâm giao giúp chúng tôi viết bài về những sự kiện phức tạp trong thành phố. Halberstam là tay trụ cột trong nhóm khác gồm Neil Sheehan và Ray Herndon của UPI, Nick Turner của Reuter và Mert Perry cùng các thành viên làm báo thường xuyên tới thăm.

Hai nhóm phóng viên cạnh tranh, những phóng viên tham vọng không tạo ra sự thông đồng. Chúng tôi cạnh tranh từng ngày và có xu hướng bí mật. Chúng tôi bảo vệ nguồn tin đặc biệt bên trong. Bài tin về Thích Quảng Đức tự thiêu của Browne là bài tin quốc tế và tạo nên cơn sốt báo ảnh. UPI làm tốt hơn chúng tôi với những bài tin đầu tiên về các cuộc tấn công chùa chiền. Halberstam thì ghi điểm bằng những bài phân tích quân sự sâu sắc.

Sau những cuộc tấn công chùa chiền, chúng tôi nhận thấy UPI, Thời báo New York và Reuter đang trở thành mầm mống trong tranh giành quyền lực ở vương triều báo chí. Mal xem nhẹ điều đó.

Chính sách của Mỹ như được Lodge đổ dầu thêm lửa khi những phụ tá của ông ta rỉ ra thông tin cuộc gặp với Tổng thống Diệm. Ông ta không thích phong cách lãnh đạm, cách thí tốt của Diệm và luôn lảng tránh những trao đổi thực tế về những vấn đề cấp bách nhất. Cảm giác không thích nhau rõ ràng ở cả hai phía. Madame Nhu miêu tả Lodge như một tay “Thống đốc”. Tổng thống Kennedy nói với Walterr Cronkite trong cuộc phỏng vấn của CBS mà Chính quyền Diệm “mất sự ủng hộ của người dân”. Đài tiếng nói

Hoa Kỳ trích lời quan chức Washington như lời đe dọa giảm chi phí hỗ trợ trọn gói 1,5 triệu đô la 1 ngày nếu gia đình trị không giảm bớt quyền lực của mình. Tất cả đều là dấu hiệu Mỹ mong muốn Ngô Đình Nhu và vợ rời khỏi chính trường.

Khi những dấu hiệu phản ứng của Lodge càng trở nên rõ ràng thì bản tin hàng ngày của chúng tôi giáng thêm đòn vào bản cáo trạng. Trẻ em thuộc tầng lớp trung lưu thành thị cũng tham gia vào những cuộc biểu tình của các Phật tử. Học sinh bắt đầu biểu tình trong lớp học tại các thành phố lớn trong cả nước. Lái xe tới đường Đoàn Thị Điểm, tôi thấy vài trăm xe đạp ném lên vỉa hè dưới gốc cây, sau đó được biết chúng thuộc về toàn bộ học sinh Trường nữ sinh Marie Curie. Binh lính Cộng hoà bắt nữ sinh trên đường tới trường và dồn lên xe tải vì họ biểu tình chống lại chính quyền. Những người quanh đó chứng kiến cảnh tượng khăng định những chiếc xe đó mang sao, vạch và còng tay biểu tượng của lực lượng hỗ trợ Hoa Kỳ cho miền Nam Việt Nam. Chữ “U.S” được in dập khuôn màu đen trên thắt lưng của binh lính. Cuối buổi chiều, những phụ huynh đang mệt mỏi tìm kiếm xe đạp của con gái họ, trao đổi những việc về tra tấn và các hành động tàn bạo khác. Giữa những khuôn mặt phụ huynh đầy nước mắt là nhân viên quân đội cấp cao mặc thường phục và nhân viên Chính phủ ăn mặc chỉnh tề. Tôi không hiểu nổi những đàn áp thô bạo và ngu ngốc của chính quyền đương nhiệm.

Phòng Ngoại sự New York yêu cầu tôi viết một bài phân tích “mùi mẫn” về cuộc nổi loạn của học sinh ngày 14-9. Ngày hôm sau bài viết xuất hiện trên toàn bộ hệ thống cung cấp thông tin toàn quốc của AP:

“Cậu bé học sinh nhảy chân sáo với chiếc cặp trên vai ở miền Nam Việt Nam đã trở thành biểu tượng phản kháng mới nhất với Chính quyền Ngô Đình Diệm. Trước đây chưa bao giờ cậu bé chịu nhiều áp lực trong đất nước của mình tới vậy. Nhưng trong con mắt của người dân Việt Nam cậu này ngày càng trở nên nổi tiếng trong cuộc đấu tranh với lính và lực lượng cảnh sát. Đến nay, Chính quyền Sài Gòn đã bắt gần ba nghìn học sinh ở trường cậu và ném họ vào nhà tù và trại tập trung. Hơn một nghìn học sinh vẫn bị giam giữ. Trong những đêm gần đây, lính và mật thám đã đột kích nhà ở của cậu với danh nghĩa Luật Quân sự, kéo cậu và chị em của cậu đi thẩm vấn. Sự phản kháng mà một nhà quan sát ngoại quốc đặt cho sự phản kháng “ngu ngốc về vang” vẫn tiếp diễn khi cậu để lại nhiều rắc rối hơn với nhiều trường học hơn. Khi được hỏi tại sao chống lại Luật Quân sự, cậu ném lọ mực và ghé vào đội lính lười lê và nói: “Chúng tôi là những Phật tử và họ (Chính quyền Diệm) đang cố gắng tiêu diệt chúng tôi”.

Tôi kết luận bài viết nói rằng cuộc nổi dậy của học sinh là kết quả trực tiếp từ sự phản kháng Chính quyền Diệm của các bậc phụ huynh và trích lời một nhân chứng phương Tây không có tên, chứng kiến cuộc biểu tình như một

thách thức của cộng sản, vào thời gian đó được xem như lực lượng thống nhất mạnh nhất ở Việt Nam: “Đây là sự biểu lộ thái độ công khai thực sự của dân chúng trong một Việt Nam tự do từ khi Diệm lên nắm chính quyền”, tôi trích lời người quan sát. Không có một người địa phương nào trong câu chuyện của tôi hay một cái tên nào vì những thông tin này có thể dẫn tới một cuộc đàn áp xa hơn.

Roy Essoyan thêm vào một bài phân tích thẳng thắn, sắc bén về tình hình chính trị bùng nổ khi trích lời một trong mười bốn nghìn quân nhân Mỹ ở Việt Nam nói rằng “chúng ta sẽ mất bao lâu nữa để họ xoay vắn chúng ta?”. Một cố vấn khác được trích lời khi kêu ca: “ba tháng trước đây khi tôi tới Việt Nam, vợ tôi nghĩ rằng tôi sẽ trở thành một anh hùng, nhưng bây giờ cô ấy viết thư cho tôi và hỏi xem tôi có giúp đỡ chính quyền Diệm bắt bớ những học sinh không?” Essoyan nói thêm “rất nhiều người Mỹ ở đây – quân nhân, tướng, bí thư của Đại sứ quán và các nhà ngoại giao bắt đầu cảm thấy cái đuôi của con chó đã vẫy quá lâu và đã đến lúc phải dừng lại. Câu hỏi lớn đặt ra là bằng cách nào?”.

Nếu chúng ta có thể tin bản báo cáo rò rỉ từ nguồn tin bên trong Đại sứ quán Mỹ thì Lodge đã quyết định sự thay đổi chỉ có thể xảy ra cùng với việc lật đổ Chính quyền Diệm vào thời gian thích hợp. Quan điểm này chưa bao giờ được công khai chính thức nhưng dường như cài vào những lời đồn đại có chủ ý. Sau này Lodge nói với tôi: “Khi lần đầu tiên tôi tới đó có những lời đồn đại đảo chính và làm sao tôi được cử ra khỏi Washington để nhận nút và gây ra đảo chính. Thực tế tôi phát hiện ra chả có cái nút nào, chẳng có gì phải mở màn, điều này là một sự lãng mạn. Các tướng Việt Nam Cộng hoà không sẵn sàng tin tưởng chúng ta vì họ nghĩ người Mỹ nói quá nhiều và rất khó giữ bí mật. Chính vì vậy mà được gọi là đảo chính đã bay hơi”.

Quan hệ giữa Đại sứ quán Mỹ nằm trên đường Hàm Nghi và Dinh Tổng thống đối diện văn phòng chúng tôi ở đường Pasteur ngày càng xấu đi. Quan sát về cuộc đảo chính bắt đầu khi chúng tôi nghe thấy tín hiệu khởi nghĩa. Gia đình trị đã sử dụng những trang báo của tờ Times of Vietnam bằng tiếng Anh do một người bạn người Mỹ của gia đình họ Ngô, Anne Gregory điều hành. Dưới nhan đề bài viết 5 cột trên trang nhất nói rằng chuyến thăm Sài Gòn của Bộ trưởng Quốc phòng Robert Mc Namara ngày 24-9 là nhằm dọn đường phá hoại chính quyền. Ngày hôm sau dưới một tit màu đen kích cỡ tương tự, bà Gregory xác nhận CIA đã cố gắng đảo chính hai lần nhưng thất bại, giờ đang tiến hành lần thứ ba. Những gì thực sự xảy ra khi vào ngày 4-8, Quốc hội đánh điện cho Đại sứ Lodge thể hiện mối quan tâm của người Mỹ với những vị tướng Việt Nam về tình hình hiện thời, một đường dây được hiểu là bật đèn xanh cho cuộc đảo chính.

Madame Nhu đang đi du lịch nước ngoài, phát biểu tại cuộc họp báo ở Rome rằng những người lính Mỹ trẻ đóng quân ở miền Nam Việt Nam đang “xử sự một cách vô trách nhiệm và hành động giống những cậu lính nhỏ tuổi”. Chúng tôi chuyển những bài đánh máy telex về những lời nhận xét này tới Đại sứ quán Mỹ, kéo Lodge ra khỏi yên lặng phát ngôn của mình. Ông ta đọc lời phúc đáp được phụ tá báo chí chuyển trên điện thoại cho chúng tôi: “Đó là một tuyên bố gây sốc. Những sĩ quan trẻ tuổi này đang mạo hiểm cuộc sống của họ hàng ngày. Một số đã bị giết bởi chính những người bạn Cộng hoà. Tôi không hiểu tại sao có người lại nói một cách tàn nhẫn như vậy. Những người này nên được cảm ơn thay vì bị xúc phạm”.

Chiến tranh lời nói luôn đi kèm chiến tranh tinh thần. Một chiều Mal nói với tôi là anh ta được biết Lodge ngồi tại bàn làm việc cùng khẩu súng đã được nạp đạn bên mình vì mối đe dọa ám sát đã được truyền tới Sứ quán. Những mối đe dọa từ mạng lưới an ninh chính quyền được cử bảo vệ Lodge và cộng đồng ngoại quốc.

Cuối mùa thu, có một số người mang trọng trách của Mỹ lại cho rằng Tổng thống Diệm đang xử sự biết điều với những yêu cầu của người Mỹ về thay đổi chính sách. Ông ta đồng ý bãi nhiệm em trai và em dâu của mình và ông ta chuẩn bị giảng hoà với các Phật tử. Các sỹ quan của tướng Harkin cho rằng, tình hình quân sự bị quên lãng cũng không tệ hơn và những cuộc cải cách hành chính cần được tiến hành. Đối với giới báo chí điều đó được tính là sự đầu hàng của Diệm khi Mỹ bắt đầu ngừng viện trợ cho miền Nam Việt Nam. Chính quyền Kennedy cũng tuyên bố thay đổi rõ nét nhằm ngăn chặn các nhà phê bình trong nước và ngoài nước khi tuyên bố đầu tháng 10 các cố vấn Mỹ sẽ rút an toàn khỏi Việt Nam vào năm 1965 và một nghìn người đầu tiên sẽ được về nhà vào Giáng sinh. Trong một bài phân tích viết cho AP hôm đó, tôi đã viết:

“Chính quyền Kennedy dường như đã tính toán cả khi dự báo phần lớn nhiệm vụ quân sự Mỹ ở miền Nam Việt Nam sẽ hoàn thành vào năm 1965. Một nguồn tin đáng tin cậy của Mỹ tiết lộ ngày thứ 6 rằng bản báo cáo lạc quan do Bộ trưởng Quốc phòng Robert McNamara trình Kennedy nói rằng “phải tính đến những điều không thể lường trước liên quan tới lực lượng vũ trang Việt Nam về khả năng tổ chức đánh du kích mà họ đang sử dụng và mức độ quân sự cũng rất chuyên nghiệp”.

Trong những năm sau đó, chủ trương âm mưu quanh những quyết định của Kennedy khi bắt đầu rút quân vào năm 1963. Chủ trương đó cho thấy ông ta bị ám sát sau đó bởi những phần tử cực đoan tin rằng những chính sách đó sẽ giao miền Nam Việt Nam cho cộng sản. Nếu chính sách của Kennedy hoàn thành thì theo tôi không có điều gì nghi ngờ những người cộng sản rơi vào vị trí tự thiết lập chiến tranh cho chính họ, nhưng cũng có

lúc tôi tin rằng Tổng thống Mỹ dự định những hành động xúc tiến nếu những yếu tố khác không đảm bảo hoà bình. Trong câu chuyện của tôi, tôi trích dẫn những nguồn tin cấp cao nói rằng mục đích những hành động quân sự đã hoàn thành của Chính quyền Kennedy là nhằm giảm những cuộc tấn công mà quân đội Việt Nam Cộng hoà phải giải quyết đó là chiến tranh du kích từ phía sau và không thể tổ chức những cuộc tấn công như vậy xảy ra vào đầu năm.

Tôi kết luận” Ấn tượng chung ở Sài Gòn là McManara và Taylor yêu cầu những lãnh đạo quân sự đưa ra dự đoán khi nào Hoa Kỳ rút lui thì thích hợp. Một nguồn tin cấp cao nói rằng “McManara muốn biết nếu chúng ta có thể thắng, nếu chúng ta có thể chiến thắng cùng Diệm và nếu chúng ta có thể rút lui. Chính sách mới này đưa ra ba yếu tố trong đầu”. Nhìn lại tôi thấy Kennedy đang thực hành các lựa chọn chính trị của mình nhằm ám hiệu cho Ngô Đình Diệm ngoan cố rằng Mỹ không cần thiết tham gia vào cuộc chiến tới hồi kết thúc và chỉ cho các nhà phê bình trong nước của Chính quyền Sài Gòn rằng ông ta khá thoáng ở Đông Nam Á.

Vào ngày 5-10, một phụ nữ Việt nam gọi cho vài phóng viên thường trú và cam đoan rằng “hôm nay sẽ có sự kiện xảy ra ở chợ Trung tâm”. Roy Essoyan đi bộ ra chợ tìm những đội cơ động “chống tự tử” lượn qua các đường trên xe Jeep chở đầy dụng cụ cứu hoả và lính có vũ trang. Những máy ảnh nhỏ được giấu kín trong túi của chúng tôi. Phóng viên từ Washington Post. John Sharkey đã ở đảo giao thông cố gắng không để lộ nhưng không thành công. David Halberstam đi cùng với Grant Wolfkill của NBC cùng chiwcs máy ảnh hiệu Bolex vũng chắc sau lưng. Các đại diện trong giới phóng viên đủ để làm cho nhân viên an ninh lo lắng và tôi nhận ra một vài gương mặt quen thuộc theo dõi chúng tôi từ phía xa đường Lê Lợi. Khi giao thông thưa dần sau giờ cao điểm buổi trưa, chúng tôi đoán đã bị bám theo và quyết định ăn trưa trên đường.

Tôi không nhận ra chiếc Taxi Sài Gòn màu xanh đi quanh đảo giao thông, sau đó dừng lại cách tôi 10 thước. Cửa xe mở và một thanh niên trẻ nhanh chóng xuất hiện, cài một cái gì đó trên cơ thể. “Chúa ơi, một vụ tự tử”, tôi nghe thấy Essoyan thét lên nhưng nghi ngờ điều đó. Người đàn ông này cạo trọc đầu nhưng mặc trang phục tôn giáo màu nâu, không phải bộ lễ phục màu vàng của nghi lễ tự tử.

Khi chiếc xe biến mất, người đàn ông kéo một chiếc can nhỏ từ trong túi của anh ta, ngồi theo thể đài sen. Đôi mắt nhìn xa xăm, anh ta để can vào lòng, lôi chiếc hộp giấu từ tay áo bên phải ra châm diêm. Ngọn lửa màu vàng bập bùng khi cháy đến quần áo. Anh ta để tay trên đầu gối và không kêu ca gì hết, thậm chí khi ngọn lửa nhỏ đã bốc quanh mình. Khi ngọn lửa đã cháy

lên mặt, tôi phải đứng xa vì độ nóng. Tôi nhìn thấy anh ta cau mày và nghiến răng.

Tôi đang nhớ tới những lời miêu tả nói móc máy của Madame Nhu về những vụ tử tự vì đạo Phật như những vụ “nướng thịt”. Tôi bấm máy vài lần và cố gắng ghi chú nhưng tay tôi run lên hoảng sợ.

Essoyan tái mét mặt cạnh tôi. Tiếng rên rỉ lớn dần từ đám đông tụ tập. Tôi nghe thấy một người đàn bà cười điên dại, đưa trẻ bông trong tay của một người đàn bà khác đang khóc còn đôi mắt của người mẹ thì đang dán vào vị sư bị bốc cháy. Một thanh niên trong đám đông đập tay vào Essoyan và tôi nói rằng: “Các ông hãy chụp ảnh, viết bài. Các ông phải nói với Kennedy về những gì đang diễn ra ở đất nước này”. Một người đàn bà giật áo tôi, nước mắt chảy đầm đìa trên khuôn mặt khi bà ta định nói gì đó nhưng không thành lời. Bà ta không ngừng chỉ vào vị sư và giật áo tôi khi ngọn lửa đã cháy quanh cơ thể anh ta. Một cảnh sát giật nón trên đầu một phụ nữ bán rong để dọn đường qua đám đông, cố gắng dập tắt đám cháy nhưng nỗ lực của anh ta chỉ làm bạn với lửa và làm nó cháy cao hơn. Viên cảnh sát loạng choạng nắm lấy bụng anh ta, tiếng làm bầm của đám đông lớn dần thành tiếng gầm câm lặng trong tiếng khóc thét và rên rỉ. Cuối cùng, một người đàn ông mặc quân phục ném chiếc chiếu dày vào thân hình đổ gục nằm xấp và lính cứu hỏa xịt bình vào ngọn lửa. Đội y tế bó thân hình anh ta trong một cái túi, ném vào xe cứu thương chờ sẵn và biến mất. Tất cả những gì còn lại là đồng than trên vỉa hè chất đầy hoá chất cứu hoả.

Đội chống tự tử đã bỏ lỡ cơ hội nhưng nhân viên an ninh thì xua đuổi phóng viên ảnh chỉ trước 1 phút sau khi vị sư châm lửa. Tôi giấu máy ảnh vào túi hy vọng chuồn đi với vài kiểu đã chụp. Những kẻ ngu dân đang chú ý vào Grant Wolfkill, cố gắng giật máy ảnh của anh ta, nhưng anh ta cao lớn, giữ nó qua vai và thậm chí trên đầu của những nhân viên an ninh Việt Nam nhỏ bé. Wolfkill là một cựu chiến binh và bị bắn hạ ở Lào trong một trực thăng vào năm 1961, bị bắn bởi Pathet, và bị giam 6 tháng trong một nhà kho bằng gỗ: anh ta sẽ không từ bỏ phần thưởng của mình một cách dễ dàng.

Tôi nhìn thấy Halberstam và Sharkey chạy tới hỗ trợ, có tiếng thét và những đôi tay vụt quật, tôi chạy về phía họ cho tới khi tôi cảm thấy bàn tay của nhân viên an ninh đang động vào cơ thể mình. Tôi nhận thức rằng phải cứu những bức ảnh và tôi chuồn khỏi họ, luồn lách qua đám đông băng qua chợ khi lính xe tăng bắt đầu kéo tới. Trên đường Lê Thánh Tôn, tôi chạy nhanh hơn và chạy về phía sau Dinh Gia Long về văn phòng.

Horst gửi những chú giải về trụ sở báo ảnh ở New York tối hôm đó, giải thích những gì xảy ra: “Tôi bước vào văn phòng và Arnett thờ hồn hên, “có một vụ tự thiêu khác” và đưa cho tôi hai chiếc máy ảnh. Chiếc Minolta mà

Essoyan sử dụng bị tắc trước khi anh ta chụp được hình. Chiếc Leica, Arnett sử dụng bị đọng nước bên trong từ chiến dịch quân sự lần trước và tất cả năm bản âm bị mờ. Với trái tim trĩu nặng, tôi cố gắng làm việc với những bản âm của Arnett, tráng chúng nhanh hơn bình thường và in chúng vào những bìa cứng đặc biệt. Chúng giống như bản in từ máy quay phim 8mm nhưng có thể sử dụng được. Khi Essoyan vội vàng viết lời tựa cho bản tin, Arnett chạy ra ngoài và tìm một người chuyên tay chuẩn bị đáp máy bay đi Hồng Kông. Trong vòng 80 phút của vụ tự thiêu, bồ câu đưa thư đã trên đường. Chính quyền Sài Gòn chặn việc chuyển ảnh của chúng tôi từ bưu điện nhưng bồ câu đưa thư đã lọt qua. Và Arnett đã cố gắng đọc trích dẫn ba bức ảnh của bài viết tới Paris bằng điện thoại”.

Essoyan có nhiều điều hơn để nói. Hàng tá nhân viên áo vải tấn công những đồng nghiệp của chúng tôi. Họ giật máy quay của Wolfkill, chiếc duy nhất tại vụ tự tử. Anh ta đã đến giúp chúng tôi trong ngõ hẻm trước đó vài tháng, Halberstam cũng tới giúp Wolfkill, chạy qua những kẻ đàn độn. Tay quay phim bị đâm vào một chiếc xe đỗ nhưng anh ta đã kịp chuyển máy quay cho John Sharkey, người sau đó đã chiến đấu với tay an ninh nhảy lên chiếc vai chắc nịch của anh ta. Sharkey chuyển qua cho Halberstam cố gắng chạy về phía khách sạn gần đó nhưng bị hạ gục và chiếc máy quay văng trên vỉa hè. Wolfkill để đôi chân bảo vệ lên dụng cụ nhưng một người đàn ông mặc thường phục đá nó dưới anh ta và ném dây văng vào tay của một cảnh sát khác mà lấy tay nắm nó và biến mất.

Những gã đàn độn bắt đầu đánh nhau. Khi Sharkey cúi xuống giúp Halberstam đứng dậy trên vỉa hè, một cảnh sát đã đánh bằng gậy gỗ vào đầu anh ta, để lại một vết thương với sáu mũi khâu. Wolfkill bị đập vào lưng bằng súng lục và nhìn lên để xem một tay cảnh sát đang đưa khâu súng lục trước mặt. Sau này, anh ta nhớ lại điều đó chưa phải là thô bạo bằng việc tức giận mất tin sốt dẻo, “những trái tim tan vỡ vì đáng lẽ có những cuộn phim về một sự kiện nhạy cảm mà lại để bị ăn trộm”.

Đại sứ Lodge ra mặt phản đối. Sự hy sinh của người đàn ông trẻ tuổi nảy sinh ra sự xung đột khác giữa chính quyền Mỹ và chế độ Diệm, nhưng tệ hơn thế, điều này làm sống lại nỗi ám ảnh về những vụ tự tử hãi hùng. Những cuộc biểu tình phản đối nhiều hơn và một điều gì đó mà chính quyền đã nhận ra là họ phải dừng tấn công chùa chiền sáu tuần trước.

Nhưng những cố gắng báo chí của chúng tôi không làm cảm động người mua tin. Một bài xã luận ở báo New York Herald Tribune kêu ca rằng giới báo chí Sài Gòn có những xử sự sai, đáng lẽ chúng ta phải cứu vị sư thay vì để anh ta chết.

Cõ lẽ câu đáp lại của tôi là tôi có thể ngăn cản vụ tự sát bằng cách chạy tới

vị sư và dập lửa đi nếu tôi có mưu kế. Là một con người tôi muốn làm điều đó, nhưng là một phóng viên tôi không thể. Nếu tôi cứu anh ta, mật thám quan sát từ xa sẽ bắt anh ta ngay lập tức và mang anh ta đến một nơi mà chỉ Chúa mới biết, và đây là lúc chúng ta tin rằng những vị sư phản kháng bị giết một cách bí mật. Nếu tôi cố gắng ngăn cản họ làm điều này thì chính tôi đã tự đẩy mình vào tình hình chính trị Việt Nam. Vai trò của tôi là một nhà báo sẽ bị huỷ hoại cùng danh tiếng của mình.

Trong bài phân tích để hiểu mối quan hệ giữa báo chí và quân đội trong suốt cuộc chiến tranh Việt nam của mình, nhà sử học quân sự William M. Hammond trích câu trả lời của tôi nhưng đưa ra chú ý về những lý do của tôi và tuyên bố điều đó bằng cách đưa ra những gì tôi đã cho thế giới thấy thì có nghĩa tôi đã can thiệp vào chính trị miền Nam Việt Nam cứ như thể tôi là người châm lửa cho vị sư. Tôi không nghĩ điều đó công bằng khi đổ lỗi cho người mang thông điệp về nội dung những gì anh ta truyền tải. Người Hy Lạp thường giết những người báo tin về những đợt thủy triều xấu.

Chương 6: Vụ Đảo Chính 01-11-1963

Các đám đông tụ tập mọi ngõ ngách đường phố Sài Gòn suốt năm ngày, đầu họ nghên lên trời chờ đợi phép màu đạo Phật một nhà tiên tri dự đoán, hành động của tạo hoá sẽ lay chuyển mặt trời.

Một trong những người lính nhìn lên mặt trời mà nói rằng “thậm trí trời cũng phản đối số phận khốn khổ của những Phật tử Việt Nam”. “Tôi nghe nói mặt trời đang di chuyển vòng nhỏ hơn trên bầu trời như một dấu hiệu từ trời”. Binh lính được giao nhiệm vụ ngăn chặn đám đông tụ tập, giải tán những đám đông xem bói bất kỳ nơi nào nhưng chính những nhân viên an ninh cũng đang liếc nhìn mặt trời rơi vào miền tăm tối huyền bí và những phép màu lạ kỳ đang nhiệm màu trên đất nước Việt Nam mê tín.

Nếu gia đình họ Ngô đọc được điều gì từ những điềm báo trên trời thì họ cũng không tiết lộ. Họ chỉ quan tâm tới lực lượng vũ trang bị lay động bởi những cuộc tấn công của Phật tử và bản chất xấu xa của những cuộc tấn công đó hay không.

Có dấu hiệu khả quan rõ ràng từ phía Mỹ tác động tới những thay đổi của chính quyền, đủ để viết lên tường cho các tướng đọc, rất nhiều nhận xét quan trọng trên đài tiếng nói Hoa Kỳ đe dọa cắt giảm viện trợ, tay “thông độc” Đại sứ ngu ngốc cắt liên lạc với chính quyền tối đa. Chúng tôi chỉ có thể đoán những âm mưu đằng sau bức màn và mức độ họ đang làm. Và chính quyền thì hoang tưởng.

Ngày 30-10, cô Lý Thị Liên mặc áo dài trắng đạp xe qua khách sạn Caravelle ở trung tâm Sài Gòn thì một phóng viên ảnh từ Newsweek yêu cầu cô đứng lại chụp ảnh với Đại sứ Herry Cabot Lodge. Cô nữ sinh đang trên đường từ nhà tới trại trẻ mồ côi Thiên Chúa giáo nơi cô sống cùng mẹ mình, đã đồng ý với lời đề nghị làm hài lòng vị Đại sứ để chịu khi nói chuyện với cô. Khi đi được nửa khu phố, một tay mật thám bắt cô và giải đi, để tìm hiểu xem cô đã nói gì với Đại sứ. Nhân viên Đại sứ Mỹ rất phẫn nộ, tiến hành điều tra ngay lập tức thông qua Bộ Ngoại giao, cô được thả ngay hôm sau và được về nhà.

Những phóng viên phương tây thường là người đầu tiên biết những vụ tử công khai hoặc những cuộc biểu tình sắp diễn ra nên thường bị theo dõi nghiêm ngặt. Mal nhận ra văn phòng và căn hộ của chúng tôi đang bị mật thám theo dõi. Vì lo sợ sẽ có “vụ đột nhập văn phòng” nên Mal gửi hết hồ sơ cá nhân cho Đại sứ quán Mỹ giữ. Chúng tôi biết đường giây điện thoại của văn phòng bị ghi âm và mỗi cuộc gọi hàng ngày đều có tiếng động ở đường dây chúng tỏ một người nào đó đang kiểm soát. Một số người gọi điện tới văn phòng đã bị bắt vì vậy chúng tôi thường trả lời điện thoại: “Đây là Hãng

tin AP, đường dây này đang bị kiểm soát bởi nhân viên công cộng. Xin hãy tiếp tục”. Năm người lái xe riêng cho các phóng viên thường trú nước ngoài đã bị bắt và bị thẩm vấn về những hoạt động của họ. Nhân viên lễ tân tại khách sạn Caravelle và Majestic nói có nhiều phóng viên thường trú tới ở được hướng dẫn chỉ cung cấp xe và lái xe của Chính phủ cho các phóng viên.

Chính quyền đang theo dõi nhằm người. Chúng tôi chỉ là người cuối cùng biết những gì thực sự đang diễn ra. Keyes Beech của tờ Chicago Daily News cho rằng những ý kiến đảo chính đã tàn lụi và anh ta viết một câu chuyện trên báo ngày 30-10 với tiêu đề “Tại sao Mỹ không hát căng Diệm”. Anh ta viết “Thực tế phải được đổi mặt. Người Mỹ có thể sản xuất nhiều ô tô, bồn tắm, điện thoại, lúa mì, ngô cùng hàng đống hơn bất kì dân tộc nào trên thế giới. Nhưng người Mỹ lại không giỏi việc đảo chính”

Nhưng ngày hôm sau, thứ sáu ngày 1-11, giới phát thanh truyền hình náo loạn vì những lời đòn đai và căng thẳng. Thành phố trống rỗng và yên tĩnh vì bản nhạc trưa truyền thống khi Herry Cabot Lodge gặp Ngô Đình Diệm cho tiệc chia tay trước khi ông ta khởi hành về Washington kết thúc nhiệm kỳ công tác hai ngày sau đó. Khi Lodge tạm biệt Diệm thì tôi đang tác nghiệp ở Lào và chuẩn bị bay về Sài Gòn. Tôi thích thú theo dõi tin tức nhưng không nghi ngờ gì về một cuộc đảo chính đang tới gần. Những năm sau đó Lodge nhớ lại lời nói của Diệm nói với ông ta” “Mỗi lần một vị Đại sứ ra đi là bắt đầu một cuộc đảo chính”. Lodge còn nói thêm: “Diệm nói với tôi sắp có một cuộc đảo chính xảy ra nhưng tôi không biết là ai sẽ làm điều đó và ở đâu và những tay lập kế hoạch đảo chính lần này dường như thông minh hơn trước đây vì rất nhiều trong số họ tôi không phát hiện ra ai làm chủ mưu”. Lodge nhớ đã tiễn Tổng Tư lệnh Harry D. Flet đáng kính tại sân bay và trở về biệt thự của ông ta với Harkins, “chúng tôi ngồi ăn trưa thì những tiếng pháo tự động nổ ra, nghe như ở ngay phòng bên cạnh vậy, trực thăng bay phía trên, bắt đầu cuộc đảo chính”.

Một giờ trước đó Mal được thông báo một hoạt động quân sự khác thường sẽ diễn ra xung quanh sở cảnh sát. Nguồn tin của chúng tôi về những chi tiết an ninh tại Đại sứ quán Mỹ tiết lộ cuộc đảo chính đang diễn ra và Sở Chỉ huy Hải quân mặt trận trên sông đã bị đội quân đảo chính bao vây. Mal nhảy vào chiếc xe Jeep của văn phòng lái về Sở Chỉ huy Hải quân mất 10 phút. Anh ta ở cách chốt an toàn nửa toà nhà thì nghe thấy một nhân viên hét lên và phải quay lại. Trận chiến đã bắt đầu trước khi nghe tiếng bom vang dội lúc 3 giờ chiều. Những âm thanh hỗn độn của bom oanh tạc Phủ Tổng thống vang vọng trên đường cùng tiếng bắn trả máy bay rùng rợn. Một tay lính trung thành đã cứu Mal khi kéo mạnh anh ta qua bức tường ra khỏi tầm bắn của súng cối.

Máy bay trở khách của Hàng không Việt Nam đỗ ở Phnôm Pênh đang bay vào địa phận Việt Nam lúc 3 giờ chiều thì phải quay hướng bay trở lại Phnôm Pênh. Tôi đập mạnh cửa buồng lái phi công và nỗi sợ hãi của tôi được Cơ trưởng, người đang nói chuyện với bộ phận điều khiển máy bay dưới mặt đất giải thích: đảo chính đang xảy ra, máy bay ném bom đang oanh tạc trên bầu trời Sài Gòn thổi tung Dinh Tổng thống. Tôi đã lỡ mất câu chuyện lớn nhất trong cuộc đời mình bởi sân bay Tân Sơn Nhất đóng cửa.

Tôi cầu xin phi công xem xét lại. Tôi đưa ra những khả năng tồi tệ nhất có thể xảy ra với gia đình của anh ta và gia đình của đội bay trong thành phố. Tôi cãi rằng máy bay phải có quyền hạ cánh trên chính mảnh đất của nó. Kì lạ là Cơ trưởng đồng ý. Khi chiếc máy bay lượn trên bầu trời, anh ta nói với người điều hành bay dưới mặt đất là sẽ hạ cánh bằng mọi cách, dần xuống thấp và xuống hẳn. Hai mươi phút sau, chúng tôi hạ cánh tại sân bay hỗn loạn ngập xe tăng và xe bọc thép.

Đội mặt đất đã bỏ trốn hết. Khói đen bao trùm trung tâm Sài Gòn cách đó 3 dặm, pháo và tiếng nổ của các loại vũ khí nhỏ vang dội cả sân bay. Taxi bị bỏ không. Tôi mất kiên nhẫn vì chờ đợi. Một xe buýt sân bay đưa nhanh tôi đến Dinh Tổng thống trước khi người lái xe mất bình tĩnh, thả tôi xuống. Tôi lao đảo bước xuống đường Pasteur hướng về văn phòng qua từng cây me. Tiếng súng vang dội xung quanh tôi. Tôi nhìn thấy lính bắn phá từ cửa sổ tầng trên ở Dinh Gia Long. Toà nhà và là căn hộ văn phòng 3 tầng của chúng tôi đã trở thành pháo đài cho binh lính bắn phá vào Dinh từ phía bên kia đường, họ cố thủ sau những bọc cát bằng áo sơ mi ở nơi đỗ xe và ban công tầng một bên ngoài cửa căn hộ của tôi.

Tôi chạy vào văn phòng. ED White đang ngồi đánh máy một cách yên lặng. Anh ta ngược nhìn tôi và nói: “Những người khác đang ở khách sạn Caravelle và tôi đang giữ pháo đài, điều mà tôi đã nói rất nhiều lần trước đây giờ đã trở thành sự thật”. Ed nhìn trông thư giãn với tẩu thuốc của mình. Anh ta nói mọi đường giây liên lạc bình thường hoàn toàn bị cắt khi đảo chính xảy ra nhưng chúng ta đã cố gửi những bản viết thông qua Đại sứ quán Mỹ và Hàn Quốc. Anh ta nói rằng chúng tôi sẽ thoả mái hơn với những câu chuyện mà chúng tôi có quyền. Tôi nói anh ta nên rời văn phòng trước khi trời tối.

Trong thời gian tạm vắng tiếng súng tôi đến khách sạn Caravelle. Mal và Roy Essoyan đang quan sát khung cảnh thành phố từ tầng trên, chỉ cho tôi xem trung tâm các trận tiếp diễn ở Dinh Gia Long, doanh trại lính bị bốc cháy sau khi kho đạn dược bị tấn công. Chỉ vài phát súng nổ, các trụ sở cảnh sát thành phố, quốc gia và Bộ Quốc phòng cùng Trung tâm Viễn thông và Đài phát thanh bị chiếm giữ trong những phút đầu tiên của cuộc đảo chính. Sở Chỉ huy Hải quân trên sông đã bị chiếm đóng sau một loạt máy bay ném

bom. Những lời đồn và phỏng đoán vài tháng trước đã trở thành sự thật trước mắt tôi. Tôi chứng kiến tất cả với một ly Johnnie Walker đỏ hiệu Scotch và một điều thuốc.

Tôi đi bộ xuống đường Catinat thì bị hai lính Mỹ chặn lại và hỏi đường tới quán Bar mở cửa gần nhất. Trẻ con đùa nháy trên vỉa hè, nhặt vỏ đạn khi trời sẩm tối. Một bà mẹ chơi đùa với đứa con trai nhỏ trên bệng binh giao thông đầy cỏ. Hai tay say rượu người Mỹ tản bộ qua toà nhà Quốc hội, một tay kêu ca lớn tiếng “Nói với họ phá bỏ nó đi. Chúng đe dọa mọi người”. Tôi đi về khách sạn Rex – nơi trú chân của quân đội Mỹ, những sỹ quan cấp cao đang nhìn về phía Dinh. Nơi đó đông đúc với nhiều lính sợ ra đường. Họ đang giết thời gian chơi xúc xắc hoặc với các loại máy slot.

Mal nói tôi đảm nhận nghĩa vụ quân sự Mỹ (canh gác) qua đêm và tôi ở lại đường Pasteur cẩn thận. Có rất nhiều cà phê và bánh trên bàn đủ cho một đêm thức trắng. Nhân viên gián điệp Mỹ tóm tắt cho tôi vào buổi tối về những gì anh ta được biết – sự trình diễn hào phóng hiếm có đối với truyền thông.

Đài phát thanh tiết lộ cuộc đảo chính do hai sỹ quan nổi tiếng tiến hành là Tướng Trần Văn Đôn và Dương Văn Minh được các chỉ huy lâu năm trong lực lượng vũ trang hậu thuẫn. Hành động định sẵn chính xác khiến sỹ quan thông tin của chúng tôi bình luận: “Điều đó cho thấy người Việt Nam có thể tiến hành một cuộc chiến tranh khá tốt nếu không tính đến vấn đề chính trị”, và tôi có cảm nhận ông ta đã tập dượt trong đầu các nhân vật trong vở kịch và bước tiếp theo cho những diễn viên mới.

Nửa đêm, doanh trại gác Dinh bị đánh bại sau khi chiếc xe tăng thối tung cả trung tâm của toà nhà sáu tầng. Trận đó để lại Dinh Gia Long như một biểu tượng cuối cùng của chính quyền Diệm. Xe tăng di chuyển từ từ như tốc độ bánh xe cho phép, bò qua những con đường chính từ phía Tây và từ phía sông, chiếm giữ vị trí bên ngoài tường Dinh. Lúc 4 giờ sáng, cuộc tấn công bắt đầu. Tiếng nổ đại bác, súng máy và những loại vũ khí bắn phá tốc độ cao tạo ra tiếng ồn không ngớt. Những con đường chìm trong bóng tối pha màu lửa đạn vàng xanh như đám mây ngũ sắc do đạn cối tạo ra. Các toà nhà gần Dinh trở nên rùng rợn. Quân lính lần theo từng cửa tiến gần hơn đến Dinh Gia Long. Lính gác tại Dinh dừng cầm chống cự được khoảng hơn hai giờ. Vào lúc 6 giờ 37 phút sáng, cuối cùng cờ trắng cũng được kéo lên từ Dinh và tiếng hò reo vang dội ngoài đường khi đội hải quân nổi loạn ulla vào trong qua lỗ hồng trên tường bao quanh khu vực chỉ huy nắm lấy phần thưởng của họ.

Tôi trở về căn hộ của mình thấy hai xác người lính ở ban công, máu của họ chảy lênh láng. Những mảnh bê tông lớn bị phá toạc khỏi tường nhưng

căn hộ và văn phòng chúng tôi không bị tàn phá. Chúng tôi biết rằng Diệm và Nhu bằng cách nào đó đã trốn thoát ra vùng ngoại ô. Nhưng ngay buổi chiều hôm đó có thông tin tiết lộ đã thất bại và chết sau đó.

Tất cả chúng tôi tập hợp lại tại khách sạn Caravelle ăn sáng, người đây bụi, mệt mỏi nhưng hoan hỉ vì mọi chuyện đã kết thúc và chúng tôi vẫn còn sống. Horst trở về từ Chiến dịch Đồng bằng sông Cửu Long đúng lúc để tiến vào Dinh cùng đội chiến thắng. Ngay sau đó chúng tôi lại ra đường chứng kiến những đám đông cuồng nhiệt đập phá những thành quả của gia đình họ Ngô và kéo đổ các bức tượng. Đêm đó các tướng lập kế hoạch lật đổ Diệm tới câu lạc bộ đêm dự tiệc mừng chiến thắng và mở ra một kỷ nguyên mới. Tôi góp mặt cùng tướng Đôn và tướng Minh tại Câu lạc bộ La Cigale.

Chúng tôi lắp ráp thông tin cùng nhau về những chi tiết bên trong cuộc đảo chính. Chúng tôi được nói rằng Đại sứ Lodge đã nói chuyện với Diệm. Vị lãnh đạo người Việt Nam đã gọi điện cho ông ta từ Dinh vào cuối buổi chiều để thông báo đảo chính bắt đầu. Ông ta hỏi ngài đại sứ xem ngài định làm gì. Đại sứ Lodge nói rằng: “Tôi đã nói cho ngài sự thật rằng tôi chẳng có chỉ thị nào cả và bây giờ là 4 giờ sáng ở Washington nên tôi chẳng có cơ hội nào để nhận được chỉ thị”. Diệm hỏi tiếp “VẬY Ạ... Ông phải biết đối sách gì chứ!”, tôi đáp lại tôi không biết rõ đối sách nào cho từng hoàn cảnh, và thêm rằng tôi lo lắng về sự an toàn của ông ta và đã sắp xếp cho ông ta ra khỏi đất nước an toàn. Tôi cũng nói “Tôi đã sắp xếp cho ngài giữ chức chức vụ đứng đầu Nhà nước, ngài có thể giữ vị trí danh dự và như vậy ngài sẽ an toàn”. Diệm nói “Ồ, tôi không muốn làm điều đó, tôi muốn khôi phục lại trật tự và tôi quay trở lại làm điều đó bây giờ”, rồi ông ta buông máy”.

Vị Đại sứ Mỹ đã nói dối Diệm, nhà lãnh đạo Việt Nam đã đoán được điều đó. Đại sứ Lodge nói với tôi là ông ta không biết chính xác thời gian cuộc đảo chính: “Tôi không được xếp vào bức tranh đã được hoàn thành cho đến đêm hôm trước”, ông ta nói. Tướng Harkins hầu như ở trong bóng tối và khi ông ta được biết điều đó. Ông ta đã thông báo cho Lodge về đối thủ của ông ta nhưng sau đó không điều gì có thể ngăn chặn được.

Cuối mùa thu năm đó, tướng Trần văn Đôn nói với tôi ông ta đã nhờ Đại sứ Lodge “bật đèn xanh” từ phía Mỹ nhằm lật đổ Diệm, và những người lập kế hoạch đảo chính đã sử dụng một điệp viên CIA đã nghỉ hưu Lucien Conein như kẻ hai mặt. Conein là nhân vật quen thuộc ở Sài Gòn, một tay nói nhiều, người chắc nịch, thành viên thường xuyên của quầy bar khách sạn Continental và những chôn ăn chơi nhậu nhẹt khác. Sau này Conein nói rằng, anh ta cùng với những người lập kế hoạch đảo chính mang theo một bộ đàm đặc biệt nhằm giữ liên lạc trực tiếp với Đại sứ quán Mỹ và được nối đường dây trực tiếp với đại sứ.

Chính Conein đã sắp xếp máy bay đưa Diệm và em trai ra khỏi đất nước. Chuyến bay đó chẳng bao giờ cất tới. Theo mệnh lệnh của một trong những tên nổi loạn, Diệm và em trai bị giết trong chiếc xe bọc thép sau khi bước ra từ nơi trú ẩn ở Chợ Lớn. Lúc đầu chúng tôi chỉ loáng thoáng viết những bài về vụ sát hại đó và cũng mệt mỏi để làm rõ sự việc. Sự nghi ngờ của chúng tôi được làm rõ khi một thiếu tướng quân đội Cộng hoà đến “văn phòng tạm thời” của chúng tôi tại khách sạn Caravelle cùng những bức ảnh về phần còn lại của hai anh em họ Ngô trong một chiếc xe quân đội. Anh ta đề nghị bán với giá hai nghìn đô la. Trong khi Roy Essoyan gọi điện cho trụ sở New York bàn bạc chuyện giá cả thì tay đó biến mất. Anh ta đã bán cho UPI.

Kết cục đẫm máu của cuộc đảo chính đã không làm Tổng thống Kennedy hài lòng. Tướng Maxwell Taylor nói với tôi trong một cuộc phỏng vấn sau này rằng ông ta gặp tổng thống tại Nhà Trắng “Như tôi nhớ, một người phụ tá mang điện tín tới, đặt trước mặt và ông ta đọc nó. Sau đó là khoảng lặng khá lớn xung quanh bàn và rõ ràng Tổng thống bị sốc, đứng không vững và bước ra khỏi phòng không nói gì với ai, ở bên ngoài khoảng vài phút và cuối cùng quay trở lại ghế ngồi, thảo luận như thể tất cả chúng tôi là nguyên nhân gây nên hậu quả”.

Nỗi sợ hãi của các nhà chỉ trích Chính quyền Diệm đã được chứng thực khi các nhà tù được mở ra và hàng nghìn tù chính trị xuất hiện xanh xao vì bị tra tấn và lạm dụng. Một trong số họ là Hoàng Thị Đông, một phụ nữ 29 tuổi theo đạo Phật và làm việc bàn giấy tại Đại sứ quán Anh đã bị nhân viên an ninh bắt lúc 5 giờ sáng ngày đảo chính. Cô ta kể, giọng trầm lắng rằng họ bịt mắt đưa cô ra đi trong một chiếc xe jeep tới một căn nhà nơi có những phụ nữ khác bị giam. Cô ta được dẫn vào một văn phòng sau đó một giờ, khăn bịt mắt bỏ ra, một người đàn ông ngồi ở bàn làm việc nói rằng biết cô ta mang những tài liệu Phật giáo cho Đại sứ quán Anh, đưa chúng cho các phóng viên thường trú nước ngoài cũng như Văn phòng của Liên Hiệp quốc và Phòng Thông tin Hoa kỳ.

Cô Đông nói, vài người đàn ông bước vào phòng khi cô từ chối không biết nơi những vị sư trốn. Giọng cô run lên: “Họ bắt tôi ngồi trên ghế và lột quần áo tôi. Họ bắt tôi nằm xuống, một người trói tay tôi vào phía sau ghế trong khi người kia buộc chân tôi. Họ nhét giẻ vào mồm và mũi tôi, rót nước vào miếng vải bần mà tôi nhìn thấy trên sàn khi bước vào phòng. Một trong số họ dùng nắm đấm thúc vào sườn tôi và một người khác tát vào má tôi. Khi họ bỏ giẻ ra một lúc tôi đã thét lên. Một người nhảy lên nhảy xuống trên người tôi để cho nước ứ ra khỏi miệng và người còn lại dùng gậy đập vào chân tôi và tôi bất tỉnh. Khi tôi tỉnh dậy, họ bắt tôi ngồi dậy dọn phòng, mặc quần áo và nói rằng tôi sẽ bị tra tấn nữa vào buổi chiều vì họ kết luận tôi là gián điệp của Việt Cộng và phải bị trừng phạt”.

Đông nói rằng, một cô gái trẻ bị mang vào phòng sau cô, và cô nghe thấy tiếng thét của cô ta cùng với âm thanh trực thăng trên trời, xe jeep và xe máy gầm rú trong khu vực lân cận và một người hét lên rằng lực lượng không quân sẽ làm cách mạng.

“Chúng tôi cùng chờ đợi qua buổi tối, qua ngày thứ bảy và nhìn thấy xe tải quân đội đi qua, các nhân viên đốt giấy tờ và chúng tôi cầu nguyện phe Chính phủ sẽ thua vì nếu họ không thua thì chúng tôi chắc chắn chết”. Cô ta nói rằng cuối cùng những người tra khảo cũng thả họ và xin lỗi vì hành động của mình.

Một sinh viên khác cay đắng nói với Mal rằng: “Người Mỹ phải chia sẻ trách nhiệm vì những điều này. Các ông đã hiểu họ rất lâu, nhưng các ông nhắm mắt làm ngơ, tiếp tục đào tạo và cung cấp vũ khí cho cảnh sát. Tôi nghe nói những phóng viên Mỹ đã chứng kiến các trại tập trung của Đức quốc xã và chỉ viết những bài rất hay về những loại hoa họ nhìn thấy trồng bên ngoài”.

Một kỷ nguyên mới đang dựng lên ở Sài Gòn như nhân tố của hy vọng. Không khí trong thành phố thay đổi kỳ lạ, một loại cảm giác mơ hồ tạo nên bởi nhiều điều nhỏ nhoi, mà quan trọng nhất là sự vắng mặt của sự sợ hãi. Mọi người không còn liếc nhìn qua vai, không phải ngắt quãng lời nói vì sợ nghe trộm. Mọi người không còn sợ nói chuyện với người Mỹ nữa. Các nhà sư áo nâu đi lại trên các ngã đường và người phương Tây không xa lánh họ vì sợ bị liên lụy nữa. Sinh viên, giáo viên và các nhà chính trị nói với chúng tôi một nhân tố khác của sự sợ hãi đã biến mất đó là nỗi sợ hãi gõ cửa lúc nửa đêm bị tổng vào các nhà tù Sài Gòn đầy ắp kẻ thù của chính quyền.

Không ai dám tin tự do này chỉ hơn một sự giải toả tạm thời. Vẫn còn cuộc chiến tranh thực sự ở vùng nông thôn. Một biên tập lớn tuổi của tờ báo bằng tiếng Việt uyên thâm nói với chúng tôi: “Anh phải nhận ra niềm hân hoan của chúng tôi. Chúng tôi quá hạnh phúc”. Con đường chính của thành phố không còn những hàng rào giây thép gai để bảo vệ Diệm và chính quyền của ông ta.

Tương lai nằm trong câu hỏi về vụ ám sát Tổng thống Kennedy. Điều làm sửng sốt những người Mỹ ở Việt Nam cũng như cả thế giới. Khi nghe tin đó, tôi đã chạy tới phòng Thông tin Hoa Kỳ tìm hiểu thêm và tôi đã gặp Bob Burn đầy nước mắt, người vừa được phân công từ Lào sang Sài Gòn. Nhận lời chia buồn của tôi, anh ta gạt tôi sang một bên và đáp lại “Khỉ thật, điều đó chưa đủ, cậu không thể hiểu điều đó có ý nghĩa gì với chúng tôi đâu”. Tối đó tôi viết bài “Mười sáu ngàn cố vấn quân sự Mỹ ở miền Nam Việt Nam phản ứng với thông tin choáng váng khó tin lan tràn trong toàn quốc”. Tôi trích lời tướng Harkins “Quyết định táo bạo của Kennedy tài trợ cho Việt

Nam trong cuộc chiến tranh chống lại Việt Cộng là một trong những điểm nhấn những cụm từ bi kịch viết tắt nhưng nổi tiếng của ông ta như người đứng đầu một quốc gia”.

Ngày hôm sau tôi theo trực thăng bay vào vùng chiến khu D, tham gia cùng Tiểu đoàn biệt kích Việt Nam Cộng hoà trong cuộc hành quân tiến sâu vào rừng. Cố vấn Mỹ, Đại úy David Thorenson chỉ biết Tổng thống đã chết. Thông tin đó được chuyển bộ đàm cho anh ta buổi chiều hôm trước từ máy bay chỉ điểm L-19. Tôi đưa cho anh ta chi tiết về vụ ám sát và anh ta đáp lại cay đắng: “Những người Dallas phải nói gì về điều này?”. Lính Việt Nam bắt đầu hỏi anh ta: “Làm sao điều này có thể xảy ra ở Hoa Kỳ”, đó cũng là câu hỏi xuất hiện trong đầu tôi. Thorenson đáp lại: “Tôi không biết phải nói gì với họ”. Mức độ vỡ mộng chính trị ở Việt Nam được minh chứng bằng việc người dân còn quan tâm tới cái chết của Tổng thống Mỹ hơn là cái chết của Tổng thống họ.

David Halberstam kết thúc nhiệm vụ tại Việt Nam ngày 19/12 và chúng tôi huyền não tập trung ở sân bay tiễn anh ta. David ôm chặt chúng tôi trong đôi tay to lớn nói rằng hối hận duy nhất của anh ta là rời Việt Nam trước tướng Harkins, người anh ta ghét cay ghét đắng. Đó là một bữa tiệc chiến thắng. David trở về như một ngôi sao trong làng báo bởi vì ảnh hưởng to lớn của tờ Thời báo New York. Sự xuất chúng của anh ta không bị ghen tị ở Sài Gòn. Tôi có lý do để ngưỡng mộ anh ta khi tới giải cứu tôi trong ngõ hẻm ở chùa Ấn Quang vào tháng 7. Tôi cũng có nhiều lý do để kính trọng sự dũng cảm uyên bác của David thể hiện trong các bài phân tích về chiến tranh. Khi anh ta bước lên máy bay quay về phía tôi nói rằng “Tôi lấy làm tiếc vì chúng ta đã không làm việc cùng nhau nhiều hơn, Peter”. Nhớ lại những chuyến đi trước đó của chúng tôi ở vùng nông thôn, tôi cười và nói với anh ta rằng dù sao tôi cũng học hỏi được từ anh ta. Năm đó, Halberstam và Mal Browne cùng nhận giải thưởng Pulitzer về những bài báo từ Sài Gòn.

Tôi quyết định ở lại Việt Nam không biết đến bao giờ cùng Mal và Horst sau thời gian thử lửa mười tám tháng. Trước năm đó, tôi đã sợ bị trục xuất vì những bài viết của mình. Đó sẽ là lần thứ ba liên tiếp tôi bị từ chối nhập cảnh trong vòng ba năm. Nhưng bây giờ mọi lo sợ không còn nữa. Chính quyền mới lãnh nhiệm hiệu hơn về nhu cầu của chúng tôi. Ba chúng tôi là một đội nhỏ liên kết chặt chẽ, cùng yêu một Sài Gòn oi ả, ngồn ngộn và đẹp, nơi cứ một bước chân là có tin, bài hơn bất cứ một nơi nào tôi từng đến. Browne bị thuyết phục rằng Sài Gòn là nơi hoàn hảo cho những bộ phim thời cổ với những phóng viên thường trú nước ngoài mặc áo đào hầm đóng vai chính. Tôi nhắc anh ta rằng Sài Gòn rất nóng và trang phục phải là quần kaki, áo thể thao. Chuyện tìm hiểu Nina của tôi đã trở thành mối quan hệ lâu dài.

Bây giờ văn phòng của chúng tôi có năm chiếc bàn lớn, với một bức tường do các tủ hồ sơ ngăn ra và những tấm bản đồ từ tường tới sàn với những tấm che bằng nhựa mà chúng tôi đánh dấu những chiến dịch quân sự quan trọng. Một điện thoại dùng chung có băng dính vì có rất nhiều vết vỡ, những chiếc điện thoại gần như cũng không chịu được. Mal và tôi cố gắng trang bị điện thoại cho từng căn hộ của chúng tôi trên văn phòng và hầu như ngày nào chúng tôi cũng bị đánh thức bởi tiếng chuông, thường là khoảng 5 giờ sáng. Những cuộc gọi bao giờ cũng là rắc rối; một vụ đánh bom ở nơi nào đó trong thành phố, một cuộc đảo chính hay một cuộc hành quân bắt đầu. Chúng tôi có thể tham gia nếu nhanh chân.

Mal có đôi ủng do một cửa hàng da địa phương đóng có bản thép ở đế mà anh ta đặt làm sau khi bước phải bẫy của Việt Cộng ở vùng đồng bằng. Một chiếc đinh thép đâm qua ủng và cắm vào chân, gây chấn thương khá đau. Anh ta quảng cáo đôi ủng cao cấp của mình cho tất cả bạn bè và cửa hàng vẫn hưng thịnh cho tới khi một hoặc hơn một trăm năm sau đó anh ta biết rằng ủng của mình là hàng rởm, không có một miếng lót kim loại nào được đặt vào bên trong đó.

Ký giả chiến trường luôn đối mặt với gian khổ nhưng đôi khi cũng thú vị và thường đó là cách duy nhất để có được tin, bài – thông tin từ mặt trận thường rất chậm về Sài Gòn và thường chấp vá. Chính quyền Mỹ trở nên giúp đỡ hơn một chút khi cho chúng tôi đi cùng trực thăng vào chiến trường. Đôi khi chúng tôi thuê taxi thành phố màu xanh và trắng đi tới hiện trường gần Sài Gòn. Mal mua trả góp chiếc Land Rover, anh ta sơn màu đỏ tươi giống màu tất anh ta luôn thích. Đôi khi chúng tôi nghe những trận chiến từ xa trên hệ thống thông tin mật đài Catinat, Horst và tôi nhảy lên chiếc Karmann Ghia màu trắng của tôi về vùng nông thôn, tìm kiếm những trực thăng đang bay mà có thể đi theo cho tới khi nghe thấy tiếng súng, đi qua những người lính đã chết, bị thương và những người dân trên đường.

Chúng tôi trẻ, đầu óc minh mẫn và tham vọng, thậm chí làm việc bảy ngày một tuần, và một trong chúng tôi luôn ở trong chiến trường, trong khi những người khác ở Sài Gòn viết những thông tin chính trị. Phương tiện liên lạc đơn giản, không có máy đánh chữ telex trong văn phòng vì các tổ chức tư nhân không được phép sử dụng thiết bị riêng. Những thông tin gửi đến cho chúng tôi hàng ngày qua người đưa thư của Chính phủ và ban đêm họ đập cửa căn hộ chúng tôi.

Browne và tôi sống đơn giản trong căn hộ giường đơn. Cả hai chúng tôi đều thuê những người phụ nữ già gốc Hoa để làm công việc giặt là, chợ búa, nấu ăn và dọn dẹp với mức lương 30 đô la một tháng, mức lương hàng đầu ở Sài Gòn lúc bấy giờ. Tôi không nấu ăn và thường ăn ở các nhà hàng Pháp,

Việt Nam và Trung Quốc của Sài Gòn.

Năm 1964, tôi 30 tuổi và bắt đầu nghĩ đến việc cần ổn định và sinh con như bố mẹ tôi đã làm và rất nhiều những người bạn của tôi cũng đang suy tính vậy. Nina là người thích hợp và tôi yêu cô ấy, nhưng viễn cảnh mất tự do độc thân đang đe dọa tôi. Khi tôi hỏi cưới cô ấy, tôi hoảng sợ với lời cầu hôn mà cô ấy đã được thuyết phục rằng tôi đang nói với cô ấy sự lãng mạn của chúng tôi đã kết thúc và cô ấy sẽ bật khóc tới khi tôi nhắc với cô ấy là tôi muốn nói điều ngược lại.

Chương 7: Kết Hôn

Cuối năm 1964, Chính quyền Johnson chuẩn bị vận động chiến dịch leo thang, đáp lại những cuộc tấn công của Việt Cộng vào các căn cứ Mỹ bằng các đợt tấn công trả đũa không quân đánh phá miền Nam Việt Nam, và đảm bảo hỗ trợ cần thiết đầy đủ nhất với Chính quyền Sài Gòn. Áp lực làm tin tăng lên với chúng tôi.

Mal, Horst và tôi giờ thành một đội. Chúng tôi tự coi nhau như “tổ bộ binh chiến đấu” cùng một chiến trường trong nhiều năm. Chúng tôi biết điểm mạnh và điểm yếu của nhau. Trong khi mọi việc vẫn tiếp diễn, tôi đã kết hôn. Hôn lễ tổ chức ở Hồng Kông để tìm kiếm sự bảo đảm của Chính quyền Anh và tránh những thủ tục rườm rà, phức tạp của Việt Nam. Nhiều người phương Tây nói những điều đặc biệt về người Việt Nam sau khi bị tính gan góc của đất nước và con người nơi đây chinh phục. Tôi là người sau cùng bị sự thông minh sắc sảo và dung nhan sáng ngời của Nina bỏ bùa mê. Tôi biết rằng cô ấy sẽ là người vợ và người mẹ dịu dàng. Gia đình thượng lưu của cô ấy nuôi dưỡng và sẵn sàng bỏ qua những xử sự vụng về của tôi. Trong cơn mất họ, tôi bắt đầu hiểu ra li gián chính trị và xã hội ngấm ngấm đang nổi lên trên bề mặt của Việt Nam và sẽ ăn sâu vào gốc rễ.

Nina không may sinh ra trong một đất nước có nhiều thay đổi, trong một gia đình mà vị trí ưu tiên của họ đã bị lãng quên. Khi còn nhỏ, cô ấy sống ở Tuyên Quang, nơi đó cha cô là nhân viên hành chính cho Chính phủ Pháp và mẹ cô là giám sát của bệnh viện phụ sản tỉnh. Khi người Nhật hất cẳng người Pháp, mang lại độc lập cho người Việt Nam, cha của Nina đưa gia đình về thành phố quê hương ông – Vĩnh Yên và làm một chân trong Hội đồng Đại biểu Nhà nước mới. Sự nghiệp chính trị của ông ngắn. Người Pháp giành lại sở hữu thuộc địa cũ của họ vào năm 1946 và chiến tranh nổ ra.

Cha của Nina ủng hộ lực lượng kháng chiến. Hồ Chí Minh lúc đó chưa hoạt động công khai và phong trào giành độc lập chủ yếu dựa vào bên ngoài và hạn chế. Gia đình cô trốn đi từ năm 1947 khi lính lê dương chĩa mũi nhọn cuộc tấn công của người Pháp vào thành phố. Kháng chiến với nhiệm vụ tiêu thổ chống giặc đã buộc họ đốt nhà và tài sản của chính mình. Họ chứng kiến nhà cháy khi chạy trốn qua cánh đồng lúa, mỗi người chỉ mang theo một túi đồ dùng cá nhân.

Cộng sản không tin cha cô ấy vì thân thế lúc sinh thời của ông. Người anh cả của cô ấy bị giết trong chiến tranh. Chị gái đầu tham gia trường Quân y của Cộng sản và gia đình mất thông tin của chị trong nhiều năm.

Mất lòng tin vào phong trào giành độc lập, Nina và chị mình Miriam trốn về Hà Nội đã bị Pháp chiếm giữ, sau đó bỏ mẹ và anh em sinh đôi cũng về

đó năm 1954. Năm 1955, sau khi đất nước bị chia cắt, họ vào Sài Gòn trong chuyến bay di cư của Mỹ. Người chị gái chọn ở lại và hai người em đã bỏ lỡ cơ hội đi cùng. Trong những năm đầu tiên gia đình họ còn được trao đổi thư từ với những người ở bên kia giới tuyến, nhưng sau đó thậm chí những liên lạc tối thiểu cũng bị cắt giữa hai vùng.

Hai chị em của Nina tới tham dự lễ cưới của chúng tôi ở Hồng Kông. Chúng tôi ở trong căn hộ của Michael Renard nhìn ra Causeway Bay và những người bạn của tôi từ Sydney, Bangkok và John Cantwell là phù rể. Cờ báo hiệu nguy hiểm bay quanh cảng vì cơn bão Tilda trong khu vực. Chúng tôi bắt taxi tới toà Thị chính thành phố. Nghi thức đám cưới rất đơn giản. Người làm thủ tục dẫn chúng tôi tới một cái bàn, bảo chúng tôi ký vào một tờ giấy. Nina nhìn lên tôi, cô ấy thất vọng nói, “Việc này giống như hoàn trả tấm séc”. Nhưng sau đó người làm thủ tục đưa chúng tôi tới một phòng trang trọng và rộng, bảo Nina và tôi ngồi xuống cạnh nhau bên một bàn lớn có nhân chứng ngồi đối diện. Anh ta bảo chúng tôi nhắc lại lời thề và chỉ vào những phần trang trọng của giấy kết hôn, bảo tôi đeo nhẫn cho Nina và chúng tôi được công nhận là vợ chồng. Chúng tôi tổ chức tiệc cưới đêm đó trong phòng Jade sang trọng ở khách sạn Hilton Hồng Kông.

Nina hiểu công việc của tôi. Chúng tôi sẽ sống trong căn hộ nhỏ phía trên văn phòng cạnh căn hộ của vợ chồng Mal Browne và Lê Liễu. Nina nhanh chóng có bầu. Gia đình AP cũng ngày càng phát triển: John Wheeler và Ed White đến với nhiệm vụ dài hạn.

Chủ tịch mới của AP, Wes Gallagher tới thăm Sài Gòn lần đầu tiên vào năm 1964 để gặp đội ngũ phóng viên mặt trận của ông ta và có vài lời khuyên thẳng thừng cho tôi. “Tiếp xúc với các tướng và sĩ quan hàng đầu một cách lịch sự và cậu sẽ làm tốt. Không quan trọng là cậu sẽ viết gì về họ mà là thái độ cá nhân của cậu mà họ sẽ nhớ và đánh giá cậu chứ không phải những câu chuyện của cậu”. Lời khuyên của ông ta có ý tốt nhưng đã lỗi thời từ khi nhân viên kiểm duyệt quân đội chỉ đơn giản cắt bỏ những phần gây tranh cãi của những bài tin.

Một vài ngày sau khi Gallagher tới, ông ta phải đương đầu với tình hình chiến tranh ngày càng xấu đi và những mâu thuẫn của nó. Điều đó thử thách sức chịu đựng của ông ta. Horst Faas bước vào văn phòng sau bốn ngày ở chiến trường với một vài cuộn phim khủng khiếp nhất kể từ khi Mal Browne chụp nhà sư Thích Quảng Đức tự thiêu một năm trước đó.

Faas nói theo cách của mình về một cuộc hành quân bộ binh thiết xa vận của Sư đoàn Bộ binh 7 Cộng hoà ở cánh đồng sậy, vùng đầm lầy khủng khiếp nhất năm đó. Nhưng mùa này là mùa khô nên bùn đóng lại thuận lợi cho những cuộc hành quân nhanh. Mục tiêu là vùng các thôn hoang sơ,

những ngôi làng mái tranh và những hàng cây khô héo nằm trên biên giới với Campuchia ở phía bắc Đồng bằng sông Cửu Long. Chính quyền Sài Gòn chưa bao giờ áp đặt kiểm soát lâu dài trong khu vực này và thường do phía Cộng sản chiếm giữ. Chính vì vậy, đây là trò chơi công bằng cho những nhà chiến lược quân sự. Horst đi cùng một xe bọc thép, trong hai ngày không có sự kiện diễn ra nhưng đến ngày thứ ba đội quân gặp phải cuộc tấn công du kích của Việt Cộng. Họ bắn phá từ các bụi cây phía dưới và sau đó rút qua một làng về phía biên giới. Một cố vấn quân sự Mỹ ngồi cùng xe với Horst gọi máy bay cứu viện tấn công để chặn những kẻ trốn chạy, và trong vòng vài phút, bom nổ và bom napan dội xuống những ngôi nhà. Dòng xe bọc thép tiến về phía trước trong khi trục thẳng rú vang lên theo dấu Việt Cộng qua làn khói và những ngôi nhà bốc cháy.

Horst ở lại phía sau. Đây là lần đầu tiên anh ta ở lại trong làng ngay sau vụ tấn công không quân. Anh ta sốc với sự tàn sát ngay trước mắt mình. Tối đó, khi bước vào văn phòng anh ta nói với tôi đó là lần tồi tệ nhất mà anh ta đã chứng kiến trong ba cuộc chiến tranh. Khi những tấm ảnh in ra, tôi hiểu anh ta muốn nói. Trong một bức ảnh, một người nông dân ôm chặt đứa con hai tuổi của mình trong tay. Quần áo của đứa trẻ bị cháy bởi bom napan và những mảng thịt cháy xém từng mảng. Trong một bức ảnh khác, một người nông dân ôm cơ thể đứa con bị thương đưa lên cho những người lính liếc nhìn vô cảm từ phía trên chiếc xe bọc thép.

Sau đó Gallagher bước vào sau cuộc phỏng vấn với Đại sứ Lodge. Gallagher nói rằng các biên tập viên ảnh ở Mỹ muốn biết làm sao những điều như vậy có thể xảy ra khi quân nhân Mỹ đã nhúng tay vào. Ông ta nói tình tiết cần cân bằng để tránh sự phẫn nộ của các nhân viên Chính phủ ở Washington đang nghi ngờ chúng tôi thiên vị. Điều đó có nghĩa chúng tôi phải chỉ ra Việt Cộng cũng chịu trách nhiệm cho những hành động tương tự như vậy.

Theo yêu cầu của ông ta, tôi viết một bài về những bức ảnh chỉ ra cả hai bên đang xây dựng kho vũ khí đạn dược và chiến tranh đã bước vào tiến trình mới khốc liệt. Tôi trích lời một quan sát viên: “Lòng căm thù lớn dần lên ở hai phía. Nhiều kế hoạch được lập ra hơn” và tôi muốn nói rằng những người dân ở trong tình trạng nguy hiểm hơn bởi Chính phủ sử dụng lực lượng dội bom napan. “Vấn đề khó xử về đạo đức chúng ta đối mặt ở đây cũng giống như những gì chúng ta đối mặt ở Triều Tiên hay bất kỳ cuộc chiến tranh nào chúng ta tham gia”, tôi trích lời cố vấn Mỹ, người đã nói chuyện với Horst ở chiến trường. “Chúng tôi không muốn nhìn thấy người dân bị giết và họ bị giết vì đó là hậu quả tồi tệ của chiến tranh”.

Vào tháng 1, vài trăm Việt Cộng đã vào huyện Bến Cầu ở Tây Ninh. Tỉnh

trường yêu cầu hàng rào pháo binh san bằng ngôi làng giết rất nhiều kẻ thù nhưng cũng liên quan tới nhiều người dân vô tội. Tôi chỉ ra vụ giết Việt Cộng bốn ngày trước đó ở tiền đồn Nhi Bình cách Sài Gòn hai mươi dặm về phía Nam, nơi những người có liên quan đến lính miền Nam Việt Nam – phụ nữ và trẻ con bị đâm chết bằng lưỡi lê. Tôi lưu ý vụ đốt cháy làng Cao Đại ở Phú Mỹ vào tháng 9 bởi vì người dân từ chối công nhận Chính phủ và vụ chém đầu nông dân ở tỉnh Kiên Hoà vì từ chối đóng thuế Việt Cộng.

Gallagher hài lòng với danh mục những tàn khốc chiến trường mà chúng tôi đề cập từ viễn cảnh tới nỗi sợ hãi. Cả hai bên đều tàn khốc. Nếu sự thật là một bức tranh đáng giá hàng nghìn lời nói thì tôi nghĩ tôi nghi ngờ những giải thích cặn kẽ của chúng tôi làm giảm bớt những ảnh hưởng từ những bức ảnh của Horst.

Bảy giờ cuộc chiến được những tay nhiếp ảnh tự do khám phá. Những người mạo hiểm cả cuộc sống của mình để đổi lấy những bức ảnh 15 đô la mà Horst trả cho họ. Đôi khi từ ngữ không thể chuyển tải bằng những bức ảnh. Mal Browne chớp được một bức ảnh một lính Việt Nam đang cố gắng xiết cổ một nông dân bị thương khi buộc cổ anh ta vào cột. Một cộng tác viên mang về bức ảnh một tù nhân Việt Cộng bị kéo tới chết bằng sợi dây buộc phía sau chiếc xe bọc thép đi chệch choạng trên đầm lầy. Một cộng tác viên khác bán cho chúng tôi bức ảnh một lính hải quân Cộng Hoà mang ba chiếc đầu du kích Việt Cộng đầy máu.

Tháng 10-1964, phóng viên ảnh tự do Jim Pickerell đi cùng tiểu đoàn biệt kích Cộng hoà tới gần biên giới Campuchia để bắt ba người dân bị tình nghi liên quan đến vụ mai phục tuần trước. Người tù bị trói sau lưng, lính dùng hình thức tra tấn bằng nước để bắt họ khai, bắt họ quỳ xuống rồi dội nước vào giẻ đắp lên mặt họ. Hậu quả giống như chết đuối vậy, và gây ra cái chết bị sặc nước. Jim chụp đủ các loại ảnh về chủ đề man rợ: một trong những người tù bị dúi đầu xuống một bình nước to trong vài phút trước khi được kéo ra khi gần chết đuối.

Mal dường như muốn truyền tải sự man rợ này, viết một bài bình: “Khủng bố và chống khủng bố là chủ đề thường xuyên của lịch sử quân sự và chính trị Việt Nam trong nhiều thế kỷ và nó đang tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trong cuộc chiến tranh khốc liệt ngày càng đẫm máu nơi đây”. Anh ta miêu tả tra tấn và kết luận những nạn nhân còn sống được là may mắn: “Cơ hội sống sót trong các cuộc thảm sát chiến trường là rất hiếm hoi. Những cái chết của tù nhân dưới bánh xe bọc thép, chém đầu hoặc bị chảy máu tới chết hay tay bị chặt hoặc một viên đạn xuyên qua đầu. Tất cả đều là một phần của chiến tranh ở miền Nam Việt Nam”.

Lúc đó một người nhận xét rằng Hiệp Định Giơnevơ chưa bao giờ được

dịch sang tiếng Việt và đó là lý do không ai kiểm chứng được nó. Thật buồn cười. Thực tế, mọi người chỉ đưa ra lời nói đầu môi đối với Luật Quốc tế về Chiến tranh và đổ lỗi cho bên kia vì vi phạm nó. Những bản tin của chúng tôi có xu hướng nhấn mạnh vào phía chính quyền vì chúng tôi không có cơ hội viết về những người Việt Cộng bí mật. Chúng tôi chỉ thấy phản ứng từ phía họ: những xác chết hay những tù nhân ở chiến trường hoặc những tàn phá của những cộng đồng mà họ tấn công.

Phóng viên Mỹ không mong muốn trở thành công cụ phản đối quốc tế, nhưng đang bị kéo vào tình trạng khó xử. Chúng tôi không lập nền tảng hoàn hảo để lờ đi thực tế của chiến trường và nhắm mắt làm ngơ sự thật là chính sách của Mỹ đang thất bại.

Giữa tháng 12, trong chiến dịch phòng thủ mới đặc biệt, những người cộng sản bắt đầu tiến hành những cuộc tấn công với mức độ hai tiểu đoàn mỗi ngày chống lại những ngôi làng đã được củng cố và những đơn vị bộ binh khá thành công. Chỉ trong một tuần, tôi viết về những hậu quả đẫm máu sau ba cuộc tấn công như vậy ở phía nam Sài Gòn. Đỉnh điểm là cuối năm đó tại một làng lánh nạn Thiên Chúa giáo ở Bình Giã cách Sài Gòn 40 dặm về phía đông. Horst là người đầu tiên có mặt tại hiện trường cùng với lính thủy đánh bộ Cộng hòa đã giải phóng thị trấn sau khi Việt Cộng trấn giữ ba ngày. Tôi phải mất một ngày mới tới đó. Phóng viên ảnh Henri Huet cố gắng đi nhờ trên một trục thẳng nhưng không được nên đành sử dụng chiếc Ghina Karmann trắng của tôi. Chúng tôi lao qua những chiếc xe quân đội, xe ngựa và những người đi bộ cho tới khi nhìn thấy những lính bị thương đầu tiên đang được chữa trị trên đường cao tốc.

Màn đầu tiên của trận đánh đã kết thúc. Khung cảnh nhắc tôi nhớ trận Ấp Bắc trước đó hai năm khi một tiểu đoàn Việt Cộng quyết định ở lại chiến đấu và giành chiến thắng. Tại Bình Giã, một tiểu đoàn lính Cộng hòa tấn công một trung đoàn Việt Cộng và bị đánh tan tác. Chúng tôi quan sát vài nghìn lính đang được đưa vào chiến trường. Họ nói cho chúng tôi biết tiểu đoàn lính thủy đánh bộ cùng các cố vấn Hoà Kỳ đã đi vào một trong những rừng cao su của Pháp gần đó để tìm kiếm tàn tích của chiếc trục thẳng bị bắn rơi bốc cháy cùng bốn người Mỹ trên đó. Suốt đêm đó chúng tôi nghe thấy tiếng vang dội của trận chiến cách đó nửa dặm khi lính thủy đánh bộ gặp phải Việt Cộng. Sáng hôm sau Huet và tôi đi bộ về phía rừng cao su, bước vào cảnh hoang tàn. Tôi đã viết:

“Bình Giã, miền Nam Việt Nam, ngày 2-1. Trung úy lính thủy đánh bộ Hoa Kỳ lần đầu tiên nhìn thấy Việt Cộng qua ống nhòm cách đó khoảng một nghìn thước: có một số nhóm quân mặc đồ kaki có vũ khí và đội mũ sắt, Việt Cộng đã di chuyển gần hơn, chậm rãi ẩn mình qua từng gốc cây trong rừng

cao su sau một trận càn bởi lực lượng Không quân Cộng hoà và nhiều súng máy trực thăng bắn phá”.

“Đây không phải là lính du kích, họ là lính chính quy”, sĩ quan lính thuỷ đánh bộ hét lên trên bộ đàm của anh ta với đội chỉ huy bay phía trên hàng cây cao su trong trực thăng. Anh ta hét “bổ sung lực lượng không quân vào đây”. Đó là lần cuối cùng đại tá John B. Wadsworth nói rằng “Tất cả những gì chúng tôi biết dưới kia là địa ngục chiến trường” và “chúng tôi biết nó tồi tệ như thế nào”.

Lời nhận xét của ông ta được chứng minh đúng vào ngày thứ bảy. Rừng cao su vốn lạnh lẽo, yên tĩnh, nay càng thêm lạnh lẽo bởi những xác lính thuỷ đánh bộ. Những hàng xác lính nằm trong ánh nắng mặt trời trang nghiêm bên cạnh một chiếc trực thăng, lá chuối được ném phủ lên họ. Những lính khác tiếp tục chuyển những thi thể ra khỏi rừng trên những chiếc cáng thô sơ. Phóng viên giật bắn với một lính biệt kích bị thương trốn trong bụi cùng những viên đạn ở chân anh ta. Anh ta đã ở đó từ khi một tiểu đoàn lính biệt kích bị tiêu diệt vào thứ ba tuần trước. Ba trung úy lính thuỷ đánh bộ Mỹ uể oải bỏ phờ bên bộ đàm chiến trường, một trong số họ giọng tức giận trên loa: “Cậu nói bao nhiêu? Bao nhiêu? được rồi 67”. Quay sang một phóng viên, anh ta bình luận: “Đó là con số bây giờ chúng ta có, con số tồn thất. Chúng ta cũng tìm thấy thi thể của bốn người Mỹ”.

Đó là cuộc tìm kiếm bốn người Mỹ bị bắn hạ, bốc cháy trong một trực thăng trên những hàng cây cao su đêm thứ tư, dẫn tới việc di chuyển của Tiểu đoàn lính thuỷ đánh bộ 4 vào rừng cao su gây nên thảm hoạ. “Chúng ta phải đưa những người Mỹ này ra”, một sĩ quan Mỹ nhận xét ở Bình Giả. Cái giá phải trả quá cao – khoảng 250 lính thuỷ đánh bộ tử trận, một nửa tiểu đoàn. Một số sỹ quan Mỹ nói rằng lính thuỷ đánh bộ tìm kiếm rắc rối khi đứng lại chờ mười bốn tiếng trước khi họ hướng vào tìm kiếm tàn tích.

Đại tá Wadsworth nói: “Các cố vấn lính thuỷ đánh bộ của chúng tôi nói họ có thể rơi vào bẫy của Việt Cộng. Chúng tôi đã hết sức cảnh giác”. Nhưng cảnh giác vẫn chưa đủ.

Trận Bình Giả đánh dấu một năm tồi tệ nhất chiến trường Việt Nam, mở ra một thời kỳ đổ máu tồi tệ hơn, một thập kỷ chiến đấu đưa người Mỹ vào hòng súng của Việt Cộng và đặt Mỹ vào đồng hỗn độn. Đối với chúng tôi là những phóng viên, kỹ năng quân sự của lính Việt Cộng và sự dũng cảm của họ thật ghê gớm. Tuy nhiên, chúng tôi thường bị ngăn cản miêu tả kỹ năng chiến trường thiện chiến của họ.

Một thông điệp gửi văn phòng Sài Gòn từ biên tập viên ngoại sự Ben Bassett của AP đưa ra các quy định. Bassett viết: “Chúng ta đang tiến tới sân diễn mà nếu chúng ta chưa tới được nơi những bản thảo của chúng ta bị các

nhân viên góp ý về bất cứ dòng nào nói bi quan hoặc được coi là mang giọng xã luận. Điều này không cần thiết chặn trước những câu chuyện nói đúng sự thật chúng ta quan sát, hãy tiếp tục những công việc cao cả của các bạn nhưng chúng tôi muốn bản thảo chúng ta được đọc lần thứ hai để đảm bảo cho sự an toàn cũng như sự phát triển của chúng ta. Tôi lưỡng lự chỉ ra một ví dụ vì có thể ảnh hưởng tới tất cả chúng ta nhưng tôi kêu gọi mọi người chú ý vào đoạn cuối trong câu chuyện Sài Gòn của John Wheeler vào ngày 6-8 nói rằng: “huấn luyện tốt và nồng nhiệt công hiến là nguyên nhân Việt Cộng đưa ra mọi chỉ dẫn cho những chiến thắng liên tiếp cùng những phương pháp mà đến giờ vẫn rất thách thức”. Tôi không nghi ngờ những từ ngữ và văn cảnh là thật nhưng chúng ta có thể tránh những thiên vị vô dụng đối với một phía hoặc bên kia và đặc biệt tránh những dự đoán chúng ta hoàn toàn không có đầy đủ cơ sở thông tin. Trong khi tiếp tục viết những câu chuyện như những gì được xem là tích cực hoặc khả quan theo quan điểm của Hoa Kỳ. Nói cách khác, đừng hạn chế viết các câu chuyện nhưng phải đảm bảo chúng ta đang nói một cách đầy đủ”.

Trong ghi chú làm tin cho Trưởng phân xã của chúng tôi, Bassett viết: “Tôi chắc anh hiểu những gì tôi đang nói. Đó chỉ là vấn đề truyền tải triết lý cho toàn bộ nhân viên. Đã đến lúc cho những cái đầu lạnh và sự phản ánh về những bản copy của chúng ta nếu bị thách thức. Tôi đã gửi cho anh một bản copy về câu chuyện của Wheeler, chỉ ra một số cú ngữ được thay đổi mà không làm nhạt đi những điểm quan trọng của một câu chuyện hay. Không một điều gì ở đây chứng tỏ thiếu lòng tin vào anh và nhân viên của anh. Tôi biết một số bản copy ra khỏi Sài Gòn vào những giờ nhạy cảm phải được kiểm duyệt không gây nhiều chú ý. Chúng tôi sẽ cố gắng làm phần việc của chúng tôi”.

Chương 8: Tiếp Cận

Khi chiến tranh Việt Nam bắt đầu trở thành vấn đề trầm trọng ở Mỹ, tôi cố gắng vận dụng lời khuyên của Gallagher là tiếp cận các vị tướng Mỹ. Như một binh nhì trước đây, tôi luôn kính trọng quyền lực của những ngôi sao bạc trên quân hàm của các tướng lĩnh. Nhưng kinh nghiệm đầu tiên không may mắn của tôi là với một sỹ quan Mỹ vào loại thâm niên lâu năm, tướng Paul D. Harkins, Tổng chỉ huy Quân đội Hoa Kỳ thời Diệm. Ông ta xem các cơ quan báo chí Sài Gòn như những thằng đàn nguy hiểm. Trong vài dịp đối mặt với ông ta, tôi nghĩ ông ta nói dối tôi triệt để. Khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, chúng tôi đều cho rằng những ngày của Harkins chỉ còn đếm trên đầu ngón tay. Khi ông ta nghỉ hưu vào tháng 6-1964, chúng tôi vui mừng bắt đầu trang mới với người kế nhiệm, tướng William Westmoreland. Tôi tới sân bay Tân Sơn Nhất ở Sài Gòn cùng các hãng báo chí ngóng đợi khi một sỹ quan 50 tuổi tóc hoa râm, gầy với danh tiếng một chỉ huy năng động đến.

AP nghĩ họ có thể lực với Westmoreland vì Wes Gallagher từng một lần cứu Westmoreland khi xe jeep của ông ta lao vào rãnh bên đường trong chiến dịch Bắc Phi trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Gallagher giữ liên lạc với Westmoreland như hai người bạn thân và cả hai đều thăng tiến trong những công việc đáng kính của mình. Chúng tôi chẳng nhận được sự ưu ái đặc biệt nào từ tổng chỉ huy nhưng Westy cho phép Roy Essoyan đi cùng trong chuyến đi thực tế chín tiếng xung quanh vùng chiến và nói với anh ta về sự cấp thiết phải đoàn kết chính phủ và nhân dân ngoài những nỗ lực quân đội. Essoyan viết một tiểu sử sơ lược tâng bốc Westmoreland như rất nhiều đồng nghiệp của tôi đã làm. Nhưng tôi chả bao giờ tiếp xúc đủ thân mật với ông ta để viết một bài và khi chiến tranh leo thang tôi cảm thấy vị chỉ huy cấp cao của Mỹ không ưa tôi. Tôi biết tôi không thực hiện được mệnh lệnh của Gallagher khi ông ta thông báo Robert Tuckman, Trưởng phân xã AP ở Sài Gòn tới sau: “nhiệm vụ của anh ta là tiếp cận các tướng, hãy để Arnett và những người khác ra ngoài làm tin”.

Chính quyền quân đội muốn chúng tôi miêu tả Việt Nam như một đồng minh đáng tin cậy và có giá trị của Mỹ. Nhưng điều đó không phù hợp với những gì chúng tôi chứng kiến: giới lãnh đạo thiếu quyết tâm, tham nhũng tràn lan và đất nước đang chìm vào nhánh sông của chính nó đào ra. Trong những cuộc chiến tranh của Mỹ trước đó, nhận thức về mục đích quốc gia và kiểm duyệt luôn tạo ra không khí làm việc êm ái giữa quân đội và truyền thông. Ở Việt Nam thì chả có mục đích quốc gia hay kiểm duyệt gì. Chính quyền mới không thể tạo ra được điều thứ nhất và cũng không vui vẻ áp dụng điều thứ hai.

Dù Westmoreland cố gắng tiếp cận giới báo chí một cách nghiêm túc và

đáp lại, chúng tôi cũng dành cho ông ta sự nỗ lực chân thành để làm hài lòng ông ta nhưng rất khó tiếp tục nói những điều tốt đẹp. Các sự kiện liên tiếp cần được viết và phân tích, và chúng tôi buộc lòng phải đặt câu hỏi miền Nam Việt Nam có thể được cứu vãn bởi chính nhân dân không và đưa ra phỏng đoán giải pháp chính trị là không thể và không cần thiết. Chiến tranh đã leo thang bằng khủng hoảng chính trị suốt năm 1964 khi các sỹ quan quân đội tranh chấp chiến lợi phẩm từ sự sụp đổ của chính quyền Diệm, họ tổ chức một số cuộc đảo chính vớ vẩn và những trò chơi quyền lực khôi hài. Mưu đồ chất chứa của những nhà lãnh đạo quân sự Việt Nam Cộng hoà vừa không thích hợp vừa gây ra sự lộn xộn không đáng có. Niềm phấn khích khi kéo đổ toà nhà của Diệm được thay bằng sự chia rẽ mỗi đoàn kết dân tộc.

Chúng tôi lao vào các cuộc chiến với sổ ghi chú và máy ảnh, vượt qua những con đường nguy hiểm, chứng kiến các con chiên Thiên Chúa giáo chiến đấu với các Phật tử, học sinh đánh nhau, cảnh sát và quân đội cũng “quần” nhau ra trò. Trong một bản tốc ký gửi New York ngày 31-8, Mal viết: “Vào cuối tuần trước, nhân viên AP ở Sài Gòn râu không cạo, bản thiêu, đói và gần như kiệt sức. Quần áo dính đầy bùn, thấm ướt và mỗi nhân viên đều có hàng tá vết cào xước thâm tím. Có rất nhiều cuộc gọi cho chúng tôi, lần theo những bờ tường để tránh đạn và đá, chạy nhanh nhất có thể để thoát khỏi những kẻ du thực truy đuổi trong các ngõ nhỏ và bên đường”.

Browne viết rằng Horst đang đứng cạnh một quay phim truyền hình người Đức, Gens Uwe Scheffler cùng một trong những người biểu tình Thiên Chúa giáo bên ngoài trụ sở Bộ Tổng tham mưu khi lính nổ súng, hạ gục Scheffler bằng một viên đạn qua chân. Fass kéo anh ta tám mươi thước về phía sau ranh giới an toàn, khi trở lại với chiếc xe thuê chiều tối hôm đó anh ta thấy một người biểu tình ở ghé sau cơ thể đầy máu và anh ta đã thả xuống ở một trạm xăng gần đó trước khi lái đi. Trong một cuộc khủng hoảng lạ lùng, lực lượng an ninh Sài Gòn quay lại doanh trại của họ và những đứa trẻ đường phố làm chủ khắp các đường chính với những rào chắn trong nhiều ngày bảo vệ vùng đất của chúng bằng gậy đình và cọc tre vót nhọn.

Buổi tối, Sài Gòn lảng xuống, hàng nghìn con chuột cống chạy vào từ cống rãnh tràn ra đường phố bới rác. Vào tinh mơ khi trên đường trở về nhà, tôi luôn giữ khoảng cách với đám chuột đang kêu nhón nháo tìm kiếm thức ăn trong bóng tối còn vương lại với ánh sáng nhá nhem của đèn đường. Cảnh tượng này còn thêm lũ gián nhiệt đới rời chỗ ẩn náu và khe hở để nhấm nháp không khí lạnh buổi tối, chúng bò qua những bức tường, cầu thang và rúc vào trong giày của chúng tôi giống như bọ ngô. Một đêm rượu lụy túy, tôi loạng choạng nghĩ rằng ánh sáng đèn đường đã tắt vì chiếc cửa sắt nơi làm việc rất tối, khi tôi đẩy vào nắm cửa, tôi nắm phải một nắm gián đang bò lồm lôm. Toàn bộ dinh thự đầy gián.

Đó là thời gian nguy hiểm và dũng cảm. Những bài viết của chúng tôi phản ánh điều đó khi đưa ra câu hỏi về đồng minh châu Á của Mỹ và làm ngụy đi ủng hộ công chúng của chính quyền Johnson muốn mở rộng chiến tranh. Trong chiến dịch tranh cử tổng thống của ông ta với ứng cử viên của Đảng Cộng hoà Barry Goldwater, Tổng thống đã hứa sẽ không mở rộng chiến tranh và những cậu bé Mỹ sẽ không bị ném vào cuộc chiến xa xôi mà đáng nhẽ những cậu bé châu Á phải làm điều đó. Tôi quan sát các bản tin nói về sự quyết đoán của Johnson từ chiếc máy in telex của AP trong văn phòng và tôi không có lý do gì để không tin ông ta. Sự cẩn trọng của ông ta phản ánh trong những bài bình luận công khai của giới chỉ huy cấp cao Mỹ ở Sài Gòn và bởi chính Westmoreland.

Nhưng những gì mà Tổng thống Johnson và phụ tá của ông ta cùng các quan chức chủ chốt bàn bạc bí mật tại nhà Trắng sớm hay muộn cuối cùng cũng được tiết lộ ở Việt Nam. Khi Johnson chuẩn bị tung ra những cuộc tấn công lớn, để tạo bàn đạp, ông ta cố gắng dàn xếp các tổ chức báo giới của Mỹ, dụ dỗ các biên tập viên và nhân viên báo chí tô màu sản phẩm của họ theo sắc màu của ông ta, cùng những ép buộc quân đội thực hiện kiểm duyệt như các vị tổng thống khác từng ép buộc nhân viên tuân lệnh. Gallagher thách thức quan điểm đó khi đồng ý chấp nhận kiểm duyệt nếu làm hộ những thông tin quân đội chính xác về vụ tấn công không quân bắt đầu chống lại miền Nam Việt Nam từ căn cứ không quân Đà Nẵng, nhưng đề nghị của ông ta bị xếp xó, vì vậy chúng tôi đứng chờ kết thúc các trận không kích, xem những người thả bom hạ cánh và đêm khi họ trở về để xem những ai bị bắn hạ.

Sau đó, Ngoại trưởng Mỹ Dean Rusk cho rằng ông ta không sẵn sàng tạo ra những gì ông ta gọi là “sự quá khích quốc gia” bằng cách thực hiện sự kiểm duyệt trong các trường hợp khẩn cấp. Nhân viên dưới mặt đất ở Việt Nam cho rằng những kiểm soát thực tế là không thể vì nếu cần thiết những nhân viên Cộng hoà sẽ tham gia vào tiến trình và một số lượng lớn phóng viên từ rất nhiều nước sẽ gặp khó khăn quan sát. Sau này Westmoreland viết trong hồi ký của mình rằng ông ta đã xem xét nhưng bị từ chối, một số hình thức kiểm duyệt báo chí trên mặt đất không thi hành được. Ông ta chọn lựa hướng đi thay vì tin rằng “những lợi ích lớn hơn có thể bị mất từ những chính sách thực tế tối đa”. Tình huống chín muồi cho tranh luận, hiểu lầm và oán giận, tạo ra không khí bất hoà, giảm mối quan hệ của chúng tôi với quân đội, biến báo chí trở thành cậu bé khơi mào những thảm hoạ sắp tới.

Các nhân viên Mỹ có mặt tại Sài Gòn quá nhạy cảm với những bản tin khiêu khích mà chính sách của Westmoreland thoái thác như những gì phóng viên Jack Foisie của tờ Thời báo Los Angeles miêu tả như “sự thật tối đa với việc hoàn thành tối thiểu”.

Tháng 3-1965, tôi bắt đầu tìm hiểu việc sử dụng chất gas không gây sát thương trong những cuộc hành quân của quân đội Cộng hoà. Tôi lần theo lời đồn đại của một cố vấn hỗ trợ dân sự Mỹ ở tỉnh Bình Long và tôi đã lưu giữ được khá nhiều tư liệu cho những tham khảo sau này. Tôi cũng nhìn thấy bộ đồ kỳ lạ đang được giới thiệu đúng vào chiến tranh Việt Nam cho những tay mật thám tìm tù nhân Việt Cộng tới “những người dùng ma tuý” giúp cho các trực thăng sử dụng mùi nước tiểu lần theo sự di chuyển của các đơn vị Việt Cộng trong rừng sâu. Từ những chuyến đi của tôi dọc những con đường nằm ngoài Sài Gòn với những cố vấn dân sự và quân sự, tôi bắt đầu lắp ghép câu chuyện về những chất hoá học đang được sử dụng ở Quân đoàn 2 vùng cao nguyên và Quân đoàn 3 xung quanh Sài Gòn. Một loạt khí gas gây phản ứng nôn mửa hoàn toàn, loại khác làm giãn ruột, còn một loại thứ ba gây ra mù tạm thời. Loại phổ biến nhất là CS, một hình thức của khí cay.

Tư liệu của tôi ngày càng dày lên và tôi quyết định đến thăm sỹ quan thông tin liên lạc, Đại úy Richard Bryan ở văn phòng Quân đoàn Biên Hoà. Chúng tôi thường ăn trưa ở Sài Gòn và tôi nghĩ quan hệ của chúng tôi rất tốt nhưng anh ta phủ nhận những nhận xét của tôi về hoá chất và trở nên kích động khi anh ta bị tôi ép trả lời. Anh ta hứa sẽ hỏi cấp trên, một số cố vấn lâu năm cho Quân đoàn 3, Đại tá Jasper Wilson. Nhưng chính quyền chẳng bao giờ trả lời và tôi đoán toàn bộ chuyện này được giấu kín. Tôi vẫn tìm hiểu về nó và đoán rằng Việt Cộng cũng vậy và chẳng có lý do gì để im tin cả. Câu chuyện về khí gas được viết trong sổ ghi chú của tôi nhưng không có bài kiểm tra đối chứng: tôi hay bắt kỳ người nào ở AP không nhìn thấy nó xảy ra và cho tới khi chúng tôi làm điều đó thì nó đã không còn tồn tại nữa.

Horst bắt được dịp may. Vào ngày 20-3, một cố vấn Mỹ qua nhà mời anh ta tham gia chiến dịch lính bộ binh Việt Nam Cộng hoà ở tỉnh Hậu Nghĩa sáng hôm sau. Anh ta tiết lộ điểm mới của chiến dịch: những người lính sẽ thử nghiệm các chất hoá học! Tôi nôn nóng đợi Horst quay về văn phòng. Horst đã xuất hiện vào chiều tối, chiến thắng rạng ngời trên khuôn mặt ướt mồ hôi của anh ta khi đặt những cuốn phim lên bàn. Khoảng một nửa số lính ở tiểu đoàn Việt Nam Cộng hoà được trang bị mặt nạ khí gas bằng cao su, hộp chứa gas với mệnh lệnh là bắt buộc nổ chúng nếu bị Việt Cộng tấn công. Những chất hoá học này tuy không được sử dụng ngày đó nhưng các sỹ quan hay nói về chúng. Họ còn lưu ý trực thăng và những máy bay ném bom Hoa Kỳ đã được trang bị những thùng lớn đặc biệt để giữ khí gas ở thể lỏng cùng vòi phun trên các chiến trường. Nó đặc biệt có tác dụng hạ gục những tù nhân bỏ trốn.

Chúng tôi quyết định sử dụng chi tiết này ngay lập tức mà không cần tìm thêm những lời bình luận từ chính quyền quân sự vì họ đã thờ ơ với những yêu cầu trước đây của tôi. Tôi đánh máy lời dẫn câu chuyện và chỉ cho Horst

xem: “Hoa Kỳ đang thử nghiệm chất gas chiến tranh chống lại Việt Cộng, một nguồn tin khá tin cậy đã nói hôm nay. Nguồn tin thông báo, cả lực lượng Mỹ và Cộng hòa đã sử dụng khí gas để chống lại cộng sản. Một số thử nghiệm đã thành công, một số thất bại và họ sẽ tiếp tục làm. Rất nhiều loại gas không gây sát thương đã được sử dụng chống du kích Quân khu 2 và 3 Cộng hoà.

Horst gạt đầu khi tôi tiếp tục đánh máy chi tiết những loại hoá chất được và chỉ ra chúng tấn công vào mắt, mũi và tạo ra sức đốt cháy lớn trong cổ họng, phổi và hạ gục bất cứ ai khi trốn chạy. Tôi viết rằng Fass đã sát cánh cùng với lính Việt Nam Cộng hoà ở một trong những chiến dịch thử nghiệm đặc biệt tại chiến trường. Tôi trích lời một sỹ quan Việt Nam Cộng hoà: “Đó là cách thức nhân đạo để dọn sạch khu vực của kẻ thù nơi phụ nữ và trẻ em đang bị bắt giữ”, đặc biệt khi họ phát hiện những hầm trú ẩn là nơi ẩn náu mà Việt Cộng ưa thích.

Tôi đưa quan điểm phản diện từ phía người bạn cố vấn của Horst rằng việc sử dụng những loại gas này chỉ trong giai đoạn thử nghiệm và không được chứng minh có hiệu quả “Mặc dù những chất sử dụng ở đây không gây sát thương và không có ảnh hưởng lâu nhưng ý tưởng đó mang lại sự hồi tưởng về Chiến tranh thế giới thứ nhất và việc sử dụng hơi độc i-pê-rit”.

Câu chuyện có ảnh hưởng hơn những gì tôi viết. Đó là tin sốt dẻo được chứng nhận đầu tiên của tôi. Đã nổ ra tranh luận từ Matxcova tới Tokyo. Đó cũng là vấn đề được tranh cãi ở Quốc hội Anh và dấy lên phong trào phản đối chiến tranh ở bán đảo Scandinavia. Những nhà bình luận này tỏ mối nghi ngại ở Hoa Kỳ.

Chỉ huy quân sự Hoa Kỳ ở Sài Gòn bế tắc. Đối thủ cạnh tranh của chúng tôi đang đập cửa các phòng thông tin yêu cầu cung cấp những tư liệu cho các câu chuyện về những gì chúng tôi đã viết ra. Các quan chức Washington đưa ra tầm quan trọng của cuộc thử nghiệm, thậm chí khi họ công nhận những hoá chất đó đã được sử dụng ở ba dịp khác nhau.

Tôi tranh luận nếu chỉ huy Hoa Kỳ đáp lại các yêu cầu giải thích vào những tuần trước đó thì tôi đã đưa quan điểm của họ trong câu chuyện của mình.

Chính phủ Hoa Kỳ quyết định tước bỏ quyền hạn của Westmoreland sử dụng hoá chất trong nhiều tháng tới tận khi cuộc tranh luận lắng xuống và những loại vũ khí khác nhau như bom napan gây tranh luận hơn.

Sau này, Westmoreland viết rằng, cuộc tranh luận về việc sử dụng chất gas không sát thương là một “trong những cuộc tranh luận ngu ngốc về chiến tranh Việt Nam” và ông ta gọi những hoá chất đó là “một trong những vũ khí nhân đạo nhất tùy ý sử dụng”.

Câu chuyện của tôi không mang cho tôi thêm người bạn nào trong việc thiết lập mở rộng quan hệ ngoại giao với giới chức quân đội Hoa Kỳ, những người đang đảm nhận mở rộng cuộc chiến và cố gắng làm mềm mại hình ảnh mà họ tạo ra. Tôi được thông báo vào những ngày đầu chiến tranh rằng các phóng viên được mong đợi nhấn mạnh những điểm tích cực khi viết về những người lính để gia đình họ ở quê nhà không lo lắng. Vào đầu năm 1965, những người mẹ có con trai tham chiến ở Việt Nam mua những tờ báo địa phương ngày 4-3 và đọc câu chuyện của phóng viên George McArthur của AP về sự mạo hiểm của con trai thân yêu của họ ở Sài Gòn đang phải đối mặt. Một lính Mỹ dừng lại đùa vui cùng một cậu bé người Việt Nam “có thể bị 6 hoặc 8 đứa trẻ vây lại xô ngã, cướp đồng hồ, ví, đôi khi cả ủng của anh ta, tất cả chỉ trong vài giây trước khi những đứa trẻ bỏ trốn”. Những kẻ móc túi rất nhanh, cảnh sát thường kêu ca, “đồng phục lính của các anh có phần không thích hợp, túi quá nặng và không có cúc và đôi khi tôi còn nhìn thấy ví của các anh lòi ra ngoài”. Lính là con mồi dễ dàng cho những phụ nữ đang điếm móc túi, hai hoặc ba trong số họ dụ dỗ một anh lính vui vẻ say đắm trong những quán bar hoặc những con đường tối. Khi mọi chuyện kết thúc, anh ta trở thành một gã trai nghèo”.

Một kỹ sư quân đội Hoa Kỳ tóc đã điểm màu muối tiêu phàn nàn với tôi ở Biên Hòa rằng “Tôi được trang bị thời Chiến tranh thế giới thứ hai tốt hơn bây giờ” và anh ta đưa ra một số ổ đạn han rỉ được cấp vài ngày trước đó mà anh ta rất sợ sử dụng. Anh ta nói rằng trước khi lên đường tham gia chiến tranh, anh ta được cấp thắt lưng, súng lục Chiến tranh thế giới thứ nhất và ba lô hành lý đã cũ, “và lần này tôi được biết Bộ Quốc phòng nói người Mỹ ở Việt Nam được trang bị là lính chiến đấu tốt nhất từ trước tới giờ khi tác chiến ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ. Họ phải chỉ cho tôi thấy điều đó”. Một cố vấn lính thủy đánh bộ Hoa Kỳ than phiền anh ta được cấp những viên thuốc lọc nước uống “nhưng khi tôi thử dùng thì phát hiện chúng đã bị hỏng, vón lại thành từng cục”. Tôi tìm được một trung úy quân đội nói rằng: “Tôi biết, nếu tôi đi tới Sở Chỉ huy quân sự Hoa Kỳ và cãi lộn tôi sẽ được cấp áo pon sô và những hiện vật khác tôi đang thiếu nhưng tôi mãi mãi chỉ là trung úy trong suốt cuộc đời mình”.

Mối quan hệ của chúng tôi với Sở Chỉ huy quân sự rất căng thẳng khi tôi viết câu chuyện đó. Tôi đã cảnh báo văn phòng Washington khi gọi đến Lầu Năm Góc nhưng tôi quyết định không chờ thêm lời bình luận công khai.

Westmoreland rất tức giận. Một trong những phụ tá của ông ta gọi điện cho Mal kêu rằng câu chuyện đó nhạy cảm và không đại diện cho sự thật nhưng chúng tôi đều đứng về phía nó. Mal cảnh cáo tôi đang ở trong “chuồng chó” của chỉ huy cấp cao và sẽ không có nhiều sự hợp tác trong tương lai từ họ và một phần nào đó tôi bắt đầu khốn đốn bởi những phản ứng

gay gắt mà những câu chuyện của tôi đang khuấy động. Tôi cảm nhận sự đối đầu khác đang lớn dần từ chân trời, gom thành cơn bão đe dọa nghề nghiệp của mình. Nhưng hơn lúc nào hết, tôi cảm thấy mình vững vàng trong chuyên môn về những câu chuyện về Việt Nam. Ba năm là trường học hoàn thiện kỹ năng báo chí dưới sự dạy dỗ của AP, Mal Browne và Dave Halberstam đã giúp tôi chuẩn bị cho những cuộc đối đầu sắp tới. Vào tuổi 30, tôi vẫn còn cái huênh hoang của tuổi trẻ, giúp mình vượt qua những nỗi sợ hãi của chiến tranh và cho phép mình tham gia vào những trận chiến này, những đơn vị lính thủy đánh bộ mới đến và những cố vấn Mỹ đang chuẩn bị bước vào hành động cùng quân đội Việt Nam Cộng hoà.

Tôi biết sẽ không bao giờ được mời lên trực thăng của tướng Westmoreland, nhưng có rất nhiều cách đi lại ở Việt Nam. Vào những ngày chiến tranh tạm lắng xuống, tôi không đi ra hiện trường bằng máy bay vận chuyển lực lượng không quân Hoa Kỳ hay trực thăng quân đội, tôi lái chiếc Ghia Harmann thể thao màu trắng của mình thăm thú vùng nông thôn. Nhân viên AP ở Việt Nam ngày càng đông, tôi được một chút độc lập và có thể thăm những điểm tôi thích.

Đôi khi tôi lái xe rất nhanh trên đường cao tốc Hữu nghị Mỹ tới thành phố giao lộ của Biên Hoà, nhận thấy những đội tuần tra giao thông là thiếu vắng của chiến tranh. Những dấu hiệu đáp lại công trình quân sự của người Mỹ: người dân nông thôn dựng những quán giải khát bên đường thu hút lính qua đường và bán rong Coca Cola, Fanta trong chai ướp lạnh bằng những thanh đá bụi. Ngoài ra, còn có những dịch vụ khác. Xe tải quân đội Mỹ âm âm rúc vào những lều quán tạm bợ để rửa xe và thưởng thức dịch vụ massage, nơi những thanh niên vui tính bận rộn với những chiếc xe công kênh bằng các chậu xà phòng ngẫu bọt và vòi nước trong khi đám phụ nữ giải khuây sự thèm khát và cô đơn của những tay lái xe ở phía sau nhà.

Qua Long Bình là con đường 15 có những trạm lính gác người Việt và những toà nhà canh gác nơi những người lính làm phiền xe tôi và sau đó vẫy cho qua chỉ để đảm bảo tôi không mang sự nguy hiểm an ninh nào và nếu họ làm phiền, tôi sẽ khua chiếc thẻ báo chí của mình và kiêu ngạo bằng tiếng Việt “báo chí, báo chí”. Sau đó tôi đến rừng cao su của Long Thành nằm hai bên đường cao tốc, những hàng cây xếp thẳng trải dài ra phía xa là những con đường thuận tiện cho du kích Việt Cộng mai phục. đôi khi họ nhảy xuống đường, súng loé sáng trong cuộc phục kích đẫm máu. Tôi hiếm khi lái xe một mình vào ban đêm. Người ta thường nói đêm thuộc về Việt Cộng bởi vì người miền Nam hiếm khi đi vào đêm.

Tôi lo lắng khi Washington công bố ngày 7-3-1965 rằng ba nghìn lính thủy đánh bộ của Mỹ sẽ đặt chân vào Đà Nẵng sáng hôm sau. Một số cố vấn

quân sự Mỹ thích nói họ tức giận với đồng minh Việt Nam và tất cả những gì cần làm là dọn sạch Việt Nam cho tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ vào mũi Cà Mau và sau đó hành quân tới vĩ tuyến 17, điểm ranh giới chia cắt miền Bắc và miền Nam năm 1954. Điều đó có thể có hiệu quả nếu du kích Việt Cộng chiến đấu với cụm 2 hoặc cụm 3 người, nhưng bây giờ họ được tổ chức tốt, theo từng đơn vị đồng bằng những tiểu đoàn lính thủy đánh bộ.

Tính bốc đồng của nhà báo trong tôi tràn đầy và tôi đặt nó cạnh những mối quan tâm của mình. Những người lính chiến đấu đầu tiên của Mỹ tới miền Nam Việt Nam là điểm hấp dẫn cho tất cả chúng tôi. Tôi cùng một số phóng viên đi về phía Bắc, tới Đà Nẵng viết về lính thủy đánh bộ. Lính Mỹ vào thời điểm đó làm tôi rất ấn tượng về kinh nghiệm và sự trưởng thành của họ. Họ đều là những sỹ quan chuyên nghiệp và những người đàn ông có tên được tuyển chọn đặc biệt cho những nhiệm vụ với người Việt Nam.

Những thiếu úy lính thủy đánh bộ mới được đề bạt ở Đà Nẵng đầu húi cua trông bạo dạn và trẻ hơn. Họ không giống những kẻ gây gỗ đường phố, họ tới để chiến đấu. Đội tuần tra lính thủy đánh bộ đầu tiên mà tôi đi cùng vào tháng 4 tự tin, phấn khích và có lần một số người dân nghĩ rằng quân đội Pháp đã quay trở lại. “Vive les Francais”, một người đàn ông già người Việt Nam mặc áo lụa đen quần trắng thét lên khi trung đội lính thủy đánh bộ đi lại khó khăn trên con đường quanh đồi ở An Suk. Tiếng thét vang dội quanh những kho bê tông thành hàng trên những ngọn đồi, những tàn tích đổ nát tưởng nhớ về nỗ lực duy trì ở Đông Dương không thành công của người Pháp cách đây một thập kỷ.

“Ông già đó muốn gì? Candy?”, một lính thủy đánh bộ trẻ tuổi hỏi khi chất những đồ dùng quân sự nặng trong cái nắng gay gắt. “Nghe như có vẻ ông ta nghĩ chúng ta là những người Pháp. Thật buồn cười”, một người khác nói: “Họ thua, còn chúng ta sẽ không như vậy”.

Họ ở Tiểu đoàn 2, Trung đoàn lính thủy đánh bộ 3, và đang nhún nhảy. Những lời nói của Tổng thống Johnson về việc miễn thuế mới cho quân nhân phục vụ ở Việt Nam vừa mới tới họ. “Tôi chỉ hy vọng tôi sống để sai những gì tôi tiết kiệm”, một cai đội nhận xét. Những người lính đó đã từng một lần tham gia đi tuần ngoài căn cứ không quân Đà Nẵng và hôm nay họ đang hăm hở cho cuộc chiến. “Tôi biết tôi sẽ bị thương bằng cách này hoặc cách khác trước khi ra khỏi Việt Nam. Tại sao không phải là hôm nay?”, một người bình luận. Người khác đáp lại: “Tại sao không phải là tôi bị bắn, các cậu, tôi phân vân không biết điều đó như thế nào?”

Sự tranh luận sôi nổi tăng lên tới hơn 100 độ C trước buổi trưa. “Chúng ta có cả một đám các cậu bé cùng chúng ta”, một chỉ huy đại đội, Đại úy Peter Yard, trông giống một người cha dẻo dai. Cái gì anh ta cũng nói rằng người

đàn ông to như súng cối 81mm nhắc những chiếc ống nặng và đạn dược đã tiêu thụ gần hết nước của họ trước buổi trưa. “Điều đó quá tệ. Họ có hai cãngtin để nuôi họ một ngày. Đó là tất cả những gì họ có”.

Cái nóng càng trở nên gay gắt. Trung đoàn 2 đi chậm lại và trung đội trưởng lo lắng. Anh ta đã ở ngoài tầm liên lạc bộ đàm vì họ ở quá xa nhưng đã lên được tới đường, đầy bùn, đầm đìa mồ hôi và họ đã va chạm với du kích Việt Cộng đầu tiên trong cuộc bắn phá ba mươi phút và một người bị thương.

“Tôi biết họ chắc bối rối với điều gì đó, trung đội trưởng là người quá tốt để đi khở sai”, tay Đại úy nói hài lòng. Anh ta sẽ nhận được một trái tim hồng, người lính bị thương lắm lắm.

Trong khi đội pháo nhìn thấy vài điều kích động, chụp lấy một người đàn ông Việt mặc đồ màu đen, mang theo súng lục có dây đeo giống Việt Cộng. “Chúng tôi chặn anh ta thật nhanh”, Hạ sỹ Nieto nói, nhưng họ đã để anh ta đi bởi vì anh ta là quân nhân Lực lượng Cộng hoà, có quyền mặc quần áo đó và mang súng.

“Rắc rối ở quanh đây”, Đại úy Yardllowsky nói, “cái quái gì vậy?”. Hàng nghìn người Mỹ khác sẽ hỏi những câu hỏi tương tự và còn nhiều cuộc hành quân còn bị kích hơn trong cái nắng gay gắt mà Tiểu đoàn 2, lính thủy đánh bộ 3 đang chịu.

Chương 9: Sông Bé

Mỗi quan tâm về những người Mỹ trở nên bức thiết đến mức những bài viết của chúng tôi về nỗ lực quân sự của người Việt giảm hẳn. Những tờ báo ở hậu phương nước Mỹ quan tâm tới những câu chuyện về những người lính quê nhà của họ hơn. Các biên tập viên tận dụng góc cạnh địa phương, giờ thông cảm hơn với những bài tin chiến trường của chúng tôi mà những chàng trai Mỹ liên quan trực tiếp.

John Wheeler, Ron Deutsch, Ed White, George Esper, Bob Poos, Hugh Mulligan và tôi giúp hệ thống bán tin AP làm việc với “những người ở nhà” rằng bất kỳ chúng tôi viết gì về những người đàn ông hay phụ nữ đó ít nhất phải được xuất bản trong báo địa phương của họ và được những người họ hàng gửi trả lại Việt Nam cho họ đọc.

Tôi hiểu việc nhân mạnh vào người Mỹ nhưng tôi hối hận điều đó. Tôi làm quen rất nhiều bạn ở các quân đoàn sĩ quan của các đơn vị lính thủy đánh bộ người Việt và lính nhảy dù. Họ luôn nuôi dưỡng tán dương tôi và dẫn tôi về nhà mà không lo sợ. Các sĩ quan Mỹ làm cố vấn cho các đơn vị này chỉ tầm tuổi tôi hoặc trẻ hơn một chút. Tôi thích đi cùng họ, nói chuyện về chiến tranh. Tôi vẫn cố gắng tìm kiếm những cơ hội có thể.

Viết về những đơn vị tham chiến Mỹ cần có kế hoạch. Tôi đã quen với việc phóng đi bất kỳ nơi nào tôi muốn đi. Hành trình lang thang trên đất nước Việt Nam làm tôi hứng thú, cảm nhận được khung cảnh và con người ở đây. Có một suy đoán rằng tất cả những người Việt Nam không ở trong rừng với Việt Cộng đều đứng về phía chúng tôi. Tôi nhìn thấy họ hàng ngày, và tất cả đều thân thiện dù có dáng vẻ mệt mỏi dưới những nón lá vành rộng, đạp xe hồi hả qua thành phố tới trường, cửa hàng và văn phòng hay kiếm sống bằng bán đu đủ, xoài, bưởi và na ở chợ hay làm vú em cho con chúng tôi và người giúp việc cho các gia đình.

Nhưng không phải tất cả người Việt Nam đều vậy. Khi tôi xuống thị xã Sóc Trăng đầu năm 1965 nhiều người đang nói chuyện về một người phụ nữ 34 tuổi ở vùng gần đó làm công việc giặt là những bộ quần áo lấm bùn và mồ hôi cho phi công Mỹ và dọn dẹp doanh trại bừa bộn của họ. Cô ta trở thành một thiết yếu của lính Mỹ trong vòng sáu tháng cho tới một ngày, cô ta đến với cái bụng phình to đáng nghi ngờ. Một lính Mỹ phát hiện ra những tài liệu an ninh rơi ra khỏi váy người giặt quần áo và lôi ra một chuỗi chất nổ bằng nhựa từ dưới áo lót của cô ấy. Sau đó họ giải cô ấy tới trạm quân sự gần đó để thẩm vấn. Một giờ sau, hai người lính dẫn cô ta ra cánh đồng, bắn chết và vứt xác ở đó. Phi công Mỹ không quan tâm về sự công bằng chiến trường nhiều như sự trung thành của 70 phụ nữ địa phương được thuê tại căn cứ quân sự, rất nhiều người trong số họ có sự quý trọng tương tự như cô gái

giết là thuê mà đã xác đang mục rữa trong cánh đồng xanh cuối đường băng. Câu chuyện đó không phải là duy nhất: Bạn có thể nghe những câu chuyện tầm phào tương tự xung quanh nhiều căn cứ quân sự Mỹ mọc lên như nấm. Tính hai mặt và sự tàn ác trở thành chủ đề trên khắp miền Nam Việt Nam cùng sự bốc đồng của người Mỹ.

Tôi vẫn có cơ hội để viết về phía Việt Nam trong chiến tranh thường là khi những thảm họa xảy ra. Tôi đi về phía bắc tỉnh Phước Long cùng Horst vào một buổi sáng tháng 5-1965 sau khi chúng tôi biết thị xã Sông Bé đã bị Việt Cộng chiếm đánh. Chúng tôi đi nhờ máy bay Caribou của lực lượng Không quân Việt Nam Cộng hoà tới Bến Cát, sau đó đi bằng trực thăng vận chuyển lính Cộng hoà vào để tái chiếm thành phố. Chúng tôi đáp xuống đường băng bản thủ đầy bùn vào đầu buổi chiều, cẩn thận đi bộ ba dặm vào Sông Bé cùng một tiểu đoàn lính đặc nhiệm Cộng hoà.

Tất cả chúng tôi đều sợ bị mai phục. Không gian yên lặng tới mức tôi có thể nghe thấy ngọn tre vít vào nhau trong gió. Sau đó chúng tôi hướng ra khúc rẽ cong nhô cao trên đường, nhìn xuống thành phố ngập trong khói đen. Thành phố trải dài bên bờ sông trong một thung lũng nằm thấp phía trước chúng tôi. Tiếng súng nổ, nhưng không phải hướng vào chúng tôi, mà quét qua những mái nhà gạch ngói đen ở khu hành chính trong trung tâm thành phố.

Chúng tôi bị bõm tiến vào tỉnh lỵ, Sông Bé, cố gắng theo kịp sự hộ tống của đội biệt kích đang nhanh chóng lao về phía trước, bước vào những gì còn lại của trụ sở thành phố đã bị san bằng bởi chất nổ đi-na-mít. Đống đổ nát một phần bao phủ những cơ thể vỡ nát của mười lăm lính phòng vệ. Tôi nghe tiếng vang của trực thăng và Horst nói một cách hiểu biết, “B-57s” và ngắm vào chiếc Leica của anh ta khi hai máy bay thả bom màu đen bóng xuất hiện từ phía sau núi Sông Bé. Máy bay tiến dần xuống mục tiêu trong rừng cao su về hướng tây dội bom và oanh tạc bằng súng 20mm trước khi vút đi. Theo sau chúng là ba trực thăng khai quang bằng chất cháy.

Một sỹ quan người Việt nói với chúng tôi 100 lính Cộng Hoà đã bị giết và bị thương. Cuộc tấn công của Việt Cộng bắt đầu vào sáng sớm, kéo vào Sông Bé suốt cả ngày và kẻ thù tập hợp bên ngoài thành phố cho cuộc tấn công lần thứ hai. Sỹ quan yêu cầu đưa chúng tôi ra khỏi thành phố. Horst và tôi đều đồng ý, tình hình rất nguy hiểm nhưng chúng tôi cũng cảm thấy câu chuyện cần một trong hai chúng tôi ở lại.

Tôi tình nguyện ở lại và Horst quay trở về bằng chiếc xe jeep ra đường băng đợi máy bay. Xe trở lại cùng phóng viên ảnh, Trung sỹ Al Chang của tờ Stars and Stripes với điệu xì gà to như thường lệ. Tôi tóm tắt cho anh ta về những nguy hiểm, anh ta gợi ý chúng tôi nghỉ qua đêm tại khu cố vấn quân

sự Mỹ, nơi chúng tôi sẽ an toàn và chúc may mắn bằng chút bia lạnh. Ở đó không phải vậy. Hàng rào bảo vệ thép gai đã bị bắn phá vào sáng sớm bởi một nhóm Việt Cộng cảm tử đã giết chết năm trong ba mươi cố vấn Mỹ, làm thương những người khác và xoá sổ khu nghỉ ngơi, phòng ăn tập thể. Sau này tôi đã viết:

“Sông Bé, Việt Nam, ngày 13-5. Họ tìm thấy một trung sỹ chết vào sáng ngày thứ ba, tay dang ra phía sau cửa phòng ăn đầy máu trong nhà ăn tập thể của đội cố vấn Mỹ. Tay phải anh ta giơ lên cầm một con dao. Anh ta là Trung sỹ Horance E. Young ở Fayetteville, Bắc Carolina, một trong năm người Mỹ bị giết trong cuộc tấn công của Việt Cộng ở thị xã Sông Bé cách Sài Gòn 74 dặm về phía bắc. Bác sỹ quân y, trung sỹ William D. Benning ở Cincinnati, bang Ohio chết trong khi cố gắng cứu một tá những người bị thương, cả đồng đội Mỹ lẫn Việt Cộng. Một đội cảm tử đồ tấn công vào Benning khi anh ta làm việc trong phòng ăn tập thể và nổ lựu đạn. Benning chết ngay tức thì và hai người cạnh anh ta cũng vậy nhưng chưa được công bố vì người nhà của hai người chưa được thông báo. Người thứ năm chết là trung úy Johnnie K. Culbreath ở Callison, bang Nam Carolina bước ra từ hố cá nhân gần phía Tây cuối doanh trại Mỹ. Anh ta hét lên ‘Chúng đến tấn công những người bị thương.’ Những du kích bên trong bắn qua cửa giết chết anh ta khi viên trung úy chạy về phía nhà ăn tập thể”.

Đại tá Mitchell Sakey chỉ cho chúng tôi xem sàn nhà ăn tập thể đầy máu khô trải đầy băng vải. Chiếc tủ lạnh bị bắn thủng với những lỗ đạn làm rơi đồ lạnh lên sàn. Một người sống sót giấu tên nhanh trí trao cho tủ lạnh huy chương chắn đạn trái tim hồng, một sự trang trí được vẽ bằng son môi trên cánh tủ. Đại tá Sakey đồng ý cho chúng tôi ở lại đêm đó. nhận xét rằng đó là tự nguyện và có những bản báo cáo về Việt Cộng đa số trong tư thế vác súng cho một cuộc tấn công khác. “Tôi sẽ phải dồn hết sức vào nhiệm vụ. Tôi sẽ cần hai cậu giúp đỡ trong trận phòng thủ tối nay”, ông ta nói với chúng tôi.

Tôi nhìn Al Chang gật đầu một cách cam chịu. Sau chiến tranh Triều Tiên, anh ta nghĩ mình đã đôi súng lấy máy ảnh vĩnh viễn. Đại tá Sakey đẩy vũ khí vào tôi nói rằng: “Cầm lấy khẩu súng các bin này và nhặt lấy ba trăm viên đạn ở kho vũ khí, đi bảo vệ tay bắn súng cối ở trên hào phía Tây”. Tôi cảm thấy trái tim trùng xuống và biết rằng mình sẽ làm điều đó nhưng tôi bình luận một cách lầy lệ: “Tôi biết ông chịu trách nhiệm nơi này, ông là một người lính lão luyện. Vậy còn về Hiệp Định Gionevơ cấm những công dân tham gia vào điều này thì sao?”. Ông ta nhìn tôi đáp: “Cậu có muốn tin rằng Việt Cộng sẽ kính trọng vai trò công dân của cậu tối nay không hả cậu bé?”.

Tôi nhét đạn đầy túi áo và túi quần, loạng choạng trong bóng tối cùng Chang tới hầm pháo cối để hỗ trợ tay bắn súng. Khi đôi mắt của tôi bắt đầu

quen với bóng tối lờ mờ, tôi nhận thấy bức tường bao cát xung quanh vị trí của tôi đã bị bắn tung toé trong trận tấn công trước. Tôi nhìn xuống đường dốc qua những đồng bùng nhùng còn lại của hàng rào thép gai tới những bụi cây dưới rãnh. Trong ba năm ở Việt Nam, tôi chưa bao giờ bị trợ trụi với mức độ nguy hiểm cá nhân như vậy. Và nếu có con đường xa lộ sáu làn đường mở ra cho một đội tấn công cảm tử thì chính là đây. Tôi thì thảo với Al bằng một câu hỏi nguy cấp về chiến thuật: Tôi sẽ phải làm cái chết tiệt gì đây khi những tay kia tấn công lên từ đường dốc? Anh ta nói điều gì đó về đặt súng các bin ở chế độ tự động, nhắm mặt lại và bấm cò. Nếu tôi bỏ vị trí và trốn dưới gầm bàn trong phòng ăn tập thể khi trái tim tôi đang mách bảo làm điều gì đó thì tôi sẽ rất bẽ mặt vào sáng mai đến nỗi sẽ không bao giờ có đủ can đảm giáp mặt ở vùng chiến nữa.

Tôi quan sát những khẩu súng nổ giống như trình diễn sao băng khi những chiếc C-47 cũ được trang bị các loại súng nhỏ mới và đèn hồng ngoại. Những chiếc Puff này là máy bay Magic Dragon bắn phá vào những mục tiêu ở phía trước tối đen như mực. Súng của kẻ thù bắn trả trên bầu trời. Người bắn súng cối của Al bắn rất nhiều băng đạn vào bụi trong rừng phía sau chúng tôi, những viên đạn lao vút trên đầu khi tôi nằm sóng soài với khẩu súng trên vai. Cuộc tấn công mặt đất mong đợi chẳng bao giờ xảy ra. Vào buổi sáng cơ thể tôi cóng lạnh, chính tôi đã hiểu ra một điều tôi vẫn có thể đảm nhận nhiệm vụ mặc dù sợ hãi và sẽ sẵn sàng mạo hiểm để có được một câu chuyện hay.

Chương 10: Thiếu Tá Norman Schwarzkopf

Khi hàng nghìn quân lính Mỹ tới, số phận của họ đã được định ra đâu đó ở Việt Nam. Tổng thống Johnson và tướng Westmoreland chao đảo bên hồ thăm chiến tranh trong nhiều tháng. Mặc dầu vẫn tiếp tục gia tăng lực lượng quân sự nhưng lính Mỹ vẫn nằm ngoài những trận đánh giống như Sông Bé. Tuy nhiên điều đó cũng đồng nghĩa với việc Westmoreland sẽ nhanh chóng được phép sử dụng lính của ông ta tham gia vào các trận đánh.

Chúng tôi đưa ra cách để chiến thắng đối thủ bán tin, UPI. Họ cũng có đội phóng viên như Ray Herndon và Mike Malloy bị áp lực bởi những tay tân binh liều mạng ở nhà.

Chúng tôi suy xét rằng điểm nóng xa ở gần biên giới Campuchia có tên Đức Cơ có thể là một mối lửa cho cuộc chiến mở rộng. Nó nằm trên con đường thâm nhập của lính cộng sản trước đây và tiếp tế qua những con đường nhỏ trong rừng nơi có ít người sinh sống. Nó bị chiếm đóng hai tháng nay và những người bảo vệ nó đã kiệt sức. Tôi tình nguyện đi xem tình hình. Tôi đi nhờ đội hộ tống viện trợ Việt Nam theo đường 19 lên Plâycu và nhảy vào cabin xe tải chở đạn dược to chỉ có người lái xe. Khi chiếc xe tải lắc lư trên đường dốc chân đồi, người lái xe đội mũ sắt và chỉ về phía đoạn cuối nơi con đường dốc lộng gió biến mất chỉ còn bụi rậm và đồi. Anh ta vạch quần chỉ cho tôi một vết sẹo lớn, nói bằng chút tiếng Pháp ngắt quãng giải thích anh ta bị mai phục vài năm trước đó tại điểm giống vậy và lo sợ chuyện đó xảy ra lần nữa. Tôi lo sợ khi một vài người có vũ trang xuất hiện bên đường, một vài người mặc quần áo đen và đội mũ cao bồi, số khác mặc áo đỏ gõ vào xe tải của chúng tôi và những chiếc xe khác vẫy chào chúng tôi đủ thân thiện để biết rằng họ ở phía chúng tôi. Theo người lái xe, họ là quân do thám của một tiểu đội lính biệt kích Cộng hoà cắm chốt trên đồi. Con đường cao tốc bị đóng từ lâu – Việt Cộng đã phá huỷ tất cả cầu. Tôi chú ý một tấm biển bằng kim loại ở công trình bằng bê tông lớn có ghi “1957-1958 U.S.A”. Phía xa trước mặt, sau An Khê là đèo Mang Yang nơi đầu những năm 1950, đơn vị quân đội của Pháp, đội cơ động 100 đã bỏ mạng trong đợt mai phục dữ dội của Việt Minh với những cuộc tấn công dũng cảm. Tôi nghe kể rằng xác người Pháp được chôn trên mấy ngọn đồi quanh đèo Mang Yang. Theo yêu cầu, xác của họ được chôn đứng, mặt hướng về nước Pháp.

Chiếc xe hộ tống của chúng tôi di chuyển chậm chạp qua đèo khi chúng tôi leo trên đèo xuống sang phía bên kia sườn dốc. Có một trận bắn phá trên không từ nơi nào đó trên đồi nhưng chúng tôi không bị tấn công. Tôi xuống xe ở doanh trại Holloway nơi tiểu đoàn không quân 52 của quân đội Hoa Kỳ đóng quân. Doanh trại nằm cuối sân bay Plâycu cũ, những chiếc trực thăng Huey của đơn vị nằm thẳng hàng ngăn nắp ở đường băng. Trời đã muộn, họ

cho tôi nghỉ qua đêm trong lán của các đội trưởng, mời tôi tới một lán nhỏ tên là Swamp. Nhạc đồng quê phương Tây, bia nhiều và lạnh – những phi công đã làm rất nhiều điều ở Việt Nam và họ xứng đáng được trao phần thưởng. Tôi hỏi một viên sỹ quan chỉ huy mới cho chúng tôi đi nhờ tới Đức Cơ càng sớm càng tốt, nhưng anh ta cười nói với tôi: “Nơi đó đã bị chiếm tính đến hôm nay được 60 ngày và những người chúng tôi đưa tới là nộp cho tử thần. Đó là tài sản thực sự duy nhất trong tay chính phủ giữa Plâycu và biên giới Campuchia nó cách chúng ta 40 dặm”. Tôi nghĩ một lúc rồi nói rằng tôi vẫn muốn đi. Anh ta gợi ý tôi nên kiểm tra những cơ hội bay vào buổi sáng nhưng hãy thưởng thức bia tối bởi vì sẽ không có ở Đức Cơ. Tay đại tá còn nói “Tôi nghe nói ở đó còn không có cả nước”.

Sau đó một phóng viên của Reuters bước vào, Dick Myercoff, một tay “nông dân” – đồng nghiệp của tôi trong những ngày ở Jakarta được cử đi nhiệm vụ tạm thời trong vùng chiến tuyến đi cùng tôi. Tôi đã hy vọng mình là người duy nhất nhưng tôi không có lý gì để can ngăn anh ta, vì vậy cả hai chúng tôi cùng lên máy bay vào lúc rạng sáng dày sương, bay qua cánh đồng và những rừng thông xơ xác nhìn thấy từ xa. Viên phi công nói với chúng tôi họ làm nhiệm vụ bay khẩn cấp đón nhận xác chết, người bị thương và cố gắng bay tới Đức Cơ một ngày một chuyến vào những lúc tình hình tạm lắng để duy trì lòng tin việc chiếm giữ có thể lấy lại được. Những phi công của chúng tôi nói rằng một chuyến mỗi ngày là quá nhiều.

Tiểu đoàn không quân 52 nổi tiếng liêu lĩnh. Một trong những phi công của chúng tôi đội mũ vành rộng, có phù hiệu lạ dính vào chiếc áo khoác và anh ta tự hào vãn vê bộ râu xồm xoàm của mình khi chuẩn bị bay. Những người khác đã ở trong quán Bar với tôi đêm hôm trước, trông như vẫn còn say. Nhưng khi lên không trung, họ đều thuận thực mọi thao tác điều khiển cỗ máy kêu lạch cạch. Phía sau là thành phố Plâycu, bầu trời đã sáng hơn một chút và chiếc Huey của chúng tôi đã cất cánh.

Màu xanh thẫm của cao nguyên trải dài tới chân trời lô xô núi non, vài con đường viền lên vẻ đẹp. Tôi nhìn thấy một ngôi nhà nổi trên nền những ngôi nhà thành thoi của những người chủ rừng chè. Một lúc sau, cao nguyên đã bỏ lại phía sau và chúng tôi nhanh chóng hạ xuống phía rừng cây gỗ cứng như bức tường ngăn chúng tôi. Tôi nhìn thấy cột khói ở phía xa, thấy một phi công gật đầu với người khác chỉ về phía Đức Cơ khi chúng tôi lao về đó.

Đoạn cuối cùng của hành trình là sự tra tấn của động cơ rú vang khi tăng tốc. Những phi công lựa chọn con đường hạ cánh an toàn nhất xuống tiền đồn đã bị bao vây. Chúng tôi hạ cánh dần xuống một rừng tre đã được phát quang, làm khuấy động bầy chim làm tổ ở đó. Tôi hiểu ra những vũ khí chống máy bay được giấu đâu đó ở dưới cánh rừng. Tôi cảm thấy ngán, hoảng sợ cho đến khi liếc nhìn lớp đất bị bắn tung màu đỏ của đường băng,

những hàng rào thép gai và hàng rào bao cát của trại Đức cơ, tôi mới thở phào nhẹ nhõm. Tôi là người xuống đầu tiên, rõ ràng đi bằng máy bay lên thẳng an toàn hơn. Nhưng ngay lập tức đạn bay quanh chúng tôi.

Myercoff đi bên cạnh tôi có ý nghĩ bản thủ khi anh ta hát mặt lên và nói, “Tôi ra khỏi đây bây giờ đây, tôi đã có được câu chuyện của mình. Máy bay tới và những viên đạn bắn. Chúng ta đã phá vỡ vòng vây phải không?”. Cơ trưởng ném viện trợ y tế xuống sau cùng và Dich nhảy lên boong. Tôi đeo ba lô xem máy bay rú lên trên những hàng cây. Tôi cảm thấy vừa thú vị vừa tức giận. Tôi đã bị người bạn cũ lấy mất tin sốt dẻo, không nghi ngờ anh ta sẽ viết một câu chuyện nhạy cảm bịa cho tờ Nhật báo Luân Đôn, anh ta sẽ ngồi uống bia ở quán bia ngay tối hôm đó và khoác lác về chuyến đi trong khi tôi phải đi tìm quán nước uống ở Đức Cơ.

Đạn ngừng bắn khi trực thăng bay đi và tôi đoán đường băng ở trong tầm ngắm của những khẩu súng trường của Việt Cộng trong rừng. Tôi bước đi thận trọng, phủi lớp bùn trên quần áo và nhận thấy lính nhảy dù cộng hoà ló đầu từ hố cá nhân dọc theo đường băng. Tôi nhanh chóng băng qua hàng rào thép gai đầy bụi lộn xộn và bước vào chiếc cửa gỗ kéo kẹt mà một lính nhảy dù người Việt mở cho tôi. Vài viên đạn đã tấn công vào bên trong. Những lính bị thương nằm dựa vào tường, sơ cứu đầu tiên đang được tiến hành và những người khác được kéo về phía có bao cát.

Tôi rút máy ảnh từ ba lô, chụp một vài kiểu trong số họ, một người bị băng bó nẹp chân phải – cơ thể anh ta thả lỏng khi cố gắng tập tễnh cùng chiếc mũ sắt lệch một bên trên đầu. Anh ta dựa vào một người lính to lớn trong bộ quần áo dã chiến nhiều túi và chiếc mũ ka ki mỏng, đang cúi xuống giúp anh ta, lau bầu thốt ra câu chào ngắn gọn khi đi qua tôi.

Khung cảnh đẫm máu nhưng kỷ luật. Tôi đoán họ không cần sự giúp đỡ của tôi. Tôi theo sau một người Mỹ, đi qua đoạn hào bảo vệ có những bao cát phía trên trong đoạn đường rút tới trạm cứu thương. Tòa nhà bằng gỗ mỏng manh đầy những lính bị thương, hầu hết là bị thương ngoài. Hai bác sĩ quân y đang gấp những mảnh đạn từ chân và tay những người lính bị thương bằng chiếc kẹp fooc-xép và ném chúng vào rổ. Một phụ nữ Việt Nam đang giúp họ, cô nổi bật với mái tóc dài tới vai cột sau lưng khi tắm cho những người bị thương, giúp họ mặc quần áo, mỉm cười vui vẻ. Tôi hỏi tên những cô lờ tôi và tôi quay sang một tay Mỹ to lớn vừa trở về cùng một lính bị thương và đang trên đường đi ra. Tôi rút tập ghi chú, đi theo anh ta, giới thiệu bản thân và gợi ý ra ngoài nói chuyện. Anh ta dẫn tôi tới boong chỉ huy, cho tôi nụ cười đảm bảo và nói rằng anh ta là Norman Schwarzkopf, Thiếu tá quân đội Hoa kỳ, cố vấn cho đơn vị không vận Cộng hoà ở Đức Cơ, và quê anh ta ở phía đông Orange, bang New Jersey.

Vị Thiếu tá đẩy ngược chiếc mũ để lộ mái tóc cắt sát theo kiểu West Poin (West Poin là trường quân sự nổi tiếng của Hoa Kỳ). Anh ta lau mồ hôi trên lông mày, rất vui vì có người nói chuyện. Bộ trang phục của anh ta đã nhàu nát ở Đức Cơ. Anh ta buồn, lo lắng và phân vân không biết tôi đang làm gì ở đó vì anh ta thấy rất ít phóng viên xuất hiện trong những ngày này. Tôi nói anh ta nên chọn nơi nào để chịu hơn nếu anh ta muốn viết bài. Anh ta cười nói rằng anh ta đã quên thế nào là sự thoải mái. Vị Thiếu tá đẩy ngược chiếc mũ để lộ mái tóc cắt sát theo kiểu West Poin (West Poin là trường quân sự nổi tiếng của Hoa Kỳ). Anh ta lau mồ hôi trên lông mày, rất vui vì có người nói chuyện. Bộ trang phục của anh ta đã nhàu nát ở Đức Cơ. Anh ta buồn, lo lắng và phân vân không biết tôi đang làm gì ở đó vì anh ta thấy rất ít phóng viên xuất hiện trong những ngày này. Tôi nói anh ta nên chọn nơi nào để chịu hơn nếu anh ta muốn viết bài. Anh ta cười nói rằng anh ta đã quên thế nào là sự thoải mái. Thiếu tá Norman Schwarzkopf tức giận vì lực lượng không vận Cộng hoà do anh ta cố vấn đã cố gắng lấy lại nơi chiếm đóng nhưng thất bại. “Chúng tôi đã có một trận chiến đấu quý tha ma bất”, anh ta nói với tôi, miêu tả trận tấn công bằng trực thăng trước đó ba ngày gần doanh trại và cố gắng ngày hôm sau để phá vòng ngoài về phía bắc và phía đông nhưng đã bị Việt Cộng mai phục và phải rút về Đức Cơ với tổn thất nặng nề trong một trận bắn phá tới tấp.

Anh ta kêu ca “Sự thật là chúng tôi đang ngụp lặn ở đây”, “Việt Cộng có thể hạ gục chúng tôi bất kỳ lúc nào”, như thể chứng minh cho những lời nhận xét của anh ta, súng cối nổ rất gần đoạn hào của họ trong rừng nghe rõ mồn một, theo sau là tiếng hét “xung phong”. Boong chỉ huy chen chúc lính Cộng hoà và lính Mỹ chạy vào trong vài giây trước tiếng nổ ầm. Chúng tôi ngồi trên sàn nhà bần, nghiêng rãnh toát mồ hôi trong sự ngột ngạt và lắng nghe tiếng nổ như sấm dậy của đạn rơi. Người điều hành bộ đàm nói chuyện bình tĩnh với trung tâm chỉ huy ở Plâycu, gọi lực lượng tấn công không quân tới giúp, “đây là lần thứ ba trong ngày hôm nay”, Schwarzkopf nói với tôi dứt khoát.

Trong khi đợi máy bay ném bom tới, tôi nói chuyện với Đại úy Edwards. Trong ánh đèn mờ, tôi có thể nhận ra sự mệt mỏi đang chuyển động trên môi anh ta và thần kinh anh ta sắc như dao cạo râu. Tôi biết mình đang ném trái những gì anh ta chịu đựng trong suốt 60 ngày qua và tôi nói tôi hiểu nhưng anh ta cười. “Không có cách nào để mọi người có thể hiểu nếu không ở đây. Chúng tôi hoảng sợ, nhưng chúng tôi phải học cách chung sống. Chỉ đóng sầm cửa lại hoặc hét to những từ bất kỳ và chúng ta sẽ bơi tiếp hoặc chạy thoát, đó là bản năng đầu tiên của chúng ta, bản năng sinh tồn. Nhưng khi triệu chứng đầu tiên đó qua đi chúng ta bắt đầu suy nghĩ, chúng ta sẽ làm chủ được chính mình”.

Có một tá lính đặc nhiệm Mỹ đóng tại trại Đức Cơ bị mắc lại, sống trong một doanh trại nhỏ tạm thời. Tài sản đi cùng là 300 lính dân tộc được huấn luyện nghèo nàn và một trăm dặm biên giới để bảo vệ. Vài năm trước đây, chiến lược này rất tốt khi kẻ thù là du kích Việt Cộng; bây giờ quân chính quy miền Bắc Việt Nam đang tham chiến và trở thành cuộc chiến đúng nghĩa ở Đức Cơ. Richard nhìn lên Schwarzkopf và nói rằng anh ta vui vì lực lượng không vận Cộng hoà đã tới bởi một nửa lực lượng người dân tộc của anh ta đã bỏ đi và sự trung thành của những người còn lại vẫn là câu hỏi. Hầu hết họ ngại chiến đấu, loanh quanh trong trại, hiếm khi rời khỏi những hào bảo cát và các boong bởi sợ đạn bắn.

Khi trận chiến tạm dừng, tôi đi ra ngoài nhìn xung quanh. Chẳng có một mống nào. Trung sỹ tham mưu Henry Allickson đi cùng và khuyên tôi nhanh chóng rời khỏi nơi này. Cách đây vài ngày, năm lính đi tuần quanh Đức Cơ đã bị thương ở đầu do những tên bắn tĩa trốn trong rừng gần đó.

Allickson nói rằng anh ta tình nguyện dẫn đoàn đi tuần bên ngoài hang rào thép gai mỗi tối để cân bằng chiến sự, thúc giục vài lính dân tộc lưỡng lự tham gia cùng anh ta. Anh ta tuyên bố trách nhiệm đáng sợ của mình: “Tôi sẽ bắn người đầu tiên bỏ trốn và tôi sẽ đuổi những người còn lại về trại”. Tôi ngửi thấy mùi cay trong không khí, hỏi anh ta về nó, tay trung úy khịt mũi, cau mày nói: “Những xác chết đang thối rữa ngoài kia có lẽ là của chúng ta bởi vì Việt Cộng đã lấy được những xác chết của phía họ”.

Như lo lắng cho chính mình, Allickson rút chiếc ví tròn bóng từ túi ra, chỉ cho tôi xem bức hình vợ và năm đứa con ở Mỹ mà anh ta rất nhớ. Tôi phân vân không biết gia đình anh ta có biết chút gì về những ngày tháng anh ta đang phải trải qua hay không. Trung sỹ mời tôi tới nơi yêu thích của anh ta, một góc có bao bọc cát của doanh trại nơi anh ta dành hàng giờ ngắm mục tiêu bằng chiếc súng trường sát thương cao. Tôi nhìn qua những bao bọc cát và chẳng thấy gì ngoài rừng rậm, rằng không nghĩ có người ở đó. Trung sỹ cười, lên cò súng và bảo tôi bắn thử vào bụi cây. Sau một lát lưỡng lự, tôi thử, siết chặt cò súng khi nhắm về phía thân cây rậm lá của bụi chuối rừng. Một người nào đó bắn trả lại, không phải bằng vũ khí cá nhân mà là súng trường bắn không giật, đạn bay một cách vô hại trên đầu chúng tôi. Tôi hét lên ngạc nhiên “Chúa linh thiêng”. Allickson đồng tình bằng tiếng cười. Anh ta nói “Một ngày không chút nhạy cảm của Victor Charlie”.

Trong boong chỉ huy đêm đó là cuộc nói chuyện về thức ăn tẻ mà chúng tôi bỏ vào những hộp sắt từ chiếc nồi nấu ăn to và nhai một cách khó khăn. Đầu bếp người Việt giải thích bằng vốn tiếng Pháp nghèo nàn đó là dăm bông. Đó là phần chính của bữa tối trên bàn ăn Đức Cơ nhưng với tôi nó có vị giống như thịt dăm bông hầm. Tôi mời cả nhóm uống rượu cô-nhắc trong

chai bẹt đeo bên mình và cảm thấy tốt hơn so với những gì tôi đã chịu đựng ngày hôm đó.

Khi boong đầy khói thuốc lá, mọi người lắng nghe những âm thanh đáng sợ, những người ở đội Đặc nhiệm kêu ca nhiều hơn về những dự đoán. Một người tức giận nói: “Có ai thực sự quan tâm rằng chúng ta đang ngồi đây, mạo hiểm cuộc sống từng phút chỉ để nắm giữ một chút tài sản nhỏ nhoi?”. Tôi cố gắng giải thích rằng Đức Cơ là nơi thử nghiệm giải pháp quân sự Mỹ và nếu tình hình thực sự tồi tệ hơn thì lực lượng Hoa Kỳ sẽ giải cứu giống như chàng kị binh trong “Cô ấy đeo chiếc nơ màu vàng”. Một người hỏi mỉa mai “tệ hơn ư?”. Những tiếng ồn ào bất đồng ý kiến vang lên quanh phòng. Allickson cười và nói, “họ đã vào để giúp Việt nam tạo ra một trận chiến khác”. Một trung sỹ khác yêu cầu sự bảo vệ của lính nhảy dù. Anh ta lấy một trang giấy viết được giật ra từ một cuốn ghi chép. Sáng sớm hôm đó anh ta đi cùng đội tuần tra bên ngoài doanh trại, một số lính của anh ta đã bị thương khi rơi vào ổ mìn phục. Trong lúc anh ta núp mình dưới làn đạn để đi về phía người lính bị thương ở chân, người lính trẻ bắt đầu viết trong cuốn ghi chú và đưa cho anh ta một trang và anh ta đọc những dòng chữ nguệch ngoạc: “Bảo vệ tự do trong nguy hiểm luôn luôn chỉ có tôi và anh. Tôi tên là Fam-En”. Câu chuyện đó làm chấm dứt mọi lời phàn nàn về người lính Cộng hoà và những cuộc bàn luận, cả đại đội buông xuôi.

Tôi tham gia tuần tiễu cùng thiếu tá Scharzkopf và những sỹ quan nhảy dù Cộng hoà vào các buổi sáng tại hào phía đông doanh trại. Liếc qua bức tường hào họ đoán tuýp pháo cối dựng lên cách phía họ 500 thước trong rừng và Schwarzkopf bàn bạc tăng cường lực lượng tấn công không quân vào những vị trí nghi ngờ. Trong màu ảm đạm sau hoàng hôn, Đức Cơ giống như một đống rác tội nghiệp: mái nhà lán bằng gỗ bị toạc, những hàng rào bằng bao cát bị phá nát và bụi đỏ vung vãi khắp nơi. Tôi chụp ảnh khi pháo cối bắt đầu đáp lại và chúng tôi hướng về phía boongke chỉ huy. Tiếng kêu rầm rầm của súng máy cho thấy khả năng có một cuộc tấn công mặt đất của Việt Cộng. Trung sỹ Allickson nói, “Họ có thể làm lúc nào họ muốn nếu họ muốn tăng thêm tử vong” và tôi đang cầu nguyện điều đó không phải lúc này. Tôi quan sát cuộc tấn công từ bên trong boong chỉ huy an toàn, lắng nghe người chỉ huy bộ đàm truyền thông tin về Sở chỉ huy ở Plâycu. Schwarzkopf biến mất và tôi nghĩ anh ta đang cùng lính của mình ở gần hố cá nhân để chống trả cuộc tấn công mặt đất.

Có lúc tôi bò ra ngoài để xem có thể tìm thấy anh ta không nhưng tôi không thể di chuyển được. Tôi liếc nhìn trực thăng không quân Mỹ rít lên tầm thấp phía trên những hàng cây. Chúng thả bom giống như những con bọ cánh cứng Volkswagen tấn công phía xa. Tôi thấy Đại úy Richard ở phía đông đang giục lính của mình nạp đạn pháo. Họ đang dựa vào hàng rào kéo

cò súng các bin và nhanh chóng nạp những băng đạn mới. Họ như nhận được thông điệp rằng đây đó có thể là cuộc chiến kết thúc.

Schwarzkopf xuất hiện ở xa, thân hình to lớn của anh ta chuệch choạng dọc theo hàng rào boong, anh ta rẽ ngoặt vào trung tâm chỉ huy, giật lấy bộ đàm từ Hunt thét lên: “Chúng tôi đang bị đánh ở phía tây, đông và nam và một đội tuần tra di chuyển về phía bắc đang bị chặn đánh”. Anh ta lại chạy ra ngoài, cùng với Richard và rất nhiều lính mũ nồi xanh Mỹ hội thảo nhanh và sau đó hô hào mệnh lệnh. Tôi có cảm tưởng họ đang chuẩn bị tiến hành một cuộc phản công. Tôi ra khỏi chỗ, chạy về trạm cứu thương ngấp lính bị thương. Tôi xắn quần áo cho một số người và cố gắng làm họ cảm thấy thoải mái khi bác sỹ quân y đang cứu những người bị thương nặng nhất: Một người lính dường như bị mất cả hai mắt và một lính khác bị thương nặng ở cột sống.

Một lúc sau âm thanh trận chiến di chuyển cách đó khoảng một dặm, Schwarzkopf đi kiểm tra lính bị thương. Khuôn mặt anh ta xúc động nhưng cũng thể hiện nụ cười chiến thắng khi ca ngợi quân lính nhảy dù đã giữ được trận địa. Khi Richard bước vào, Schwarzkopf vỗ phía sau anh ta và nói với tôi đầy cảm xúc: “Tôi rất tự hào là một người lính Mỹ hôm nay. Mọi người trong Lực lượng Đặc nhiệm nỗ lực không một chút ích kỷ khi giúp đỡ chúng ta. Sự bình tĩnh của họ thật đáng khâm phục”.

Tôi đã có câu chuyện của mình cùng những bức hình và tôi muốn rời khỏi đây cho kịp số báo ra ngày Chủ nhật, nhưng chuyến đi bằng trực thăng lên thẳng như đã định bị hoãn và tôi phải chờ chuyến tiếp theo vào ngày hôm sau. Tôi trở lại trạm y tế có cô y tá Việt Nam xinh đẹp đang nghỉ ngơi. Tên cô ấy là Liên Hương. Cô ấy là con gái của một mục sư. Lính Mỹ bảo vệ cô ấy rất cẩn thận, đối xử với cô ấy như người bảo mẫu.

Doug Britt, một thành viên của đội Lực lượng Đặc nhiệm nói với tôi: “Không có chuyện yêu đương ở đây, nhưng nếu có thì tôi cũng sẽ không tán tỉnh cô ấy vì cô ấy là cô gái độc thân duy nhất trong doanh trại có hàng tá đàn ông và điều đó sẽ làm tổn thương những người kính trọng cô ấy”. Tôi không hiểu có phải anh ta đang đùa tôi không. Tôi hỏi Liên Hương xem cô ta có gặp rắc rối với những người đàn ông đó không thì cô ta kể có một hôm một sỹ quan Cộng hoà đã gạ gẫm cô ấy, nhưng người bạn Mỹ đã dọa anh ta. Cô ta thích những người Mỹ “Vì họ rất tốt với tôi và họ sẽ không bao giờ làm tổn thương tôi”.

Một trong những bệnh nhân của cô ta, người lính bị thương xương sống ngày càng tệ và thiếu tá Schwarzkopf quyết định gọi trực thăng khẩn cấp. Anh ta quay sang tôi và nói: “Câu cũng lên đó đi”. Vào tối muộn, một chiếc trực thăng lên thẳng tới và thiếu tá buộc tôi đi cùng anh ta và vài người khác

trên đường băng với một chiếc đèn pin giúp lên máy bay. Thật sự là quá nguy hiểm khi trở thành mục tiêu cho những tên bắn tỉa ẩn nấp xung quanh. Bất kỳ ai trong chúng tôi đều có thể bị bắn chết tại nơi chúng tôi đứng. Schwarzkopf nói với tôi nhiều năm sau này, khi anh ta đã đeo sao tướng, rằng hôm đó người phi công gọi bộ đàm xuống bảo lắc đèn pin để anh ta biết chính xác chúng tôi đứng ở đâu. Khi những lời chỉ dẫn này được kể cho tôi, tôi đã đáp lại rằng: “Tôi không biết về các anh nhưng đèn pin của tôi đã lắc từ khi chúng ta ra đường băng đấy”.

Ngay đêm đó tôi gửi câu chuyện đầu tiên về cuộc bao vây, và cũng chuẩn bị vài câu chuyện khác về chuyến thăm Đức Cơ, về Norman Schwarzkopf, Liên Hương và đội Lực lượng Đặc nhiệm. Những câu chuyện đó được báo đài sử dụng rộng rãi. Sau đó những phóng viên AP khác đến viết về vụ phá vòng vây và sự khởi hành của Đội không vận Cộng hoà của Schwarzkopf tới các trận chiến khác. Sau một vài ngày nghỉ ngơi ở Plâycu, tôi viết câu chuyện cuối cùng về y tá Liên Hương cho báo vào ngày 13-8. Đó là một câu chuyện ướm át không hề xấu hổ mà tôi đã viết, một bài tán tụng cho sự hy sinh quên mình, đức hạnh và một tình yêu không được đáp trả.

“Đức Cơ, miền Nam Việt Nam. Khi màn đêm buông xuống, đạn súng cối bắt đầu bắn vào doanh trại Lực lượng Đặc nhiệm, một dáng hình gầy yếu của một cô gái lướt qua những bóng hình đang bị nổ tung. Giống như một con ma xanh xao, Liên Hương đang tìm kiếm những người lính bị thương. Có thể cô ấy đang khóc khi bò từ boong này tới boong khác khiến chiếc mũ sắt lắc lư trên đầu. Mặc dù Liên Hương chứng kiến nhiều lính chết và nghe những câu đau đớn của những người bị thương, nhưng cô chẳng bao giờ quen với sự chịu đựng đó. Đôi mắt rớm nước mắt, chiếc áo bờ lu dính đầy bùn, Liên Hương bò lại boong chỉ huy nói với bác sỹ quân y người Mỹ bằng giọng tiếng Anh nhát gừng rằng, một lính bị thương nặng và bò ra ngoài với hộp băng cứu thương. Sau khi cuộc tấn công kết thúc và những người bị thương được tập hợp lại, cô cùng những bác sỹ quân y Mỹ dầm mồ hôi giúp đỡ họ chiến đấu giành sự sống cho những người đang hấp hối, làm cho những người bị thương cảm thấy thoải mái. Liên Hương chỉ tròn 20 tuổi vào tháng 2 năm ngoái, tình nguyện làm y tá ở Đức Cơ 20 tháng trước đây. Không chỉ trải qua nhiều đêm là những trận bắn phá doanh trại của Việt Cộng, Liên Hương còn phải chịu đựng cái rét của Đức Cơ cùng sự đìem tĩnh bên trong, làm ngạc nhiên những người lính Lực lượng Đặc nhiệm nơi đây khi họ nói rằng, Đức Cơ làm họ già đi sau một đêm. Liên Hương chịu sự tàn phá của công việc cực nhọc thường xuyên và sợ hãi. Mái tóc dài ngang eo luôn mượt óng. Khuôn mặt sáng sủa và mềm mại dù chẳng bao giờ trang điểm vì cô sống ở vùng nông thôn hẻo lánh. Đôi mắt cô e ấp trước điều cô đã chứng kiến. Sự hy sinh tận tụy của Liên Hương không làm lu mờ những gì

cô ấy bỏ lỡ trong thế giới. Cô mong mỗi một bộ quần áo đẹp nhưng biết rằng Đức Cơ chẳng có cơ hội nào để mặc. Cô chưa bao giờ tới Sài Gòn và mong được tới đó. Cô nhớ một trung sỹ trẻ là lính nhảy dù người Việt, người cô đã yêu khi anh ta đóng tại Đức Cơ nhưng đã không gặp anh ta ba tháng rồi và có thể chẳng bao giờ được gặp lại. Liên Hương có một triết lý rất đơn giản: “Tôi muốn ở đây và giúp đỡ. Tôi quý những người lính và muốn ở lại cùng họ bởi vì họ cần tôi. Tôi sẽ ở lại đây cho tới khi họ rút đi. Nếu Việt Cộng đánh bại chúng tôi, tôi sẽ đi tới doanh trại khác”.

Ed White gợi ý tôi nên đặt câu chuyện là “Thiên thần của Đức Cơ”. Tôi thích bất kỳ nhan đề nào có Con chim Florence trong đó và chúng tôi để tùy các biên tập viên sử dụng cả hai ý kiến trong tiêu đề. Bạn đọc gửi cả đồng quần áo và mỹ phẩm cho Lầu Năm góc để nhờ họ gửi cho nữ y tá đó. Khi tôi trở lại Sài Gòn, John Wheeler trêu tôi về sự uỷ mị. Horst nhận xét câu chuyện một cách vui vẻ và công khai, “đó là những gì xảy ra khi tôi để anh ta một mình trong chiến trường đêm đó”.

Chương 11: Lữ Đoàn 173

Lực lượng quân đội Mỹ tập trung gần Sài Gòn, nơi tràn ngập phóng viên và nhiếp ảnh. Chúng tôi lái xe ra khỏi thành phố về doanh trại Lữ đoàn Không vận 173 của quân đội Hoa Kỳ ở Biên Hoà mất khoảng nửa giờ, xóc nảy qua đoạn cuối con đường bụi bặm, đi qua nghĩa trang cũ của người Việt với những bia mộ khắc màu đỏ. Những chiếc áo ponsô màu ô liu nâu xám treo giữa những tấm bia che lỉnh gác khỏi ánh nắng chói chang. Đường lán doanh trại trải dài trên khoảng bằng phẳng nhỏ hướng ra căn cứ không quân Biên Hoà đông đúc để bảo vệ lữ đoàn đã dàn quân. Lính nhảy dù có tiếng trong lực lượng quân đội Hoa Kỳ và tôi rất mong muốn chứng kiến cách họ thao tác chống lại du kích Việt cộng.

Chỉ huy lữ đoàn trưởng Tướng Ellis W. William, có mái tóc hoa râm, dáng gầy và được đặt biệt danh sau lưng là “Butch”. William xuống máy bay cùng lính giống như Tướng McArthur lội vào bờ ở Leyte trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Trung sỹ thông tin của đơn vị, Don Pratt được người phát ngôn chính của Westmoreland, đại tá Ben Legare cảnh báo tránh căng thẳng: “Nhắc nhở tướng của anh trước khi báo giới làm điều đó, và đảm bảo ông ta biết nhấn mạnh tính tất yếu bảo vệ nhiệm vụ của mình. Lữ đoàn 173 ở đây để bảo vệ căn cứ không quân và không phải gây ra chiến tranh. Nhắc ông ta biết điều đó”. Nhưng Pratt đã bỏ qua lời William ở sân bay và vị tướng đó nói với báo giới rằng ông ta tới Việt Nam để tham gia Chiến tranh thế giới thứ ba.

Trung sỹ Pratt thuyết phục tôi viết những điều mà anh ta hứa sẽ là câu chuyện độc nhưng 20 phóng viên khác cũng biết. Đôi khi báo giới nhiều hơn cả lính. Pratt là người đàn ông thật thà, người đồng hành tốt bụng và là người chủ hào phóng.

Lính nhảy dù đến Việt Nam với lòng tin họ biết một số điều về chiến tranh trong rừng: Họ luyện tập ở Okinawa và một số nơi ở Thái Bình Dương. Tôi chờ đợi những đụng độ đầu tiên, nhận thấy lính thủy đánh bộ Hoa Kỳ ở Đà Nẵng đang gặp nhiều khó khăn trong việc thích nghi với sức nóng và học cách hiểu người Việt Nam. Theo những tuyên bố của Chính phủ Hoa Kỳ, Trung sỹ Pratt công khai nhấn mạnh vai trò bảo vệ của Lữ đoàn nhưng bản thân anh ta lại cho rằng điều đó là vớ vẩn và đơn vị sẽ vào trận chiến chống lại Cộng sản ngay khi những vũ khí lợi hại tới.

Viết tin về lính bộ binh không phải là cuộc rong chơi. Việc đi lại đôi khi khó khăn gian khổ vì phải băng qua rừng rậm, dây bùn dính và sâu – mọi người phải nắm tay nhau để khỏi bị lạc. Dây rừng và bụi rậm dưới chân cào vào vũ khí, quần áo và luôn có một người chỉ huy đi theo từ hàng đầu tới cuối với khẩu hiệu: “kiểm tra lựu đạn, kiểm tra lựu đạn”. Lính phải đảm bảo

dây rừng không bắt lấy an toàn vỏ lựu đạn. “Đó giống như cắt sợi mì qua bát mì”, một người nói. “Ước gì nó dễ dàng như vậy, Tarzan chẳng bao giờ có khó khăn đó”, một người đáp lại.

Vào giữa buổi trưa, mặt trời cũng không xuyên qua được lớp lá dày đặc. Chỉ có ánh sáng mờ lúc chạng vạng. Điều đó không bao giờ thay đổi và không dễ chịu gì. Chỉ khi bạn biết không thể đi thêm được nữa, có một vết châm bất ngờ bởi một vật mát mềm trong bụi và biết rằng một con đĩa đen ghé thăm, bò lên chân từ những giọt nước rỉ ra ở gót chân, đang trở nên béo múp bằng máu của bạn tới lần dừng chân tiếp theo khi xắn quần lên và đốt kẻ thâm nhập vào lũng quên bằng bột lửa.

Rừng được xem là sự hăm dọa, nhưng vùng nông thôn có dân cư sinh sống lại có một loại rắc rối khác: con người có thể nguy hiểm hơn những sợi dây lộn xộn hay bùn có đĩa. Đây là cuộc chiến không mặt trận và không an toàn. Tôi có thể thấy những bất bình thường ở Việt Nam ảnh hưởng tới những lính trẻ, những người đào tạo để chống lại kẻ thù mặc đồng phục để bảo vệ những mục tiêu đặt ra rõ ràng.

Tôi đi cùng đoàn trinh sát bằng xe bọc thép và những khẩu súng tự động 90mm hướng về phía bắc căn cứ doanh trại dọc đường số 1, nơi những báo cáo của do thám Cộng hoà nói rằng có tới một nghìn du kích Việt Cộng đang tập trung tấn công người Mỹ. Lính nhảy dù thận trọng khi xuống khỏi đường cao tốc và vui mừng khi họ đi qua cộng đồng người lánh nạn Thiên chúa giáo của Hồ Nai, nơi đó hàng trăm người dân địa phương chạy ra khích lệ họ. Thêm vài dặm lên đường cao tốc không khí thay đổi: có các hố cá nhân và mương rãnh đào bên đường, những người đi bộ đội và nông dân trên cánh đồng quay mặt đi. Một chiếc xe ô tô bấm còi không kiên nhẫn và một chiếc mũ kín nhỏ của Pháp theo đường vòng qua hàng xe bọc thép, một người châu Âu cầm lái và hai người phụ nữ ăn mặc sang trọng trên xe. Khi chiếc xe vượt lên đằng trước, lính nhảy dù sẵn sàng chiến đấu nhìn nhau ngạc nhiên. Chiếc xe ô tô xuất hiện từ rừng cao su phía trước.

Phía sau rừng cây, đường cao tốc cản trở xe quân đội bởi những hào sâu. Những người lính nhảy xuống bụi rậm, dựng súng cối và súng máy sẵn sàng cho mọi chuyện trừ một nhóm người Việt bất ngờ xuất hiện vây quanh họ, một số mặc quần áo rách rưới và đầu tóc rối bù với cái nhìn lạ lẫm, hoang dại của những người rừng. Những người khác đang đánh xe bò cùng những đứa trẻ lồi thối, lếch thếch. Cảnh sát Cộng hoà đi cùng đội tuần tra nói rằng họ vô hại.

Tiến ra khỏi bụi cây, đội lính chỉ vào một người mặc quần áo màu đen ở xa thích hợp với miêu tả về Việt Cộng và họ đuổi theo. Họ thấy một người phụ nữ chặt tre bằng liềm. Cô ta hét lên hoang dại và không ai có thể hiểu

những gì cô ta muốn nói nhưng cảnh sát kiểm tra chứng minh thư và để cô ta đi. Công chiêng vọng ra đâu đó trong bụi cây khi những người lính di chuyển về phía trước, theo sau là hàng xe bọc thép đè bẹp những bụi cây. Sau đó chúng tôi đi song song với đường sắt Sài Gòn – Hà Nội, con đường đã không sử dụng trong nhiều năm và chúng tôi biết ơn vì nhờ nó có thể trở lại Trảng Bom và theo quốc lộ 1 về nhà. Trong một ngày lính nhảy dù đã chúng kiến một Việt Nam huyền bí và mâu thuẫn, những gì gọi là tập dượt quân sự của họ trước đây giờ thành vô ích khiến họ thấy là những người lạ trên mảnh đất của người ngoài hành tinh.

Những hạn chế trong chính sách của Tổng thống là Lữ đoàn 173 hoạt động ở mức độ hành quân thấp trong tháng đầu tiên tới độ làm mất tinh thần của vị tướng tham vọng. William không còn kiên nhẫn.

William muốn đưa ra những nhận xét báo chí tốt và nhạy cảm với những thông tin phản ánh về lữ đoàn trong những gì ông ta thấy như ánh sáng mờ. Ông ta có nhiều điều để bực bội. Có 3500 lính dưới sự chỉ huy của ông ta và khoảng 60 phóng viên, nhiếp ảnh bất kỳ lúc nào cũng lượn lờ quanh đó. Đặc biệt AP nằm dưới ngọn lửa của ông ta vì ngày nào chúng tôi cũng ở đó và viết hầu hết những hoạt động lính nhảy dù bảo vệ vòng ngoài căn cứ.

Hort đi cùng một đội tuần tra bộ binh hỗ trợ tấn công không quân được cho là tấn công vị trí của Việt Cộng trên đồi phía trước. Anh ta đi cùng trinh sát kiểm tra mục tiêu và nhìn thấy một hàng người đang đi về phía họ. Họ cầm súng. Khi những người đó tới, lính Mỹ nhìn thấy những bộ quần áo màu vàng và nâu của các vị sư. Một số quần áo của họ dính máu và sáu người được khiêng bằng cáng. Khi nhóm người đó ra hiệu chào kiểu Phật giáo, lính chạy về phía trước giúp đỡ. Các sư trong một ngôi chùa bị tấn công nằm trong một trận không kích. Tôi viết một câu chuyện nói rằng nhóm tôn giáo “đã trở thành nạn nhân của sự nhầm lẫn thường xảy ra trong chiến tranh Việt Nam”. Tướng William gào lên.

Một tiểu đoàn lính bộ người Australia chuyển vào cạnh lính đánh bộ ở Biên Hoà. Họ là những lính kinh nghiệm, thân thiện, rất thích giao tiếp với những người Mỹ nhưng lại sợ sự căm đoán của William về việc uống bia ở căn cứ hay ở những quán bia trong thành phố.

Chính tôi cũng là người uống bia, thường thể hiện cảm thông với những người đàn ông bằng một vài câu chuyện hay đùa rằng những lính đánh bộ khó khăn, vất vả đủ hào phóng để giải quyết vài chai bia sau khi trở về từ rừng. Vị tướng không ngạc nhiên khi Bộ trưởng Quốc phòng Australai vận động hành lang thành công chỉ huy tối cao Hoa Kỳ bãi lệnh uống bia. Tình hình trở nên xấu khi một nhóm người đi nhà thờ ở Texas đọc những câu chuyện của tôi về việc đó, họ đã gửi tới sỹ quan tuyên úy lữ đoàn năm trăm

móc khoá nhà thờ mở bia. Vị sỹ quan tuyên úy quảng cáo rằng bất kỳ ai tham dự bài giảng nhà thờ ngày Chủ nhật tới sẽ nhận được một cái mở bia. Ông ta đã phá vỡ kỷ lục tham dự.

Tháng 8-1965 khi vị tướng cử hai trong những tiểu đoàn của mình hành quân 5 ngày tới phía đông nam Sài Gòn và trở về tay không, tôi viết một đánh giá về chiến thuật quân sự của ông ta. “Có một phản ứng giây chuyen của những lỗi lầm mà không thể tạo nên thành công trước khi điều hành thực sự theo đúng cách. Rất nhiều nhà quan sát cảm thấy chỉ huy cấp cao Hoa Kỳ có thể dính vào chiến thuật đem lại sự thất bại cho lực lượng Cộng Hoà trước đây và có thể mang lại sự thất bại cho lực lượng Hoa Kỳ bây giờ”.

Ngay sau đó, Tướng William cho rằng ông ta đã lãnh đủ từ những bài viết của tôi, triệu tôi đến Sở chỉ huy lữ đoàn. Don Pratt khẩn nài tôi lịch sự với vị Tướng và đồng ý chịu trách nhiệm trước bài giảng sắp tới. “Ông ấy không có đầu mối như những gì anh có, như vậy chỉ cần làm hài lòng ông ấy thì công việc của tất cả chúng ta sẽ dễ dàng hơn”.

Tôi lái xe ra căn cứ lữ đoàn vào giữa buổi sáng và đi bộ lên khu vực chỉ huy. Khi đi qua Pratt, anh ta làm cử chỉ hòng xẻ dọc với tôi và tôi cũng búng tay đùa lại. Tướng William ngồi ở đó khi tôi bước vào và vẫy tôi lại ngồi chiếc ghế tại bàn ông ta. Ông ta tập hợp vài viên sỹ quan lâu năm của mình để giáo huấn. William dựa vào phía sau, mắt nhìn tôi. Mặc dù tôi tự nói với mình phải bình tĩnh, giải pháp của tôi phải nhẹ nhàng, nhưng chỉ trong chốc lát tôi cảm thấy mình giống như tân binh đi báo cáo tè dầm. “Anh và những phóng viên thường trú khác không viết được cái gì hơn ở lữ đoàn 173 ngoài những câu chuyện về sự lảng tránh của Việt Cộng à? Anh không biết rằng Việt Cộng là những kẻ nhát gan, họ chỉ chiến đấu về đêm và khi chúng tôi bắt được một nhóm thì họ bỏ chạy. Khi anh nói rằng chúng tôi không thể tìm thấy Việt Cộng, điều đó làm chúng tôi giống như đồ bỏ đi và chúng tôi không phải như vậy”. Tôi nhận thấy các sỹ quan cấp dưới tỏ thái độ thoải mái và tôi chắc họ đã nghe những điều này trước đây. Vị Tướng tiếp tục: “Tại sao cậu không thể viết những điều tích cực về chiến tranh. Đó là cách duy nhất thay đổi thủy triều ở đây và để người Mỹ ủng hộ những hành động của chúng ta trong đất nước này. Nếu chúng ta muốn những người lính trở về nhà thì phải thuyết phục mọi người, phải làm cho những đại biểu Quốc hội biết về sự thành công mà chúng ta đang tạo ra ở đây.”

Tôi phản kháng rằng chúng tôi đang làm hết sức, viết về các sự kiện một cách khách quan và đánh giá cao sự hiếu khách mà lữ đoàn ông ta dành cho chúng tôi. Vị tướng không ấn tượng. Ông ta đứng dậy và “sửa” vào mặt tôi: “Điều đó chưa đủ, chúng tôi muốn anh trở lại hàng ngũ”. Tôi đã nghe điều đó trước đây. Tôi cố gắng giải thích rằng AP là một hãng tin quốc tế với

những trách nhiệm vượt ra ngoài đất nước Hoa Kỳ và thậm chí có những người thuộc phía bên kia cũng muốn mua tin, trong đó có TASS (cơ quan thông tấn Liên Xô cũ).

William nhìn tôi nghi ngờ. “TASS hả? Đó là một tổ chức chết tiệt”. Cuộc thảo luận cuối cùng cũng kết thúc và khi tôi rời đi, William nói với nhân viên thông tin ở lại và đọc cho anh ta nghe Đạo luật Ngăn ngừa chống phá trật tự khiến tôi tới nơi đâu cũng bị từ chối. Pratt bước vào văn phòng ngày hôm sau, kêu lên “anh không giữ lời hứa” và nói tôi không còn được chào đón cùng lũ đoàn nữa.

Tôi đáp lại “Khôn thật, tôi sẽ viết về Big Red số 1 (Sư đoàn lính bộ đầu tiên của Hoa Kỳ) và những lính thủy đánh bộ”.

“Chết tiệt, không có cách nào khác đâu, William căm ghét cú húc của anh nhưng nếu ông ta hài lòng với những tiêu đề mà anh viết thì tôi sẽ cho anh tham gia vào những trận chiến.

Pratt quá thành thật. Anh ta luôn báo cho tôi biết những chiến dịch chống trả tôi của Tướng anh ta. Tại một cuộc họp ở Nha Trang với hai nhân viên thông tin Chính phủ từ Washington đến, đại tá Roger Bankston và Dan Henken, William nói với họ là tôi đã thú nhận với ông ta tôi viết để làm hài lòng TASS và theo ý đó của ông ta thì tôi thuộc loại chống phá nên bị nghi ngờ. Đập vào mặt bàn, ông ta tuyên bố những phóng viên không hợp tác sẽ bị trục xuất và những phóng viên nhấn mạnh lỗi lầm của Mỹ ở Việt Nam là “không có năng lực hoặc có xu hướng chống phá”.

Những người lính của William là những người tôi viết và họ thích thú vì sự quan tâm của tôi. Những quan sát của tôi về sự lẩn tránh của Việt Cộng và những thất bại của chiến tranh là những điều xuất hiện trong những bức thư của họ viết về nhà, vì vậy họ không phàn nàn về tôi. Mong muốn của họ là tôi duy trì khả năng viết về những hành động của lính nhảy dù, như một cách thách thức lại lời chỉ đạo của Tướng William.

Một ngày Don Pratt lái xe tới văn phòng của chúng tôi với thông tin Tiểu đoàn 1 sẽ bắt đầu tấn công chống lại khu vực căn cứ được bảo vệ và là điểm “nóng” của Việt Cộng ở phía bắc Sài Gòn. Anh ta muốn tôi đi cùng để tác nghiệp mặc dù điều đó không được phép “bởi vì tôi nợ anh về vụ cho chúng tôi được uống bia lại” – Don Pratt nói. Phụ tá văn phòng người Việt đưa tôi đến điểm tập kết trực thăng gần căn cứ lũ đoàn trước hoàng hôn và tôi bò qua hàng rào an ninh, tham gia cùng Pratt và một số người bạn của anh ta từ trung đội của đại đội A. Với bộ quân áo dã chiến màu xanh mua ở chợ đen và mũ sắt, tôi lẩn vào đám đông. Tôi là sự ghen tị của nhóm vì tôi đã mua được đôi ủng đi rừng có bàn giăng đi lại dễ dàng hơn trong bùn so với những đôi đế trơn cấp cho lính nhảy dù. Trung đội trưởng cũng đồng thuận với

chúng tôi, nhập tôi vào một trực thăng chở lính với một trong những đội của anh ta, khi nhân viên lữ đoàn lâu năm kiểm tra việc cất cánh.

Chúng tôi rời căn cứ không quân Biên Hoà, nơi có đông dân cư xung quanh, bỏ xa những thị trấn khi khói bấp toả ra từ những ống khói, đi qua cánh đồng lúa ngập nước, bay lên những rừng cao su, và bỏ xa cả những con đường đầy bụi và những mái lá của vùng nông thôn nghèo nàn. Chúng tôi tới một dải đất vùng đầm lầy và rừng rậm được gọi là Vùng chiến khu D từ chiến tranh thuộc địa. Trực thăng của chúng tôi nhanh chóng hạ xuống một bãi đất trống rộng rãi. Lính nhảy dù bỏ nhào xuống, thậm chí trước cả khi máy bay phanh lại, tiếp đất thăm dò.

Tôi cảm thấy tay của Pratt đặt trên vai mình, sau đó là cả hai chúng tôi nhảy xuống. Tôi căng thẳng khi thấy mình rơi vào đống nhóp nhóp nhày nhụa, bốc mùi thực vật mục rữa. Tôi bị lún sâu tới đùi trước khi giữ được cân bằng và di chuyển theo sự chỉ dẫn của lính. Tôi đẩy mình qua đám cỏ lau màu vàng che khuất tầm nhìn thấy Pratt đang chờ mình tại thùng xe bò. Anh ta cũng bần như tôi. “Ít nhất Victor Charlie không biết chúng tôi đang tới”, anh ta nói “Bởi vì ở đây vẫn chưa có liên lạc”. Cách anh ta cười với tôi làm tôi nhớ tới diễn viên nam Dane Clark từ một bộ phim chiến tranh tôi xem hồi nhỏ. Khi tôi nói với anh ta như vậy, anh ta đáp lại: “Khỉ thật, không đâu, tôi là John Wayne, hãy di chuyển đi”.

Tôi đi cùng nhóm chỉ huy đang nghiên ngẫm tám bản đồ bằng nhựa được đánh dấu bằng những đường bút chì xanh, đỏ đậm và chữ viết nguệch ngoạc. Bộ đàm tại bộ chỉ huy định vị sự có mặt của một trung tâm truyền thông Việt Cộng trên khu vực cao cách vài dặm về phía tây và ra nhiệm vụ hạ nó, gây thiệt hại càng lớn càng tốt. Chỉ huy đại đội, Đại úy Walter Daniel đưa ra những mệnh lệnh thì thảo cho trung đội của anh ta di chuyển cẩn thận và cảnh giác: “Đây là đất nước của Victor Charlie, đừng quên điều đó và hãy cẩn thận”.

Trung đội 3 đi theo một chỉ huy trẻ qua những bụi cây mọc rối rắm mà tầm nhìn chỉ khoảng 50 mươi bước chân. Tôi nghe anh ta phàn nàn với bạn là anh ta đã lỗi thời vì có quá nhiều tân binh được đưa đến thay thế nhưng đã tử vong trên chiến trường hoặc mắc các loại bệnh nhiệt đới.

Ngày đầu chúng tôi vượt qua một đầm lầy nhiều dây rối rắm mà Việt cộng đã biết cách tránh. Chúng tôi mất cả ngày chỉ đi được có 3,2km. Chúng tôi trải qua một đêm không thoải mái trong những bộ đồ ướt và tiếp tục đi lúc bình minh. Sau một giờ, trung đội 3 thông báo họ đã tới đỉnh đồi và sau đó Việt Cộng lộ diện tấn công. Khu rừng vang lên tiếng súng máy bắn phá cả khoảng rừng, hạ gục bảy lính Mỹ đầu tiên và ngăn đường đi của những người còn lại. Tôi cúi xuống khi những viên đạn rơi ục ục vào thân cây gần

đó và bay vút lên đầu.

Những người lính gần đó bắn trả bằng những khẩu M-16. Tôi nhìn lên thấy Don Pratt cùng vị giáo sĩ của lữ đoàn, Frank Vavrin đã nằm sóng soài và trước khi chúng tôi nhận thức được đầy đủ những chuyện gì đang xảy ra. Vài trăm thước trước mặt, Đại đội 3 đã bị mai phục và đang chiến đấu cho sự sống còn. Những viên đạn tấn công gần chúng tôi nảy bật ra. Một giọng hét lên: “Dừng bắn, các cậu đang bắn vào chính người của mình!” và tôi bò về phía đội chỉ huy của Đại úy Daniel. Anh ta co dùm trên bộ đàm. Một giọng khẩn cấp: “Chúng tôi bị tấn công nặng nề, chúng tôi bị tấn công dữ dội, chúng tôi đã bị chia cắt và ghim lại”. Daniel đáp lại nghiêm túc: “Không có cách nào đâu, các cậu là Trung đội 3, các cậu không bao giờ bị ghim lại”, nhưng giọng nói đó khẩn khoản và nhanh chóng thông báo rằng trung đội trưởng đã nhận một viên đạn vào đầu.

Daniel tự mình đi xem tình hình và tôi theo sau anh ta, nửa bò, nửa trườn xuống đường dẫn đến một con suối nhỏ. Khu rừng nghiêng ngả trong tiếng vũ khí tự động kêu to đến điếc tai. Đại úy tiếp tục đi, đẩy đám cỏ bông sang một bên, lội qua bùn tới khi những viên đạn tới tấp bắn đến. Anh ta ngã xuống đất và tôi nghĩ anh ta đã bị hạ gục. Tôi bò tới vị trí thuận lợi quan sát thấy chiếc cằm anh ta chạm vào đất bắn để nhìn thấy khoảng trống nhỏ. Ở đó, cơ thể đầy máu của một trong những người lính nhảy dù của anh ta đã bị tay súng máy Việt Cộng bắn gục.

Có hai thi thể lính Mỹ ở khoảng trống và những gì còn lại là của Trung đội A phía trên đồi phía trên, không nhìn thấy nhưng không có âm thanh trong bụi rậm. Daniel trườn xuống đồi, qua dòng suối quay lại chỗ người cầm bộ đàm. Anh ta nửa đề nghị, nửa cầu xin cấp trên ở căn cứ giúp đỡ. “Chúng tôi đã từng chiếm bất kỳ quả đồi nào ở Việt Nam trước đây, nhưng tôi không nghĩ chúng tôi có thể chiếm được lần này. Chúng tôi phải mang tiểu đoàn còn lại về”.

Đại úy Daniel di chuyển lên Trung đội 2 tìm cách tốt nhất phá vòng vây cho những người còn sống sót của Trung đội 1 và Trung đội 3, do vậy những người lính bò qua chúng tôi cùng vũ khí sẵn sàng.

Những cố gắng giải cứu của Trung đội 2 tạo ra đường thoát, cho phép những người bị thương đến được với nhóm chỉ huy. Đại úy Daniel đưa thêm vài lính như hàng rào bảo vệ mỏng xung quanh chúng tôi và những bác sỹ quân y làm công việc của mình. Ba trong số họ giúp một lính nhảy dù bị thương nặng. “Tiếp tục ép ngực anh ta, giữ cho tim đập”, một bác sỹ quân y giục một người khác đang hô hấp nhân tạo. Họ ở đó hàng giờ dù những viên đạn liên tục bật nảy xung quanh họ cho đến khi người lính nhảy dù chết.

Don Pratt, sỹ quan tuyên úy Vavrin và tôi làm hết sức để giúp những

người bị thương cảm thấy dễ chịu hơn, kiểm tra băng bó cho họ bằng vải ướt. Có hơn 30 người bị thương nằm đó vào lúc trưa, gồm trung sỹ Gerald Mahoney – người đã bị bắn vào đầu gối và ngón tay cái trong đợt tấn công đầu tiên. “Tôi sẽ 19 tuổi vào ngày 17-10 và tôi sẽ phải tổ chức sinh nhật trong bệnh viện. Tôi không thích điều đó”, anh ta nói. Giáo sỹ Vavrin xoa đầu anh ta và nói với tôi: “Chúng là những cậu bé dũng cảm và tôi vui vì ở đây hôm nay” rồi sau đó ông ta bò tới xoa dịu một lính hôn mê bị thương ở đui.

Đầu buổi chiều, dù tất cả đều cố gắng hết sức nhưng hai trong những người lính bị thương nặng ở ngực đã chết và một bác sỹ quân y đắm mồ hôi trong chiếc áo khoác dính máu nói ra điều mọi người đang nghĩ đến: “Chúng ta cần trực thăng đưa những người này ra. Chúng ta không thể có trực thăng sao?”. Vấn đề là khu rừng đó như một bức tường chắn 3 phía, cao khoảng 60 m trên đầu chúng tôi. Chúng tôi phải phá tung nó ra bằng Dynamite và sẽ rất mất thời gian. Cuối buổi, đại đội kỹ thuật đã đào một vùng đất đầy cây gãy, gốc bị bật và hướng ra một lối thoát trong bức tường chắn để lọt những tia nắng đầu tiên. Vùng đất trở nên quá nhỏ cho trực thăng quân đội hạ cánh, một chiếc đã thử vào và bị đập cánh quạt trên cây. Chiếc HH-43s nhỏ hơn của lực lượng không quân có thể lọt vào, Pratt và tôi giúp đưa người bị thương lên.

Vào đầu buổi tối, tiểu đoàn trưởng, Đại tá John Tyler bổ sung thêm hai đại đội tăng cường lực lượng từ vị trí phía sau Việt Cộng. Họ kiểm tra ngọn đồi và tìm thấy hào, đường hầm cùng xác của 11 lính Việt Cộng.

Vị Đại tá không vui khi nhìn thấy tôi. Anh ta nói với Pratt, “Tướng William đã nói với chúng ta gã này không được chào đón ở đây” nhưng rồi anh ta cũng nói với tôi. “Đây là nguyên nhân vì sao mà nó được gọi là vùng chiến khu D. Không có cách gì có thể đánh tan được nó. Chúng ta đã ở đây và bây giờ chúng ta sẽ quay trở lại. Nếu họ muốn đánh nhau kiểu này, chúng ta sẽ chiến đấu”.

Tôi chỉ cho đại tá 11 lính nhảy dù đã bị giết, 40 người lính bị thương và tiếp tục đánh nhau có nghĩa là thiết lập tỷ lệ tử vong 1-1 mà không hứa hẹn điều gì tốt đẹp. Vị đại tá mỉm cười tự tin: “Nhìn này con trai, chúng ta lợi thế ở trận này vì Việt Cộng yếu thế hơn”. Đầu buổi tối, Pratt và tôi trèo lên trực thăng cuối cùng đi ra. Quân tôi ướt – tôi phát hiện chúng tôi đang ngồi trên vũng máu nhỏ đọng lại ở chỗ trống trên sàn kim loại từ người chết và bị thương trong những chuyến bay trước.

Tối muộn đêm đó tôi viết câu chuyện của mình. Bởi vì chúng tôi bị hạn chế đưa ra chi tiết những con số tử vong và bị thương cụ thể, tôi chỉ đề cập rằng đơn vị đã chịu tổn thất nặng nề, vì gần như một nửa đại đội bị thương.

Ngày hôm sau, tại cuộc họp nhanh hàng ngày của các nhân viên quân đội Cộng hoà và Mỹ ở Sài Gòn, mà chúng tôi gọi tiếng lóng là “Hành động ngu ngốc lúc 5 giờ”, các nhân viên quân sự cãi nhau với các con số của tôi và miêu tả tổn thất là nhẹ. Khi tôi phản đối, họ giải thích rằng sự mất mát thực sự một đơn vị đại đội là lớn nhưng khi so sánh tương quan lực lượng chống lại cả một tiểu đoàn thì được xem là nhẹ và đó là cách họ nhìn nhận.

Tôi rất tức giận với những mảnh khoé đó và không có cách gì ngăn được nó về sau.

Chương 12: Đội Tiếp Tế 21

Chính quyền Johnson trở nên cảnh giác với những tin tức viết về Việt Nam và cố gắng hạn chế điều đó. AP là mục tiêu hàng đầu. Những bản tin chiến trường đầy hình ảnh và những câu chuyện về các thử nghiệm tấn công bằng khí gas trong các đợt hành quân, thất bại lấp đặt quân sự và sự thiếu thốn vũ khí trong các đơn vị chiến đấu của quân đội Hoa Kỳ làm tức giận Washington tới mức Tổng thống Johnson yêu cầu FBI chọc vào cuộc sống của tôi và cố gắng tìm ra cái gì đó bần thủ để bịt miệng tôi. Trụ sở AP chỉ nắm được tình hình chung và rất lâu sau này chúng tôi mới biết những điều sâu xa trong sự không hài lòng của Nhà Trắng.

Thư ký báo chí Bill Moyers quan sát trong một lần ghi chú năm 1965 nói rằng tin bài của phóng viên CBS Morley Safer và tôi là “vô trách nhiệm và thiên kiến” bởi chúng tôi sinh ra ở nước ngoài nên chúng tôi không có “mối quan tâm cơ bản trong tim của người Mỹ”. Moyers hứa “thận trọng những điều đó hơn” và John viết nguệch ngoạc “tốt” trên bản ghi nhớ. Phụ tá của tổng thống, Jack Valentin viết một bản ghi nhớ cho Johnson trước cuộc họp với Wes Gallagher và các nhân viên khác của AP: “Các anh có thể đưa ra vấn đề của Peter Arnett, người trở nên có hại với nước Mỹ, có hại hơn cả một tiểu đoàn Việt Cộng: Những câu chuyện của anh ta về những thiết bị do thám, máy bay cổ, việc sử dụng khí gas độc hại”...

Wes Gallagher được mời tới cuộc họp Nhà Trắng và ông ta đã chuẩn bị đối mặt với những lời nhận xét của Tổng thống, mang theo một va li đầy những hình ảnh và sự thật ủng hộ cho những câu chuyện gây tranh cãi nhưng Johnson không hề đả động đến chiến tranh hay tác nghiệp của AP và cuối cùng Gallagher quyết định tự mình nêu vấn đề. “Thưa Tổng thống, tôi hiểu ngài đã nhận xét về một số những câu chuyện của AP từ Việt Nam”. “Ồ không”, Johnson đáp lại khi ông ta vỗ vai Gallagher từ phía sau. “Tôi nghĩ là AP đang làm tốt công việc”. Gallagher không thách thức ông ta khi nói: “À, tôi chỉ muốn ngài biết, thưa ngài Tổng thống, AP không chông lại ngài hay chỉ ủng hộ ngài”, tới đó Johnson đáp lại: “Đó không thực sự là cách mà tôi thích”.

Trong một bản ghi nhớ dành cho Wes Gallagher ngày 16-8, trưởng phòng nhân sự AP, Keith Fuller giải thích rằng mọi người ở AP phải cẩn thận hơn trong việc cân bằng làm tin vì điều đó có thể tạo ra “vấn đề đặc biệt cho Peter Arnett vì anh ta không phải là một người Mỹ mà lại tình cờ trở thành một phóng viên chiến trường năng động nhất của chúng ta, điều đó rất dễ làm cho các quan chức tức giận, trút giận vào anh ta”. Fuller nói anh ta đã nghe phong phanh thông tin về một chiến dịch và nhờ tôi kiểm tra giúp. Tôi không phản đối cung cấp cho AP tất cả những thông tin mà họ yêu cầu.

Những năm sau này đại tá Dan Baldwin đã nghỉ hưu nói với tôi rằng anh ta dành một tháng của năm 1965 bay vòng quanh nước Mỹ cùng một nhân viên CIA trong chuyến bay của Chính phủ để phỏng vấn những người quen của tôi, những người trở về từ Sài Gòn và luôn cố gắng buộc tội tôi là Việt Cộng.

Câu trả lời của Gallagher đối với mê cung những luật lệ và quy định mà Chính phủ Hoa Kỳ ở Sài Gòn áp dụng lên báo giới là hãy phản công mạnh. Ông khuyên chúng tôi trong một bức thư ngày 14-6-1965: “Tôi nghĩ câu trả lời tốt nhất lúc này là sự công kích với vai trò của tất cả các bạn như đã làm trước đây và không bị cản trở bởi những hạn chế”. Gallagher đang “bật đèn xanh” cho những liều lĩnh của tất cả chúng tôi và chúng tôi đáp trả những thách thức của ông ta.

Ngày 18-8-1965, Eddie Adams, một phóng viên báo ảnh của AP thông báo với chúng tôi rằng chiến dịch quân sự lính thủy đánh bộ Hoa Kỳ lớn sẽ bắt đầu ngày hôm sau và anh ta sẽ bay ra Huế với chỉ huy lính thủy đánh bộ, Thiếu tướng Lewis Walt. Eddie nói có một chỗ đi nhờ trên trực thăng quân đội Hoa Kỳ đóng tại Đà Nẵng do Đại úy Irwin Cockett lái, một trong những người bạn của chúng tôi. Tôi đang chạy vội về nhà đóng gói hành lý và đi nhờ trên chiếc C-130 của Lực lượng Không quân Hoa Kỳ chở túi đựng xác tới Đà Nẵng. Bình minh lên trước khi chúng tôi tới nơi. Đại úy Cockett đang uống cà phê ở nhà ăn tập thể Quân đội Không quân. Anh ta nói cuộc hành quân thực tế ở đảo Vân Tường phía nam Đà Nẵng. Anh ta nhảy lên trực thăng và chúng tôi bay qua những tia nắng mặt trời đang lên đi về phía chiến trường.

Tới đường băng tại sân Chu Lai bị chặn cát, chúng tôi nhìn thấy khói toả lên từ bán đảo rừng về phía nam. Một đợt hành quân lớn vẫn đang tiếp diễn. Cockett thả tôi ở gần ba chiếc trực thăng lên thẳng CH-34 mà quạt gió đã quay và tôi nhảy lên một chiếc chạt đầy khí gas. Sau đó là Tim Page, một tay báo ảnh tự do, người cũng được tiết lộ đi về phía nam, nhảy lên máy bay.

Chúng tôi nhanh chóng đảo quanh trên bán đảo, cơ trưởng hét vào tai tôi rằng phi công đang tìm chỗ thả hàng. Chúng tôi bắt đầu xoắn xuống mặt đất chiến trường. Tôi liếc nhìn hàng xe bọc thép phía dưới. Page và tôi giúp cơ trưởng lăn những thùng ga xuống đất và nhận ra một tá lính thủy đánh bộ lăn lê lao về phía chúng tôi, một số bị thương và một nửa được những người bạn mang đến. Tôi nghe cơ trưởng hét lên trong micro: “Chúng ta đang ở nơi chết tiệt nhằm nhỡ”. Chiếc trực thăng lên thẳng chồm lên giống như con hươu rồi sau đó đáp lại khi những lính thủy đánh bộ bị thương lên boong, bám vào một vật gì đó bằng kim loại khi nó lảo đảo bay đi.

Page và tôi ở lại phía sau, một mình trong khoảng rừng thưa nhìn về những bụi cây phía sau tới những bóng to lớn của những chiếc xe lội nước

im lìm trong cánh đồng lúa bị ngập cách đó gần 50m. Khi tới chỗ họ, chúng tôi nhìn thấy vỏ ngoài bằng thép vỡ ra từng mảnh và tàn tích với những vụ nổ, trở nên nóng rát với cái nóng gay gắt của buổi sáng. Tôi nhìn vào mặt nước sợ hãi, trong lại tôi là đôi mắt không nhắm của một lính thủy đánh bộ đã chết, khuôn mặt cách mặt nước 3cm. Tay phải của anh ta vẫn nắm chặt con dao chiến trường K-bar của lính thủy đánh bộ. Page gọi tôi tới phía sau một xe bọc thép nơi một người lính khác chết nằm co lại giống như một đứa trẻ và chúng tôi nhìn thấy nhiều xác chết nữa trong nước.

Chúng tôi nghe tiếng kẽo kẹt của chiếc cửa bằng thép mở ra và một cái đầu bù xù thò ra: “Đưa cái chết tiệt vào bên trong đi, Việt Cộng ở khắp nơi” và anh ta vẫy chúng tôi vào bên trong xe. “Chúa ơi, chúng ta cần cứu nơi của khi này”, Page đáp lại. “Nếu có người nào khác còn sống, đưa ngay ra ngoài cùng với vũ khí của họ”.

Tay lính thủy đánh bộ kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện đau đớn. Chiến dịch Starlite là một cuộc tấn công quân sự lớn nhất của Mỹ tới thời điểm đó tại Việt Nam. Đơn vị mà chúng tôi tìm thấy là Đội tiếp viện 21 gồm 5 xe đổ bộ, mỗi chiếc nặng 35 tấn và hai xe tăng M-48 hộ tống. Hành trình dẫn đến sự huỷ diệt của nó bắt đầu cùng sự lúng túng. Khi họ đặt chân tới, họ không thể định vị mục tiêu và bắt đầu đi tìm. Lạ nước, những chiếc Amtrack to lớn diên đại lợi từ cánh đồng lúa này sang cánh đồng lúa khác. Vào lúc 11 giờ sáng, họ bắt đầu gặp rắc rối nghiêm trọng. Những người lính Việt Cộng nguy trang mọc ra từ những hàng cây, đầm lầy và tấn công bằng súng trường, lựu đạn. Cai đội Richard Pass nói rằng chiếc Amtrack đổi hướng khi vụ nổ tàn phá xung quanh nó. Chiếc xe tăng dẫn đầu bị tấn công bằng lựu đạn bọc thép. Những cánh đồng lúa màu mỡ là khó khăn chiến thuật cho những người lính tiếp tế không được huấn luyện, ba trong năm chiếc Amtrack quay trở lại trong cánh đồng sâu và bị sa lầy. Hai chiếc còn lại theo hướng những chiếc xe tăng vụng về tìm chỗ ẩn náu nhưng một chiếc không làm được và bị một lính Việt Cộng hạ gục khi ném lựu đạn vào cửa, giết hai người Mỹ bên trong và làm bị thương những người khác. Pháo cối thổi tung những chiếc xe và một súng đại bác đặt ba lỗ trong chiếc xe tăng. Người lái xe bị bắn chết khi anh ta cố len qua cánh cửa thoát hiểm rộng 46cm bên dưới xe. Một hạ sỹ nói anh ta nhìn thấy lính Việt Cộng với dây đeo súng, bộ quần áo đen và mũ sắt nguy trang di chuyển về phía một chiếc Amtrack cách anh ta 27m bên tay trái và giết một trong những người lái xe khi anh ta mở cửa và cố gắng trốn thoát. Một lính thủy đánh bộ khác đang lợi qua cánh đồng, tay cầm con dao thì bị hạ gục với vũ khí vẫn nắm chặt trong tay.

Khi chiếc Amtrack thứ ba bị hạ gục, chỉ còn lại hai người sống sót, họ bắn trả như một tên bắn trả cừ khôi qua lỗ ngắm phía trên xe. Tất cả họ đều bị

thương ở mức độ nào đó. Họ nói một hạ sỹ trẻ hét lên: “Được rồi, chúng tôi là lính thủy đánh bộ, hãy làm công việc của mình”. Anh ta bắt đầu thò ra khỏi xe nhưng không bao giờ đặt được khẩu súng lên vai – một viên đạn bắn trúng giữa hai mắt anh ta. Vào cuối giờ chiều sau khi một trung úy bị giết, lực lượng tấn công không quân gần đó tới giúp giảm mức độ lo lắng nhưng những người sống sót đã có một đêm không dễ dàng và họ vui sướng hơn khi trực thăng của chúng tôi đến trở những người bị thương vào buổi sáng. Tất cả được đưa đi vào đầu giờ chiều, được một đại đội bộ binh hộ tống nhưng những chiếc xe bọc thép bị phá huỷ vẫn nằm lại như những kỷ niệm cho trận chiến lính thủy đánh bộ đầu tiên với Việt Cộng.

Tôi bay về Sài Gòn chiều hôm đó với tin sốt dẻo không ngờ tới. Tôi viết suốt đêm, lăn ra giường vào giữa trưa sau 48 tiếng không ngủ. Những tờ báo ở Mỹ và trên thế giới đều muốn sử dụng câu chuyện và ảnh của tôi. Quân đoàn Lính thủy đánh bộ Mỹ không thể dễ dàng chấp nhận công việc của tôi vì Chiến dịch Starlite được xem là thắng lợi tuyệt đối trước khi tôi trở về từ hiện trường. Kết quả là câu chuyện của tôi bị từ chối thẳng thừng và Đội tiếp viện 21 được nói là không tồn tại. Tôi cố gắng đưa một số bức ảnh của mình tới cuộc họp “Những tên ngốc lúc 5 giờ” nhưng phát hiện ra không ai tin vào lời nói của lính thủy đánh bộ và đoán rằng tôi đang viết đúng sự thật.

Vài tháng sau đó, tôi nhận được một bức thư từ Hạ sỹ Guilford nói rằng câu chuyện của tôi làm vợ anh ta lo lắng nhưng rất vui vì tôi đã đến hiện trường và viết phần việc của mình vì những lính Mỹ không nhận được những gì chúng nhận cho sự hy sinh của họ ở Việt Nam. AP bị ảnh hưởng từ câu chuyện trong nhiều tháng vì Chỉ huy Lính thủy đánh bộ – Tướng Wallace Greence nói công khai rằng Đội tiếp viện 21 là một sự bịa đặt. Gallagher chỉ có thể chặn miệng ông ta bằng cách mời ông ta tới cuộc họp ban lãnh đạo hàng năm của AP ở New York và năn nỉ ông ta xem bài thuyết trình slide tất cả những bức hình của tôi. Ông ta từ chối.

Dù đó không phải là trách nhiệm của ông ta nhưng Việt Nam ngày càng chiếm nhiều thời gian của Gallagher hơn. Ông ta đã vẽ hành trình hiểm trở cho chúng tôi từ cách đó hơn 10 nghìn dặm và thấy rằng khi nguy hiểm của chiến tranh ngày càng nhiều, những nhân viên trẻ mà ông ta giục giã đang bước giữa bờ vực của sự sống và cái chết. Ông ta cũng biết Tổng thống Hoa Kỳ có máy in tin AP trong văn phòng riêng và thường xuyên tham khảo, chửi mắng nhân viên quan hệ báo chí khi ông ta đọc được những câu chuyện không hài lòng – mà điều này lại xảy ra thường xuyên. Tương lai xán lạn của Gallagher đang nằm trên chính đôi vai những phóng viên của ông ta. Bởi vì ông ta tin vào quyền được biết của công chúng. Gallagher cho chúng tôi tự do nhưng không tin rằng công chúng có quyền biết mọi thứ. Đó là Horst, người kiểm nghiệm những giới hạn của sự buông thả.

Horst là người đồng hành tốt trên chiến trường. Những người lính thoải mái quanh dáng hình to lớn hoà nhã của anh ta và cảm thấy thư giãn, thậm chí khi những chiếc Leica của anh ta hoạt động. Lính ở Tiểu đoàn 2 Không vận 502 không lạ gì Horst và đã dẫn anh ta đi trong 3 ngày nóng tháng 12. Anh ta đi cùng họ trong đợt tuần tra trong rừng năm 1965. Những lính này nằm trong lực lượng tinh nhuệ của quân đội Mỹ và luôn sẵn sàng chứng minh điều đó. Tiểu đoàn 2 mang theo một chiếc rìu nhỏ sắc như vật tổ của họ. Nhưng Horst nhận thấy nó có ý nghĩa hơn một biểu tượng, nó là một loại vũ khí lễ nghi. Một nhóm gồm 3 hoặc 4 lính luyện tập chiến thuật cùng nhau, chặt không khí bằng những tiếng tách của cổ tay.

Khi đội tuần tra đi qua khu rừng ở phía bắc Sài Gòn, một quả lựu đạn thô bạo nổ trên đường đi làm bị thương bốn người lính. Những người bạn của họ gào lên tức giận và Horst nhìn thấy hai nhóm ném vũ khí xuống, chạy vào rừng cùng những chiếc rìu của họ.

Horst chờ, một trong số họ trở về mang theo một đầu người còn chảy máu. Họ chuyền tay nhau cầm lấy làm mẫu cho Horst nhảy múa xung quanh tới khi đại đội trưởng, Đại úy Thomas Taylor tới và yêu cầu họ dừng lại ngay. Anh ta là con trai vị Đại sứ Hoa Kỳ mới ở Việt Nam, Tướng Maxwell Taylor. Ngày rừng rợn đó chưa qua đi. Tiểu đoàn trưởng, Trung tá Hank Emerson ghé qua bằng trực thăng của mình khi nghe tin đó và năn nỉ đào đầu lên cho anh ta xem. Anh ta hứa một thùng whiskey cho đao phủ đầu tiên.

Horst cảm thấy khó chịu và tức giận. Những người lính thờ ơ với sự có mặt của anh ta và không quan tâm tới việc đang bị chụp ảnh. Trong khi anh ta không trực tiếp nhìn vụ chặt đầu nên sợ rằng nạn nhân bị chặt sống.

Chúng tôi quyết định ném quả bóng vào lòng New York. Tôi viết về những đội quân dùng rìu dưới tên của Horst và anh ta gửi 3 bức ảnh bằng radio. Chúng tôi gửi một thông điệp nhờ Wes Gallagher xem lại toàn bộ bài đó. Chiều hôm sau chúng tôi nhận được lời đáp, cảm ơn về một câu chuyện hoàn hảo, và khuyên chúng tôi nên hoãn những bức ảnh đó lại, đoạn miêu tả đuổi bắt và giết nạn nhân một cách hung bạo bị bỏ ra khỏi câu chuyện. Chúng tôi chấp nhận quyết định của Gallagher không một lời phàn nàn nhưng chúng tôi bị những đội dùng rìu căm ghét vì đưa ra ý kiến cá nhân cho chỉ huy cấp cao Hoa Kỳ kỷ luật đơn vị. Nhiều tuần sau đó tôi được thông báo những chiếc rìu đã bị cấm.

Những năm sau này Gallagher nói rằng anh ta không nhớ sự việc nhưng lúc đó buộc phải quyết định như vậy “vì nó có sức nặng”. Trong xu hướng tin tức hiện nay, ông ta nói có thể sẽ để toàn bộ câu chuyện nhưng bỏ ảnh. “Ý thức thị hiếu đã thay đổi và chiến tranh Việt Nam đã mang đến rất nhiều điều mà có thể không bao giờ có”, ông ta nói.

Những kiểm duyệt trực tiếp như vậy ít khi xảy ra với trụ sở AP. Trong chiến tranh sau này, khi điều đó xảy ra, tôi ít phải chịu đựng hơn rất nhiều.

Chương 13: Thách Đố Số Phận

Gallagher lo lắng chúng tôi đang mạo hiểm cuộc sống của chính mình. Ông ta viết về Sài Gòn: “Tôi bận tâm về sự nguy hiểm của các cậu và nhận thức đầy đủ mức độ nguy hiểm của chiến tranh, nhưng những bài tin đầu tiên về các chiến dịch hành quân là những mạo hiểm không cần thiết. Cuộc sống, khả năng của Peter và Horst quá đáng giá để sử dụng vào những bài viết như vậy. Đôi khi những bài tin đầu tiên là quan trọng nhưng những thông tin chính trong mười câu chuyện chúng ta cần là từ những người sống sót của những chiến dịch đó nói. Tôi biết không có quy định cụ thể nào đưa ra ở đây nhưng tôi muốn Horst và Peter biết rằng tôi cảm thấy họ nên thôi còi theo con số nhị phân chứ không phải phần trăm”.

Tôi biết Gallagher nói rất đúng, tôi hiểu điều đó và ông ta có lý do để lo lắng. Trước tiên là một lời cảnh trọng, sau đó là mệnh lệnh. Chúng tôi dường như hoài nghi những lời khẩn nài này. Cạnh tranh, không cần thận, quy định. Chúng tôi tin rằng chúng tôi là những người làm công việc tốt nhất nhưng đôi khi UPI lại chạy thoát với một câu chuyện và Phòng Ngoại sự sẽ lại cáu tiết với những mẩu tin “rocket” yêu cầu chúng tôi phải theo kịp đối thủ. Khi Joe Galloway giành được nhan đề trên trang nhất với những bài viết từ thung lũng La Drang tháng 8-1965, Ben Bassett, biên tập viên ngoại sự AP giục giã chúng tôi với những yêu cầu đáng ghét để bắt kịp. Chúng tôi thường nói đùa với nhau rằng không cần viết những câu chuyện nguy hiểm – nếu UPI không ở đó đầu tiên.

Chuyện đó xảy ra ở La Drang, Neil Sheehan sau này làm cho tờ Thời báo New York và tôi là người đầu tiên có mặt ở đó cùng Joe Galloway đưa ra một chuỗi bài về những minh họa chiến trường tàn khốc vào cuối tuần đó. Việc này cho tôi thấy đối với dịch vụ cung cấp tin tức, bạn không phải là người đầu tiên duy nhất có câu chuyện mà bạn phải là người đầu tiên có câu chuyện hàng ngày.

Xung quanh là cái chết, chúng tôi xấu hổ khi nói về cái chết của chính mình và đôi khi chỉ nói đến chủ đề đó một cách bề ngoài. Frank McCulloch của tạp chí Time nói với tôi nhân viên của anh ta tranh luận một vấn đề: Một bên thì cho rằng sự mạo hiểm mỗi ngày mới đều giống nhau, còn bên kia thì phản bác sự rủi ro ngày càng leo thang. Tôi chắc rằng sự mạo hiểm lớn hơn với các phóng viên ảnh, chỉ trong vài tháng của năm 1965, Horst trải qua một loạt những gì anh ta gọi là “không dễ chịu”. Horst tác nghiệp trong bộ quần áo quân sự mua ở chợ đen Sài Gòn vì anh ta không muốn đứng lạc lõng khỏi những người lính và anh ta đội một mũ sắt nhất được ở chiến trường. Nó nặng và nóng nhưng là phao cứu hộ. Anh ta ba lần nằm dưới làn pháo, hai lần cùng những người lính bị trực thăng Mỹ đánh bom nhằm, một lần

trong vụ rơi máy bay và trong ba lần đi cùng các đơn vị lính bộ binh Cộng hoà ngay sau khi anh ta đi, họ bị Việt Cộng tấn công quét sạch. Anh ta bị ghìm lại bốn lần bởi những trận bắn phá trên cánh đồng lúa.

Horst nghiệm ra rằng trong các nhiệm vụ tấn công bằng trực thăng, đi chiếc đầu tiên là tốt nhất để có được những bức hình đẹp nhất vì mất từ mười đến hai mươi giây cho những tay súng cối Việt Cộng bắn từ trạm mặt đất. Điều đó cho anh ta đủ thời gian nhảy xuống và chụp ảnh những chiếc trực thăng lên thẳng còn lại đang bay tới.

Tôi thêm vào sự khác nhau. Một ngày tôi đề nghị chúng tôi đi nhờ trên chiếc trực thăng đầu tiên vào vùng chiến và xuống cùng với lính ở khu vực hạ cánh và nếu như không có đợt tấn công ngay lập tức thì chúng tôi có thể đi nhờ chiếc cuối cùng để ra. Đôi khi có đến 3 hoặc 4 đợt tấn công trực thăng trong một buổi sáng để hiểu được những gì chúng tôi gọi là “bãi đáp nóng” và lấy được câu chuyện cho ngày hôm đó. Horst hạnh phúc nhất khi làm việc một mình với những người lính. Anh ta viết trong Tập san của AP tháng 4-1965: “Tôi luôn đi trong những vùng dường như hứa hẹn nhất trên mặt đất và ở lại cùng những đội quân tới tận khi họ hoàn thành. Thường những bức ảnh chỉ xuất hiện sau một vài ngày đi bộ, bò, hoặc khi rất tức giận và sự kiên nhẫn đã hết”.

AP đang tập hợp một đội những tay nhiếp ảnh cừ khôi để tham gia cùng Fass, nhưng anh ta vẫn giữ đức tính thống trị. Nhân viên AP Dan De Luce từng nói về Horst: “Từ rất lâu anh ta đã hiểu được bí mật khuôn mặt con người là bản sao thú vị nhất. Tôi có thể lấy bất kỳ bức ảnh nào của anh ta về chiến trường, cho anh ta nhìn cận cảnh khuôn mặt – và anh sẽ không phải nhìn phần còn lại của quang cảnh. Khuôn mặt chính là một điều gì đó, là linh hồn của bức hình”. Horst giành giải thưởng Pulitzer và những phần thưởng cao quý khác cho công việc của mình năm 1965 nhưng những cái ôm hôn không làm anh ấy lùi bước.

Eddie Adam là đối thủ duy nhất của anh ấy. Một phóng viên ảnh gây guộc của Quân đoàn lính thuỷ đánh bộ trước đây đến từ bang Pennsylvania cũng tầm tuổi chúng tôi. Anh ta thất vọng vì chiến tranh Triều Tiên đã kết thúc trước khi anh ta bước vào chiến dịch và tới Việt Nam để viết về những lính thuỷ đánh bộ mới đang tới, cũng sốt sắng như bất kỳ ai trong số họ và sẵn sàng chứng tỏ mình như một phóng viên ảnh chiến trường. Eddie là tay ưa thích của văn phòng New York. Anh ta chậm thực hành mệnh lệnh và tự xem mình tương đương với Horst. Tôi nhận thấy họ làm tốt hơn khi hai người ở hai đầu đất nước. Eddie thích ở Đà Nẵng cùng những lính thuỷ đánh bộ ưa thích của anh ta hơn bất kỳ nơi nào và trở thành bạn thân của sỹ quan chỉ huy, Thiếu tướng Lewis Walt. Anh ta nhanh chóng có tính cách của một

phóng viên được ưa thích ở vùng đó, đôi khi được gọi để hoà giải những tranh cãi gay gắt giữa đồng nghiệp báo chí tự do đi lại và những nhân viên lính thuỷ đánh bộ bảo thủ điều hành chiến dịch báo chí.

Eddie thích đề cao những bức hình của mình khi có cơ hội. Khi những lính thuỷ đánh bộ đầu tiên đặt chân đến sân bay Đà Nẵng, anh ta nhận ra một hàng nữ sinh trung học Việt Nam trong những bộ áo dài bằng lụa trắng đứng chờ bên lề trên bờ biển cùng Thị trưởng thành phố, tất cả đều cầm vòng hoa đeo cổ chào đón. Eddie và Dirck Halstead của UPI dàn xếp để một cô gái lội xuống nước và đặt vòng hoa vào cổ một lính thuỷ đánh bộ. Tất cả các cô gái khác đều nhúng mình sâu vào nước, áo ướt trong sóng làm “sốc” viên chỉ huy lính thuỷ đánh bộ. Ông ta thét lên trong cơn phẫn nộ với những phóng viên ảnh: “Các cậu làm hỏng hết rồi, các cậu làm hỏng hết rồi”, khi những lính thuỷ đánh bộ lộn xộn trong sóng vỗ cùng những cô gái địa phương đáng yêu. Eddie, Halstead và những tay phóng viên ảnh khác bấm máy một cách nhiệt tình. Eddie nói với vị Tướng: “Mọi chuyện đều ổn”, “Hãy nghĩ về những bức ảnh” và vị Tướng đáp lại: “Đó chính xác là những gì tôi đang nghĩ đây”. Một bức ảnh Eddie chụp vị Tướng không mỉm cười với một vòng hoa nhiệt đới quanh cổ được sử dụng rộng rãi trong các tờ báo ở Mỹ vào sáng hôm sau.

Một lần khi anh ta chụp ảnh tôi bị một cảnh sát quân đội Hoa Kỳ chĩa súng bên ngoài chùa ở Sài Gòn, Eddie thét lên “Cố lên, bắn tên chết tiệt đó đi, điều đó sẽ làm bức ảnh hay hơn”. Con mắt và cái đầu Eddie không chỉ nhắm vào trang nhất của tờ Nhật báo New York mà cả những mục chính của tạp chí Life.

Eddie bị lung lay bởi cuộc đụng độ ở Hoài Châu dọc bờ biển miền Trung gần Quảng Ngãi. Đại đội lính thuỷ đánh bộ bị bắn trên đồi bởi những tay súng Việt Cộng núp trong bụi cây nguy trang ở những mũi đất cách đó gần 100m. Có rất nhiều người chết và bị thương. Anh ta ủ ê về Hoài Châu trong nhiều ngày và khi về Sài Gòn anh ta nói với tôi rằng anh ta không trấn tĩnh được và muốn về nhà trước khi bị giết. Tôi gợi ý anh ta nên uống vài viên R&R để nghĩ về điều đó nhưng anh ta nói đã quyết định rồi và nhờ tôi giúp anh ta viết một bức thư cho Wes Gallagher giải thích những gì anh ta cảm thấy và đề nghị được chuyển lại về New York. Gallagher viết lại ông ta thán phục sự thành thật của Eddie và anh ta có thể về nhà bất kỳ khi nào muốn. Khi anh ta lên máy bay vào giữa tháng 5, Horst nghĩ rằng đó là lần cuối cùng nhìn thấy anh ta.

Chương 14: Những Lời Cáo Phó

C

Chỉ có hãng UPI mới cạnh tranh với AP ở từng câu chuyện. Các tờ báo và các tạp chí khác thường có ít người hơn. Văn phòng AP Sài Gòn có một nhân viên trọng yếu và chúng tôi thay nhau viết về những lính thủy đánh bộ ở Đà Nẵng. Mặc dù chúng tôi vượt quá ngân sách thì New York cũng đồng ý các nhiệm vụ tới Anh Khê và Plâycu ở Tây Nguyên nơi có hai sư đoàn lính bộ Mỹ đóng doanh trại. Sau này AP là hãng tin lớn nhất và có ảnh hưởng nhất trong kinh doanh tin tức vượt ra ngoài nước Mỹ vươn tới năm châu với hàng triệu bạn đọc, người nghe đài bằng những thứ tiếng phổ biến nhất.

Đó cũng là trách nhiệm xen lẫn hành động và quan điểm. Chúng tôi thách đố số phận nhưng mất thăng bằng bởi những cái chết của đồng nghiệp. Chúng tôi cần bào chữa cho mất mát của họ – cho chính chúng tôi, cho gia đình đau thương của họ và cho những người tin rằng sự mạo hiểm chúng tôi đang dấn thân là điên rồ. Khi một người lính chết trong chiến trường thì những người sống sót an ủi sự hy sinh của anh ta là vì nhiệm vụ, danh dự và đất nước. Cái chết của một người lính được đánh dấu bằng lòng tôn kính, quan tài đắp quốc kỳ kéo qua hàng lính danh dự ở sân bay và một đám tang theo nghi lễ quân sự ở nhà.

Không có lá cờ nào cho những nhà báo ở chiến trường Việt Nam và không có bất kỳ vòng hào quang nào. Chúng tôi tự tổ chức những đám tang và gửi họ về nhà bằng máy bay vận chuyển hàng hoá. AP có một danh sách danh dự treo trên tường ở tiền sảnh chính của văn phòng trung tâm ở New York, một danh sách bằng kim loại ghi tên những người đã ngã xuống – đó chỉ là một sự công nhận hữu hình. Chỉ những người lính chiến trường chúng tôi đi cùng và chia sẻ nguy hiểm cùng họ mới đo được điều đó. Họ luôn tò mò vì sao chúng tôi lại chọn hành trình nguy hiểm như vậy và sau đó chỉ để kết luận khi họ nhìn thấy công việc của chúng tôi là ghi lại tư liệu sống của họ trong chiến tranh.

Những an ủi đồng viên thường xuyên từ trụ sở của chúng tôi nhằm tránh những nguy hiểm nghiêm trọng là đặt trách nhiệm lên chúng tôi khi một đồng nghiệp bị giết hoặc bị thương. Trong chúng tôi luôn có xu hướng giải thích số phận như sự ngẫu nhiên đã định hoặc lỗi lầm đánh giá hoặc chỉ đơn thuần là sự ngu ngốc. Chúng tôi cảm thấy thông cảm cho những gia đình của những đồng nghiệp đã chết, những người không chỉ chống chọi với nỗi đau mà cả cố gắng đem lại công lý cho người đã khuất – Nhà Trắng đang cố gắng tạo ra tự do báo chí.

Bernard Kolenberg tham gia cùng chúng tôi vào cuối tháng 9 -1965. Tôi

nhớ anh ta nhảy cẫng trong văn phòng Sài Gòn buổi sáng anh ta tới, ném phịch túi máy ảnh nặng xuống và thét lên: “Thật tuyệt vì được trở lại”. Tay phóng viên ảnh cao lênh khênh đó đã dành cả tuần ở Việt Nam trong mùa hè chụp ảnh cho tờ Thời báo Albany Union và giờ tình nguyện với nhiệm vụ vô thời hạn cùng AP.

Anh ta thuyết phục Horst cho ra chiến trường ngay sáng hôm sau và sau đó nằm sóng soài ra chiếc ghế trường kỷ của văn phòng thay vì thuê một phòng khách sạn, ngủ đủ 10 tiếng hồi sức sau chuyến đi không nghỉ qua Thái Bình Dương. Bernard là người đàn ông có biệt tài tới được những chỗ cần bằng những câu chuyện cười mà đội bay và nhân viên mặt đất không thể nhịn nổi.

Tôi gặp lại anh ta ba ngày sau tại thị trấn thung lũng bị bao vây cô lập của Bồng Sơn dọc bờ biển miền Trung. Anh ta đang nói chuyện với cố vấn quân sự cấp cao Mỹ về khu vực Quân đoàn 2. Anh ta có hai máy ảnh Nikon đeo quanh cổ và chiếc mũ tai bèo trên đầu. Chiếc áo vét ngoài nhiều túi chứa đầy phim, anh ta nhìn lên bầu trời. Anh ta chỉ cho tôi những quả đồi gần đó. “Tôi đã ra đó sáng nay ở đèo Phu Cu”.

Tôi đã chụp một lính thủy đánh bộ chết được mang đi trong cuộc di chuyển máy bay, có thể anh cần sử dụng chúng”, anh ta nói rồi đưa tôi hộp phim. Anh ta muốn ở lại Bồng Sơn vài ngày vì “Tôi thích ở đây, lực lượng đặc nhiệm rất tốt với tôi. Tôi đang bay cùng nhiều trực thăng y tế và tôi không phải cạo râu thường xuyên”, anh ta cười, búng tay vào chiếc cằm lỏm chồm của mình.

Khi khởi hành về Sài Gòn, Kolenberg nói cho tôi về kế hoạch của anh ta cuối tuần đó. Anh ta sẽ trở lại Quy Nhơn bay cùng những người bạn cũ, những phi công nhảy dù A-1E người Mỹ, những người đánh bom vị trí Việt Cộng trên núi trong nhiều tuần.

Bức tranh di tản đau thương như anh ta miêu tả và được đánh điện bằng radio về New York tới hôm đó. Đó cũng là đầu tiên và cuối cùng của anh ấy mà chúng tôi nhìn thấy. Vào thứ Bảy, Bernie giữ cuộc hẹn với những lính nhảy dù, đi cùng máy ảnh của mình ở ghế sau máy bay ném bom chiến đấu diễn tập cho một cuộc tấn công tốt xa hơn vào vị trí Việt Cộng ở vùng núi Bình Định thì bất ngờ lao vào chiếc máy bay khác. Kolenberg là người đầu tiên của AP chết trong chiến tranh và cái chết của anh ta làm chúng tôi sợ. Anh ta mới thực hiện nhiệm vụ được một tuần trong khi chúng tôi đã dấn thân vào những mạo hiểm tương tự trong nhiều năm và chúng tôi vẫn còn sống.

Horst luôn tìm kiếm những tân binh cho những gì chúng tôi gọi là “quân đội của Fass”, một nhóm cộng tác viên dũng cảm có mặt trên những con

đường bị tấn công tan tác và những trận chiến nóng bỏng chỉ để lấy vài đô la cho một bức ảnh kèm với tin tức hàng ngày của AP chuyển về New York. Cương lĩnh của Horst là bạn không thể có quá nhiều người chụp quá nhiều ảnh. Anh ta đặc biệt ấn tượng với một trong những cộng tác viên của chúng tôi, kỹ thuật viên âm thanh của CBS Huỳnh Công La, và Horst dụ dỗ thành công, thuê anh ta làm nhân viên chính thức đã làm cho nhân viên âm thanh người Việt Nam khác tên là Hà Thúc Cần rất phần nộ (người sau này trở thành người quay phim ưa thích của Morley Safer). Công La có thân hình nhẹ nhàng, đặc trưng của những người đàn ông Việt Nam: bề ngoài mềm yếu nhưng ẩn chứa năng lượng dồi dào. Tôi thích đi vào chiến trường cùng anh ta vì anh ta có khiếu hài hước và giành được sự tin tưởng của quân đội Việt Nam và nhân viên dân sự. Anh ta dũng cảm hơn tôi nhiều. Anh ta băng qua rừng cùng người dẫn đầu đại đội trong khi tôi ở vị trí khá an toàn của đội chỉ huy và những cố vấn Mỹ. Đôi khi anh ta bò trở lại chỗ chúng tôi trong suốt trận bắn phá khốc liệt để nói “Có quá nhiều đạn ở đằng đó” và lại bò về vị trí cũ trong thời gian ngừng bắn. Horst huấn luyện anh ta công việc chụp ảnh và phân tích những bức ảnh của anh ta. Dần dần cùng những lời khuyên về cách đặt khung máy và nội dung, anh ta nhanh chóng tiến bộ trong kỹ năng của mình.

Những bức hình chiến trường của Công La và sự khốc liệt luôn giúp chúng tôi tạo ra một khoảng cách cạnh tranh với UPI. Một ngày anh ta nhặt được chiếc mũ sắt méo mó từ chiến trường, vẽ chữ AP đằng trước bằng mực đen và luôn đội nó mỗi khi vào chiến trường, nhiều khi nó lắc lư trên đầu anh ta. Công La có cuộc sống thú vị với bốn năm làm tin chiến trường cho CBS và AP mà không một vết xước trên cơ thể. Nhưng Công La đã nếm mùi chết chóc trong một ngày tháng 5 bùn lầy ở Đồng Bằng sông Cửu Long khi bị một tay bắn tỉa hạ gục. Anh ta bò lên bờ ruộng chụp hình, những viên đạn lao vào bắn nát cánh tay của anh. Trước khi bất tỉnh, anh ta yêu cầu một người lính chụp lại nơi anh ta nằm. Cuốn phim đó được rửa trong văn phòng ngày hôm sau, đó là tấm hình Công La bất tỉnh trong vũng máu của mình trên nền xanh non của ruộng lúa quê hương. Điều đó có thể làm chùn bước một người đàn ông khác, nhưng mối quan tâm lớn nhất của Công La là những bài báo về vết thương của anh ta sẽ thu hút sự chú ý của ban quân dịch mà anh ta đã tránh trong nhiều năm làm công việc văn phòng. Anh ta đổi tên mình thành Huỳnh Thành Mỹ.

CBS đề nghị trả gấp ba mức lương 100 đô la 1 tuần hiện tại để anh ta trở lại với họ làm người quay phim nhưng Thành Mỹ từ chối. “Tôi cũng không thích máy quay phim, quá to”, anh ta nói với chúng tôi, thích thú gõ vào những chiếc máy ảnh nhỏ 35mm của AP mà anh ta mang. Anh ta được nghỉ xả hơi một ngày tháng 10 và tự hào khoe những bức hình về đứa con trai bảy

tháng tuổi khi Eddie Adams phải bỏ nhiệm vụ đi cùng Tiểu đoàn Đặc nhiệm 44 Việt Nam để làm những công việc văn phòng. Thành Mỹ nài nỉ được viết câu chuyện đó, nói rằng tiểu đoàn đó có những người bạn của mình và sau đó anh ta về lấy mũ sắt và nhảy lên một chiếc máy bay đi Cần Thơ.

Horst trở về văn phòng từ chuyến đi thực tế trước đó hai ngày khi chúng tôi nghe những lời đồn đại gây sốc rằng Thành Mỹ có thể đã bị thương nặng và thậm chí còn tệ hơn nữa là anh ta đã chết trên chiến trường đầy bùn phía nam Cần Thơ. Trong khi Horst đi an ủi gia đình Thành Mỹ, Ed White tới thành phố Cần Thơ để hỏi về xác của anh ta. Ed thuật lại sự việc cho chúng tôi khi về. Lính đặc nhiệm 44 bị tấn công dữ dội đầu buổi chiều và Thành Mỹ bị thương vào vai, di chuyển về phía sau chờ máy bay y tế tới chuyển đi. Vào buổi tối, trước khi có sự giúp đỡ tới, Việt Cộng mở một trận tấn công lớn, chiếm đóng điểm tập kết và Thành Mỹ bị bắn chết bởi một viên đạn vào cổ. Cả văn phòng buồn rầu trong nhiều ngày, đặc biệt là Horst. Anh ta không ngừng nói “Chúng ta phải có được những bức hình, đó là nhiệm vụ của chúng ta nhưng cách duy nhất tôi có thể cho các phóng viên ra ngoài nếu tôi cũng tiếp tục tự mình đi”.

Đám tang của Thành Mỹ đưa anh ta rời khỏi căn nhà vào cuối buổi sáng, đi qua ngõ theo yêu cầu của mẹ anh ta và theo con đường ba làn mà anh ta thường đi trên đường tới văn phòng AP, dừng lại một lúc bên ngoài văn phòng trong sự tưởng nhớ 17 tháng làm việc với tư cách là phóng viên ảnh chiến trường. Toàn bộ văn phòng AP ở đó, cùng với Ed White, Hugh Mulligan, George McArthur và Horst và tôi. Rất nhiều người bạn khác đi đưa tiễn anh vì những ngày đó giới báo chí còn chưa rộng nên cảm nhận sự mất mát của đồng nghiệp vô cùng sâu sắc.

Các nhà sư trong những bộ áo nâu bước đi cùng chúng tôi, tụng kinh gõ mõ và đốt hương. Người goá phụ 19 tuổi của phóng viên ảnh bị giết mặc áo xô truyền thống, vịn tay sau xe tang. Những thành viên khác trong gia đình theo sau đều đội khăn tang trắng trên đầu, một người họ hàng cầm khung hình Thành Mỹ trong tư thế tự hào nhất, mặc bộ đồ kiểu phóng viên chiến trường với tên trên áo khoác và chữ “AP” đính dưới tên.

Gần nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi, một trong những người em gái của anh ta thả tiền giấy trên đường theo nghi thức đạo Phật để linh hồn anh ta có thể tìm đường về nhà một ngày nào đó. Tại nơi chôn, một đĩa thức ăn, một chai nước và một bát cơm được đặt trên một chiếu tre tiễn anh ta trên hành trình về với tổ tiên. Người vợ đau buồn hôn bức ảnh của chồng ba lần khi những que hương cuối cùng bốc cháy, sau đó cô ta bị ngăn lại khi muốn lao mình theo chồng xuống mộ khi quan tài hạ huyệt.

Khi chuông buổi trưa rung lên ở nghĩa trang thì một thanh niên trẻ mặc

quân phục chạy lao qua đám đông những người chia buồn, quỳ gối trước mộ. Người mẹ và người vợ lại thôn thức khi họ an ủi, người em trai đang ở chiến trường và không biết đến số phận của trai mình tới khi đọc báo sáng hôm đó. Người bạn ở CBS trước đây là Hà Thúc Cẩn đẩy tôi sang một bên và thầm lặng rủa Horst “Hắn giết anh ta, hắn giết anh ta. Nếu Công La ở lại với tôi thì hôm nay anh ta vẫn còn sống”. Tôi nhớ đến Thúc Cẩn về sự bí ẩn của anh ta và nghĩ một người lính có thể may mắn biết bao khi họ có thể trả thù cho cái chết của người bạn còn chúng tôi chỉ tìm thấy sự an ủi.

Horst đã làm hết sức mình để an ủi người góa phụ đau đớn. Một thanh niên trẻ có đôi mắt u buồn giạt tay áo anh ta và giới thiệu tên anh ta là Út, em của Thành Mỹ. Horst nói với anh ta “Tốt nhất là cậu nên về nhà” nhưng anh ta đáp lại dứt khoát: “Bây giờ AP là gia đình của tôi, tôi cũng muốn chụp hình” và Horst quay về phía tôi với cái lắc đầu và nói với anh ta: “Đi, lớn lên rồi sau đó tới gặp tôi”. Út thường hay lui tới văn phòng, nhắc cho chúng tôi nhớ tới người anh trai hay cười trong bức hình ở trên tường. Chúng tôi gọi cậu bé là Nick Út và cậu ta bắt đầu với những công việc lạ kỳ trong phòng tôi cho Horst. Năm tháng trôi qua, Horst dạy cậu ta cách sử dụng máy ảnh và cử đi một vài nhiệm vụ trong thành phố và cuối cùng để cậu ta vào chiến trường vì sau này Nick Út là gã thanh niên khỏe mạnh và Horst không thể cản anh ta được nếu anh ta muốn.

Một buổi chiều xuân muộn năm 1972, tôi ở trong văn phòng cùng với Horst thì Nick Út đầy mồ hôi lái xe trở về từ Củ Chi cùng những tấm hình về một ngôi làng bị đánh bom napan, những con người hoảng loạn và một cô bé trần truồng, quần áo đã bị bốc cháy khỏi cơ thể, la hét chạy trốn trên con đường làng. Nick Út nhận giải thưởng Pulitzer cho những bức ảnh của anh ta trong năm đó.

Chương 15: Đồng Nghiệp

Khi Mal Browne bỏ AP năm 1965 anh ta giải thích anh ta tức giận vì những tá nghiệp của chúng tôi không ảnh hưởng đến chính sách của Mỹ. Anh ta nói đất nước đang chìm đắm vào chiến tranh mà không cần biết những sự thật đang diễn ra hàng ngày. Anh ta tin can thiệp quân sự sẽ lâu dài, đẫm máu và rốt cuộc chỉ là thất bại. Anh ta cũng tin rằng báo in không còn diễn đạt những câu chuyện ở Việt Nam một cách hiệu quả nữa và quyết định tham gia vào hãng tin ABC như phóng viên thường trú. Anh ta cao gầy với mái tóc màu vàng và nụ cười thân thiện – một vẻ đẹp điển hình kiểu Mỹ. Đôi khi tôi gặp anh ta đâu đó trên đường phố Sài Gòn với nhiệm vụ mới cùng đội truyền hình, tự giác tác nghiệp bài thuyết trình của anh ta hoặc “đứng dậy” khi họ được gọi, khi mọi người tò mò tới. Không ai có thể thay thế được sự dũng cảm thông minh và những kỹ năng tác nghiệp của anh ta không ai bằng trong chiến trường. Sự cống hiến của anh ta với nghề báo không mệt mỏi. Tôi buồn khi anh ta rời AP vì anh ta là người tôi luôn ngưỡng mộ và học hỏi.

Horst cũng không vui khi Mal ra đi. Mal là sự chuyển đổi đầu tiên của Horst sang nghề nhiếp ảnh. Mal là người chụp bức ảnh vị hoà thượng tự thiêu năm 1963 được giải Pulitzer sau khi nhận chiếc máy ảnh từ Horst một tuần trước đó.

Chúng tôi phân vân không biết tương lai của Mal với truyền hình ra sao. Chúng tôi không ấn tượng với phương tiện truyền thông mới. Kỹ thuật khổng lồ đang lấn chiếm. Phim nhựa đen trắng chuyển qua đường hàng không từ Sài Gòn về New York và được phát vài ngày sau đó. Chúng tôi cảm thấy tivi là sự cạnh tranh rất lợi hại với báo in.

Chúng tôi thường đùa những lĩnh vực thương mại của tivi. Khi phát thanh viên của CBS Walter Cronkite tới thăm Việt Nam tháng 6, anh ta dành một ngày với Tiểu đoàn 1 Lữ đoàn Không vận 173 trong vùng chiến khu D sử dụng hai trực thăng đưa đội sáu người của anh ta và thiết bị tới đồn trú chỉ huy. Trung sỹ Pratt nói rằng lính bị thu hút với một nhân viên ánh sáng của CBS, người mang theo súng nạp năng lượng mặt trời để giữ khuôn mặt của phát thanh viên khỏi bị bóng – thật mỉa mai trong vùng chiến nơi những người lính phải dùng mọi nguy trang phức tạp để che khuôn mặt mình.

Pratt kể về phần này: “Chúng tôi tập diễn vài cảnh quyền rũ về những người lính “di chuyển ra” từ trong rừng, và sau đó Cronkite phỏng vấn tiểu đoàn trưởng, một thiếu tá. Họ đi bộ cạnh nhau về phía máy quay nói chuyện, theo con đường qua lán che có đường hầm. Một vũng nước lớn trên đường và vị tướng giống như bất kỳ ai biết nhận thức đi vòng quanh nó. “Cắt”, Bonn hét lên, chỉ đạo cho Cronkite. “Bây giờ hãy quay trở lại và đi qua vũng

nước”. Thiếu tá nhìn tôi kỳ lạ, tôi nhún vai nhưng ông ta cũng làm theo lời tay quay phim và tôi nghĩ về Tướng Douglas McArthur đã phải lội vào bờ vô số lần ở Lyete để có được hình ảnh chuẩn. “Anh trông phần nộ, trung sỹ”, sau đó Bonn nói với tôi và tôi đáp lại: “Tôi không có ý để lộ ra vậy”. Bonn giải thích một cách kiên nhẫn, “Đây là những gì chúng ta gọi là sản xuất thực tế. Khi được cắt chỉnh và biên tập ở New York, nó sẽ là sản phẩm tuyệt vời”.

Wheeler đã có câu chuyện hay nhưng Safer làm tốt hơn vì anh ta và đội của mình ở tại hiện trường tập hợp hình ảnh và âm thanh có sức lay động lòng người. Safe là một trong những tác giả kịch bản tốt nhất của truyền hình và kịch bản đánh máy của anh ta được đọc đêm đó trên chương trình tin tức của CBS. Hai ngày sau đó câu chuyện truyền hình hoàn thiện được phát đi khi bộ phim thương tâm đó tới New York.

Câu chuyện của anh ta gây tranh cãi gay gắt trong cả nước và Tổng thống Johnson rất buồn. Những lính thủy đánh bộ trở nên nghi ngờ Safer vì quốc tịch Canada của anh ta. Có một điều mà tôi hoàn toàn đánh giá cao vì một số hình ảnh là giả. Tôi đã dành cả thập kỷ tác nghiệp ở Việt Nam để trở thành một kẻ bị bỏ rơi trong giới quân đội Mỹ còn Moley Safer cũng đạt được vị trí tương tự chỉ trong một chiều.

AP đã chọn Ed White thay thế Mal làm trưởng phân xã. Tác nghiệp của chúng tôi mở rộng nhanh như quân đội. Tất cả chúng tôi đều hoan nghênh sự chọn lựa Ed vì anh ta là một trong những “Cậu bé” ở tuổi 42, khôn ngoan hơn cả thập kỷ và có nhiều kinh nghiệm hơn. Anh ta đã làm việc ở phòng ngoại sự ở trụ sở New York và đã giúp đỡ chúng tôi thường xuyên từ đầu những năm 1960 trong nhiệm vụ tạm thời ở văn phòng Tokyo. Ed điềm đạm, ngậm tẩu thuốc và là sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Báo chí Missouri. Anh ta thích tiệc tùng, quan tâm tới đàn bà và giống như hầu hết chúng tôi đều dành thời gian cho cả hai. Chiến tranh leo thang, nguy hiểm và lo lắng mang đến cho chúng tôi những lý do để trác táng. Sài Gòn đáp ứng mọi nhu cầu của quân đội đóng nơi đây. Chúng tôi nguy hiểm cho sự vượt quá giới hạn của mình khi nói rằng những say sưa bù khú chủ yếu dành cho những người lính đã giúp chúng tôi ở chiến trường và chúng tôi mời lại họ ở Sài Gòn để thư giãn. Chúng tôi hiểu rằng tất cả điều này là một phần truyền thống lâu nay của ký giả chiến trường. Tôi ngày càng dành ít thời gian ở nhà cho Nina và con trai hơn, Andrew sinh vào tháng 12-1964. Tôi dành nhiều thời gian hơn cho những cậu lính trẻ.

Hal Boyle, người phụ trách chuyên mục của AP dành sáu tháng cùng chúng tôi ở Việt Nam viết những câu chuyện hậu phương đầy sức sống về “phương diện con người” của chiến tranh. Hal là một tâm hồn nhẹ nhàng, người đã viết trong trang Sài Gòn của mình, “Bất kỳ phóng viên nào có thể

làm điều công bằng cho một trận cháy báo động cấp độ bốn thì đều có thể làm tốt cuộc chiến chỉ có ngọn lửa lâu hơn ảnh hưởng con người”. Thói quen uống rượu nặng góp phần thăng hoa tính sáng tạo của anh ta. Đôi khi đêm muộn, anh ta vẫn chìm đắm trong men rượu và chúng tôi thường cá cược xem anh ta có thể làm xong trang theo dự kiến không. Vào buổi sáng tôi luôn thấy dưới nhà mình câu chuyện ba trang mà anh ta để ở đó từ lúc nửa đêm và bình minh.

Hal giành giải thưởng Pulitzer với những bài viết về mặt trận châu Âu trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Một lần, tôi hỏi anh ta kỷ niệm điều đó thế nào và anh ta nói anh ta ghé thăm một nhà thổ ở trung tâm nghỉ ngơi và sáng tạo quân đội ở Bỉ, “và khi Bob Eunson gọi điện nói tôi đã giành được giải thưởng Pulitzer thì tôi kỷ niệm bằng một nhiệm vụ khẩn cấp khác”.

Tin, bài của Hal được xuất bản trong hàng trăm tờ báo trên cả nước, cho thấy nhu cầu thích đọc những bài cổ vũ chiến tranh mà tôi không góp phần. Khi Hal trở về New York, Hugh Mulligan, một phóng viên cựu chiến binh từ Phòng Phóng sự thay thế anh ta.

Mulligan là tác giả phóng sự nổi tiếng và những câu chuyện của anh ta luôn được các biên tập viên yêu thích trình bày cả trang. Anh ta dí dỏm làm người khác không kìm nén được và có sở thích rất Napoleon, thích sai bước quanh chiến trường với một tay đứt túi quần trước. Khi được mời ăn trưa gặp một vài nguồn tin của chúng tôi tại một nhà hàng Việt Nam, anh ta giả vờ lưỡng lự: “Tôi không thích cari với những người địa phương”.

Trong suốt chuyến thăm Việt Nam, anh ta kết bạn với đội đồng ca gọi cảm trẻ trung của một đoàn kịch tới thăm có tên Đoàn xiếc Quốc gia Đức và trong nhiều tuần bị đoàn tùy tùng xinh đẹp theo sau mọi nơi trong thành phố. Anh ta đưa họ tới những bữa tiệc nơi những bà vợ của chúng tôi không có mặt, và nói chuyện với họ về những cuộc tình lãng mạn. Một nửa số họ phải lòng anh ta nhưng Mulligan vẫn chung thủy với cô vợ Brigitte ở Forests Hills, New York. Sự kiềm chế bản thân là thế mạnh của báo giới và rất nhiều phóng viên cô đơn ngày nay không mắc vào điều này.

Giống như Boyle, Mulligan cũng có quan điểm rằng bất kỳ điều gì người Mỹ đang làm ở Việt Nam đều đúng. Tổng thống Johnson đảm bảo với đất nước rằng sự can thiệp quân sự là hợp lý, công bằng và được giới hạn về mức độ, thời gian và đó là hậu quả không tránh được của Chiến tranh lạnh. Cần cảm thấy rằng nếu có những người lính Mỹ chết trong chiến trường thì họ đang hy sinh cuộc sống cho điều đáng giá. Mulligan ủng hộ sự hy sinh của họ. Một hôm Hugh nói với tôi anh ta có một niềm tin không thể dập tắt “Phần thú trong con người có thể cứu chữa được. Cậu nhìn thấy nhiều người tốt hơn những người tệ nhất và chiến tranh mang đến người tốt nhất”.

Tôi triết lý ít hơn. Tâm nhìn khác nhau của chúng tôi được minh chứng trong những câu chuyện chúng tôi viết về những hậu quả sau trận chiến tại thung lũng La Drang tháng 11/1965, trận đánh đẫm máu nhất trong chiến tranh tính đến thời điểm đó. Mulligan viết về sự trở về căn cứ An Khê của một đơn vị: “Những cậu bé dũng cảm đã để lại tuổi xuân phía sau cuộc chiến cay đắng ở thung lũng La Drang trở về nhà giống như những người đàn ông ở Doanh trại Sư đoàn Không quân đổ bộ 1, tôi Chủ Nhật” và anh ta trích lời quan chức cấp cao nói rằng họ đã đổi đầu với “kẻ thù chuyên nghiệp, mạnh bạo và các bạn đã trả đòn. Các bạn đã xứng đáng và sẽ không bao giờ bị lãng quên, đất nước tự hào về các bạn”. Mulligan kết thúc câu chuyện đó: “Sẽ có những tiếng cười, nhậu nhẹt ở Tiểu đoàn 2 tôi nay và cũng có cả nước mắt. Nước mắt cho những người bạn bỏ lại phía sau trong rừng bông lau ở thung lũng La Drang, nước mắt cho những người bạn trong những bao xác bằng cao su trên hành trình trở về quê nhà nước Mỹ”.

Hôm đó Mulligan viết câu chuyện của anh ta về La Drang, tôi đang ở Plâycu cách đó khoảng 161km. Tôi viết về trận chiến thực sự và tôi viết một bài phân tích về một chiến dịch tương tự. “Một thế hệ trẻ của Mỹ bị ném vào khói lửa ở chiến trường miền Nam Việt Nam. Họ đang phát hiện ra chiến tranh không khác về bản chất bởi nhiều người bị nó tàn sát và nó cũng tàn bạo như những cuộc chiến tranh khác mà sách lịch sử đã ghi lại. Với những đại đội ở La Drang, đó không phải sự hoan hỉ của chiến thắng khuấy động họ khi trận chiến kết thúc mà đó là sự hoan hỉ vì họ vẫn còn sống”.

“Đôi khi chiến tranh mang đến những điều xấu xa nhất của con người. Một người lính thanh toán mọi kẻ thù bị thương khi đơn vị anh ta dọn sạch chiến trường, bởi cách đó hai ngày anh ta nghe thấy ba tù nhân Mỹ được tìm thấy bị trói chân tay, bị bắn vào đầu. Và chính xác là anh ta đang trả thù. Điều đó lấy hết lòng chắc chắn trong con người cứu trợ kẻ thù bị thương sau trận đánh tàn sát ở La Drang và cũng không có lòng trắc ẩn còn lại”.

Cả hai câu chuyện của chúng tôi đều được AP sử dụng cùng ngày. Các biên tập viên chắc đã thông cảm khi nghĩ rằng chúng tôi viết những cách khác nhau về chiến trường. Phòng ngoại sự AP cũng không hỏi văn phòng Sài Gòn về sự khác nhau trong những câu chuyện đó, để cho các biên tập viên đánh giá chọn những phần họ thích. Họ sử dụng của Mulligan nếu họ cảm thấy Việt Nam là cuộc chiến mà những người lính cảm thấy đáng để chiến đấu, họ sử dụng của tôi nếu họ nghi ngờ điều đó.

Dưới sự che chở của AP, mọi điều từng viết về chiến tranh Việt Nam đều xuất hiện trên dịch vụ cung cấp tin tức, chúng tôi chịu đựng những ý kiến khác nhau về chiến tranh. Chúng tôi hướng bản năng cạnh tranh về phía UPI chứ không phải giữa chúng tôi. Tôi ngưỡng mộ tính hài hước và sự hào

phóng của Mulligan và tôi kính trọng tài năng của anh ta.

Nhưng những tranh luận về những tin, bài buộc trụ sở AP tăng cường thêm nhiều bàn tay trưởng thành hơn. Tom Reedy đã gần tuổi nghỉ hưu, một phóng viên Chiến tranh thế giới thứ hai, cũng là cựu chiến binh và là Trưởng Phòng ngoại sự, có tiếng nói âm vang như sấm và có tài kể chuyện tào lao bên những ly Schotch trong buổi tối muộn. Ông ta thích nhớ lại những khám phá của mình trong cuộc chiến tranh “lớn” và ủng hộ không nao núng về sự can thiệp của Hoa Kỳ ở Việt Nam.

Tôi không tranh luận với Reedy vì tôi không có quan điểm thế giới về chiến tranh. Tôi bám vào những quy định làm tin chỉ viết về những gì mình nhìn thấy. Nhưng Reedy bận ở bàn làm việc. Vài tuần trôi qua tôi có ấn tượng sự ủng hộ của ông ta bắt đầu rò rỉ trong những bản tin tóm tắt hàng ngày. Ông ta thậm chí bắt đầu thích gọi những người lính là “lính bộ Mỹ”, một cụm từ phổ biến trong Chiến tranh thế giới thứ nhất và đôi khi viết về những chiến thắng mà chẳng có ở đâu cả. Gồm cả chiến dịch quân sự của Lữ đoàn Không vận 173 của quân đội Hoa Kỳ trong vùng chiến khu D mà tôi đã viết nơi tiểu đoàn dẫn đầu bị bao vây trong hai ngày tại một ổ phục kích của Việt Cộng và chỉ tiến lên đi tiếp được khi kẻ thù đã bị hạ. Reedy miêu tả đợt tập dượt này như “một chiến thắng khác của lính Mỹ” trong câu chuyện của ông ta và tôi thách thức ông ta. Tôi cảm thấy ông ta truyền tải sự kiện sai lệch.

“Con trai” ông ta cười chua cay nói với tôi: “Ta đã làm điều này rất lâu trước khi con sinh ra”.

“Ông”, tôi đáp lại giận dữ, “Tôi sẽ làm điều này rất lâu sau khi ông chết”. Ông ta nhìn tôi choáng váng, nói lầm bầm bằng tiếng Scot của mình. Sau chuyện đó, Reedy không nói chuyện nhiều với tôi. Ông ta trở về nhà đúng dự định nhưng trả thù bằng những câu chuyện văn phòng tâm phào. Mal Brown đã từng điều hành một văn phòng thận trọng không tai tiếng nhưng giờ New York nghe nói nhiều chuyện về chính trị văn phòng, những thói quen xã hội của chúng tôi và không thích điều đó chút nào.

Trong khi hội đồng nội bộ AP tranh cãi về năng lực của tôi, Wes Gallagher ủng hộ và biến tôi thành một ngôi sao. Ông ta đã yêu cầu Ted Boyle ở Phòng phát triển bắt đầu chiến dịch cùng một bản tiểu sử ngưỡng mộ 1800 từ Hugh Mulligan viết gửi cho các báo Mỹ. Nó có đoạn “Máy ảnh của Arnett luôn được đổi mới, sô ghi chú bằng bìa nhựa, anh ta mang theo những mệnh lệnh đánh máy cho phép anh ta bay tới bất kỳ nơi nào trong vùng chiến sự, anh ta luôn luôn là một phóng viên chiến trường số một”.

Ngày 13-11-1965, trong tờ Biên tập viên và Nhà xuất bản, cuốn kinh thánh của ngành báo chí, tôi nhìn thấy một bài viết dài trên trang 8 và 9, một

phóng sự có ảnh đen trắng tôi để đầu trần, đi ủng chiến trường, mặc một chiếc áo mưa đi dọc một con đường bị đánh bom ở miền Trung Việt Nam cùng một đại đội lính thủy đánh bộ Cộng hoà. Bài viết có nhan đề in đậm: “Một nghìn ngày... một trăm trận đánh: Peter Arnett của AP ở Việt Nam”.

Đoạn trích dẫn của bức hình: “Peter Arnett tới Việt Nam tháng 7-1962 viết về một cuộc chiến nhỏ bản thủ. Bây giờ nó ngày càng mở rộng và chết chóc. Tháng 10 cuộc chiến đã lấy mạng hai phóng viên ảnh của AP, Bernard Kolenberg và Huỳnh Thành Mỹ. Trong một nghìn ngày Peter Arnett một mình đi qua một trăm cuộc chiến từ đồng bằng có những trận mai phục tới những tiền đồn bị cô lập ở cao nguyên. Điểm đến trong hành trình của anh ta là Sông Bé, Đức Cơ, Vùng chiến khu D, Anh Khê, Biên Hoà, Chu Lai và nhiều hơn nữa. Peter Arnett giống như những nhân viên khác của AP ở Việt Nam tin rằng nơi có tin tức và những bức hình gắn liền với bước đi của lính chiến đấu. Để làm được điều này anh ấy có sự can đảm, sáng kiến và kỹ năng tác nghiệp theo truyền thống nghề nghiệp. AP. Tên của sự độc lập”.

Một hôm Mulligan nói với tôi anh ta được biết AP đang gửi một số câu chuyện năm 1965 cho giải thưởng Pulitzer về ký sự quốc tế và chúc tôi may mắn, nhưng anh ta cũng cảnh báo tính cạnh tranh rất gay gắt. Tôi nhận thấy Hugh che giấu tham vọng đạt giải Pulitzer của chính mình và tôi đoán những câu chuyện của anh ta cũng tham gia cuộc thi, chúng là phần viết về những cậu bé Mỹ trong cuộc chiến và được các biên tập viên ưa thích. Năm 1965 cũng là năm tốt nhất của tôi. Tôi cảm thấy tôi đang trưởng thành và những câu chuyện của tôi là sự thật. AP đặt rất nhiều áp lực lên các biên tập viên để hình thành dòng tin chảy về trụ sở và từ những câu chuyện bắt đầu của tôi được viết lại đáp ứng những yêu cầu văn phong. Nhưng trong những năm trước đó tôi nhận thấy nhiều tư liệu gốc của tôi đang được nâng cấp. Biên tập ngoại sự ban đêm của AP, Haris Jackson nói với tôi rằng một nhân viên từng thử cắt một phần mềm trong những câu chuyện dài của tôi xuống 300 từ và Jackson la lên: “Nếu cậu không biết cách cải tiến thì đừng động vào” và toàn bộ 1700 từ được sử dụng rộng rãi. Kể từ đó tôi cố gắng đặt toàn bộ câu chuyện của mình trên bàn của Jackson.

Một trong những câu chuyện của tôi sống sót nguyên vẹn qua phòng biên tập đầu năm 1965 và nhan đề của nó gây ra tranh luận về phong cách viết trong cộng đồng báo chí và để lộ ra các biên tập trong cả nước xem những bài viết của chúng tôi nghiêm ngặt và họ cũng sẵn sàng tách nó ra khỏi nhau như thế nào.

Đầu buổi tối Huỳnh Thành Mỹ đang diễn hề trong văn phòng, giả vờ là một ngôi sao điện ảnh. Sau khi giải thích bằng vốn tiếng Anh chấp vá của mình, chúng tôi biết rằng chúng tôi đã có câu chuyện. Những người bạn

trong quân đội ở Mỹ Tho đã nói với anh ta một phần Sư đoàn lính bộ 7 Việt Nam đang được cử tham gia vào bộ phim. Chúng tôi khởi hành sáng hôm sau trong chiếc Ghia Karmann màu trắng theo quốc lộ 1 trên cao tốc Mỹ Tho, qua Tân An, chúng tôi chứng kiến một xe khách chật chội dừng lại thành linh khi tiếng súng máy bay phá vang dội đầu đó trong cánh rừng bên đường.

Một đám hành khách nhảy xuống nương nước, nhớ rằng những tay bắn tỉa phổ biến trên đường Sài Gòn – Mỹ Tho, chúng tôi tham gia cùng với họ. Những lái xe nhìn ngó lo lắng về phía rừng nơi những đám khói xanh đỏ toả ra. Trận bắn liên hồi nhưng nghe có vẻ buồn cười giống trận tập dượt. Tôi bò lên khỏi nương, đi về phía một người đàn ông không lo lắng duy nhất mà tôi nhìn thấy, một sỹ quan quân đội Mỹ trẻ đang hút thuốc thông thả trong chiếc xe jeep đầu bên đường. “Bình tĩnh” anh ta nói một cách đơn thuần, “đây không phải là trận chiến. Tôi nghĩ tôi đang tới đây để cố vấn cho lính. Họ lẽ ra nên gửi tôi đến Hollywood”.

Trong cánh đồng phía xa những hàng cây, chiến tranh Việt Nam đang được quay phim màu 35mm trong một dự án của Cơ quan Thông tin Hoa Kỳ. Một hàng lính đội mũ sắt diễn tập cảnh chiến đấu đứng trên bờ ruộng và bắn vào tầm trung khi những chiếc máy quay lăn bánh. Những lính khác bảo vệ để những Việt Cộng không nhảy vào cảnh phim.

Các nhà sản xuất rất ngạc nhiên khi thấy chúng tôi, nhưng không có quyền đuổi chúng tôi đi và chúng tôi lượn quanh đó xem “Tuyệt vời phải không”, một sỹ quan USIS, áo xắn tay bình luận khi khói từ hàng tá lựu đạn toả ra trong cảnh màu kỹ thuật dày đặc để cho những lính Cộng hoà tiến vào những “kẻ thù” không nhìn thấy.

Tôi nghe một người nói: “Đừng nói khi họ sử dụng đạn thật, sẽ hỏng mất âm thanh tự nhiên”. Đó là giọng một đạo diễn phim người Mỹ, chần chừ giới thiệu anh ta hay nói một điều gì về dự án. Vào lúc đó những người xem trên đường cao tốc Mỹ Tho thấy lính Cộng hoà đã bắt một làng “kẻ thù” ở phía bên kia cánh đồng.

“Được, giống như trong Battle Cry, làm sao tôi nhìn họ làm điều đó thật”, một cố vấn Hoa Kỳ nhận xét khi quay xe jeep trở lại và tiến về đường băng Tân Hiệp.

Nhân viên thông tin Hoa Kỳ, USIS trở nên thân thiện với tôi khi đoàn sản xuất bắt đầu đóng gói đồ đạc. Một nhóm 3 người được thuê ở Washington sản xuất chương trình 30 phút trình chiếu quốc tế. “Chúng tôi muốn chỉ cho thế giới biết những điều thực sự đang diễn ra ở đây”, anh ta nói. “Những gì chúng tôi tìm kiếm là thực tế. Hai ngày trước đây chúng tôi diễn một cuộc tấn công lớn với một tiền đồn nhỏ. Chúng ta có những người đàn ông bảo vệ

nó giống như những anh hùng và những người phụ nữ băng bó vết thương cho họ. Chúng tôi không chiếu bất kỳ cuộc tấn công nào của Việt Cộng vì nếu làm vậy thì không một ai xem phim sẽ tin điều đó”.

Trong ba tuần làm phim thì có những trận đánh thực sự trong vòng bán kính 80,4 km của Sài Gòn nhưng người cung cấp thông tin cho tôi lại tuyên bố: “Chúng tôi không muốn trình chiếu những điều tàn ác như xác chết. Chúng tôi muốn chỉ ra người Cộng hoà chiến đấu như một dân tộc”. USIS nhận xét về những câu chuyện và những bức hình mô tả sự kinh hoàng của cuộc chiến như lính Cộng hoà tra tấn tù nhân. Bộ phim sẽ nhấn mạnh “những nhân tố tích cực”. Nhưng những nhân viên USIS ở Sài Gòn từ chối nói về bộ phim thực tế tích cực của họ tốn bao nhiêu.

Tôi lái xe tới Mỹ Tho, tới một trường học cũ nay trở thành nơi ở cho đội cố vấn quân đội Hoa Kỳ và thấy rằng họ rất tò mò về dự án của USIS nhưng cũng hơi căm ghét. Một cố vấn tiểu đoàn nói với tôi, “Nếu họ muốn vài hình ảnh về chiến tranh thì thỉnh thoảng đi với tôi. Nếu họ muốn khắc hoạ chiến tranh thì hãy làm một cách thích hợp hoặc không gì cả”. Một cố vấn khác nói: “Chúng tôi được nói rằng không có đủ lính dự phòng để bảo vệ nhiều thôn đơn độc và bị đe dọa ngoài kia. Nhưng lính cho một dự án như vậy lại tìm thấy quá nhanh”. Khi trở lại văn phòng AP, Horst làm bìa: “Tôi hy vọng họ không kết thúc bằng việc tự rơi vào bẫy mai phục của họ”.

Tôi viết câu chuyện theo phong cách tường thuật sự kiện mà tôi nghĩ phù hợp với những dữ kiện, chứ không phải nhồi nhét thông thường. Bạn phải đọc vài đoạn trong câu chuyện trước khi thực sự hiểu được vấn đề. Tôi đoán một số biên tập viên chưa nắm được ý đó. Một số báo đưa nhan đề của câu chuyện lên trang nhất nhưng nhiều tờ không đăng và phàn nàn về tin, bài của AP viết không đủ mạnh. Carl Rowan, Giám đốc của USIS đọc bài của tôi trên tờ Washington Post và yêu cầu ngừng ngay việc làm phim và bộ phim bị phá sản.

Những biên tập viên đưa ra những đánh giá cuối cùng cho giải thưởng Pulitzer nằm trong số những người tranh cãi về câu chuyện của tôi. Holliwod ở sông Cửu Long rõ ràng nằm trong mục giải thưởng của tôi cùng Đội cứu trợ 21, câu chuyện khí gas cay và những bài phóng sự từ thung lũng La Drang. Mulligan nói đó là một danh sách mạnh như những chú lùn được thuê để thì thầm vào tai những tướng La Mã chiến thắng rằng ngọn lửa đang qua nhanh. Anh ta cảnh báo rằng những phóng viên tốt nhất nước Mỹ cũng tham gia giải thưởng, rất nhiều trong số họ tôi từng làm việc ở Việt Nam như Jack Foisie của tờ Thời báo Los Angeles, Jimmy Breslin của Tờ New York Herald Tribune. Anh ta nói cơ hội của tôi là mong manh. Giải thưởng Pulitzer được công bố tại Trường Đại học Columbia vào thứ 3 đầu tiên của

tháng năm. Vào đêm công bố của giải thưởng, tôi đi ngủ sớm khi được đồng nghiệp AP đảm bảo nếu tôi giành được chiến thắng tôi sẽ được văn phòng ở New York thông báo. Bob Moorefield trực tôi hôm đó, một phóng viên của AP lớn tuổi hơn, đến từ Midwest.

Cõ lẽ Moorefield rất tốt đã để cho tôi ngủ hoặc có thể anh ta ra ngoài tìm một gái bar vui vẻ nên lỡ mất đoạn tin trên máy telex, nhưng anh ta cũng không gọi điện vào sáng sớm với bất kỳ tin tức nào. Rạng sáng tôi bình thản quay sang Nina nói rằng luôn luôn có giải thưởng cho năm sau. Tôi thậm chí đã ngủ lơ mơ khi chuông điện thoại reo. Đó là Moorefield. “Hãy để tôi là người đầu tiên chúc mừng anh...”. Cảm xúc dâng trào, nghẹn ngào tràn lên và Nina nhìn những giọt nước mắt chảy ra từ mắt tôi. Tôi chưa bao giờ chiến thắng được điều gì trong đời và tôi đoán giải thưởng Pulitzer là sự khởi đầu tốt đẹp. Moorefield muốn tôi viết một bài bình luận cho hãng tin và tôi mất một lúc lâu mới kéo được mình ra khỏi cảm xúc này để có được vài dòng.

Ngay sau đó có tiếng gõ cửa căn hộ của tôi. Mal Browne bước vào cùng chai sâm banh đầy bọt. Trên đường tới cơ quan, tôi thấy Charlie Mohr của tờ Thời báo New York, một đối thủ giải thưởng năm đó, người năn nỉ mời bữa trưa chúc mừng Mal, Horst và tôi, những cậu bé AP của Sài Gòn. Đầu năm đó Charlie mời tôi về làm cho tờ Thời báo New York và tôi đã được anh ta tặng bốc có chủ ý nhưng tôi nói tôi đã “cưới” AP cho tới lúc cái chết chia lìa chúng tôi, một sự khẳng định cường điệu mà chỉ có ở tuổi trẻ.

Một đồng Telex và điện báo đang chờ tôi ở văn phòng và những thư từ khác gửi đến từ các đồng nghiệp khắp nơi trên thế giới. Wes Gallagher có thông điệp nói rằng: “Trong những người được giải thưởng Pulitzer của AP thì không một ai xứng đáng hơn hoặc cho tôi sự hài lòng hơn cậu bởi những khó khăn mà cậu đã trải qua”. Sau đó ông ta viết: “Tôi không thể vui hơn được nữa vì cậu đã giành giải thưởng Pulitzer, điều đó có nghĩa một sự quét dọn sạch sẽ cho bộ ba Mal, Horst và chính cậu. Tôi đặc biệt vui mừng vì điều đó cho thấy những phóng viên hàng đầu trong đất nước này xứng đáng được ghi nhận trên cả quốc tịch. Tôi mong Chính phủ sẽ làm như vậy, điều đó là sự mong đợi quá nhiều của bất kỳ Chính phủ nào”.

Tôi được mời tới dạ tiệc kỷ niệm Pulitzer lần thứ 50 tại khách sạn Plaza ở thành phố New York. Đứng trên bục trong phòng khiêu vũ của khách sạn Plaza giữa những người được nhận giải thưởng Pulitzer, nghe Jame Reston và Archibald MacLeish nói về những trách nhiệm đi cùng giải thưởng, tôi đã hiểu những gì Mal Browne, David Halberstam và Neil Sheehan đang tìm kiếm để hoàn thành ở Việt Nam. Tôi mong muốn được trở lại công việc.

Tôi lái xe tới Mỹ Tho, tới một trường học cũ nay trở thành nơi ở cho đội cố vấn quân đội Hoa Kỳ và thấy rằng họ rất tò mò về dự án của USIS nhưng

cũng hơi căm ghét. Một cố vấn tiêu đoàn nói với tôi, “Nếu họ muốn vài hình ảnh về chiến tranh thì thỉnh thoảng đi với tôi. Nếu họ muốn khắc họa chiến tranh thì hãy làm một cách thích hợp hoặc không gì cả”. Một cố vấn khác nói: “Chúng tôi được nói rằng không có đủ lính dự phòng để bảo vệ nhiều thôn đơn độc và bị đe dọa ngoài kia. Nhưng lính cho một dự án như vậy lại tìm thấy quá nhanh”. Khi trở lại văn phòng AP, Horst làm bầm: “Tôi hy vọng họ không kết thúc bằng việc tự rơi vào bẫy mai phục của họ”.

Tôi viết câu chuyện theo phong cách tường thuật sự kiện mà tôi nghĩ phù hợp với những dữ kiện, chứ không phải nhồi nhét thông thường. Bạn phải đọc vài đoạn trong câu chuyện trước khi thực sự hiểu được vấn đề. Tôi đoán một số biên tập viên chưa nắm được ý đó. Một số báo đưa nhan đề của câu chuyện lên trang nhất nhưng nhiều tờ không đăng và phàn nàn về tin, bài của AP viết không đủ mạnh. Carl Rowan, Giám đốc của USIS đọc bài của tôi trên tờ Washington Post và yêu cầu ngừng ngay việc làm phim và bộ phim bị phá sản.

Những biên tập viên đưa ra những đánh giá cuối cùng cho giải thưởng Pulitzer nằm trong số những người tranh cãi về câu chuyện của tôi. Holliwood ở sông Cửu Long rõ ràng nằm trong mục giải thưởng của tôi cùng Đội cứu trợ 21, câu chuyện khí gas cay và những bài phóng sự từ thung lũng La Drang. Mulligan nói đó là một danh sách mạnh như những chú lùn được thuê để thâm vào tai những tướng La Mã chiến thắng rằng ngọn lửa đang qua nhanh. Anh ta cảnh báo rằng những phóng viên tốt nhất nước Mỹ cũng tham gia giải thưởng, rất nhiều trong số họ tôi từng làm việc ở Việt Nam như Jack Foisie của tờ Thời báo Los Angeles, Jimmy Breslin của Tờ New York Herald Tribune. Anh ta nói cơ hội của tôi là mong manh. Giải thưởng Pulitzer được công bố tại Trường Đại học Columbia vào thứ 3 đầu tiên của tháng năm. Vào đêm công bố của giải thưởng, tôi đi ngủ sớm khi được đồng nghiệp AP đảm bảo nếu tôi giành được chiến thắng tôi sẽ được văn phòng ở New York thông báo. Bob Moorefied trực tới hôm đó, một phóng viên của AP lớn tuổi hơn, đến từ Midwest.

Cỡ lẽ Moorefied rất tốt đã để cho tôi ngủ hoặc có thể anh ta ra ngoài tìm một gái bar vui vẻ nên lỡ mất đoạn tin trên máy telex, nhưng anh ta cũng không gọi điện vào sáng sớm với bất kỳ tin tức nào. Rạng sáng tôi bình thản quay sang Nina nói rằng luôn luôn có giải thưởng cho năm sau. Tôi thậm chí đã ngủ lơ mơ khi chuông điện thoại reo. Đó là Moorefied. “Hãy để tôi là người đầu tiên chúc mừng anh...”. Cảm xúc dâng trào, ghen ngào tràn lên và Nina nhìn những giọt nước mắt chảy ra từ mắt tôi. Tôi chưa bao giờ chiến thắng được điều gì trong đời và tôi đoán giải thưởng Pulitzer là sự khởi đầu tốt đẹp. Moorefied muốn tôi viết một bài bình luận cho hãng tin và tôi mất một lúc lâu mới kéo được mình ra khỏi cảm xúc này để có được vài dòng.

Ngay sau đó có tiếng gõ cửa căn hộ của tôi. Mal Browne bước vào cùng chai sâm banh đầy bọt. Trên đường tới cơ quan, tôi thấy Charlie Mohr của tờ Thời báo New York, một đối thủ giải thưởng năm đó, người năn nỉ mời bữa trưa chúc mừng Mal, Horst và tôi, những cậu bé AP của Sài Gòn. Đầu năm đó Charlie mời tôi về làm cho tờ Thời báo New York và tôi đã được anh ta tặng bốc có chủ ý nhưng tôi nói tôi đã “cưới” AP cho tới lúc cái chết chia lìa chúng tôi, một sự khẳng định cường điệu mà chỉ có ở tuổi trẻ.

Một đồng Telex và điện báo đang chờ tôi ở văn phòng và những thư từ khác gửi đến từ các đồng nghiệp khắp nơi trên thế giới. Wes Gallagher có thông điệp nói rằng: “Trong những người được giải thưởng Pulitzer của AP thì không một ai xứng đáng hơn hoặc cho tôi sự hài lòng hơn cậu bởi những khó khăn mà cậu đã trải qua”. Sau đó ông ta viết: “Tôi không thể vui hơn được nữa vì cậu đã giành giải thưởng Pulitzer, điều đó có nghĩa một sự quét dọn sạch sẽ cho bộ ba Mal, Horst và chính cậu. Tôi đặc biệt vui mừng vì điều đó cho thấy những phóng viên hàng đầu trong đất nước này xứng đáng được ghi nhận trên cả quốc tịch. Tôi mong Chính phủ sẽ làm như vậy, điều đó là sự mong đợi quá nhiều của bất kỳ Chính phủ nào”.

Tôi được mời tới dạ tiệc kỷ niệm Pulitzer lần thứ 50 tại khách sạn Plaza ở thành phố New York. Đứng trên bục trong phòng khiêu vũ của khách sạn Plaza giữa những người được nhận giải thưởng Pulitzer, nghe Jame Reston và Archibald MacLeish nói về những trách nhiệm đi cùng giải thưởng, tôi đã hiểu những gì Mal Browne, David Halberstam và Neil Sheehan đang tìm kiếm để hoàn thành ở Việt Nam. Tôi mong muốn được trở lại công việc.

Chương 16: Dặm Trường Đẫm Máu

Năm 1966 tôi như cháy mình trong máu lửa nóng bỏng của cuộc chiến tranh đang leo thang từng ngày. Tôi không bao giờ tự hỏi, rằng cuộc chiến tranh tàn khốc là đúng hay sai và cũng chẳng bao giờ đưa ra các câu hỏi trong các cuộc trò chuyện với người lính hay đồng nghiệp bởi tất cả chúng tôi đều ở trong tầm tay của những hành động chiến tranh. Quá nhiều người bạn của chúng tôi đã chết, chúng tôi không vui vẻ khi viết về sự hy sinh của họ.

Chính quyền quân đội Mỹ ở Sài Gòn tuyên bố chiến thắng là chắc chắn, không tiết lộ dấu hiệu nghi ngờ nào. Người dân Việt Nam trong các thành phố biết rất ít về những gì quân đội Mỹ đang làm và thậm chí còn không quan tâm, thoải mái khi biết rằng quốc gia hùng mạnh nhất trên thế giới đang đưa những đứa con của mình vào cuộc chiến và sẽ bồi thường đặc quyền cho chúng.

Sự can thiệp của quân đội Hoa Kỳ kèm theo sự hỗ trợ kinh tế thừa thãi. Kinh doanh địa phương trở nên thịnh vượng hơn bao giờ hết. Sự sa sút thứ hạng của quân đội Cộng hòa là do lính quân dịch đến từ vùng nông thôn. Những người giàu có lo lót cho con cái của họ thoát khỏi nghĩa vụ quân sự và tìm cho chúng những công việc nhàn hạ ở các đơn vị chỉ huy.

Lính Mỹ không hiểu hết những điều tự nhiên trong xã hội Việt Nam. Họ như những người tù trong không gian hẹp lánh của chính họ, chiến đấu vì cuộc sống của họ ở trong rừng hoặc bị cô lập trong những căn cứ quân sự. Chiến dịch của Westmoreland kêu gọi lực lượng lính Mỹ hoàn toàn độc lập, không cần một cánh quạt, một quả chuối hoặc một lát bánh mì từ nền kinh tế địa phương.

Tôi thường tới thăm Lữ đoàn 3 lính “Big Red 1” đóng ở Lai Khê gần Bến Cát. Tinh thần đồng đội thuyết phục họ gắn kết với nhau. Những sỹ quan muốn nói chuyện về chiến tranh và thích nói về rừng cao su Lai Khê bị bỏ hoang nơi họ đang cắm trại. Năm 1962 tôi đã tới thăm để viết về chiến dịch mặt trời mọc khi Hoa Kỳ muốn nắm dân ở nông thôn bằng cách đẩy họ vào những áp chiến lược. Khi kế hoạch thất bại, vùng đất bị bỏ hoang và mặc nhiên rơi vào tay Việt Cộng. Bây giờ quân đội đang làm nơi trú ngụ cho khoảng 3500 lính trong đồng lộn xộn cây bụi chen lẫn cây cao su yếu ớt của một nông trường đổ nát với những toà nhà làm kho. Thực tế, Lữ đoàn 3 trở thành căn cứ doanh trại hình mẫu với nhà ăn tập thể ngăn nắp, dịch vụ giặt là và nhà di động cho sỹ quan cao cấp, thậm chí phòng xây bằng bê tông với 75 cô gái bar ăn mặc loè loẹt thường giờ mánh lới với lính để lấy 5 đô la trong căn phòng nhỏ khu vực bếp. Bác sỹ quan quân y lữ đoàn phải kiểm tra sức khỏe thường xuyên cho họ.

Một chiều, Horst và tôi tới đó để uống. Chúng tôi cười đùa với những cô gái Bar thì tôi đọc được một bảng màu trắng có ghi: “Gái có mác là hàng sạch” và một cái khác “Gái không có mác là bệnh”. Cô gái đang ngồi trên lòng tôi không có mác và tôi thả cô ta xuống như thả một quả lựu đạn sống!

Khi căn cứ doanh trại đó được dựng lên thì Việt Nam được gọi là “Cuộc chiến không mặt trận” vì Việt Cộng có thể ghé thăm bất kỳ nơi nào, nhưng tại An Khê những cuộc viếng thăm của họ có thể đoán trước được. Hầu hết là mọi đêm những viên đạn bắn tủa lao ra từ bóng tối những hàng cây cao su già, rơi uych vào trong nhà và nơi trú ẩn của vị chủ nhà mới.

Trung sỹ Douglas Warden kêu ca với tôi khu vực này không đạt tiêu chuẩn mong đợi, với những quy định quân đội. “Những cuốn sách nói về những boong ke rộng rãi và những thứ tương tự như vậy. Những boongke của chúng tôi không đủ rộng. Chúng tôi quá nhỏ và chúng tôi chỉ có thể sử dụng chúng làm vị trí chiến đấu, không thể ngủ ở đó”.

Căn cứ doanh trại Lai Khê có một bể bơi trong rừng dừa nhỏ do những người chủ khu rừng cũ xây dựng nhưng người Mỹ không thể sử dụng được vì văn phòng đầu ngành không quân ra sắc lệnh nước ở đó không đạt tiêu chuẩn an toàn. Tôi giải quyết giúp họ bằng cách thuyết phục người chị dâu là Huyền Châu làm được sỹ đi mua Clo để tẩy nước. Những điều thoải mái như vậy thường không có ở Lai Khê hay nơi nào khác trong vùng chiến. Trong khi những tiền đồn ở hậu phương được trang bị những điều xa xỉ thì tiền tuyến ngược lại.

Nhân sự không thể thiếu trên bảng phân công của bất cứ lữ đoàn nào là những tên ăn cắp – tay lính có kỹ năng luôn lách chế độ quan liêu và nhiều quy định đặt ra để tranh thủ mà không câu hỏi nào được đặt ra. Tay ăn cắp ưa thích của tôi là Đại úy Cosmo M. Barone của Đại đội C, Tiểu đoàn Bảo dưỡng kỹ thuật 701, một gã sinh ra vốn tự tin có nhiệm vụ mang đến sự thoải mái cho lính ở Lữ đoàn 3. Barone khoe anh ta có thể sửa, nắm được hoặc ăn cắp bất cứ thứ gì và một ngày anh ta chứng minh rất thuyết phục với tôi khi bước vào văn phòng Sài Gòn và tuyên bố anh ta có được 25 máy điều hoà và 15 tủ lạnh cho đơn vị anh ta. Đó là một điều ngạc nhiên tài ba: Cái nóng được xem là kẻ thù lớn hơn Việt Cộng. Mát mẻ là điều ao ước hơn cả tình dục. Tay Đại úy giải thích anh ta có cách tiếp cận bộ phận hậu cần quân đội gần sở chỉ huy Hoa Kỳ. Được trang bị một can sơn đen và một cái chổi, anh ta chỉ đơn giản vẽ ra vài cái tên của những đơn vị chủ đích và sơn vào địa chỉ Lai Khê ở đơn vị anh ta. Ba tuần sau, đội hậu cần chuyển tới những đồ vật quý giá cùng lời chào đón vui mừng tại sở chỉ huy Lữ đoàn.

Tiểu đoàn lính bộ tốt nhất ở Lai Khê là Tiểu đoàn thứ hai của Trung đoàn 28. Những lính mặc quần áo rằn ri đen với niềm tin tự hào. Chỉ huy Tiểu

đoàn, Đại tá George Eyster, là người đàn ông gầy, gọn gàng nhắc tôi nhớ tới Gary Cooper. Eyster, là người tốt nghiệp West Point sống ở bờ biển Cocoa, Florida và thích cho tôi xem những bức hình gia đình và vợ anh ta. Cha anh ta là một thiếu tướng, trưởng sỹ quan thông tin ở chiến trường Châu Âu trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

Eyster mời tôi tham gia nhiều cuộc hành quân nhưng tôi chưa bao giờ đi được. Tôi tình cờ chạm trán Tiểu đoàn sư tử Đen và Eyster khi Horst và tôi tham gia cuộc hành quân lính bộ Cộng hoà và tại Mỹ tại Trung lập, phía Tây Sài Gòn. Nhiệm vụ của cuộc hành quân là đánh bật những tay bắn tỉa Việt Cộng từ các đường hầm và boongke trong rừng cao su và các bụi cây xung quanh Củ Chi. Chúng tôi đi cùng với những con sư tử Đen và Eyster hứa hẹn chúng tôi một ngày hành động. Đại đội C của anh ta là đơn vị chỉ đạo, “và họ biết cách giải quyết vấn đề”.

Bình minh, chúng tôi bò ra khỏi túi ngủ, ăn sáng với khẩu phần đóng hộp. Eyster và Đại úy George F. Dailey đang lập kế hoạch hành quân trong ngày. Dailey gợi ý lính của anh ta di chuyển dọc theo lối đi có thể nhìn được khu cây bụi và rừng cao su thông thoáng. Thậm chí anh ta còn đoán rằng khu vực này bị đào hầm và những tay bắn tỉa có thể quan sát chúng tôi từ những cửa hầm nguy trang. Anh ta chấp nhận đó là một trò chơi, “Nhưng đây cũng chính là cách tôi có thể sử dụng những cây súng trường bắn không giật 106 đặt trên xe jeep của tôi và tôi có thể thổi tung bất kỳ boongke có người nào mà tôi tìm thấy”.

Eyster gật đầu. Anh ta kêu ca bị cảm lạnh nặng đêm hôm trước. Mắt mũi anh ta chảy nước và anh ta cuốn một chiếc khăn kaki quanh cổ nhét quanh áo. Tôi ở lại cùng Đại tá khi Horst di chuyển cùng lính bộ theo hành trình ra ngoài vùng đóng trại đêm ngoài trời. Ngay sau đó có tiếng hét cảnh báo, “Claymore, Claymore” vị Đại tá và tôi di chuyển nhanh lên đường. Eyster gọi tay lính ướt đầm mồ hôi cúi trên quả mìn “cắt dây, đừng giật chúng” và chúng tôi xem anh ta gỡ quả mìn được giấu gần gốc cây.

Những người lính bắt đầu tìm kiếm những bụi cây để kiểm tra an toàn khi Eyster và Dailey bàn thảo bản đồ hành quân chi tiết. Tay bộ đàm đứng bên đường phía sau họ và tôi tới gần hơn để nghe cho rõ. Vai tôi chạm vào vai của Eyster khi âm thanh những tiếng nổ giật chói tai ở phía trước và tôi cảm thấy vai anh ta chao liệng và nghe thấy anh ta thở dốc. Tôi biết rằng anh ta đã bị bắn. Tôi bò sát xuống đất tự cứu mình. Eyster ngã xuống cách đó vài mét, tay anh ta ấn vào ngực kêu rên một cách lặng lẽ “George, tôi bị trúng”, anh ta lầm nhảm với chỉ huy đại đội, người đang nằm trên chân anh ta, không chú ý đến tay bắn tỉa và hét lên: “Đại tá đã bị thương, đại tá đã bị bắn. Đưa bác sỹ tới đây, đưa bác sỹ tới đây”.

Eyster mặt tái mét nằm trong bụi rậm, đôi mắt nhắm, khuôn mặt xám và một vết thương trên cổ. Bác sỹ quân y chạy tới, mặc dù sau này anh ta có nói với tôi là anh ta nghĩ đại tá chết ngay sau đó và biết rằng cứu sống là vô vọng nhưng anh ta vẫn làm những gì có thể, nhẹ nhàng băng bó vết thương quanh cổ cho đại tá. Đôi mắt của Eyster mở to, anh ta đã trải qua cuộc tấn công kinh hoàng đầu tiên bằng ý chí. Trái tim anh ta dường như run rẩy đập trở lại, sắc thái khuôn mặt hồng hơn và tỉnh lại. Anh ta the thé: “Tôi bị bắn chỗ nào, có tệt lăm không?”. Horst tới xem Eyster hô hào anh ta chụp ảnh, “Horst, đừng bị bắn, đừng bị bắn” và sau đó anh ta rơi vào bất tỉnh.

Tôi quay phim hiện trường bằng chiếc camera gia đình 8mm. Tôi chỉ về phía bụi cây cách đó gần 50m và nói với Horst, “Tôi nghĩ tay bắn tĩa đã ở đó. Anh ta nhảy ra khỏi hố chui vào đó”. Những người lính không thể định vị được lối ra của hào và di chuyển sâu hơn vào các bụi cây. Bác sỹ đi theo tiểu đoàn ngồi xuống kiểm tra cho Eyster. Anh ta quay sang Dailey và nói: “Tôi sẽ cho anh ta thêm 50 phút để sống nếu chúng ta không thể đưa anh ta ra khỏi đây”. Khi anh ta vừa dứt lời, tiếng súng trường nổ ngay gần đó và Đại úy Dailey yêu cầu bốn tay lính đang chờ lệnh đưa sỹ quan lên cáng có chai truyền huyết thanh. Trục thẳng không thể tìm được nơi đổ và Dailey mệt mỏi ném những hộp khói màu vào khoảng trống, thét trong bộ đàm tới khi chiếc máy bay xuất hiện và sau đó hạ xuống bốc người lên.

Chúng tôi tiếp tục tuần tra vào lúc 9 giờ sáng, trời nóng gay gắt. Chúng tôi tham gia cùng đơn vị từ đại đội B. Đội trưởng chỉ lối đi và nói: “Việt Cộng cố dụ chúng ta vào đó vài giờ trước bằng cách nhảy ra đường vắng cò đen. Chúng ta phải mang thêm pháo cối vào cho chúng”.

Lúc 11 giờ, một binh nhì tháo mìn khi di chuyển sang bên phải chúng tôi. Anh ta nhìn thấy vật cháy và thét lên cảnh báo khi nằm xuống đất. Tiếng nổ kinh hoàng. Horst và tôi đứng hoảng sợ như trời trồng khi khói bụi bay quanh. Khi khói bụi lắng xuống, chúng tôi nhìn thấy xác trung sỹ trung đội của anh ta ngay trước mặt gần như bị chia đôi bởi hàng nghìn mảnh đạn. Một người lính khác nằm thờ hỏn hển trong đau đớn, những mẩu thép cắm vào mông anh ta. Kỳ lạ là tay binh nhì không bị thương. Anh ta bò về phía trung đội trưởng đang nằm chờ chết trong đám cỏ lau. Tôi nhìn thấy một bức thư kẹp bên trong mũ của anh ta được mở ra. “Đó là bức thư của vợ anh ta”, một người lính thì thào với tôi. “Anh ta vừa nhận được sáng nay và định đọc nó vào chiều tối”.

Đại úy Dailey thét đội quân của mình: “Cẩn thận! Coi chừng! Đừng đi quanh những người mang bộ đàm!”. Họ là mục tiêu đầu tiên. Người giữ bộ đàm đang vắng Dailey. Có một cuộc gọi từ cấp trên nơi tiếng súng nghe rõ. Trung đội trinh sát đã xuống một boongke bằng bê tông và họ bị súng máy

tấn công. Dailey nói với họ là di chuyển nhanh và đeo mặt nạ khí gas. Anh ta gọi bộ đàm cho một chiếc trực thăng được trang bị rocket và khí gas độc tấn công bắn vào boongke và vô hiệu hoá kẻ chiếm giữ.

Chúng tôi đeo mặt nạ khí gas. Thiết bị cao su bám vào mặt chúng tôi chặt như da. Khí gas bay về phía chúng tôi và chúng tôi cảm ơn vì đã có sự bảo vệ, những khi di chuyển về phía trước thì một quả mìn thứ hai bất ngờ nổ tung khi một người lính động vào đám cỏ bên đường. Hai trung sỹ bị hạ trong vụ nổ và bác sỹ quân y đang xé quần áo của họ để trị vết thương. Tôi hầu như không thể nghe tiếng họ khóc qua chiếc mặt nạ chặn từ mũi. Một người đàn ông đang cố gắng tháo bỏ chiếc mặt nạ. Đại úy Dailey thét bác sỹ chú ý cẩn thận, cứ để quần áo của họ như vậy “vì khí gas có thể đốt cháy da của họ”. Vào giữa trưa, chúng tôi đi được một dặm và được lệnh trở về Trung Lập.

Tôi viết câu chuyện về Đại đội C những con Sư tử đen sáng hôm sau. “Đó là dặm trường đẫm máu. Đó là địa ngục của Dante, của lửa đạn và lưu huỳnh. Cuộc tấn công khí gas lan ra trong rừng, đốt cháy khi chạm vào da người đổ mồ hôi. Những người bị thương trông giống như quái vật trong những chiếc mặt nạ khí gas kỳ cục màu đen vô cùng thô thảm trên mặt đất. Đó là đoạn đường đi bộ nơi thần chết ẩn nấp trong rừng, nơi những người Việt Cộng bắn tia ẩn nấp và dưới lòng đất là những quả mìn”.

Tôi không nhắc đến Eyster trong câu chuyện của mình để chắc rằng gia đình anh ta không đau lòng khi nghe câu chuyện đó. Chúng tôi thấy Đại tá trong một căn phòng bệnh viện không điều hoà, ẩm đạm màn tránh muỗi. Cổ và ngực anh ta băng bó nặng, tay trái đeo băng và da thì xám xịt. Horst đã in những bức hình của đội tuần tra đưa cho anh ta. Eyster mỉm cười rên rỉ lời chào và nhìn vui thú vào những bức hình, thì thào: “Tôi đã thoát một cách may mắn, tôi gần như không thể vượt qua được”. Tôi hỏi thăm anh ta, “Tôi ổn”, anh ta nói. “Tôi đã yêu cầu vị tướng viết cho vợ tôi sáng nay, nói với cô ta và các con chuyện gì xảy ra. Vết thương này không đủ nặng để đánh điện cho cô ấy và tôi không muốn cô ấy lo lắng”.

Nhưng Horst và tôi thì lo lắng. Buổi chiều hôm sau, chỉ huy Lữ đoàn 3 điện George Eyster đã chết. Horst và tôi được mời tới lễ tưởng niệm ở Lai Khê nhưng chúng tôi có nhiệm vụ ở lại Trung Lập tham gia cùng những con Sư tử đen bởi vì câu chuyện của tôi và những bức hình của Horst nhận được sự quan tâm của báo chí và Phòng Ngoại sự AP muốn chúng tôi viết thêm. Ba ngày sau đó, tôi viết lời cáo phó của Đại tá Eyster: “Anh là con trai một vị tướng, tốt nghiệp West Point và là chỉ huy trưởng một tiểu đoàn. Nhưng Đại tá George Eyster đã chết như một người lính chiến trường. Đó có thể là do quân hàm trên cổ áo hay tấm bản đồ cầm trong tay hoặc chỉ là cơ hội

không dễ dàng có được mà tay bắn tỉa Việt Cộng đã chọn Eyster từ 5 người chúng tôi đang đứng trên đường trong rừng rậm đầy bụi”. Harriet Eyster đọc câu chuyện của tôi ở tờ Orlando Evening Star và viết cho tôi: “Anh đã cho những đứa con của anh ấy một tài sản kế thừa mà không ai khác có thể làm khi viết về sự dũng cảm và anh hùng của anh ấy, nó sẽ sống cùng bọn trẻ và là niềm động viên mãi mãi cho chúng”.

Nhiều sỹ quan chết ở Việt Nam hơn những cuộc xung đột trước, gấp bốn lần so với chiến tranh Hàn Quốc. Đại úy Dailey của đại đội C bị chết bốn tháng sau đó là nạn nhân của cuộc đánh bom nhắm của máy bay Hoa Kỳ.

Nhưng Việt nam không giống như những cuộc chiến tranh khác. Đối với nhiều người lính, sống sót không phải là chiến thắng mà là mục tiêu. Mục tiêu của họ là làm được điều đó trong một năm. Các nhà bình luận nói nghĩa vụ một năm trồng lên những hạt giống thờ ơ. Những người lính nghĩ rằng vậy là quá lâu. Họ dán những bức ảnh người đẹp trong khoảng chữ 365 ngày và đánh dấu từng ngày, chờ đợi “Ngày Deros” thần kỳ, ngày có thể về nhà, ngày lên máy bay Hoa Kỳ ra khỏi Việt Nam, “con chim tự do” cười với tiếp viên hàng không, đồ uống tự do và chuyển đi kết thúc ở Mỹ.

Chương 17: Cuộc Chiến Với Westy – Westmoreland

Cuộc chiến Việt Nam, được ủng hộ đầy đủ hơn bao giờ hết vào mùa hè năm 1966 khi Tướng Westmoreland kết luận ông ta có thể chiến thắng cộng sản ở chiến trường. Ông ta đi về vùng nông thôn tuyên bố Hoa Kỳ sẽ trụ vững ở đó cho đến ngày hoà bình lập lại. Khi Westmoreland chứng kiến lực lượng tăng cường, viện trợ căn cứ quân sự và chiến trường nhiều hơn thì ý tưởng về một hoà bình thương lượng bắt đầu mờ dần. Giờ là sức mạnh tối đa nằm trong tay ông ta – máy bay chiến đấu tấn công tàu hải quân ở biển vịnh Bắc Bộ, máy bay B52 ném bom ở Guam, máy bay lực lượng không quân ở các căn cứ quân sự Thái Lan và miền Nam Việt Nam, sức mạnh quân sự tăng cường và vượt qua con số vài trăm nghìn – ông ta dần dần bị thuyết phục rằng mục tiêu chiến thắng là có thể. Khó mà không hài lòng với cỗ máy chiến tranh Westmoreland đang tập hợp.

Tổng thống Johnson đã “bật đèn xanh” cho Tướng Westmoreland thực hiện kế hoạch “tìm và diệt”, sử dụng chiến thuật trực thăng vận và tấn công trên chiến trường. Westmoreland thoải mái nhìn nhận những cuộc tấn công du kích “ngu ngốc”. Ông ta lên kế hoạch thay thế cuộc chiến truyền thống bằng cách chống lại quân đội cộng sản dọc biên giới Việt Nam.

Sỹ quan chiến dịch của Westmoreland, Thiếu tướng William DePuy, thích sự mạo hiểm hiểm, chốt pháo binh và không quân phòng hộ. Đôi khi tôi nhìn đạn nổ trong khu vực hạ cánh và chỉ vài phút trước khi máy bay thả lính. DePuy chỉ huy sư đoàn lính đánh bộ thét trong tiếng kêu động cơ với tôi “Arnett, mọ là sự lựa chọn đúng lúc”. DePuy đề ra những quy định cứng nhắc cho sư đoàn của mình. Máy bay chỉ huy của ông ta thường bay lượn lơ về phía đơn vị, quan sát những gì đang diễn ra bên dưới. Ông ta không chịu đựng sự tầm thường hay tha thứ cho những tay chỉ huy tiểu đoàn, đại đội và trung đội vì những lỗi vi phạm nhỏ.

DePuy khen thưởng sáng kiến và sắp xếp những sỹ quan trẻ nhất thăng tiến nhanh chóng. Trung tá Alexander M. Haig là người được yêu thích, có cơ hội thăng tiến trở thành lữ đoàn trưởng sau khi tiểu đoàn anh ta làm tê liệt một trung đoàn Việt cộng tấn công trong trận Ấp Gù. DePuy khao khát chỉ huy sư đoàn tốt nhất trong quân đội và không giấu giếm điều đó.

DePuy khẳng định chiến thắng luôn thuộc về bên có khả năng tập trung lực lượng vào nơi đặc biệt tại thời điểm đặc biệt trong chiến trường. Chiến thuật này là quy luật chính yếu của Việt Cộng, luôn có những đơn vị không bao giờ tấn công nếu họ không dồn được lực lượng tốt hơn. Với khả năng di chuyển cả một tiểu đoàn lính bằng trực thăng từ bất kỳ nơi đâu vào bất kỳ

chỗ nào trong chiến trường, ông ta bảo vệ ý kiến, chỉ huy Mỹ có thể chỉnh sửa tỷ lệ lực lượng theo ý họ. Ông ta nói, nếu theo phương pháp này thì lính Mỹ đã giành chiến thắng trong trận Điện Biên Phủ. DePuy là người nói rất thuyết phục và sự tự tin của ông ta đầy ấn tượng. Vào mùa thu sau một loạt can thiệp mức độ rộng trong vùng chiến khu C và D, ông ta tuyên bố đạt được thành công chiến thuật quan trọng và đã tiêu diệt toàn bộ lực lượng phản kháng của kẻ địch trong vùng hành quân của mình. Westmoreland nói ông ta đang trên đường tới chiến thắng.

Mỹ có sức mạnh quân đội to lớn và DePuy đang sử dụng nó một cách phi thường. Nhưng chiến lược tiêu hao sinh lực địch chỉ có thể thành công nếu đánh gục được ý chí của kẻ thù và rõ ràng là điều đó sẽ không xảy ra.

Westmoreland thường mang theo phóng viên trong các chuyến đi thực tế dài ngày để họ nắm được quan điểm của ông ta. Họ thường bay bằng trực thăng và máy bay nhỏ tới những vùng xa xôi như Hàng Tân, Phước Vinh hoặc Bảo Lộc, nơi sỹ quan Cộng hoà và Mỹ đứng xếp hàng đón ông ta và nói chuyện về tình hình địa phương. Những câu chuyện về kết quả rõ ràng là nịnh bợ, những bài ca mừng chiến thắng không có đối với sự tinh thông quân sự của ông ta.

Những người viết bài phải góp nhặt để làm nên những miêu tả khác thường về những gì luôn là tình huống bình thường. Ông ta là sỹ quan được chụp ảnh nhiều nhất trong thời đại của mình.

Tom Reedy, người chịu trách nhiệm viết bài trong một chuyến đi như vậy cho AP đã viết “Đi dạo cùng Tướng William C. Westmoreland, chỉ huy chiến tranh ở Việt Nam 51 tuổi trong những dịp đặc biệt cho một gã không lồ mà những người lùn không hợp”. Tác giả cũng miêu tả vị Tướng như “người gầy cao 1m8, cằm nhọn, có sức mạnh của một chiếc xe tăng và đôi bàn tay của một nghệ sỹ Piano”. Thậm chí một tay quan sát chua chát như Hugh Mulligan đã bị những “tinh hoa phát tiết ra ngoài” của Westmoreland mê hoặc. Sau khi nghe cuộc nói chuyện của ông ta với những sỹ quan thiết giáp 11, Hugh viết: “Lời động viên cùng những cảm thông của một bài phát biểu trong phòng kín trước khi trò chơi Hải quân – Quân đội bắt đầu, sự chân thành trong giọng nói, loé sáng niềm tự hào trong đôi mắt sâu thẳm mà bằng cách nào đó làm cho bài phát biểu cảm động và đáng nhớ”.

Tôi chưa bao giờ được đi cùng Westmoreland và tôi chẳng bao giờ đề cập tới chuyện đi cùng ông ta. Ông ta nói rõ trong bài tóm tắt cá nhân với những nhân viên rằng kiểu viết bài chiến trường như tôi là không thể chấp nhận được. Ông ta kêu ca lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh, những tin, bài đến trực tiếp từ những người lính thủy đánh bộ tới giới công chúng Mỹ trước khi người chỉ huy khu vực biết chuyện gì đang diễn ra. Westmoreland phản bác

giới báo chí Sài Gòn phải nhạy cảm với nhuệ khí của lính ở chiến trường và công chúng ở nhà và cách tiếp cận tích cực phải được kiểm duyệt trong những tin, bài chuyển đi, tránh cung cấp cho kẻ thù về những ý định của Mỹ hoặc giảm lòng tin về khả năng của Mỹ trong mắt đồng minh. Tôi nghĩ ông ta đang cho chúng tôi quá nhiều quyền năng nhưng tôi cũng nhận ra danh tiếng cá nhân của ông ta có thể bị ảnh hưởng bởi những bài báo của chúng tôi.

Thương vong của giới báo chí tăng lên khi trận chiến ngày càng dữ dội. Phóng viên ảnh Charlie Chellapah từ Singapore bị giết trong lần đi tuần cùng Sư đoàn lính bộ 25 của quân đội Hoa Kỳ ngày 12-2. Sam Castan, biên tập viên lâu năm của tạp chí Look, chết vào ngày 21-5 cùng lính của Sư đoàn thiết giáp 1 Hoa Kỳ trong cuộc hành quân “con ngựa điên”. Tác giả người Pháp Bernard Fall chết vì bẫy ngày 21-2-1967 khi tham gia đi tuần với lính thủy đánh bộ Hoa Kỳ dọc bờ biển miền Trung phía bắc Huế, nơi anh ta biến nó nổi tiếng với cái tên “Con đường không có niềm vui” trong một cuốn sách về chiến tranh ở Pháp. Phóng viên thứ 9 chết là phóng viên ảnh tự do Ronarld G. Gallagher, chết ngày 11-3-1967 tại rạch Kiên ở Đồng bằng sông Cửu Long cùng Sư đoàn lính bộ 9 quân đội Hoa Kỳ.

Những sỹ quan hộ tống lính thủy đánh bộ bắt đầu yêu cầu những phóng viên chiến trường mặc áo chống đạn nặng 9kg, đội mũ sắt của lính bộ Hoa Kỳ và chúng tôi không phản đối khi đi nhờ trực thăng vào các vùng tiền đồn phía trước gần vùng DMK (phi quân sự) dưới những trận bắn phá, thường phải ngồi bên những thùng đạn dược và trườn từ boongke bằng bao cát này tới boongke nọ qua mương bùn ngập đầu gói chằng bao giờ khô dù nắng nóng như thiêu xen lẫn gió mùa. Ra khỏi những chỗ như vậy rất đau đầu, một trò chơi đợi chờ bởi những chuyến hàng ưu tiên cho một số trực thăng đi vào là những phóng viên nhưng lại là những người cuối cùng đi ra sau những lính bị thương và luân phiên.

Những nơi giống như Cồn Tiên bắn phá dữ dội về biên giới phía bắc Việt Nam, không nhiều hơn lời cảnh báo hai giây về viên đạn đang tới và phóng viên ảnh AP Henri Huet thậm chí còn không nghe thấy tiếng nổ của viên đạn ngắt quãng qua tay và chân mình khi đang chụp những tay súng lính thủy đánh bộ đáp trả bắn phá pháo binh. Huet bị giết khi đang làm nhiệm vụ năm 1971.

Phóng viên ảnh AP John Nance đang bì bõm qua ruộng lúa đầy bùn dọc sông Sài Gòn cùng Sư đoàn Lính bộ 1 thì súng cối đập tới, bắn vào cánh tay anh ta và làm anh ta ngã sòng soài khi một súng máy xả vào đội đi tuần giết chết nhiều lính xung quanh. Nance đặt chiếc hộp đựng máy ảnh bằng sắt nặng của mình trên bờ ruộng làm lá chắn bảo vệ và một tay súng Việt Cộng

nghĩ rằng nó quan trọng nên liên tục bắn vào, sáu viên đạn nổ tung qua mảnh sắt và trên đầu Nance.

John Wheeler đi cùng một trung đội chỉ huy ở Sư đoàn lính bộ 25 tại Củ Chi thì bị kẹt vào một trận bắn phá dữ dội, sau đó bị thương khi một lính Mỹ ném lựu đạn bật trở lại từ một cái cây, làm chết người lính cạnh anh ta và làm Wheeler bị thương ở bắp dưới tay trái. Tay phóng viên AP đó trở về Sài Gòn với dải băng chiến trường và gõ câu chuyện của mình trên máy đánh chữ ở văn phòng, khi máu còn rỉ qua vết băng dày.

Nhà sử học quân sự cũng là cựu chiến binh S.L.A. Marshall đã chọn mùa thu năm 1966 để đánh vào tính chính trực và lòng dũng cảm của giới báo chí Việt Nam trong một bài báo ở tạp chí New Leader: “Sự thất bại báo chí ở Việt Nam – phóng viên chiến trường chờ mời của Mỹ”. Ông ta kết luận những nhà báo ở Việt Nam trình diễn “Tính dờ hơi bất cần đạo lý” và không viết chiến trường thực tế bởi vì “Đa số phóng viên thường trú Hoa Kỳ ở Sài Gòn không nói điều chết tiệt về họ hoặc thờ ơ với chiến tranh và không muốn phơi bày sự vô tội của họ, hoặc sợ mặt trận mà họ không chịu nổi suy nghĩ sống chung với nó”. Ông ta nghi ngờ các phóng viên cố gắng “chộp được giải thưởng Pulitzer khi viết về những cuộc biểu tình, phản đối, tai nạn hoặc bất cứ thứ gì có hình ảnh làm cho mặt trận ở nhà lúng túng”. tạp chí Time dành hẳn một trang cho những lời buộc tội của Marshall mà không cần đưa ra những quan điểm công bằng, đồng thuận với những phỉ báng về giới báo chí Việt Nam.

Chúng tôi kinh ngạc với những lời buộc tội của Marshall. Ít người có thể nhớ đã từng nhìn thấy ông ta ở Việt Nam. Thực tế Marshall có dành hai tháng ở Sư đoàn Bộ binh 1 ở căn cứ quân sự An Khê, tại khu chỉ huy VIP cùng phó chỉ huy Sư đoàn, đi lại bằng trực thăng và chẳng bao giờ đặt chân lên chiến trường. Tài liệu của ông ta về bài báo quan trọng đó và cuốn sách sau này ông ta đặt tên là “Chiến trường vùng gió mùa” hoàn toàn xuất phát từ những cuộc phỏng vấn sau chiến sự. Chúng tôi chỉ có thể kết luận rằng người từng là tác giả của những cuốn sách về chiến tranh Triều Tiên bán chạy nhất như Pork Chop Hill đang cố gắng xuất bản dựa vào chi phí của chúng tôi. Chính điều này sau đó được đại tá nghỉ hưu David Hackwork người đồng hành cùng ông ta trong chuyến thăm Việt Nam tiết lộ và sau này một nhà sử học đã biến sự trở về không thành công của mình vào danh sách bán chạy nhất. Wes Gallagher là một trong rất nhiều người đáp trả phần nộ với bài báo của New Leader.

Mặc dù những gì Westmoreland nghĩ, tôi không phải muốn gây khó khăn cho những chiến lược quân sự. Tôi thích mối quan hệ công việc tốt với rất nhiều sỹ quan cao cấp. Nhưng điều này không phải luôn luôn đạt được. Tôi

quen thân với Thiếu tướng John Norton khi ông ta còn là nhân viên của Westmoreland và rất vui khi ông ta được giao nhiệm vụ chỉ huy Sư đoàn lính bộ 1 ở Tây Nguyên, đơn vị lựa chọn cho những nhà báo tìm kiếm những câu chuyện chiến trường bi thương.

Tôi viết về chiến thuật tìm và diệt của Westmoreland. Đó là chiến thuật liêu mạng và táo bạo: thả một vài đơn vị nhỏ lính bộ Mỹ trong rừng làm mồi và sau đó nhảy ra tóm những kẻ tấn công và tiêu diệt chúng khi chúng mắc bẫy. Tướng Norton giải thích với tôi rằng thủ đoạn lừa gạt đó là cần thiết để tìm ra lượng kẻ thù lớn hơn “trước khi chúng hiện nguyên hình”. Norton lắng về mối nguy hiểm với quân lính của mình nhưng tin chiến thuật như vậy là cần thiết. “Chỉ là một người dẫn đường cho trung đội và đại đội của anh ta và cũng có thể là người đầu tiên bị giết khi hành động”, ông ta giải thích, “Sau đó là một trung đội và đại đội dẫn đường cho một tiểu đoàn và một lữ đoàn”.

Nhưng tính chất nguy hiểm không thể chối bỏ. Tuần trước đó một tiểu đoàn lính bộ bị tấn công và toàn bộ lính bị giết hoặc bị thương trước khi lính thiết giáp tới cứu họ. Một sự kiện thứ hai trong tuần sau đó buộc tôi phải nêu chi tiết chiến thuật của vị Tướng trong một bài tin. Đại đội lính bộ 1 đang làm nhiệm vụ “chim mồi” ở thung lũng La Drang khét tiếng thì bị lực lượng Việt Cộng nhảy tấn công từ ba phía. Pháo binh chờ sẵn ở gần đó xả hàng nghìn viên đạn vào những kẻ tấn công, sau đó là không quân yểm trợ. Một lực lượng giải cứu đã vào trận, giải tán kẻ tấn công và kéo những xác chết ra cùng với họ. Chiến thuật đó bề ngoài thành công nhưng đại đội làm mồi đã trả giá rất đắt. Ít nhất 50 lính Mỹ thiệt mạng hoặc bị thương trong trận đó.

Tôi về Sài Gòn thì Tướng Norton triệu tôi trở lại An Khê. Tôi đủ nhiệt tình để tham gia chuyến đi dài ngày. Khu nhà ổ chuột nối liền với căn cứ quân sự An Khê là nơi khủng khiếp nhất Việt Nam với những thợ thiếc và những cửa hàng vàng, những bán buôn mặc cả, những cửa hàng bia và những cô gái bar. Một năm trước đó, An Khê chỉ là bến chờ xe khách trên đường Plâycu với khoảng 1 nghìn người sinh sống trong ngôi làng nhỏ. Bây giờ là một thị trấn bùng nổ có mức sống cơ bản cho 20 nghìn lính Mỹ cô đơn của Sư đoàn bộ binh.

Văn phòng chỉ huy của Tướng Norton nằm bên sườn đồi ở vị trí quan sát toàn bộ căn cứ quân sự trải dài 50 km², với những căn lều xanh thẫm, những toà nhà bằng gỗ và hàng dăm đường. Một phụ tá trẻ nhảy ra bắt ngờ và chào khi tôi gõ cửa, bước vào. Ngay sau đó tôi thấy vài sỹ quan sư đoàn cấp cao vận bộ đồng phục cứng nhắc. Tôi biết hầu hết bọn họ nhưng họ nhìn tôi không thoải mái và rất ít nói. Tôi đoán rằng sắp có phiên phúc. Khi chúng tôi bước vào văn phòng của Norton, họ chào và hô lên khẩu hiệu của sư đoàn:

“Tất cả đã vào vị trí, thưa chỉ huy”.

Norton đứng dậy khỏi bàn làm việc, bắt tay tôi nhưng không mời ngồi. Chủ đề câu chuyện là bài viết về môi nhử Việt cộng của tôi. Tôi nói rằng tôi đã viết nó cách đây ba tuần và hầu như đã quên bằng nó. Ông ta nhắc một tờ báo kẹp trên bàn làm việc và đưa cho tôi. Đó là một bản copy nhàu nát câu chuyện của tôi ở tờ Columbus Ledger, tờ báo từ căn cứ sư đoàn ở bang Georgia. Ông ta nói “chết tiệt”, “Charlie Black không viết một câu chuyện như thế này”. Black là một phóng viên của Columbus đã từng dành nhiều tháng ở căn cứ An Khê viết về sư đoàn.

Tôi bảo vệ rằng câu chuyện của tôi là hoàn toàn chính xác. “Chính xác không phải là vấn đề ở đây, cậu viết điều chết tiệt làm hoảng sợ những người ở nhà”, Norton đáp lại. Ông ta đưa ra một số giấy tờ nói rằng đó là một bức thư dài từ vợ ông. “Cậu biết những gì cô ta nói với tôi rằng vợ của những người lính này ở đây và những người khác đọc bài báo đã bị sốc, chết tiệt. Họ nghĩ rằng tôi đang cố gắng giết chồng của họ với cái trò bẫy chết tiệt này và tôi không cho phép điều đó”.

Tôi tuyên bố sự thật rằng chiến thuật dùng bẫy là nguy hiểm tới tính mạng con người nhưng vị Tướng không muốn đề cập tới vấn đề đó. Ông ta không muốn tranh luận với tôi. Ông ta chỉ muốn tôi biết rằng ông ta ghét cay ghét đắng tôi vì làm những thân nhân ở nhà hoảng sợ và rằng tôi sẽ không làm được điều đó một lần nữa trong khu vực hành quân của ông ta.

Westmoreland rất bị thuyết phục về tính hiệu quả của Cav 1, Big Red 1 và sáu sư đoàn bộ binh Mỹ khác đang đóng ở vùng nông thôn miền Nam Việt Nam. Binh lính Mỹ đang vượt qua giới hạn, mang trên mình gánh nặng đầy đủ của cuộc chiến chống lại những trung đoàn lính Bắc Việt. Quân đội Sài Gòn đảm nhận nhiệm vụ thứ hai là bình định, đảm bảo an toàn cho các thành phố và làng mạc.

Việt Nam vẫn là đầm lầy của những quan tâm đặc biệt, lòng ghen tỵ, căn bệnh tham nhũng đào mồ cho cuộc chiến chống cộng sản. Phó Tổng thống Nguyễn Cao Kỳ là người mới nhất trong rất nhiều quân nhân leo lên quyền lực từ vụ đảo chính Ngô Đình Diệm. Ông ta là người cứng rắn để làm một điều gì đó. Trong một cuộc phỏng vấn, ông ta xác nhận “Khả năng lãnh đạo và nhận thức nhiệm vụ” của Adolf Hitler nhưng “không phải phương pháp vô nhân đạo của ông ta”. Kỳ không ngừng nói rằng muốn chiếm miền Bắc Việt Nam khi bạn không thể lái xe 20 phút từ Sài Gòn đi bất cứ hướng nào mà không nguy hiểm tới mạng sống. Ông ta là người hạnh phúc nhất trong vai trò một phi công, thích thắt dải lụa nhỏ mùi Oải hương ở cổ và vận bộ đồ bay màu đen. Ông ta thích tiệc tùng và tôi chứng kiến ông ta ở buổi dạ hội tại khách sạn Continental giới thiệu mình với Jayne Mansfield.

Uy thế của Kỳ thể hiện trong sự kinh dị chính trị làm mất đi tính hiệu quả của quân đội Cộng hoà. Toàn bộ sư đoàn lính bộ binh chống lại chính quyền Trung ương. Những cố vấn Mỹ chỉ định các sư đoàn Cộng hoà chủ chốt xung quanh Sài Gòn “quan sát” với các chỉ thị cảnh báo cho chỉ huy tối cao Mỹ nếu một tiểu đoàn xuất hiện trên đường cao tốc hướng vào thành phố. Một số người chứng kiến tất cả sợ rằng lính Mỹ trẻ đang bị ném vào cuộc chiến được cho là việc của người Việt Nam.

Người phê bình gay gắt nhất là John Paul Vann, một cố vấn quân sự, người thổi còi về sự bất tài trình diễn ở trận Ấp Bắc năm 1963. Ông ta từ chối chức vụ đại tá và trở lại Việt Nam như một nhân viên dân sự với chương trình bình định nông thôn. Ông ta tin rằng các quan chức quân sự đang vấp sâu hơn vào cuộc chiến không cần thiết của người Mỹ. Ông ta kinh thường những tướng chỉ huy trong các câu lạc bộ điều hoà dành cho các sỹ quan ở Sài Gòn để những điều này xảy ra. Đón tại tỉnh Hậu Nghĩa, phía tây Sài Gòn, Vann dành nhiều đêm ở chiến trường. Đôi khi ông ta ở trong những tiền đồn quân sự Việt Nam, nơi những người lính hoảng sợ, mất nhuệ khí, có khả năng đào ngũ. Sự có mặt của ông ta rõ ràng kích thích nhuệ khí và gây sự chú ý của giới lãnh đạo quân sự tới những vùng ít được ưu tiên này.

Vann là người đầy nhiệt huyết và là kẻ không biết sợ gì. Đôi khi tôi căng hết thần kinh khi đi cùng ông ta trong chiếc xe jeep nảy xóc trên những con đường lún sâu tới những vùng được cho là của Việt Cộng kiểm soát. Đối với sự an toàn của mình, Vann thích sử dụng lựu đạn hơn là súng ngắn. Ông ta giải thích bằng giọng quả quyết và dễ cáu: “Nếu cậu chỉ cần giơ một trong những thứ này lên trong tay thì những kẻ xấu sẽ chạy mất. Chúng luôn biết lợi hại của những thứ này”. Ông ta đặt những trái lựu đạn M1 trong lòng khi lái xe, chúng nảy lên khi tôi ngồi cạnh ông ta ở ghế trước. Ông ta thích chơi đùa với cái chết nhưng lại cười bất kỳ khi nào tôi lưu ý ông về điều này, một lần ông ta vỗ ngực và tuyên bố không dễ gì bị tiêu diệt. Ông ta nói với tôi: “Tuần trước tôi bay trong một máy bay định vị tới Biên Hoà. Trời nhiều mây và chúng tôi không nhìn thấy rõ đường đi, khi cố gắng hạ cánh chúng tôi vướng phải mớ đường dây điện. Đối với người khác thì sẽ chết nhưng phi công của tôi đã trượt được qua lớp dây và hạ cánh an toàn”.

Tôi tán phục Vann. Ông ta biết nhiều về chiến tranh hơn bất kỳ ai khác ở đây với những mối liên quan tới cả chỉ huy cao cấp của Việt Nam và Mỹ. Tôi đánh giá cao giá trị những thông tin và ý kiến của ông ta. Ông ta không giấu quan điểm ủng hộ chính sách điều hoà của mình. Ông ta tin cuộc chiến đấu sẽ thắng lợi nhưng hoàn toàn phản đối chiến thuật tìm và diệt của Westmoreland. Ông ta nhận xét chiến thuật đó là tàn bạo và tự diệt. Ông ta cho rằng con đường duy nhất dẫn đến thắng lợi là thông qua người Cộng hoà. Ông muốn Hoa kỳ tăng cường sức mạnh quân đội Việt Nam, ít phụ

thuộc vào binh lính Mỹ hơn và khẳng định nếu vẫn tiếp tục những phản kháng của chính quyền Sài Gòn thì Mỹ nên đảm đương trách nhiệm cho cả nước để hình thành mọi nấc thang chiến tranh và tận dụng lực lượng Cộng hoà tới mức tối đa.

Một hôm ông ta hỏi tôi: “Tại sao chúng ta phải đối xử với một đất nước Việt Nam nhỏ bé, đơn giản một cách rón rén, thận trọng trong khi chúng ta không làm điều đó với những cảm nhận của nước Anh trong Chiến tranh thế giới thứ hai?”. Tôi lắng nghe mọi thứ Vann nói. Những lời kết của ông ta thường bị đả phá và một số ý kiến là không thực tế nhưng đó là một cách có thể đưa ra hướng đi thoát khỏi đầm lầy đẫm máu và huỷ diệt. Vann rất vui được nói tới trong giới chính sách mặc dù ông ta ít được vậy. Ông ta biết không có sự tin tưởng còn lại nào với giới quân sự cấp cao Hoa Kỳ. Ông ta nói rằng một tướng quân đội Mỹ muốn thuê ông ta làm trợ lý thì được Westmoreland nói, “nếu thực sự muốn có anh ta ông ta có thể có nhưng ông ta đang tự chuốc vạ vào thân”. Sau đó Vann đưa ra quan điểm ảnh hưởng tới Nhà Trắng. Ông ta thường liên lạc với Harry McPherson, một phụ tá của Tổng thống Johnson và hy vọng sử dụng nhóm người quen ngày càng mở rộng của mình trong Quốc hội và những mặt vụ tiếp cận được Bộ trưởng Quốc phòng Robert McNamara.

Vann bị thuyết phục rằng McNamara đang nhằm hướng bởi những trận bão tuyết thông tin thống kê trong hệ thống phân tích. Ông ta tin rằng nếu Bộ trưởng Quốc phòng nhận thức được rất nhiều số liệu đó là không đáng tin cậy, ông ta sẽ đánh giá lại những ủng hộ của mình với những chính sách của Westmoreland.

Tôi không chia sẻ sự tự tin của Vann với Bộ trưởng Quốc phòng. Tôi đã viết về những chuyến đi tới Việt Nam của MacNamara đầu những năm 1960 và thấy rất ít nhiệt tình trong vai trò của ông ta để đối mặt những thực tế không vừa lòng. Ông ta điều chỉnh những thay đổi chính trị thường xuyên ở Sài Gòn. Ông ta ủng hộ nhiệt tình với bất kỳ ai chiếm giữ Dinh Tổng thống của Sài Gòn vào thời gian chuyến thăm của mình. Ông ta đặc biệt phải lòng Thiếu tướng Nguyễn Khánh, kẻ vô liêm sỉ nhất trong rất nhiều kẻ tìm kiếm quyền lực tổng thống, vào đầu năm 1964 lật đổ nhóm quân sự tước đoạt quyền lực của Ngô Đình Diệm.

Tướng Khánh đưa đất nước vào một năm hỗn loạn quân đội và chính trị mà McNamara dự định đi dọc Việt Nam cùng ông ta, cố gắng ủng hộ sự nổi tiếng của vị Tướng này. Đôi khi Đại sứ Maxwell Taylor đi cùng, họ diễu hành qua những chợ, quảng trường ở Huế, Đà Nẵng và những thành phố khác, giơ tay mạnh lên đầu, những ngón tay quăn vào, hét lên “Việt Nam muôn năm”. Vị Bộ trưởng Quốc phòng lạnh lùng lại trở nên uỷ mị trong

buổi gặp như thế này, nhưng tôi nhận thấy rất ít phản ứng từ đám đông tụ tập quanh đó do chính quyền địa phương tổ chức và tôi đoán có nhiều điều không chuẩn khi người phiên dịch chuyên ngữ. Cuộc họp báo khởi hành của McNamara ở phòng họp VIP tại sân bay Tân Sơn Nhất, Sài Gòn tràn đầy lạc quan, những tập huấn kiến thức của ông ta có lẽ còn nhiều hơn thế.

Tại cuộc họp báo vào đầu năm 1965, tôi có hỏi McNamara là ông ta phản ứng thế nào với những lời buộc tội rằng Việt Nam đang trở thành “cuộc chiến tranh của McNamara”. Ông ta nhìn trừng tôi một giây, sau đó lấy tay vuốt mái tóc óng mượt của mình, chỉnh lại kính, thẳng vai và đáp rằng: “Cuộc chiến tranh của MacNamara ư? Tôi sẽ phải cho anh ta biết rằng tôi tự hào khi có tên mình cùng sự kết hợp này, tự hào vì điều đó, tôi nói để anh ta rõ” và sau đó ông ta khởi hành, những phụ tá hối hả, tiếng cửa đập và tiếng động cơ máy bay hướng về một chuyến bay dài trở lại Washington.

Tôi cảm thấy McNamara là con người không thể hiểu hết được. Tôi nhìn thấy những vị tướng mạo hiểm tính mạng của mình và một số nhỏ nước mắt khi một người lính chết ở chiến trường. Tôi không thể tưởng tượng McNamara có thể khóc vì những điều này dù ông ta trở nên uỷ mị khi biểu lộ lòng yêu nước một cách nhiệt thành. Tôi nói với Vann, tôi nghi ngờ McNamara. Vann dù sao vẫn cứ làm, quyết định tiếp cận McNamara trực tiếp, sử dụng một nhân viên trước đây, một người đàn ông trở thành người bạn đồng hành yêu thích của Vann, một sỹ quan lính thủy đánh bộ mưu mô và thông thái tên là Daniel Ellsberg.

Lần đầu tiên tôi chạm trán Daniel Ellsberg vào tháng 1-1967 tại thị xã Rạch Kiến cách Sài Gòn 32 km, nơi đặc biệt của những cộng đồng nông thôn từng giàu có bị bỏ hoang vì số phận trở thành mặt trận chiến tranh. Bây giờ Rạch Kiến trở thành một thị xã hoang tàn. Tôi lái xe cùng Horst và John Nance, đi qua những chiếc xe ngựa chở tài sản gia đình và hai chiếc xe chở khách han rỉ, kễ kẹt. Một số dân không có nơi cư trú trở về từ những trại tỵ nạn. Trong chương trình bình định mới, Rạch Kiến được khôi phục và họ hy vọng có thể trở lại cuộc sống trước đây.

Một vài chiếc bàn kê trong khu chợ trên đường đi bộ, những người bán hàng chào mời những sản phẩm dư thừa của Đồng bằng sông Cửu Long. Một đội lính bộ binh Mỹ đang ngồi với áo dã chiến, tay áo xắn, đang uống những chai Coca Cola. Đây là lần thứ ba trong sáu năm chính quyền Sài Gòn cố gắng tái sinh tại Rạch Kiến và những vùng huyện lân cận, mỗi lần như vậy tiêu tốn vài triệu đô la Mỹ. Chúng tôi đang tìm nhóm chỉ huy thì nhìn thấy vài người lính trong một căn nhà bỏ hoang và dừng lại để hỏi đường.

Khi chúng tôi bước vào thấy một cô gái nông thôn gầy, dễ thương chỉ ở độ tuổi chớm xuân đang bị một tên lính Cộng hoà hăm dọa. Tay cô ta bị trói

giật sau lưng, mắt hoảng sợ khi tên lính lắc con dao và hướng về phía cô ta, dừng lại cách ngực chỉ vài centimét. Anh ta gầm gừ những câu hỏi về tên, thân thể và cô bé lắp bắp trả lời thì thào trong khi những gã lính Cộng hoà khác cười chế nhạo.

Tôi hỏi một anh lính Mỹ trẻ đang đứng không thoải mái về chuyện gì xảy ra? Anh ta nói đoàn tuần tra của anh ta tìm thấy cô bé đang làm việc trên cánh đồng gần thị xã và mang về đây vì cô ta không có thể chứng minh. Họ giao cho cô ấy cho lính Cộng hoà được cử làm việc cùng một đơn vị do thám tình, một phần trong kế hoạch chỉ huy đặc biệt PRU, được lập ra để tìm ra gián điệp Việt Cộng. Những đơn vị đó trở nên khét tiếng. Trên những túi áo rằn ri, lính PRU đeo biểu tượng sợ người, hình xương chéo và họ thường là những tên tội phạm trước đây hoặc những Việt Cộng đào ngũ, những người xăm trên ngực dòng chữ “Sát cộng” để ngăn họ trở về với lòng trung thành cũ. Horst Fass tìm thấy một đơn vị PRU sử dụng một cậu bé 12 tuổi làm đao phủ. Họ mặc cho đứa bé bộ đồng phục may cùng mũ cao bồi, trang bị một khẩu súng lục mà cậu bé tự hào đeo trên bao súng quanh eo. Khi Horst chụp ảnh thì cậu bé đã xoá sổ 13 người trên nòng súng của mình.

Chúng tôi thuyết phục lính Mỹ đưa cô gái trẻ hoảng sợ đi cùng về căn cứ của họ trong một trường học bằng bê tông cũ ở phía khác của thị xã. Đôi khi điều này có nghĩa như một sự thoả thuận giữa những người hàng xóm cùng chung chiến hào. Đôi khi có nghĩa là lấy lại con gà bị ăn trộm. Ở Rạch Kiên, người Việt Nam không phải lúc nào cũng đủ nhanh để tham gia những nỗ lực tạo ra hoà bình. Lính Cộng hoà mang trở lại một vài thứ nhiều hơn những con gà trong buổi rong chơi buổi sáng của họ. Họ mang về bốn đầu người vẫn còn rơi máu, vết tích của những người đồng lõa với Việt Cộng mà họ giết lúc sáng. Chúng tôi nhìn thấy những chiến tích được treo lên cọc ở phía nam thị xã, một lời cảnh báo ghê tởm cho cư dân trở lại Rạch Kiên.

Sau đó chúng tôi gặp lại Ellsberg trong bộ đồng phục chiến đấu và mũ mềm kaki, ở trong ruộng lúa sâu đến thắt lưng, trườn qua đám bùn bần, một khẩu súng tiểu liên bên phía tay trái. Anh ta đang thét lên gọi lính bộ binh Mỹ chậm chạp: “Tiến lên đây, chết tiệt”. Họ dường như lưỡng lự chuyển về phía trước, và một trung úy giải thích với chúng tôi, “Anh ta không phải một trong chúng tôi, anh ta đến từ Đại sứ quán và ở đây đùa giỡn với lính”. Một viên đạn xượt trên đầu chúng tôi từ nơi nào đó đằng trước và chúng tôi nhảy vào bùn, bò về phía Ellsberg đang ngấm qua những viên đạn từ ruộng lúa và rất nhiều bụi cây phía trước, tìm kiếm kẻ bắn tỉa.

Đội lính bộ di chuyển về phía trước nhóm chúng tôi trong vùng đầm lầy đầy cỏ nơi Ellsberg đang thư giãn. Vann nói cho tôi nghe rất nhiều về Ellsberg, nhà chiến lược của Bộ Quốc phòng và sau đó tình nguyện tới Việt

Nam, tham gia làm nhân viên của Thiếu tướng Edward G. Lansdale, một chuyên gia phản công. Tôi hỏi Ellsberg xem một dân sự có vũ trang tham gia vào mặt trận có bình thường không, và anh ta nói: “tôi đang cố gắng thử xem điều này có tác dụng không và cách nào tốt hơn để tìm ra nơi diễn ra điều đó”.

Khi tôi thông báo cho anh ta về huy chương đẫm máu, anh ta trở nên tức giận, tuyên bố rằng toàn bộ chiến dịch bình định là để tránh tổn thương nhân dân và tránh xa lính họ.

Chúng tôi rời đơn vị lính bộ thao tập trong ruộng lúa đầy bùn, trở lại thị xã. Ellsberg giờ khẩu tiêu liên của mình, tạo dáng chụp ảnh dưới công vòm mới được dựng lên cho buổi tiệc sắp tới. Rõ ràng anh ta vẫn có chân trong quân đội. Anh ta hét lên với Horst: “Đừng quên gửi cho tôi vài tấm ảnh đó, tám nhân mười” khi chúng tôi bước vào xe rời Rạch Kiên về nhà.

Vann và Ellsberg thoả thuận đó là cách duy nhất để thuyết phục McNamara về lỗi trong cách của ông ta đưa ra lý lẽ chi tiết rằng chính sách chiến tranh của Hoa Kỳ về việc sử dụng lính Mỹ giữ gánh nặng chiến đấu là một sai lầm. Họ biết rằng liên hệ với những nhân viên xung quanh để rỉ tai ông ta, và Ellsberg làm điều đó khi sử dụng mối liên hệ của mình lên chuyến bay của McNamara trong chuyến thăm Việt Nam tiếp theo. Vị Bộ trưởng sẽ là thính giả bị giam cầm cho chuyến đi 30 tiếng tới Việt Nam. Vann tạo ra những thay đổi nhanh chóng trong trái tim McNamara về cuộc chiến một phần nhờ những nỗ lực của Ellsberg.

Tôi đưa ra những quan điểm của Vann trong những bài phân tích của mình. Tôi viết bài đánh giá không tâng bốc về Westmoreland cho báo ngày 27-1-1967 và bài đó được sử dụng rộng rãi. Tôi chỉ ra trong ba năm ông ta ở Việt Nam, cuộc chiến đã thay đổi rất nhiều, đó là cuộc chiến tốn kém hơn 57 lần mỗi ngày mà những tổn thất người Mỹ tăng lên gấp 50 lần và vị Tướng bốn sao nhận được sự ủng hộ của Tổng thống Hoa Kỳ, người luôn tin tưởng ông ta sẽ mang lại lời hứa chiến thắng.

Tôi trích lời những nhà phê bình phàn nàn Westmoreland trình diễn tham vọng tàn nhẫn, tăng cường sức mạnh của ông ta khi kêu gọi dàn thêm nhiều đợt lính Mỹ trong khi nhiệm vụ lúc đầu của ông ta là xây dựng khả năng của Việt Nam chiến đấu cho chính cuộc chiến tranh của họ. Câu chuyện đùa loanh quanh thành phố rằng ông ta có tham vọng trở thành “thế giới C trong C” nghĩa là tổng chỉ huy thế giới.

Mối quan hệ của chúng tôi với Westmoreland ở điểm thấp nhất khi tôi được cử đi cùng Kelly Smith viết hộ một câu chuyện dài cho Phòng phóng sự AP, so sánh một ngày trong đời sống chỉ huy quân sự với một người lính đặc biệt, Kelly phải ăn sáng với vị Tướng và dành cả ngày với ông ta, còn tôi

được giao nhiệm vụ ra chiến trường tham gia cùng một đại đội lính bộ ở Sư đoàn lính bộ 25 hành quân về phía tây bắc Sài Gòn. Câu chuyện dường như ồn với chúng tôi. Bản cuối cùng như sau:

“Bình minh mở ra trên thành phố đang ngủ, những tia nắng màu hồng đầu tiên sơn lên mái nhà ngói đỏ ở vùng ngoại ô và phủ mái vườn của những khách sạn cao tầng nằm dọc bờ sông Sài Gòn. Giao thông vẫn đều đặn trên những con đường rợp bóng, một chiếc trực thăng cánh quạt thổi lửa gió lạnh buổi sáng, kêu vo ve hướng về những ngọn núi của phía bắc”.

“Trong lâu đài sơn trắng ở số 19 Đoàn Công Bửu, toà nhà đặc biệt trong những toà nhà do người Mỹ chiếm đóng ở Sài Gòn, một người đang ngủ trở nên mệt mỏi với tiếng ồn nhưng không thức dậy. Sau đó Tướng William. C. Westmoreland với tay tắt đồng hồ báo thức, đã là 6 giờ 15. Một phụ tá gõ cửa phòng để chắc rằng ông chủ đã thức giấc. Vị Tướng có khuôn mặt gầy rám nắng thức dậy, đánh răng và cạo râu”.

“30 dặm phía tây bắc qua những cánh đồng lúa kênh đào bừng sáng ánh nắng ban sớm, trung úy William Howard ở Corlebe bang Georgia bò ra khỏi nhà xí thấp đào trên đường nông thôn. Anh ta phải lớp bùn đóng trên bộ quần áo đã chiến ướt và ngáp”.

Đây là điểm trung lập của Kelly trong câu chuyện làm buồn vị tướng. “Giờ là 2 giờ chiều ở Cercle Sportiff, pháo đài cuối cùng trong chuỗi câu lạc bộ ngoại ô, một nơi nghỉ ngơi thoải mái cho lối sống vương giả ở vùng biển buồn tẻ. Westmoreland đến chơi tennis khoảng 50 phút ở sân số 5, một trong 15 sân của câu lạc bộ. Khi Westmoreland phát cú giao bóng đầu tiên cho người hướng dẫn Việt Nam, thì chiếc xe đầu tiên trong 92 xe tải đoàn hộ tống đang trên con đường độc hành 40 dặm về phía tây bắc Sài Gòn dính lầy và trong vòng vài phút toàn bộ đoàn hộ tống bị sa lầy, ném toàn bộ kế hoạch hành quân của sư đoàn lính bộ 25 vào thế mất cân bằng, đe dọa sự thành công của rất nhiều cuộc phản công lập ra vào ngày hôm đó và ngày Chủ nhật”.

Khi câu chuyện của chúng tôi đăng lên các báo ở Hoa Kỳ, Lầu Năm góc kêu gào chúng tôi vì đề cập tới việc chơi tennis của ông ta. Một vài tuần sau đó, tôi đang chờ Phó Tổng thống Hubert H. Humphrey tới trong chuyến thanh tra căn cứ đóng ven Đòng bằng sông Cửu Long thì Westmoreland tới bắt chuyện với tôi.

“Được đây, ông ta tuyên bố, cậu sẽ vui khi biết rằng tôi đã bỏ Cercle Sportiff và tennis”. Tôi thực sự ngạc nhiên. Tôi không nhìn được và thốt ra rằng, tôi đã tham gia câu lạc bộ đó. Westmoreland nhìn tôi mắt nheo lại và nói: “Có lẽ họ sẽ cho cậu chỗ của tôi” và biến đi.

Merton Perry của tờ Newsweek, đã nghe đoạn hội thoại của chúng tôi và

gửi đúng nguyên văn về tờ báo của anh ta, đăng trong mục buôn chuyện tuần sau đó. Nhân viên báo chí của Westmoreland, đại tá Winant Sidle thông báo với tôi rằng vị chỉ huy nghĩ tôi dàn xếp nói chuyện và không muốn có điều gì liên quan tới tôi một lần nữa.

Mùa thu năm 1967, Tổng thống Johnson chọn mục tiêu quân sự trên bản đồ trong phòng chiến tranh của Nhà Trắng và yêu cầu trực thăng chiến đóng trên biển và mặt đất để thả bom vào những vị trí đó. Ông ta cũng bắt đầu những đợt tấn công chống lại các nhà phê bình. Từ Sài Gòn xa xôi, chúng tôi nghe nói Johnson là đối thủ đáng gờm nhất của chúng tôi, đang nghiền ngẫm những miêu tả về cuộc chiến của truyền thông đằng trước những chiếc ti vi về mạng tin tức, kiểm tra ba máy telex truyền sản phẩm của AP, UPL và Reuters và nghiên cứu kỹ lưỡng hàng tá những tờ báo quan trọng mỗi buổi sáng.

Johnson không ngại gây áp lực với các biên tập chần chừ tham gia vào “đội của ông ta”. Tay ông ta dài với tới cả mặt trận, nơi những cuộc điện thoại, tin tức truyền đi tới văn phòng ông ta và nhân viên thân cận điều chỉnh dòng chảy thông tin hàng ngày. Nếu giới báo chí vượt ngoài tầm với của ông ta và nhân viên không làm được điều đó thì ông ta sẽ trút sự khó chịu của mình lên họ.

Trưởng phòng thông tin của ông ta ở Sài Gòn là Barry Zorthian, một nhân viên thông tin có kinh nghiệm của Hoa Kỳ, thêm gia vị nói với những đồng nghiệp về một cuộc chạm trán hèn mọn với Lyndon Johnson tại cuộc họp nhân viên Nhà Trắng vào năm 1965 được triệu tập để thảo luận về việc đưa tin chiến trường.

Trước khi Zorthian trình bày bài phát biểu của mình, người phát ngôn Bill Moyers thì thăm vào tai ông ta: “ông chủ muốn gặp anh trên tầng ngay bây giờ”. Hai người tiến về trụ sở gia đình nơi Johnson đang ngồi trên giường. Khi nhìn thấy Zorthian, Johnson “bắt đầu giảm bớt giới báo chí trong vở kịch độc bạch không ngừng” và sau đó quay sang Zorthian “Chết tiệt, có chuyện gì với cậu vậy? Tại sao cậu không thể giải quyết với giới báo chí ngoài kia một cách tốt hơn? Tại sao cậu để cho họ viết điều đó? Tại sao không loại bỏ sự dốt nát ra khỏi đầu họ...”. Zorthian quay xuống tầng dưới, lắc đầu.

Tổng thống Johnson muốn Zorthian và những nhân viên khác ở chiến trường viết những gì mà chính ông ta không sẵn sàng gây ảnh hưởng, một sự kiểm duyệt không chính thức hình thành cho những bài tin gửi đi để chiều theo quan điểm của ông ta về cuộc chiến nên được tiến hành như thế nào. Johnson đôi khi can thiệp vào việc đưa tin như can thiệp vào nhiệm vụ ném bom, đôi khi nghe những buổi họp của “Những tên ngốc lúc 5 giờ” ở Sài

Gòn được truyền về Nhà Trắng qua điện thoại vào buổi sáng sớm và không lưỡng lự can thiệp nói vọng vào quan điểm của ông ta sau đó.

Một ngày, người phát ngôn Jack Steward “không bình luận” một câu hỏi của giới báo chí về sự phát triển chính trị Sài Gòn. Tổng thống tức giận “Ai là thằng ngốc chết tiệt nói “không bình luận” giống như một con vẹt vậy?”, ông ta nói với người trợ lý. Ngày hôm sau Steward nhận được thông tin từ cấp trên tại Cục Thông tin Hoa Kỳ yêu cầu thuyên chuyển ngay lập tức tới Léopoldville ở Công gô. Khi Steward chống lại quyết định, Giám đốc Cục Thông tin Hoa Kỳ nói cho anh ta nghe về phản ứng của Tổng thống và không thể làm được điều gì thay đổi điều đó Steward dọa sẽ đưa ra công chúng lời phàn nàn của anh ta và sự thuyên chuyển xếp xó.

Tôi có rất ít việc liên quan tới những nhân viên thông tin và ngược lại. Đối với Stewart, Zorthian và những người khác đang cảm thấy hơi thờ nóng của Tổng thống và tôi là ác mộng kinh hoàng nhất của họ: một phóng viên chiến trường đưa ra những thông tin gây tranh cãi vượt ra khỏi tầm kiểm soát của họ, và khi những điều đó được đăng báo thì chắc chắn có nghĩa những lời khiển trách từ Nhà Trắng dành cho họ. Zorthian và tôi cũng tiếp xúc với nhau vài lần khi anh ta tới Sài Gòn năm 1964 để thành lập chiến dịch thông tin Đại sứ quán Hoa Kỳ và anh ta là người đàn ông rất hiểu biết. Nhưng mối quan hệ của tôi với anh ta chưa xót khi tôi viết câu chuyện của mình về bộ phim chiến tranh giả và tệ hơn nữa là câu chuyện về thử nghiệm khí gas không sát thương của quân đội Cộng hòa. Chúng tôi chỉ giữ mối quan hệ xã giao với nhau sau đó.

Vào đầu năm 1966, tôi phàn nàn với Zorthian về việc bị quân cảnh Mỹ đuổi đi, anh ta cười chế nhạo như thể thích thú trước sự bất lợi của tôi. Suốt cuối tuần của cuộc biểu tình Phật tử chống chính quyền trên các đường phố Sài Gòn, hai xe quân đội Mỹ kèm một nhóm phóng viên và yêu cầu chúng tôi rời hiện trường. Tôi cùng Bob Schieffer sau này làm cho tờ Fort worth Star Telegram và Bob Keatly của tờ Wall Street Journal nói với cảnh sát: “Chúng tôi là phóng viên, để chúng tôi yên”. Một trong số họ trả lời: “Tôi biết nhưng mệnh lệnh của chúng tôi là dọn sạch những người Mỹ khỏi đường phố gồm các phóng viên. Đó là mệnh lệnh của chúng tôi”. Chúng tôi phản đối căng thẳng, nhận thấy sự an toàn của Sài Gòn nằm trong tay của cảnh sát Cộng hòa và quyền hạn của người Mỹ chỉ mở rộng tới lính Hoa Kỳ và các kho quân sự.

“Tôi không phải người Mỹ”, tôi nói, “tôi đến từ New Zealand” và khi được hỏi chứng minh điều đó tôi đáp lại: “Giọng nói và kiểu tóc của tôi không đủ hay sao?”. Eddie Adams nói: “Anh không có quyền yêu cầu phóng viên Mỹ rời khỏi đường phố, anh không có quyền hạn với chúng tôi”. Tay

cảnh sát suy nghĩ một phút rồi lái xe đi.

Ngay sau đó họ quay trở lại. “anh đi với tôi”, một người nói với Adams. “Tất cả những người Mỹ rời khỏi đường phố”. Tôi lại phản đối rằng tôi không phải người Mỹ và tay cảnh sát tức giận lôi ra khẩu súng lục 45mm màu đen, chĩa vào hông của Adams, Keatley và sau đó là Schieffer, vẫy nó về một số phóng viên ảnh của tạp chí Life gần đó và sau đó tập trung vào tôi. “Các anh đi với tôi”, anh ta nói thêm. “Anh là một người Mỹ”.

Bob Keatley xen vào: “Tôi là người Mỹ nhưng anh không có quyền đuổi tôi ra khỏi chỗ này. Chỉ huy Hoa Kỳ không có quyền hạn với tôi”. Vào lúc này cuộc đối thoại càng nóng lên, rất nhiều lời lẽ tục tĩu thốt ra cùng với khẩu súng lục của những quân cảnh lưỡng lự chĩa vào chúng tôi. Khi hai cảnh sát Cộng hòa bắt gặp, họ từ chối can dự. Cuộc tranh cãi chỉ được giải quyết khi một nhóm quân nhân Mỹ vui vẻ tại một nhà thờ phía trên một quán bar gần đó phải rời khỏi bởi một đám đông biểu tình và toán quân cảnh chạy đến giải cứu họ.

Zorthian nghe câu chuyện của tôi và nói: “anh nói rằng một cảnh sát quân sự Mỹ rút súng lục chĩa vào anh? Không thể nào xảy ra”. Tôi đưa ra một đồng ảnh 8 x 10 do Eddie Adams chụp về vụ xô xát. “Nhìn đi”, tôi yêu cầu, “Anh sẽ làm gì về điều đó”-“ừ, Zorthian đáp lại, anh thật lợi dụng và độc ác. Có lẽ chúng tôi sẽ buộc tội anh tấn công vào người cảnh sát quân sự đáng thương đó, một cuộc tấn công bằng bút và bút chì”. Anh ta vẫn còn cười khi tôi đi khỏi, nhưng tôi đã có nụ cười cuối cùng. AP phát bức ảnh tôi bị chĩa súng và tờ Washington Post vào sáng hôm sau đã sử dụng nó trên ba cột trang trong. Ngoại trưởng Dan Rusk không được vui.

Không tù nhân nào bị bắt vì những khó khăn, sự phức tạp thông tin chiến tranh và những nghi ngờ ở cả hai bên. Khi David Halberstam tới thăm Sài Gòn năm 1967, anh ta nói với tôi, Zorthian đã nói với một số đại biểu quốc hội rằng tôi là cộng sản. Halberstam nói rằng anh ta sẽ gọi cho Zorthian về chuyện đó. Điện thoại nhanh chóng đổ chuông. Zorthian nói rằng Halberstam ở trong văn phòng ông ta. “Tôi muốn nói với anh, Peter, tôi đã gọi anh bằng nhiều từ, thậm chí là “đồ chó cái” nhưng tôi chưa bao giờ gọi anh là một tên cộng sản bởi tôi không tin điều đó”.

Mối bận tâm chính của Zorthian chính là phải có những câu chuyện tích cực, ông ta khuyên những nhân viên mới đến là: “Nói sự thật nhưng đừng bộc lộ hết mọi thứ anh biết.” Anh ta là thành viên của hội đồng nhiệm vụ Hoa Kỳ, nhóm những nhân viên cao cấp thảo luận và đưa ra chính sách. Zorthian cố gắng đưa mối lo lắng của chính phủ vào những câu chuyện của tôi, và đôi khi anh ta mắng nhiếc tôi: “Peter, cậu phải đưa quan điểm về nhiệm vụ trong những bài phân tích chiến tranh của mình, cậu nợ chúng tôi

điều đó. Chúng tôi biết về những gì đang xảy ra nhiều hơn cậu”. Tôi đáp lại rằng tôi thu thập thông tin cùng nguồn với chính phủ và những đánh giá của tôi có giá trị như của họ.

Những mảnh khóc truyền thông bắt đầu len vào năm 1967 khi chi phí chuyển lính Mỹ tới Việt Nam không thể tiết lộ được. Chiến lược chiến tranh là không hợp lí, đẫm máu và tàn sát cùng những người lính vào chiến trường rất khó để bào chữa. Zorthian và đội thông tin của anh ta ngập tràn tin xấu. Họ không có đủ tay để chọc vào mọi con đê rò rỉ. Những câu hỏi đưa ra hàng ngày về chiến thắng gần như thế nào mà lực lượng Hoa Kỳ đã tham gia hành động được hai năm và đã đảm đương chiến trường từ người miền Nam Việt Nam. Thậm chí tướng Westmoreland cũng lười: “Không thể nói được là cuộc chiến sẽ kéo dài bao lâu. Tôi không thể nhìn thấy trước được kết cục”, ông ta nói với một phóng viên AP đầu mùa xuân.

Bắn phá là chiến thuật đầu tiên của Mỹ. Lực lượng Mỹ bắn phá hơn 1 triệu đạn pháo binh mỗi tháng, và ném bom oanh tạc lớn nhất trong lịch sử không quân với những máy bay B-52 thả bom ở cả miền Bắc và miền Nam Việt Nam. Chỉ huy lính bộ binh với những chỉ dẫn cứng nhắc đảm bảo mạng sống cho lính Mỹ đã kêu gọi tấn công không quân và pháo binh oanh tạc, thậm chí chỉ với một tên Việt Cộng bắn tỉa.

“Đây là cuộc chiến tranh đầu tiên dùng bộ binh hỗ trợ không quân và pháo binh”, chỉ huy đại đội Sư đoàn 1 nói với tôi sau hành động tức giận nơi đơn vị anh ta chờ hàng giờ hỗ trợ không quân và bị mất dấu kẻ thù. Anh ta nói thêm: “Đuổi theo lực lượng cộng sản phía sau bức tường bắn phá giống như chọc vào một quả bóng bởi vì bạn đẩy họ ở vùng chiến khu D thì họ lại phình ra ở chiến khu K hoặc chìm lặn trong chiến khu C”.

Ném bom không hạn chế ở một số vùng gây những tai nạn không thể tránh được. Vào ngày 4-3-1967, thông cáo quân sự đưa ra danh sách những cuộc tấn công sai lầm vào cộng đồng người dân ở Đồng bằng sông Cửu Long. Nhưng không đưa ra vụ đánh bom và phản lực sai lầm của hai chiếc máy bay hai ngày trước đó vào ngôi làng hữu nghị Làng Vây phía đông bắc Đà Nẵng, nơi phóng viên Bob Gassaway của AP thông báo 100 người dân bị giết và 175 người bị thương trong những đống đổ nát. Máy bay được xác nhận sau đó là trực thăng Mỹ, và người điều khiển đã nhầm hướng.

“Chính sách tiêu thổ” là công cụ yêu thích của những người lập kế hoạch trong những vùng ngoài sự kiểm soát của chính phủ và những bài báo đầy màu sắc về thành quả của nó dội gáo nước lạnh vào xương sống cho những nhân viên phái giải trình. John Wheeler trích lời một lính thuộc sư đoàn lính bộ 25 kêu la suốt cuộc hành quân ở Giồng Dinh phía bắc Đồng bằng sông Cửu Long: “Chúa ơi, vợ tôi sẽ ngắt nếu biết những gì tôi đang làm ở đây.

Giết Ole Charlie là một chuyện, giết chó con hoặc vịt con thì cũng giống như vậy nhưng con người là điều khác”.

Đơn vị được yêu cầu san bằng một làng và Wheeler lưu ý đôi mắt đầy hận thù của những người dân nông thôn Việt Nam khi người Mỹ đốt nhà của họ và cả bàn thờ gia tiên, tiêu diệt trâu lẫn gà. Khi Wheeler miêu tả quang cảnh cách 4 dặm về phía tây nơi “Những đôi mắt đầy hận thù, ủ rũ chứng kiến sự tàn phá một ngôi nhà nông thôn. Những thành viên da cháy nắng, đờ rầu của đơn vị Sư đoàn 25 vây quanh một xác chết bị bắn của Việt Cộng. Du kích cộng sản mặc đồ đen xuất hiện từ một đường hầm, tay giơ lên đầu hàng. Khi lính bộ Mỹ tiến lại gần, người Việt đó bất ngờ rút lựu đạn từ hông và tháo kíp giữa đám người bắt mình, một tiếng nổ, tiếng của một khẩu súng trường và sau đó là sự im lặng chết chóc.

“Cuộc chiến bản thủ, khủng khiếp, những tay cộng sản bản thủ và khủng khiếp”, một sĩ quan kêu ca. Gần đó một tay súng trường quỳ trong bụi rậm lưng quay về hiện trường, một tay che mắt, một tay ôm họng vì anh ta cố gắng kiềm chế cảm xúc. Vài phút sau đó, một tay súng trường kéo xác bị bắn của Việt Cộng và ném vào kênh chia sẻ năm mộ đầy nước với xác những con vật bị người Mỹ giết trước đó.

Có cả sự tàn sát tập thể và cá nhân. Quân đoàn Lính thủy đánh bộ Hoa Kỳ công bố án tù cho một lính trẻ thú nhận đã giết một công dân Việt, cắt tai anh ta bởi vì anh ta nghe về cách hành xử này trong trại huấn luyện lính thủy mới tuyển và nghĩ “Đó là điều phổ biến để làm ở Việt Nam”. Đội của anh ta di chuyển qua một làng gần căn cứ lính thủy đánh bộ Chu Lai thì nhìn thấy một người Việt và bắn ông ta, thậm chí ông ta không có vũ trang, không cho thấy sự tấn công nào với họ. Người lính bị tuyên án mười năm tù.

Vài tuần sau đó quân đoàn lính thủy đánh bộ tiết lộ một sự kiện tương tự, họ tuyên án một hạ sĩ lao động khổ sai chung thân vì giết một bà già. Tay lính thủy đánh bộ đã hỏi cậu bạn, “Cậu nghĩ cái lỗ to như thế nào nếu tó bắn vào đó?” và bắn vào bà già với khẩu súng lục 4.5, sau đó anh ta ngắm và bắn lại, rồi phát thứ ba và viên đạn cuối cùng vào bên phải đầu của bà già. Những tay lính chắt rơm lên xác và đốt.

Một tranh cãi khác là sự tàn phá những thôn làng ở những vùng có dân cư bên ngoài khu vực kiểm soát của chính phủ được gọi là “vùng bắn phá tự do” khi những người lính lúng túng hoàn thành chiến thuật tìm và diệt của Westmoreland đang dũi bốt đi bởi những chỉ trích quốc tế. Tôi chứng kiến một lần trong cuộc hành quân của Sư đoàn thiết giáp 1 cùng Michel Renard và phóng viên ảnh tự do người Pháp Catherine Leroy ở vùng rạn vết chân chim biên miền Trung, quân lính bắt đầu đốt một làng dù những mệnh lệnh đặc biệt không phải từ chỉ huy đại đội, đại úy Nelson Newcombe. Khi anh ta

nhìn thấy những dải khói cuộn lên trên những ngôi nhà mái nâu ở thôn An Hữu, vị đại úy không cạo râu đeo kính thét lên trong bộ đàm: “Tên chết tiệt nào đốt những ngôi nhà đó? Không đốt phá gì hôm nay, đó là mệnh lệnh”.

Chỉ ngày trước đó trung đội của anh ta đốt một số ngôi nhà không bị đánh bom còn sót lại gần thôn Linh Hội, một sự kiện do phóng viên UPL đưa tin đưa ra hồi chuông cảnh báo yêu cầu những giải thích từ Washington. Tôi hỏi Newcombe chuyện gì xảy ra và anh ta giải thích rằng chỉ thị từ trụ sở chỉ huy Sài Gòn tuyên bố đốt phá nhà dân là bị cấm. Quan điểm từ sở chỉ huy sư đoàn là chỉ những ngôi nhà được chứng minh là có Việt Cộng có vũ trang chiếm đóng thì mới được đốt trong khi lữ đoàn cho phép lính đốt phá bất kì ngôi làng nào hoặc thôn nào có tiếng súng.

Trong những cuộc chiến tranh trước đây, vấn đề kiểm duyệt quân sự có thể bị trì hoãn hoặc hủy bỏ những câu chuyện tiêu cực vì chúng có thể làm ảnh hưởng khí thế ở nhà nhưng ở Việt Nam, cả Nhà Trắng hay Bộ quốc phòng sẵn sàng đối mặt những trách nhiệm kiểm duyệt này. Zorthian và đoàn kịch của anh ta có ít sự lựa chọn nhưng phải thử và cố gắng đối mặt tốt nhất với những gì đang diễn ra

Chương 18: Đà Nẵng

Mùa hè năm 1967, Horst và tôi tổ chức kỉ niệm năm thứ năm ở Việt Nam bằng một buổi tiệc với 300 khách tại Khách sạn Royale, một khách sạn cũ kỹ nằm ở góc giao đường Nguyễn Huệ và đường Nguyễn Thiệp, cách hai khu phố từ cơ quan chúng tôi. Trong những ngày hoàng kim những năm 1920 và 1930, Khách sạn Royale thu hút quan chức thuộc địa người Pháp tới quán bar để chịu để nhâm nhi rượu apxin hay sâm-panh lạnh, những món ăn thượng hạng phục vụ trong phòng ăn. Trong phòng khách tầng trên, những chủ đồn điền người Pháp từ vùng nông thôn hện hò bí mật những cô tình nhân người An Nam và đôi khi lợi dụng chính họ cho việc bào chế thuốc phiện bí mật.

Horst và tôi biến Khách sạn Royale thành nơi ẩn dật của mình, mặc dù những gì còn lại của kỉ nguyên thực dân là những tấm ván sàn kéo kẹt, hệ thống nước kêu ầm ỉ, bức hình chân dung cũ của lính lê dương Pháp. Sự tồn tại của quán bar bảo tồn tính thanh bình trong một thành phố bùng nổ câu lạc bộ, gái bar và những người Mỹ chè chén. Nhà hàng cũng không hấp dẫn, thực đơn chỉ có phi lê “Flétan a la moutarde” và súp cá cùng “palourdes”, nhưng mang phong cách Corsian béo ngậy nhiều dầu liu và tỏi. Danh sách rượu là những loại Algery rẻ tiền đến mức được thể hiện không những ở năm mà còn là ngày tháng đóng chai và chỉ uống được khi pha loãng với nước khoáng xenxe.

Sự xuống cấp của Royale song song với người chủ, Jean Ottavi, một người đàn ông Pháp nhiều tuổi ăn mặc hoàn hảo trong chiếc áo sơ mi trắng và cà vạt. Ông Ottavi đi tập tễnh quanh khách sạn bằng chiếc gậy mà ông ta đập xuống sàn hồng hách khi nhân viên Việt không thực hiện mệnh lệnh hoặc chậm phục vụ khách hàng. Ông Ottavi cho phép chúng tôi, ăn tối muộn hơn giờ đóng cửa và vào một số dịp đặc biệt, ông ta cho đầu bếp chuẩn bị những món ăn đặc biệt theo sự chọn lựa của chúng tôi. Tại bữa tiệc, nhân viên khách sạn đi quanh phòng tiệc phục vụ thịt cừu, dê nướng và những loại hoa quả, rau đặc biệt.

Một vài đồng nghiệp người Mỹ không hiểu tại sao chúng tôi lại thích vẻ đẹp mờ nhạt của Khách sạn Royale khi những nơi khác tốt hơn. Khách sạn Aterbea ở ngay cùng đường và Khách sạn Guillaume Tell ở trên đường Trịnh Minh Thế và những nhà hàng ở Khách sạn Caravelle và Majestic đều có thức ăn và đồ uống cao cấp hơn. Nhưng phong cách kín đáo và vị trí khách sạn mà chúng tôi đang ở rất thuận lợi cho việc gặp gỡ những nguồn tin nhạy cảm. Trung tướng Julian Ewell đôi khi lái xe vào Sài Gòn từ sở chỉ huy lực lượng chiến trường 3 của anh ta ở Long Bình để ăn tối với chúng tôi tại Khách sạn Royale, điều kiện duy nhất của anh ta là không để lộ tung tích

của mình trong bộ đồ thường phục và ăn tối bí mật phía sau bức bình phong ở một góc yên tĩnh của nhà hàng.

Vào giữa năm 1967, giới báo chí Sài Gòn tăng dần lên với hơn bốn trăm người, hầu hết ở những căn hộ đơn, chung hoặc sống trong khách sạn. Một số thường trú lâu dài ở chiến trường cùng với lính. Khoảng 20 hoặc 30 người có vợ ở Sài Gòn. Đó là, R.Vw. Apple, Tom Buckley của Thời báo New York, Maynard Parker và William Tuohy của tờ Newsweek, Lee Lescaze và Robert Kaiser của tờ Washington Post, Robert Pisor của tờ Detroit News, Joe Fried của tờ New York Daily News và tôi.

Cuộc sống khá thoải mái trong những ngôi nhà thuê kiểu thuộc địa có người phục vụ và đầu bếp, có những bữa tiệc cocktail ngoại giao, những bữa ăn tối, tiệc báo chí và những buổi chiều ở Câu lạc bộ Cercle Sportiff và thậm chí trượt nước ở sông Sài Gòn, một môn thể thao được nhiều người ưa thích.

Bạn có thể vẫn vờ như thành phố đang thanh bình, chiến tranh chưa từng xảy đến với Sài Gòn. Nhưng nó có thể vang lên bất kỳ trong những vụ nổ khủng bố mà đôi khi oanh tạc qua thành phố trong tiếng la hét của trực thăng, tiếng nổ của đạn pháo binh, trận tấn công không quân từ những vùng nông thôn lân cận. Những tin, bài thảm họa nhất luôn được tìm thấy ở chiến trường nhưng Sài Gòn là ngôi nhà thoáng đãng cho tất cả mọi thông tin, đánh giá về chiến tranh và những chương trình bình định cả tiếng Việt và tiếng Anh.

Âm mưu to lớn của chỉ huy cấp cao là nắm bắt được dòng chảy tin tức không chỉ trong vùng chiến mà ở mọi bữa tiệc cocktail và những buổi tụ tập ăn tối. Những lời nhận xét vô tư về những tức giận của chiến tranh luôn tìm được trong những bài phân tích tin và những bài tạp chí vào buổi sáng. Thành phố rò rỉ giống như Washington thu nhỏ. Một dòng chảy những chi tiết tai hại dưới những thông tin xấu từ chiến trường rằng chiến tranh rơi vào bế tắc và tệ nhất là đang thua, rằng chiến lược của Westmoreland tập trung vào những căn cứ quân sự rộng lớn và tốn tiền, những kho vũ khí quân sự phức tạp, thực hiện những chiến dịch tìm và diệt, không nhằm kết thúc chiến tranh nhanh chóng cũng không mang những người cộng sản tới bàn đàm phán hòa bình. Tuy nhiên hiểu rõ những gì đang diễn ra không có nghĩa dẫn tới những giao tiếp rõ ràng. Johnson của Nhà Trắng tiếp tục thuyết phục cuộc chiến đang thắng lợi và rất nhiều người ở Hoa Kỳ vẫn sẵn sàng ủng hộ Tổng thống.

Giới báo chí Việt Nam chủ yếu dành cho nam giới. Một quan điểm phổ biến rằng chiến tranh là cuộc chiến giữa đàn ông với đàn ông và đàn bà không nên tham gia vào đó. Một số phóng viên nữ xuất hiện trong cuộc chiến là Georgie Anne Geyer, Liz Trotta, Gloria Emerson và Beverjy Deepe.

Quân đội chỉ ưu tiên hơn chút ít với những nhu cầu cá nhân đặc biệt của phóng viên nữ và phóng viên báo ảnh. Chúng tôi, những phóng viên có xu hướng dè pha khả năng buôn chuyện và những mối quan hệ của họ không thích giúp đỡ họ với chính quyền.

Phụ nữ được lính chào đón nhất trong chiến trường là những người hành động giống như đàn ông. Sau khi phóng viên ảnh nổi tiếng Dickie Chapelle tử thương ở một bẫy nổ cuối năm 1966, Hugh Mulligan trích lời một chỉ huy quân đoàn: “Bất kì khi nào có một phóng viên nữ khác tới đây, chúng tôi sẽ điều một đại tá ra khỏi phòng anh ta vì phòng của anh ta có toilet riêng. Nhưng không phải Dickie Chapelle. Cô ấy không bao giờ đòi hỏi sự ưu tiên nhỏ nhất nào chỉ vì giới tính của mình. Cô ấy lột chiếc áo ponsô của mình trong bùn giống như những người đàn ông và ăn cơm bằng hộp sắt mà ai cũng cố nuốt. Trong bộ quần áo rằn ri và mũ sắt, tôi không thể phân biệt cô ấy với những người lính. Cô ấy luôn theo kịp mặt trận tốt nhất”.

Phóng viên ảnh tự do nhỏ bé người Pháp Catherine Leroy bước vào văn phòng AP năm 1967 và ngay lập tức được liệt vào danh sách cộng tác viên trong đội quân của Faas với lời hứa 15 đô la cho 1 bức ảnh có thể sử dụng mà bất kì ai khác có. Cô ta có đủ tiền để thuê một căn hộ khép kín ở khu vực đông dân của Sài Gòn.

Tôi đi cùng cô ta đến căn cứ mặt trận Lính thủy đánh bộ Mỹ ở Đông Hà khi nhân viên báo chí cố gắng khuyên can cô ta không nên tham gia cùng một đại đội lính thủy đánh bộ do thám trong nhiệm vụ nhảy dù ở vùng biên giới. Nhiệm vụ này rất hạn chế với giới báo chí nhưng Cathy không bị từ chối. Những lời báng bổ đầy giận dữ mà phóng viên ảnh 85 pound thốt ra làm tôi xấu hổ vì rút lui và đã làm tức giận sĩ quan lính thủy đánh bộ đến mức anh ta phải phàn nàn với sở chỉ huy.

Catherine cuối cùng cũng giành được sự kính trọng miễn cưỡng của lính thủy đánh bộ và danh tiếng thế giới về những bức hình kinh hoàng của mình. Trong một lần thực hiện nhiệm vụ, cô ta bị thương nặng ở bụng nhưng vẫn kịp ném cuộn phim đầy máu vào tay một lính thủy đánh bộ trước khi bất tỉnh. Ở trong bệnh viện, cô ta biết rằng những bức ảnh chiến trường của mình làm tên tuổi cô ta nổi tiếng khắp thế giới.

Hầu hết các phóng viên của AP đều độc thân và họ cùng ở một căn hộ rộng do phóng viên ảnh Al Chang thuê, to bằng tòa nhà văn phòng. Chúng tôi gọi nó là Căn hộ Dừa theo xuất thân Hawaii của Al. Đó là căn hộ được trang trí đơn giản với ba giường ngủ đôi, vài chiếc ghế, bình lạnh để bia, khung cảnh nhìn ra quảng trường Lam Sơn. Một số bản nhạc “Tinh Bubble” hoặc “Blue Hawaii” hoặc một số giai điệu thường được bật lên cho những người nhớ nhà. Một số bàn để máy ảnh và ống kính, dọc theo tường là những

ba lô quân sự, dụng cụ chiến trường và những bộ đồng phục bản.

Căn hộ cũng là ngôi nhà thứ hai cho những người lính chúng tôi làm quen trong chiến trường ghé qua Sài Gòn để ở trọ một hoặc hai đêm và tiếp đãi họ. Họ đến, người đẩy bụi bặm, mồ hôi, lao vào tắm nước nóng và sau đó vớ một chai bia lạnh, ôm bất kì ai hoặc tất cả những người có mặt ở đó. Không giống như bar của Sài Gòn có lệnh giới nghiêm. Một người lính hoặc một phóng viên mới trở về từ chiến trường có thể uống trong sự lãng quên hạnh phúc và không gặp phải phiền phức gì.

Chúng tôi hiếm khi phá vỡ quy định, ra khỏi nhà vào giờ giới nghiêm buổi sáng để đưa những lính có nhu cầu tình dục tới nghĩa địa ở Chợ Lớn, vì đây là nơi trú ngụ của những cô gái điếm không có chỗ nào khác để hành nghề. George MCarthur, người kinh nghiệm nhất trong số chúng tôi về vấn đề này nài nỉ được lái xe làm người chỉ đường, nhưng tay lái xe này say rượu và khi những cô gái xuất hiện giữa họ, chiếc xe lắc lư và George bị văng lên mui xe. Ed Meade, đến từ Erie, Pennsylvania đã học được cách cứu thương khi còn là cầu thủ bóng đá ở trường đại học, đỡ George dậy và đưa anh ta về Khách sạn Caravelle mà không để xảy ra một sự kiện nào nữa. may mắn là một trong những người quen của chúng tôi, bác sĩ quân y Tom Durant thỉnh thoảng ghé thăm để kiểm tra người bị thương và cuối cùng yêu cầu anh ta tới bệnh viện phẫu thuật.

Một buổi sáng sớm khi tôi đang nghỉ ngơi trong căn hộ với những đồng đội còn lại thì phóng viên ảnh AP Rick Merron đi từ văn phòng cùng với vài tấm ảnh có được từ tạp chí khiêu dâm mà ai đó mua được ở Hồng Kông. Rick dán hình trước cửa Khách sạn Caravelle bên kia đường cùng hai câu chuyện treo trên tường cao, nơi thu hút sự chú ý của cảnh sát Sài Gòn – những người đang làm nhiệm vụ an ninh ở quảng trường phía dưới.

Sự thân thiện vô tư báo trước điềm gở. Hoạt động văn phòng AP vẫn diễn ra suôn sẻ không có cạnh tranh nhỏ nhen và đổ kị trong nhân viên dù mức độ là những tranh cãi do căng thẳng của chiến tranh. Hai Boyle viết về một trong những lí do dẫn đến điều này là “Việt Nam là một câu chuyện trong thế giới, nơi có nhiều điều cho mọi người. Bạn không phải lo lắng bất kì ai ăn trộm câu chuyện của mình vì những câu chuyện hay hơn đang chờ đợi ngoài kia”.

Mỗi một ngày chúng tôi gửi 8 đến 15 bản trên máy telex của văn phòng về New York, 40 hoặc 50 trang của bản copy gồm những cuộc điện thoại từ các phóng viên viết về lính thủy đánh bộ ở Đà Nẵng phía bắc, hai sư đoàn lính bộ Hoa Kỳ ở Plâycu, Tây Nguyên cộng với Sài Gòn có các bản chỉ thị sở chỉ huy và các khủng hoảng chính trị.

Nhưng còn một lí do khác giúp cho tình bạn của chúng tôi thêm gắn bó đó

là nếu một ngày nào đó một đồng nghiệp bị thương hoặc bị giết bởi cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của mình, bạn có thể tha thứ rất nhiều trong những hoàn cảnh này.

Khi Ed White về nhà, người được thay thế làm Trưởng phân xã là Bob Tuckman, một cựu chiến binh lực lưỡng tham gia Chiến tranh thế giới thứ hai và chiến tranh Triều Tiên, chúng tôi tổ chức buổi kỉ niệm nhỏ sự thay đổi lãnh đạo. Tôi bày một trò, làm vương miện đội lên cái đầu hói của Bob, còn Horst thì đưa cho anh ta “cây trượng” của mình là chiếc gậy tre của Việt Cộng, vật được đưa cho Mai Browne những năm trước đó sau một vụ mai phục đẫm máu, vật gợi nhớ khi Sài Gòn chỉ là văn phòng một người, không phải văn phòng 30 nhân viên như bây giờ.

Những biểu tượng và vật cổ khác nhắc nhở người lãnh đạo mới về gánh nặng của mình và những vinh quang trong quá khứ: một cục vữa nhớ về Ngô Đình Diệm, được lấy vào đêm ông ta bị lật đổ từ những ngày khi nhân viên đều có tổ chất đảo chính và một khẩu súng bazoca Horst tìm thấy ở vùng chiến trường C năm 1964.

Ed White được tiễn ra sân bay cùng một ban nhạc Trung Hoa mà Horst và Al Chang thuê sáng hôm đó. Tuy nhiên, cuộc trình diễn phải dừng lại ở cửa sân bay vì tay trưởng ban nhạc có dáng vẻ giống Hồ Chí Minh. Chúng tôi tiến hành chia tay ngay tại chỗ, rút sâm oanh khi tắc xi chờ đưa Ed ra máy bay. Đêm đó Bob Tuckman đánh vật với quyết định Trưởng phân xã đầu tiên của mình: Làm sao để giải trình cuộc biểu diễn hai giờ của ban nhạc Trung Hoa vào khoản chi phí văn phòng!

Trong thời gian này, Gallagher viết cho Horst và tôi yêu cầu những nhiệm vụ khác. “Các cậu đang bước sang năm thứ năm ở Sài Gòn, đó là một thời gian dài trong bất kì vùng chiến sự nào, đặc biệt là chiến tranh tàn khốc như ở Việt Nam. Tôi muốn biết xem các cậu có muốn đổi nhiệm vụ ở nơi nào khác không, ít nhất là trong một khoảng thời gian. Tôi biết các cậu muốn ở nơi phải có hành động nhưng có vẻ như cuộc chiến này còn diễn ra rất lâu”.

Tôi mất vài tháng để trả lời bức thư của Gallagher vì tôi không xem xét nghiêm túc lời đề nghị của ông ta nhưng khi ông ta giục tôi trả lời thì tôi đã viết: “Về mặt thể chất tôi rất ổn và đã không nghỉ ốm một ngày nào từ khi tôi tới đây. Về mặt tinh thần tôi thích nghĩ bây giờ tôi đứng vững như tôi đã từng làm vậy. Về mặt chuyên môn tôi cảm tưởng rằng công việc tốt nhất đang chờ tôi phía trước”.

Tôi thú nhận rằng Nina và tôi đã bàn tới việc rời đi nhưng tôi đã nói với Gallagher rằng tôi muốn ở lại thêm vài năm nữa.

Sài Gòn là thành phố của sở chỉ huy, có thể tác nghiệp và vui thú trong mối quan hệ riêng tư không như Đà Nẵng nơi những tổ chức tin tặc mạch và

đụng với sự tức giận của quân đội tại các trung tâm thông tin hải quân. Dường như mọi đại biểu quốc hội, nhân viên thông tin từ Hoa Kỳ, thậm chí những nhà hoạt động nhân quyền tới thăm thành phố này chỉ vì hải cảng cũ đã được xây lại như sở chỉ huy hải quân Hoa Kỳ và trở thành cửa ngõ cho chiến tranh phía bắc. Đi ra Đà Nẵng, họ có thể nói họ đã tới thăm mặt trận mà thực tế không phải như vậy.

Tôi thường xuyên bay ra Đà Nẵng trên chiếc C-130 của Không quân Hoa Kỳ. Văn phòng Hải cảng Không quân 12, một tòa nhà bằng gỗ mới được dựng lên, là nơi dừng chân của binh lính từ Hoa Kỳ tới bắt đầu nhiệm vụ tại Việt Nam và đó cũng là nơi họ được khởi hành về lại quê nhà một năm sau nếu sống sót trong cuộc chiến.

Nếu may mắn tôi sẽ được một xe jeep chờ ở trung tâm báo chí do một lính thủy đánh bộ thân thiện lái hướng ra khỏi cổng chính để ngắm quang cảnh Đà Nẵng, trong khi anh ta phải bám còi inh ỏi để lườn lách qua những con phố ồn ào, đông đúc và xe ba gác bán rong, xe khách chở quá tải có nguy cơ đâm vào nhau. Chúng tôi đi dọc theo dòng sông trong thành phố và thường rẽ quanh bảo tàng Chăm, một kiểu kiến trúc đẹp gồm nhiều hình điêu khắc khéo léo trên đá cẩm thạch Hindu là những gì còn lại của một dân tộc cách đó năm thế kỷ.

Phía sau điều hoành tráng thường là điều nực cười, một nhà nghỉ lợp mái tôn xiêu vẹo trong hàng rào cao. Cổng chính do một người Việt nhà giàu gác mà chúng tôi gọi là Lùn. Một biển màu vàng đỏ treo ở cổng “Trung tâm báo chí 111 MAF”, từ viết tắt của Lực lượng lính thủy đánh bộ 3. Ở trung tâm là một bể nước cao và bên dưới là một boong ke. Ở đoạn cuối sông là một lán hình A được gọi là nhà Tưởng niệm Chapalle Dickie, không phải là nhà thờ nhưng lại là trung tâm của các chiến dịch nơi lính thủy đánh bộ đưa ra các thông cáo chiến tranh và các phóng viên có thể thu thập thông tin nếu họ hiểu được những cú điện thoại gọi về cho các văn phòng Sài Gòn.

Phía sau lán ở bờ sông là bến tàu bằng gỗ ọp ẹp, xung quanh có hàng rào thép gai bụi bặm và phía dưới là sông Hàn bình yên. Bên kia bờ sông là bóng dáng đồ sộ của những tòa nhà trụ sở chỉ huy của lính thủy đánh bộ, phía xa nữa là biển Đông và những bãi cát hiện ra, màu nước trong lành âm áp.

Lán AP như chúng tôi gọi, nơi chỉ có những chiếc giường đơn dành cho 3 người luôn không được dọn dẹp, khăn trải giường bẩn thỉu kéo lê trên sàn nhà bụi bặm nằm giữa đống lộn xộn can bia và những chai rượu whisky trống rỗng cùng những mẫu thuốc lá. Khu trại lính có dịch vụ dọn dẹp nhưng chẳng bao giờ sử dụng vì thường có người ở trên giường và khóa trái cửa để trốn tránh những chuyến hành quân cực nhọc hoặc say rượu.

Trung tâm báo chí Đà Nẵng do các nhân viên lính thủy đánh bộ quản lí.

Đôi khi chúng tôi tự hỏi không biết những người này làm gì và không biết tại sao họ lại ở vị trí đó. Rõ ràng họ làm việc với chúng tôi là không thích hợp vì chẳng ai có kinh nghiệm làm việc với giới báo chí cả. Nếu như điều chết tiệt trên thế giới này đây một nhân viên lính thủy đánh bộ vào thời chiến thì chính là đây. Không giống như lính thủy đánh bộ, chúng tôi thường ngủ muộn, hiếm khi cạo râu, thường ăn mặc luộm thuộm, không có kỉ luật và thường say vào chập tối cãi lộn, đánh nhau vì những chuyện không đâu. Họ nhận xét chúng tôi là những người không yêu nước khi đang xảy ra chiến tranh và khi nói về vai trò của lính thủy đánh bộ.

Thiếu tướng Joel Martin, một nhân viên trung tâm báo chí trước đây, người chỉ huy lính ở chiến trường khi tức giận với giới truyền thông của mình từng nổ súng bắn vào máy bán hàng tự động trong một quán bar và chửi: “Nhận lấy điều này, Morley Safter, mày là đồ chó cái”. Tôi thông cảm với Martin và sau những cuộc cãi nhau âm ỉ giữa ông ta với tôi và các đồng nghiệp của tôi, đôi khi chúng tôi thường ngồi uống bia trên bến tàu bằng gỗ vào đêm khuya và nói chuyện về chiến tranh, khi cơn giận đã dịu đi và hơi men làm chệnh choáng anh ta lại ngâm nga bài hát “tôi thuộc về Glasky” làm khuấy động cả mấy con chó đi tuần ở sở chỉ huy lính thủy đánh bộ bên kia sông.

Eddie Adams đã trở lại Việt Nam cố gắng làm dịu vùng nước khuấy động của trung tâm báo chí Đà Nẵng bằng cách mở một câu lạc bộ ngu ngốc mà anh ta gọi là TWAPS. Anh ta thu lệ phí năm đô la từ các đồng nghiệp chủ chốt, bắt họ đeo một chiếc mở nắp chai GI quanh cổ khắc những chữ Head Twap, và yêu cầu những dấu hiệu bí mật và mật khẩu từ các thành viên. Anh ta quyết định kết nạp một thành viên danh dự, chỉ huy lính thủy đánh bộ, Thiếu tướng Lewis Walt người được biết đến như một tay chơi thể thao cừ khôi.

Eddie tổ chức một bữa tối bít tết trên bờ sông Hàn với những chiếc bàn ở nhà hàng của trung tâm báo chí trải khăn bằng vải lanh trắng xếp theo hình chữ U lớn. Tướng Walt đến muộn và khi ông ta đến cùng hai nhân viên cấp dưới, trời đã tối, hầu hết giới báo chí đã say và náo loạn, bầu trời phía trên ngọn núi đá cẩm thạch ở khoảng trung đang lóe lên những vệt sáng trắng khi những trực thăng bắn phá du kích Việt Cộng.

Eddie mặc chiếc áo khoác màu đỏ bằng vải satanh cài hàng tá huy hiệu quân đội rẻ tiền mua ở chợ đen Đà Nẵng, chiếc mũ sắt của anh ta chụp xuống. Anh ta yêu cầu tướng Walt đứng dậy giơ tay phải lên và nhắc theo anh ta: “Khi bị bắn tôi phải thét lên “Báo chí” (từ tiếng Việt cho các nhà báo)”, vị tướng làm theo một cách gượng ép và Eddie tiếp tục: “Khi tôi mắc một loại bệnh xã hội tôi phải thông báo cho tất cả các thành viên khác của

TWAPS tên người lây bệnh”. Vị tướng cười với câu này nhưng Eddie với khuôn mặt tỉnh bơ tuyên bố: “điều này rất quan trọng”. Sau đó Eddie đưa ra một kẹp cà vạt bằng vàng có khắc biểu tượng TWAPS mà ông ta hứa sẽ đeo với niềm tự hào. Chúng tôi bắt tay vị tướng đêm đó mặc dù không có sự cải thiện ngay lập tức trong mối quan hệ của chúng tôi với nhân viên trung tâm báo chí nhưng tất cả đều thưởng thức bữa tối miễn phí một cách ngon lành.

Năm 1967 dường như có hai cuộc chiến về Việt Nam đang diễn ra, một cuộc chiến trong những tòa nhà chỉ huy có điều hòa ở Sài Gòn, Long Bình và Đà Nẵng và một ở Lầu Năm Góc khi những nhân viên bắt tay với những tay chỏ sẵn trơ tráo cùng bảng thống kê đã được điều chỉnh về tỉ lệ thương vong, đảo ngũ, các chương trình bình định và số lượng tấn bom. Trong những con số dự đoán bí mật đó là khúc khải hoàn chiến thắng đang lôi kéo Tướng Westmoreland, vị đại sứ mới Ellsworth Bunker và Tổng thống Hoa Kỳ công bố với một dân tộc đang lo lắng rằng “ánh sáng ở cuối đường hầm và những cậu bé Mỹ sẽ nhanh chóng trở về nhà”.

Và sau đó là một cuộc chiến khác ngày càng đẫm máu, ác liệt của những chiến trường đạn bom dội đi dội lại vẫn trên những ngọn đồi và thung lũng đó, với những quan tài phủ cờ trở lại quê hương được những người thân đón nhận với đôi mắt u buồn, của những thùng napan kinh hoàng dội trên những ngôi làng lợp mái lá, của những người tù bị mất và những cánh đồng của người nông dân không còn chỗ của một dân tộc thách đố chiến lược tiêu hao sinh lực của Mỹ...

AP viết về những cuộc chiến tranh này và tôi thường lo lắng những câu chuyện của chúng tôi sẽ làm cho độc giả lúng túng như thế nào. Những đánh giá của tôi xuất hiện trên những trang nhất của các báo cùng “những bài” phóng sự của AP về những quan điểm tích cực về chiến tranh từ quốc hội Mỹ, từ Lầu Năm Góc và những bài phát biểu thường xuyên trên truyền hình của Tổng thống Johnson. AP không can thiệp các dòng tin tạp nham. Nhưng có một khoảng cách lòng tin to lớn ngày càng hiện thực hóa mà chắc sẽ hủy hoại danh tiếng của một người nào đó.

Mùa xuân 1967 tôi theo chiến dịch “Junction City” đến vùng chiến khu C nơi có Sư đoàn Lính bộ 1 của Tướng Depuy và Sư đoàn Tia chớp Nhiệt đới 25 tập hợp cho nhiệm vụ quân sự lớn nhất của cuộc chiến, huy động tới 45.000 lính Mỹ ở vùng rừng rậm tìm kiếm sào huyệt chỉ huy Việt Cộng. Khi nhiệm vụ kết thúc, Thiếu tướng Jonathan Seaman nói với chúng tôi tại cuộc họp báo: “Chúng tôi không bắt được McNamara của họ nhưng ít nhất cũng ở bên ngoài Lầu Năm Góc của họ”. Phép loại suy của ông ta để lộ một vấn đề đang xuất hiện mà thậm chí một cuộc hành quân hùng mạnh quân đội Mỹ từ trước tới giờ cũng không thể đánh dấu những chiến thắng mang tính chất quyết định đối với phía cộng sản, và không một thao tác thống kê nào có thể

tính toán hết thất bại đó.

Tướng Seaman là một sĩ quan đáng kính luôn động viên chúng tôi khi làm tin và tôi muốn tin ông ta tuyên bố cái chết của 143 lính Mỹ trong chiến dịch “Junction City” là đáng giá vì họ đã xuyên thủng nơi ẩn náu của cộng sản và giết 1.243 binh sĩ Việt Cộng. Westmoreland phát biểu trong cuộc phỏng vấn với AP rằng Hoa Kỳ sẽ tiếp tục “thăm sát họ tới khi Hà Nội tỉnh ngộ rằng họ làm đầm máu đất nước của họ tới một thảm họa quốc gia cho nhiều thế hệ”. Điều đó trở nên rõ ràng mặc dù trong chiến dịch rộng lớn này- và trong các chiến dịch khác đều tiến hành và đi theo điều đó – thậm chí nếu số thương vong của kẻ thù là chính xác thì sự hy sinh của người Mỹ rõ ràng đầy mục tiêu chiến tranh lên phía trước.

Tất nhiên, John Paul Vann và những người quan sát khác cũng cho rằng Hoa Kỳ đang mạo hiểm chính mình nếu như mục tiêu chiến tranh còn tiếp tục. Cuộc tranh luận của Vann là có cơ sở: phía cộng sản đang lôi kéo lực lượng Mỹ vào chiến trường và sẵn sàng chấp nhận thương vong nặng nề, mục tiêu của họ là ván bài sinh tử với Mỹ để làm thất bại lòng tin về cuộc chiến tại chính quốc. Vann đưa ra một biểu đồ cho thấy những trung đoàn Bắc Việt và Việt Cộng đang chọn thời gian và địa điểm cho chiến trường. Khi tổn thất của họ cao, họ trở lại những căn cứ trong rừng gần biên giới Lào và Campuchia nơi họ gây dựng lại lực lượng và lại xuất hiện vài tháng sau đó.

Vann kết luận rằng khi một trung đoàn Bắc Việt vào trận chiến ở miền Nam, thì việc tăng quân cho trận chiến tiếp theo đã sẵn sàng rời Hà Nội hướng theo đường mòn Hồ Chí Minh. Đó là những người lính tin rằng cách mạng sẽ thắng lợi và họ “sinh ra ở miền Bắc để chết ở miền Nam”. Dòng người Nam tiến không ngừng và ngày càng đông đảo.

Những biểu đồ ớn lạnh không thể chối cãi. Mặc dù các chiến dịch dội bom dữ dội ở miền Bắc và sử dụng vũ khí bắn phá oanh tạc ở miền Nam ngày càng dày đặc, nhưng số lính Việt Nam bị giết vẫn ít hơn số các bé nam sinh ra. Theo Vann, cuộc chiến đang tiếp diễn là vô hạn nếu không được mở rộng tới mức độ có thể là không chấp nhận được với những người Mỹ hoặc cách tính toán về cơ bản phải sửa đổi.

Vann, người đã nghiên cứu trong vòng một năm để trình bày những quan điểm của mình cho Robert McNamara nghe và nói với tôi anh ta đã thành công vào tháng 7-1967 trong một chuyến đi tìm hiểu ít thực tế cuối cùng của Bộ trưởng quốc phòng tới Việt Nam. Vann tiết lộ rằng người bạn Dan Ellsberg của anh ta đã đi cùng chuyến bay với Bộ trưởng tới Sài Gòn và trình bày với ông ta về một chính sách sửa đổi. Chúng tôi ngạc nhiên khi biết rằng McNamara đang mất dần nhuệ khí cho cuộc chiến và ông ta từ chối thực

hiện yêu cầu của Westmoreland muốn một đợt tăng quân khác với lực lượng 466.000 lính đã được tập hợp và ông ta muốn lực lượng Cộng hòa tham gia nhiều hơn vào các cuộc hành quân.

Nhưng những “con chó” của chiến tranh mà Mcnamara tháo xích đã lâu sẽ không dễ bị bịt mõm bởi suy nghĩ thứ hai của ông ta. Chúng cũng không được Nhà Trắng giữ lại kiểm soát khi bước vào một năm bầu cử.

Mùa thu năm 1967, tôi viết một bài về sự bế tắc của chiến trường. “30 tháng của cuộc chiến gian khổ và không mang lại kết quả”. Việt Nam buộc các chỉ huy quân sự Mỹ phải nhận ra thực tế quan trọng: nếu lực lượng quân lực Cộng hòa không có nhuệ khí, không trở thành nòng cốt thì lính Hoa Kỳ sẽ bị chốt chặt ít nhất một thập kỉ chỉ giữ được cái mũ của Việt Cộng trên khắp cả nước”. Tôi nói rằng Westmoreland đã thử để chuyện đó tự diễn ra, “Để quân đội Cộng hòa tự nỗ lực khi kẻ thù bị lính thủy đánh bộ và bộ binh Hoa Kỳ đè bẹp” nhưng những chiến thuật này bị sức dai dẳng của cộng sản phá ngang. Hy vọng về một chiến thắng thần tốc đã “đào mồ cùng gần 13 nghìn lính Mỹ đã chết”.

Sự tham gia của tôi chỉ là cơn gió nhẹ trong luồng gió nhận xét bao trùm toàn cầu về Việt Nam nhưng tôi muốn tin rằng nó hàm chứa một vài nét quan trọng. Nhiều nơi trên thế giới đang đặt câu hỏi về vai trò của Mỹ ở Việt Nam cũng như rất nhiều người ở Hoa Kỳ không tin Việt Nam đáng là nơi để Mỹ phải đổ máu và tiền bạc. Tôi không phản đối cuộc chiến nhiều nhưng tôi cần sự chính xác. Tôi tin rằng sự thật được tìm ra ở chiến trường chứ không phải ở trong các phòng chỉ thị.

Tôi tiếp tục theo những lính Mỹ vào chiến trường cùng đám đông không kiên nhẫn, các phóng viên đều tranh luận về các câu chuyện. Tướng Depuy chỉ cho tôi một hiện tượng mà ông ta thấy rõ trên chiến trường rằng cuộc chiến có đặc điểm do những chu trình hành động của cộng sản lên tới đỉnh điểm rồi biến mất nhưng mỗi một chu trình mới thì đỉnh điểm cao hơn chu trình trước.

Ở Đắc Tô, vùng cao nguyên xa xôi vào một ngày mưa tháng 11, đỉnh điểm đã lên tới mức cao nhất và trở thành kinh nghiệm mất nhuệ khí nhất trong cuộc đời tôi trận chiến Đồi 875.

Bắc Việt chọn thời gian, địa điểm chiến trường và chiến lược của Westmoreland đưa ông ta vào cuộc chiến ở đó theo chu trình khi mùa mưa luôn sau mùa khô.

Vùng thung lũng Đắc Tô và địa hình quanh đó, xa vùng biển đông dân cư, đặc biệt dành cho những kẻ săn mồi lớn thích một vụ mùa săn các động vật hoang dã như báo, hổ, báo đen, voi và bò rừng. Các nhà côn trùng học tìm kiếm những loài bướm quý hiếm và say sưa với những chu trình côn trùng;

các nhà nhân loại học viết những nghiên cứu thực nghiệm về các tộc người ban sơ sống ở đó như người Gia Lai, Mèo, Êđê, K'ho và người Vân Kiều. Sự hẻo lánh đã biến vùng này thành thành trì giá trị cho những hoạt động phản kháng chống lại thực dân Pháp. Cũng chính sự biệt lập này đảm bảo làm nơi sử dụng cho lực lượng miền Bắc tiến vào Nam.

Hai năm trước đây, cộng sản phá vỡ hai chốt duy nhất của chính phủ ở vùng thung lũng, thị trấn của Tou Morong và doanh trại Lực lượng Đặc nhiệm Hoa Kỳ ở Đắc Sút và họ vẫn là mối đe dọa đối với một số nhân vật khác của chính phủ vẫn còn bám trụ.

Westmoreland tuyên bố trước công chúng về hiệu quả của chiến thuật tìm và diệt kẻ thù của ông ta. Miền Bắc Việt Nam đáp trả những lời huênh hoang của ông ta bằng cuộc chiến ở mạn và đỉnh đồi Đắc Tô. Dưới những nơi trú ngụ của khu rừng mái che ba chiều, ngoài tầm ngắm, Việt Cộng đào những boongke mở rộng và hệ thống hầm hào dẫn tới các hang có sẵn bằng gốc cây và những bức tường đan bằng tre. Mỗi hệ thống boongke lên đỉnh đồi đều được xây để chịu được những trận bom oanh tạc dữ dội nhất, một số được thiết kế giúp người cư trú chống thứ vũ khí kinh hoàng nhất sử dụng ở Việt Nam: Napan.

Chiến dịch tìm và diệt của Westmoreland dẫn ông ta vào những cái bẫy đã được gài sẵn. Con đường duy nhất dẫn tới chiến thắng ở Đắc Tô là con đường chính xác, đối mặt trực tiếp kẻ thù và tiêu diệt chúng, những người cộng sản đã chuẩn bị trận địa và sau đó họ cài bẫy, một trận mai phục nhỏ bắt đầu từ một rừng tre rậm nhất chống lại một trung đội lính nhảy dù Mỹ đầu tháng 11 thu hút sự chú ý của chỉ huy cấp cao. Lá bài đó được sử dụng vào ngày 6-11 khi họ giết và làm bị thương hầu hết một đại đội lính nhảy dù của Lữ đoàn Không vận 173. Westmoreland nắm lấy con mồi, lệnh cho Sư đoàn lính bộ 4 của quân đội Hoa Kỳ tham gia vào cuộc xung đột dưới sự chỉ huy của Tướng William R. Peers, người đang chờ đợi đến mất kiên nhẫn những dấu hiệu của cộng sản và muốn chiến đấu.

Tôi bay tới Đắc Tô vào giữa tháng 11, cùng đội phóng viên AP đã tập trung ở đó. Lúc này bốn trung đoàn bộ binh Bắc Việt xuất hiện ở các ngọn đồi xung quanh với khoảng 12 nghìn quân, lớn nhất từ trước tới giờ tập trung để chống lại người Mỹ và tôi kinh hoàng chứng kiến khi đường chân trời quanh tôi vang dội tiếng súng pháo binh trong khói và các cuộc phản công không quân chống lại họ. Các đồng nghiệp nói với tôi về những trận chiến trên đồi khốc liệt đang nuốt chửng các đại đội bộ binh. Nhưng tin tức về cuộc chiến rất khó tiếp cận vì cộng sản có thể chuyển những người bị thương về tuyến sau, thậm chí dành toàn bộ trận chiến đó là cái bẫy để lôi các đơn vị Mỹ ra khỏi các vùng dân cư để tiêu diệt.

Vào ngày 18-11, chúng tôi biết ba đại đội lính nhảy dù từ Tiểu đoàn 2 của Lữ đoàn Không vận 173 bị đánh vào sườn phía tây và phía đông gần đỉnh đồi 875 và họ chịu tổn thất nặng nề. Buổi sáng hôm sau, phóng viên AP, Lew Simons, Al Chang và tôi đi nhờ trên một chiếc xe jeep tới sở chỉ huy chiến trường của lữ đoàn, một cụm lán cách đường băng khoảng 2 dặm. Những giọt sương đọng lại và bụi bay lên khi chúng tôi đi nhanh dọc con đường bản thủ, làm những thanh niên người dân tộc đang đi trên đường chạy toán loạn. Chúng tôi dừng lại bên ngoài một lán có bản “PIO” sơn trên một chiếc hộp đựng khẩu phần ăn, văn phòng thông tin công cộng. Bên trong là một đội của CBS đang cố gắng truyền thông tin về bằng điện thoại của chiến trường, một phóng viên không kiên nhẫn tức giận nói oang oang những thông tin mới nhất về cuộc chiến.

35 phóng viên và nhiếp ảnh tập trung lại khi một sĩ quan thông báo với chúng tôi rằng tình hình xấu hơn ở đồi 875. Cộng sản ở các boongke liên tục bị ném bom, một đơn vị Mỹ đang chiến đấu giành sự sống và trận đội bom nhằm của một máy bay không quân đã giết chết 20 lính bị thương trước đó. Tám chiếc trực thăng bị bắn hạ khi cố gắng di chuyển những người bị thương khác vào sáng hôm đó. Không có cách nào để đưa những lính bị thương hoặc bất kì ai ra khỏi chiến trường.

Lữ đoàn đang tìm cách giải cứu và gửi vào thêm ba đại đội bộ binh ở Tiểu đoàn 4 đi bộ qua rừng với nhiệm vụ tìm đường tới phía sườn đồi. Ba người trong chúng tôi có thể đi cùng nếu muốn đi. Khi sĩ quan đưa ra thông báo đó, tôi biết rằng tôi phải tham gia cùng với họ. Tôi đứng xếp hàng đòi quyền lợi của mình như một đại diện của AP khi một sĩ quan cao cấp hỏi. Tom Cheatham của UPL yêu cầu được đi, và sau khi một số người cầu nhau, nhóm cũng đồng ý cho một phóng viên truyền hình tự do người Việt là người thứ ba tham gia. Tôi nhìn thấy biểu hiện ghen tị trên vài khuôn mặt đồng nghiệp của mình nhưng nói chung hầu hết đều đồng ý.

Ba chúng tôi lên một trực thăng đợt sẵn và bay về Căn cứ Pháo 16, một vị trí pháo binh ở thung lũng, một mặt là rừng xa Đắc Tô cách biên giới Campuchia hai dặm nơi không khí bốc mùi thuốc nổ không khói tỏa ra từ sườn một đồi phía nam. “Đồi 875 đang cháy”, một trung sĩ đi cùng chúng tôi nói.

Chúng tôi đi bộ về nhóm chỉ huy lữ đoàn đang rà soát trên bản đồ trải trong boongke bằng bao đựng cát và thay vì một lời chào chúng tôi nghe thấy câu “Các cậu đến quá muộn”, từ vị chỉ huy lữ đoàn, người đang vẫy tay về phía đồi. “Họ đã rời đi cách đây một giờ”.

Tôi biết rằng Lữ đoàn trưởng, Tướng L.H. Schweiter, người đã chỉ huy đơn vị suốt ba tháng tỏ ra thân thiện với phóng viên và tôi mong sự giúp đỡ

của ông ta. Ông ta đồng ý cử một lính nhảy dù hộ tống chúng tôi trên con đường rừng tương tự mà những người lính bạc mệnh đã đi những ngày trước đó và sau đó là một đội giải cứu đã đi theo họ. Chúng tôi đi như chạy: giờ đã là trưa và còn phải đi vài dặm nữa.

Vượt xa căn cứ pháo, con đường biến mất sau khe núi. Chúng tôi đến đỉnh núi có những hàng tre mọc dày đặc và những bụi cây thấp làm cho việc đi lại khó khăn. Chúng tôi tiếp tục đi và đến chiều. Chúng tôi vấp ngã và phải bò theo đường đuối theo những thành viên còn lại của đội giải cứu. Người tôi ướt đẫm mồ hôi, cổ họng khát khô nhưng lưỡng lự uống bình nước của mình vì nơi chúng tôi đang đi không có chỗ lấy nước.

Chúng tôi tìm được nhóm chỉ huy đại đội, nơi sĩ quan bàn bạc ý kiến trên bộ đàm với các đơn vị phía trước và bắt đầu trèo lên một cách cẩn thận lo sợ bị mai phục.

Vào cuối chiều, khung cảnh thay đổi trong rừng sâu với những cây gỗ tẻch, cây dái ngựa, và chúng tôi bước qua những cành cây bị đốn ngã do đạn H & I bắn và nhằm ngăn cản sự di chuyển của các đơn vị pháo binh Mỹ. Khi trời tối chúng tôi vẫn còn hai dặm nữa thì tới đồi 875. Đại đội dẫn đường tìm thấy một đường mòn nhỏ và tất cả năm trăm người chúng tôi di chuyển theo hàng đơn, sợ bị mai phục và nắm lấy thắt lưng nhau để khỏi bị lạc trong đêm tối. Những tay súng mai phục nổ hàng loạt đạn rú lên quanh chúng tôi. Chúng tôi ẩn mình vào các bụi cây, ôm lấy mặt đất và chỉ tiếp tục đi khi mọi thứ lắng xuống.

Bóng tối dày đặc tới mức tiểu đoàn trưởng gọi pháo sáng từ Căn cứ Pháo binh 16 và chúng tôi tiếp tục hành trình còn lại trong sợ sệt nhờ những vệt sáng chiếu qua vòm cây phía trên. Vào lúc 9 giờ, chúng tôi đã tới sườn đồi 875, sử dụng những dây leo trên cây phía trên dẫn đường. Phía trước khu rừng vang dội bom đạn, những thân cây bị xé toạc vẫn đứng trơ trụi trong ánh trăng.

Chúng tôi bắt đầu nhìn thấy các xác chết xung quanh mình và một người lính đứng gần tôi khóc thét lên, “ôi hãy nhìn những người kia, tất cả đều đã chết”. Khi định hình rõ ràng tôi nhận ra đó không phải là những xác chết người Việt mà là người Mỹ, nạn nhân của trận chiến hôm trước vẫn nằm lại đó, những bộ quân phục, giày và vũ khí đã bị Việt Cộng lấy đi. Vào lúc mười giờ, đại đội tăng cường của chúng tôi đã tới nơi những người còn lại của Tiểu đoàn 2, chúng tôi bước đi vài trăm thước cuối cùng thận trọng hơn và trong im lặng, tất cả đều nhận thức đang ở trong khu vực giết chóc trên quả đồi bị bỏ rơi.

Chúng tôi tiến lên phía trước và hiểu ra những gì nhìn thấy: những xác lính nhảy dù nằm sõng soài nơi họ đã ngã xuống và phía sau những cành cây

đáng thương là những người bị thương. Có một vài nhóm, một số bị thương ở đầu, ở ngực, băng bó rất nặng còn số khác bị thương ở chân, ở tay không được chăm nom, máu thấm qua tay áo và quần họ.

Một người thì thảo hỏi nước và tôi đưa cho anh ta chai nước. Anh ta nói với tôi rằng đã nằm ở đó được 36 giờ và chờ được chuyển đi. Anh ta đã chứng kiến trận đánh bom nhằm giết chết 30 người bạn của anh ta và 11 trong số 12 bác sĩ quân y đã bị giết chết khi đang giúp những người bị thương. Anh ta chắc rằng mình sẽ chết.

Những người lính vẫn có thể sống sót nếu họ biết cách tập hợp nhau tránh xa boongke của người Bắc Việt trong bán kính 46m. Lính làm nhiệm vụ giải cứu mà tôi đi cùng hứa đưa một trục thăng vào và hạ cánh bên ngoài khu rừng trong buổi sáng để đưa những người bị thương ra nếu lính Bắc Việt ở vị trí bắn phá cách đỉnh đồi không quá 90m.

Tôi tìm thấy một khoảng đất trống và mượn dụng cụ đào hầm của một người lính bắt đầu đào một hố nông để qua đêm nhưng một xác người đã được chôn ở đó bởi vụ nổ ban sáng lộ ra với những mảnh sắt bám vào da thịt. Tôi sợ hãi, bước lùi lại vấp phải cái gì đó mềm và phát hiện ra đó là một cánh tay thò ra từ một cái xác khác. Tôi nhìn mình và cảm thấy choáng váng. Tôi là kẻ xâm hại và tọc mạch trên mảnh đất kinh hoàng đó. Tôi tự hào về sự suy xét độc lập trong nghề nghiệp của mình nhưng giờ cảm thấy xấu hổ với thái độ trung lập của mình, vô dụng với những cuốn ghi chú, máy ảnh và chai nước. Tôi thậm chí không mang theo một khẩu súng do vậy chỉ là cái nợ đối với những người đang chiến đấu một mất một còn.

Tôi cố gắng ngủ trong một cái hố nông bới bằng tay. Khi tỉnh dậy, mùi xác chết tỏa ra nồng nặc không khí. Tôi vừa dụi mắt thì nghe thấy tiếng súng cối gần đó, và những âm thanh vang trời của vụ nổ kinh hoàng xung quanh chúng tôi. Lính chạy vào boongke trú ẩn. Tôi nhìn thấy một người bị thương đang bò về phía cây và đóng bần thủ. Những mảnh đạn bay trên đầu khi tôi nằm xuống mặt đất. Một nhóm lính mà tôi vừa chào buổi sáng cách đây vài phút đã không gặp may. Họ đang bị thương quần quai trong đồng rác.

Bắn phá vẫn tiếp tục buộc tôi bò vào một boongke, nơi ba lính nhảy dù đang gập cong người. Một trong số họ là binh nhất Angel Flores đến từ thành phố New York. “Nếu chúng tôi chết như những người ngoài kia, chúng tôi không phải lo lắng về những điều vớ vẩn này”, anh ta lẩm bầm như nói với chính mình, ngón tay đẩy chuỗi hạt bằng nhựa xung quanh cổ và hôn nó một cách tôn kính. Một trong những người bạn của anh ta hỏi: “cậu làm vậy để lấy may à?” và người binh nhất trả lời, “ừ, tớ vẫn còn sống”. Người bạn anh ta đáp: “Khỉ thật, tay sĩ quan tuyên úy cho cậu tràng hạt đó chết hôm Chủ nhật rồi” và Flores gật đầu nhưng vẫn tiếp tục hôn tràng hạt.

Tiếng pháo cối dừng, rocket rít qua rừng cây và tôi đẩy mình ra khỏi boongke để nhìn xung quanh. Tôi đi cùng chỉ huy trung đội, trung úy Bryan Macdonough ở tại boongke của anh ta nhìn về phía đồi. Anh ta nói rằng 8 sĩ quan cấp dưới đã chết, 8 người khác bị thương và giờ chỉ còn lại 9 người. Họ đang ở trong những vị trí bắn phá xung quanh, chờ đợi lực lượng tăng cường mang súng phun lửa vào và từ chối làm trách nhiệm cuối cùng lên ngọn đồi. Trong khi ngồi cùng họ thì một trực thăng cố gắng hạ cánh trong khu vực lân cận chúng tôi và một súng máy tạt vào nó cách đó 46m từ trên đồi và một lính thét lên kích động “Chúng ở đó, chúng tiến gần hơn” và đáp trả bắn phá bằng khẩu M-16.

Trung úy gọi về chỉ huy ở Căn cứ Pháo binh bằng bộ đàm, gọi thêm không quân tấn công – điểm chết đầu tiên ngày hôm đó – hạ cánh sát trên đầu chúng tôi, dội napan và bom vào người Bắc Việt mà không nhận thấy rõ hậu quả. Khi máy bay cất cánh, đạn lại tiếp tục bắn phá và số người chết lại tăng lên.

Tôi trở lại boongke của binh nhì Flores và nhận thấy mái boongke rất mỏng. Trong lúc đợt tấn công không quân phân tán kẻ thù, tôi trèo ra ngoài cùng chiếc xẻng đào một hố nằm khác. Tôi chứng kiến chiếc máy bay A-3 lao xuống thấp và nhìn thấy hai luồng đen lao ra từ trái bom nổ giống như những gã nặng 113kg. Tôi chờ chúng bay qua đầu nhưng chúng vẫn tiếp tục lao về phía tôi. Chính lúc này tôi biết mình đang nhìn thấy thần chết trên khuôn mặt và tôi không có thời gian để hoảng sợ mà chỉ phân vân thi thể của mình sẽ trông như thế nào, vỡ tan thành hàng nghìn mảnh khi nổ?

Hai quả bom rơi cùng một lúc, một rơi cách xa phía bên tay phải tôi trong một boongke trống và nổ vô hại. Trái còn lại đáp ngay trước mặt tôi cách khoảng 14m vào rễ một cây già. Thật kì diệu là nó không nổ.

Cheatham, tôi và tay đồng nghiệp người Việt quyết định di chuyển xuống đồi tới vùng hạ cánh ra khỏi khu rừng khi đã “lĩnh đủ”. Những người bị thương tập trung thành những hàng dài, hầu hết bị thương nặng được các bác sĩ quân y băng bó cẩn thận bằng áo ponsô (loại áo choàng bằng một tấm vải to có khe hở ở giữa để chui đầu qua). “Chết tiệt, thật xấu hổ họ vẫn chưa mang chúng ta ra khỏi nơi này”, một trung sĩ gào khóc, anh ta đã nằm trên đồi 50 tiếng với vết thương nghiêm trọng ở háng. Những người khác không ngừng kêu rên, máu thấm qua băng và đôi mắt họ trở nên vô hồn. Những trực thăng cứu viện đang đến và đạn vẫn tiếp tục bắn.

Trong lúc chờ đợi để được ra ngoài, chúng tôi phải nhồi nhét nhau trong một hố nhỏ. Tôi đang cầu nguyện để được sống và ra khỏi đồi an toàn sau những gì được chứng kiến. Cuối cùng chúng tôi cũng được gọi, lao tới nơi có một trực thăng lên thẳng đang bay trên đầu chúng tôi. Người phi công thét

gọi: “Đây là chuyên cuối cùng trong ngày. Chúng tôi đã vận chuyển 140 người bị thương, 90 người chết và 3 phóng viên ra khỏi nơi này”. Tôi vẫy anh ta cảm ơn và leo lên trực thăng, nắm vật trên sàn khi trực thăng lên thẳng và ở nguyên vị trí đó một lúc bởi tôi đang khóc.

Chiếc trực thăng thả chúng tôi xuống phía cuối đường băng Đắc Tô. Tôi nhìn những căn lều và những bức tường bọc cát hàng rào sở chỉ huy quen thuộc thăm biết ơn. Trong đó sẽ có võng ngủ, nước uống và đồ ăn cho tôi.

Khi chúng tôi tới hàng rào thì nghe thấy ai đó hét lên: “Xung phong!” và tiếng nổ vang trời. Chúng tôi đang trong trận pháo cối tấn công từ các đồi. Có tiếng nổ, va đập. Lại một lần nữa tôi tìm nơi trú ẩn, trong đêm đặc biệt này tôi sống sót để chứng kiến tất cả, tôi bước tới boong ke gần nhất tham gia cùng những người lính đang tùm tùm bên trong.

Đêm đó, tôi gặp phóng viên AP John Lengel tại lán báo chí Sư đoàn 4 và anh ta nói với tôi việc liên lạc với Sài Gòn là không thể vì tắc nghẽn điện thoại. Tôi thậm chí chẳng cố gắng để liên lạc.

Tôi thức dậy lúc bình minh, đi bộ tới hàng máy bay nằm dưới lớp sương mù phủ trùm như tấm rèm che các đồi lân cận. Tôi nhìn thấy phần còn lại của hai máy bay chuyên chở phía cuối đường băng, những nạn nhân của vụ bắn phá chiều hôm trước.

Trong vòng một giờ một trực thăng tiếp tế C-130 của lực lượng không quân Hoa Kỳ lượn qua những đám mây và vuron lên với tiếng rú thả kiện hàng – những thùng đạn dược. Cánh quạt tiếp tục quay và không đủ kiên nhẫn, rời khu vực trong vệt vàng. Tôi giơ thẻ báo chí cho cơ trưởng khi leo thang lên máy bay. Anh ta tháo tai nghe, hét lên “Cậu không muốn biết chúng tôi sẽ đi đâu à”, và tôi trả lời “tôi không quan tâm, chỉ cần đưa tôi tới nơi nào có điện thoại”.

Chúng tôi hạ cánh tại Quy Nhơn, trung tâm tiếp tế bờ biển cho Tây Nguyên, nơi tôi biết có một văn phòng thông tin quân sự. Tay trung sĩ phụ trách cho tôi mượn máy đánh chữ và tôi ngồi đó khá lâu, suy nghĩ không biết sẽ miêu tả thảm kịch đã chứng kiến ở đồi 875 như thế nào, và nên đánh giá ra sao về sự thật của cuộc chiến. Tôi bắt đầu đánh máy và gọi trung sĩ vào giúp gọi điện cho văn phòng AP ở Sài Gòn và đọc chính tả câu chuyện của tôi từng trang một để kịp hạn nộp bài vào buổi trưa. Anh ta buộc phải đọc trang đầu tiên trên điện thoại trong khi tôi bắt đầu viết trang thứ hai.

“Chiến tranh quét lên một sắc màu ảm đạm và nhợt nhạt đối với cả người sống lẫn người chết trên đồi 875”, tay trung sĩ bắt đầu đọc “Cách duy nhất để phân biệt người sống và người chết giữa những người đàn ông kiệt sức là khi chứng kiến pháo cối của kẻ thù dội vào. Người còn sống đổ xô không một chút xấu hổ vào những boongke bé nhỏ được đào trên đỉnh đồi, người bị

thương thì quần quai bò tới ẩn nấp sau những bụi cây đổ xuống đất. Chỉ có người chết là không cử động, đứng sững trong các boongke hoặc nằm sõng soài trên đất nơi họ bị đạn hạ gục”.

Tôi nghe thấy trung sĩ há hốc miệng khi đọc bài của tôi nhưng anh ta cũng kiên nhẫn đọc hết mười một trang đánh máy. Ngay sau đó tôi trở lại sân bay, tìm cách quay về Sài Gòn cùng đồng phim ảnh của mình. Chuyến bay đầu tiên chở 100 xác lính ở Đắc Tô đựng trong những chiếc túi bằng cao su màu đen. Tôi là hành khách duy nhất còn sống, ngồi phía trước gần ca bin chở hàng. Những chiếc túi xê dịch trên sàn. Khi máy bay bắt đầu hạ cánh xuống sân bay Tân Sơn Nhất, chất nhờn từ những túi xác tràn lên mắt cá chân tôi.

Tôi vẫy một chiếc taxi bên ngoài sân ga. Người lái xe nghĩ rằng tôi là lính đang tìm vui thú ở Sài Gòn liền mời mua một túi cần sa với giá 5 đô la. Khi tôi từ chối, anh ta gợi ý gặp em gái anh ta. Anh ta bắt đầu đưa cọt về ngoài nhếch nhác của tôi nên tôi trả đũa bằng cách chửi thề vài từ tiếng Việt mà tôi biết vào tai anh ta. Tôi nhận ra mình bị căng thẳng bởi những gì xảy ra ngoài mong đợi.

Ed White và John Lengel ở lại cùng câu chuyện đồi 875 và viết “ngọn đồi cuối cùng cũng thuộc về lính Mỹ vào buổi trưa ngày lễ Tạ ơn nhưng phải trả giá bằng 120 mạng người tìm thấy và chỉ có một xác lính bắc Việt còn lại trên đỉnh đồi”.

Chiến dịch Đắc Tô tiêu hao sinh lực lính Mỹ nhiều hơn bất kì sự can thiệp nào vào cuộc chiến trước đó nhưng chính quyền vẫn đánh dấu đó như một chiến thắng khác, tăng giá trị cho thông điệp mà Tướng Westmoreland gửi tới Câu lạc bộ Báo chí quốc gia ở Washington vào cuối tháng 11 khi tuyên bố năm 1968 “sẽ là năm kết thúc chiến tranh”.

Merton Perry của tờ Newsweek ghé thăm văn phòng chúng tôi vào dịp Giáng Sinh và đã bị sốc. Anh ta nói rằng nhận được hầu hết chỉ thị tích cực nhất trong 5 năm ở Việt Nam từ sở chỉ huy Lực lượng Tác chiến 2 quân đội Mỹ tại Long Bình. Một vị tướng lâu năm quả quyết tất cả các đơn vị lớn của kẻ thù ở vùng rộng lớn xung quanh Sài Gòn đã bị phân tán và chạy sang Campuchia, tình hình an ninh được cải thiện rất nhiều..

AP yêu cầu tôi cung cấp bản đánh giá cuối năm, tôi miêu tả như cuộc chiến tranh trên hành tinh khác. Khi nhìn lại năm đó và những trận mà tôi đã viết, những cuộc đàm thoại với John Paul Vann và một số sĩ quan quân đội thẳng thắn, tôi kết luận rằng năm 1967 là màn dựng lên cho ván bài quân đội kết thúc ở Việt Nam vào năm 1968.

Tôi trích dẫn lời những người Mỹ nắm bắt tình hình dự đoán năm tiếp theo “Những trận đánh lớn nhất và đẫm máu nhất vẫn còn diễn ra mặc dù một năm dài đầy chiến dịch từ đầu đến cuối đất nước”. Tôi viết rằng cả hai

bên đều lạc quan, “Từ cách nhìn của họ cho thấy chỉ huy Mỹ vẫn còn phân tích Việt Nam dựa vào Chiến tranh thế giới thứ hai, còn những người cộng sản phân tích tình hình dựa vào cuộc chiến hất cẳng Pháp những năm 1950”.

Hanson Baldwin, phóng viên chiến trường xuất chúng của tờ Thời báo New York cũng viết một bài đánh giá về cuộc chiến. Anh ta thân cận, gần gũi với Westmoreland và bài viết đương nhiên phản ánh sự tự tin ngày càng tô hồng của vị chỉ huy tối cao.

Đêm giao thừa là đêm ngừng bắn cơ bản với chiến trường và bình yên với các đơn vị hành chính ở thành phố. Những người Mỹ trẻ ở đại sứ quán và các cơ quan Hoa Kỳ khác tổ chức bữa tiệc “ánh sáng ở cuối đường hầm” tiêu khiển bằng nhiều trò vui ma mãnh thể hiện công khai sự lạc quan, tự gọi họ là “những bông hoa của Sài Gòn” trên những giấy mời in cẩn thận.

Nina, tôi và các chị gái cô ấy đến một biệt thự đại sứ quán rộng rãi số 47 đường Phan Thanh Giản ở phía cầu Biên Hòa. Bữa tiệc diễn ra tốt đẹp. Một ban nhạc Việt Nam ở một quán bar vùng ven trung tâm chơi điệu nhảy fox-trots, các sĩ quan với khuôn mặt sáng ngời đang nghỉ phép từ những chốt ở vùng ngoại ô đang má áp má với các thư ký của đại sứ quán trong thành phố. Vài đại diện của chính quyền mới của Nguyễn Văn Thiệu đang lả lướt theo điệu nhạc trong đám đông.

Các nhà báo tụ tập tại bar quanh Barry Zorthian, người vận chiếc áo Hawaii màu sáng và trong lối đi quanh John Paul Vann, người đi cùng một nhân viên lâu năm ở đại sứ quán. Tôi tự hỏi, dù sao buổi tiệc cũng đã được tổ chức nhưng làm sao có nhiều nhân vật then chốt lại tụ tập một cách thoải mái trong khi chiến tranh vẫn đang diễn ra ở Sài Gòn? Nhưng chính tôi cũng phủ nhận, tôi uống, khiêu vũ qua đêm cùng với những người khác và vào buổi sáng chính tôi cũng muốn tin ánh sáng ở cuối đường hầm.

Chương 19: Chiến Dịch Tết Mậu Thân

Tôi chứng kiến sự thay đổi của Sài Gòn, từ một thành phố quyến rũ với những công viên cây xanh, những lối đi nhỏ rợp bóng, những tòa nhà sơn trắng thành một thành phố quân đội đồn trú tạp nham. Đi bộ về văn phòng dọc đường Pasteur và Từ Độ, trở thành con đường đầy thử thách qua những bãi rác không được quét dọn, có những bao đựng cát dựng xung quanh, qua những xe tải quân sự với tiếng động cơ và tiếng còi rú inh tai.

Vẻ đẹp của Sài Gòn đã biến mất: Những cô gái trẻ trung duyên dáng trong các bộ áo dài bằng lụa đã từ lâu nhường lại trung tâm thành phố cho đám người tạp nham của chiến tranh, với những cựu chiến binh tàn tật trườn người bằng nạng, khua phần tay chân còn lại đi xin thức ăn và tiền; Những kẻ chào hàng đê tiện thô bạo, giặt tay áo bạn, buôn bán chợ đen và thuốc phiện; Những đứa trẻ đường phố trong những bộ quần áo rách rưới, khuôn mặt cáu bẩn van nài: “cho cháu năm đồng đi, cháu đói, ông là số một, hãy cho cháu năm đồng”, cùng lúc đang cố gắng ăn trộm ví của bạn.

Khi bắt đầu cuộc chiến, chính quyền đã thử bảo vệ Sài Gòn khỏi những ảnh hưởng do việc xây dựng quân đội diện rộng ở vùng nông thôn nhưng đã thất bại. Sự nghèo khó của một thành phố đầy lính là cơ hội cho một số kẻ đầu cơ phát lên làm giàu. Xuất hiện trào lưu dùng máy nghe nhạc, máy điều hòa và những điều kiện cơ bản của cuộc sống Mỹ – tất cả đều được người Sài Gòn mới phát sử dụng bên cạnh một xã hội Việt Nam truyền thống.

Tháng 1-1968 người Mỹ có mặt khắp mọi nơi trên đường phố. Những nhóm cố vấn chính trị ở nhiều cấp bậc trong chính phủ quyết định tương lai của quốc gia. Văn phòng Công tác Xã hội Liên minh thuê một nhà chiêm tinh chuyên nghiệp tên là Thái Sơn đưa ra những dự đoán cho năm tới “Thuận lợi về phía chính phủ và bất lợi cho kẻ thù” trong khi các nhân viên Mỹ khác thì giúp đỡ quyết định màu ánh đèn vòi phun nước ở khu trung tâm Sài Gòn là màu gì, cây nào nên được chặt đi để dựng máy tính tiền đỗ xe, và thư viện Bảo tàng quốc gia có nên áp dụng hệ thống phân chia thập phân Dewey.

Những người quản lý thành phố rụt rè chiến đấu lại, ra lệnh tất cả những biển hiệu, cửa hàng phải bằng tiếng Việt hoặc ít nhất tiếng Việt phải lớn hơn gấp ba lần so với tiếng Anh, vì vậy Nhà may Botany thì trở thành Bo Ta Ny, quán bar Dolly thì thành Da-ly, Bar Texas thì thành Te-xa và bar Ohio thì thành O-HAI-O.

Sài Gòn vẫn là vùng được yêu thích hơn so với các thành phố khác xa hơn về phía bắc và so với các chiến trường nơi tôi dành quá nhiều thời gian của mình. Có một cảm giác thoải mái an toàn trong một Sài Gòn xáo trộn.

Những vụ nổ pháo binh, tiếng bom vang trời không xa từ vùng nông thôn, không khí bừa bãi của thành phố cho thấy cảm giác một ngày nào đó cuộc chiến sẽ kéo về thành phố. Tôi biết rằng tham nhũng ở Sài Gòn là cái giá cần thiết tất cả chúng tôi phải trả cho chiếc ô quyền lực của Mỹ che chở chúng tôi, những gia đình có vợ là người Việt và những người bạn của họ cũng cảm nhận như vậy, dù hủy hoại văn hóa truyền thống của họ và lối sống sau thuộc địa họ bắt đầu tận hưởng sẽ biến mất.

Tôi quá tự tin về sự an toàn của Sài Gòn và khả năng sống sót của chính mình nên tôi đã kết hôn với một người phụ nữ Việt Nam và làm cha hai đứa trẻ, Andrew Kim và Elsa Christina. Tôi không ở Sài Gòn khi vợ tôi sinh Andrew nhưng khi Elsa chào đời vào tháng 10-1967 thì tôi lái xe đưa Nina và mẹ cô ấy tới khoa phụ sản ở tầng ba của Bệnh viện nhà thờ thánh Paul từ sáng sớm, chờ đợi cùng Nina trong phòng chờ tới cơn trở dạ và chạy theo cô ấy vào phòng sinh.

Tôi hy vọng sẽ dành vài ngày ở cùng bọn trẻ khi trở lại Sài Gòn vào tháng 1-1968 kể từ chuyến đi viết bài trước Tết. Trước đây, ngày lễ là dấu hiệu nghỉ ngơi giữa hai cuộc chiến và một lần nữa cả cộng sản và Sài Gòn tiếp tục truyền thống khi tuyên bố ngừng bắn phá.

Thành phố im lặng vào chiều 29. Thậm chí những người bán rong trên đường cũng đã về nhà, những kẻ bụi đời, lang thang tụ tập trong những lối đi vào cửa hàng, đếm tiền hoặc nằm dài lười nhác trên vỉa hè. Tôi lái xe qua đường Nguyễn Huệ, qua kênh Khánh Hội và dọc đường Trịnh minh. Nhà hàng Guillaume Tell trang trí giấy màu sặc sỡ với những dải pháo treo trước cổng. Những nhà riêng trong thành phố có pháo bông và cờ. Mọi người chuẩn bị tổ chức một cái Tết xa xỉ nhất vì bị thuyết phục bởi sự tuyên truyền của chính phủ rằng mối đe dọa của quân đội cộng sản được đẩy lùi vào biên giới quốc gia và chiến thắng đang tới gần.

Đêm đó tôi viết một bài phân tích về cuộc khủng hoảng đang phát triển tại căn cứ lính thủy đánh bộ ở Khe Sanh mà tôi đã ở đó cả tuần trước, một vài người so sánh điểm yếu của nó với sự bố trí của người Pháp tại Điện Biên Phủ và tương lai của những căn cứ quân sự ở xa là sự chú ý của chỉ huy tối cao Mỹ.

Buổi sáng hôm sau, nỗi lo lắng của họ càng lớn hơn bởi những cuộc tấn công không mong đợi trên diện rộng của cộng sản tại sáu thành phố miền Trung và khu vực phía Bắc phá bỏ quyết định ngừng bắn trong những vùng này. Vào giờ giới nghiêm ban đêm, Sài Gòn không bị cản trở khi hàng nghìn người đổ ra đường đón giao thừa, tết Mậu Thân, năm con Khỉ.

Tôi tham gia chuẩn bị cùng gia đình, chúng tôi vui vẻ làm theo sự chỉ dẫn từ cha của Nina, kho tri thức truyền thống và là nhà đạo diễn cho các hoạt

động có tính chất tôn giáo của gia đình. Nina và các chị em được yêu cầu mặc áo dài nhưng họ có vẻ thích những bộ đồ Tây hơn. Chúng tôi tập trung vào buổi tối muộn ở phòng khách rộng rãi của bố mẹ, sáng rực với những bông hoa tươi. Cha của Nina mặc một áo choàng màu xám bên ngoài bộ đồ vest. Khi cả gia đình cúi đầu khấn, ông hát tạ ơn đức Phật ở bàn thờ nhỏ với những que hương đang cháy, xung quanh là những đĩa kẹo và hoa quả, phân cho linh hồn của ông bà tổ tiên. Bên ngoài ngôi nhà lợp ngói vàng, chúng tôi đốt những ống pháo treo trên cành cây gỗ dái ngựa lâu năm.

Tiếng ồn ào trong sân sau pha lẫn tiếng nổ từ vùng lân cận và ngay tức thì lan ra toàn bộ thành phố. Đó là lần đầu tiên trong nhiều năm, Sài Gòn được phép đốt pháo. Sau đó chúng tôi trao nhau bao lì xì màu đỏ đựng những đồng tiền mới may mắn. Chúng tôi nhâm nhi sâm oanh, đánh giá vận may của nhau trong nghề kinh doanh và cùng ăn bữa tối.

Khi chúng tôi về nhà, cha của Nina hướng dẫn chúng tôi những quy định nghiêm ngặt của nghề hàng hải do những biểu cột chiêm tinh của chúng tôi quyết định. Và tôi lái quanh co cùng với Nina xem xét cẩn thận nếu tôi lái về hướng Tây là xúc phạm những linh hồn tốt lành.

Tiếng nổ của những tràng pháo gần đó thức tỉnh tôi và tôi gọi cho Ed White ở văn phòng. Anh ta vừa hoàn thành xong phần tóm tắt tin tức buổi tối và quá mệt mỏi để nói chuyện phiếm. Anh ta nói: “Peter, giờ là 1 giờ 15 sáng rồi, tôi chuẩn bị về nhà đây”.

Tôi ngủ chập chờn được một lúc, máy điều hòa trong phòng ngủ chúng tôi kêu ừ ừ có tiếng ồn ào đập vào cửa sổ như thể ai đó đang dùng búa đập vào mảnh cửa. Tôi biết rằng đây không phải là tiếng pháo từ chiến trường mà là một súng máy cỡ li lớn đang bắn phá ở đại lộ Pasteur cách đó không xa. Đây là một loại vũ khí có mức độ sát thương lớn không được sử dụng ở Sài Gòn từ sau vụ đảo chính Tổng thống Ngô Đình Diệm cách đó bốn năm. Tôi vội vàng đưa Nina, Elsa, Andrew và người giúp việc vào phòng tắm lợp mái mà tôi nghĩ an toàn hơn phần còn lại của căn hộ và che họ bằng những chiếc đệm giường.

Tôi mở cửa sổ phòng ngủ, chứng kiến cuộc chiến đã tới thành phố. Những viên đạn lửa rít qua bầu trời gần Dinh Tổng thống, Đại sứ quán Mỹ và những tiếng lựu đạn, rocket nổ vang trời trong đêm. Tôi gọi tới văn phòng và Bob Tuskman trả lời, giọng anh ta the thé vì kích động: “Lạy Chúa, chúng đang bắn phá thành phố”. Tôi nói tôi đang trên đường tới văn phòng.

Tôi nhìn vào nhà tắm nhận ra vợ con tôi cũng nguy hiểm như những người tôi thường chụp ảnh trong những ngôi làng bị oanh tạc ở vùng nông thôn. Tôi lưỡng lự một lúc, miễn cưỡng để họ ở lại một mình tới khi đưa ra lí do chẳng có chỗ nào cho họ đi cho tới khi trời sáng. Tôi nói với Nina tôi sẽ trở

về với họ khi cô ấy đang đỡ Elsa mới ba tháng tuổi. Khi tôi thận trọng mở cửa căn hộ, súng máy lại đồng loạt bắn phá, nhả đạn theo hướng Dinh Tổng thống ở đường Công Lý cách đó hai tòa nhà.

Tôi chờ ngớt tiếng súng mới bước ra ngoài trong ánh sáng đèn, giơ hai tay lên tỏ sự thân thiện với những tay súng máy có thể nhìn thấy sau hàng rào bao cát trên đường. Tôi mặc áo sơ mi, quần vải, mỉm cười và thét lên: “Báo chí, phóng viên” và đi bộ về phía họ. Không có phản ứng gì, tôi tiếp tục đi xuống đại lộ Pasteur tới đường Lê Thánh Tôn, cẩn thận qua một chốt gác bên ngoài Tòa thị chính thành phố và tới tòa nhà Đen, người gác cổng gốc Ấn Độ nhanh chóng mở cửa để tôi vào

Ed White ở trong văn phòng cùng Tuskman, George Esper và tất cả đều làm việc trên điện thoại, chuyển những bản tin bổ sung về New York. Chúng tôi cần những thông tin trực tiếp, do vậy tôi giật lấy chìa khóa xe jeep của văn phòng, khởi hành cùng các phóng viên ảnh John Nance và Joe Holloway.

Tôi lái tới đường Tự Do, tới nhà thờ ở quảng trường F. Kennedy. Hành trình của chúng tôi tới Đại sứ quán bị chặn lại bởi những xe jeep chở đầy cảnh sát quân đội Hoa Kỳ. Một trong số họ yêu cầu chúng tôi rời đi và chúng tôi không ở đó để cãi nhau.

Chúng tôi quay trở lại nhưng quyết định tới đó bằng đường khác, qua những đại lộ vắng người, qua chợ trung tâm, lên đường Lê Văn Duyệt tới gần nhà hàng Club Hippique. Bắn phá vẫn tiếp diễn ở Dinh Tổng thống. Chúng tôi ngoặt sang đường Nguyễn Du để nhìn gần hơn và trực tiếp quan sát cuộc tấn công.

Những tràng nổ dài của các loại vũ khí bắn phá tự động quét lia trên đầu chúng tôi, Holloway và Nance quát tôi dừng lại. Tôi bật đèn và cả ba chúng tôi nhảy xuống dưới xe khi đạn bay tới những hàng rào bao cát của sĩ quan Meyerkord đóng ngay sau chúng tôi.

Chúng tôi ở đó khoảng nửa giờ, nỗi sợ hãi đe dọa mạng sống tới khi một xe jeep cảnh sát quân đội người Australia tới cứu, yểm trợ cho chúng tôi bằng một loạt đạn giúp tôi có thời gian quay đầu xe và chạy đi. Chúng tôi hiểu rằng chúng tôi bị một đội biệt kích Việt Cộng rút lui từ cuộc tấn công ở cổng phía nam Dinh Tổng thống không thành công, lánh tạm vào một khách sạn của dân chưa hoàn thành ở bên kia đường tấn công.

Khoảng 4 giờ 30 phút sáng khi chúng tôi trở lại văn phòng thì có cuộc gọi từ Trưởng phòng thông tin USLS Barry Zorthian nói muốn có câu chuyện chính xác về những gì đang diễn ra và bảo tôi nên gọi điện cho Điều phối nhiệm vụ Mỹ, cựu chiến binh George Jacobson, người hiện đang rơi vào bẫy của du kích Việt Cộng ở biệt thự của ông ta trong sân đại sứ quán. Jacobson

nói với tôi rất nhiều biệt kích cộng sản đã vượt tường và đang nấp trong sân đại sứ quán, bắn những loạt súng bazoca vào mặt tiền tòa nhà công lý tám tầng mới xây để vào trong.

Cửa sổ phòng ngủ của Jacobson bị một trái rocket đập vỡ, và ông ta nói đã tự trang bị cho mình một quả lựu đạn trong tình huống cuối cùng. Ông ta vẫn tỏ ra khá bình tĩnh, một cựu chiến binh từng phục vụ chín năm ở Việt Nam và những lời bình luận cuối cùng của ông ta là Việt Cộng “đang tính đến bùng nổ to lớn trên toàn cầu với những hoạt động của họ”. Tôi ngạc nhiên về những lời bình luận từ một sĩ quan lâu năm, sợ hãi núp trong phòng ngủ nhưng lại cố tìm ra lời giải thích đáng tin cậy cho những gì đang diễn ra.

Khi viết câu chuyện đó, tôi khó có thể tin vào sự táo bạo liều lĩnh của Việt Cộng không chỉ tấn công vào Đại sứ quán Mỹ mà khi chúng tôi nhận các cuộc điện thoại quanh thành phố thì họ cũng tiến hành các cuộc phản công dữ dội vào hàng tá mục tiêu khác trên toàn Sài Gòn. Lúc này là thời cơ cho họ tới bước quyết định.

Trong dự đoán cuối năm 1967, tôi đã khoác lác về quan điểm lạc quan vào cuộc chiến và dự đoán “những trận chiến lớn nhất và đẫm máu nhất vẫn sẽ tiếp diễn ở Việt Nam” nhưng không bao giờ trong sự tưởng tượng dù là điên rồ nhất rằng tôi có thể chứng kiến cuộc chiến ngay tại cửa nhà mình. Đó có thể là sự táo bạo công khai như Jacobson đã nói với tôi nhưng rõ ràng đó là câu chuyện mà chúng tôi không thể lờ đi.

Ngay sau đó chúng tôi lại đi về phía đại sứ quán. Lần này đi bộ qua công viên phía trước Dinh Tổng thống, tránh lính gác quân đội. Chúng tôi dễ dàng nhận thấy những nhân viên an ninh trong bóng tối, trú ẩn phía sau cây trong công viên và họ cũng chẳng buồn cố gắng ngăn khi chúng tôi đi vòng quanh nhà thờ bằng gạch đỏ, về phía đường Duy Tân tới đại lộ Thống Nhất và rẽ phía đông bắc về phía Đại sứ quán Mỹ.

Những đợt nổ rocket và tiếng đạn kéo chúng tôi đi xa hơn về phía đại lộ, qua văn phòng chỉ huy của tòa nhà RMK-BRJ xây dựng kiểu Texas tới đường Hai Bà Trưng, nơi có tòa nhà đại sứ quán sáu tầng phía sau bờ tường bê tông cao 8 foot vượt trên chúng tôi trong bóng tối. Chúng tôi lách dọc theo đường và núp mình càng gọn càng tốt bên cạnh hàng rào. Đại lộ này là hành lang bắn phá, tiếng súng oanh tạc liên tục trên đầu chúng tôi, rơi phịch vào thân cây và tường. Cảnh sát quân đội Mỹ ở Tiểu đoàn 716 đã chiếm được tầng trên một căn hộ bên kia đường và hướng đạn của họ vào sân Đại sứ quán. Việt Cộng ở bên trong bắn trả lại.

Ánh sáng đầu tiên của hoàng hôn màu xám soi rõ quang cảnh. Giữa đường là chiếc xe mui kín Citroen đen, người lái xe đã nhảy ra phía sau bánh xe bằng thép. Nance chạy lại nơi trú ẩn sau chiếc xe, theo dõi tòa nhà Đại sứ

quán gần hơn nhưng chạy gấp trở lại khi có bắn phá gần chúng tôi. Bên ngoài cửa đại sứ quán là hai xe bắt động khác. Những mảng bê tông vỡ văng đầy bụi mà Việt Cộng tạo ra lầy lội vào sân Đại sứ quán.

Tôi phân vân không biết chuyện gì xảy ra với George Jacobson, không biết ông ta có còn ở trong nhà của mình không. Tôi luôn trở lại đường Hai Bà Trưng, giải thích dự đoán của ông ta với một đại úy lính thủy đánh bộ trẻ tên là Robert O'Brien đến cùng lực lượng lính thủy đánh bộ tăng cường, đang nói trên bộ đàm trong xe jeep ở góc đường. Anh ta nói đã hiểu vấn đề và đang liên lạc bộ đàm với nhân viên của Đại sứ quán bên trong tòa nhà để tiếp sức cho họ và khuyên họ phải cố gắng chịu đựng vì phản công là quá nguy hiểm trong bóng tối.

Tôi nhìn thấy những cảnh sát quân đội bò dọc theo máng nước, đường đi bộ cạnh tường Đại sứ quán tiến lên phía trước chúng tôi, di chuyển vào vị trí tấn công trong khi những người khác dàn thế trận yểm trợ. Tôi cố kìm mong muốn chạy tới chiếc điện thoại gần nhất thông báo về văn phòng thay vì ở lại giữ vị trí. Tại vị trí này chỉ có Phóng viên thường trú duy nhất Don North của truyền hình ABC tham gia cùng chúng tôi và anh ta không cạnh tranh với AP. Một tá trực thăng Hueys tiến thụt vào khu vườn sở thú Sài Gòn cuối đại lộ. Họ hướng về phía chúng tôi. Tôi nhận ra họ cố gắng tiến hành một cuộc tấn công vào đại sứ quán.

Nance trở lại vị trí quan sát thuận lợi của mình thì một binh nhì nhảy lên đập vai vào chiếc cửa sắt của Đại sứ quán. Nó bật tung và cảnh sát quân đội ủa vào sau tiếng nổ lựu đạn tay và súng máy tự động. Chúng tôi có thể nhìn thấy chiếc trực thăng đầu tiên đang cố gắng hạ cánh trên mái nhà Đại sứ quán. Trong hàng rào đạn bắn, nó bay đi và biến mất. Ngay sau đó rất nhiều lính ở phía trong cửa để ra đường cùng chúng tôi chĩa súng về những tầng giữa của tòa nhà.

Việt Cộng không chỉ ở trong sân mà họ đã chiếm lĩnh được tầng trên của Đại sứ quán. Tôi hỏi một lính trông nhếch nhác xem có chắc không và anh ta đáp lại, “ôi Chúa ơi, có chứ, chúng tôi đang bắn lên đó đây, cúi cái đầu xuống”. Tôi chạy tới văn phòng của một công ty xây dựng ở bên đường, một lính gác đã cho tôi sử dụng điện thoại ở tiền sảnh.

Ed White lặng lẽ đọc bài viết của tôi. Tôi không cần phải nhắc rằng tôi đang chứng kiến một trong những cảnh giết gân nhất của toàn bộ cuộc chiến và tôi nhanh chóng trở lại góc đường Hai Bà Trưng nơi những đồng nghiệp của tôi đang tập trung có Tom Buckley và Charles Mohr của tờ Thời báo New York, Peter Braestrup và Lee Lescaze của tờ Washington Post và Francois Sully của tờ Tin tức hàng tuần. Chúng tôi trao đổi thông tin với nhau, buôn chuyện cùng lính và sĩ quan, chờ đợi tiến triển tiếp theo.

Mọi chuyện không diễn ra trong một giờ. Cuộc tấn công trực thăng lần thứ hai bắt đầu và lần này chúng tôi nhìn thấy lính ở Sư đoàn 101 nhảy xuống từ mái nhà Đại sứ quán. Tôi nhìn thấy phóng viên thường trú Howard Tuckner của NBC và phóng viên quay phim của anh ta, Võ Huỳnh đi theo một đội cảnh sát quân đội qua cổng trước vào bên trong sân Đại sứ quán.

Ngay sau đó chúng tôi tiến vào cùng họ, ngạc nhiên với cuộc chiến dữ dội bên trong. Một lỗ thủng lớn trên bức tường bảo hộ, biểu tượng của Hoa Kỳ bị bắn thủng rơi xuống từ phía trên cửa, tiền sảnh hỗn độn. Có một nhóm Việt Cộng đã chết trong bộ đồ xanh nâu, đeo băng tay màu đỏ và một vài xác người Mỹ, máu của họ bắn tóe trên lối đi và tường.

Chúng tôi giật mình hoảng hốt với loạt súng từ phía sau tòa nhà Đại sứ quán. Chúng tôi nhanh chóng chạy ra phía sau để xem, George Jacobson xuất hiện tạt nọt từ biệt thự của mình. Một tay Việt Cộng đột nhập vào nhà ông ta, trốn trong nhà tắm, cố gắng bắn ông ta bằng khẩu súng trường tự động. Jacobson đã giết kẻ tấn công bằng hai phát súng lục mà ai đó đã ném cho ông ta từ trước đó.

Tướng Westmoreland tới ngay sau đó. Sự tự tin của ông ta không nhàu nhĩ như bộ quần áo kaki đang mặc. Ông ta nói với phóng viên rằng Việt Cộng đã mang một lượng lớn chất nổ để thổi tung Đại sứ quán nhưng “Kế hoạch hoàn hảo của kẻ thù đã thất bại”. Đó là cách đánh giá thiếu quan sát mà rất nhiều người trong giới báo chí nhận xét, chúng tôi không hoàn toàn tin khi ông ta quả quyết không một người lính Việt Cộng nào vào được tòa nhà chính của Đại sứ quán.

Chúng tôi trích dẫn đầy đủ những nhận xét của ông ta nhưng kèm theo những gì chúng tôi đã chứng kiến tại hiện trường rằng có loạt đạn bắn phá từ những phòng phía trên trong các bài viết của mình. Về mặt kỹ thuật, vị tướng đó đúng và thực tế chúng tôi công nhận 19 du kích Việt Cộng từ lực lượng 10.000 người trải khắp thành phố đã gây bất ngờ cho lính gác Đại sứ quán, giết năm người trong số họ khi nổ tung bức tường bảo vệ để lấy lối vào, chiếm cứ khu vườn trong vòng sáu tiếng nhưng thực sự chưa vào được bên trong tòa nhà chính.

Tôi lắng nghe Westmoreland tự tin tuyên bố lực lượng Mỹ đã vào vị trí phòng thủ còn kẻ thù thì đã bỏ chạy. Tôi lắng nghe trong sự hoài nghi những lời nói của người tiền nhiệm ông ta, Tướng Paul D. Harkins tại đường băng Tân Hiệp vào tháng 1-1963 khi ông ta nói với David Halberstam và tôi rằng tuy trận Ấp Bắc tổn thất lớn cho cả người Mỹ và Cộng hòa nhưng là một chiến thắng về phía chúng tôi vì “kẻ thù đã bỏ chạy”.

Sáu năm và một nửa triệu lính Mỹ sau đó, trận chiến Ấp Bắc lại bất ngờ đến với Sài Gòn và mọi thành phố trong cả nước và lời đáp lại từ chỉ huy tôi

cao của Mỹ vẫn chỉ là lạc quan. Nhưng không giống trận chiến trước đây khi Việt Nam là vấn đề mơ hồ trong phản công khi chiến dịch Tết Mậu Thân lại xảy ra trong một năm bầu cử tổng thống Mỹ, khi ánh sáng của những bản tin truyền hình và những câu trả lời cũ kĩ sẽ không còn đủ sức nữa.

Chương 20: Tiêu Diệt Thành Phố Để Cứu Nó

Điều ngạc nhiên đã kết thúc. Chiến dịch Tết Mậu Thân tràn qua Sài Gòn giống như sóng thủy triều trên vùng đất bồi đắp. Bốn triệu người dân thành phố hoảng sợ ẩn náu sau những cánh cửa khóa trái và cửa sổ buông rèm. Du kích Việt Cộng có vũ trang di chuyển vào những vùng đông dân và chiếm đóng đường phố, những biệt thự, các chùa... dường như chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu tới cùng.

Các nhân viên AP trên đường đi làm bắt gặp những câu chuyện đau lòng về những vụ chạm trán. Ba người bị giết trên đường gần ngôi nhà của một nhân viên truyền ảnh bằng radio ở Chợ Lớn. Phóng viên ảnh Dân Văn Phước ngồi hoảng sợ trong bóng tối tại nhà riêng ở Gia Định khi Việt Cộng đập cửa nhà anh ta và hàng xóm, yêu cầu mọi người ra ngoài đường, bắn súng chỉ thiên với lời tuyên bố họ đã giải phóng thành phố, một nhân viên kỹ thuật phòng ảnh đi bộ ở cuối hẻm gần chùa Ấn Quang, giật mình bị một tá lính Việt Cộng có vũ trang vây lại nhưng họ để anh ta đi sau khi thuyết giảng những tội ác của chính quyền.

Ursula Faas gọi cho Horst từ nhà ở Chợ Lớn để kể một cảnh sát bị bắn chết trên đường lái xe về nhà. Horst nói với cô ta đóng cửa sổ lại, khóa cửa ra vào và chờ ở đó đến khi hết bạo loạn. Giống như đối với chúng tôi, anh ta không kiên nhẫn với những trách nhiệm cá nhân.

Tôi đưa Nina và bọn trẻ rời căn hộ đến nhà bố mẹ nhưng sau đó cũng có rất ít thời gian tới thăm họ. Chúng tôi biết chúng tôi đang làm tin về sự kiện lớn nhất trong nghề nghiệp của mình.

Chúng tôi nhận ra bốn nghìn lính cộng sản nhận nhiệm vụ tấn công trung tâm Sài Gòn và gấp hai lần số đó đang chiến đấu ở vùng ngoại ô. Giống như lính Hy Lạp huyền thoại trốn trong ngựa gỗ để thâm nhập vào thành Troy, Việt Cộng đã sử dụng yếu tố bất ngờ để bắt đầu cuộc tấn công của mình. Một số cải trang và giấu vũ khí trong những xe chở hoa và những nông phẩm mang ra chợ thành phố. Những người khác đi bằng xe bus và xe máy ga mang theo những tài liệu giả mạo chữ kí, lấy vũ khí giấu trước đó trong những ngôi nhà an toàn.

Các nhân viên Mỹ nghi ngờ sự yên ắng của Việt Cộng trong dịp Tết và dự đoán về sự bùng nổ tức giận của công chúng. Nhưng dường như người dân Việt Nam quá hoảng sợ để tức giận và giữ cái đầu của họ lắng xuống.

Tại sở chỉ huy ở Biên Hòa, John Paul Vann nói rằng “Chúa ơi, chúng tôi biết rằng Việt Cộng sẽ làm điều gì đó, nhưng không tin đây là sự thật”, anh ta lau mặt, lắc đầu. Chiến dịch Mậu Thân khẳng định lời cảnh báo của anh ta. Anh ta luôn tranh luận rằng số phận miền Nam Việt Nam dựa vào việc

tăng cường động cơ và khả năng của chính lượng lực vũ trang, nhưng Việt Cộng tận dụng sự yếu kém muôn thuở của quân đội Cộng hòa, đặc biệt là hàng rào an ninh lỏng lẻo quanh Sài Gòn và 43 tỉnh thành.

Khi chúng tôi vất vả làm tin về chiến dịch Mậu Thân, tìm hiểu ý nghĩa của nó thì mức độ đầy đủ của cuộc tấn công trở nên rõ ràng. Chúng tôi ra đường vào bình minh, dành thời gian đi cùng cảnh sát quân đội dọc các con đường đầy xác người, ngụp lặn qua những đoạn giao nhau cùng lính Việt, qua những vùng rocket và cháy nổ, ngồi trên xe tăng Mỹ và xe bọc thép.

Tôi dành một ngày đi cùng Tiểu đoàn Không vận 8 gồm người Việt đến sân gôn Sài Gòn, nơi cuộc chiến khắc nghiệt nhuộm đầy máu trên các kênh đào và mặt sân bị thủng do súng cối và rocket nổ. Đêm đó tôi viết: “Giống như phát bóng thứ bảy của sân gôn duy nhất Sài Gòn bạn có thể ngắm bắn bằng khẩu súng lục hai nòng vào trụ sở chỉ huy của một đại đội lính Việt Cộng”.

Tôi cảm nhận mình đủ hiểu thành phố để tự đi. Đôi khi tôi lái xe dọc bên đường và các ngõ tót thăm những người bạn và người quen đang bị cuộc chiến và nỗi sợ hãi cô lập. Đặc vụ chiến tranh tâm lý Ron Flemming đồng ý để tôi vào nhà của anh ta sau khi tôi bấm còi vài phút. Anh ta cảnh báo tôi cẩn thận khi chúng tôi đi qua bức tường. Quần áo của Flemming lấm bẩn và anh ta không cạo râu trong vài ngày. Anh ta buộc một khẩu súng ở đùi và mang theo khẩu súng trường M-14 trên tay.

“Ngoài kia chẳng có luật nào hết, mọi người hãy tự cứu lấy mình”, anh ta thì thào, vươn người hết cỡ, ngắm khẩu súng trường của mình cẩn thận phía trên bức tường và kéo cò súng. Có một lính Việt Cộng đang trốn trong tòa nhà bên cạnh, “kẻ bắn tia hàng xóm thân thiện”, người đang quấy rầy ngôi nhà anh ta. Tiếng nổ vang dội xung quanh khu vực những tòa nhà bằng bê tông kiên cố.

Tôi ngạc nhiên với sự tinh thông của Flemming. Anh ta là dân thường, tốt nghiệp Đại học Harvard trước đó ba năm và giờ đi vòng quanh với bộ dạng một tay lính người Ấn Độ. Khi tôi rời khỏi đó, tay bắn tỉa hàng xóm bắt đầu bắn và Flemming đáp trả lại.

Cuối ngày thứ ba của chiến dịch Mậu Thân, thành phố vẫn im lìm với lệnh giới nghiêm 24 giờ, tôi viết một bài phóng sự: “Cửa hàng duy nhất mở cửa trên toàn bộ Sài Gòn ngày thứ sáu là những cửa hàng bán quan tài”. Những người thợ nề liên tục xẻ cửa và đóng những tấm ván bằng gỗ để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng muốn mua những chiếc quan tài trang trí biểu tượng tôn giáo lờ lợc.

Tôi biết rằng trong cuộc chiến tàn khốc đó, có rất nhiều xác chết không được xác minh sẽ không thể được chôn cất tươm tất, trang nghiêm. Thực tế

tôi phát hiện ra nơi yên nghỉ cuối cùng của họ là ba cái mộ lớn do những xe ủi đào trong một nghĩa trang cỏ bỏ không phía tây Sài Gòn. Mỗi mộ là một hố dài chứa 600 xác chết xếp chồng năm tầng, một cố gắng không thành công để giảm bớt mùi thối rữa bằng cách rắc lớp vôi bột lên trên. Các nhân viên nghĩa trang nói rằng hầu hết các xác chết là những người Việt Cộng nhưng tôi nhận ra trong hai ngôi mộ tập thể ấy có cả xác phụ nữ và trẻ em nằm bên cạnh những người đàn ông và họ là những gia đình bị chết trong cuộc chiến mà không ai xác nhận.

Một người đàn bà thôn thức giật tay tôi và nói đã mất con trai và không ai tình nguyện giúp bà ta lật hàng trăm cái xác lên để tìm nó. Và tôi cũng không thể giúp bà ta. Rất nhiều trẻ em đường phố lượn lờ quanh đó với khăn mùi xoa buộc quanh mặt chống mùi và những chiếc túi phình to đầy vật ăn cắp từ những xác chết. Chúng tìm kiếm những xe tải chở rác đến cùng những xác chết.

Bob Tuckman phàn nàn anh ta quá nhiều việc ở văn phòng tới mức chẳng thể ra ngoài xem chuyện gì diễn ra, do vậy tôi rủ anh ta đi cùng tôi một vòng quanh thành phố. Anh ta chui ngay vào xe jeep nhỏ của AP và chúng tôi lái dọc theo những con đường vắng vẻ như Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, về phía khu người Hoa của Chợ Lớn, nơi cuộc chiến đang tiếp diễn. Chẳng ai cố gắng lập lại trật tự ở đó. Chúng tôi lái xe qua trạm xăng ở góc đường Bùi Hữu Nghĩa nơi có sáu xác chết nằm thối rữa trong ánh nắng mặt trời buổi trưa, máu từ những vết thương của họ đã khô đóng thành mảng đen trên vỉa hè và cơ thể của họ biến dạng không thể nhận ra.

Tôi giải thích cho Tuckman rằng lực lượng cảnh sát Sài Gòn đã biến mất vào đêm xảy ra chiến dịch Mậu Thân và họ không xuất hiện trở lại. Ưu thế của lực lượng quân đội là dọn sạch Việt Cộng trước khi họ dọn sạch các con đường. Chúng tôi tiếp tục đi dọc các đường phố lớn, Chợ Lớn thường tấp nập buôn bán nhưng giờ không một bóng người. Cuối cùng chúng tôi tới một trường đua trên con đường có các tòa nhà bị phá hủy hoàn toàn. Đại úy của Tiểu đoàn Lính thủy đánh bộ người Việt 6 phàn nàn rằng: “Chiến đấu ở vùng ngoại ô dễ hơn nhiều so với ở đây”.

Tuckman lưu ý tình hình còn tồi tệ hơn trong những khu vực của thành phố do Việt Cộng kiểm soát. Anh ta tái nhợt đi khi tôi nói tôi vừa đi qua một phần đó. “Chết tiệt”, anh ta lầm bầm, “Chúng ta đang mạo hiểm mạng sống ngoài này”. Tôi đồng tình, “ít nhất anh là Trưởng phân xã, người cùng chia sẻ sự mạo hiểm của chúng ta”.

Thực tế tôi muốn được chạm trán trực tiếp với những người lính cộng sản ở Sài Gòn, một cơ hội không bao giờ có ở vùng nông thôn, nơi cả hai bên bắn trước rồi hỏi sau. Rất nhiều phóng viên ở thành phố và Huế bị rơi vào

tay Việt Cộng. Phóng viên người Hàn Quốc Kim Kyung-kuk đã bị giết ở Sài Gòn cùng một trong những nhân viên đại sứ quán của anh ta.

Nhưng một trong những phóng viên được tha người Ý, Alessandro Casella sau này kể lại cho tôi nghe anh ta và ba phóng viên truyền hình thường trú người Pháp trải qua ba giờ giam cầm trong một căn nhà ở Chợ Lớn như thế nào và họ được đối xử rất lịch sự, được mời trà trong khi bị canh gác. Trước khi được thả, họ được một người đàn ông giới thiệu ông ta là đại diện báo chí của Mặt trận giải phóng Dân tộc.

Đây là mặt khác của cuộc chiến tranh mà chúng tôi không nên bàn luận. Chúng tôi buộc phải tìm hiểu những mặt trái của chiến trường liên quan tới những điều không thỏa đáng của người Mỹ hay miền nam Việt Nam hơn là tài năng của Việt Cộng. Không có hạn chế nào với những bài viết của chúng tôi về sự dũng cảm hay tội lỗi của binh lính Mỹ.

Chúng tôi có thể ca ngợi hay cười chê những chiến thuật của chỉ huy Hoa Kỳ như những nhân tố đem lại thắng lợi hay thất bại. Để hiểu rằng trong khi chúng tôi có thể viết tiêu cực về kẻ thù thì chúng tôi không được tập trung vào ưu điểm quân đội của họ đang là nhân tố leo thang của chiến tranh, cũng như chiến lược bất tài của người Mỹ.

Nếu chúng tôi viết rằng những kẻ tấn công Việt Cộng và lực lượng Hà Nội nhìn chung được huấn luyện xuất sắc, có động lực tốt và tin tưởng vào động cơ cách mạng của họ thì đồng nghĩa với việc chúng tôi bị buộc thôi việc ở AP. Chúng tôi bị các biên tập cản trở khi nói rằng xung đột Việt Nam chứa đựng các nhân tố quan trọng của nội chiến mặc dù mỗi người Việt Nam đều biết sự thật đằng sau nó.

Tôi hiểu sự lúng túng của giới công chúng Mỹ về tiến trình chiến tranh. Chính phủ của họ nói rằng những người cộng sản đã bị khống chế và con trai của họ sẽ nhanh chóng trở về. Sau đó là đến Tết. Tôi ngạc nhiên về mức độ rộng lớn của chiến dịch chứ không phải tính chất kiên cường hay táo bạo. Kỹ năng, sự bền bỉ và khả năng tiến lên của du kích Việt Cộng trong những điều kiện khó khăn nhất chưa bao giờ được minh chứng rõ ràng cho tới tận chiến dịch Tết Mậu Thân.

Tôi nói chuyện với gia đình Nina về nỗi sợ hãi nếu rơi vào tay Việt Cộng. Gia đình Nina là mục tiêu tiềm năng vì họ chạy trốn khỏi Hà Nội từ nhiều năm trước, trốn chạy những người cộng sản. Nhưng Thảo, người giúp việc nhỏ tuổi nhất nói to bằng giọng tự tin. Em nói không sợ bởi vì những người cộng sản chỉ quan tâm tới việc tấn công “những người giàu và những người Mỹ” và em vô hại vì em nghèo khó.

Em không phải là người ủng hộ tích cực cho những kẻ tấn công và tôi phân vân có phải hàng triệu người khác ở Sài Gòn có cảm thấy thông cảm

cho phía cộng sản hay không. Tôi chẳng bao giờ theo đuổi câu chuyện đó vì giả thuyết đó không thích hợp trong không khí chính trị thời đại.

Lãnh đạo quân đội Hoa Kỳ không thể đưa ra lời giải thích thích đáng cho chiến dịch Tết Mậu Thân vì họ lúng túng khi thể hiện sự coi thường đối với Việt Cộng và khả năng quân sự của người Bắc Việt. Sự kính trọng ngày càng lớn của lính bộ binh Mỹ dành cho “ngài Charle” cái tên họ gọi trước đó, dành cho lính cộng sản ở chiến trường.

Trong một cuộc phỏng vấn với Wes Gallagher tới Sài Gòn vào tháng 2 để tập hợp nhân viên, Westmoreland gọi Tết là “Chiến trường phòng ra” một cụm từ liên quan tới cuộc phản công thất bại của quân đội Đức chống lại lực lượng liên minh tại Bastogne gần cuối Chiến tranh thế giới thứ hai.

Đối với Westmoreland, Tết chỉ là ván bài liều lĩnh cuối cùng của Việt Cộng trước chiến thắng chắc chắn xảy ra với quân đội Hoa Kỳ. Sự tự tin của ông ta không hề lung lay, ông ta tin tưởng chiến thắng sẽ đến nếu có thêm một lần leo thang chiến tranh nữa.

Lệnh giới nghiêm làm cho việc đi lại quanh thành phố vào buổi tối rất nguy hiểm. Các nhân viên AP thường ngủ lại trong văn phòng hàng đêm. Chúng tôi ngủ trên võng, hoặc bàn và nhai vụn những gói đồ ăn dành cho lính chiến trường mà Bob Tuckman mang về từ văn phòng thông tin quân đội Hoa Kỳ ở Khách sạn Rex bên kia đường. Chúng tôi hiểu rằng các tờ báo và đài truyền hình ở Hoa Kỳ và nhiều nơi khác trên thế giới đều ngạc nhiên với màn kịch mở ra ở Việt Nam.

Phòng ngoại sự AP yêu cầu những bài phân tích, phỏng vấn, những bài tường thuật và những bài phóng sự. Sài Gòn là trung tâm của câu chuyện. Ở Huế, lính cộng sản chiếm toàn bộ cố đô khi bắt đầu chiến dịch Mậu Thân và tham gia vào cuộc chiến tàn khốc với lính thủy đánh bộ Hoa Kỳ đang cố gắng chiếm lại ưu thế. Câu chuyện thứ ba là ở căn cứ lính thủy đánh bộ tại Khe Sanh mà John Wheeler đang đơn thương độc mã viết trong hoàn cảnh ác liệt nhất

Chúng tôi dành nhiều bài vở và ảnh cho văn phòng New York. Horst vẫn tiếp tục chụp ảnh dù anh ta vừa mới hồi phục vết thương rất nặng trong cuộc hành quân với lính bộ ở Sư đoàn 1 cách hai tháng trước. Chân trái của anh ta vẫn còn phải băng bó.

Một hôm một tay người Việt trông rắn mặt đi ủng và mặc quần quân đội, áo thường phục bước vào vớt bốn cuộn phim, tự giới thiệu mình là Huỳnh Công Phúc. “Tôi nghe nói AP trả năm đô la cho mỗi bức hình”, anh ta hỏi. “Tôi có những bức hình từ cuộc chiến lớn”. Không ai gặp anh ta trước đây nhưng trong một cuộn phim âm bản, Horst nhìn thấy bức hình đại tá miền Nam Việt Nam ôm đứa con đã bị chết với những giọt nước mắt đang chảy.

Đó là một trong những bức ảnh đáng nhớ nhất của chiến dịch Mậu Thân. Anh ta trở lại nhiều lần cùng các bức hình nhưng rồi một ngày xin lỗi vì phải làm công việc thường nhật của mình. “anh làm gì?” Horst hỏi và Phúc nói, “Tôi có một công việc rất đơn giản. Tôi là người kiểm duyệt báo chí của chính phủ”.

Những bức hình chiến dịch Mậu Thân càng khắc sâu ấn tượng rằng chính sách của Mỹ đã bị hủy diệt. Những hình ảnh được gửi đi các báo và được đưa lên truyền hình gây chấn động lớn.

Hàng ngày, những cảnh tượng khủng khiếp trên đường phố vẫn được ghi lại qua những bức hình. Phóng viên ảnh AP Lê Ngọc Cung trở về một chiều cùng một cuộn phim cho thấy những hình ảnh rùng rợn về việc hành hình một Việt Cộng bị thương ở cầu Bình Lợi. Một nhóm lính thủy đánh bộ người Việt bắn anh ta khi anh ta nằm bị thương trong đống đổ nát ở một lán gỗ tồi tàn. Những chuỗi ảnh nhạy cảm hơn nằm trong máy ảnh của Eddie Adams. Tôi đang ở trong văn phòng thì Eddie chạy vào, chiếc áo chống đạn của anh ta lỏng thong. “Chết tiệt”, anh ta nói. “Tướng Loan bắn một người ngay trước mắt tôi”, anh ta hồn hèn. Anh ta giơ ra cuộn phim. “Tôi hy vọng đã chụp được”.

Tướng Nguyễn Ngọc Loan là chỉ huy Cảnh sát Quốc gia Việt Nam Cộng hòa, một con người đáng sợ, điều hành một tổ chức đáng sợ với phong cách khoa trương và tính khí thích lên cò. Khi chúng tôi chờ đợi cuộn phim được tráng ra, Eddie nói với chúng tôi anh ta đi cùng đội của NBC ở Chợ Lớn. Họ có mặt tại chỗ giao nhau ở chùa Ấn Quang thì nhìn thấy lính thủy đánh bộ người Việt dẫn một tù binh nhếch nhác, tay bị trói đằng sau về phía tướng Loan. Các phóng viên tiếp cận tay cảnh sát trưởng. Khi họ tới gần, Loan đưa khẩu súng lục lên ngang vai, bắn vào đầu tù nhân Việt Cộng. Khi hạ súng xuống, Loan quay sang đám phóng viên và nhận xét với một nụ cười nhạt nhẽo, “Bọn chúng đã giết rất nhiều người Mỹ và nhiều người dân của tôi” rồi bỏ đi.

Một vài phút sau đó nhân viên phòng tối giao đồng phim cho Horst để soi ảnh qua kính lúp. Thường ngày hay có sự cạnh tranh nghề nghiệp giữa Horst và Eddie nhưng hôm đó không phải như vậy. Horst lầm nhảm “chết tiệt” và giao nó cho Eddie trong tiếng thốt sững sờ. Ở đó khoảnh khắc của thần chết, sự thể hiện dã man trên khuôn mặt tay tướng cảnh sát, đôi tay dang rộng, đặt khẩu súng lục lên vai và chỉ cách mặt nạn nhân vài centimet, khuôn mặt tù nhân lộ rõ sự sợ hãi vai viên tướng xoay mình khi anh ta bắt đầu bắn. Kỹ thuật quay phim của phóng viên NBC Võ Sửu đã bắt được khoảnh khắc vàng của toàn bộ cảnh đó bằng cuộn phim màu, nhưng bức hình của Eddie Dam được đưa lên trang nhất của những tờ báo quan trọng hàng đầu trên thế giới.

Eddie chưa hoàn toàn hài lòng với bức ảnh mang lại cho anh ta giải thưởng Pulitzer, ghi tên anh vào lịch sử ngành nhiếp ảnh Mỹ. Anh ta cảm thấy đã phản bội những nỗ lực chiến tranh của nước Mỹ và hủy hoại danh tiếng của tay cảnh sát trưởng người Việt. Anh ta cảm thấy tay cảnh sát trưởng đó bị đẩy vào tình huống quá khích chỉ bởi những áp lực của chiến dịch Mậu Thân. Tôi không đồng ý với suy nghĩ đó. Bức ảnh của anh ta bắt được cái hồn man rợ của tướng Loan và cuộc chiến tranh.

Sự lộn xộn trên các đường phố ở Sài Gòn và những trận chiến mở rộng ở thành lũy cố đô Huế làm chỉ huy tối cao Mỹ điên tiết vì muốn điều khiển dòng chảy tuyên truyền. Cũng giống như vậy khi khủng hoảng đạo Phật năm 1963, đảo chính những năm 1964 và 1965, tình hình hoàn toàn vượt khỏi tầm kiểm soát không thể ngăn được những ảnh hưởng tiêu cực..

AP tham gia tất cả các buổi họp chỉ thị Sài Gòn và viết toàn bộ những quan điểm công khai về các sự kiện gồm những đánh giá tình báo rằng cộng sản đưa ra những đánh giá lầm lớn. Phía cộng sản rõ ràng chịu nhiều tổn thất trên các trận tuyến và đang nhường chỗ cho lực lượng đồng minh. Trong khi đó những đơn vị tác chiến Mỹ cảm thấy hài lòng rằng họ đã dọn sạch thành phố và giành chiến thắng thì dân thường lại không chia sẻ cảm giác chiến thắng với họ. Run sợ, trốn trong nhà, có hàng trăm nghìn người tị nạn chỉ ở vùng đất Sài Gòn.

Hầu hết mọi tổn hại cũng như cuộc tấn công của cộng sản là cách đánh giá khắc nghiệt để đẩy lùi họ. Chúng tôi chứng kiến toàn bộ các tòa nhà của thành phố Sài Gòn trở thành những vùng bắn phá tự do của máy bay gắn súng (gunship) và xe tăng. Từ một trục thẳng trên cao những luồng khói trải trên thành phố giống như vết chân của gã khổng lồ đi ủng có đóng đinh. Những hố xấu xí xuất hiện trên nền đất thành phố nơi từng có rất nhiều nhà và con đường nhỏ có Chợ Lớn, gần sân vận động Cộng Hòa và trường đua.

Lực lượng Mỹ AP dụng những chiến thuật đã được hoàn thiện ở vùng nông thôn vào. Trục thẳng quân đội Hoa Kỳ thổi tung Việt Cộng, vang dội phía trên thành phố cùng những khẩu súng máy nhả đạn và rocket vào cộng đồng dân cư bên dưới. Những kẻ thả bom người Việt san bằng những lán nhà lợp lá của cư dân nghèo khó dọc kênh. Xe tăng và xe bọc thép chở lính. Những đội lính Mỹ mắt mở to ngạc nhiên, vừa trở về từ những cánh đồng và rừng rậm, phải đối mặt với trận chiến không quen thuộc ở những hẻm nhỏ trong vùng đông dân cư này.

Chiến dịch tết Mậu Thân lan rộng từ Sài Gòn tới toàn bộ vùng nông thôn, phát triển trên 36 thị xã và 64 thị trấn. Những người cộng sản xuất hiện từ những cánh đồng và rừng rậm, tràn qua lực lượng an ninh chính phủ vào khu trung tâm dân cư. Chỉ vài ngày trước đó, chỉ huy trưởng nhiệm vụ Bình định

Hoa Kỳ, Robert Komer khoác lác với đám phóng viên rằng con đường quốc lộ 1 được mở từ Sài Gòn thông tới biên giới DMZ (khu phi quân sự) với phía Bắc Việt Nam. Khi tôi gặp John Paul Vann ở Biên Hòa ngay sau khi cuộc tấn công bắt đầu, anh ta nói hài hước về chuyện đó. “Đường quốc lộ có thể mở nhưng hãy cẩn thận những thành phố và thị trấn dọc con đường, rất nguy hiểm”.

Những bản tin đến từ vùng ngoại ô nói về sự tàn phá chưa từng có Eddie Adams tới thăm thị xã Mỹ Tho và Vĩnh Long và trở về cùng những bức ảnh chiến trường. Anh ta nói với tôi: “Sự tàn phá thật ác liệt cậu biết không. Sự hủy diệt vẫn còn âm ỉ, người dân yên lặng nhìn chúng tôi căm thù, chúng tôi, những người Mỹ, họ không thích chúng tôi ở đó vì ném bom và dùng súng trực thăng”.

Tôi muốn tự mình đi xem. Vào ngày 7-2 tôi đi cùng trực thăng không vận Caribou của quân đội Hoa Kỳ cùng nhiều phóng viên khác tới thăm Bến Tre, thị xã thuộc tỉnh Kiến Hòa, nép mình trên đoạn uốn khúc sông Mê Kông chảy qua đồng bằng, đó là địa hình cuối cùng vào biển Đông. Kiến Hòa luôn là tỉnh đầu tiên khi đánh giá những chương trình phản công của Mỹ và những hành động của chính phủ. Tôi đã ở đó một tháng trước khi cuộc phản công bắt đầu.

Trực thăng vận của chúng tôi lao lên âm ỉ trong không khí mỏng manh buổi sáng về phía nam. Tôi nhanh chóng nhận ra chúng tôi bay không đúng độ cao, khoảng 609m, khoảng cách mà bất kì ai ở dưới đất nếu muốn cũng có thể bắn hạ. Quy trình thông thường đối với phi công là bay tầm đỉnh ngọn cây hoặc cao hơn nhiều, tránh xa tầm bắn của súng trường.

Dick Swanson, một phóng viên ảnh của tạp chí Life ngồi cạnh tôi làm cử chỉ cắt ngang cổ khi anh ta nhìn ra qua cửa sổ trực thăng. Mười phút sau, có tiếng nổ lớn trong khoang hành khách. Cơ trưởng đang đứng ở cửa ra vào buồng phi công và anh ta ngã gục. Tôi đoán anh ta bị trúng đạn. Tay phi công nhìn lại đánh giá tình hình khi chiếc máy bay lắc và lao xuống dốc.

Ngay lập tức tôi nghĩ rằng động cơ đã hỏng và máy bay sẽ nổ. Những biểu hiện hoảng sợ tương tự hiện trên các khuôn mặt đồng nghiệp, chỉ một trường hợp ngoại lệ là Jack Foisie của tờ Thời báo Los Angeles, một tay phóng viên trẻ nhưng hóm đầu thét câu yêu thích của mình vào thời điểm vui vẻ hoặc sợ hãi “Yahoo”. Rất may, chúng tôi hạ cánh an toàn và tiếp tục tới Bến Tre. Mọi người nhận ra cơ trưởng chỉ bị ngất. Khi chúng tôi hạ cánh, Swanson lôi ra một khẩu súng trường từ trong túi đựng máy ảnh.

Những xe jeep đang đợi ở đường băng rải nhựa ven rừng đưa chúng tôi vào thành phố. Tôi để các đồng nghiệp đi trước, đi bộ về chòi gác bằng gỗ gần một lán quân đội, tôi nhìn thấy Thiếu tướng Chester L. Brown, sĩ quan

lực lượng Không quân Hoa Kỳ, người đã cho tôi đi cùng trên trực thăng L-19 nhỏ bé của anh ta trong chuyến thăm lần trước. Browne đồng ý lái xe đưa tôi vào thành phố bằng xe jeep của mình. Anh ta cảnh báo tôi sẽ sốc khi chứng kiến Bến Tre bị tàn phá và rất nhiều người chết. “Đó là sự đáng tiếc cho người dân”, anh ta giải thích, trong sự lúng túng phổ biến kiểu này, người dân không biết đâu là vùng chiến, họ không biết nơi nào để trốn, và một số vũ khí chúng ta đang sử dụng là vũ khí đánh phá cấp vùng thay vì chống lại những mục tiêu cụ thể. Cách đó làm mọi người bị thương”.

Ở vùng ngoại ô thành phố chúng tôi nhìn thấy những hàng dừa tan hoang, ngọn cây đã bị xé nát. Những ngôi nhà, cửa hàng ven đường sụp đổ. Khi chúng tôi lái xe dọc con đường chính hướng về phía trung tâm thương mại, Thiếu tướng Brown nói rằng trong những cuộc tấn công ban đêm anh ta thả bom xuống các con đường chính đông đúc mà “đèn trên đường không bao giờ tắt”, anh ta nói.

Chúng tôi đi qua khu nhà bê tông 2,3 tầng hoang vắng. Khu chợ Kiến Hòa từng rất đẹp, nơi tôi đã mua sầu riêng và khế cách đó ba tuần giờ đã là một đồng đống nát. Chúng tôi tới trung tâm hành chính của thành phố dọc bên bờ sông có căn cứ Đội Cố vấn Quân đội Hoa Kỳ 93 chìm ngập trong hàng rào bao cát. Ngôi nhà của tỉnh trưởng và trung tâm điều hành chiến lược người Việt được che chắn qua khu vực cỏ rậm. Từ vùng đất bên trong căn cứ, tôi nhìn qua sông sang bờ bên kia những ngôi nhà mái lá dài hai dặm đã đổ nát. Những ngôi nhà ở bờ phía tây và bắc của thị xã được xây bằng nhau giờ là những đồng gạch vữa lởm chởm.

Tôi hỏi chỉ huy trưởng, cố vấn quân đội, bao nhiêu người dân chết và ông ta dự đoán khoảng 500 đến 1.000 người. “Nhưng chúng tôi không bao giờ biết chính xác vì nhiều gia đình bị chôn vùi dưới đồng gạch vữa”. Tôi từng gặp ông ta trước đây và tôi thích ông ta. Tôi hỏi ông ta làm sao điều đó có thể xảy ra, có quá nhiều người dân chết theo kiểu đó trong một thành phố 35 nghìn dân. Ông ta nhìn vào cuốn ghi chú của tôi, lắc đầu và đáp, “Không ai trong chúng tôi có thể nói điều đó anh biết đấy, chúng tôi không thể công khai nhận xét đối tác người Việt nhất là vào những lúc như thế này”.

Một giọng lầm bầm từ đám đông sĩ quan người Mỹ quanh ông ta và tôi làm cử chỉ đặt bút vào túi áo ngực và nhét cuốn ghi chú vào thắt lưng quần. Tôi nói: “Bây giờ, các anh biết đấy. Tôi từng ở đó trước đây hãy nói cho tôi, tin tôi và tôi sẽ không dẫn lời các anh về bất kì điều gì gây tổn hại tới các anh, tôi không bao giờ làm điều đó. Hầu hết cả nhóm về chốt làm nhiệm vụ nhưng người chỉ huy ở lại nói chuyện, và suốt buổi sáng tôi luôn theo kịp các sĩ quan khi uống cà phê hoặc đi cùng họ quanh chốt.

Một bức tranh hỗn loạn hiện ra và lạc lõng trong sự phòng thủ của thành

phố. Việt Cộng thâm nhập giống như họ đã làm ở Sài Gòn và bắt đầu tấn công lực lượng phòng thủ chưa sẵn sàng, một nửa vẫn còn xả láng trong khi kỳ nghỉ đã qua.

Một thiếu tướng giúp bảo vệ khu cố vấn Mỹ nói với tôi quyết định sử dụng những loại vũ khí ác liệt nhất chống lại Việt Cộng. “Họ là bạn của chúng ta ở ngoài đó, chúng ta chờ đợi đến khi không còn lựa chọn nào khác”, ông ta khấn nài. “Trưởng nhân viên người Việt gọi phản công không quân trên nóc nhà của người hàng xóm vì những người cộng sản đã chiếm giữ nó. Vị trí của chính chúng tôi đang bị đe dọa, trung tâm chính phủ đã bị chiếm đóng gần hết. Vì vậy cần tiêu diệt thành phố để cứu lấy nó”.

Một đại úy Mỹ nói rằng lúc đầu sở chỉ huy quân đoàn ở Cần Thơ còn lưỡng lự khi ra quyết định sử dụng lực lượng trong thành phố. “Chúng tôi đã phải đấu tranh, họ không thích ý kiến đó”, ông ta nói cho tới khi chiến lược được duyệt, máy bay dội bom napan và đạn cùng trực thăng trang bị vũ khí và pháo binh.

Một trung úy Mỹ chứng kiến vụ ném bom nói với tôi, “Những nơi duy nhất mà họ không động tới là những căn cứ của người Mỹ, khu vực chỉ huy của tỉnh trưởng và bệnh viện; những nơi khác đều nằm trong mục tiêu của họ”. Lính Mỹ ở Sư đoàn 9 cuối cùng cũng vào Bến Tre để cứu thành phố sau hai ngày chiến đấu.

Khi chúng tôi lái xe về đường băng, tôi hứa với Thiếu tướng Brown rằng sẽ không trích lời anh ta về bất cứ điều gì gây ảnh hưởng tới nghề nghiệp của anh ta. Anh ta cảm ơn tôi. Điều đó dù sao cũng không tệ, anh ta nói: “Có thể có nhiều xác chết hơn, tôi nghĩ tôi cứu hàng trăm người dân.” Anh ta nói, vào giữa buổi sáng anh ta được lệnh chỉ huy tấn công không quân vào mục tiêu được nói đến là “một nghìn Việt Cộng” đang lẩn trốn phía bắc thành phố. Anh ta hạ thấp trực thăng định vị của mình, nhìn thấy nhóm phụ nữ và trẻ nhỏ mang theo chăn và đồ đạc gia đình, trốn chạy khỏi những ngôi nhà đã bị tàn phá. “Một số Việt Cộng có thể nằm trong số họ nhưng hầu hết đã đi di tản, tôi sẽ không dội bom napan xuống họ, do vậy tôi hủy bỏ tấn công không quân như đã lên kế hoạch”.

Trong chuyến bay về Sài Gòn tôi nghĩ về những gì đã chứng kiến và nghe thấy ở Bến Tre, cụm từ trong cuốn sổ ghi chú của tôi là: “cần tiêu diệt thành phố để cứu nó” hiện ra như một lời bình luận cho thể tiến thoái lưỡng nan cần thiết của chiến dịch Mậu Thân.

Tại văn phòng AP, tôi ngồi trước máy chữ khá lâu trong đêm. Cuối cùng tôi bắt đầu: Bạn nên chĩa súng và hướng trực thăng thả bom vào điểm nào trên các con đường ở chính thành phố của mình? Những tổn thất của người dân vô tội trở nên không liên quan miễn là kẻ thù bị tiêu diệt?

Câu trả lời cho cả hai câu hỏi này chính là những giờ phút đầu tiên ở trận chiến Bến Tre, một thị xã của Đồng bằng sông Cửu Long từng yên bình với 35.000 người. “Cần phải tiêu diệt thành phố để cứu lấy nó”, một thiếu tướng Hoa Kỳ nói. Sự tàn phá thị xã này được thực hiện trong hơn 50 tiếng”.

Tôi viết tám trang và đưa chúng cho người đánh telex chuyển tài liệu đó về Phòng Ngoại sự New York vào lúc 3 giờ sáng. Tôi nằm trên võng trong phòng của Trưởng phân xã và ngủ tới tận khi Tuckman bước vào lúc sáng sớm. Tôi đó Tuckman nhận được cuộc điện thoại từ một nhân viên ở văn phòng thông tin quân đội Hoa Kỳ yêu cầu tôi tiết lộ danh tính vị thiếu tướng đã đưa ra câu nói đó mà tôi nhấn mạnh trong bài viết của mình. Tôi từ chối thẳng thừng vì chúng tôi buộc giấu tên những nguồn tin quan trọng.

Đây là mơ hồ đầu tiên của tôi về mức độ gây tranh cãi từ bài viết của mình. Ngày hôm sau, Phòng Ngoại sự AP nói rằng lời trích dẫn đó vang dội ở Fleet Street, London tới Seoul, Hàn Quốc và trở thành chủ đề bình luận ở Hoa Kỳ.

Một thư kí trong văn phòng của Barry Zorthian nói mức độ đón nhận đoạn thông điệp đó cho thấy Tổng thống Johnson yêu cầu được biết tên vị thiếu tướng đó. Vài ngày sau phóng viên thường trú của Wall Streetjournal, Peter Kann nói cho tôi biết một trực thăng chở đầy sĩ quan lâu năm của Mỹ đã hạ cánh ở Bến Tre yêu cầu biết tên kẻ đưa ra lời nói đó.

Ít nhất chỉ huy quân đội tin rằng vị thiếu tá đưa ra lời trích dẫn đó thực sự tồn tại. Một vài đồng nghiệp của tôi tỏ ra nghi ngờ về tính xác thực của nó. Bill Tuohy của tờ Thời báo Los Angeles viết sau một chuyến thăm Bến Tre, rằng người Mỹ “nghi ngờ lời công bố đó được tạo ra theo khuôn mẫu”, và mỉa mai trích lời một cố vấn dân sự Hoa Kỳ giấu tên nói rằng: “điều đó nghe quá súc tích và thông minh để được nói ra ngay tại hiện trường”. Nhưng những cấp trên của AP vẫn tin tưởng thông tin của tôi.

Tôi trở lại Bến Tre vài tuần sau đó và thấy rằng chẳng có gì thay đổi nhiều. Thành phố vẫn bị tàn phá. Một số công dân Mỹ sẵn sàng được trích dẫn công khai. Vài sĩ quan tôi đã nói chuyện trong chuyến thăm trước đó kéo tôi sang bên và hỏi xem họ có phải chịu trách nhiệm về câu nói nổi tiếng đó không, họ đều chú ý lời bình luận đó và tóm tắt cảm nhận của họ khi nghe thấy lời bình luận. Họ nói rằng lời trích dẫn đó trở nên nổi tiếng trong quân đội và sẽ là thảm họa nếu họ biết ai là tác giả.

Joseph Alsop cân nhắc bình luận bài viết về Bến Tre của tôi, không phải không mong đợi bởi anh ta hiếm khi bỏ lỡ cơ hội bình luận giới báo chí Sài Gòn. Anh ta viết rằng chúng tôi ở giữa những gì anh ta gọi là “đá và chỗ cứng,” chịu tội đồng lõa với kẻ thù nếu cuộc chiến thất bại và cười nhạo cho sự ngu ngốc nếu cuộc chiến thắng lợi.

Quan điểm của Alsop về chiến tranh là anh ta chỉ thỉnh thoảng tới thăm và sau đó ở trong sự che chắn của nhân viên quân đội, chính phủ lâu năm nhất, trở mặt điên dại với những gì chúng tôi viết rằng chúng tôi không bao giờ xem trọng lời anh ta nói. Tôi chạm trán Alsop tại một tiệc tối cho vài phóng viên do Đại sứ Mỹ Ellsworth Bunker tổ chức, người đã nhậm chức năm trước đó.

Sau khi tôi đưa ra vài bình luận về tình hình quân đội, Alsop nhìn tôi qua bàn và nói: “cậu còn non nớt để tạo ra những lời trích dẫn phải không?”. Tôi không quen với lễ nghi khách mời danh dự trong thế giới quý tộc mà Alsop thừa hưởng, nhưng tôi biết phải làm gì, một cuộc phản công trực tiếp cần một lời đáp trả trực tiếp, một bài học tôi học được khi còn là đứa trẻ trên những con đường của Bluff. Tôi đẩy chiếc ghế ra sau và đi vòng quanh bàn với nắm đấm bên tay phải giơ lên đe dọa, và tôi nghe tiếng cười cổ vũ của những gã dự tiệc.

Alsop đứng dậy. Anh ta có thể đã nhìn thấy sự tức giận trong đôi mắt tôi. Trước khi tôi quyết định có nên đấm anh ta hay không thì đại sứ Bunker đứng giữa chúng tôi. “Peter, quay trở lại, ngồi xuống,” ông ta đề nghị, tay ông ta ấn vào vai tôi. Và sau đó ông ta quay sang Alsop: “Còn Joe, cậu lắm chuyện thật, câm miệng lại”.

Tổng thống Johnson đặt chức danh cho Tướng Westmoreland là Tổng tham mưu vào ngày 23-3, bảy tuần sau chiến dịch Tết Mậu Thân. Thật ngốc nghếch khi tin rằng đó là thăng chức. Tờ Tin tức Sài Gòn do người Việt làm chủ giật tít: “Westmoreland thăng tiến”. Và có ít sự bất bình từ Chỉ huy chiến trường Mỹ sẽ rời chiến trường với một chút vinh dự và rất nhiều trách nhiệm.

Cách đây chín ngày, vào 14-3 tổng thiệt hại người Mỹ ở Việt Nam đã qua con số 20.000; tổn thất 3.500 trực thăng và máy bay. Sự chuyển đổi Westmoreland mang đến những câu trả lời thú vị từ những sĩ quan trong hàng ngũ nhân viên của ông ta mà chúng tôi liên lạc với họ. Họ nói về người thay thế ông ta, Tướng Creighton D. Abram, sĩ quan xe tăng trước đây như một lính lâu năm và một nhà chiến thuật khôn ngoan hơn, “Một người lãnh đạo mà chúng tôi nên có từ lâu,” lời nhận xét của một đại tá làm tôi ngạc nhiên. Tay đại tá đã dành hai năm trước đó chỉ để quảng bá những thành tựu của Westmoreland.

Gallagher yêu cầu Faas và tôi đánh giá tình hình Việt Nam tại cuộc họp hàng năm của Ban giám đốc AP ở New York vào tháng 4. Tôi mong đợi chuyến đi. Tôi có rất ít đầu mối về những ý kiến đánh giá khách quan từ công chúng Mỹ vì tôi chôn vùi ngày qua ngày để viết về cuộc chiến, nhưng tôi cũng biết những cuộc biểu tình chống chiến tranh ở các thành phố Mỹ.

Gallagher làm tôi hoảng sợ khi hỏi tôi lời khuyên về việc con trai của ông ta muốn đi tới Canada để tránh quân địch.

Một ngày trước khi tôi tới New York, Tổng thống Johnson đã tuyên bố ông ta sẽ không tranh cử nhiệm kì thứ hai. Ông ta dừng tất cả các chiến dịch không quân và đường thủy chống lại miền Bắc Việt Nam với nỗ lực kết thúc chiến tranh. Các nhân viên AP mà tôi gặp dường như đều bị thuyết phục cuộc chiến đã kết thúc, nhưng những hoạt động chống chiến tranh thì không thấm thía với những lời đề nghị hòa bình khi Horst và tôi chứng kiến ở một cuộc mít tinh biểu tình chống chiến tranh ở Công viên Trung tâm.

Tại Sheep Meadow, hàng nghìn người biểu tình mang theo pa nô hát vang: “Địa ngục, không, chúng tôi sẽ không đi” hay “Hòa bình bây giờ, hòa bình bây giờ” và “Này này, LBJ (Lyndon Baines Johnson) ngày hôm nay ông đã giết bao nhiêu đứa trẻ?”.

Horst lưu ý những người biểu tình mang theo những bức ảnh phóng to của AP từ Việt Nam, gồm bức ảnh hành quyết trên đường của Eddie Adams. Những gì làm tôi ngạc nhiên là một nhóm thanh niên trẻ chống lại quân địch Mỹ diễu hành qua công viên mang theo những lá cờ Việt Cộng lớn. Trong rất nhiều năm tôi ở Việt Nam tôi chưa bao giờ nhìn thấy một lá cờ Việt Cộng bay tự do ngoài những món quà lưu niệm nhật được, bay nhẹ trên một xe tăng hoặc từ ba lô của một người lính. Ở Mỹ, nó có chỗ trong cuộc diễu hành.

Thượng nghị sĩ Harry Byrd ở bang Virginia, một đảng viên Dân chủ bảo thủ là một thành viên của Ban giám đốc AP. Ông ta yêu cầu tôi làm chứng trước ủy ban Vũ trang của Thượng viện Mỹ. Tôi không muốn liên quan tới công chúng trong cuộc tranh cãi chiến tranh nên từ chối. Ngay sau đó tôi nhận được thư tín từ Robert Kennedy trong chiến dịch tranh cử tổng thống yêu cầu tôi tóm tắt cho ông ta về cuộc chiến. Tôi được tặng bốc và hăm hở tuân theo bởi tôi nghĩ có thể dựa vào sự chín chắn của ông ta.

Gallagher suy nghĩ lời đề nghị của tôi với sự thích thú và từ chối: “Cậu đã từ chối cơ hội làm hài lòng một trong những thành viên Ban giám đốc AP và mong đợi tôi đồng ý điều này sao?”.

Buổi tối trước khi trở lại Việt Nam, tôi đi bộ ra khỏi Khách sạn American ở Midtown Manhattan và xuống đường Broadway. Tôi nghe thấy một người bán báo hét lên: “Những vụ giết người ở Sài Gòn, Những vụ giết người ở Sài Gòn, tới và mua đi”. Tôi bước ngay lại và anh ta giao cho tôi một tờ Tin tức hàng ngày New York có bức hình khủng khiếp trên trang nhất về những cơ thể đầm máu được đắp phủ cạnh một xe jeep nhỏ. Một trong những nạn nhân có thể là người bạn cũ ở Bangkok của tôi John Cantwell, người đã bỏ AP sang làm cho tờ Time trước đó một năm. Anh ta đã chết trên đường Chợ

Lớn cùng ba đồng nghiệp khác, những nạn nhân trong một trận mai phục của Việt Cộng.

Tôi bị sốc. Họ còn trẻ và năng nổ. Tôi tự hỏi về chính mình. Tôi là chồng của một người vợ chung thủy, cha của hai đứa con nhỏ và nhất quyết trở về cuộc chiến. Tôi được biết từ Trưởng phòng nhân sự AP, Keith Fuller rằng Tổng thống Johnson lại chú ý tới tôi một lần nữa. Ông ta mời nhân viên AP tới văn phòng riêng vào tháng 3 sau bữa ăn trưa gồm hamburger và sữa, ông ta lưu ý ông ta đã quyết định đưa Barry Zorthian ra khỏi Việt Nam “bởi vì ông ta đã ở đó quá lâu”.

Sau đó Tổng thống hỏi: “Giờ thì có phải tay Peter Arnett người Australia cũng ở Việt Nam quá lâu phải không?”.

Buổi sáng hôm sau, tôi lên chuyến bay Pan Am Clipper trở lại Sài Gòn.

Chương 21: Những Người Bị Lãng Quên

Tôi trở lại Việt Nam cuối mùa hè năm 1968 với niềm tin rằng cuộc chiến sẽ nhanh chóng kết thúc bởi những đàm phán hòa bình đã bắt đầu ở Paris và việc đánh bom miền Bắc Việt Nam đã dừng. Nixon tranh cử với lời hứa về một “kế hoạch bí mật để kết thúc chiến tranh” điều giúp ông ta đắc cử. Khi tôi về vùng nông thôn, tôi chứng kiến cả hai bên tranh giành tuyên bố lãnh địa trong hy vọng ngừng bắn. Điều đó kết thúc chiến tranh bắn phá nhưng lại bắt đầu chiến tranh chính trị.

Về cơ bản, ngừng bắn chẳng bao giờ diễn ra. Thay vào đó là nỗ lực nhanh chóng kết thúc chiến tranh, chính quyền Nixon cố gắng kết thúc đề tài người Mỹ bằng cách rút lui nhẹ nhàng, giữ thể diện và tiếp tục xây dựng lực lượng miền Nam Việt Nam tiếp tục chiến đấu.

Rút lui được xem là chiến thuật quân sự khó nhất và chúng tôi bắt đầu viết về tinh thần, nhuệ khí của những lính Mỹ và cảnh ngộ của những người còn lại giúp lực lượng Cộng hòa. Cuối tháng Sáu chúng tôi nghe thấy doanh trại Lực lượng Đặc nhiệm của Ben Hét bị chiếm đóng. Những tay pháo binh và kỹ thuật Mỹ bị giam ở đó.

Ngày 26-6-1969, kỉ niệm năm thứ 7 đến Việt Nam của tôi. Tôi cố gắng tới thăm doanh trại bằng cách đi nhờ một trực thăng quân sự Mỹ tới Kontum, bay cùng Ollie Noonan, một phóng viên ảnh tự do cho AP và phóng viên truyền hình Don Webster của CBS và đội của anh ta. Doanh trại xa xôi nằm trên ngọn đồi gần biên giới Lào hỗn loạn, những hàng rào thép gai han rỉ, những bao cát và những lối đi đầy bùn. Khi chúng tôi đi qua cửa chính thì tiếng đạn súng lao tới làm chúng tôi co rúm lại, xuống hào trú ẩn.

Đội CBS đi vòng quanh doanh trại phỏng vấn đội Đặc nhiệm, còn Noonan và tôi dừng lại ở đội pháo binh Mỹ ở đồi phía bắc, nơi chúng tôi gặp gỡ với hàng tá lính không cạo râu, cẩu bẩn nói rằng họ bị sở chỉ huy quên lãng, không được tắm nước sạch trong năm ngày, uống nước bụi bẩn đầy chất codit, đựng nước mưa mùa khô trong những chiếc áo poncho.

Những lời phàn nàn tức giận của họ như thiếu đạn dược và thức ăn, sự an toàn lỏng lẻo và đó là những điều nghiêm trọng nhất tôi từng nghe tới ở Việt Nam. Những người Mỹ cảm nhận họ là những người bị treo trên cây vì chỉ huy tối cao Hoa Kỳ nhận thấy Bến Hét là một cơ hội cho quân đội Cộng hòa thể hiện trách nhiệm và họ đã không can thiệp vào.

Chỉ huy đội pháo, Đại úy John Horalek nói rằng dù như vậy nhưng họ vẫn cố gắng làm công việc của mình trong nhuệ khí đang mất dần. “Nếu chúng tôi ở đây giúp đỡ phòng thủ thì chẳng có gì còn lại của Bến Hét cả”, anh ta đang nói, thì một luồng đạn pháo cối bay tới rơi ngay giữa hàng pháo binh

của anh ta. Lính bị bắn tới tấp với những mảnh đạn được đưa đi hoặc tự kéo lê vào một boongke tốt tắm để chữa trị.

Dưới ánh nền thỉnh thoảng sáng hơn bởi ánh đèn bập bùng từ chiếc đèn máy điện, Horalek và các bác sĩ đang giúp những người bị thương với niềm hy vọng trực thăng cứu viện sẽ đến không lâu. Ngay sau khi chúng tôi chuẩn bị rời khỏi đó thì lính pháo binh mất điều xa xỉ cuối cùng: một luồng đạn pháo đã vào boongke nơi họ để chiếc ti vi đen trắng 12 inh.

Sự tinh ngộ trong doanh trại phản ánh cuộc khủng hoảng rộng lớn hơn về lòng tin vì Mỹ cố gắng rút ra khỏi cuộc chiến mà không cần tìm kiếm giải pháp hoặc chấp nhận thất bại. Tôi đặt nhan đề cho câu chuyện của mình là “Những người đàn ông bị lãng quên của Bến Hết” và cố gắng viết về những đấng cay bao trùm khu vực đó.

Tổng tư lệnh Bộ tham mưu Liên quân Hoa Kỳ, Tướng Earle Wheeler phản nản câu chuyện với Thượng nghị sĩ Harry Byrd và với Gallagher, người rất hài lòng với bài viết của tôi. Những lời lẽ cuối cùng về sự việc đó là lời của những người lính Bến Hết trong một bức thư gửi cho tôi theo địa chỉ văn phòng AP ở New York ngày 7-7:

“Chúng tôi là những người lính của đội pháo, Tiểu đoàn 3, Pháo binh 3 mong muốn được thể hiện sự biết ơn và lời cảm ơn sâu sắc nhất của mình tới một người phóng viên đã mang bóng tối ra ánh sáng. Trong khi anh ở tại đội pháo A mặc dù chỉ là thời gian ngắn nhưng anh đã chứng kiến tình thế khó khăn của chúng tôi. Một vài ngày sau khi anh đi, chúng tôi đã nhận được thư và báo từ nhà, và những người đàn ông của Đội pháo A cuối cùng cũng được đọc câu chuyện của chính họ. Anh sẽ không thể tin được nhuệ khí của chúng tôi lên cao như thế nào khi biết những người ở nhà hiểu được cái địa ngục chúng tôi đang phải trải qua, và biết chúng tôi không còn là những người lính bị lãng quên nữa. Điều này mang đến cho chúng tôi hy vọng và lòng tin mới vào đất nước chúng ta. Chúng tôi nhận được hàng tấn đạn dược, và thực phẩm tiếp tế. Những phóng viên như anh đã phải đấu tranh sinh tồn tại những điểm nóng để có được sự thật và viết nên sự thật, xứng đáng với lòng biết ơn của những người lính Đội pháo A. Cảm ơn chúa vì những người đàn ông dũng cảm và chịu đựng giống như anh”.

Những nỗ lực quân sự của Mỹ ở Việt Nam đang tan rã được chứng minh rõ ràng nhất bằng vụ thảm sát Mỹ Lai, và hơn nữa là những lời đồn đại về một số sĩ quan không thực hiện mệnh lệnh, nghiện thuốc phiện, giết người. Horst và tôi gặp một ví dụ về nhuệ khí binh lính đang tan ra như mây khói khi chúng tôi tiếp tục nhiệm vụ buồn tẻ tìm lại xác của Ollie Noonan, người đã chết trong vụ nổ trực thăng cuối tháng 8 ở thung lũng Sông Chàng xa xôi phía nam Đà Nẵng.

Horst tham gia cùng Tiểu đoàn 3, Lữ đoàn bộ binh Tia chớp 196 di chuyển theo sườn núi đá của Núi Lớn xuống vị trí vụ nổ. Tôi ở lại căn cứ doanh trại tiểu đoàn ở trung tâm vùng hạ cánh trên đỉnh núi cùng chiếc bộ đàm liên lạc với Horst và truyền thông tin về văn phòng Sài Gòn khi thi thể Ollie được tìm thấy. Đại đội A của tiểu đoàn đang tản ra tìm kiếm. Họ rơi vào mê cung những hầm của người Bắc Việt và bị tổn thất nặng nề.

Sau đó năm ngày, những người đàn ông đó lĩnh đủ. Đại tá Robert C. Bacon yêu cầu Đại đội trưởng, Trung úy Eugene Shurtzir tiến về mục tiêu phía trước. “Tôi xin lỗi thưa ngài, những người của tôi từ chối đi. Chúng tôi không thể ra ngoài,” Shurtz gọi bộ đàm trở lại. Khi Horst nghe thấy, Đại tá Bacon hỏi: “xin hãy nhắc lại, anh có nói với họ điều này có nghĩa là không tuân lệnh trong trận chiến không?”.

Câu trả lời là: “Tôi nghĩ họ hiểu nhưng một số đơn giản đã lĩnh đủ họ mất nhuệ khí rồi. Có những cậu bé ở đây chỉ còn 90 ngày nữa là rời Việt Nam. Họ muốn về nhà bình yên. Vấn đề ở đây là tâm linh”.

Đại tá Bacon chen vào: “Anh đang nói về các binh nhì hay các hạ sĩ?” và Trung úy Shurtz đáp lại “Đó là khó khăn ở đây, chúng tôi gặp cả khó khăn chỉ đạo, hầu hết đội của chúng tôi và các chỉ huy trung đội đã bị giết hoặc bị thương”.

Đại tá Bacon lặng lẽ khuyên anh ta: “Hãy đi nói chuyện với họ một lần nữa và nói với họ rằng theo những gì chúng ta biết thì giờ các boong ke đều trống không, Việt Cộng đã rút. Nhiệm vụ của Đại đội A là tìm kiếm xác chết. Họ không có lý do gì để sợ. Hãy đếm xem bao nhiêu người thực sự không muốn đi”.

Trung úy quay trở lại đội lính sau vài phút. “Đại tá, họ sẽ không đi, và tôi không đề nghị giơ tay vì tôi sợ rằng tất cả sẽ ngấm ngấm với nhau”. Cuối cùng Đại tá ra lệnh cho anh ta: “Bỏ lại những người lính ở trên đồi và điều động đơn vị không quân chỉ huy tới mục tiêu.”

Tôi chờ đợi ở sở chỉ huy tiểu đoàn thì Đại tá Bacon gọi bộ đàm giúp đỡ, yêu cầu hai nhân viên của ông ta tới hiện trường để nói chuyện lí lẽ với Đại đội A để “cho họ lời động viên và ném họ vào chỗ cụt”. Tay đặc phái viên đó là sĩ quan tiểu đoàn, Thiếu tướng Richard Waite, một cựu binh dày dạn kinh nghiệm ở Việt Nam và Trung sĩ Okey Blankenship đến từ Panther, West Virginia. Họ không đề tôi lên máy bay nhưng đồng ý nói chuyện với tôi sau đó.

Họ nhìn thấy những lính bộ binh ngời mệt mỏi trong những đám cỏ lau, một số có những kí hiệu hòa bình khắc trên mũ và một số khác thì có chuỗi hạt quanh cổ. Những khuôn mặt râu ria, những bộ trang phục nhàu nát đầy máu. Một người đang khóc, những người khác thì tức giận và giải thích tại

sao họ không di chuyển, rằng họ chán ghét cuộc chiến không có hồi kết, ở những cánh rừng trong cái nóng, sự nguy hiểm thường trực của những trận bắn phá bất ngờ ban ngày và những cuộc tấn công súng cối, những cuộc tấn công tìm kiếm của kẻ thù ban đêm. Họ nói họ thiếu ngủ và phải làm việc cật lực. Họ không có thư trong nhiều tuần, không có thức ăn nóng và những thứ nhỏ nhặt khác khiến cho cuộc hành quân là không thể chịu đựng được.

Trung sĩ Blankenship nói với tôi anh ta nhìn vào những tay lính 18 và 19 tuổi hiểu rằng có một thế hệ khác biệt với họ không chỉ về tuổi tác mà là quan điểm. Một lính trẻ cãi rằng đơn vị của anh ta chịu đựng quá nhiều và không nên tiếp tục nữa. Nhưng Blankenship, một người đàn ông nóng tính đáp lại giận dữ với một lời nói dối trắng trợn – một đại đội bộ binh khác còn 15 người và họ vẫn đang di chuyển. Khi một người hỏi tại sao họ lại làm vậy, anh ta đáp, “Có lẽ họ có điều gì đó hơn những gì các cậu có một chút”.

Tay lính thét lên giận dữ: “Đừng gọi chúng tôi là những kẻ hèn nhát, chúng tôi không phải là những kẻ hèn nhát,” và chạy về phía tay trung sĩ với nắm đấm giơ lên. Blankenship quay lưng lại và đi tới nơi Trung úy Shurtz đang chờ đợi với vẻ chán chường. Anh ta quay lại và thấy những người lính của Đại đội A đang chuyển động, nhặt súng, đứng xếp đội hình lỏng lẻo và theo anh ta xuống sườn núi trở lại trận chiến.

Đại đội A tới được hiện trường vụ nổ vào cuối ngày, lấy được xác của Ollie Noonan và những người khác. Horst và tôi bay trở ra căn cứ Hoa Kỳ ở Chu Lai, tôi viết nguệch ngoạc câu chuyện của mình trong cuốn ghi chú trong khi Horst cố gắng liên lạc với văn phòng AP Sài Gòn bằng điện thoại. Cuối cùng khi anh ta liên lạc được thì tôi có thể đọc bài viết nghìn từ về sự khó nhọc của Đại đội A. Câu chuyện truyền nhuệ khí ở Mỹ. Có một bài bình luận đáng quan tâm về những gì người phụ trách chuyên mục James Reston gọi là “luồng hơi nổi loạn” trong quân đội và cuối cùng cần kết thúc việc giết chóc những cậu bé Mỹ ở Việt Nam và mang tất cả họ về nhà.

Trung úy Shurtz bị điều động khỏi Đại đội A, được cử tới nhiệm vụ ít trách nhiệm hơn ở sư đoàn. Không có hành động nào chống lại những người lính của anh ta. Nhưng câu chuyện về những người lính miễn cưỡng của Đại đội A đang trở thành câu chuyện của chiến tranh.

Chương 22: Đụng Độ Gallagher

Mười lăm tháng sau khi Richard Nixon đắc cử, ông ta ra lệnh đổ bộ quân Mỹ vào Campuchia. Ông ta không chỉ làm những người biểu tình ở Hoa Kỳ sửng sốt mà cả giới báo chí Sài Gòn khi bắt đầu chiến lược lâu dài giới hạn chiến tranh mặt đất với Việt Nam. Vào ngày đầu tiên đổ bộ, ngày 1-5-1970, tôi bay tới Campuchia cùng chỉ huy vùng chiến thuật người Việt, Tướng Đỗ Cao Trí bằng trực thăng Huey của ông ta.

Tướng Trí là một sĩ quan trẻ khoa trương, đội mũ nôi màu đỏ và mang theo gậy chỉ huy. Ông ta được coi là chỉ huy chiến trường, và quan trọng hơn là thích thể hiện với phóng viên phương Tây. Vào giữa buổi trưa, ông ta sà xuống đội hình xe tăng người Việt, tránh những tay súng bắn tỉa, yêu cầu họ tiếp tục di chuyển. Ông ta chỉ huy những xe dẫn đầu, nhảy vào chiếc xe bọc thép cá nhân, chỉ chiếc gậy của mình về vị trí tay súng bắn tỉa trong một làng nông thôn nhỏ phía trước và hét mệnh lệnh bắn trả.

Vùng biên giới không được Chính phủ Campuchia canh gác và từ lâu được coi là khu căn cứ của cộng sản. Đó là khu vực thường bị lực lượng Bắc Việt thâm nhập. Tuần trước tôi đi cùng Steve Bell của ABC (Hãng truyền hình của Úc) và đội của anh ta trên đường quốc lộ 1 tìm kiếm Tiểu đoàn lính bộ miền Nam mà chúng tôi nghĩ ở phía trước. Chúng tôi lái xe tới tận thị xã Svây Riêng của Campuchia. Ở đó hoang vắng, trông nguy hiểm do vậy chúng tôi lái xe trở lại theo đường đã đi.

Đổ bộ diện rộng gây ngạc nhiên cho cộng sản và đẩy họ trở lại sâu trong rừng, rời bỏ những kho lương thực, đạn dược và vũ khí dưới lòng đất. Phản công lúc đầu còn yếu và không khí hoang mang phổ biến trong các lực lượng Mỹ. Tại một chốt pháo trong vùng “lưỡi câu” của chiến dịch tôi kí tên mình cho một số sĩ quan trẻ, những người mới đến Việt Nam gần đây và nhận ra tên tôi trong một số tên, bài.

Đổ quân vào Campuchia gây tranh cãi là câu chuyện lớn nhất ở Việt Nam từ chiến dịch Mậu Thân. Sự cạnh tranh xuất hiện để đáp ứng những yêu cầu của các biên tập viên lo lắng chỉ ra khủng hoảng đầu tiên to lớn của chính quyền Nixon. Các phóng viên và nhiếp ảnh đồ ra khắp vùng chiến tìm kiếm những tin sốt dẻo.

Ngày 3-5, tôi đi cùng trên trực thăng vận C-130 của Không lực Hoa Kỳ tại sân bay Tân Sơn Nhất hướng về Lộc Ninh, chở đầy lính Mỹ. Chúng tôi xếp theo hàng, bám vào những sợi dây treo trên ca bin. Chúng tôi gặp phải đợt gió mùa lốc đảo máy bay làm hầu hết hành khách gồm cả tôi buồn nôn.

Sau đó tôi xuống trực thăng ở chốt tiền đồn lính biệt kích người Việt và gặp một sĩ quan Mỹ phanh ngực, ướt đẫm mồ hôi, có lẽ anh ta đang chịu

đụng sự mệt mỏi của chiến trường. Trong một chuỗi lời lẽ tục tĩu thét ra, anh ta nói cho tôi những gì anh ta nghĩ về báo chí và rút ra khẩu súng 45 li dọa tôi và yêu cầu tôi rời ngay lập tức, may mắn là tôi được một vài sĩ quan Việt Nam Cộng hòa cứu. Họ thuyết phục tôi nên ở phòng tuyến tiếp theo mà quan sát.

Trong mọi hoàn cảnh tôi vui vẻ đi cùng một trực thăng cứu tế lực lượng thiết giáp Mỹ bị lính cộng sản đào hào chặn bên ngoài thị trấn Snuol và đang chờ hỗ trợ không quân dọn sạch đường đi phía trước. Đại tá chỉ huy nói rằng đội xe tăng buộc phải rút lui khỏi Snuol lúc sáng và sẽ phản công vào hôm sau. “Tôi được cử tới đây vì đây là trung tâm của các hoạt động Bắc Việt; là nơi giao vận và tiếp tế của họ. Chúng tôi không có lựa chọn nào khác là chiếm lấy nó”. Đại tá còn cho tôi sử dụng trực thăng của ông ta trong hành trình bay trở lại Ninh Lộc viết bài về chiến trường. Vào buổi tối tôi đã trở về để chuẩn bị cho cuộc tấn công vào buổi sáng.

Khi trời rạng sáng, một làn sóng tấn công không quân qua các rừng cao su và vào thành phố cách chúng tôi một dặm. Khói bụi đất đỏ từ gạch vỡ và khói đen cuộn lên trời. Trong khi dùng bữa vào lúc 9 giờ sáng, tôi cùng Lon Diniel của UPL và đội tin NBC leo lên những xe tăng di chuyển về phía trước trên đường. Những người lính căng thẳng và không chắc những người lính cộng sản đã rút lui dù tất cả đều cho rằng tấn công không quân ác liệt tới mức rất ít người có thể sống sót.

Snuol là thị trấn chỉ có hai dãy nhà. Có lẽ nó từng là bức tranh với vài con đường trồng cây và hoa ở những khu vườn đằng trước, nhưng tất cả những ngôi nhà và cửa hàng bằng bê tông hai tầng bị bom hủy diệt và chỉ một hàng những cửa hàng bằng gỗ còn tồn tại, những cánh cửa ra vào khóa và cửa sổ bị chặn. Những người Mỹ tìm kiếm mọi thứ từ đồng tàn tích và tôi nhìn thấy một người lính chạy ra từ một cửa hàng mì Trung Hoa đang bốc cháy, trên tay đầy rượu Campuchia, một tay phiên dịch tiếng Việt đằng sau anh ta giật lấy một thùng sô đa đưa vào một xe tăng.

Chúng tôi quan sát những người lính khác phá những cánh cửa những cửa hàng còn lại, ăn trộm đồng hồ và mang ra những thiết bị điện tử trước khi cho tòa nhà bốc cháy. Một người lính mang ra một va li đầy giấy mới về xe tăng của mình, những người khác mang ra những chiếc xe máy và buộc chúng vào tháp súng ở xe của họ. Sau khoảng một giờ cướp phá, một sĩ quan tới thét lên: “Tránh xa những thứ đó ra, chúng ta đang hành quân”. Những tay lính cười và leo lên xe tăng.

Tôi sốc với cảnh tượng đó. Suốt thập kỷ trước, sự thái quá của quân đội miền Nam Việt Nam luôn là mối lo lắng thường trực đối với các cố vấn Hoa Kỳ. Bây giờ những người Mỹ không quan tâm đến những quy định cơ bản

của chiến tranh phản công rằng không được lợi dụng dân thường. Những thói quen tẻ nhạt nhất của học trò giờ đang được thầy giáo sử dụng.

Đầu giờ chiều, Lon Daniels và tôi đi nhờ một trực thăng tiếp tế hướng về phía nam và hạ cánh ở Tây Ninh. Ở đó có trực thăng không vận Caribou của quân đội Hoa Kỳ đang khởi động để bay trở lại Sài Gòn. Vào cuối buổi chiều, chúng tôi đã ở trong một taxi qua những con đường thành phố trở về văn phòng.

Chúng tôi không nói chuyện nhiều với nhau trên đường về nhà. Tôi biết Daniels đang suy nghĩ xây dựng bài viết. Anh ta là một phóng viên có kỹ năng, có danh tiếng với những cụm từ biến đổi đầy màu sắc. Tôi biết rằng mình đã có đủ tài liệu cho ngày hôm đó. Chiếc taxi đỗ tại văn phòng của tôi trước. Tôi nói tạm biệt và bước đi lặng lẽ vào tòa nhà.

Khi chiếc taxi biến mất ở góc đường, tôi đóng cửa thang máy và ngay sau đó ngồi vào máy đánh chữ. Tôi viết câu chuyện với rất nhiều chi tiết và nó trở nên huyền ảo với dịch vụ tin quốc tế. Cùng với bài báo, Horst chuyển ba bức hình tôi đã chụp ở Snuol. Trong khi còn rất nhiều thời gian cho các báo buổi sáng ở Mỹ thì tôi về nhà mệt mỏi.

Tôi ngủ dậy muộn và trở lại văn phòng vào buổi trưa. Không có lời chào hỏi thông thường. Tôi biết có điều gì đó không ổn thì Horst tới chỗ tôi, đặt tay lên vai tôi và nói: “Tôi có thể hiểu nếu anh bỏ việc”. Trưởng phân xã lúc ấy, Dave Mason, đưa cho tôi thông tin từ biên tập ngoại sự Ben Bassett nói về những điều không hài lòng của New York với bài tin của tôi. Tôi đã quen với quan điểm này từ chính phủ nhưng chưa bao giờ mong đợi điều này từ AP:

“Chúng ta đang ở giữa tình hình có trách nhiệm cao của Mỹ liên quan tới Đông Nam Á và phải bảo vệ những bài tin của chúng ta ở thể trung lập và làm dịu cảm xúc. Đặc biệt, hôm nay chúng tôi đã bỏ phần cướp bóc và những thứ đại loại như vậy ra khỏi bản nháp của Arnett vì chúng tôi không nghĩ đó là bản tin vì những thứ như vậy xảy ra trong chiến tranh và trong bối cảnh hiện tại có thể là sự kích động”.

Triều đại của Keng là “bối cảnh hiện tại” mà Bassett ngụ ý tới. Bốn sinh viên đã bị bắn chết bởi nhân viên an ninh quốc gia bang Ohio. Đồng nghiệp Richard Pyle đang nhìn tôi, chờ đợi. Tôi nổi tiếng là có tính cách nóng nảy khi bị chọc tức và điều này chắc chắn đủ lí do để tức giận.

Tôi đã không bùng nổ. Tôi biết rằng quyết định đó được đưa ra vội vàng. Tôi đã thua trận nhưng hy vọng sẽ chiến thắng cuộc chiến bằng cách nào đó tôi sẽ làm cho rõ ràng với AP tầm quan trọng của tất cả những gì chúng tôi đã làm ở Việt Nam trong suốt những năm dài, từ đấu tranh của Browne với Chính quyền Diệm đến những ngày đạo đức giả của Johnson và những cái

chết của nhân viên chúng tôi.

Các nhân viên Sài Gòn không thể tin chúng tôi được yêu cầu không tuân theo những hướng dẫn làm tin cả thập kỉ rồi. Dave Mason gọi điện cho Gallagher và nói với ông ta rằng có “một cuộc khủng hoảng lòng tin” trong văn phòng.

Tôi cất tiếng khóc cay đắng từ trái tim: “Tôi bị quyết định của New York xúc phạm về nghề nghiệp, giết chết tất cả câu chuyện và những bức ảnh liên quan tới vụ cướp phá Snuol, họ cho rằng đó là sự kích động chứ không phải bản tin. Cá nhân tôi cũng buồn với lời nhận xét của biên tập ngoại sự Bassett rằng đó là một bài tin mang cảm xúc. Để lờ đi những vấn đề bản thủ trong việc đổ bộ của Mỹ vào Campuchia chắc chắn sẽ có việc lờ đi nhiệm vụ của một phóng viên. Tôi thấy rằng giờ không thể thỏa hiệp bài tin của mình thích hợp với quan điểm chính trị Mỹ. Tôi dự định tiếp tục viết về chiến tranh theo cách của nó diễn ra và sẽ để trách nhiệm ngăn chặn tin bài cho New York”.

Để làm cho tình hình tệ hơn, chuyện của Lon Daniel gồm chuyện cướp bóc đã lan tràn toàn nước Mỹ và được tờ Washington Post sử dụng như là bài xã luận hàng đầu về tính chất vô vị trong chính sách đối với Việt Nam.

Tôi rò rỉ câu chuyện cho Kevin Buckley của tạp chí Newsweek biết để buộc AP phải tiết lộ ra, và tuần sau đó một bài báo xuất hiện trong tờ tạp chí đó trích lời của Gallagher khi chấp nhận rằng ông ta đã “sai lầm trong việc đánh giá”.

Sáu năm sau khi Gallagher nghỉ hưu, ông ta nói rằng bịt miệng câu chuyện của tôi là một trong những lỗi lầm lớn nhất từng làm.

Chương 23: Kết Thúc Nỗi Âm Ảnh

Sau khi đổ bộ vào Campuchia, tôi cảm thấy suy xét về sự xuất sắc của Việt Nam khi quan sát chính quyền mở rộng chiến tranh. Tôi sợ rằng tôi sẽ không còn là người quan sát không thiên vị nữa. Cũng như những người khác đã vỡ mộng trước tôi, tôi cảm thấy tức giận khi chiến tranh độc đoán về giải pháp, những tin, bài hay những sự hy sinh khủng khiếp dường như đóng góp rất ít để kết thúc chiến tranh. Tôi muốn bỏ đi. Tôi đã sẵn sàng.

Horst dường như cũng cảm thấy vậy, và chúng tôi quyết định sẽ cùng bỏ đi, giống như chúng tôi đã đến cùng nhau hơn 8 năm trước. Nina rất vui mừng tới sống ở thành phố New York, nơi cô ấy từng là nhân viên quản lý thuốc, nhưng AP lại có ý khác, gợi ý chúng tôi chuyển tới Hồng Kông hoặc như Gallagher nói với tôi, “Một nơi nào ở trong cộng đồng của Anh giống như Canada sẽ chấp nhận quốc tịch của cậu”. Nhưng Nina không từ bỏ và tôi thì có tham vọng với những thành công của đồng nghiệp giống như David Halberstam và Neil Sheehan, những người đang xây dựng nghề nghiệp lâu dài.

AP cuối cùng cũng đồng ý với yêu cầu của chúng tôi, và chúng tôi lập kế hoạch rời đi. Tôi hăm hở rằng Horst và tôi sẽ tiếp tục hợp tác, điều đã hỗ trợ chúng tôi rất tốt và gợi ý chúng tôi sẽ là một đội lâu năm. Nhưng AP không thích ý kiến đó và cuối cùng Horst không sẵn lòng cắt đứt sợi dây đã buộc chặt anh ta với châu Á. Anh ta quyết định chuyển tới Singapore. Có một bức hình cuối cùng chụp toàn bộ nhân viên AP và tiệc ngậm sâm banh tại sân bay. Và chúng tôi đi tới những điều tốt đẹp, tôi nghĩ vậy.

Tôi rời Sài Gòn mùa hè năm 1970 với niềm tin rằng những ngày làm tin của tôi đã kết thúc. Chúng tôi nán lại ở Hồng Kông một tuần để tôi may vài bộ đồ mới. Tôi đặt hai bộ cỡ to hơn bình thường để hợp với những gì tôi nghĩ sẽ là diện mạo mới của mình với cảnh tượng New York ít say sưa hơn.

Tôi làm choáng văn phòng AP khi đưa cả gia đình vào Khách sạn Pierre ở đại lộ số 5, Manhattan, nơi tôi đã được dẫn tới và nghĩ rằng đó là tòa nhà kiểu Pháp nhưng lại là nơi hơn thế và đắt đỏ hơn.

Khi chúng tôi tới nơi thì nhận ra đang đi chung thang máy với Tricia Nixon, con gái của Tổng thống.

Trưởng nhân sự AP, Keith Fuller ngồi trong tiền sảnh rộng rãi nhâm nhi rượu Scotch và Soda cùng cái nhìn sừng sốt trên khuôn mặt. “Tôi thường tự hỏi không biết nơi này thực sự trông như thế nào bên trong”, anh ta nói. Chúng tôi ở Pierre một thời gian ngắn trước khi thuê được một căn hộ thoải mái ở Riverdale. Một vài đồng nghiệp phóng viên từ Sài Gòn là hàng xóm của tôi và chúng tôi vui mừng ổn định ruột cuộc sống không có chiến tranh.

Wes Gallagher cảnh báo tôi sẽ phải “tắm” về tài chính bằng cách rời bỏ phong cách sống thoải mái của Đông Nam Á dành cho Mỹ và ông ta đã đúng. Tôi phải trả thuế thu nhập, lần đầu tiên trong đời và hiểu rõ nỗi vất vả đi lại và nhiệm vụ trong một môi trường chuyên nghiệp. Tom Buckley, trở lại tờ Thời báo New York ở New York, viết cho tôi, “Chào mừng đến thành phố duy nhất trên thế giới khó sống hơn cả Sài Gòn”.

Trụ sở AP ở số 50 trung tâm thương mại Rocketfeller. Toàn bộ tầng 4 dành cho thu thập và xử lý tin tức, nơi các biên tập viên với khuôn mặt xanh xao trên bản nháp làm theo ca. Khi tôi đi tới Phòng Ngoại sự, những máy telex truyền về những bài tin thô từ văn phòng nước ngoài của AP và tôi ngó liếc những câu chuyện về Sài Gòn chỉ để chắc rằng không có gì thay đổi nhiều.

Gallagher quyết định nhiệm vụ đầu tiên của tôi là viết một chuỗi những câu chuyện về Hoa Kỳ. Ông ta yêu cầu Horst tới từ Singapore trong vòng ba tháng chụp các bức hình. Horst và tôi tiếp cận nhiệm vụ “gặp gỡ với Mỹ” như khi chúng tôi viết về chiến tranh: chúng tôi thuê một xe ở San Francisco và đi theo bản năng.

Trong những ngày đầu tiên, chúng tôi tới thăm những người dân hippies ở quận Haight – Ashbury, nói chuyện với những gã nghiện rượu ở các khu nhà ổ chuột và gặp gỡ các nhà hoạt động xã hội người da đỏ bất hợp pháp chiếm đóng nhà tù Alcatraz. Chúng tôi có ý định chuẩn bị những bài tin thông thường nhưng nhanh chóng rơi vào rắc rối với Gallagher, ông ta không thích bài tin đầu tiên của tôi. Đoạn tin ông ta gửi là: “tránh xa những khu nhà ổ chuột và vùng dành riêng cho người da đỏ, đó không phải là người Mỹ tôi muốn các cậu gặp”.

Chúng tôi lờ đi lời khuyên của ông ta. Trong ba tháng đi lại, Chúng tôi có thể chụp nhiều ảnh mang vẻ đẹp nguyên sơ và nhiều công dân thẳng thắn hơn tôi tưởng. Tôi dùng hết 27 cuốn ghi chú cho các cuộc phỏng vấn.

Giải quyết với tất cả tài liệu của chúng tôi thành những bài tin dễ đọc mất rất nhiều công sức của các biên tập tin và ảnh, dẫn đến nhiều cuộc tranh cãi. Hai ngày trước khi chuỗi tin bắt đầu, Gallagher gọi tôi tới văn phòng ông ta. Ông ta đã đầu tư rất nhiều tiền và nhân viên vào chuỗi bài đó nhưng nó lại đi theo hướng ông ta không mong đợi, ông ta đặc biệt tức tối với những bức ảnh mở đầu của câu chuyện chính ngày Chủ nhật mà tôi bắt đầu theo dạng một bức thư:

“Kính gửi Horst, chúng ta đã già đi hơn một trăm ngày khi chuyên thăm Hoa Kỳ của chúng ta kết thúc để hiểu rõ về các phòng tắm trong nhà nghỉ, những chiếc xe ô tô thuê và những kế hoạch chuyến bay. Nhưng chúng ta đã học được bao nhiêu? Tôi nhớ lời nhận xét của anh: “Chúc may mắn, cậu sẽ

cần điều đó”, anh lắc đầu và bắt tay tôi cùng lúc luồng gió lạnh thổi qua Trung tâm thương mại Rocketfeller ở New York. Anh đã hoàn thành những bức hình của mình và đang quay trở lại Đông Dương đêm đó để viết về chiến tranh. Nhưng anh thương cảm cho tôi vì tôi đang ở Mỹ mà trong ý nghĩ của anh, những khu rừng bê tông chứa đựng những nguy hiểm không rõ ràng và không an toàn hơn những khu rừng xanh ở Việt Nam”.

Gallagher không nói với tôi quá thẳng thắn nhưng tôi tin ông ta đã mong đợi Horst và tôi có cái nhìn tích cực và lạc quan hơn về Hoa Kỳ. Ông ta nói: “Đó không phải là lỗi của các cậu, tôi chỉ không cử các cậu đi làm một câu chuyện giống như vậy”. Tôi vội vàng cam đoan với ông ta, “Wes, giờ thì không thể làm được gì nữa, nhưng tôi nghĩ những biên tập người Mỹ của các tờ báo thực tế về đất nước của họ hơn ông nghĩ”.

Cuối buổi sáng chủ nhật đó, tôi lái xe xuống cao tốc West Side tới lối đi đường 42 và tìm một cửa hàng tạp chí ở quảng trường Times, nơi đã bán hết các tờ báo của thành phố. Tôi tìm số báo chủ nhật từ vùng nông thôn để xem các biên tập chân thành người Mỹ đối xử thế nào với những người nước ngoài nhận xét đất nước của họ. Tờ Boston Globe đưa câu chuyện lên trang nhất, tờ Indianapolis Star và Binghamton Press cũng vậy. Tôi lái xe trở về trụ sở AP nơi họ lưu giữ việc sử dụng câu chuyện đó: trang nhất ở tờ Houston Omaha, Lincoln. Nebraska, Tulsa, và mục phóng sự ở tờ Chicago. Philadelphia, Kansas và Detroit.

Tuy nhiên Gallagher vẫn không chắc phải làm gì với tôi. Ông ta cử tôi vào Phòng Phóng sự, một vùng đất ưu tiên cho những tay viết tài năng ở tầng 6. Tôi thích thú làm việc cùng Sau Pett, Hugh Mulligan và những đồng nghiệp tài giỏi khác, nhưng tôi không thể chịu được tốc độ chậm chạp ở đó. Một trong những phóng viên phóng sự phát cáu với tôi vì đánh máy quá nhanh. “Cậu đang tạo ra tiền lệ”, anh ta phàn nàn.

Nhiệm vụ đầu tiên của tôi là biên tập một câu chuyện phóng sự về tình trạng của tạp chí Mỹ. Os Elliot, biên tập tờ Newsweek tham gia một trong các cuộc phỏng vấn của tôi đã phàn nàn: “Cậu đang làm cái quái quỷ gì với những câu chuyện giống như thế này, Arnett? Cậu là phóng viên hành động”.

Sự không hài lòng về tôi ngày càng tăng đã đến tai Gallagher. Một hôm ông ta gọi tôi vào văn phòng nói rằng tôi đã không làm việc tốt và cử tôi tới Phòng Tổng hợp ở tầng 4, làm tin cho những nhân viên phóng sự lâu năm. Tiếng máy telex làm tôi cảm thấy dễ chịu hơn và tôi có những nhiệm vụ làm tin thực sự như cuộc nổi loạn nhà tù ở Attica, New York. Trực thăng đổ bộ cùng lính đã chiến và những viên đạn bay tới số người bị thương giống như trong một cuộc chiến tranh, 30 tù nhân và 10 con tin chết chỉ trong bốn phút.

Điều đó cũng tương tự.

Tháng 10-1971, Gallagher gọi tôi là một phóng viên thường trú đặc biệt “khi công nhận sự thật rằng cậu cho thấy tài năng lớn như một phóng viên trong nước mà cậu đang làm ở nước ngoài.” Tôi gấp bộ đồ Hồng Kông quá cỡ của mình, đặt chúng vào hòm để sau này dùng vì tôi không có ý định tăng cân trong công việc mới này.

Chương 24: Chuyển Đi Sang Bên Kia Chiến Tuyến

Tôi đã theo dõi tiến trình của cuộc chiến với sự quan tâm và vui mừng trở lại khi Gallagher cử tôi trở lại Sài Gòn đầu năm 1972. Tôi viết về vụ tấn công quân đội mới của người Bắc Việt ở vùng phi quân sự hóa và Tây Nguyên được biết đến như Chiến dịch Lễ Phục sinh. Đó là lúc tất cả lính đã chiến Mỹ ra khỏi chiến trường về nhà;

Đỗ bộ Campuchia cách đó hai năm đẩy mạnh áp lực chính trị với chính quyền Nixon kết thúc cuộc chiến của người Mỹ trong chiến tranh. Chỉ những đơn vị tiếp tế và hỗ trợ ở lại, mọi cố gắng ở Paris trong vòng ba năm thỏa thuận hạ cánh mà người Mỹ đã thất bại và những cố vấn quân sự Hoa Kỳ vẫn còn ở trong chiến trường cùng lính Việt vẫn còn nguy hiểm và đe dọa mạng sống.

Báo chí tập trung viết về số ít người Mỹ còn lại và có xu hướng tập trung vào những sĩ quan có trách nhiệm nhất, giống như trong những ngày đầu tiên của chiến tranh. Tôi lái xe nhiều giờ trên con đường 13 tới khu vực chiến trường để thăm Trung tá Burr Mt. Willey, cố vấn lực lượng Việt Nam. Vào thời điểm đó, gặp hàng tá những tay viết tin nổi tiếng nhất ở Việt Nam trốn trong hào bên đường tránh những cuộc tấn công pháo cối và đạn là bình thường.

Ngày 19-6, Willey bị rocket bắn trúng, cùng lúc đó Moose, con chó lai màu xám của ông ta lóc cóc theo sau. Cả hai đều chết. Cái chết của ông ta vô nghĩa vì đó là hoàn cảnh cho sự rút lui của Mỹ, cho thấy Việt Nam trở nên ít quan trọng với Hoa Kỳ.

Vài ngày sau đó, John Paul Vann chết trong vụ nổ máy bay gần Kontum, sau một thập kỷ lần đầu tiên tôi gặp ông ta ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tôi thấy rằng những lời dự đoán thảm khốc của ông ta đã trở thành sự thật và ngày càng tiến triển cho tới khi ông ta trở thành người Mỹ có thâm niên ở Tây Nguyên.

Tôi đã mất nguồn tin tốt nhất và cũng là một người bạn tốt. Tôi gặp khó khăn với cái chết của ông ta. Hai tuần trước đó, Vann đưa tôi đi bằng trực thăng Huey của mình từ Plâycu tới Quy Nhơn ở vùng biển miền Trung. Ông ta lượn quanh những sườn đồi dốc quanh đèo Mang Yang nơi có đội Cơ động, đơn vị tác chiến 100 của Pháp đã bị tiêu diệt trong một trận mai phục nổi tiếng của Việt Minh vào năm 1953.

Ông ta nói với tôi: “Nếu tôi chết ở đây, tôi muốn được chôn ở Việt Nam giống như những người Pháp đã chết, đứng thẳng và hướng về quê hương.”

Nhưng Vann đã được chôn ở Nghĩa trang quốc gia Arlington ngay ngoại ô Washington, D.C cùng những vinh dự quân đội. Khi giới báo chí tiếp tục đưa tin những tổn thất ở Việt Nam và Campuchia, những người bạn phóng viên ảnh của tôi là Larry Burrows của tạp chí Life và Koicha Sawada của UPL nằm trong số những người đã chết.

Nhiệm vụ năm 1972 kéo dài trong 7 tháng mệt mỏi viết và đánh giá tình hình ở cả Việt Nam và Campuchia. Hoa Kỳ cuối cùng cũng thỏa hiệp với Bắc Việt cả công khai và bí mật. Các quan chức nói rằng mọi việc sẽ tiến hành trước bầu cử tổng thống tháng 11.

Chẳng có điều gì xảy ra về các cuộc thương lượng khi tôi đang trên đường về nhà vào tháng 9. Tôi dành cuối tuần ở Paris, nơi người ta đồn Henry Kissinger đang thỏa thuận bí mật với một chính khách Bắc Việt tên là Lê Đức Thọ.

Tôi thích thú quan sát từ ban công phòng mình trong Khách sạn Claridge ở Champs-Elysee, sau khi ăn tối ngon lành và đang ngủ thì cấp trên ở Phòng Ngoại sự AP gọi cho tôi từ New York vào lúc 4 giờ sáng giờ Paris với lời nhắn khẩn cấp gọi điện cho Gallagher. Tôi biết rằng kỳ nghỉ ngắn ngủi của mình đã kết thúc. Cuộc gọi đó chắc phải có điều gì quan trọng bởi nhân viên của chúng tôi hiếm khi cho phép bị quấy rầy vào cuối tuần. Gallagher đi thẳng vào vấn đề: “Cậu có muốn đi tới Hà Nội không?”

Tôi thở gấp, mặc dù lúc đó tôi cảm thấy cảm xúc dâng trào quen thuộc. Hà Nội là trung tâm của Bắc Việt, nơi đã thách thức một cường quốc mạnh nhất trên thế giới cả một thập kỷ. Rất ít người phương Tây từng tới đó. Đó vẫn còn là điều huyền bí.

Gallagher giải thích có ba tù binh người Mỹ được thả ở Hà Nội cho phái đoàn chống chiến tranh như một cử chỉ thiện chí, và tôi được mời tham gia vào đoàn đó với tư cách phóng viên duy nhất. Rõ ràng những người cộng sản đang tạo ra cử chỉ công khai nhằm gây ảnh hưởng tới cuộc đàm phán hòa bình. Ông ta nói tôi trở về ngay lập tức, nói chuyện với nhà tài trợ rồi thông báo cho ông ta. Ông ta nói đã giữ chỗ trước về dự án đó và những người liên quan. Văn phòng chính phủ lo ngại rằng sáng kiến cá nhân có thể đe dọa tiến trình hòa bình.

Tôi rời Paris trong chuyến bay TWA đầu tiên, biết rằng chuyến đi đó là hiện thực thì tôi sẽ là nhân chứng cho sự khởi đầu kết thúc chiến tranh. Mặc dù Chính phủ Hoa Kỳ nghi ngờ về sự kiện đó và việc thả tù binh Mỹ được coi như bằng chứng người Bắc Việt sẵn sàng thỏa hiệp. Vấn đề trung tâm của đàm phán hòa bình là số phận của rất nhiều tù binh Mỹ.

Tôi trở về vào giữa buổi chiều, bắt taxi tới Đại lộ Waldo ở Riverdale, tới nhà của Cora Weiss, người cùng với các nhà hoạt động xã hội chống chiến

tranh khác sẽ tham gia chuyến đi tới Hà Nội. Hai thành viên của đoàn, nhà hoạt động xã hội vì hòa bình David Dellinger và giáo sư Trường Đại học Yale Rev. William Sloan Coffin là những nhân vật quốc gia. Bà Weiss ít được công chúng biết đến hơn. Nhưng tôi hiểu ngay rằng bà ta là nguồn động viên của chuyến đi. “ở đây cậu được xem xét”, bà ta thẳng thừng nói với tôi dẫn tôi vào phòng khách, nơi có ba đứa con nhỏ đang ngồi và chồng bà, Peter đang chuẩn bị pizza.

Cora Weiss là một phụ nữ đẹp với mái tóc xoăn nâu và nụ cười rạng rỡ có thể nhanh chóng đổi thành sự khinh miệt. Điện thoại trong phòng bếp reo thường xuyên. Cora nói với tôi nó được FBI và các cơ quan chính phủ cài ghi âm. “Trong vườn của Martha (nơi bà ta có một ngôi nhà) máy ghi âm to tới mức điện thoại khúc khúc và nhảy lên suốt đêm dài, và tưởng tượng điều đó khi đang nằm trên giường với chồng”, bà ta nói. Bà ta đã phản đối với nhân viên an ninh của Văn phòng chính phủ người đó nói rằng: “Đó không phải máy ghi âm của tôi, của tôi không mạnh như vậy, đó là của Laird”. Melvin Laird là Bộ trưởng quốc phòng.

Cora nói với tôi rằng nhóm của bà ta lúc đầu mời phóng viên thường trú của CBS Mike Wallace. Khi anh ta từ chối, họ mời phóng viên tờ Thời báo New York Gloria Emerson nhưng cô ta nói không thể đảm bảo việc đưa tin mở rộng. Gloria đã giới thiệu tôi. Thông báo với tôi rằng tôi là lựa chọn thứ ba của họ, bà ta nói: “Họ nói với tôi, anh là một phóng viên tốt, công bằng nhưng với chúng tôi, anh cũng phải là người cộng tác dễ chịu; chúng ta có cả một hành trình dài để đi”

Bà ta nói rằng nếu tôi được chọn, tôi sẽ phải là thành viên của bên chính thức để làm hài lòng quy định hành chính của người Bắc Việt Tôi nhận ra nhóm đó gồm Minnie Lee Gartley, người mẹ của một trong những phi công hải quân được thả, và Olga Charles, vợ của một phi công khác. Trong mọi hoàn cảnh, tôi chưa có điều kiện tiếp cận với tất cả những người tham gia và các nhà hoạt động của họ.

Cora tranh luận thẳng thắn một đồng quy định cơ bản cho phép tôi thực hiện nghề nghiệp mà không vi phạm bí mật của họ. “tôi không muốn anh nói chuyện với CIA và tôi không muốn anh làm nguy hiểm tới việc trao đổi tù nhân tương lai”, bà ta nói. “Tôi không mong đợi sự thông cảm chính trị của anh cho nguyên nhân của chúng tôi nhưng tôi mong sự thông cảm cá nhân của anh với những gì chúng tôi đang làm”.

Tôi hỏi bà ta mong đợi những câu chuyện được viết như thế nào và bà ta đáp: “một câu chuyện chính xác và đầy đủ về chuyến đi”. Tôi cố gắng thuyết phục Cora rằng tôi chuyên nghiệp và nhã nhặn. Sau hai giờ nói chuyện, tôi dường như đã thuyết phục được Cora, con cái và chồng bà ta nhưng bà ta

yêu cầu thêm một cuộc gặp với David Dellinger. Ông ta sẽ đưa ra quyết định cuối cùng vào đêm đó.

Tôi mong đợi một cuộc đối đầu nhưng ông ta là một quý ông dễ chịu với khiếu hài hước châm biếm. Khi ông ta tới căn hộ của tôi, tôi mời bia, ông ta vui vẻ đồng ý. Ông ta vừa chứng kiến một cuộc tuyệt thực phản đối chiến tranh dài. Sau cuộc nói chuyện ngắn, ông ta nói cảm thấy những bài tin trung thực và chính xác của một phóng viên độc lập là điều mong muốn nhất của mọi người trong chuyến đi và ông ta đồng ý tôi đi. Ông ta chỉ phân vân là người Bắc Việt sẽ phản ứng ra sao.

Ngày hôm sau Wes Gallagher khuyên tôi nên cẩn thận về những gì tôi hành động và những gì tôi viết. Cả Anthony Lewis của tờ Thời báo New York và Jane Fonda đã gánh chịu cơn sóng nhận xét về chuyến thăm Hà Nội của họ đầu năm đó. Wes nhìn tôi dưới những vết nhăn: “Peter, đó là danh tiếng của cậu và cả của tôi trong chiến tuyến lần này”.

Cora Weiss nhấn mạnh với tôi về yêu cầu bí mật trong mọi sắp xếp Bà ta bị thuyết phục rằng FBI và cơ quan an ninh chính phủ khác sẽ cản trở họ. Bà ta cũng rất lo lắng về những máy ghi âm điện thoại tới mức xử lý mọi chuyện bằng viết tay, đặc biệt với các dịch vụ du lịch, những người yêu cầu sử dụng điện thoại trả tiền.

Bà ta đồng ý với những người Bắc Việt họ sẽ hộ tống ba phi công được thả trên toàn bộ đường bay về Hoa Kỳ, nhưng bà ta lo lắng Bộ quốc phòng Hoa Kỳ sẽ can thiệp dành quyền bảo trợ các phi công nơi nào đó trong hành trình trở về nhà. Do vậy, bà ta tư vấn một hành trình trở về khác thường, từ Hà Nội qua Bắc Kinh và Mátxcova, sau đó Copenhagen trên hành trình trở lại New York.

Để giành được sự tán thành, tôi mời mọi người sâm banh khi chúng tôi cất cánh ở sân bay Kennedy và tôi giữ trôi chảy mối quan hệ trong phần còn lại cuộc hành trình. Đoàn đi gồm Richard Falk, một chuyên gia luật quốc tế để lộ ra sự khôn ngoan lạng lẽ. Reverend Coffin là một người đồng hành du lịch huyền não, đầy nhiệt huyết và tin rằng phong trào chống chiến tranh của người Mỹ thích thú quyền gia nhập với người Bắc Việt. “Chúng ta gần với họ hơn cả người Nga hay người Trung Quốc bởi vì chúng ta muốn chiến tranh kết thúc và họ biết điều đó”.

Chúng tôi bay chặng đường cuối cùng trên chuyến bay quốc tế từ Viêng Chăn, bay qua những ngọn núi hồng của Lào và thung lũng có dòng sông bị đánh bom của miền Bắc Việt Nam để hạ cánh gặp ghềnh tại sân bay Gia Lâm ở ngoại ô Hà nội.

Máy bay của chúng tôi là chiếc duy nhất trên mặt đất. Những tòa nhà sân ga khiêm tốn, phản chiếu ảm đạm so với những khu ngổn ngang nhà chùa

máy bay, tòa nhà bảo dưỡng và sân ga tại sân bay Tân Sơn Nhất từng là sân bay bận rộn nhất trên thế giới. Chúng tôi được một đoàn nhân viên người Việt đón. Họ ra máy bay cùng những người lính đội mũ sao đỏ và những khẩu AK 47 trên vai.

Khi cửa mở, tôi hăm hờ xuống máy bay, tới tòa nhà sân ga, bắt đầu đánh bản tin bằng chiếc máy đánh chữ nhỏ của mình. Tôi nhận ra phóng viên thường trú Richard Dudman của tờ tin St. Louis Post Dispatch chuẩn bị rời đi. Tôi đoán anh ta có thể là người đưa thư cho tôi. Các nhân viên Việt Nam và lính an ninh tập trung xung quanh tôi, ngạc nhiên khi tôi đánh máy và lưỡng lự ngăn tôi giao bản tin cho Dudman, họ đòi phải đọc nó trước nhưng máy bay chuẩn bị rời, Dudman đặt nó vào túi áo khoác và lên đường trong chuyến bay trở về Viêng Chăn.

Trú ngụ trong một boong ke có bao cát tại sân bay từ một cuộc tấn công bằng bom từ xa, Cora Weiss lịch sự quở trách tôi, giải thích tôi giờ là thành viên chính thức của đoàn và chúng tôi cần phải theo mọi thủ tục. Tôi đồng ý là sẽ chú tâm hơn nhưng cảm thấy mình là một phóng viên trước và nhiệm vụ phái viên chỉ đứng thứ hai.

Sự kích động của chuyến đi thăm thủ đô phía bên kia là câu chuyện tin choán hết thời gian, mặc dù một vài phóng viên đã đã động tới hành trình xuất phát đó. Nhưng tôi có những chi tiết sốt dẻo: việc thả ba tù nhân chiến tranh Mỹ được giam giữ trong nhà tù “Hỏa Lò” ở Hà Nội và sự có mặt của một người mẹ tù nhân, một người vợ đang run lên hạnh phúc nhưng lại lo sợ về mối nguy hiểm bất ngờ khi tới thăm vùng chiến.

Các nhân viên an ninh yêu cầu chúng tôi ở trong những ngôi nhà bên đường cách Hà Nội khoảng 2 dặm vì đợt tấn công không quân phía xa của Mỹ và có hơn hai lệnh báo động vào buổi chiều đầu tiên sau khi chúng tôi lấy phòng ở Khách sạn Hòa Bình. Bộ váy bằng lụa hoa của Olga Charles dính đất, nhàu vết bẩn. Khi tới khách sạn, cô ta vừa bước vào phòng tắm thì chuông báo động rú lên khiến cô ta mặc quần áo từ phòng tắm chạy xuống mê hồn trận những phòng đằng sau và hành lang tới căn hầm bằng bê tông trú ẩn. Nhìn thấy chúng tôi ngồi đó, cô ta nói: “Tôi thật ngốc nghếch khi nghĩ rằng Washington sẽ dừng ném bom trong khi chúng ta ở đây”.

Tôi được một cô gái trẻ tên Liên hộ tống khi rời khách sạn và đi bộ quanh thành phố. Cô ta phàn nàn với tôi về việc có ít đồ ăn. Cô ta đổ lỗi việc đánh bom của người Mỹ đã cắt giảm nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm từ vùng nông thôn. Sự vất vả làm cô ta trông già hơn tuổi và khi tôi hỏi cô ta có người yêu chưa, cô ta có muốn lấy chồng không, cô ta đều trả lời “không” với cả hai câu hỏi. Cô ta đang thực hiện “Ba điều hoãn: hoãn yêu, hoãn cưới, hoãn có con” tới tận khi chiến tranh kết thúc.

Hà Nội trông mệt mỏi như cô ta; bụi bao trùm thành phố giống như tờ giấy gói bằng nhựa, đóng kín quá khứ. Những tòa nhà thuộc địa của người Pháp cũ to lớn, sạch sẽ nhưng mờ nhạt. Trong một số cửa hàng nhỏ ở khu phố đông dân cư, những màu sơn đã ngả màu thời gian và những căn nhà bằng gỗ đang mục rữa. Xe điện kiểu Pháp cũ kĩ leng keng chạy dọc cùng những xe đạp thông dong. Vài động cơ gắn máy bấm còi trên đường phố là những di vật từ những chiếc xe đã qua sử dụng của Liên Xô.

Người dân mặc những bộ đồ màu tối, thường là quần đen và áo trắng hoặc xám. Tôi nghĩ về Sài Gòn, nơi tôi vừa ở đó cách đây một tuần, một thành phố mang vẻ bề ngoài hào nhoáng với những xe máy, xe ô tô thể thao, nước hoa, xịt tóc và sự khác nhau rất lớn trên đường phố giữa người giàu và người nghèo.

Cô gái phục vụ bay ở Khách sạn Hòa Bình nói cô ta chỉ có mỗi chiếc áo màu trắng và đôi quần màu đen, “và tôi phải giặt chúng mỗi đêm để mặc vào ngày hôm sau”. Tôi nghĩ tới những người giúp việc tôi thuê ở Sài Gòn thường mặc những bộ áo dài lụa và mang túi đính hạt cườm.

Hầu hết mọi nơi trong thành phố, người dân Sài Gòn sống với cuộc chiến diễn ra ở xa vùng nông thôn. Ở Hà Nội cuộc chiến đến, rít trên cánh những máy bay ném bom. Tôi nhận ra một bảng tin to ở quảng trường chính của thành phố với bản đồ miền Nam Việt Nam trang trí những ngôi sao chiến thắng màu đỏ trên các vùng chiến trường và tôi nhận ra khi nhìn thấy bản đồ tương tự trang trí ở quảng trường Lam Sơn và cũng ghi nhận chiến thắng ở những chỗ tương tự.

Tôi chứng kiến cảnh người dân Hà Nội rất khẩn trương mỗi khi nghe tiếng loa phát ra: “Máy bay địch cách 70km”, “Máy bay địch cách 50km”, rồi còi báo động vang lên khi máy bay tấn công trong bán kính 40 km. Mọi người nhanh chóng tìm hầm trú ẩn dọc trên các đường phố hoặc những dân phòng đẩy họ vào những nơi trú ẩn rộng hơn bên cạnh Công viên Thống Nhất ở trung tâm thành phố. Sau đó là sự im lặng nặng nề, một sự im lặng khi mọi người chờ đợi những chiếc máy bay ném bom tới gần thế nào và mức độ bắn phá ra sao.

Những người chị em song sinh của Nina sống ở Hà Nội, một người em trai bằng tuổi tôi là giáo viên dạy toán ở một trường học có vợ và gia đình trẻ, còn người chị là bác sĩ quân y, một người anh khác sống ở Hà Nội đã chết cách đó nhiều năm vì bị ốm. Họ ở lại cách đây 18 năm khi gia đình Nina di tản vào Nam. Trong một buổi tiệc ngay sau khi tôi tới Hà Nội, một người đàn ông Việt Nam tầm trung niên giới thiệu anh ta là trợ lý tại Đại sứ quán Ấn Độ và là anh em đồng hao của tôi. Tôi lặng lẽ hỏi anh ta để thỏa mối quan tâm của mình.

Chúng tôi tiếp nhận ba phi công Mỹ tại cuộc họp báo lớn ngay sau khi tới, trong hội trường đầy các phóng viên và camera truyền hình từ các tổ chức báo chí cộng sản. Sự kiện được tổ chức nhằm mục đích tuyên truyền tối đa. Những phi công xuất hiện trên sân khấu mỉm cười trong bộ đồ mới may, nói những lời đánh giá cao người bắt giam mình và hy vọng việc thả họ sẽ nhanh chóng đem lại hòa bình.

Minnie Gartley và Olga Charles dành cả buổi sáng tại hiệu làm đẹp ở trung tâm Hà Nội. Bà Gartley ôm chầm đứa con trai tóc vàng cao lớn, Trung úy Mark Gartley bị giam giữ bốn năm. Olga Charles hôn chồng, Trung úy Norris Charles bị giam giữ 10 tháng. Phi công thứ ba, Thiếu tướng Không lực Edward Elias là người bị bắn hạ trước đó bốn tháng, anh ta đã mong đợi vợ hoặc cha tới đón, nhưng anh ta dường như thất vọng. Tôi là phần thưởng an ủi của anh ta. Chúng tôi được xếp ở chung tại khách sạn.

Thiếu tướng Elias là người kín đáo nhất trong ba người và yên lặng hơn khi anh ta đọc thư của mình và biết rằng chuyến đi này gây nên tranh cãi như thế nào và vì sao gia đình anh ta không tới Hà Nội bởi sự phản đối của Bộ quốc phòng. Tôi nghĩ anh ta bị phá rối khi có một phóng viên âm âm đánh những tin bài trong phòng muộn vào buổi tối, nhưng anh ta tiếp tục giữ sự quan tâm cho chính mình.

Sau một vài ngày, Thiếu tướng Elias trở nên nói nhiều hơn và nói cho tôi nghe về cuộc sống ở trại giam và anh ta so sánh những giấc mơ đó như thế nào với những người bạn của anh ta. Trong hai tháng đầu tiên ở trại giam không ai có mơ ước cả. Tháng thứ ba họ bắt đầu mơ đến thức ăn. Và sau tháng thứ tư họ mơ tới tình dục.

Trong một chuyến đi thực tế, chúng tôi đi theo lộ trình mà Jane Fonda và viên Chương lý Hoa Kỳ Ramsey Clark đã đi đầu năm đó, lái xe về phía nam tới thành phố Nam Định và nhà thờ Phát Diệm, cả hai nơi đều bị máy bay Mỹ đánh bom tàn khốc. Khi chúng tôi nhảy dựng vì xóc dọc theo những đường cao tốc hẹp trước khi bình minh, câu nói dập khuôn về cộng sản Việt Nam luôn là “sức mạnh con kiến” và sự thích ứng đặc biệt của người dân đối với hoàn cảnh khó khăn trở nên sống động trước mắt chúng tôi.

Những trái bom nổ thẳng vào các đường xe ô tô hoặc trên những con đường dọc theo, chúng tôi chứng kiến những bóng người làm việc với những đồng đồ nát. Những người khác chuyển đồng đồ nát ném vào các hố bom. Trời sáng, chúng tôi đi qua đoạn giao đường sắt ở Phủ Lý, chúng tôi nhìn thấy những bóng người đó là những người phụ nữ. Họ san lấp hố bom.

Chiếc ô tô mui kín Volga kiểu Nga chở chúng tôi đang đi bị sa lầy, những người phụ nữ lội ra khỏi bùn đất, tập trung xung quanh chúng tôi, họ cười, hướng dẫn và đẩy xe chúng tôi lên đường. Đối với Thiếu tướng Elias đi cùng

với tôi, một phi công Mỹ kinh nghiệm từng thường xuyên lái máy bay do thám, đó là bài học, tận mắt chứng kiến vùng nông thôn.

“Có nhìn thấy những đống mộ đằng kia không?”, Elias hỏi tôi khi chờ phà qua sông nơi cầu đã bị phá hủy. Tôi nhìn thấy cảnh tượng đồng quê với những con bò đang gặm cỏ trên mảnh đất thanh bình. Chúng là những hầm bắn phá máy bay với họng súng bên dưới”, Elias nói. “Chỉ cần máy bay tới và họ sẽ nhả đạn ra thổi tung. Những thứ này rất khó quan sát. Đó phải là những chuyên gia am hiểu hình ảnh mới nhìn ra chúng”. Khi mặt trời lên, Elias quay bên nọ bên kia. “Nhìn thấy vị trí hỏa lực đó không? Chúng là loại 85s, còn cái kia có cả nửa tá 50 li”. Với tôi, tất cả đều trông giống như những cây chuối.

Những gì bất ngờ với phi công đó là việc mở rộng đường tiếp tế của miền Bắc Việt Nam, một minh chứng cho những năm đánh bom của Mỹ đã thất bại về mục đích. Từ khi rời Hà Nội lúc 4 giờ sáng tới khi chúng tôi trở về 8 giờ tối hôm sau, chúng tôi gặp những đoàn xe hộ tống bên đường đi, và hàng đống thùng đựng đầy xăng. Suốt thời gian ban ngày, chúng tôi đi qua nhiều xe tải vận chuyển đồ dưới gốc cây. Chúng trông dễ bị nguy hiểm nhưng Norris Charles nói với tôi: “Chúng tôi không bao giờ nhìn thấy những thứ này từ trên không và khi ai đó muốn xuống gần để xem thì coi chừng, blam blam”.

Mark Gartley nhớ lại khi bay trên vùng đó cách đây vài năm: tưởng là không có người ở nhưng thực ra rất đông đúc sự sống. Elias nhận xét đó là chiến thuật chống lại tư tưởng: “Tôi chỉ phân vân là chiến thuật còn đi xa đến đâu nữa bởi người Việt Nam thường đánh bại điều đó”.

Một ngày sau khi chúng tôi trở về Hà Nội, một nhân viên tên là Liễu vậy tôi lại một bàn ở góc tiền sảnh Khách sạn Hòa Bình. Ông ta nắm chặt ba bản sao bài viết tôi đã viết trước đó 8 tiếng về chuyến đi thực tế. Thông thường ông Liễu nở nụ cười thân thiện và nói tiếng Việt, nhưng lúc này ông ta có khuôn mặt giận dữ, sử dụng tiếng Anh có thể hiểu được nhưng đứt quãng.

“Ông Arnett”, ông ta bắt đầu, “Tôi biết ông có quyền để viết bất kì điều gì ông muốn về nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tuy nhiên, trong đoạn thông tin này có những điều mà chúng tôi thật sự không hài lòng” và do vậy bắt đầu cuộc tranh cãi dài cả tiếng đồng hồ về bản tin mà ông ta khẳng định quá nhiều nhấn mạnh về tính tiêu cực.

“Chúng tôi buộc những phi công tuyên bố những lời buộc tội về sự tàn phá”, ông ta nói. Tôi thấy rằng đó là những gì ông ta hiểu tôi như sự có mặt thường thấy của những phóng viên ảnh và phóng viên bộ đàm, những chất vấn các quan chức tỉnh và những người nói rằng họ là nạn nhân bị thả bom, những người đã hỏi các thành viên của đoàn với hàng loạt câu hỏi kiểu như:

“Các ông nói gì về sự hủy diệt do máy bay Mỹ gây ra”

Cuối cùng tôi cũng giới hạn mối quan tâm của ông Liễu đối với hai đoạn trong bài viết của mình. Trong một đoạn tôi viết rằng nhân viên địa phương dường như đặt quá nhiều câu hỏi và làm phiền những người phụ nữ Mỹ. Trong đoạn khác tôi trích lời của Mark Gartley: “Anh ta cảm thấy người Bắc Việt thất vọng khi anh ta không công khai buộc tội chiến tranh”.

Tôi đồng ý xóa bỏ ý nghĩa của từ “Pushing” bởi vì ông Liễu dịch nghĩa đơn thuần của từ này có nghĩa “Forcing”, nhưng tôi nài nỉ giữ lại lời trích dẫn của Gartley. Ông Liễu dường như hài lòng với chiến thắng nhỏ nhoi của mình, bắt tay tôi và nói rằng bản tin sẽ được đánh máy chuyển đến văn phòng Paris của AP ngay lập tức. Sự thỏa thuận tương tự xảy ra với mỗi câu chuyện tôi viết nhưng người Bắc Việt không nài nỉ sự thay đổi nào liên quan tới mức độ nghề nghiệp.

Liên lạc từ một Hà Nội bị chiến tranh tàn phá với thế giới bên ngoài giới hạn vài giờ mỗi ngày tới Paris và Hồng Kông. Những bài viết dài của tôi có xu hướng chất đống tại bưu điện, văn phòng đánh máy và khi tôi phàn nàn việc chậm trễ, cô Liên nói với tôi: “Thứ nhất là ông gửi quá nhiều và thứ hai nước tôi là một nước nông nghiệp chứ không phải nước công nghiệp, do vậy không nên mong đợi những điều kì diệu từ chúng tôi”.

Một buổi chiều chúng tôi được gặp Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng tại nơi ở chính thức của ông gần lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chúng tôi nhâm nhi trà và nói chuyện khoảng một tiếng, sau đó chúng tôi đi dạo quanh sân bỏ qua cái nóng buổi chiều. Tôi quan tâm tới sự chân thành giữa các thành viên của nhóm chống chiến tranh và lãnh đạo người Việt. Thủ tướng Phạm Văn Đồng vỗ vai tôi và ca ngợi những bài viết của tôi từ mặt trận.

Khi trở lại khách sạn, tôi thảo luận với Cora Weiss rằng bà ta và đội của bà ta tin quan điểm của Chính phủ Bắc Việt hơn của chính họ. Cora đáp rằng chính sách của Mỹ đi ngược với hòa bình thế giới nên tương lai của Việt Nam nên hoàn toàn nằm trong tay những người Việt, Mỹ không có quyền ở đó và rút quân là giải pháp duy nhất.

Trước khi rời Hà Nội, chúng tôi được triệu tập tới một tòa nhà chính phủ ở trung tâm trong một căn phòng trống vài hàng ghế cùng những chai bia địa phương và những chiếc ly to trên bàn. Bảy người Mỹ bước vào vận bộ đồ nhà tù với đôi tay dang rộng và khuôn mặt nặng nề. Họ ôm chúng tôi và hét ra lời chào hỏi.

Họ là một vài người trong hơn 400 phi công Mỹ bị giam giữ ở Hà Nội và tất cả đều muốn về nhà. Họ khó nói hết cảm xúc của mình, và cuộc nói chuyện diễn ra – những bức thư từ gia đình, cuộc sống trong trại giam, những lời nhận xét về chiến tranh. Tất cả đều sẵn sàng chống lại chính sách

của Chính phủ Mỹ. Tôi không biết có bao nhiêu người tù khác cũng có suy nghĩ giống vậy hay do những áp lực mà họ chịu đựng.

Cuộc nói chuyện tiếp diễn. Những ly bia cùng chạm và bạn có thể gần như quên đi những người đàn ông này là tù nhân cho tới khi nhận ra bạn chạm vào họ qua bàn thì vực sâu là vô hạn. Chúng tôi có thể rời căn phòng đó, leo lên máy bay về nhà, còn họ là những con tin cho những thương lượng hòa bình mà cả hai bên đều không muốn kết thúc. Một nhân viên Bắc Việt nhanh chóng đứng lên, tuyên bố chuyến bay của chúng tôi khởi hành. Những người tù uống cạn ly và được giải đi.

Hành trình trở về nhà cùng những phi công được thả tự do theo cảm nhận chính trị thì nguy hiểm như những chuyến bay trước đây đã làm họ bị bắt.

Bắc Kinh là điểm dừng lại đầu tiên của chúng tôi. Rõ ràng chúng tôi không hoàn toàn được nghênh đón. Chúng tôi được xếp vào một xe bus và đưa về một khách sạn khiêm tốn qua đêm. Họ nói chúng tôi không được rời khỏi phòng và những người lính gác vào vị trí ở hành lang để tăng cường sự hạn chế. Nhưng Bắc Kinh dễ chịu với Washington, xa Lâu Năm góc và do vậy an toàn.

Cora coi Mátxcova là điểm nguy hiểm đầu tiên vì mối quan hệ thân thiện giữa Tổng thống Nixon và lãnh đạo Xôviết, Leonid Brezhev. Bà ta lo lắng những người Xôviết sẽ cho phép những phi công do phía Hoa Kỳ yêu cầu được bay về nhà độc lập, xì hơi quả bóng công khai mà tôi góp phần tạo ra.

Trong thời gian dừng chân ở thành phố của người Serbirian của Novosibirsk, một hướng dẫn viên du lịch thông báo một phái đoàn các nhân viên Đại sứ quán Mỹ sẽ đón chuyến bay của chúng tôi khi hạ cánh ở Mátxcova. Cora mong đợi họ sẽ yêu cầu ngay lập tức cho những người phi công được tự quyết định.

Mọi người tập trung trong một quán cà phê sân bay để bàn bạc về kế hoạch hành động. Lúc đầu, Thiếu tá Elias kiên quyết tuân theo mệnh lệnh. Khi chúng tôi rời Hà Nội, ông ta nói với mọi người: “Tôi sẽ đi cùng những nhân viên Mỹ đầu tiên yêu cầu điều đó”. Mark Gartley bị ảnh hưởng bởi mẹ và do vậy là phi công hợp tác nhất. Norris Charles và Olga nhìn chung tránh tranh luận.

Richard Falk, tay luật sư của chúng tôi cho rằng vào lúc đó không một phi công nào phải tuân lệnh hợp pháp với các mệnh lệnh của một sĩ quan cấp trên và do vậy sẽ không bắt buộc đáp lại lời đề nghị của các nhân viên đại sứ quán nếu họ không muốn làm vậy. Nhưng đó chỉ là ý kiến của anh ta. Những phi công lo lắng rằng từ chối mệnh lệnh trực tiếp thông báo với Đại sứ Mỹ là chống đối quân sự. Vấn đề đó không rõ ràng. Cuối cùng luật sư Falk đã giành chiến thắng với mọi người.

Sân bay quốc tế Mátxcova thường là một trong những khu an toàn nhất thế giới nhưng vào đêm đó về cơ bản chính quyền Xôviết đã rút hết lính gác. Chúng tôi bước xuống máy bay trong sự chào đón nồng nhiệt của giới báo chí quốc tế, các nhân viên phương Tây đủ loại, các nhân viên hàng không, và những người đứng kín xung quanh hò hét và xô đẩy. Tôi nhận ra Murray Fromson của bản tin CBS trong đám đông và cảm thấy anh ta bám vào vai tôi khi hét lên một câu hỏi mà tôi không thể nghe thấy trong tiếng ồn.

Chúng tôi tiến lên phía trước lối vào sân ga và bị tắc trong hành lang khi tôi nghe thấy tên tôi được gọi bằng giọng trầm, tôi quay lại và nhìn thấy Lữ đoàn trưởng, Tướng Sam Wilson, tùy viên quân sự Đại sứ quán Mỹ mà tôi đã biết ở Việt Nam. Ông ta mời tôi nghỉ một đêm thoải mái ở đại sứ quán nhưng tôi nhớ chỉ thị của Cora tránh tiết lộ với chính quyền và tôi từ chối ông ta.

Một nhân viên tự giới thiệu mình là nhà ngoại giao Mỹ cố gắng chặn hành trình của những phi công nhưng bị Coffin gạt sang bên. Falk liếc tay đó và thét lên: “ông không có quyền ra lệnh những người đàn ông này trong địa phận nước ngoài” và sau đó chúng tôi đều ở trong sân ga tới tận khi kết thúc ở văn phòng hàng không SAS.

Nhân viên đại sứ quán giải thích anh ta được chỉ thị giúp đỡ những phi công một chuyến bay thoải mái về nhà bằng trực thăng của Không lực Hoa Kỳ và đó sẽ là mong muốn chung của tất cả mọi người. Olga Charles nhìn về phía Norris, nghiêng răng từ từ lắc đầu mặc dù chồng cô ta có lẽ muốn chấp nhận lời đề nghị nhưng anh ta kiên quyết: “Điều chúng tôi quan tâm nhất là được trở về như cách chúng tôi đã lập ra, trên một chuyến bay dân sự cùng nhau”.

Nhân viên đại sứ quán rất thất vọng nhưng không đưa ra mệnh lệnh trực tiếp. Thay vì đó anh ta lặng lẽ nhận xét trước khi rời: “Tôi tôn trọng những mong muốn của các anh và sẽ thông báo cho Washington điều đó”. Bên trong căn phòng nhỏ, căng thẳng biến mất và Cora Weiss nở nụ cười rạng rỡ, tuyên bố nồng ấm rằng: “Tôi tự hào vì các bạn, các bạn đã hoàn thành” và bà ta bắt tay tất cả.

Chúng tôi tới Copenhagen vào sáng hôm sau, có một buổi họp báo ngắn theo dự định. Một vài nhân viên ở Đại sứ quán Mỹ đi trên máy bay cùng chúng tôi gồm một sĩ quan là bác sĩ quân y mang theo một va li lớn với kích cỡ có thể chứa cả gian hàng. Tôi nói với Coffin rằng cái va li đó có thể chứa những bộ quân phục.

Tôi đã đúng. Tay sĩ quan đã thuyết phục họ như thế nào tôi không chắc nhưng ba người lính của chúng tôi thay đổi sau một giờ ngoài sân bay Kennedy, làm thất vọng Minnie Gartley rất nhiều, bà cố nén sự tức giận khi

đưa con trai rời máy bay cùng hai phi công kia trong sự hộ tống của quân đội.

Vào lúc này tôi đã kiệt sức. Tôi giao câu chuyện của mình cho một phóng viên AP khi làm xong thủ tục nhập cảnh. Khi đi qua đám đông, tôi cảm thấy một đôi tay trên vai mình, một phóng viên ảnh đang nhìn tôi và sau đó nhìn thấy thẻ báo chí New York trên cổ tôi. Một đồng nghiệp gọi anh ta: “anh ta không phải là một trong số họ sao?” và tay phóng viên ảnh đáp lại: “à, anh ta là một trong những người tốt” và tôi hiểu, sau đó tôi trở về ngôi nhà ở New York.

Chương 25: Bắt Đầu Của Kết Thúc

Tất cả các đơn vị hỗ trợ quân đội Mỹ đều rút khỏi Việt Nam vào tháng 3-1973 sau khi Chính quyền Nixon cuối cùng đưa ra thỏa hiệp kết thúc chiến tranh. Những người Mỹ khởi hành về nhà cùng với rất ít động cơ còn lại cho giới báo chí viết về Việt Nam. Câu chuyện ra khỏi phạm vi radar của truyền thông. Các biên tập và những nhân viên truyền hình đã dành hàng triệu đô la vào Việt Nam. Đó là cuộc chiến tranh gây tranh cãi và được viết nhiều nhất trong lịch sử Mỹ. Họ vui vẻ được tiết kiệm chi phí. Ngành tin tức mệt mỏi viết về chiến tranh giống như công chúng mệt mỏi đọc về nó. Văn phòng Sài Gòn đóng cửa hoặc cắt giảm nhân sự. Câu chuyện về Việt Nam chuyển từ những trang đầu hàng đêm xuống những trang cuối của tờ báo cạnh mục Dear Abby.

Tôi đang ổn định trong một căn hộ mới thuê phía đông Manhattan và cố gắng từ bỏ những kinh nghiệm ở Việt Nam, tiếp tục với các chủ đề khác. Nhưng tôi vẫn còn mềm yếu với những bài hát quyến rũ của Việt Nam. Khi biên tập nhân sự AP Lou Boccarli và biên tập tin ngoại sự, Nate Polowetzky yêu cầu tôi trở lại vào mùa hè năm 1973, tôi đã không từ chối. Nina nhớ những người chị và cha mẹ vẫn còn sống ở Sài Gòn, do vậy cô ấy và bọn trẻ đi cùng.

Nhiệm vụ của tôi là tìm hiểu xem miền Nam Việt Nam có thể tồn tại được không nếu không có sự tài trợ của Quốc hội hay binh lính Mỹ. Vào tháng 4, trong một bài phát biểu tại Đại học Minnesota, tôi đã dự đoán sự sụp đổ của miền Nam Việt Nam “trong vòng bốn năm”. Sức mạnh của phía Bắc Việt tiếp tục tăng lên và sự yếu thế của miền Nam không bao giờ thay đổi. Tôi miêu tả thỏa hiệp hòa bình như một cơ chế cho phép Hoa Kỳ rút lui trong danh dự. Henry Kissinger đã nói với những người bạn của ông ta rằng mưu kế đó là “sự tạm ngừng lịch sử” giữa việc rút lui của Mỹ và chiến thắng của người Việt Nam.

Sài Gòn không muốn đối mặt với sự đen tối tương lai; thành phố không muốn công nhận rằng một thập kỉ chiến tranh và những thỏa thuận hòa bình nó để ra là không mang lại kết quả gì và là sai lầm.

Người bạn của tôi là Hà Thúc Cần đang xây một ngôi nhà khang trang gần sân bay theo phong cách kiến trúc của người Chăm phổ biến ở các bờ biển miền Nam. Anh ta trở thành người sưu tập rượu mạnh, buôn bán đồ cổ và những đồ vật trong những thôn và làng trước đây không tới được do chiến tranh. Hà Thúc Cần là tay liều mạng, đi sâu vào vùng nông thôn, nơi không lính chính phủ nào dám đi. Anh ta nói sự dừng lại trong chiến tranh khi cả hai đều đánh giá được tương lai và điều này giúp anh ta đi lại tự do.

Tôi có ấn tượng rằng thời điểm chính trị căng thẳng đã tới, một hòa bình giả giống như trước Chiến tranh thế giới thứ hai, sự hưng thịnh cuối cùng trước sự thật của mùa đông. Tôi thuê một xe tải Chevy có dịch vụ và người lái xe đi từ Sài Gòn ra phía bắc càng xa càng tốt cùng Andrew, đứa con 9 tuổi của tôi. Một thập kỷ theo đuổi tin bài trong thành phố và nông thôn dọc theo các con đường tôi đã trải qua và tôi muốn Andrew chứng kiến để nhớ điều đó trong tương lai khi đất nước nó sinh ra không còn tồn tại nữa.

Chúng tôi tận dụng thời gian, khởi hành vào giữa buổi sáng ngày 10-5, một ngày nóng, sương mù. Những thùng đồ uống nhẹ và những hộp thức ăn lặt đặng sau xe khi chúng tôi qua những chốt an ninh bên ngoài Sài Gòn và hướng theo quốc lộ 1 từng được biết đến là con đường Trung Hoa bởi vì nó dẫn tới cố đô Huế.

Chúng tôi đi qua Biên Hòa và trụ sở quân đoàn Mỹ đã bị phá hủy tại Long Bình. Tôi nhận ra những hố cá nhân bên đường đã lấp. Khi Andrew uống Coke thì tôi thết đãi nó bằng vài câu chuyện chiến tranh và nó gật đầu tỏ vẻ thích thú, tôi nghĩ tốt hơn nó nên quen dần với điều đó bởi vì chúng tôi sẽ ở trên đường khoảng mười ngày và tôi có rất nhiều câu chuyện để kể.

Chúng tôi dừng lại ăn trưa tại một nhà hàng bên đường ở thị xã Xuân Lộc, nơi có những đứa trẻ vây quanh chúng tôi xin tiền, nói rằng chúng có những người cha người Mỹ. Một phiên dịch của AP đi cùng chúng tôi, Trần Đình Hương nói cho chúng tôi rằng bọn trẻ muốn cha của chúng quay trở lại nhưng sẽ lấy trộm tiền của chúng tôi nếu chúng tôi sơ ý

Chúng tôi hy vọng tới thị xã bờ biển của Phan Thiết trước khi trời tối trên con đường cao tốc uốn éo theo những núi đá và qua những bãi cát. Rất ít xe qua lại. Những dăm cuối cùng đánh dấu bằng những lá Cờ Chính phủ cùng các ca nô màu vàng với ba dòng chữ ngang màu đỏ treo giống như phong cách phơi khô của người diên từ cây tới vách đá. Tổng thống Thiệu sinh ra ở Phan Thiết và người dân vui vẻ thể hiện lòng yêu nước của họ.

Thị xã này cũng là quê hương của loại nước mắm rất nổi tiếng được làm từ cá lên men đựng trong những bình đất nung tròn có đỉnh mác xếp chụm hàng trăm lọ bên ngoài các cửa hàng và các chợ. Mùi nồng nặc đó tỏa ra từ các nhà máy bên bờ biển lan tỏa toàn bộ không gian.

Tôi đã hiểu rằng cần tôn trọng các ngành nghề truyền thống địa phương. Khi tôi phát hiện ra điều quan trọng về chính trị của Wicolsin một năm trước đó, tôi tình cờ tới một thị trấn nhỏ của Union Grove và viết rằng những gì tôi nghĩ là một câu chuyện hài hước về cuộc tranh cãi địa phương về nhà máy sản xuất dưa cải bắp và mùi độc hại đó. Ngày hôm sau hội đồng thị trấn Union Grove tức giận tuyên bố tôi là người không được chấp nhận. Tôi có cảm giác người Việt Nam cũng nhạy cảm tương tự về mùi vị yêu thích của

họ.

Sáng hôm sau tôi đến thăm một đội người Mỹ ở tỉnh. Trong một vài tháng từ khi có thỏa thuận hòa bình, 260 cố vấn và sĩ quan đã giảm xuống chỉ còn 3 người đại diện. Họ không vui vẻ nói chuyện với tôi và phàn nàn về mệnh lệnh che giấu tin tức đối với họ do Đại sứ quán Mỹ thực hiện. Họ biết ngày càng ít diễn biến cuộc chiến; chính quyền Sài Gòn hiếm khi thông tin cho họ, thậm chí họ quản lí hàng triệu đô la viện trợ của Mỹ đối với tỉnh.

Tôi hỏi về chuyện tham nhũng xem các sĩ quan địa phương có đồng ý với những gì thường được gọi là hối lộ ở “mức độ có thể chấp nhận” và một người Mỹ thốt ra phẫn nộ: “Tôi mệt mỏi khi phải nghe về mức độ hối lộ có thể chấp nhận được. Chẳng có mức độ nào là có thể chấp nhận được. Nếu họ có cơ hội lấy một chút tiền thì sau đó họ sẽ lấy hết luôn”. Đồng nghiệp của anh ta nói thêm: “Tôi nói với đại sứ quán hoặc tôi sẽ viết một bản báo cáo về việc hối lộ, và họ đơn giản nói rằng, quên chuyện đó đi, Nhà Trắng có thể đọc và gây rắc rối”. Họ gợi ý rằng chuyện lờ đi trách nhiệm chính là triệu chứng không khác gì với số phận của đất nước, một sự thờ ơ chính trị song hành với rút quân.

Người dân địa phương dần quen với việc trở về của người Mỹ, đặc biệt là những phụ nữ đã sống với những người Mỹ, có con với họ và bị bỏ lại phía sau. Những người nước ngoài mới đến tham gia vào bức tranh đó là người từ các quốc gia trung lập được giao nhiệm vụ kiểm soát quốc tế, tới giám sát việc thực hiện thỏa thuận hòa bình. Với rất ít hoặc không có chính quyền can thiệp vào, họ có thời gian và quyền lực trong tầm tay các nhà bảo vệ hòa bình đã chuyển một số cô gái cùng bọn trẻ nhỏ vào phòng ở khách sạn.

Chúng tôi xa rời mùi vị nước mắm Phan Thiết và lái xe về phía Phan Rang trong gió biển thổi qua cửa xe đang mở. Cái nóng lấp lánh trên những dải muối, sáng màu ôliu trải tới chân đồi rồi sang phía tây.

Tôi luôn yêu đoạn đường cao tốc trải nhựa này, chạy qua nơi có tính chất lịch sử, vương quốc cuối cùng của người Chăm pa. Những ngọn tháp bằng gạch đỏ vẫn đứng đó, thậm chí những người trung thành đã xây dựng nơi cách đây rất lâu bị người Việt Nam đánh bại trong hành trình tiến về phía nam kiên trì bền bỉ của họ. Người phiên dịch của tôi, ông Hương, nói rằng ý nghĩa của từ Bình Thuận là “hòa bình của đất nước, hòa bình trong suy nghĩ”.

Sự mơ màng của tôi lay động khi Andrew chỉ tay về cửa sổ và hét lên: “Nhìn kia cha, xe tăng, xe tăng”. Chúng tôi lại gần để xem. Đó là một chiếc xe tăng nhỏ của Nhật dựng trên bệ một đài tưởng niệm những người Nhật xâm chiếm đã chết. Tôi nói với Andrew đó là một cuộc chiến sai lầm. Khi đã qua vịnh Phan Rí, chúng tôi bắt gặp nhiều sự kiện đáng nhớ mới xảy ra, hai

xe tăng cỡ trung của Mỹ hỏng trong một khu quân đội của người Việt bỏ trống.

Tại tỉnh Phan Rang, Đại tá Trần Văn Tiêu nói với tôi lực lượng của anh ta không muốn thừa nhận bất cứ lãnh thổ nào của Việt Cộng và người của anh ta nghi ngờ rằng việc ngừng bắn có thể có hiệu quả. Một nhân viên Mỹ thông báo cho tôi rằng người Nam Việt Nam đổ lỗi cho một chuỗi các cuộc đụng độ xung quanh sân bay và về phía chân đồi hủy hoại việc ngừng bắn. Anh ta phàn nàn: “quân đội Việt Nam Cộng hoà sẽ không ngừng chiến đấu, chúng ta đã tạo ra một con quái vật như thế nào. Chúng ta thường kêu ca quân đội Việt Nam Cộng hoà chưa bao giờ muốn chiến đấu bây giờ chúng ta lại kêu ca họ không dừng lại”.

Tôi tiếp tục đi theo bờ biển trên quốc lộ 1 qua các đụn cát và dốc đá, đi về phía căn cứ Mỹ trước đây ở vịnh Cam Ranh, nơi Tướng Westmoreland đã quyết định nhổ neo hệ thống tiếp viện cho cuộc chiến Tây Nguyên. Hàng nghìn lính Mỹ đổ mồ hôi và chửi thề trong cái nóng khi họ bắt đầu và kết thúc thời gian nghỉ vụ trong tòa nhà triển khai nhân sự lớn tại sân bay.

Con gió thổi tung lớp cát nóng của bán đảo Cam Ranh khi chúng tôi lái xe qua, bên cạnh vắng và những tòa nhà căn cứ trên bán đảo chỉ còn là những đống gạch đổ nát, giống như thành phố ma cổ kính ở Nevada và Arizona. Nơi lộn xộn đó đã từng đón chào Tổng thống Johnson hai lần tới thăm. Những đèn giao thông tối đen ở chỗ giao nhau được gọi là “quảng trường thời gian”.

Mỹ đã rót một phần tư tỷ đô la vào vịnh Cam Ranh và một số người đã từng mơ ước nó sẽ trở thành biểu tượng cho sự có mặt lâu dài của người Mỹ trên đất châu Á. Những gì chúng tôi chứng kiến ngày hôm đó là một đôi tát rúm ró treo trên dây và một bức thư tình trên cát, nét chữ mờ dần theo ánh mặt trời, một số đoạn miêu tả tình ái, kết thúc viết “hãy hủy bức thư này khi anh đọc xong.” Nhưng người nhận đã ném nó vào thùng rác.

Ở bãi biển cát trắng uốn cong tại thành phố Nha Trang một biển hiệu sơn trắng to bằng tiếng Anh và tiếng Việt nói rằng bãi biển dành cho Không lực Cộng hòa – “Người Mỹ chỉ vào nếu được mời.” Trong vòng sáu năm người Mỹ đã cắm người Việt vào khu vực biển Nha Trang cũng với biển hiệu tương tự và bây giờ những người địa phương đang trả thù. Tôi hỏi tỉnh trưởng Khánh Hòa, Đại tá Lý Bá Phạm về điều đó và ông ta chỉ cười nói rằng những tay phi công của ông ta rất can đảm. Ông ta nói thêm: “người thực sự muốn người Mỹ rời đi là cộng sản; mục tiêu của người Bắc Việt là tự chiến đấu với miền Nam và tôi nghĩ họ thật khôn ngoan”.

Tỉnh trưởng trong trang phục quân đội gọn gàng rót trà cho chúng tôi, lắng nghe khi tôi kể về sự bất an ở Mỹ đối với chiến tranh và mong muốn của hầu

hết người dân là quên về nó. Ông ta đáp lại: “Chẳng có lí do gì để Hoa Kỳ từ bỏ hoàn toàn và không đảm bảo tự do, dân chủ cho miền Nam Việt Nam”. Chúng tôi nói chuyện một lúc và cuối cùng ông ta thể hiện sự bức tức với tôi: “Làm sao Hoa Kỳ có thể từ bỏ tất cả trong thất bại?”.

Con đường phía bắc từ Nha Trang chạy dọc theo bãi biển đẹp nhất ở Đông Nam Á, những vịnh đá cùng những hàng dừa và những ngôi nhà lợp mái lá, nơi có những thuyền đánh cá bằng gỗ xếp dọc bãi biển. Con đường cao tốc gập ghềnh theo những mũi đất ở Vũng Rô, từ đây về phía bắc là những cánh đồng phì nhiêu của vùng đất bằng phẳng trải dài về phía tây tới cao nguyên Đắc Lắc và các thành phố cao nguyên của Plâycu và Buôn Ma Thuột.

Ở Tuy Hòa, tôi gặp một sĩ quan Lực lượng đặc biệt Hoa Kỳ trước đây ở khu cố vấn Hoa Kỳ chỉ vào một đồng nghiệp trẻ với mái tóc vàng dài tới vai “đây là những gì dịch vụ nước ngoài có. Những gã này không làm nhiệm vụ chiến trường, họ ra biển, họ tới các hồ ở Đà Lạt. Chúng tôi biết nơi nào những xác chết được chôn, nơi nào có tham nhũng và sự bất tài, gã mới đó không muốn biết”.

Sự chuyển đổi từ tình trạng chiến tranh sang tình trạng ngừng chiến được thể hiện rõ nhất ở Quy Nhơn, một trung tâm thương mại nhộn nhịp, những tòa nhà cũ kĩ, không được sơn. Tôi bắt đầu hiểu rõ hơn bức tranh về sự khó khăn của chính phủ miền Nam Việt Nam. Ba mươi lá cờ Việt Cộng bay phấp phới từ một ngọn đồi nhỏ chỉ cách chốt quân sự của chính phủ khoảng hơn 600m. Các nhân viên Mỹ nói với tôi Bình Định vẫn là vùng chiến, cộng sản chiếm giữ chân đồi, các ngọn núi và không thể đánh bật họ ra khỏi vị trí.

Vào một đêm, chúng tôi tới cố đô Huế, qua những cung điện trang trí hoa văn và những khu vườn um tùm đồ nát. Tôi cố gắng chỉ cho Andrew về di sản văn hóa của Việt Nam nhưng nó thích thú chơi ở chốt an ninh bằng bê tông của người Pháp trước đây dọc đường đi và xem những tay chơi mặc đồ flanen trắng tham gia vào “cuộc gặp tennis của các tỉnh phía bắc” tại một câu lạc bộ thể thao của người Pháp trước đây. Thành phố vẫn nằm trong vùng chiến, quân đội Bắc Việt đổ bộ qua vùng phi quân sự hóa vào Chiến dịch Phục sinh năm 1972 và họ không trở về nhà, để lại mọi thứ qua sông Thạch Hãn và để lại Quảng Trị trong đổ nát.

Tôi nhớ Quảng Trị là một tỉnh khá phát triển. Bây giờ nó như mảnh đất trên cung trăng, các tòa nhà đã bị san bằng và cướp phá. Cột điện và điện thoại bị kéo đổ. Một sĩ quan người Việt lái xe đưa chúng tôi tới bờ sông nơi có thể nhìn sang phía bên kia khu lán của người Bắc Việt. Một thập kỷ trước Quảng Trị là trung tâm tinh thần của gia đình Tổng thống Ngô Đình Diệm và cũng chính của Việt Nam, một vấn đề về phản công cho 8 nghìn cố vấn quân sự Mỹ.

Tôi nghĩ rất nhiều về mức độ bất hạnh xảy ra từ đó nhưng tay sĩ quan người Việt chỉ quắc mắt với tôi. Anh ta giải thích về hướng những xe ủi phía tây trong khung cảnh bằng phẳng khi những người cộng sản nâng cấp con đường 548 được xem như sự lựa chọn cho mùa mưa trên đường mòn Hồ Chí Minh chạy qua các ngọn núi.

Từ con đường mới mở rộng này, miền Bắc có thể cung cấp sức người sức của để đánh áp đảo miền Nam. Chúng tôi lái xe về phía tây cố đô Huế tới thăm một trung đoàn của Sư đoàn Lính bộ Cộng hoà 1 đang phòng thủ bảo vệ một thung lũng vào thành phố.

Chỉ huy trưởng đơn vị, Đại tá Võ Toàn thật thà một cách tàn nhẫn. Ông ta nói nếu những người cộng sản tấn công bằng sức mạnh thì ông ta không có sự phản kháng chính xác và sẽ rút quân trở lại thành phố nếu máy bay ném bom B-52 và máy bay chiến đấu của Mỹ không tới giúp. Tôi giải thích với ông ta rằng quốc hội Mỹ chuẩn bị ngừng đánh bom. Vị đại tá lắc đầu từ chối.

Trở lại Sài Gòn, tôi phỏng vấn một người quen ở Đại sứ quán Mỹ, một người quan sát hiểu biết sâu sắc tình hình Việt Nam tên Frank Scotton, người đưa ra đánh giá thẳng thừng về sự khủng hoảng. Anh ta nói rằng Hoa Kỳ không còn cố gắng chiến thắng trong cuộc chiến nữa cũng như không ngăn chặn nổi việc tiếp quản không thể tránh được của cộng sản.

“Miền Nam Việt Nam chống cộng sản ngày nay giống như băng trên sông. Bạn có thể bước qua trên băng ngay bây giờ, bạn có thể lặn những viên đá qua nó nhưng con sông bên dưới đang chảy rất nhanh và băng đang tan”. Những trích dẫn từ anh ta là một chuỗi những bài viết ở AP của tôi xuất hiện trên các tờ báo của Mỹ ngày 15-7.

Ngày hôm sau, 16-7, nhân viên báo chí của Tổng thống Thiệu, Hoàng Đức Nhã, đọc câu chuyện của tôi trên tờ Pacific Stars anh Stripes, gọi cho tôi tới văn phòng anh ta để quở trách. Lần đầu tiên một nhân viên người Việt thách thức việc tác nghiệp của tôi. Nhã là cháu trai của Tổng thống Thiệu, nổi tiếng vì từng thét vào mặt Henry Kissinger trong buổi bàn thảo cuối cùng cho thỏa thuận hòa bình. Bây giờ anh ta thét vào tôi: “Làm sao anh có thể viết những thứ như thế này, đồ rác rưởi, đó không thể là sự thật, chính phủ của tôi muốn trục xuất anh”.

Tôi cảm thấy tôi nợ anh ta một lời giải thích. Tôi nói với tay thư kí báo chí phương pháp của tôi và bối cảnh đi lại của tôi không chỉ lái xe tới Huế mà cả những chuyến thăm tới Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long. Tôi đề cập bối cảnh chính trị của Mỹ và học thuyết Kissinger, mà tôi hiểu Mỹ có những người bạn không thường niên nhưng có những sở thích thường niên và bây giờ Việt Nam không phải là một trong những mối quan tâm hàng đầu của họ. Sự đề cập của tôi tới Kissinger đã làm giảm thái độ của Nhã. Sau

một giờ, chúng tôi nói lời tạm biệt thân ái và anh ta không đề cập tới việc
trục xuất tôi nữa.

Chương 26: Sài Gòn Sụp Đổ

Vào cuối tuần thứ ba tháng 3-1975 tăng băng đã vỡ. Tôi đọc tin đó ở tờ Thời báo New York khi lái xe đi làm vào sáng thứ hai trên đoạn đường ngầm. Nhan đề nói rằng Tổng thống Thiệu đang bỏ mặc vùng Tây Nguyên rơi vào tay cộng sản, các khu đô thị của Kontum, Plâycu và Ban Mê Thuột đang bị từ bỏ. Tôi muốn hét to lên rằng chiến tranh cuối cùng đang kết thúc.

Tôi tới Phòng Ngoại sự AP, ở tầng 4 nơi biên tập viên đang gập lưng trên máy telex từ Sài Gòn gửi về. “Hãy nhìn này, toàn bộ hỗn độn”, anh ta giật bản mới nhất từ George Esper, một câu chuyện về di cư không có tổ chức rộng lớn từ vùng cao nguyên tới ven biển miền Trung. Hàng nghìn người trốn thoát qua những con đường ít được sử dụng.

Tôi nói với Nate Polowitzky rằng tôi cảm thấy điều này đang kết thúc và tôi muốn đi tới Việt Nam ngay. Anh ta nói tôi báo cáo với sếp, Gallagher không hoàn toàn bị thuyết phục với niềm tin của tôi. Ông ta còn một năm nữa về hưu và đã dành rất nhiều thẩm quyền của mình cho câu chuyện Việt Nam. Nhưng ông ta nắm lấy tay tôi và nói: “Tới đó đi, và chúng ta sẽ cần rất nhiều người chết tiệt hơn tham gia với cậu nếu cậu đúng”. Tôi đã lên đường vào ngày hôm sau.

Sài Gòn choáng váng và tức giận. Người dân thích lời đi hơn là hiểu biết, ngu ngốc ủng hộ một Tổng thống đã không quan tâm tới số phận chiến trường. Nguyễn Văn Thiệu không mong muốn thỏa hiệp với bất kỳ giải pháp chính trị có lí nào cả với những người cộng sản đã kết án miền Nam sự hủy diệt quân đội. Nhưng từ chiến dịch Mậu Thân trở đi – chỉ với sự giúp đỡ chiến đấu đáng kể của người Mỹ – người dân Sài Gòn hành động như thể không cần tính toán đáng kể nào nữa, rằng họ đã chiến thắng trong cuộc đấu tranh của mình. Bây giờ đất nước của họ đang bị hủy hoại.

Esper gặp tôi ở sân bay nói rằng chính phủ vừa từ bỏ một phần tư phía bắc của đất nước gồm các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên Huế. Vùng Tây Nguyên đã ra đi, miền Nam Việt Nam bị thu nhỏ một nửa trong vòng một tuần. Anh đồng hao với tôi là Đại tá Nguyễn Minh châu nói đã nghe về một cuộc đảo chính có thể lật đổ Tổng thống, rằng lãnh đạo người Việt bị đổ lỗi về các cuộc rút quân chiến trường.

Những người bạn cũ hỏi tôi những người Mỹ và những chiếc máy bay B52 đã cứu họ trước đây giờ ở đâu? Tôi cố gắng giải thích với họ rằng chính sách Việt Nam của Mỹ đã hết lòng tin. Vì những lí do hoàn toàn không liên quan tới Việt Nam, Nixon đã bị cách chức và rời Nhà Trắng vì một vụ scandal nội bộ. Vị Tổng thống mới Gerald Ford bị quốc hội hạn chế sử dụng ngân quỹ cho các hoạt động chiến trường ở Đông Nam Á.

Mỗi ngày, những tin bài miêu tả một đất nước hoàn toàn sụp đổ không ngừng tuôn chảy. Gallagher yêu cầu tăng nhân lực, và một số Trưởng phân xã khu vực của AP bay tới. Trong một cuộc chiến, nơi các nhân viên của ông ta đã giành được 5 giải thưởng Pulitzer, Gallagher quyết tâm duy trì điều thuận lợi có tính chất cạnh tranh tới cùng. Các tổ chức thông tin khác cũng cho thấy sự quan tâm mới trở lại trong câu chuyện.

Trên các con đường tràn ngập lo lắng của Sài Gòn và trong các nhà hàng Pháp, tôi gặp các đồng nghiệp báo chí trước đây đã lâu không gặp trong nhiều năm. Malcom Browne đã trở lại cùng vợ mình, Lê Liễu, để viết cho tờ Thời báo New York. Đối thủ cạnh tranh cũ UPL của tôi, Lon Daniels đã trở lại. Mỗi ngày bảng tên phóng viên lại dài ra. Tất cả chúng tôi ở đó ghi lại khoảnh khắc cái chết đang đến gần của miền Nam Việt Nam, tất cả chúng tôi cùng đặt mức độ biểu cảm trong câu chuyện nhưng cố gắng để nó đi theo cách vốn có.

Vào ngày 24-3, tôi đi nhờ chuyến bay sáng sớm đưa thư của không quân Mỹ tới Đà Nẵng, nơi những người phòng thủ rút quân từ Quảng Trị và Huế đang tập hợp. Đà Nẵng chỉ là nơi quan trọng thứ hai so với Sài Gòn, thủ đô của một triệu người với các khu vực dân cư và thương mại trải dài theo bốn cảng.

Thành phố vốn được miêu tả như một thành trì có khu tiếp viện quân sự khá lớn ở căn cứ không quân cùng những máy bay và trực thăng chiến đấu tốt sẵn sàng hỗ trợ lực lượng phòng thủ và khi chúng tôi hạ cánh tới đó, nó dường như yên lòng.

Bức tranh trên mặt đất thật không dễ chịu. Tôi nhận thấy một thành phố gần như sụp đổ. Những đám đông xung quanh các đoạn đường đứng cãi nhau và thét lác, những người lính đi không mục đích trên đường, vũ khí của họ thả lỏng trên vai, không giống như vị trí của lực lượng phòng thủ đang chuẩn bị chiến đấu sinh tử.

Lãnh sự Mỹ, Al Francis, hy vọng rằng vận chuyển hàng không như đã định sẽ nhanh chóng di chuyển hàng chục nghìn người vô gia cư để cứu một số nơi ở phía nam. Nhưng buổi sáng hôm sau bức tranh bất ngờ đen tối. Sà lan và thuyền chở người di tản quân sự nhếch nhác từ Huế đổ vào cảng và dỡ những lô hàng của họ.

Những con đường chính gần cảng nhanh chóng bị tấn công cùng những người lính bị tước vũ khí hoặc mất, những đôi vai cúi xuống mệt mỏi. Những người sống sót là con số còn lại của hai sư đoàn lính bộ tốt nhất ở Việt Nam. Những người mà tôi nói chuyện kể cho tôi nghe về sự sụp đổ hoàn toàn của lực lượng phòng thủ ở cố đô và sự di cư lộn xộn từ các bãi biển dưới làn đạn dữ dội. Điều đó nhắc tôi nhớ tới các câu chuyện đã nghe

về cuộc di tản tại Dunkirk trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

Cuối buổi chiều, lời đồn đại lan khắp thành phố rằng những người cộng sản đã tiến vào công thành phố. Tiếng súng vang dội trên đường phố thuyết phục tôi tìm kiếm sự an toàn trong khách sạn, nơi các phóng viên khác đang ở đó.

Khoảng nửa đêm, một nhân viên trẻ người Mỹ triệu tập chúng tôi tới lãnh sự. Al Francis vẽ ra một bức tranh tăm tối nhất về tình hình an ninh, ông ta tuyên bố không còn chịu trách nhiệm về sự an toàn của chúng tôi nữa và nói rằng chúng tôi nên rời khỏi thành phố vào buổi sáng. Điều đó tốt cho chúng tôi vì chúng tôi cũng đã chứng kiến đủ.

Tiếng rocket nổ đánh thức tôi, những viên đạn đầu tiên do những người cộng sản bắn trong cuộc tấn công Đà Nẵng. Tôi tự hỏi tốc độ tấn công của Việt Cộng. Huế cách 50 dặm về phía bắc và đã sụp đổ một ngày trước đó và bây giờ các đơn vị pháo binh di chuyển qua núi và ở trong phạm vi thành phố.

Chúng tôi lái xe tới sân bay trong xe tải của lãnh sự. Có các nhóm người vội vã cùng hướng và tập trung ở công sân bay. Giữa buổi sáng, sân ga tắc nghẽn bởi đàn ông, phụ nữ và trẻ em đang muốn rời đi. Đám đông dường như bị kích động và tấn công chuyến bay đầu tiên, chiếc 727 Hàng không Thế giới mà chúng tôi đã được đặt chỗ. Cảnh sát, an ninh sân bay bắt đầu hét lên và nổ súng lên trời, đẩy đám đông lùi lại, cuối cùng bằng cách nào đó việc khởi hành cũng được thực hiện. Tôi chỉ biết ơn vì đã rời đi an toàn.

Ba ngày sau đó, George Esper sử dụng nguồn tin Sài Gòn của anh ta là người đầu tiên biết rằng Đà Nẵng đã rơi vào tay cộng sản nhưng chúng tôi nhanh chóng biết rằng “rơi” là từ chưa chuẩn mà phải dùng từ “thối tung” mới miêu tả chính xác hơn.

Một cộng tác viên ảnh người Việt tới văn phòng chúng tôi vào cuối tuần đó cùng những bức hình từ Biển Đông và Ngũ hành sơn nói lên sự thật. Những khẩu pháo binh và xe tăng đã được chuyển tới Việt Nam từ các kho tiếp viện quân đội Mỹ để bảo vệ Đà Nẵng bị bỏ không trên các bãi cát vàng, nòng súng không hướng về phía các thung lũng núi, nơi những người cộng sản Chiếm lĩnh. Tổng thống Thiệu từng huênh hoang tuyên bố một tuần trước đó rằng vùng đó sẽ được bảo vệ tới người cuối cùng. Nhưng lính của ông ta đã từ bỏ một trong những căn cứ quân sự hùng mạnh nhất ở Thái Bình Dương không một cuộc giao tranh nào.

Đó không chỉ là sự sụp đổ của Đà Nẵng. Điều đó còn thuyết phục tôi rằng Sài Gòn cũng sẽ bị sụp đổ. Vào đầu tháng 4, tôi viết một bài phân tích cuộc tấn công của cộng sản ở thành phố là điều hoàn toàn không thể tránh khỏi. Câu chuyện đó được in ở một tờ báo tiếng Anh từ Sài Gòn Post. Chính phủ

đáp lại việc rút lui chiến trường là kết quả không tránh khỏi khi tập hợp lực lượng quân đội bảo vệ Sài Gòn và khu vực đông dân cư quanh đó. Sau đó chúng tôi biết rằng vịnh Cam Ranh thất thủ cùng với khu vực dọc bờ biển Nha Trang.

Gallagher gọi tôi trở lại Mỹ để tham gia cuộc họp thành viên hàng năm của AP ở New Orleans. Tôi đang đặt hãng hàng không thương mại thì được đề nghị một chỗ về nhà trên máy bay của Hãng không Thế giới chở trẻ em mồ côi Việt Nam cho những gia đình nhận con nuôi ở Mỹ. Nó giúp tôi trở lại đúng thời gian cùng một bài tin.

Ed Daley là người mời tôi đi chuyến đó, một chủ tịch nhiều màu sắc của hãng máy bay độc quyền đóng ở Oakland. Ông ta là người to béo, đội mũ nòi giống nhân vật trong cuốn truyện tranh nổi tiếng “Terry và những tên cướp biển”. Ông ta đeo súng lục, cài thắt lưng da quanh cái bụng béo của mình.

Daley dường như không bị cuộc khủng hoảng hăm dọa; rất nhiều máy bay đất tiền của ông ta đậu ở sân bay đầy nguy hiểm Tân Sơn Nhất để thực hiện lời hứa của nhiều người nhất có thể. Ông ta bất chấp sự nguy hiểm khi yêu cầu một máy bay của công ty tới Đà Nẵng chở những người di tản từ sân bay, thậm chí cả sau khi cộng sản đã chiếm được thành phố.

Hầu hết đồng nghiệp của tôi viết về Daley như người tìm kiếm tiếng tăm, lo lắng cứu những hành trình mới cho hãng hàng không của ông ta ở Mỹ. Họ dị ứng với phong cách thô bạo và to tiếng của ông ta, đặc biệt là sở thích chiến đấu lại những cuộc tranh cãi trên bàn ăn tối khi ném khẩu súng lục lên bàn. Một lần khác tôi đáng lẽ đã bỏ đi nhưng cả thế giới đang nhượng bộ và dường như vẫn có chỗ cho một tay giang hồ tử phú với một hạm đội máy bay chở hàng.

Chúng tôi tập hợp một đêm tại khu nhà kho xa sân bay, nơi có máy bay chở hàng DC-8 đã bí mật đỗ trong phần tối của đường băng. Daley và nhân viên của ông ta đặt những tấm nệm gỗ dọc theo sàn máy bay, những chiếc chăn cuộn và gói cho 70 đứa trẻ mà ông ta đã tập hợp. Một nhóm phụ nữ người Mỹ đi cùng chuyến bay để giúp những đứa trẻ. Họ là những người sống nhờ vào các nhân viên Mỹ và là những công nhân hạnh phúc được trở về nhà.

Tay phi công Ken Healey nói với tôi máy bay bị từ chối khởi hành vì lo sợ du kích Việt Cộng tấn công. Daley gạt rắc rối sang một bên và yêu cầu Healey khởi động máy, trượt trên đường băng và cất cánh mà không cần giấy phép. Healey tuân lệnh thậm chí khi đài quan sát hét vào anh ta: “Đừng cất cánh, đừng cất cánh, bạn không có giấy phép”.

Tôi ở trong ngăn phía sau cùng những đứa trẻ và xem chúng lật lung lại

khi máy bay rú lên lao vào bầu trời, hướng tới căn cứ không quân Yokota ở Nhật Bản và từ đó tới Oakland, California, 25 giờ tới nơi an toàn. Chuyến bay ẩn tượng của Daley chiếm nhan đề lớn trên các tờ báo Mỹ và sự khởi đầu của ông ta có kết quả thuyết phục nhân viên Mỹ cần đổi mặt với khủng hoảng và bắt đầu di chuyển những người phụ thuộc tình nguyện nhất từ Sài Gòn.

Đối với các nhà xuất bản ở New Orleans, tôi giải thích “Thật không dễ dàng miêu tả về những khu vực xung quanh dễ chịu như thế này trong một thành phố đáng yêu của Mỹ, những khủng hoảng bao trùm người Sài Gòn, những người bằng cách nào đó tham gia vào chiến dịch to lớn của Mỹ tạo cho miền Nam Việt Nam một bức tường thành chống lại cộng sản”.

Họ hỏi tôi bao lâu thì Sài Gòn sụp đổ. Tôi đoán rằng thành phố sẽ sụp đổ trong tháng. Họ dường như hoảng sợ. Nina cũng vậy. Cô ấy nài nỉ được trở lại Sài Gòn cùng tôi nơi bố mẹ và chị em cô ấy mắc kẹt cùng những người còn lại. Tôi nói với Tom Buckley rằng tôi sẽ cố gắng hết sức để cứu gia đình Nina. Anh ta nói: “Peter, cậu không đủ nặng kí để làm điều đó”.

Trở lại Sài Gòn, hầu hết mọi người chúng tôi biết đều muốn rời đi và sẵn sàng ra đi bằng mọi giá. Thông tin lộn xộn về sự sụp đổ của Đà Nẵng lan ra khắp miền Nam với những người sống sót tuyệt vọng. Mỗi ngày hàng trăm người Việt xếp hàng xin visa tại Đại sứ quán Mỹ. Khi miền Nam Việt Nam sụp đổ, hàng người đó càng dài hơn. Hàng nghìn người khác đang chờ đợi tại nhà với hành lí đóng sẵn bởi vì họ đủ tiêu chuẩn để được di tản theo kế hoạch di tản 200 nghìn người Việt mà cuộc sống có thể bị nguy hiểm bởi mối liên hệ của họ với 20 năm chính sách của Mỹ.

Tôi sắp xếp cho Nina và gia đình cô ấy bay tới Wellington trong một chuyến bay đặc biệt được thuê để di tản nhân viên ngoại giao New Zealand và tôi lái xe đưa họ tới đại sứ quán vào buổi sáng họ khởi hành. Họ chỉ được phép mang một túi nhỏ hành lý. Đây là lần thứ ba họ mất gần hết mọi thứ. Dưới sự sắp xếp đặc biệt với Đại sứ quán Mỹ, chúng tôi có thể di tản toàn bộ nhân viên Việt Nam của AP và gia đình của họ. Tôi có thể đưa hai chị em của Nina và chồng của họ tới Philipptn trên chuyến bay C-130s của lực lượng không quân Mỹ.

Buổi sáng sau đó, một sĩ quan lâu năm người Việt đang ngồi trong văn phòng của Esper, nói chuyện với ông ta. Chỉ huy tối cao quân đội hiếm khi tìm kiếm chúng tôi, mối quan hệ đôi lập của chúng tôi còn tồi tệ hơn vào những năm đó. Esper giới thiệu tôi với Trung tướng Nguyễn Văn Minh, tổng chỉ huy đơn vị đồn trú Sài Gòn, một nhân vật then chốt trong công tác phòng thủ của thành phố. Chúng tôi đã gặp nhau trước đó nhưng tôi không chuẩn bị cho cái ôm của ông ta hay những lời khen ngợi dạt dào về khả năng báo chí

của tôi.

Vị tướng nhanh chóng nêu rõ mục đích của chuyến viếng thăm. Ông ta muốn chúng tôi cung cấp cho ông ta tọa độ những con tàu của hạm đội 7 Hoa Kỳ ngoài biển và dấu hiệu gọi ID bộ đàm, điều có thể khiến ông ta đến với tự do trong chiếc trực thăng lên thẳng của mình nếu kết thúc đến quá nhanh. Ông ta giải thích tạm thời chỉ huy tối cao Mỹ không sẵn sàng cung cấp thông tin này cho ông ta nhưng sẽ cung cấp khi thực sự cần thiết.

Minh muốn bản lề an toàn hơn. Ông ta không làm gì để che giấu sự chắc chắn rằng Sài Gòn sẽ thua. Ông ta kêu ca có một sư đoàn không được đào tạo chỉ có 6 nghìn lính bảo vệ thành phố. Sự thông minh của ông ta chỉ ra rằng có 16 sư đoàn Bắc Việt đang tập trung tấn công thành phố.

Chúng tôi giải thích rằng thông tin quân sự mà ông ta mong muốn là thông tin mật và chúng tôi không biết nhưng sẽ tư vấn chính quyền Mỹ về những mong muốn của ông ta. Vị tướng ra về với lời hứa sẽ giữ liên lạc. Tôi biết chúng tôi đã gặp được một nguồn tin vô giá.

Có những nhân viên ở Đại sứ quán Mỹ, Hội đồng Quan sát và Kiểm soát quốc tế vẫn bám lấy niềm tin sẽ có một kết thúc chiến tranh trong thương lượng và một giải pháp vẫn giữ được Sài Gòn như một chính phủ trung lập. Tôi hoài nghi khi lần đầu tiên nghe những bản tin này vì tôi tận mắt chứng kiến sự sụp đổ bất ngờ của Đà Nẵng, Huế và những thất bại của mỗi thành phố dọc biển và vùng cao nguyên.

Tôi thấy không có lí do giải thích sự khủng khiếp của người Bắc Việt gác vũ khí ở cửa ngõ Sài Gòn. Trưởng nhân viên CIA, Thomas Polgar là người đề xuất đầu tiên vị trí này. Từ những gì tôi chứng kiến từ tượng tượng của các nhà ngoại giao Ba Lan, Hungary và những người khác đang giải quyết với các cơ quan cộng sản ở Hà Nội và những văn phòng có thể nói điều gì đó làm lệch hướng quan tâm khỏi những nhiệm vụ thực sự của các lực lượng quân sự của họ.

Tôi chạm trán Mal Browne và vợ của ông ta ở quán cà phê Givral. Tôi hỏi tại sao bà không rời khỏi đất nước cùng với những người khác. Nhưng Mal cười với tôi tự tin và nói: “Peter, sẽ không có trận chiến cuối cùng đâu, tin tôi đi. Tôi là người đã ngấm tốt hơn với tất cả các mặt trong đời”. Mal là một phóng viên mà tôi kính trọng và là người bạn mà tôi ngưỡng mộ nhưng tôi nghĩ ông ta đã sai về chuyện này. “Mal”, tôi nói, “anh đã dạy tôi chỉ viết những gì nhìn thấy chứ không phải những gì nghe thấy và những gì tôi nhìn thấy là cuộc chiến quyết liệt cuối cùng ở ngay trong thành phố”.

Trụ sở New York càng ngày lo lắng về sự an toàn của chúng tôi khi hồi chuông cảnh báo đã gióng lên quanh Sài Gòn. Chúng tôi được nhắc nhở các tổ chức thông tin Mỹ sẽ đóng cửa khi Đại sứ Graham Martin đưa ra mệnh

lệnh trên chuyến di tản trực thăng cuối cùng. Chúng tôi được nói tuân theo hình thức khi sự sụp đổ của Phnôm Pênh ở Campuchia nơi hầu hết các nhân viên AP đã rút và chỉ một số ở lại. Chúng tôi bắt đầu lập kế hoạch đưa mọi người rời khỏi Việt Nam.

Trong vòng buổi trưa ngày thứ hai, 27-4, Tướng Minh gọi điện cho tôi với lời mời tới thăm nhà ông ta ở gần Dinh Tổng thống. Chúng tôi nhâm nhi trà Trung Quốc nóng và ông ta giải thích kết thúc đã tới gần và sự khôn ngoan của ông ta cho thấy lực lượng cộng sản tới gần Biên Hòa ở hướng đông và Củ Chi ở hướng tây và tất cả chuẩn bị dồn vào từ mọi hướng theo hình com pa. Có những pháo binh lớn xếp hàng để thổi tung Sài Gòn thành từng mảnh, các đơn vị thám thính của cộng sản thử đụng độ với lực lượng phòng thủ của Sài Gòn. Ông ta miêu tả những gì gọi là “nhiệm độc khủng hoảng” đang tràn ngập lực lượng Sài Gòn. Đội hình chỉ huy và lãnh đạo đã mệt mỏi, tan rã và khởi hành trong những trực thăng dành cho những chỉ huy chạy trốn.

Tôi nói rằng tôi vẫn đang cố gắng tìm kiếm tọa độ yêu cầu cho hành trình của ông ta nhưng ông ta vẫy tay gạt đi và nói đã biết vị trí chung của hạm đội và khi thời gian đến sẽ bay ra để tìm.

Ông ta chỉ cho tôi xem ngôi nhà được trang hoàng như cung điện với những bức tranh sơn mài lớn về phong cảnh Việt Nam truyền thống có những người phụ nữ vấn tóc ngồi bên bể nước và những con ngựa đang phi nước đại.

Ông ta lắc đầu buồn bã: “Giờ đã quá muộn để tôi mang được chúng đi” và quay sang tuyên bố “Những thứ này là của cậu, tất cả cho cậu. Tôi biết cậu đánh giá cao nghệ thuật và đây là bức đẹp nhất của Việt Nam”. Tôi khẳng định với ông ta rằng tôi cũng không thể mang những bức tranh ra khỏi Việt Nam nhưng ông ta cố nài nỉ và khi tôi ra đến vườn thì hai tay lính đã buộc những bức tranh lên nóc một chiếc xe jeep. Tôi nói với Tướng Minh rằng, tôi có mấy việc lật vật phải làm và sẽ trở về muộn. Sau đó, tôi lái xe đi và biết rằng tôi sẽ không thể gặp lại Tướng Minh hay những bức tranh đó nữa.

Vào sáng sớm ngày thứ ba, đường băng và những nhà ga tại sân bay Tân Sơn Nhất đầy súng pháo binh mà cộng sản kéo xuống từ núi. Đạn bắn phá thức tỉnh thành phố. Tôi nhảy ra khỏi giường tại Khách sạn Caravelle khi những viên đạn đầu tiên chạm đất lúc 4 giờ sáng và chạy lên nóc khách sạn nơi có vài đồng nghiệp đã tập trung, máy bay và các tòa nhà bốc cháy.

Một bình minh đầy lửa toé lên những mái nhà Sài Gòn, chúng tôi nhìn thấy rất nhiều người dân đang chứng kiến như chúng tôi, một vài chiếc trực thăng dừng cảm chiến đấu với những tay súng dưới mặt đất, những khẩu súng nhỏ nhả đạn khi những chiếc tên lửa bay về phía họ. Tôi nhìn thấy hai máy bay rơi xuống.

Tôi điện thoại cho Esper từ quầy bay Khách sạn Caravelle. Chúng tôi đồng ý rằng trận bắn phá có thể kết thúc việc di tản ở sân bay và thực hiện phương án 4, sự rút lui cuối cùng.

Tấn công rocket cũng kết thúc những bài nói chuyện xa hơn về thỏa thuận chính trị. Khi việc vận chuyển hàng không bị hủy bỏ, quyết định di tản nhân sự cần thiết bằng trực thăng được đưa ra. Đó là cơ hội cuối cùng rời đi. Esper cộc lốc thông báo tình hình về New York và ba chúng tôi sẽ ở lại, Esper, tôi và Matt Franjola.

Gallagher phản đối việc để Franjola ở lại vì ông ta lo điều đó tăng thêm nguy hiểm cho tất cả chúng tôi, nhưng ông ta đồng ý khi Esper khuyên nhủ: “Franjola quyết tâm ở lại và nếu chúng ta buộc anh ta rời đi, anh ta sẽ ở lại cho người khác. Yêu cầu ông xem xét lại và hãy để tôi làm câu chuyện này một cách tích cực nhất”. Tôi biết nên đưa ra lời giải thích đầy đủ hơn cho quyết định ở lại của chính mình vì với nhiều người, điều đó dường như là điên rồ, đặc biệt là với Ninh. Tôi hứa sẽ rời đi khi tới lúc.

Tôi gửi một thông điệp cho Gallagher nói rằng tôi đã ở Việt Nam từ đầu, tôi cảm thấy đáng mạo hiểm ở đó để viết về những giờ khắc cuối cùng khi kết thúc.

Tôi không nói cho ông ta biết ý định nhờ chuyến bay cuối cùng nếu ông ta nài nỉ tôi rời đi.

Chương 27: 30-4-1975

Brian Eltis của CBS, gọi cho văn phòng AP lúc 11 giờ. Đại sứ quán khuyen anh ta việc rút lui toàn bộ bắt đầu. Matt Franjola và tôi tham gia cùng Ed White tại điểm đón xe bus gần văn phòng chúng tôi nơi các đồng nghiệp đang đi bộ tới hoặc bằng xe ô tô. Không ai nói gì. Những người chứng kiến cuộc chiến từ đầu đều ủ rũ. Bob Shaplen của tờ Người New York mắt đỏ hoe và Mal Browne không giống như tính cách trầm lặng. Anh ta là người lập dị trong cách kết thúc với chiếc mũ sắt cũ kỹ của Đức đặt trên đầu.

Ed White viết về cuộc chiến lâu như tôi và đã bước vào tuổi trung tuần. “Chúa ơi, tôi ghét bỏ đi theo cách này”, anh ta nói khi trèo lên chiếc xe thứ hai. Anh ta quay sang tôi: “Cậu có chắc cậu đang làm điều đúng đắn không,” và tôi đáp lại “Có Chúa, đúng”. Một phóng viên thường trú trẻ lao tới, mic cầm trong tay, tập hợp lời bình luận phút cuối cùng. khi anh ta bước lên xe bus, tôi nghe anh ta tuyên bố trong chiếc microphone của mình, “Giới báo chí đang rời đi, tất cả đã kết thúc”.

Không, tôi tự nói với mình, không thật sự.

Mọi thứ tôi viết về Việt Nam đã hiện ra vào ngày hôm nay và tôi cảm thấy mình buộc phải chứng kiến lời từ biệt cuối cùng. Franjola và tôi leo lên xe jeep theo sau những xe bus tới nhà của Đại sứ Mỹ nơi họ chỉ dẫn. Khi chúng tôi đỗ xe ở điểm dừng, một sĩ quan quân đội Cộng hoà mặc quân phục chạy tới và năn nỉ chúng tôi đưa ra sân bay. Tôi nhận ra anh ta là nhân viên Bộ Thông tin. Tôi nói anh ta sẽ không bao giờ qua nổi cửa sân bay vì những người gác sẽ đẩy lính trở lại. Anh ta thay quần áo trên đường, ném bộ đồ đồng phục ra phía sau cây và mặc chiếc quần bình thường cùng áo thể thao. Anh ta giới thiệu một đứa trẻ nhỏ là con trai của anh ta và nói với tôi rằng họ là những thành viên duy nhất của gia đình sẽ rời đi vì vợ anh ta cùng con gái sẽ ở lại

Tôi nhìn vào Matt và chúng tôi hiểu phải làm gì. Những chiếc xe bus đang xa rời, Matt và tôi nói họ vào xe jeep của chúng tôi. Chúng tôi lái trước một xe bus và cố gắng dừng nó lại. Chúng tôi gõ vào cửa tới tận khi người lái xe mở ra, hét vào chúng tôi: “Các cậu muốn cái gì?”, một chuỗi những tiếng kêu không kiên nhẫn từ những người đang chờ đợi. Tôi đẩy tay sĩ quan Cộng hoà và con trai của anh ta lên xe bus đông đúc với sự kháng cự của những người bên trong. Tôi nói anh ta chịu đựng cuộc chiến đấu nếu bất kì ai cố gắng ném họ ra ngoài.

Matt và tôi lái xe qua những công sân bay được canh gác phía sau xe bus, đi qua hàng tá những xe đậu dọc theo đường. Khi những đồng nghiệp của chúng tôi nhận ra Matt và tôi cố gắng ở lại, họ chúc mừng vài câu và ném

chìa khóa xe ô tô của họ cho chúng tôi rồi nói vị trí đỗ xe.

Những giờ khắc cuối cùng của Sài Gòn ướt át. Gió mùa đến trong một cơn mưa lớn. Từ mát tòa nhà Den, tôi chứng kiến bóng tối của những chiếc trực thăng biến mất vào đêm. Phía dưới ánh đèn đường một số người đang nhìn lên bầu trời và ra dấu hiệu, với một số túi hành lí nhỏ trên tay. Nhưng giờ đã quá muộn để bay đi. Buổi tối đó trực thăng đã đi hết, tôi leo xuống văn phòng AP ở tầng 4 nơi phiên dịch của chúng tôi, ông Hương và gia đình đang nằm trên sàn nhà.

George Esper cố gắng đưa họ tới địa điểm di tản tại đại sứ quán vào buổi sáng nhưng đám đông quá thô bạo tiến sát gần hàng rào. Esper gọi điện tới đại sứ quán, thậm chí nhân viên còn không trả lời. Anh ta đã ngồi trên chiếc bàn đó hàng thập kỷ viết ra những đoạn mở đầu trên chiếc máy đánh chữ Underwood cổ lỗ. Anh ta chẳng bao giờ nhận được sự công nhận nghề nghiệp xứng đáng. Những tin bài của anh ta xuất hiện trên nhiều báo hơn bất kì phóng viên nào khác trong những năm gần đây nhưng anh ta vẫn không được biết tới. Vào lúc 3 giờ sáng trong một thành phố chuẩn bị đón chờ cái chết, anh ta đang cố gắng gọi điện để chuyển tin, bài. Esper lo lắng xem anh ta đã viết đủ cho ngày hôm đó chưa và tôi đoán rằng anh ta đã gửi khoảng 10 nghìn từ về New York.

Anh ta gầy hốc hác và đôi mắt đầy mệt mỏi. Tôi nói với anh ta: “Hãy loại bỏ những thứ chết tiệt này ra khỏi đây, George. Chúng ta cần ngủ một chút”. Anh ta lẩm bẩm một mình và trở lại máy tetex.

Tôi nhận thấy một số thông tin từ các biên tập viên yêu cầu viết về số phận các nhà báo của họ, còn những người khác yêu cầu tin ngoại sự của chúng tôi và một số từ văn phòng AP ở châu Âu và Mỹ cùng phiếu ghi điểm về việc sử dụng các câu chuyện của chúng tôi.

“Không có thông tin nào trong các thông tin này là quan trọng cả”, tôi nói với anh ta. “Giờ chúng ta là những người duy nhất còn lại đây, không có người phát ngôn của chính phủ, không nhân viên báo chí với những dự đoán thứ hai cho câu chuyện của chúng ta, không nhân viên đại sứ quán nào vui vẻ vẫy tay từ chối những gì chúng ta đã viết. Họ cách chúng ta 10.000 dặm. Lần này chúng ta viết theo cách của chúng ta, George, họ sẽ không có sự lựa chọn nào khác”.

George quyết định chống lại cơn buồn ngủ và đánh máy những ghi chú khó chịu tới Phòng Ngoại sự New York kêu ca về việc ùn tắc thông điệp và tôi hy vọng anh ta đã gửi được nó. Tôi không đợi để xem. Tôi đi xuống bằng chiếc cầu thang tốt, băng qua quảng trường Lam Sơn ẩm ướt tới Khách sạn Caravelle. Tôi vừa chạm vào chiếc giường thì tỉnh lại bởi tiếng thét phía dưới cửa sổ. Tôi kéo rèm sang bên, mặt trời làm lóa mắt tôi một lúc. Tôi có

thể nhìn thấy cuộc khởi nghĩa ở quảng trường. Tôi nghĩ mình đang mơ nhưng đó là sự thật. Cướp phá bắt đầu.

Tôi cạo râu, tắm nước lạnh và chọn chiếc áo sơ mi giản dị màu xám. Tôi lên phía trên cầu thang tới phòng ăn tối, nghi ngờ bữa sáng được phục vụ. Nhưng tôi đã nhầm, những người phục vụ mặc đồng phục vẫn làm việc bình thường. Phía dưới, đường phố nhộn nhịp hướng về phía bên sông Sài Gòn, nơi những con thuyền thương mại và hải quân neo đậu. Biển là địa điểm trốn thoát cuối cùng.

Tôi nhìn thấy những nhóm người chờ đợi trên mái những tòa nhà cao ở trung tâm thành phố, liếc nhìn bầu trời. Họ không biết là nó đã kết thúc, tôi phân vân, nhưng sau đó là tiếng kêu quen thuộc của trực thăng lính thủy đánh bộ Mỹ, bay vòng quanh tháp đôi nhà thờ lớn ở quảng trường John F. Kennedy và đậu trên mái nhà Đại sứ quán Mỹ, một người phục vụ đưa tôi chiếc ống nhòm và tôi nhìn thấy một nhóm lính thủy đánh bộ vận quần áo chiến đấu chạy ra từ phía sau bức tường chắn bằng bao cát ở trên mái Đại sứ quán và bước lên trực thăng. Chưa đầy một phút họ đã đi, những nhân viên Mỹ cuối cùng đã rời khỏi Sài Gòn.

Tôi gọi điện cho Esper ở văn phòng cùng câu chuyện đó. Thậm chí trước khi chiếc trực thăng cuối cùng biến mất khỏi biển, tin tức nó rời đi đã ở trong văn phòng những tổ chức thông tin lớn trên thế giới.

Franjola cùng tôi ăn sáng. Tôi đang cố gắng dạy cho anh ta giọng New Zealand của tôi để giả dạng bất kì phe tham chiến nào với rất ít thành công. Chúng tôi xuống đường nơi những xe jeep chở lính Cộng hòa cùng súng giờ lên, lái như điên trong thành phố. Không có âm thanh của trận chiến. Bây giờ họ không phải sợ ai nữa, sĩ quan cấp trên của họ đã rời đi hết. Chúng tôi đi qua ba trạm xăng góc phố nơi những cột bơm xăng đã bị nhổ lên và những người lái xe hút bằng xi phông xăng trực tiếp vào xe ô tô của họ.

Chúng tôi lái xe tới Đại sứ quán Mỹ. Con đường phía trước trải đầy giấy in, các tài liệu bị xé nát, sách viết và các tờ báo. Cổng các tòa nhà hành chính được mở rộng và một tay lính trẻ người Việt nhảy dựng lên trong hành lang hét bằng tiếng Anh: “Bây giờ nó là Đại sứ quán của chúng tao” khi anh ta chế nhạo. Chúng tôi lên nóc Đại sứ quán phát hiện ra gần 100 người Việt vẫn ngồi ở đó, chờ đợi. Họ định ở lại đó tới khi những chiếc trực thăng quay trở lại đón và tôi không nỡ lòng nào nói với họ rằng tất cả đã kết thúc.

Chúng tôi trở lại văn phòng. Cầu thang kẹt đầy những người Việt trốn sau những bức tường bê tông dày đảm bảo an toàn và rất nhiều người tập trung trong lối đi bên ngoài văn phòng. Họ hiểu nhầm hoạt động của chúng tôi với chính quyền và họ tin rằng chúng tôi có thể bảo vệ họ.

Bên trong văn phòng, Esper đang điều hành việc truyền tin radio từ Sài

Gòn cùng ông Hương và ngay sau đó người phiên dịch thét lên từ phòng vô tuyến: Vị Tổng thống mới bổ nhiệm Dương Văn Minh (hay còn gọi là “Minh lớn”), người dẫn đầu cuộc đảo chính chống lại Tổng thống Diệm năm 1963 đã tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Bây giờ ông ta đang chính thức giao đất nước cho người cộng sản.

Esper đánh máy bản tin và nhanh chóng đưa nó cho người đánh máy in telex. Câu chuyện là bằng chứng cụ thể với thế giới rằng chiến tranh đã kết thúc. Phòng Ngoại sự New York nhanh chóng gửi cho chúng tôi thông điệp rằng bản tin đầu hàng của chúng tôi đến trước năm phút so với của UPL, cho thấy trong khi các cuộc chiến có thể bắt đầu và kết thúc và những người lãnh đạo dựng lên hoặc sụp đổ thì người quyết định quan trọng duy nhất trong kinh doanh tin tức chính là người đầu tiên có câu chuyện.

George rất vui với chiến công của mình, đứng dậy, giang tay và tuyên bố anh ta sẽ đi xuống đường xem chuyện gì đang diễn ra. Anh ta ngồi tại bàn đã bốn ngày liên tục và tôi chúc anh ta may mắn nhưng anh ta chạy trở lại máy đánh chữ chỉ trong vòng năm phút, mặt xám ngắt.

Trong khi băng qua quảng trường Lam Sơn, một đại tá cảnh sát người Việt trong bộ quân phục trang trọng bắt chuyện anh ta và lắp bắp với vốn tiếng Anh lắp ráp: “Đã kết thúc rồi” trước khi bước khoảng mười bước, thể hiện khuôn mặt sắc lạnh, nói tạm biệt bức tượng gần đó sau đó giơ khẩu súng lục 4.5 li bắn vào đầu mình. Trong một khoảnh khắc George đã nghĩ viên đạn đó dành cho mình và anh ta viết câu chuyện xảy ra với đôi tay vẫn còn run sợ.

Franjola bước vào và tuyên bố đơn giản: “Dù sao họ đã ở đây”. Tôi nhìn lên và hỏi anh ta: “Ai ở đây?”, anh ta đáp lại, Việt Cộng. Tôi đang lái xe ra phía sau Đại sứ quán Anh thì một chiếc xe jeep màu đen đi tới cùng một người ngồi trên nóc mặc áo sơ mi trắng, quần đen và đi giày. Anh ta mang theo khẩu AK-47 và thét tôi bằng tiếng Anh: “Mọi người về nhà” và trong xe jeep là những người khác, tất cả đều mặc áo đen. Hơn nữa họ đang vẫy cờ Việt Cộng”.

Tôi xem đồng hồ của mình: 11 giờ 25 phút sáng. Tôi nói với George sẽ đi ra ngoài xem xét tình hình. Một đám lính Cộng hòa chạy tới đường Tự Do, nhảy lò cò vì họ đang tháo bỏ giày, áo và quần trong khi chạy. Họ chạy qua tôi và biến mất trong một hẻm.

Tôi nghe tiếng còi bíp bíp inh tai của một xe tải. Một chiếc xe lớn tiếp tục lăn bánh về phía sông Sài Gòn. Trái tim tôi ngừng đập: đó là chiếc Molotova của Nga và đằng sau xe là nhóm binh sĩ cộng sản trẻ mặc quân phục mỏng màu xanh có mũ sao. Khuôn mặt của họ đầy vẻ nghiêm trang và phân vân khi họ nhìn lên những tòa nhà cao tầng ở trung tâm Sài Gòn, có lẽ là những

khu xây dựng cao tầng đầu tiên mà họ từng nhìn thấy. Người dân Sài Gòn ở trên các con đường cũng xuất hiện trong sự ngạc nhiên. Tôi nhìn thấy một người vẫy một xe tải và sau đó tiếp tục đi. Băng-rôn Việt Cộng màu xanh da trời và xanh lá cây lớn bất ngờ được kéo lên ở cột cờ của Khách sạn Caravelle. Nhân viên ở đó chắc đã bí mật khâu nó trong một tuần.

Tôi lên tầng trên. Điều này là kết thúc của tất cả những gì mà một thế hệ Mỹ đã chiến đấu chống lại và mấy đời tổng thống đã âm mưu ngăn cản. Cái kết thúc đến quá nhanh và thoải trào, mọi người nhón nháo trên lối đi cầu thang đẩy vào người tôi và một ai đó hỏi: “Có chuyện gì đang xảy ra vậy?”, tôi trả lời “Việt Cộng ở bên ngoài”.

Tôi lách qua đám đông tụ tập quanh cửa văn phòng và cảm thấy mệt mỏi quy xuống. Esper nhìn tôi. Tôi hoàn toàn cứng lưỡi. George dìu tôi lại một máy đánh chữ: “Peter, có vấn đề gì không vậy”, tôi nghe thấy anh ta hỏi. Tôi ra hiệu lấy giấy và đánh bản tin bắt đầu bằng: “Sài Gòn, 30-4 quân giải phóng chiếm đóng Sài Gòn một cách thanh bình ngày hôm nay, họ hành quân trên những đại lộ đầy cây bên đường trên những xe tải của Nga cùng cờ bay phấp phới: Người dân Sài Gòn đứng chứng kiến hai bên đường. Không một tiếng súng nổ”.

Tôi lao đảo về phía phòng máy in telex, nhét trang giấy cho người điều hành máy telex, Tammy. Anh ta đọc bản tin, há hốc mồm và cố gắng trốn khỏi căn phòng. Esper và tôi đẩy vai anh ta xuống, sau đó anh ta biến mất khỏi cửa văn phòng và ra đi trong nhiều ngày.

Esper và tôi rất ngạc nhiên khi liên lạc của chúng tôi vẫn bình thường, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đang bỏ trốn không cắt đường dây. Nhưng chúng tôi biết rằng bất kì lúc nào phạm vi liên lạc của chúng tôi với văn phòng New York có thể bị cắt bởi những người nắm quyền mới ở Sài Gòn.

Matt và tôi xuống đường một lần nữa, nhìn thấy những xe tải của Nga trên đường Tự Do, với số lượng lớn. Mọi người đổ ra bên đường, nỗi sợ hãi về một thảm kịch tức thời đã biến mất. Một người lính Cộng hòa mặc quần ka ki và áo phông trắng đứng phía trước tôi, tôi chứng kiến anh ta xé chiếc hình ID từ vòng cổ và ném chúng xuống đất.

Tôi đi qua cổng Bộ quốc phòng ở đường Gia Long và đi vào sân, nơi có nhiều sĩ quan Cộng hòa mặc quân phục với những người dân mặc quần áo màu đen được cho là các cán bộ cộng sản. Khi tôi giơ máy ảnh lên, một trong các sĩ quan Sài Gòn nói với tôi bằng tiếng Anh: “Đừng chụp” và anh ta giơ tay lên. Tôi mỉm cười và tiếp tục chụp, tự nghĩ: “Tôi không nghĩ bạn ở vào vị trí để ra lệnh nữa phải không?”.

Tay quay phim người Úc Neil Davis tiến lại phía tôi ở đường Pasteur từ Dinh Tổng thống. Anh ta ở đó một phút trước khi một xe tăng quân giải

phóng đâm qua cửa chính bằng sắt. Anh ta nói đội quân nhảy xuống và đi lên ban công tầng trên, nơi họ giương một băng rôn lớn của Việt Cộng.

Tôi trở lại văn phòng nói cho Esper biết điều này thì tiếng súng dữ dội nổ ra ngay ngoài cửa sổ của chúng tôi. Một nhóm quân giải phóng bò qua những bụi cây trong công viên ở phía dưới chúng tôi tiến về phía Tòa Thị chính, nơi một số lính phòng thủ đang yếu ớt chống trả. Quân giải phóng đang yểm trợ nhau khi họ di chuyển nhanh về phía trước gần tới tòa nhà và sau đó tiến nhanh.

Tòa nhà nhìn sang công viên từ phía bên kia đường là Khách sạn Rex, nơi Barry Zorthian và nhóm chuyên gia thông tin của ông ta dành nhiều năm nói cho chúng tôi rằng người Mỹ đang chiến thắng.

Ngay sau đó một người Việt Nam trẻ tên là Kỳ Nhân, một trong những phóng viên ảnh cộng tác với chúng tôi bước vào văn phòng, cùng hai chiến sĩ quân giải phóng. Tôi chợt nghĩ đến việc bị bắt hoặc giam giữ. Tôi tự nói với mình rằng tất cả chuyện này đều đáng giá bởi vì chúng tôi đã chuyển được câu chuyện ra cho thế giới. Esper thậm chí không nhìn lên từ chiếc điện thoại, anh ta đang cố gắng sử dụng điện thoại văn phòng Sài Gòn cho một cuộc gọi dài về Mỹ, một đồng nghiệp rất ấn tượng với sự ngoan cố của George đã nói rằng anh ta sẽ ở trên điện thoại nếu những người cộng sản chiếm Sài Gòn.

Tôi đi tới chào hai vị khách. Một trong số họ có súng AK-47 đeo trên vai, người kia rõ ràng là cấp trên vì anh ta mang súng lục của Nga trong vỏ bao bằng da ở thắt lưng. Khi tôi tiến tới họ, Kỳ Nhân vung rộng cánh tay và giải thích bằng tiếng Anh “Tôi đảm bảo sự an toàn cho văn phòng AP. Anh không có lí do gì phải lo lắng”. Tôi nhìn anh ta ngạc nhiên bởi vì trong nhiều năm anh ta bán những bức hình về chiến tranh cho chúng tôi và anh ta là một đồng nghiệp cấp dưới khá bị động.

Tôi nhanh chóng hiểu tại sao anh ta quá vui như vậy. Anh ta nói mình là điệp viên của Việt Cộng trong mười năm và nhiệm vụ của anh ta là điều phối với giới báo chí quốc tế ở Sài Gòn. Chúng tôi thậm chí chưa bao giờ may mắn nghi ngờ anh ta.

Người phóng viên ảnh vẫy tay về phía tôi và nói “Tôi đã nói cho họ về AP, về anh, rằng các anh đều là những người tốt và họ tới đây thăm các anh như những người bạn”. Những vị khách lặng lẽ của chúng tôi cũng đang mỉm cười, và George đứng dậy bắt tay chào mừng cũng như tôi cảm ơn vì chúng tôi không phải là tù nhân của họ. Họ cùng chúng tôi ăn bánh nướng và uống Coca Cola nhưng từ chối uống cognac mà tôi đã giữ trong ngăn bàn cho những dịp đặc biệt.

Tôi gợi ý với Esper nên phỏng vấn họ. Họ trả lời các câu hỏi của anh ta.

Bình Huân Lâm và Trần Việt Cả đều là trung sĩ, cả hai đều 25 tuổi, và đến từ Hà Nội. Họ giải thích họ là lính bộ binh, đơn vị của họ đã tấn công Biên Hòa thắng lợi hai ngày trước đó, và tiến vào Sài Gòn cùng lữ đoàn xe tăng sáng 30-4. Họ chỉ cho tôi xem hành trình của họ về những vùng trên bản đồ văn phòng và họ tự tin tới mức tôi đoán họ là điệp viên.

George vào phòng telex, bắt đầu chuyển trực tiếp về New York cuộc phỏng vấn đầu tiên với những người chiến thắng của Sài Gòn. Hai người lính theo anh ta vào trong, nhìn và không hiểu gì. Hệ thống tin đến của AP kêu lạch cách ở chiếc máy telex thứ hai.

Tôi xé một trong những câu chuyện từ máy và yêu cầu Kỳ Nhân dịch cho họ và anh ta đọc bằng tiếng Việt: “Tổng thống Ford tuyên bố việc di tản người Mỹ từ Việt Nam khép lại một chương trong kinh nghiệm của người Mỹ. Tổng thống yêu cầu mọi người Mỹ tránh tố cáo lẫn nhau về quá khứ, hãy nhìn về phía trước. Có rất nhiều mục tiêu mà chúng ta phải cùng nhau chia sẻ và cùng nhau làm việc để hoàn thành nhiều nhiệm vụ lớn lao”. Những vị khách người Việt tới thăm trông hài lòng.

Franjola và tôi trở lại đường phố thấy đám đông ra khỏi chỗ ẩn nấp, hòa cùng những người lính chiến thắng và nói chuyện trên các góc phố hoặc tụ tập ở vỉa hè. Một giờ trước đó, dân chúng còn e ngại, nhưng rồi lấy lại sự tự tin tức khắc.

Tôi gặp một nhân viên cao cấp của Bộ Ngoại giao, một người bạn thân của gia đình Nina, đi dạo cùng vợ trên đường Tự Do và ông ta giật tay áo tôi: “Peter” ông ta nói, “Tôi không hiểu điều này. Tôi đến Paris cùng lực lượng giải phóng Pháp năm 1945 và họ tổ chức bằng cách cướp phá một số nơi. Họ bắt một số gái điếm và ngay sau đó là những hành động tàn ác khác chống lại những người cộng tác. Nhưng những người cộng sản này họ chẳng phản ứng gì hết”. Vợ ông ta xen vào: “Họ quá tôn trọng chúng tôi. Tôi không hiểu nổi”.

Ấn tượng chính của tôi là sự sụp đổ hoàn toàn của chính quyền Sài Gòn tới mức chính quyền Bắc Việt đưa những cán bộ tuyên truyền giỏi hòa vào cùng đám đông, tuyên truyền chiến thắng củ họ.

Trong khi lái xe ra sân bay trên đường Công Lý, chúng tôi gặp một đội tuần tra của quân giải phóng như vừa ra khỏi những trang sách hướng dẫn về chiến thuật chiến tranh du kích, cả trăm người di chuyển hàng đôi dọc theo vỉa hè trên những đôi dép cao su. Bộ đồng phục rộng thùng thình của họ bay phấp phới trong gió và người chỉ huy mang theo những vũ khí chiến đấu nhẹ. Ngay phía sau họ là những súng cối loại lớn và những khẩu súng máy cỡ li lớn được ngụy trang trên đường đi.

Đây là những nét cắt sắc nét về lực lượng quân đội Bắc Việt. Họ là lính bộ

binh cộng sản thách đố những trận tấn công B-52 trên đường mòn trong rừng, là những người vượt qua bom napan và pháo binh bảo vệ các thị xã, thành phố và các căn cứ quân sự họ đã kiên trì và cuối cùng giành chiến thắng. Sự ngoan cường của họ là điều khó hiểu với một thể hệ các nhà lập kế hoạch quân sự Mỹ. Tôi không cảm thấy mình hiểu rõ hơn quyết tâm của họ khi chứng kiến họ đi qua tôi hai lần trong cái nóng buổi chiều của thành phố đã bị đánh bại.

Chiếc máy telex vẫn kêu chiều đó khi tôi trở lại văn phòng AP, George nói rằng tôi nên viết một câu chuyện trình bày cảm nghĩ của tôi. Tôi bắt đầu: “Trong mười ba năm viết về Chiến tranh Việt Nam tôi chưa bao giờ mơ nó kết thúc theo cách như buổi chiều hôm nay. Tôi nghĩ rằng nó có thể kết thúc bằng một cuộc thanh toán chính trị giống như ở Lào. Thậm chí một trận đánh sinh tử với thành phố còn lại trong tàn phá. Nhưng sự đầu hàng hoàn toàn chỉ diễn ra hai giờ sau khi có cuộc gặp thân mật trong văn phòng AP ở Sài Gòn với một người Bắc Việt mặc quần áo chiến trường có vũ trang và phụ tá của anh ta – một chiếc bánh và coke?. Đó là cách mà chiến tranh Việt Nam kết thúc với tôi vào ngày hôm nay”.

Tôi gõ chiếc máy chuyển tin, nó cuộn vào máy nên tôi đánh lại nhưng chiếc máy kẹt đôi lần và ngừng hẳn. Tôi thử lại các phím một lần nữa nhưng không có tín hiệu gì. Chỉ vài phút sau 7 giờ tối, chế độ mới cuối cùng cũng rút giắc cắm thông tin liên lạc của chúng tôi với thế giới, hệ thống cung cấp tin từ Sài Gòn bị vô hiệu hóa. Tôi nhìn vào những ghi chép nguêch ngoạc của mình, nghĩ rằng thế giới có thể tiếp diễn mà không cần những triết lí của mình. Tôi gọi Esper: “Đó là như vậy George”.

Giờ chẳng biết làm gì ngoài việc chờ đợi xem chính quyền sẽ quyết định làm gì với chúng tôi. Một mặt tôi cảm ơn vì điều này. Tất cả chúng tôi đều kiệt sức. Esper, Franjola và tôi rời văn phòng và đi bộ về Khách sạn Caravelle.

Một số lượng lớn các nhà báo châu Âu ở lại. Hàng đêm nhiều người trong chúng tôi tụ tập ở phòng ăn Khách sạn Caravelle để trao đổi thông tin, không còn cạnh tranh nữa vì mọi liên lạc đã bị cắt.

Giới báo chí Anh có quyền tới hầm rượu đại sứ quán bỏ không của họ. Họ chiếm mỗi buổi chiều để làm sống lại ban đêm của họ. Tôi kết bạn với một tay người Pháp, người nắm giữ các chìa khóa của Đại sứ quán New Zealand từ những nhà ngoại giao đã rời đi. Anh ta tới văn phòng của đại sứ và đóng dấu cấp hộ chiếu, visa cho những người bạn Việt Nam của anh ta một mỗi tìm cách hợp pháp để đi ra ngoài. Các tài liệu đó được đóng dấu chính thức và được kí bằng những nét cong. Tôi rất thích thú với công việc của người bạn Pháp đó và anh ta mời tôi đi bằng phương tiện của đại sứ quán. Tôi lái

quanh Sài Gòn trong xe mui kín màu đen sang trọng với biển số ngoại giao, cờ New Zealand bay phấp phới trên nóc.

Hầu hết chúng tôi được dành hai ngày để khởi hành, để lại nhóm người làm tin phía sau trong vài tuần gồm có Esper. Sau 25 ngày sống dưới chế độ mới, chúng tôi lên xe bus cho chuyến đi cuối cùng tới sân bay Tân Sơn Nhất và bay tới Viêng Chăn, Lào và sau đó về nhà. Những người lính trẻ Việt Nam lục soát hành lý của chúng tôi một cách lịch sự. Họ cho phép chúng tôi mang theo tất cả phim của mình nhưng họ không tế nhị với đồ đạc cá nhân và thậm chí còn tịch thu chiếc gạt tàn là quà kỉ niệm của Khách sạn Caravelle mà một số phóng viên đã nhét vào trong túi của họ.

Có 82 người chúng tôi leo lên chiếc máy bay của Nga có cờ đỏ sao vàng sơn ở đuôi máy bay. Chúng tôi ra khỏi đường băng đi qua những tàn tích của trực thăng vận và máy bay chiến đấu. Khi chúng tôi cất cánh, lời reo vang ở khoang hành khách. Chúng tôi hành động liêu lĩnh và sống sót. Tôi chuyền cho mọi người cùng uống chai Johnnie Walker đen mà tôi đã kiếm được từ văn phòng của Đại sứ New Zealand.

Phần III: 1975-1990

Chương 1: Cắt Bỏ Những Trói Buộc

Tôi cảm thấy thoải mái khi làm việc ở AP và những đồng nghiệp ở đó. Tôi dự định rằng đó là công việc cả đời mình. Đó là truyền thống cống hiến trong ngành bán tin. Tôi mong đợi tới lúc đeo huy hiệu ba mươi năm và nghỉ hưu một cách thoải mái. Nhưng tình bạn thân thiết mà chúng tôi chia sẻ ở văn phòng Sài Gòn không có ở văn phòng New York.

Tôi đóng vai trò là người lập dị. Tôi không làm hài lòng cái nhìn âm thầm không sáng tạo của ban quản lý AP. Tôi để mái tóc mỏng dài tới gần vai. Tôi đứng về phía người lao động trong cuộc đấu tranh nội bộ giữa quản lý và đồng nghiệp của hệ thống tin tức, một quyết định làm tức giận cấp trên của tôi.

Wes Gallagher phải đảm bảo rằng tôi được trả lương tốt và không có tranh cãi cá nhân gì với tổ chức tin tức, nhưng tôi không tránh khỏi những liên quan tới các thành viên đồng nghiệp từng làm việc cùng tôi. Một số người trong ban quản lý rất tức giận vì tôi là phóng viên duy nhất trong cấp bậc của mình tham gia vào đám phờng hội. Tôi còn làm họ tức hơn khi tham gia vào hàng người biểu tình bên ngoài Trung tâm thương mại Rocketfeller số 50. Đánh giá nhân sự năm 1977 được coi là tệ nhất mà tôi từng có.

Tháng 4-1981 tôi được cử tới Atlanta, Georgia để viết một câu chuyện thu hút sự chú ý của toàn quốc về cuộc tìm kiếm kẻ giết người hàng loạt.

Một sáng, tôi đang đứng bên ngoài Khách sạn Inn Quality, chờ đợi một quan chức xuất hiện để phỏng vấn thì nhìn thấy một đồng nghiệp AP trước đây, Richard Blystone. Anh ta ở Atlanta để thỏa thuận lại hợp đồng của mình với hệ thống truyền hình cáp, Công ty truyền thông Ted Turner (CNN) thành lập trước đó một năm. Blystone đã bỏ AP sau khi công việc thành công để làm cho CNN ở London.

Ba hệ thống, CBS, NBC và ABC đã chiếm lĩnh chân trời truyền hình và tôi phân vân với sự táo bạo của anh ta. CNN là tổ chức truyền thông còi cọc cùng những tham vọng lớn và lượng khán giả nhỏ. Công nghệ truyền hình cáp không phổ biến với toàn bộ nước Mỹ. Nhưng Blystone quả quyết rằng anh ta chưa bao giờ có nhiều niềm vui như vậy.

Anh ta thuyết phục tôi tới thăm trụ sở Drive Techwood của CNN và gặp phó Giám đốc Burt Reinhardt. Anh ta cảnh báo ông chủ của anh ta sẽ rất lỗ mãng, và Reinhardt quả đúng với lời quảng cáo đó. Câu đầu tiên của ông ta dành cho tôi là: “Đó chỉ là những gì cậu đang làm ở đây thôi hả?” khi tôi đề cập rằng Blystone nói anh ta có rất nhiều niềm vui ở CNN và tôi tò mò muốn xem những gì đang diễn ra khiến tôi hối hận vì đã đến.

Khi tôi chuẩn bị bỏ đi, Reinhardt nhận xét: “Oh, dù sao hãy thử lên hình đi” và tôi nghĩ chuyện đó chẳng mất gì. Ông ta đưa ra những chỉ dẫn với người phụ tá: “Để anh ta nhìn thẳng vào camera và nói về mình trong vòng vài phút”.

Ngày hôm sau ông ta gọi cho tôi: “Hãy nói nghiêm túc về chuyện này”. CNN đưa ra chức danh phóng viên thường trú quốc gia và trả lương nhiều hơn AP trả cho tôi một chút. Không một chút lưỡng lự tôi đồng ý. Kể từ hành 47 tuổi đang đổ trên một hành trình mới ở những vùng biển chưa được thám hiểm.

Các đồng nghiệp AP của tôi hiểu được điều không hài lòng của tôi vì vậy không ai ngạc nhiên với quyết định của tôi.

Vội vã tháo bỏ những trói buộc, tôi cầm bức thư xin nghỉ việc dòng chữ còn nóng hổi trên tay và quyết tâm trình bày với Lou Boccardi, Giám đốc điều hành tin tức.

Những đồng nghiệp AP tổ chức tiệc chia tay trong khu vườn trên nóc một tòa nhà chọc trời gần Trung tâm Rocketfeller, một vài nhân sự của AP tham dự, hàng tá bạn bè phòng tin nói rằng họ rất tiếc nhìn thấy tôi ra đi.

Trong buổi tối cảm động và say sưa đó, họ mở ra một bản copy ảnh lớn của Anh thế kỷ XVIII về một người đưa thư bị gông cùm bởi một con vít cỡ lớn. Họ đưa nó cho tôi một cách khách sáo, phóng viên thường trú đặc biệt Paul Pen tuyên bố. “Arnett, anh bị trói chặt bởi AP và đừng bao giờ quên điều đó”, có nhiều tiếng huýt sáo, tiếng cười và cụng li.

Không dễ chia sẻ cảm xúc thực sự của tôi với bất kì ai bởi tôi nghi ngờ họ có thể hiểu được điều đó. Tôi bỏ đi bởi những gì tôi học được ở AP và những gì tôi đã học để yêu sự li kì khi viết về chiến tranh, những điều không có sự thay thế. Tôi sợ điều đó sẽ không xảy ra nữa.

Chương 2: Trong Hàm Hào Cùng CNN

Tôi nói rõ với CNN tôi muốn ở trong những vùng chiến sự nóng nhưng đồng ý rằng đầu tiên tôi phải học làm quen với phương tiện mới. CNN chấp nhận. Lần đầu tiên bước vào phòng tin và được một nhà sản xuất lâu năm chào đón, Ted Kavanau, người làm tôi hoảng khi tuyên bố: “Tôi sẽ làm cho cậu nổi tiếng trên hình. Chỉ cần cậu nhớ là “Có công mài sắt có ngày nên kim!””.

Ông ta nắm vững huyết mạch và công việc làm tin của bản tin lúc 10 giờ Metromedta thành công ở thành phố New York. Ông ta muốn CNN trở nên khác biệt mà hệ thống truyền hình truyền thống không làm được, mang đến tinh thần cạnh tranh và thú vị cho bản tin địa phương tới những kênh quốc gia. Sự nhiệt tình của ông ta khó mà diễn tả.

Một quan điểm khác của CNN giống với tôi hơn đó là từ Reese Schonfeld người Ted Turner đã chọn điều hành công ty. Ông ta muốn CNN có mặt đầu tiên tại hiện trường trong mọi câu chuyện lớn và phát hình trước các hãng khác cho dù là chính trị hay ngộ độc thức ăn.

Tôi rất vui làm quen với phương tiện truyền thông mới. Tôi phát hiện ra giọng nói là nhân tố quan trọng hơn vì nhiều người lắng nghe tin tức, thậm chí không xem hình. Tôi cũng mất một thời gian để làm quen với khuôn mặt mình trên hình. Tôi không dám công nhận với các đồng nghiệp trước đây rằng tôi trang điểm.

Nhiệm vụ truyền hình đầu tiên ở nước ngoài của tôi là tới El Salvador mùa thu năm 1981. Một số nhà quan sát sợ rằng nó đang trở thành một “Việt Nam thứ hai” bởi Mỹ ủng hộ một chính phủ hà khắc chống lại lực lượng du kích cánh tả. Reese Schonfeld cử tôi đi chủ yếu chứng minh quan điểm mà ông ta sẽ đưa ra ở hội nghị quốc gia những nhà truyền hình vào tháng 10: hệ thống hoàn chỉnh của ông ta sẽ làm tin về những điểm nóng của thế giới.

Tôi biết ơn được quay trở lại làm tin về chiến tranh. Đó là những gì tôi đã được hứa. Tôi vui mừng sử dụng video và âm thanh để kể những câu chuyện, nhưng truyền hình trực tiếp vẫn là điều không thể vào lúc đó. Chúng tôi đi lại ít. Chúng tôi không có thiết bị biên tập do vậy tôi chuyển toàn bộ video về Atlanta vài ngày một lần cùng bản đọc phát thanh mà tôi viết và ghi âm. Tôi làm việc dưới sự hướng dẫn chung từ CNN. Tôi phát hiện ra bản tin truyền hình là sự cố gắng của cả đội.

Tại El Salvador, chúng tôi đã chứng kiến những dã man gây sốc. Những đội quân tử thần cánh hữu hoạt động về đêm dưới sự bảo vệ của quân đội bắt những người nghi ngờ không trung thành với chế độ. Chúng tôi lái xe vòng quanh mỗi buổi sáng, chụp hình những thi thể mới chết của nông dân và sinh

viên trên vỉa hè. Ở bờ lở dung nham cũ phía sau núi San Salvador, chúng tôi đi bộ giữa những bộ xương người lớn và trẻ em bị giết gần đây vẫn mặc những bộ đồ rách nát, xương của họ được róc sạch sẽ bởi những chú kền kền đậu trong rừng cây gần đó.

Tôi bắt đầu nhận ra kích động là một phần trong cơn đau đẽ của CNN và đam mê là nhân tố trong quá trình sáng tạo của tất cả các bản tin truyền hình. Những cơn thịnh nộ của Reese Schonfeld xung quanh phòng truyền hình trực tiếp ở Atlanta là triệu chứng của sự điên cuồng hoang dại. Khi tôi gọi ý với Schonfeld rằng tôi cần vài chỉ dẫn khi giải quyết với phương tiện truyền thông mới, ông ta cười: “Cậu đã đi tới trường: trường học bơi – hoặc – chìm của bản tin truyền hình”.

Tôi nói với CNN tôi sẵn sàng mọi nhiệm vụ, mọi nơi và rằng tôi thích hành động hơn, rằng tôi muốn làm tin về các cuộc chiến nhỏ đang lan ra toàn cầu. Tôi nghi ngờ sẽ có một cuộc xung đột khác quan trọng như Việt Nam, nhưng miễn là có các cuộc chiến đang diễn ra thì cần làm tin về chúng. Tôi không thấy công việc của mình có gì khác những phóng viên chuyên mục.

Ed Turner, Phó chủ tịch của CNN cử tôi tới Afghanistan viết về cuộc đấu tranh du kích chống lại quân đội Xôviết nhưng ông ta nói rất khó mang theo thiết bị truyền hình công kênh vào đất nước đó. “Cậu là người sẽ đi tới Afghanistan” và đó là những gì tôi đã làm vào tháng 9-1982, cho nhiệm vụ viết bài từ tạp chí Parade. Tôi đi tới thành phố biên giới của Pakistan, Peshawar cùng phóng viên ảnh tự do Ed Hille và tham gia cùng sự hộ tống của nhóm Hồi giáo Jamiat.

Trong trang phục địa phương, chúng tôi lê bước 13 giờ qua đèo ở núi vào thung lũng Kunar. Những viên đá sỏi lớn trên đường làm cho chuyến đi như địa ngục. Chúng tôi lội qua con sông chảy siết Kunar vào nửa đêm trên một chiếc bè làm từ lớp xe tải đã bị thủng. Chúng tôi không thể chịu được sự tròng trệ từ những tảng đá và chúng tôi ướt sũng khi sang tới bờ bên kia. Chúng tôi ở một tuần cùng đội lính chiến đấu du kích người Hồi giáo mà nhiệm vụ của họ là mai phục đội hình quân đội Liên Xô trên con đường Jalalabad. Chúng tôi ăn bánh mì làm bằng ngô, hạt đậu đỏ và ngủ trong những hang đá.

Làm tin về những câu chuyện nguy hiểm cho truyền hình là một gánh nặng lớn hơn so với trước đây vì tôi luôn cần một đội đi cùng. CNN cử tôi tới Iran năm 1982 trong một chuyến thăm được chính phủ tài trợ, và trên đường về, nhóm chúng tôi được cử làm tin về cuộc xâm chiếm Leban của Israel.

Các thành viên trong nhóm của tôi, Vito Maggiolo và George McCarger từ bỏ dù được tăng lương. Vito nói với tôi: “Chúng tôi không ký hợp đồng

với CNN để bị bắn”. Tôi đã cãi nhau với họ để tiếp tục hành trình. Tôi biết hệ thống sẽ không trả thêm tiền cho họ và nhiệm vụ sẽ đổ vỡ nếu họ khước từ. Cuối cùng, tôi thuyết phục họ đi cùng với tôi tới Beirut, và khi chúng tôi bay vào Damascus, Syria, bước chân đầu tiên của cuộc hành trình, tôi biết rằng sự an toàn của họ là trách nhiệm của tôi.

Hai ngày sau khi chúng tôi tới, người Israel tiến về bờ biển và bao vây phía tây Beirut cùng xe tăng và pháo binh. Chúng tôi nhìn thấy những khẩu súng lớn trên đường đi và trong những khu vườn bên sườn đồi. Chúng tôi lái xe tới vị trí của họ mỗi buổi sáng để xem họ bắn phá những người Palestin. Sau đó chúng tôi lái xe trở lại phía tây Beirut, kiểm tra mức độ tàn phá và chứng kiến người Palestin bắn trả.

Những buổi chiều muộn, các đoàn phóng viên truyền hình tụ tập trên nóc khách sạn, những chiếc camera chột trên giá ba chân, chĩa lên bầu trời khi những máy bay Israel tới với nhiệm vụ thả bom hàng ngày. Chiếc camera quay trong khi chúng tôi rút vào vị trí trú ẩn khi những mảnh đạn như mưa rơi trên mái nhà..

Đội CNN nhỏ của chúng tôi sát cánh bên nhau mọi lúc. Chúng tôi thuê một taxi Mercedes với một lái xe tin cậy đi vòng quanh vùng mặt trận. Lãnh đạo PLO, Yasser Arafat, có một văn phòng trong tòa nhà cao luôn dưới làn đạn của Israel. Khi chúng tôi muốn phỏng vấn ông ta, chúng tôi lái xe trong phạm vi một khu phố và chờ đợi cho lượt đạn nổ dừng lại. Sau đó chúng tôi lái xe dọc con đường tối, lồi vào có bao bọc cát trước hàng rào chiếm giữ.

Hàng ngày chúng tôi đều vào trại người lánh nạn của Sabra nơi một chỉ huy quân đội người Palestin lập ra trụ sở chỉ huy ở trong một giáo đường và sẵn sàng tóm tắt cho chúng tôi về tình hình quân sự. Tôi may mắn và vui mừng vì không phóng viên ảnh hay kỹ thuật viên truyền hình nào bị thương khi làm nhiệm vụ cùng tôi.

Nhưng cuối cùng, ở Santiago, Chile, vào mùa thu năm 1983 sự may mắn đã không đến khi chúng tôi làm tin về sự quấy rối của người dân xung quanh lễ kỉ niệm thứ 10 của chế độ độc tài quân sự của Tổng thống Augusto Pinochet. Willis Perry người quay phim của tôi và là một gã người Mỹ lai Phi cao lớn.

Trong suốt cuộc biểu tình ở bãi họp chợ, một đội xe cảnh sát tấn công đám đông. Chúng tôi chạy sang bên đường. Willis quay sang giờ camera lên vai vừa khi chiếc xe bus cảnh sát chạy qua điểm giao phía sau tôi. Súng nổ ra từ cửa sổ. Tôi nghe thấy tiếng rít của đạn cao su. Willis đứng ngay phía sau tôi và tôi nghe thấy anh ta thở hổn hển: “Tôi bị bắn”, khi anh ta ngã xuống đất, thả camera của mình vào tay tôi. Anh ta bị bắn vào ngực, vết thương khá sâu.

Nếu tôi cao hơn 7,6cm thì tôi đã bị bắn vào mặt.

Tôi đề nghị giao nhiệm vụ quay phim cho người phụ trách âm thanh Tyron Edward bởi vì CNN không có tiền để thay thế Willis – người đã được đưa về nhà phục hồi sức khỏe.

Chúng tôi đi vào sáng sớm Chủ nhật ngày 25-9 khi hầu hết giới báo chí đang thư giãn. Tôi cần băng hình cho bài phân tích tin về những lựa chọn chính sách của Mỹ ở Trung Mỹ, và tôi đang hy vọng có thêm một số hình ảnh về người lính trong chiến dịch. Mỹ đang tiêu tốn hàng triệu đô la hỗ trợ quân đội cho Chính phủ Salvador nhưng những kẻ phản công cánh tả đang chiến đấu lại.

Người lái xe đưa chúng tôi đi dọc đại lộ Pan American phía đông thành phố. Chúng tôi nhìn thấy những máy bay thả bom ở phía xa những ngọn đồi. Chúng tôi lái xe về phía ném bom tới chỗ đường giao nhau đầy bùn có lính canh gác từ chối cho chúng tôi qua. Ngay sau đó vài nhóm người dân đi vội vã trên đường mang theo những người thân bị thương và kêu ca rằng máy bay chính phủ bắn vào họ trong thị trấn Tenancingo. Tôi cảm thấy không thể chờ đợi ở bùng binh nữa và không có lựa chọn nào khác là đi bộ để có câu chuyện. Chúng tôi phân phối thiết bị nặng và đi bộ.

Tới gần Tenancingo, chúng tôi nhìn thấy những trực thăng định vị ngay phía trên đầu và chúng tôi trốn vào khu rừng bên đường. Khi tới gần thành phố, máy bay ném bom A-37 của chính phủ hiện ra trên bầu trời gầm rú, lao vào đường ném bom. Một trực thăng có vũ trang ở trên tầm ngọn cây với nòng súng bắn lóe và chúng tôi chạy vào một ngôi nhà đá cổ nơi lực lượng du kích cánh tả có vũ trang đã chiếm đóng. Họ bắt chúng tôi vào canh gác, kiểm tra thẻ báo chí và sau đó hộ tống chúng tôi qua thành phố.

Gần góc tòa nhà cuối phố bị bom oanh tạc trên con đường đầy sỏi, xác rất nhiều phụ nữ và trẻ em nằm ngang trên đường. Tôi chứng kiến Edwards bị sốc nhưng anh ta đã ghi được hình ảnh hiện trường. Có nhiều nhóm lính du kích xung quanh đó. Họ chiếm đóng Tenancingo sáng hôm đó và chiếm lấy khu đồn trú quân đội chính phủ: Ném bom là tiếp sau phản ứng tức giận. Rõ ràng thương vong trên đường và bên trong những ngôi nhà bị tàn phá là người dân thường đáng lẽ ra chính phủ phải bảo vệ họ.

Khi chúng tôi rời đi, lính du kích đang rút khỏi thành phố. Một sĩ quan nói với tôi, “Nếu chúng tôi ở lại đây sẽ có nhiều trận ném bom hơn nữa và nhiều dân thường sẽ bị chết” Tàn phá Tenancingo là biểu hiện của sự leo thang khác trong chiến tranh Salvador.

Chúng tôi trở lại khách sạn ở thủ đô vào nửa đêm và xem lại đoạn băng đã quay. Tôi viết lời bình bắt đầu bằng “Thần Chết đã ghé thăm Tenancingo vào ngày Chủ nhật. Thần Chết nán lại cả ngày hôm đó ở thành phố xa xôi

này của Salvador, cướp lấy mạng sống nhiều phụ nữ, trẻ em và đàn ông”. Kỹ thuật viên âm thanh Duncan Finch, làm hai nhiệm vụ như một người biên tập hình. Mặc dù anh ta kiệt sức nhưng vẫn ngồi trước máy biên tập và bắt đầu chấp nối các đoạn hình theo lời bình của tôi. Anh ta là một kỹ thuật viên cẩn thận. Khi tôi tỉnh dậy vào bình minh thì anh ta đang làm đoạn video cuối cùng.

Mặt trời mọc khi tôi lái xe dọc đường bờ biển tới sân bay quốc tế và chuyển câu chuyện bằng chuyến bay của Taca Airline sớm nhất tới Miami. Nó tới Mỹ vào khoảng buổi trưa và được phát lần đầu trên CNN ngay chiều hôm đó và được phát lại nhiều lần sau này. Đó là câu chuyện bi kịch nhất mà tôi từng làm cho truyền hình. Một nhà phê bình của tờ Los Angeles hàng tuần nhận xét: “Cảnh phim thật tới mức tôi quá ngạc nhiên khi nó được chiếu. Một lời khen ngợi cho CNN”.

Đại sứ người Salvador ở Washington, Rivas Gallont ngay lập tức phản đối rằng câu chuyện đó là giả, đổ lỗi cho lính du kích về sự tàn phá và phủ định bất kì cuộc ném bom nào. Đại sứ quán Mỹ ở Salvador lúc đầu cho rằng việc ném bom chỉ là tình cờ nhưng khi điều tra cho thấy trách nhiệm thuộc về Lực lượng Không quân Salvador. Tôi lại giành được một giải thưởng báo chí cho câu chuyện đó, giải thưởng Công việc xuất sắc Sigma Delta Chi thứ ba của mình.

Nếu là một phóng viên báo in, tôi sẽ cố gắng viết về vụ đánh bom sử dụng lời nói từ những nhân chứng còn sống nhưng bản tin truyền hình chỉ có thể thuyết phục được khi có hình ảnh trên hình. Do vậy tôi đã hiểu những điều khoản với phương tiện truyền thông rằng tôi có vai trò ngang hàng với kỹ thuật của truyền hình.

Trong câu Chuyện về Tenancingo, tôi đã học được sự nhấn mạnh của hình ảnh và đánh bại chiều hướng thiên về miêu tả của mình. Hình ảnh tự nói câu chuyện của nó. Morey Safer từng khuyên tôi viết từ góc độ truyền hình để đảm bảo mọi hình ảnh được sử dụng đúng mục đích. Tôi cố gắng bù đắp điểm yếu bằng những xoay sở học được từ AP. Tôi ở lại cùng với nhóm để chỉ dẫn về những câu chuyện.

Tôi cố gắng gửi những bản tin được chỉnh sửa hoàn chỉnh sẵn sàng sử dụng tới trụ sở Atlanta hàng ngày từ bất kì nơi nào, thường là chuyển theo đường hàng không để tiết kiệm tiền. Đối với những câu chuyện lớn, tôi thấy các hệ thống lớn thường lãng phí hàng nghìn thước phim để chọn cho được hình ảnh hoàn hảo. Nếu có thể tôi sử dụng từng inch trong mỗi hình ảnh của máy quay. Các hệ thống khác hay thay đổi về sở thích tin tức của họ, thường bỏ qua những thông tin hay khi họ tập trung vào mỗi quan tâm tin tức ngày hôm đó. CNN thì có rất nhiều thời gian để phát hình, mọi thứ tôi gửi về đều

lên hình sớm hay muộn.

Cạnh tranh về khối lượng, ban quản lí CNN cố gắng thúc ép tất cả các văn phòng làm việc theo cách đó bởi chi phí bỏ ra có hiệu quả. Lấy được tin phát hình đầu tiên và nhiều về số lượng quan trọng hơn là làm cho nó hay. những hệ thống khác cố gắng làm bản tin theo một khuôn mẫu nghệ thuật, chất lọc trong bản tin khoảng 30 phút hàng ngày. Họ là tạp chí giấy bóng. CNN là hệ thống cung cấp tin và tôi đã quen, một tờ báo với hàng tá phiên bản, bắt đầu câu chuyện từ sáng sớm và nói về nó cả ngày.

Một số nhà phê bình bắt đầu nhận ra hệ thống truyền hình không độc quyền về độ trôi chảy. Tháng 12-1984, nhà phê bình của Thời báo Los Angeles, Howard Rosenberg chỉ ra bản tin của tôi về nạn đói của người Ethiopi: “Arnett và đội của anh ta đã thêm vào danh mục truyền hình những hình ảnh có sức nặng”. Khối lượng thông tin của CNN truyền tải cùng dung lượng của nó. Hàng triệu người Mỹ bắt đầu đăng kí truyền hình cáp.

Tôi bắt đầu thoải mái với việc tập hợp hình ảnh và chuẩn bị bản tin truyền hình hoàn chỉnh. Tôi thấy rằng truyền hình trực tiếp khó hơn. Reese Schonfeld bắt đầu điều hành CNN với lời hứa về những bản tin truyền hình trực tiếp khắp thế giới. Về lý thuyết điều này là có thể nhưng thực tế rất khó thực hiện.

El Salvador, mùa hè 1983. Biên tập ngoại sự Von Essen quyết định CNN là hãng đầu tiên có chương trình truyền hình trực tiếp bản tin về bùng nổ chiến tranh. Chúng tôi dựng máy quay trên mái nhà của Khách sạn Camino Real, kết nối bằng dây cáp xuống tường nhà và cắm vào máy phát tín hiệu sóng ngắn trong phòng chúng tôi.

Khi tôi đứng trước máy quay trong ánh nắng chói chang buổi trưa, nhà sản xuất Gerlind Younts cố gắng lắng nghe lời chỉ dẫn từ đạo diễn. Tôi không thể nghe được những gì họ nói đành thực hiện ba phút bình luận trực tiếp theo ám hiệu. Gerlind cố gắng hết sức nhưng những lời chỉ đạo trên điện thoại không rõ ràng. Cô ta ra kí hiệu tay bắt đầu phần truyền hình của tôi quá muộn.

Tôi đã đứng trên truyền hình vài phút và bị câm tiếng. Khi tôi bắt đầu, đạo diễn nói với Gerlind đây nhanh phần của tôi và cô ta ra hiệu tay nhiều hơn. Tôi nhìn chăm chăm vào cô ta, máy quay và khung cảnh nông thôn sáng sủa phía sau mái nhà khách sạn và tôi muốn ở nơi nào đó khác trên thế giới hơn là trực tiếp trên CNN

Thời gian trôi qua, tôi tiến bộ hơn. Sự thành thạo của tôi ngày càng tăng dường như gây ấn tượng cho Burt Reinhaut. Ông ta cứ tôi tới Nhật cuối mùa hè năm 1985 để chuẩn bị chương trình truyền hình trực tiếp thời lượng một tiếng về lễ kỉ niệm lần thứ 40 vụ ném bom nguyên tử Hiroshima. Chương

trình phát sóng vào đầu buổi tối trước hai chương trình quan trọng nhất của hệ thống, Moneyline và Crossfire. Trưởng phân xã ở Tokyo John Lewis nói rằng chúng tôi có kinh phí quá nhỏ nên chúng tôi phải phụ thuộc vào sự sắp xếp của các tổ chức truyền hình địa phương.

Khi tới thời gian phát sóng, tôi cảm thấy mình đang bị sức ép với những trách nhiệm nặng nề vì chương trình quá lớn, rất khó để hoàn thành. Đội sản xuất nhỏ và tôi làm việc suốt đêm để hoàn thành những yêu cầu cuối cùng của câu chuyện. Tôi kiệt sức khi đứng ở vị trí cao của Công viên Hòa bình, Hiroshima. Máy quay cách xa 200 thước vì giới hạn vị trí, quá xa để quay cận cảnh tôi hoặc vị trí của những chuyên gia mà tôi sẽ nói chuyện.

Tình hình còn tệ hơn khi lễ kỉ niệm bắt đầu muộn vài phút làm hỏng mọi kế hoạch của CNN. Và tôi một lần nữa không thể liên lạc được với đạo diễn Bod Furnad của CNN ở vùng Atlanta xa xôi.

Gerlind và Elsa cố gắng giúp đỡ tôi giải quyết vấn đề khi đứng lẫn vào đám đông bên dưới, giơ lên những kí hiệu bằng bìa cứng mà trên đó họ viết ám thị. Khi tôi liên lạc được với Furnad trên điện thoại, ông ta hỏi tôi chuyện gì đang diễn ra và tôi trả lời bằng một lời chửi thề. Ông ta đáp lại gay gắt: “Tất cả chúng tôi đều nghe thấy điều đó” điều đó có nghĩa nó được phát trực tiếp.

Tôi nhục nhã bởi toàn bộ trình diễn ở Hiroshima và cảm thấy đau khổ trong nhiều tuần. Ed Turner và Jeanne Von Essen cố gắng làm tôi cảm thấy tốt hơn khi tôi trở về Atlanta. Họ đảm bảo với tôi chuyện đó không tệ đến vậy. Nhưng Reinhardt đã có quyết định cuối cùng. Khi tôi bước vào văn phòng của ông ta, Chủ tịch CNN gào lên: “Đó là một tiếng đồng hồ truyền hình tệ nhất mà tôi từng xem trong đời mình”.

Ở nơi khác thì đó là kết thúc nghề nghiệp nhưng với CNN lại là khởi đầu của bản tin trực tiếp truyền hình. Tôi chỉ phải thử lại lần nữa. Tôi đã ở El Salvador đầu mùa thu khi thành phố Mexico chịu trận động đất lớn. Chúng tôi bay tới thành phố đêm đó. Lửa bùng ra khỏi phạm vi điều khiển, gạch ngói từ các tòa nhà văn phòng và căn hộ đổ đầy trên các đường phố lớn.

Chúng tôi tham gia cùng hệ thống truyền hình khác khi sử dụng vệ tinh truyền hình di động mới để truyền tín hiệu về Mỹ. Chúng tôi truyền hình trực tiếp tại một điểm từ đồng hồ nát của một tòa nhà nơi những đứa trẻ mới sinh được cứu. Các phóng viên thường trú của CNN xếp hàng cùng Tom Brokaw của NBC và Peter Jennings của ABC để tới lượt lên hình trực tiếp.

Tháng 10, núi lửa phun trong vùng núi phía trên dòng sông định cư của người Comlombia ở Armero, bùn, tàn tro đổ xuống các ngọn đồi dốc, thung lũng và chôn vùi cộng đồng trong hai mươi thước tạp chất. Von Essen đưa tôi 5.000 đô la và nói trở về nhà khi tiêu hết tiền.

Tôi chi tiêu tốt nhất có thể, thuê taxi mỗi buổi sáng vào thành phố của Bogota và lái xe nhiều giờ trên những con đường lộng gió Andean tới khi chúng tôi tới nơi thảm họa. Chúng tôi lội hai giờ qua đám bùn, kéo máy quay và thiết bị âm thanh tới Armero nơi 20 nghìn người bị chôn vùi trong đồng đồ nát. Đó là một bản tin hấp dẫn.

Các hệ thống khác làm tin về Armero với máy bay được thuê ở sân bay Bogota để chở đội của họ và nhà sản xuất tới đường băng gần hiện trường thảm họa. Họ chuẩn bị xe bốn bánh chạy qua đám bùn của Armero. Họ dời đi khi chúng tôi tới. Họ sẽ trở lại Bogota đúng lúc cho truyền hình buổi tối và có một đêm ngủ ngon. Một nhà sản xuất ABC nói với tôi rằng ông ta tiêu tốn 100.000 đô la thuê máy bay trong tuần đầu tiên của thảm họa.

Tôi và cả đội kiệt sức trở về khi khoản tiền chi tiêu đăm bạc của chúng tôi hết sau tám ngày. Tôi cảm thấy kiệt sức. Được ở trên đường với những bản tin lớn là giấc mơ đã thành sự thật của tôi, nhưng CNN đòi hỏi cố gắng của những người siêu phàm. Lần đầu tiên trong đời tôi nghĩ tới chuyện từ bỏ.

Sau khi tôi được biết CNN đang tìm một Trưởng phân xã mới ở Mátxcova, tôi nộp đơn cho vị trí đó. Von Essen cảnh báo tôi vị trí đó sẽ không đi lại nhiều bởi việc làm tin của chúng tôi tập trung vào thủ đô. Điều đó tốt với tôi lúc này.

Chương 3: Những Chân Trời Mới

Trước khi đến Mátxcova, tôi trở thành công dân Mỹ. Tôi đã nghĩ về điều đó trong nhiều năm qua kể từ ngày tôi đặt chân lên đất Mỹ năm 1971. Tôi sống ở Mỹ với tư cách không phải là người nhập cư mà là một nhà báo.

Tôi bắt đầu nghĩ về bản thân như một công dân của thế giới và ngần ngại khi những người bạn Mỹ quở trách tôi vì không cống hiến nhiều hơn cho đất nước nơi tôi sống và được trả lương trong nhiều thập kỷ. Tôi nhìn nước Mỹ trong con mắt một phóng viên thường trú nước ngoài. Nước Mỹ không phải quê hương của mình, thậm chí là của cả con cái tôi khi Andrew và Elsa lớn lên trên mảnh đất này.

Cuối cùng tôi bắt đầu suy nghĩ giống như một người Mỹ. Điều đó hình thành khi tôi làm tin về cuộc khủng hoảng bắt cóc con tin nhân viên Đại sứ quán Mỹ ở Iran mùa đông năm 1979. Tôi được cử tới Teheran vào ngày Giáng sinh. Tại tòa nhà giam giữ 50 nhà ngoại giao từ ngày 4-11 bởi những người ủng hộ Ayatollah Khomeini, số phận các con tin Mỹ vẫn không rõ ràng.

Khu vực đó chiếm khoảng 1 phần tư dặm trên đường Telegan, được trang trí những panô chính trị bên ngoài tường đại sứ quán và trên những tòa nhà cao hai bên đường. Những panô bằng tiếng Anh liên tục được dán lên, nào là “Nước Mỹ không thể dọa một quốc gia đã chọn tử vì đạo từ thân Chết”, nào là “Truyền thống của Mỹ là giết người”. Hàng ngày, những đám đông tức giận, đi xe vào thành phố từ vùng nông thôn, diễu hành dọc đường, đôi khi mang theo hình nộm của Tổng thống Carter mà họ đốt trong tiếng reo hò ủng hộ.

Nhiệm vụ của tôi trở thành sự cầu nguyện hàng đêm, một cử chỉ ủng hộ cho những người bị bắt và sự thách thức đối với đám đông người Iran, những người đánh đập vào các phóng viên tập trung ở cổng. Những câu chuyện của tôi bắt đầu phản ánh sự tức giận của bản thân. Tôi viết về cuộc biểu tình trước đại sứ quán như thể là một “hành lang tức giận” của người Teheran dựng lên. Thậm chí tôi cảm thấy, niềm vui cống hiến biến mất, và tôi phát hiện những câu chuyện nhạy cảm của mình đang đánh trúng tim đen của các biên tập báo Mỹ. Họ thể hiện tâm lý đó dưới những nhan đề lớn trên trang nhất.

Tôi ngạc nhiên với đam mê của chính mình nhưng đó chỉ là khởi đầu những đổi thay của tôi. Tôi đã luôn ôm lấy văn hóa Mỹ. Bây giờ tôi bắt đầu quan tâm cả chính trị địa phương và các cuộc thi thể thao. Điều đó xảy ra vài năm từ khi tôi bắt đầu cảm nhận mình giống như một người Mỹ thực thụ.

Cao trào cuối cùng chính là sự phá vỡ cuộc hôn nhân 20 năm của tôi với

Nina, người chịu căng thẳng lâu ngày vì việc vắng nhà do công việc phải đi lại thường xuyên của tôi. Tôi đang làm việc với rất nhiều người trẻ. Tôi đã gặp Gerlind Younts, sau này là biên tập viên cho CNN ở văn phòng Washington.

Tôi cảm nhận ở Gerlind sở thích mạo hiểm mà tôi cũng có. Chúng tôi chuyển tới Atlanta và cô ấy trở thành nhà sản xuất của tôi. Nina và những đứa trẻ ở lại New York nơi Elsa học cấp ba và Andrew học đại học. Là công dân Mỹ trở thành phần logic trong những chân trời mới của tôi.

Tôi đã thề nguyện tại buổi lễ ở Atlanta, bang Georgia cùng một nhóm nhỏ những người châu Á, Phi và Âu. Mọi người tự hào khi chúng tôi giơ tay phải nói lời thề bôn phận với tổ quốc mới. Tôi cảm thấy đó là sự phá vỡ sạch sẽ với quá khứ.

CNN cho tôi sáu tuần học tiếng Nga và tôi cố gắng hết sức để học những kiến thức cơ bản. Tôi đã nhìn thấy một điều gì đó ở thế giới cộng sản, từng tới Hà Nội, Havana, phỏng vấn Fidel Castro và có một chuyến đi làm tin tới Bắc Triều Tiên. Thế giới cộng sản nghiêm khắc và buồn tẻ vì vậy Mátxcova không có gì làm tôi ngạc nhiên.

Văn phòng Mátxcova của CNN có vai trò quan trọng không chỉ là một phòng thường trú sản xuất tin bài đơn thuần mà còn thể hiện ước mơ của Ted Turner về việc quốc tế hóa của hãng tin. Con trai của Teddy Turner, J.r đang làm việc ở đó như một kỹ thuật viên.

Khi tôi hỏi mọi người ở CNN về Ted Turner, họ miêu tả ông ta như một người lập dị nhiều tiền, một thiên tài về truyền thông vệ tinh và thương mại. Họ kính trọng ông ta vì Ted Turner luôn biết kinh doanh, có đủ tiền trả cho nhân viên chứ không phải vì sự hiểu biết ngành truyền thông của ông ta. Tham vọng quốc tế hóa hãng tin CNN của ông ta được xem như lý tưởng hóa những mong ước ngây thơ.

Tôi cũng có những nghi ngờ của mình. Nhưng khi ông ta hiểu ra phải để việc điều hành các đội thể thao của mình cho những người quản lý của họ, Ted Turner rời công việc điều hành CNN cho những người quản lý bản tin và hiếm khi can thiệp.

Danh tiếng của ông ta ở Liên Xô đã giúp tôi làm việc vào đầu năm 1986 dễ dàng. Các nhân viên của Bộ Ngoại giao nhiệt tình giúp đỡ tôi. Tình thân ái trong quan hệ của chúng tôi với chính quyền Liên Xô không mất đi trong một thế giới báo chí phương Tây không đáng tin cậy.

Sự chỉ dẫn duy nhất tôi nhận được từ trung tâm là sản xuất càng nhiều câu chuyện càng tốt. Tôi nói với các nhân viên của mình, tôi muốn đưa điều gì đó lên hình hàng ngày và họ từ từ nói lỏng những quy định nghiêm ngặt về

làm tin vốn dĩ không bao giờ có ở báo chí phương Tây nhiều thập kỷ, cho phép tôi phỏng vấn các quan chức nổi tiếng như Ngoại trưởng Andrei Gromyko và cung cấp các đầu mối tiếp cận lực lượng cảnh sát và quân đội.

Trong những tháng đầu tiên, chúng tôi làm tin về hậu quả sau thảm họa hạt nhân Chernobyl. Câu chuyện dễ dàng hơn tôi tưởng vì chính quyền Xôviết rơi vào tình trạng bất ổn bởi áp lực đạo đức của Tây Âu dưới sự đe dọa đầu độc hạt nhân.

Nhiệm vụ của tôi tại Mátxcova diễn ra song hành với bối cảnh thăng tiến sự nghiệp của Mikhail Gorbachev. Chính sách thay đổi xã hội của ông ta đã đánh dấu một kỉ nguyên mới khi chính quyền Xôviết tiếp tục vi phạm lời hứa đối với cộng đồng Do Thái về việc mở rộng tự do và tăng thêm số lượng visa nhập cảnh.

Người Do Thái thường đi tới các đường phố Mátxcova cùng biển hiệu trong các cuộc biểu tình bất ngờ. Chớp lấy thời cơ, chúng tôi thường làm tin về họ khi cảnh sát hay những gã KGB chạy vào dòng người, bắt người Do Thái và đẩy họ vào xe tải.

Một hôm tôi bị gọi tới Bộ Ngoại giao và được giáo huấn nhắc nhở về việc làm tin vô trách nhiệm. Tôi đáp lại rằng, phản ánh các cuộc biểu tình chỉ là một cách trình bày định nghĩa của CNN về bản tin. “Nhưng họ chỉ là người Do Thái”, người chất vấn nói.

Cao trào của vấn đề này bùng nổ vào tháng 2-1987 trên con phố Arbat rải đầy đá sỏi đóng băng, con phố sáng tạo nổi tiếng ở Mátxcova. Các nhà hoạt động xã hội Do Thái quyết định thử thách giới hạn chính sách cải cách của Gorbachev bằng cách tài trợ một chuỗi các cuộc biểu tình kéo dài hàng tuần nhằm thả tự do cho Joseph Begun – một nhà đối lập ra khỏi nhà tù chính trị ở Siberia.

Vợ anh ta, Ina Begun và những người tham gia khác bị cản trở trong những ngày đầu, nhưng vào cuối tuần chính quyền trở nên rất kiên nhẫn. Vào ngày 3-2, một đội gián điệp KGB hùng hậu tấn công đoàn biểu tình và giới báo chí bằng cách đâm đá, xô đẩy dòng người trên lối đi. Gerlind mang theo thiết bị âm thanh, cô ấy bị xô ngã và dẫm lên. Người quay phim của chúng tôi, Gay Shore, cố gắng giữ vị trí và phải lùi lại để bảo vệ thiết bị. Còn tôi, sau khi hứng chịu trận đâm đá, tôi bị kéo lê tới một hẻm và bị đánh gục xuống đất.

Tôi đã nhận ra nhân viên an ninh Mátxcova theo dõi tôi. Hai kĩ thuật viên đặt máy nghe trộm ở buồng điện thoại ngoài cửa căn hộ. Cảnh sát đã cắt dây cáp thiết bị của chúng tôi.

Vào ngày Chủ nhật, 7-12, là ngày Gorbachev bay tới gặp Tổng thống

Reagan trong cuộc gặp cấp cao đầu tiên tại Washington, D.C, những người biểu tình Do Thái tập hợp tại công viên nhỏ trước Bộ Ngoại giao Mátxcova. Chính phủ cử những người biểu tình và cuộc ẩu đả xảy ra. Chúng tôi ở giữa. Có tiếng va đập, la hét và chửi bới. Khi tôi cố gắng giúp các đồng nghiệp tác nghiệp thì bị một cảnh sát to lớn, mặc thường phục kéo sang một bên bắt đi.

Tôi trình thẻ phóng viên nhưng bị nhiều nhân viên KGB mặc thường phục kéo ngã qua đám đông và ném tôi vào một chiếc xe bus, nơi tôi bị các nhân viên an ninh có vũ trang canh giữ. Một cảnh sát giẫm gót chân lên hộ chiếu của tôi trước khi ném nó vào xe cho tôi. Khi xe bus đã đi xa, tôi làm cử chỉ từ nhận nhục với một nhân viên quay phim, người ghi hình sự việc của tôi. Tôi bị giữ tại đồn cảnh sát gần Bộ Ngoại giao, nơi một nhân viên cố ép tôi vào tội gây rối trật tự công cộng. Tờ Thời báo New York và Bru điện Washington chỉ trích hành động của các nhân viên KGB trong phần xã luận.

CNN phản đối chính quyền Xôviết và nhận được một lời xin lỗi.

Trong phạm vi hiểu biết của chúng tôi, cuộc biểu tình của người Do Thái vào tháng 12 là lần cuối cùng Mátxcova có hành động cứng rắn.

Tôi đồng ý ở lại Mátxcova ba năm cho CNN, nhưng tôi trở nên mệt mỏi với áp lực công việc và yêu cầu rời đi sau hai năm. Tôi trở về nhà sau khi Reagan về.

CNN cử tôi tới văn phòng Washington như một phóng viên thường trú an ninh quốc gia. Đó không phải là công việc mang lại cho tôi nhiều bản tin truyền hình. Hầu hết nguồn tin của tôi không muốn lên hình hoặc bị lộ diện. Chuyên đề gồm FBI và CIA, hai cơ quan chính phủ đặc biệt không sẵn sàng giúp đỡ báo chí nói chung hoặc cá nhân tôi nói riêng. Tôi không bận tâm.

Xôviết đã làm tôi kiệt sức và tôi cần nạp lại năng lượng cho mình. Nhưng khi chứng kiến những câu chuyện lớn trôi qua trước mắt mình, tôi lại không vui. Tôi không được điều động làm tin trong chuyến thăm lịch sử của Gorbachev tới Bắc Kinh và vụ thảm sát tại quảng trường Thiên An Môn hay những biến động ở Đông Âu dẫn tới kết thúc Chiến tranh lạnh.

CNN đang sử dụng nhân viên trẻ hơn và một lần nữa tôi lo lắng về những ngày làm tin chiến tranh của mình đã kết thúc nhưng tôi tặc lưỡi, kiềm chế lời phàn nàn với Ed Turner. Tôi tự hứa với mình, rằng không bao giờ tôi vận động hành lang một cách hăng hái. Tôi không muốn liêu lĩnh với tính cách khát khao. Tôi hy vọng những gì đã giành được trong hành trình tác nghiệp đời mình là lời biện hộ hiệu quả nhất.

Dù sao tôi cũng biết ơn công việc của mình. Sự thịnh vượng đã thay đổi CNN giống như âm thanh đã biến đổi Hollywood. Rất nhiều chuyên gia mà

bắt đầu là Công ty bản tin truyền hình cáp không theo quy tắc này đã ra đi hoặc bỏ việc trong sự tức giận. CNN ngày càng giống những hệ thống truyền hình khác, thậm chí cả việc sa thải nhân viên.

Tôi sống thoải mái ở Washington cùng với số phận của mình nhưng không dễ gì chấp nhận nó. Hy vọng đã lóe lên. Mùa hè năm 1989 tôi được cử tới Nam Phi 2 tháng làm về chuỗi các sáng kiến hòa bình quốc tế mà Ted Turner gợi ý. Tôi đi tới Namibia, Angola, Zaize, Mozambique, Nam Phi và hành trình đó đã dập tắt ngọn lửa trong tôi.

Buổi tối ngày 19-12-1989, tôi ở nhà xem CNN truyền hình về khủng hoảng ở Panama. Trong vài giờ, các cuộc điện thoại từ những người dân nói về việc xây dựng lực lượng quân đội Mỹ bất ngờ được truyền hình trực tiếp. Họ suy xét rằng Mỹ đổ bộ vào Panama nhằm bắt giữ Manuel Noriega, người có thể lực khét tiếng nhưng không còn được lòng Chính quyền Bush. Tôi đã phỏng vấn Noriega trước đó vài năm khi ông ta còn là đồng minh của Mỹ và tôi quen thuộc với đất nước đó. Điện thoại reo và đó là Ed Turner. Ông ta nói muốn cử tôi tới Panama: “Anh là lựa chọn đầu tiên của chúng ta để tới đó”. Tôi hoan hỉ lên đường sáng hôm sau.

Đó là Cuộc đấu tranh đầu tiên như sự kiện truyền thông. CNN tương đương với các hệ thống khác về nhân viên và kỹ thuật. CNN thuê máy bay Jumbo L1011 của hàng không Phương Đông ra khỏi Miami và bay vào căn cứ quân sự Howard ở Canal Zone. Chúng tôi mang theo thiết bị biên tập và đĩa vệ tinh riêng. Quân đội từ chối rất nhiều phóng viên vì tuyên bố rằng không có chỗ cho họ nhưng tôi là một trong mười nhân viên của CNN được ở lại.

Chúng tôi thiết lập trung tâm truyền hình tại câu lạc bộ sĩ quan Quarry Heights trong vài ngày. Hơn 50 nhân viên làm tin cả nam lẫn nữ sử dụng hai nhà vệ sinh và khẩu phần ăn đạm bạc, ngủ trên các bàn, sân bằng bê tông. Charles Jaco và tôi thay phiên nhau cùng các phóng viên thường trú của các hệ thống khác truyền hình trực tiếp hàng giờ từ thiết bị vệ tinh trong sân.

Chúng tôi ra ngoài cùng lính khi có thể và sục sạo thành phố Panama tìm kiếm các câu chuyện. Lầu Năm Góc ngăn cản công việc làm tin về những cuộc tấn công xâm chiếm lúc đầu nhưng chúng tôi có thể theo sau những đánh giá về thảm họa và tổn thất. Tướng Noriega lẩn trốn, tránh né cuộc tấn công đầu tiên, nhưng khi ông ta xuất hiện vào ngày giáng sinh tại nơi ở của Papal Nuncio, CNN lập nơi làm tin trên tầng năm của Holiday Inn nhìn về phía đó và bắt đầu truyền tin 24 giờ một ngày.

Quân đội cố gắng quấy nhiễu về mặt tâm lý: bật nhạc rock ở mức độ chói tai, âm thanh được cả thế giới nghe thấy trên CNN. Chúng tôi truyền hình trực tiếp tới khi Noriega đầu hàng quân đội Mỹ vào ngày 3-1-1990.

Câu chuyện ở Panama cho thấy CNN có khả năng truyền hình trực tiếp về cuộc khủng hoảng lõi cuốn như thế nào. CNN bây giờ có kĩ thuật, kĩ năng và tài chính để thực hiện các chương trình truyền hình trực tiếp bất kì nơi nào trên thế giới.

Phần IV: 1990-1991

Chương 1: Baghdad

Chúng tôi lái xe trên con đường lộng gió từ Thung lũng Jordan tìm kiếm sự kiện vào tháng 10-1990. Tôi vu vơ nhìn gió bụi cuộn lên chân trời sa mạc, chạy qua khung cảnh khô cằn dưới ánh mặt trời tối sầm nhưng khi nhìn rõ trong tầm mắt, tôi nhận thấy luồng gió bụi kia đang ào tới bởi một tác động nào đó.

“Đó không phải là cơn bão bụi!”, tôi kêu lên với các đồng nghiệp CNN đang ngủ trong xe. Mikhail, kỹ thuật viên âm thanh, giục mắt nhắm ra xe xuống đường. Yehuda, nhân viên quay phim vạm vỡ theo sau, chạy tới lắp ráp thiết bị công kênh của họ. Bám sát với nhau như những lữ khách sa mạc, họ quay về phía cơn lốc cát đang bắt đầu phát ra ánh sáng đèn. Tôi đứng xem thích thú. Chúng tôi đã tìm thấy hành động của mình!

Đó chính là những chiếc xe tăng to lớn lăn bánh ra khỏi đám mây bụi cát, nòng súng của nó thổi tung những mục tiêu trên sườn đồi phía xa. Yehuda cười khi chỉnh độ nhấn máy quay. Khuôn mặt Mikhail nhễ nhại mồ hôi cũng nở nụ cười. Những người này là những cựu binh trong làng báo chí, họ đã làm tin cuộc xâm chiếm ở Leban một thập kỷ trước đây.

Trong một lúc, tôi tin rằng chúng tôi đang nhìn thấy sự thật. Nhưng khoảnh khắc đó trôi qua. Những gì chúng tôi đang chứng kiến chỉ là đợt tập trận của lực lượng xe tăng quân đội Israel ở sa mạc Negev. Hành động thực sự cách đó một nghìn dặm băng qua những sa mạc nhiều đá của Jordan và trập nơi 30 quốc gia chống lại Saddam Hussein. Tôi bị nhầm chỗ và thật sự không vui vì điều đó.

Cuối buổi chiều hôm đó, chúng tôi lái xe về dọc theo bờ biển Chết khi những tia nắng mặt trời cuối cùng tắt dần sau bức tường đá và ghé thăm pháo đài trên đỉnh đồi cổ xưa của Masada trong ánh sáng bạc. Tôi mê hoặc với vở kịch của Masada. Truyền thuyết nói rằng những người phòng thủ người Do Thái tự kết liễu mạng sống của mình vào năm 79 sau công nguyên để tránh bị rơi vào bàn tay báo thù của quân La Mã. Có những bằng chứng kinh hoàng về cuộc vây hãm vẫn còn được nhìn thấy rõ trên sa mạc, một bức tường đá đỏ được các nô lệ La Mã lăn chuyển tới bờ vực để chặn người phòng vệ.

Tôi tự an ủi mình bằng những truyền thuyết về những cuộc chiến tranh ở miền Trung Đông thời cô đại vì dường như không có khả năng tôi sẽ làm tin về cuộc chiến hiện tại. Tôi chuyển tới Israel vài tháng trước với tư cách là một phóng viên thường trú đóng ở Jerusalem, và CNN năn nỉ tôi ở lại Israel theo sát cuộc khủng hoảng từ phía đó. Đó là một nhân tố quan trọng trong

câu chuyện, họ nói với tôi. Khủng hoảng xảy ra khi người Israel đối mặt với sự đe dọa tấn công hóa học của người Iraq. Nhưng tôi đoán Israel chỉ là màn diễn phụ.

Sự buồn bã của tôi càng lớn dần khi trước Giáng sinh, người sản xuất Robert Wiener và phóng viên thường trú John Holliman tới từ Baghdad để nghỉ ngơi vài ngày. Họ dự định quay trở lại Iraq cho những chuẩn bị cuối cùng khi ngày 15-1 tới hậu thư của Liên hợp quốc dành cho Saddam Hussein rút quân ra khỏi Kuwait hết hạn.

Trong buổi gặp gỡ tại Bar Fink, Wiener khó lòng kìm chế sự phẫn khích của mình, rằng người Iraq đã cho phép CNN thiết lập văn phòng truyền thông đặc biệt ở Baghdad nếu chiến tranh nổ ra. Không những thế, chính phủ còn cho phép họ ở lại để làm tin về cuộc chiến. Tôi rất ấn tượng với tài năng của Wiener nhưng cũng rất ghen tị. CNN sẽ làm tin trực tiếp từ hai phía và tôi bị tắc trong vũng nước phía sau, một đương đầu quân sự lớn nhất có thể xảy ra kể từ khi Chiến tranh Việt Nam tàn lụi.

Tôi được Kimberly Moore an ủi, một phụ nữ trẻ từ Lakeland, Florida mà tôi gặp sau khi Gerlind Younts và tôi đi theo con đường riêng của mình một năm trước đó. Kimberly là thực tập sinh ở CNN, và tới Jerusalem tham gia cùng tôi. Cô ta có công việc với chương trình tin tức bằng tiếng Anh hàng ngày của Truyền hình Israel. Chúng tôi hủy bỏ kế hoạch kỳ nghỉ giáng sinh ở Paris vì chúng tôi không muốn ở ngoài nếu chiến tranh xảy ra.

Đầu tháng 1, mọi thứ CNN đưa lên hình liên quan tới cuộc khủng hoảng vùng Vịnh. Cả thế giới đang tính từng ngày tới khi cuộc chiến tranh nổ ra. Sự cứng đầu của Saddam Hussein mời gọi sự trả thù kinh hoàng. Phản kháng dường như vô ích. Mỹ bày binh bố trận rộng lớn và những cỗ máy chiến tranh đồng minh đã tập hợp sẵn sàng nghiền nát ông ta. Đồng minh làm rõ mục tiêu đầu tiên sẽ là Baghdad. Baghdad đặc biệt là điểm yếu vì khả năng tấn công bằng bom của lực lượng liên minh rất lớn nếu chiến tranh xảy ra.

Khi tôi phỏng vấn Thủ tướng Israel, Yitzhak Shamir, vào ngày 10-1, tôi đề cập rằng CNN có một đội làm tin ở Baghdad và ông ta nhìn tôi ngạc nhiên: “Họ có điên không vậy? Có phải họ muốn viết một cuốn sách hay cái gì đó không?”. Rất nhiều phóng viên đã rời khỏi Baghdad, Đại sứ quán Mỹ tư vấn số còn lại cũng nên rời đi.

Khi trở về văn phòng, tôi được thông báo là gọi điện về cho biên tập quốc tế CNN, Eason Jordan ở Atlanta. Ông ta nói với tôi đội hình CNN ở Baghdad đang bắt đầu lỏng lẻo, một số người sẵn sàng rời đi. Và rằng tôi có đến đó để giúp họ không vì Baghdad sắp là nơi nguy hiểm nhất trên thế giới trong một vài ngày tới. Dĩ nhiên là tôi muốn tới đó! Đó không phải là câu hỏi hay trả lời về sự dũng cảm; tôi chỉ tin có thể làm những gì phải làm và tôi có

thể sống sót. Eason lại hỏi khi nào tôi có thể đi. “Ngay lập tức”, tôi đáp.

Tôi nói với Kimberly, ngày hôm sau tôi sẽ đi Baghdad. Cô ấy đã chịu đựng sự kêu ca của tôi nhiều tháng nhưng bây giờ cô ấy lại lo ngại cho tôi. Cô ấy lái xe tiễn tôi ra sân bay Tel Aviv Ben – Gurton vào ngày 11-1, năm ngày trước khi Saddam Hussein phải rút khỏi Kuwait hoặc đối mặt với chiến tranh.

Sân bay đang trong tình trạng báo động và lính chiến trường có mặt ở khắp nơi. Rất nhiều hãng hàng không phải hủy bỏ chuyến bay trong khu vực. Chỉ sáu trăm dặm cách xa từ Tel Aviv tới Baghdad nhưng tôi không thể bay thẳng tới đó mà phải đi khoảng cách gấp hai lần qua Cairo và Amman, Jordan.

Hàng không Ai Cập không gặp vấn đề gì trên sa mạc Negev, nơi vài tuần trước đó tôi đã chứng kiến xe tăng tập luyện chiến tranh. Tôi chuyển sang máy bay hàng không Jordan bay tới Amman, vì Jordan vẫn là người hàng xóm thân thiện duy nhất của Iraq và Amman vẫn là sân bay quốc tế duy nhất phục vụ Baghdad.

CNN thiết lập căn cứ tiền phương ở đó, thuê tiền sảnh rộng lớn tại Khách sạn Philadelphia, lắp đặt thiết bị biên tập và một đồng lớn thiết bị kỹ thuật cao nhấp nháy tín hiệu thu phát sóng. Một nhóm kỹ thuật viên và những người làm tin đang chuẩn bị công việc của họ, báo cáo thường xuyên được gửi về trụ sở CNN ở Atlanta.

Tôi gặp Dominic Roberston, một kỹ thuật viên trẻ CNN người Anh đang chuẩn bị vào Baghdad với tôi ngày hôm sau. Anh ta đang tháo một điện thoại vệ tinh cầm tay, giật mác và con số ở trên đó. Nic nói sẽ mang lên vào Baghdad bởi vì người Iraq sẽ không cho phép mang nó vào. Điện thoại vệ tinh có thể sử dụng bất kỳ lúc nào và liên lạc tới bất kỳ nơi đâu trên thế giới. Đó là thiết bị thông tin mới nhất không thể thiếu được.

Nhưng Nic không chắc anh ta có thể làm được điều đó. “Khi tôi vào Baghdad tháng 9 năm ngoái, mọi người còn lấy cả radio xách tay của tôi”, anh ta nói với tôi khi bắt đầu giấu những phần điện thoại trong một tá túi và hộp chứa dụng cụ, băng hình và thức ăn. Nhưng anh ta biết sự kiểm soát sẽ là gì. Tôi quan sát chàng trai trẻ làm việc với các thiết bị đầy sự tương đồng trong tư tưởng.

Chiếc điện thoại vệ tinh trị giá 52 nghìn đô la nếu bị phát hiện nó sẽ bị tịch thu. CNN sẵn sàng mạo hiểm mất dụng cụ đắt tiền đó, nó đã mở kho bạc của mình và đang tiêu tốn hàng triệu đô la vào việc làm tin truyền hình về cuộc chiến một cách đầy đủ nhất. Nhân viên CNN ở Amman nói với tôi rằng sự đóng góp đó chỉ có sau rất nhiều cuộc chiến nội bộ. Ban kỹ thuật của CNN sợ rằng thiết bị truyền hình ảnh có thể cho phép chúng tôi truyền hình trực tiếp

từ Baghdad – rất hữu ích với kẻ thù nếu rơi vào tay họ. Thiết bị trị giá nửa triệu đô la rải khắp các thùng tại Khách sạn Philadelphia chờ sự đồng ý cho vào từ Iraq.

CNN đầu tư nhiều cho câu chuyện hơn là cạnh tranh. Buổi sáng hôm sau tại sân bay Amman, tôi gặp hai đồng nghiệp từ Truyền hình CBS, phóng viên thường trú Lan Pisseey và nhà sản xuất Larry Doyle. Doyle là người đàn ông lực lưỡng có tiếng táo bạo nhưng anh ta trông không vui, uống vài chai bia. Tôi thích Doyle. Anh ta từng mượn tiền tôi ở Panama để trả hóa đơn khách sạn. Và anh ta là người trong suốt cuộc đảo chính ở Guatemala năm 1983 cho phép CNN sử dụng băng video của mình khi người quay phim làm chúng tôi thất vọng.

“Các cậu, tôi cần các cậu bây giờ”, Doyle nói. Anh ta giải thích rằng Pisseey và anh ta được cử tới Baghdad mà không có phóng viên quay phim. Ban quản lý CBS không sẵn lòng cung cấp đủ bảo hiểm để thuyết phục các kỹ thuật viên lên đường. “Đây là hệ thống của Ed Murrow và Walter Cronkite và chúng tôi không có một đội đi cùng trong câu chuyện quan trọng nhất của năm”, Doyle nói. “Chúng tôi sẽ gõ cửa của cậu để lấy video khi việc quay phim bắt đầu”.

Chuyến bay đến Baghdad muộn và đông đúc, đám đông các nhà ngoại giao và phóng viên vào phòng chờ. Không có nhiều người ở phòng khởi hành, chỉ vài nhà ngoại giao người Iraq và các thương gia người Jordan, Palestin và ba đội truyền hình từ các tổ chức tin châu Âu.

Tracy Fleming, phát thanh viên trẻ CNN, đi cùng Nic Roberston và tôi tới Baghdad sau khi nghỉ ngơi. Cô ta nói muốn ở lại trong suốt thời gian chiến tranh. Cô ta nhìn tôi như bùa may mắn. “họ nói anh là áo chống đạn”, cô ta tuyên bố.

Nic không quyết tâm lắm. Anh ta nói rằng nếu CNN không có khả năng đảm bảo, anh ta có thể rút ra ngay lập tức trong trường hợp anh ta muốn rời. Anh ta sẵn sàng mang thiết bị điện thoại vệ tinh vào nhưng không phải ở lại. Rất ít người ở bất kỳ tổ chức làm tin nào khác muốn ở lại, anh ta nói.

Tôi ngồi cùng các nhân viên trẻ của CNN trong chuyến bay 40 phút tới Baghdad. Phía dưới chỉ là sa mạc cháy khô tràn ngập ánh nắng mặt trời và những ngọn đồi trọc thấp bé. Tôi chưa bao giờ tới Baghdad nhưng đó không phải là vấn đề với tôi, khung cảnh của khủng hoảng nhìn chung là giống nhau.

Khi chúng tôi xuống sân bay, Nic đi trước tôi vào khu vực hải quan. Anh ta mang theo giá thiết bị đĩa vệ tinh nặng thờ ơ dưới tay mình, như định nói với người Iraq đó chỉ là khung của máy quay. Chúng tôi chuyển phần còn lại của thiết bị vào năm xe đẩy và lăn chúng tới nhân viên hải quan đang chờ.

Phần điều khiển nằm cùng với thức ăn, máy thu phát âm cầm tay trong hộp đồ dùng điện tử, đĩa ô bằng nhôm trong túi đầy quần áo.

Các nhân viên dò xét cẩn thận thiết bị của đội truyền hình phía trước chúng tôi, xé các hộp băng tách nhau. Nic hơi tái mặt đi một chút nhưng anh ta cũng giữ được bình tĩnh.

Khi tới lượt chúng tôi, một nhân viên hải quan mở hộp đầu tiên và nhìn thấy mảnh điều khiển. Nic nói nó dành cho biên tập hình. Tay nhân viên gạt đầu và đẩy sang bên. Thiết bị cáp đã đi qua nhưng Nic mất radio sóng ngắn thay thế. Tay nhân viên đặt nó phía sau anh ta trên bàn tịch thu. “Tôi nghĩ họ sử dụng những thứ này để nghe VOA và BBC”, Nic thì thào với tôi.

Thanh tra hải quan lục lợi túi quần áo và tìm thấy đĩa vệ tinh, một thiết bị khéo léo được làm bằng lưới dây bạc giống như một chiếc ô gãy không còn sử dụng. Nic giải thích với ông ta rằng nó được sử dụng để che máy quay – “ở đây mặt trời rất nóng,” anh ta nói như thể một người Iraq không biết điều đó. Tay nhân viên đã không mở nó ra.

Kiểm soát đã tiến hành được nửa giờ. Một chiếc vali bằng nhôm được mở ra. Bên trong là một modem, thiết bị được sử dụng để bắt tín hiệu từ đường dây điện thoại tới máy tính. Đó là phần quan trọng của thiết bị mà không thể được ngụy trang và cần thiết cho điện thoại vệ tinh. Khi chúng tôi đặt nó lên bàn, nó trông thật to. Nic đã cảnh báo tôi rằng người Iraq luôn luôn tịch thu modem.

“Đây là bộ điều chỉnh điện áp”, Nic giải thích với họ, cười vì sự miêu tả kỹ thuật chi tiết cho việc sử dụng nó. Tay thanh tra lắng nghe cẩn thận tất cả và sau đó nhìn thẳng vào mắt Nic.

— Không, đó là một modem – Tay thanh tra phản bác Nic.

— Đó không phải là modem – Nic trừng mắt cãi lại.

— Đó là một cái modem – Tay thanh tra tiếp tục khẳng định.

— Không – Nic đáp trả một cách tự tin, lên cao giọng – Đây không phải là một cái modem. Đây là bộ điều khiển điện áp?

Có những phút hòa khí hơn và sau đó tay thanh tra nhún vai để nó qua.

Tôi nghĩ chúng tôi đã làm được điều đó. Nhưng sau đó tay thanh tra phát hiện ra thiết bị điện thoại cầm tay và mỉm cười gọi một đồng nghiệp khác tới xem. Nic bảo vệ một cách kịch liệt. “Các ông không thể giữ nó, tôi cần nó cho công việc của tôi”. Lần này thì sự phản kháng của anh ta thất bại. Thiết bị cầm tay bị cấm. Vị trí của nó là nằm trên bàn tịch thu.

Giữa sự hỗn độn ở sân bay, lái xe người Iraq của chúng tôi tới. Anh ta cầm lấy đĩa vệ tinh bằng kim loại mà Nic mang trên tay ra xe ô tô. Khi

chúng tôi chất những phần còn lại của thiết bị, tôi chúc mừng Nic. Anh ta đã gần như vượt qua tất cả nếu không phải vì chiếc điện thoại cầm tay quan trọng.

Anh ta cười chiến thắng. “Peter, đó chỉ là một phần của bộ máy mà không quan trọng. Tôi có thể cắm vào bất kì điện thoại nào trong khách sạn để thay thế nó”.

Tôi leo lên chiếc xe có mui của Nhật đang đợi sẵn, thở phào với sự thành công của Nic. Con đường sân bay dẫn tới đại lộ Qadisiya Expressway, đại lộ sáu tầng hiện đại, có những ngôi nhà sàn và những hàng cây rợp bóng ở vùng xung quanh. Nó rất giống một số nơi ở Queens, New York giữa sa mạc.

Niềm vui của tôi được tới Baghdad làm tin trở nên lớn hơn. Từ những ngày còn nhỏ, tôi đã rung mình với vẻ đẹp kì lạ của quần đảo Ả rập. Hoa quả sấy khô của cửa hàng hoa quả địa phương đã tới trong những chiếc hộp từ Basra. Tôi đã đọc trong những cuốn sách ở trường rằng, khu vườn treo Babylon là một trong những kì quan của thế giới cổ đại. Những bài hát của dòng nhạc Kismet theo dệt bức thảm dài trong trí tưởng tượng của tôi. Bây giờ tôi đã già hơn và khôn ngoan hơn nhưng chiếc thảm thần kì báo chí đã mang tôi đi từ New Zealand và sau hơn 35 năm, đã đưa tôi tới nơi hằng mong ước trong những ngày thơ ấu.

Người lái xe taxi của chúng tôi, Omar Hussain al- Aiad, một người Iraq nhiều tuổi với bộ râu cắt tia gọn gàng giống như hầu hết những người đàn ông địa phương. Khi chúng tôi vào thành phố, anh ta chỉ ra các địa điểm: trụ sở Đảng xã hội Ba'ath Quốc tế của Saddam Hussein, khu vực lễ hội và diễu hành ở Công viên Zawra. Chúng tôi đi qua đài tưởng niệm chiến thắng, hai công vòm bằng thép lớn được tạo bởi những thanh kiếm vắt chéo vào nhau do những đôi bàn tay bằng nhôm nắm.

Omar nói với tôi một cách tự hào rằng Saddam Hussein đã dùng phần tay dưới của mình làm hình mẫu, được làm to 48 lần về kích cỡ. Mọi người nói sắt dùng cho toàn bộ công trình đó từ chiến lợi phẩm mũ và xe tăng thu được trong chiến tranh với Iran, hàng nghìn những chiếc mũ của người Iran dùng để trang trí cho phần móng của đài tưởng niệm.

Ra khỏi đường cao tốc, chúng tôi lái xe qua đoạn đường hầm bằng bê tông, bên cạnh trung tâm hội nghị hiện đại lớn. Phía bên trái là Khách sạn Al- Rashid. Tòa nhà mười bốn tầng cao nhất trong cả khu phố. Hàng rào cao mười thước bao quanh khách sạn.

Chúng tôi lái xe quanh vòi phun nước lớn tỏa ra từ các bình đựng nước gia làm bằng kim loại màu nâu. Phía trên công trình, là tượng một phụ nữ bằng đồng thiếc vươn tay lên trời. Nó làm tôi nhớ tới nghệ thuật chuyên chế của

cộng sản Bắc Triều Tiên. Đoạn đường lái xe vòng quanh được tô điểm bằng những bụi hoa dẫn tới cổng chính của khách sạn. Tôi bước lên những bậc đá cẩm thạch. Mặt chính tiền sảnh được làm bằng đá cẩm thạch màu xám sẫm lớn và màu be khắc hình cấp số nhân.

Manawer, một người đứng ở cổng giới thiệu mình. Anh ta cao như vận động viên trung phong bóng rổ, chiều cao của anh ta được tô điểm bằng khăn xếp đỏ thẫm cuốn quanh đầu. Anh ta mặc bộ quần áo truyền thống Ả rập. Khi anh ta tiến tới bắt tay tôi, chiếc áo ngoài không thắt và tôi nhìn thấy anh ta đang mặc một áo vest màu be nhỏ, quần ống bó nhiều sọc màu trắng và đi giày xỏ ngón.

Những người khuôn vác Sudan mang hành lí, chào đón chúng tôi bằng tiếng Anh. Trên một bức tường đá cẩm thạch tôi nhìn thấy một thẻ bài có hai bức rèm nhung đỏ thẫm viền vàng. Câu viết đề tặng nói rằng khách sạn được mở năm 1982 “suốt thời đại của Saddam Hussein”.

Lối vào ấn tượng và lấp lánh. Tôi mong đợi nhìn thấy hàng máy bán tự động. Bốn chiếc đèn chùm bằng thủy tinh lớn treo trên trần nhà giống như những tổ ong bằng pha lê, và những cửa kính cao dẫn tới khu đi dạo trong vườn. Nhưng có rất ít đồ đạc, chỉ vài cây để trong bình và một bức hình Saddam Hussein cỡ lớn mặc trang phục.

Tiền sảnh khách sạn tối và ảm đạm. Từ xa có một bảng hiệu trên cửa “Bar Sheherazade”. Tôi tiến tới bàn lễ tân dài bằng gỗ dái ngựa, đăng kí phòng với một người đàn ông trong bộ lễ phục màu đen, chiếc áo vest và quần kẻ sọc màu xám. Tôi đoán rằng khách sạn phục vụ đám đông hiện đại hơn.

Nic Roberston chỉ tới một góc nơi mấy người Ả rập đang ngồi nói chuyện tại một chiếc bàn gỗ cạnh hàng điện thoại công cộng và nhìn về phía chúng tôi. “Họ là những người giám sát”, Nic nói. Các nhân viên Iraq đã được cử tới để hộ tống các phóng viên và theo dõi mọi thứ họ làm bên ngoài khách sạn.

Tôi bước vào một thang máy với ánh đèn mờ cuối tiền sảnh. Nó lắc lư tới tầng 9, nơi có văn phòng CNN. Tôi phát hiện có sự giám sát bên trong: một nhân viên an ninh người Iraq đang ngồi trong buồng bằng gỗ gần thang máy và anh ta theo dõi khi tôi bước ra hành lang tới khu vực CNN.

Tôi nghe thấy giọng nói quen thuộc đang nói trên điện thoại ở phòng 906. Đó là nhà sản xuất Robert Wiener, đang nói chuyện với trụ sở CNN ở Atlanta. Anh ta đang sử dụng điện thoại Four-wire, một thiết bị liên lạc đặc biệt với Atlanta. Anh ta nói chuyện bằng micro-phone cắm từ hộp truyền tín hiệu bằng thép màu đen nhỏ trên bàn. Nó giống như hệ thống liên lạc quốc tế, liên kết bốn đường dây điện thoại giữa Baghdad và Atlanta. Những đường dây phụ làm cho tốc độ chuyển lời nói tốt hơn.

Thiết bị four-wire làm hỏng hệ thống bàn phím khách sạn và các hệ thống đang bật lên khác. Nó được truyền trực tiếp tới thiết bị truyền sóng ngắn tới Amman và sau đó bằng vệ tinh về Mỹ. Chỉ có CNN làm việc với chính quyền Iraq và được phép sử dụng hệ thống. Đó là quân bài của chúng tôi. Chúng tôi có thể liên lạc về Mỹ bất kì khi nào muốn và ngược lại.

Weiner đứng lên ôm chầm lấy tôi. Anh ta không cạo râu trong nhiều ngày và đeo kính đen. Anh ta cảm ơn tôi vì đã tới đây. “Tôi muốn anh biết”, anh ta chen vào nhanh chóng, “Chúng tôi có thể đưa anh ra khỏi nơi này bất kì khi nào muốn. Tôi đã thuyết phục Atlanta thuê một máy bay và sẵn sàng ở Amman cho những trường hợp khẩn cấp”.

“Cho tôi ra khỏi đây hả Robert? Tôi vừa mới tới mà”.

Anh ta gạt sang một bên với vẻ bí ẩn. Anh ta nói với tôi mong muốn lớn lao của anh ta là thay thế lực lượng nhân viên làm tin về chiến tranh đang tan rã, những nhân viên chủ chốt, những người đã hứa với anh ta sẽ ở lại đến phút cuối nhưng giờ họ đang thay đổi. “Những lời hứa trước Giáng sinh giờ đã thay đổi vào năm mới”, Robert than vãn. Anh ta nói hầu hết đội của anh ta vẫn ở Baghdad chỉ bởi anh ta đảm bảo có thể đưa họ ra đi khi có khủng hoảng.

Với giọng điệu căng thẳng, Robert nói với tôi các giải pháp bốc hơi của nhân viên CNN đồng nghĩa với lòng tin ngày càng tăng trong giới báo chí ở Baghdad rằng ở lại khi chiến tranh xảy ra có thể sẽ là tự vẫn. Anh ta muốn làm tin nhưng không muốn bất kì ai chết để làm điều đó. Anh ta nhắc lại câu chuyện đồn thổi giữa các nhà báo ở Ả-rập những người nói rằng Baghdad sẽ bị đánh bom trở về thời kì đồ đá khi chiến tranh bắt đầu. Các phi công ở các chuyến máy bay Hải quân Mỹ ở Vịnh bị trích lời khi nói rằng Khách sạn Al-Rashid sẽ được dùng làm mồi cho chiến dịch đánh bom bởi nó là tòa nhà to nhất trong thành phố.

— Do vậy – tôi nói với Robert – một trận ném bom đúng nghĩa phải biết sự khác nhau giữa căn cứ chiến lược và một khách sạn chứ?

— Nhưng thế nào nếu chúng là một và giống nhau – Anh ta đáp lại một cách lo lắng.

Sự rối loạn của Wiener thật đáng thương. Khoảnh khắc dễ chịu nhất của anh ta là khi thuyết phục chính quyền Iraq cho phép CNN ở lại làm tin về sự khắc nghiệt của chiến tranh với thế giới. Nhưng chính bản thân anh ta lại không động viên nhân viên trong công ty vào thời khắc “nước sôi lửa bỏng”. “anh không hiểu đâu, Peter”, anh ta nói với tôi “Tôi chịu trách nhiệm về tất cả những người này ở CNN. Anh chỉ chịu trách nhiệm với bản thân mình. Họ phải biết sự thật, tất cả những gì đang diễn ra”.

Tôi không tranh cãi. Robert chân thành. Tôi cố gắng vượt ra ngoài cơn sốt đôn thổi và những suy đoán, tìm hiểu tình hình và tự mình cân nhắc với những tiêu chuẩn của tôi.

Tôi hỏi anh ta sự an toàn của khách sạn. Anh ta chỉ ra ngoài một căn phòng về phía những vách ngăn làm bằng bê tông trên mỗi cửa sổ được cho là bảo vệ những viên đạn bay tới. Kính của cửa sổ chỉ dày vài centimét. “Anh phải đi xem các boong ke của khách sạn”, Robert nói, “một nghìn người có thể trốn dưới đó”.

Anh ta chỉ cho tôi phòng lưu trữ của CNN bên kia hành lang văn phòng. Nước đóng chai chất tới trần nhà. Thức ăn đựng đầy các thùng giấy. Có những thùng bánh, kẹo, pho mát, thịt hộp. Có các hộp nến, diêm, đèn pin, đèn dầu, giường cắm trại, chăn, màn chống muỗi. Và những thùng whiskey Scotch, rượu vang và rượu mạnh của Ý. Đó là kho chung.

Tôi kinh ngạc “Anh phải xem sự an toàn điện tử của chúng ta”, anh ta tiếp tục một cách hân hoan. “Nó được chất bằng tiền”.

“Anh nghĩ gì? Peter. Anh đã nhìn qua tất cả rồi. Anh sẽ ở lại chứ?”

“Robert, tôi còn ở đây vì lí do gì nữa? tất nhiên là tôi sẽ ở lại”

Tôi hỏi anh ta xem có ở lại cùng tôi không. Anh ta đáp lại: “Tôi tạo dựng điều này. Tôi phải ở lại. Tôi đã buộc thông lọng xung quanh cổ chúng ta. Chúng ta sẽ đung đưa cùng nhau”.

Khi trời tối, một số ít sẵn sàng chia sẻ số phận với chúng tôi. Tôi tới phòng khai thác chính của CNN, Bernard Shaw ở trong hành lang. Anh ta đã tới trước một vài ngày để phỏng vấn Saddam Hussein và vẫn đang đợi. Anh ta nói sẽ ở lại miễn là cảm thấy khôn ngoan. “Tôi không muốn ở lại”, Bernie nói, “nhưng phải có ai làm điều đó”.

Vào bữa sáng hôm sau tôi gặp Ingrid Formanek, một nhà sản xuất CNN. Ingrid đã giúp CNN làm tin về sự sụp đổ cộng sản ở Đông Âu, cô ta thành thạo năm thứ tiếng và biết cách giải quyết những điểm có vấn đề. Cô ta đề nghị đưa tôi đi một vòng quanh thành phố. Tôi đã tới Baghdad cùng một bó tài liệu và báo mà tôi đã vớ được từ hệ thống thông tin nhưng câu chuyện tôi muốn viết là một câu chuyện bình thường, một câu chuyện có thể nhìn và tự mình nghe thấy.

Chúng tôi tham gia cùng Ala'a ai- Ani, từ Bộ Thông tin, một nhân viên cao lớn, u sầu là người giám sát CNN. Ala'a chào tôi vui vẻ bằng tiếng Anh hạn chế và sau đó nói cho tôi Saddam Hussein xuất sắc như thế nào. Tôi lắng nghe một cách lịch sự.

Tôi nói chuyện với Ala'a khi lái xe vào thành phố, cố gắng đánh giá anh ta. Anh ta quan trọng với chúng tôi như người hướng dẫn và phiên dịch. Tôi

hiều nhiều về Iraq qua đôi mắt anh ta. Anh ta chưa bao giờ đi xa. Anh ta nói với tôi có một phòng trong khách sạn dưới hành lang của tôi.

Chúng tôi tích trữ sáu bình nước khoáng. Ingrid mua những thùng đào Mỹ và các khối phô mát Camember. Một người bán hàng đi qua với thùng chà là khô, có lẽ nặng 20kg và tôi muốn mua toàn bộ. Chà là khô là thức ăn vận chuyển đường biển và giàu năng lượng.

Ingrid nhìn tôi khi tôi kiểm tra hạn dùng. “Anh mong đợi gì vậy? Chiến tranh thế giới thứ ba? Trận đánh tồi tệ này sẽ kết thúc vào cuối tuần” nhưng Ingrid vẫn mua mặc những dự đoán của mình. Cô ta chất lên xe whiskey loại nặng và cô-nhác.

Robert thất vọng vì chúng tôi không tìm thấy rượu Vodka ở khu chợ địa phương. “Tôi đoán chúng ta có thể khắc phục ở thị trường ngoại hối trước khi giá tăng”, anh ta nói, “Có ai muốn mua mấy thứ này trừ chúng ta đâu”.

Vào buổi chiều Robert và tôi đi tới Bộ Thông tin gặp một số quan chức cấp cao. Anh ta đi qua tiền sảnh, vẫy một số nhân viên an ninh khi họ tới. Chúng tôi đi qua nơi chạm trổ trang trí ở phòng hội nghị phía trong. Robert chỉ tay một bức chân dung lớn của Saddam Hussein trong trang phục truyền thống khi chúng tôi vào thang máy của nhân viên lên tầng tám. “Ngài Sadoun”, Robert gọi một người Iraq vạm vỡ đang đứng chờ chúng tôi bước tới. Họ ôm nhau thân thiện.

Tôi nghe thấy âm thanh “Ngài Robert” từ người Iraq đó khi ông ta hôn Robert vào hai má. Không ai cạo râu trong vài ngày, tôi hầu như nghe thấy má của họ bị cào. Người Iraq lúc nào cũng vậy, sử dụng sự kính cẩn khi gọi chúng tôi.

Sau khi được giới thiệu, Sadoun al – Jenabi thăm soi tôi. Đôi tay to toàn thịt của ông ta nghiền lấy tay tôi.

“Ngài Peter”, ông ta nói giọng vang. “Ngài công bằng với chúng tôi, chúng tôi sẽ công bằng với ngài. Chúng tôi yêu quý ngài Robert, chúng tôi yêu quý CNN. Chào mừng”.

Tôi không quen những lời công khai như vậy. Tôi không mong đợi những lời đó từ bất kỳ nhân viên chính phủ nào và đặc biệt không phải từ một nhân viên cấp cao của một đất nước chuẩn bị gây chiến. Robert nài nỉ tôi gặp sếp của Sadoun là Naji al – Hadithi, Tổng giám đốc ở Bộ Văn hóa.

Naji là một quan chức Iraq quan trọng, người không đơn giản tiếp xúc ngay lập tức với báo giới nước ngoài. Ông ta đến, Robert vòng tay ôm và họ cùng trao đổi nụ hôn.

Vị quan chức đó mỉm cười với tôi qua cặp kính dày. Đó là nụ cười nồng ấm và thân thiện. Ông ta nói tiếng Anh hoàn hảo: “Chúng tôi vui vì ông ở

đây, ông Arnett ạ. Chúng ta sẽ làm việc cùng nhau thân thiện”. Robert đẩy Naji sang bên và thì thầm điều gì đó vào tai ông ta.

Tôi nhớ tới một ứng cử viên chính trị nhận lời khuyên khẩn cấp từ một cố vấn hay một người đánh cược lắng nghe sự may mắn từ người đánh cá ngựa thuê. Robert nói anh ta nói với Naji rằng CNN cảm thấy câu chuyện Baghdad là một phần quan trọng trong làm tin về chiến tranh. Naji gật đầu quả quyết khi chúng tôi rời đi.

Tôi ngạc nhiên với sự tự tin của Robert, nhưng tôi không sẵn sàng dừng lại sự cảnh giác của mình. Vài tháng trước đó, nhà báo Fazard Bazoft bị hành quyết vì tội gián điệp không có căn cứ ở Iraq. Bộ Thông tin đã đồng ý cấp visa cho anh ta và chịu trách nhiệm bảo vệ anh ta suốt chuyến thăm. Họ là những quan chức tương tự đã nói họ yêu quý CNN.

Khi tôi hỏi Robert điều đó, anh ta cười. “Peter, anh làm những gì phải làm. Không có vị trí ở đây. Họ hoặc là yêu anh hoặc là ghét anh”. Anh ta nói đang ép Naji cho phép chúng tôi sử dụng truyền hình di động mặt đất ở Amman. Sếp của Naji, Bộ trưởng Thông tin đã hứa với Robert ông ta sẽ đề cập vấn đề đó với Saddam Hussein, một người bạn thời thơ ấu của ông ta. Thiết bị vệ tinh cho phép chúng tôi truyền hình trực tiếp từ Baghdad. Nếu nó tới theo dự định thì CNN sẽ làm nên lịch sử báo chí.

Sự táo bạo trong kế hoạch của Robert làm tôi rối trí. Anh ta rõ ràng giành được sự tin tưởng của các quan chức Iraq và đã thuyết phục họ rằng CNN sẽ có mặt trong suốt cuộc chiến. Điều không chắc chắn duy nhất chính là sự lo lắng của nhân viên CNN.

Trở lại khách sạn, Ingrid nói với tôi Nhà Trắng tuyên bố thời hạn cuối cùng rời khỏi Iraq từ Kuwait hết hạn vào giữa đêm ngày thứ ba giờ New York. Còn hai ngày nữa.

Robert tin rằng tấn công đầu tiên bằng bom của đồng minh sẽ làm tê liệt thành phố, sáu chiếc cầu trên sông Tigris sẽ là mục tiêu chiến lược. Anh ta gợi ý chúng tôi nên chuyển tới Khách sạn Sheraton ở bên kia sông, vì Khách sạn al-Rashid đầy mùi chính trị, một phần trong dự án xây dựng của chính phủ.

Tôi có ý kiến chúng tôi có thể ở lại gần các trung tâm của chính phủ. Nếu chiến tranh xảy ra đó là cách duy nhất chúng tôi có thể có mặt trên các đường phố của Baghdad cùng sự hỗ trợ và bảo vệ của các nhân viên chính phủ. Bằng cách ở lại trong sự giam hãm đầy không gian của khu vực Khách sạn Al – Rashid, chúng ta sẽ có những người giám sát trong tầm tay cộng với tầm nhìn cuộc chiến đặc biệt từ những căn phòng tầng 9. Robert cho rằng điều đó đủ thuyết phục để ở lại.

Đêm hôm đó tôi viết bản tin đầu tiên từ Baghdad về nhiệm vụ hòa bình cuối cùng của Tổng thư kí Liên hợp quốc Perez de Cuellar đã thất bại. Khi rời đi, ông ta trông cau có. Khi ở Paris, ông ta được hỏi chiến tranh có xảy ra không. “Chỉ có Chúa mới biết”, ông ta đáp lại.

Vào buổi sáng thứ hai ở Baghdad, tôi thức giấc biết rằng chiến tranh có thể bắt đầu vào ngày hôm sau. Lúc đó là 5 giờ 30 phút sáng. Phòng của tôi vẫn tối. Tôi làm một ghi chú trong đầu về những thứ cần ngay lập tức. Một chiếc đèn là cần thiết bởi vì khi chiến tranh nổ ra không nghi ngờ điện sẽ mất. Nén, nước khoáng và thức ăn đóng hộp.

Tôi đoán và cầu nguyện khách sạn sẽ không là mục tiêu của những máy bay chiến tranh của đồng minh vì có quá nhiều người nước ngoài lánh nạn ở đây. Nhưng tôi phân vân về nhân viên của khách sạn, hầu hết là người Sudan, Ấn Độ và Pakistan, những nhân viên hợp đồng. Tôi được nói rằng lý do duy nhất họ ở lại vì ban quản lí khách sạn đã tịch thu hộ chiếu của họ.

Mặt trời lên cao khi tôi tới nơi làm việc của CNN. Robert đang ngồi tại một bàn ăn bữa bộn, khuỷu tay chống, một khay có kem đang chảy. Anh ta nói với tôi biên tập hình Tracy Flemming sẽ rời đi. “Tôi đang gọi máy bay cho cô ấy vào sáng mai”. CNN đang gửi vào một chiếc Rockwell Sabreliner, với giá 15 nghìn đô la.

Tôi nói với Robert điều đó sẽ tốt hơn cho chúng ta, Tracy nên đi nếu trái tim của cô ấy không muốn ở lại. Anh ta không được an ủi. Tracy là một trong số ít nhân viên đầu tiên cam kết ở lại. Bây giờ Tracy đang rời đi. Tình hình bắt đầu xấu đi. Robert đang chứng kiến sự tan rã trong nội bộ của mình.

Tôi nói với anh ta kế hoạch của anh ta có thể lập lại nếu chúng ta nghĩ lại về ưu thế nhân viên. Anh ta không lắng nghe, lo lắng cho sự an toàn của nhân viên, và sau đó là những thiết bị có giá trị, rồi đến trách nhiệm nghề nghiệp cần được xem xét. CNN chưa bao giờ gặp những chuyện như vậy. Tôi nhìn thấy cái cau mày và khuỷu tay bị ướm của Robert, cảm ơn Chúa rằng tôi chưa bao giờ rơi vào vị trí quản lí.

Tôi nói với Robert cần phải giảm tối thiểu lượng nhân viên nếu bom bắt đầu rơi. Tôi đang lo lắng Trung tâm sẽ yêu cầu tất cả chúng tôi ra khỏi Baghdad nếu những tổ chức thông tin khác rút nhân viên của họ. Tôi theo kịp Robert trong hành lang. “Trong toàn bộ cuộc nói chuyện của anh với Atlanta, anh hãy nói với họ rằng không chỉ tôi muốn ở lại làm tin về cuộc chiến mà tôi còn tin sẽ sống sót trong chuyện này. Nhớ rằng tôi đã có 13 năm kinh nghiệm khi tới đây”.

Còn ai nữa sẽ ở lại? Khoảng cách giữa tôi và những nhân viên CNN trở đường như quá lớn. Tôi đã đến quá muộn để chiếm được lòng tin của họ. Tôi thấy Nic Robertson trong phòng làm việc cẩn thận thử nghiệm điện thoại vệ

ting. Chúng tôi biết rằng rất ít tổ chức thông tin khác có thể cạnh tranh với chúng tôi. Khi xem anh ta tập trung vào chiếc điện thoại, tôi biết rằng tôi cần Nic. Trong một thời gian ngắn tôi đã hiểu anh ta là một người táo bạo, khéo léo và chính trực. Anh ta khẳng định thiết bị ở trạng thái hoạt động và mỉm cười trong chiến thắng.

“Nic, chúng tôi cần anh điều khiển thiết bị này. Anh là chìa khóa hoạt động của chúng ta ở đây”. Tôi mỉm cười hy vọng với anh ta. Nic không lảng tránh: “Peter, tôi biết tôi được cần. Mọi thứ có thể xảy ra. Anh cần một kỹ sư. Nhưng tôi không quyết định ở lại”.

Tôi tin anh ta. Khi những người khác đưa ra quyết định tương tự tôi biết họ đang đưa ra lời xin lỗi và đơn giản là trì hoãn quyết định chắc chắn rời đi. Tôi hiểu Nic. Anh ta có sự uyên thâm bên trong, sự tách biệt từ tâm trạng lo âu dễ hiểu xâm chiếm quanh chúng tôi.

“Tôi biết, Peter. Có những người tin rằng anh là người yêu chiến tranh điên cuồng, người có thể làm mọi chuyện vì một câu chuyện”, Nic nói.

Tôi cố gắng để giải thích: “Nic, chìa khóa với tôi là chẳng làm điều gì chỉ để tiêu khiển và tôi làm rất cẩn thận. Tôi đánh giá tình hình ở đây. Chúng ta có thể sống sót. Tôi chỉ đơn giản làm những gì tôi được trả để làm. Nếu tôi ra khỏi đây, tôi cảm thấy mình sẽ phải trả lại tám séc bởi vì nó là sự báo hại cho công ty đã thuê tôi như một phóng viên. Nếu CNN yêu cầu tôi ra khỏi đây, Ted Turner nên trả lại cho công chúng tiền của họ cùng những lời hứa đưa ra khi ông ta kí hợp đồng với họ, những người đăng kí hệ thống tin tức 20 giờ của ông ta. Chúng ta không thể bước ra khỏi bản tin”.

Nic đang mỉm cười. “Điều đó cũng hay, Peter. Thế còn cuộc sống riêng tư của anh? Tôi có cuộc sống riêng. Cô ta không muốn tôi ở đây. Cô ta lo lắng về tôi và gọi điện cho tôi hàng ngày. Peter! Nói thẳng nhé: Tôi sợ.”.

Anh ta hơn tôi ở điểm đó. Tôi đã luôn đặt công việc lên trên, và tôi không tự hào vì điều đó.

— Nic, anh có thể rời khỏi đây và không ai đề cập tới chuyện này một lần nữa. Nhưng anh sẽ luôn luôn biết rằng anh đã bỏ lỡ câu chuyện lớn nhất từng có. Nếu anh không thử nghiệm bản thân ở đây thì đó sẽ là nơi nào?

— Có phải anh muốn nói những gì chúng ta làm ở đây tách biệt giữa người đàn ông và cậu bé?

— Không – tôi đáp lại thẳng thừng – chẳng có gì liên quan tới vấn đề đại trượng phu ở đây cả. Đó chỉ là vấn đề nghề nghiệp. Nó cho chúng ta nhìn rõ về sự lựa chọn và những trách nhiệm của chúng ta. Tôi không đề cập tới Luật sửa đổi Thứ nhất và những trách nhiệm đặc biệt của chúng ta theo Hiến pháp vì cậu không phải là người Mỹ và không ai nghĩ nhiều về những vấn đề

này nữa. Nhưng không cần phải nói, có rất nhiều người trong thế giới này rất quan tâm tới những gì đang diễn ra ở Baghdad. Họ sẽ thực sự đánh giá cao nếu chúng ta ở đây để nói cho họ biết điều đó.

Tôi nhận thấy đang chiến thắng nên tôi tiếp tục:

— Nic, vấn đề duy nhất mà tôi nghe thấy bàn tán quanh khách sạn này là sự sống sót. Không ai nói về trách nhiệm báo chí cả. Nhưng nếu đó là sự sống sót mà anh quan tâm, thì đây là đánh giá của tôi về những gì đang diễn ra.

Tôi nói rằng Khách sạn al-Rashid là một cấu trúc kiên cố và thích hợp làm tin khi bom tới. Nơi trú ẩn trong khách sạn được thấp sáng đủ, có điều hòa bởi những người điều hành khẩn cấp. Tôi nói với anh ta tôi nghi ngờ rằng khách sạn là mục tiêu và không có lí do lôgic gì để đánh bom nó. Có nhân viên báo chí và người dân sống ở đó, phụ nữ và trẻ em. Tôi có những tranh luận của mình với Lầu năm góc suốt 13 năm trước nhưng tôi chưa bao giờ sợ mình sẽ bị Chính phủ Mỹ ám sát.

Lực lượng không quân sẽ sử dụng các trận đánh bom đúng cách. Họ sẽ hướng tới các vị trí quân sự đặc biệt. Họ đã công khai nói rằng sẽ không có ném bom rải thảm xuống thành phố. Tôi nói với anh ta mọi thứ có thể xảy ra, Khách sạn al-Rashid có thể sống sót nếu bị đánh bom tình cờ. “Điều đó có thể rất đáng sợ. Nic. Nhưng có thể sống sót”. Nic mỉm cười với tôi. “Điều gì sẽ xảy ra Peter, ai sẽ nhật xác tôi trong vài tuần tới. Bạn gái tôi hay CNN?”.

Cuối buổi sáng tôi đi xuống khu vực mua sắm trung tâm thành phố để có hình ảnh về việc chuẩn bị chiến tranh. Giờ ít người ở trên đường hơn. Những xe chở đầy tài sản cá nhân hướng ra khỏi thành phố. Truyền hình Iraq gửi tới những đoạn băng về quốc hội ủng hộ chính sách của Saddam Hussein về việc phản kháng, ủng hộ chiến tranh hơn là rút khỏi Kuwait. Tất cả nam giới trên 15 tuổi đều được cấp vũ khí cầm tay. Chiến tranh dường như là điều không tránh khỏi.

Sau đó, trong khi chúng tôi ngồi quanh khu vực làm việc CNN, Bernie Shaw tới trong bộ đồ tắm để mượn máy đánh chữ di động của tôi. Anh ta đã phỏng vấn Thứ trưởng Ngoại giao, Nizar Hamdoon ở hậu trường sáng ngày hôm đó. Wall Street đáp lại ngay với bản truyền hình của anh ta, thị trường chứng khoán lên hơn 30 điểm.

Bernie trở lại phòng anh ta, nhưng trong vài phút lại bò ra khỏi giường vì trụ sở Atlanta lo lắng. Chúng ta có hay không có hòa bình?

Bernie tiếp tục lên hình nhân mạnh khá tốt bản tin của mình về những điều kiện nhân nhượng được đưa ra ở Hội nghị hòa bình quốc tế. Các đồng minh từ chối dứt khoát những hội nghị như thế này.

Wall Street rút lui.

Sự kiện đó cho tôi thấy CNN được cả thế giới xem và tin tưởng. Chúng tôi phải có câu chuyện theo đúng nghĩa và phải làm rõ ràng.

Tháp đồng hồ thế kỷ XIX trên sân ga Baghdad mờ trong sương dày đặc buổi sáng nhưng tôi có thể nghe thấy tiếng chuông rung. Một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám. Đó là ngày 16-1. Thời hạn cuối cùng đã qua và Saddam Hussein không nhúc nhích.

Kỹ thuật viên quay phim của CNN Mark Beil lo căng thẳng quanh hình ảnh rõ ràng về tháp đồng hồ cổ bằng gỗ. Nic Robertson chỉnh microphone ở thiết bị âm thanh. Tôi nhìn lên bầu trời xám và lắng nghe chăm chú. âm thanh những bước chân ở sân ga là những gì tôi nghe thấy.

Tôi trở lại Khách sạn al-Rashid để phát hình. Tôi được biết Tổng thống Bush đã kí chỉ thị an ninh quốc gia phát động chiến tranh mà không cần chọc thủng phòng tuyến ngoại giao. Tôi miêu tả những gì nhìn thấy trên đường phố, những người qua đường thầm lặng, các nhóm thanh niên mặc đồng phục chờ đợi phương tiện tới. Tôi trích lời một người Iraq nói rằng Saddam Hussein và George Bush đều là những người đàn ông ngu ngốc dẫn mình vào sự tàn phá.

Thời hạn rút quân đã qua, giới báo chí bắt đầu rời đi. Larry Doyle của CBS nhảy vào phòng chúng tôi. “Chúng ta ra khỏi đây”, anh ta tuyên bố. Doyle nói rằng hầu hết mọi người đều cố gắng lao tới phần đất giáp biên giới Jordan. Văn phòng trụ sở của anh ta cho rằng Baghdad sẽ bị đánh bom tối hôm đó.

Chủ tịch CNN Tom Johnson muốn nói chuyện với tôi trên điện thoại. Ông ta hiểu tôi muốn ở lại nhưng ông ta lo lắng cho nhân viên của mình. Khi là Chủ tịch Thời báo Los Angeles, ông ta đã phải tìm xác hai trong các phóng viên thường trú yêu thích của ông ta từ chiến trường ở Trung Đông và Trung Mỹ, ông ta không muốn lại làm điều đó.

Tôi đảm bảo tôi không có ý định trở thành con số thống kê. Tôi chỉ ra rằng Baghdad có số dân là 4 triệu người và nếu tôi ở lại con số đó trở thành 4 triệu lẻ 1!

Saddam Hussein đã xâm chiếm Kuwait một ngày sau khi Tom Johnson đảm nhiệm CNN. Ông ta đã tiêu tốn hàng triệu đô la chuẩn bị cho chiến tranh và gửi hơn 100 nhân viên tới Trung Đông. Sự lựa chọn của ông ta là rút mọi người ra khỏi Baghdad, chuyển tới vị trí an toàn hơn ở ngoại ô thành phố hoặc là để chúng tôi ở lại.

Suốt tuần đó, người phát ngôn của Nhà Trắng, Marlin Fitzwater nói với Johnson: “người của ông ở Baghdad là ở trong năm mồ nguy hiểm”. Ông ta

đã nói chuyện với Phó Chủ tịch Dan Quayle, người đã nói với ông ta rằng Bush rất lo lắng. Chính Tổng thống cũng thể hiện sự lo lắng về sự có mặt của người bạn ông ta Bernie Shaw ở Iraq và giục Tom “đưa anh ta ra khỏi đó”.

CNN dao động và sau đó Ted Turner đi ngược với lời chỉ dẫn dành cho nhân viên quản lý của CNN: “Chúng ta là hệ thống quốc tế và chúng ta bắt buộc phải làm tin về câu chuyện từ Baghdad nếu chúng ta có thể. Chúng ta nên cho những người của chúng ta cơ hội được làm điều đó. Nhưng chúng ta cũng nên cho họ cơ hội dờ đi nếu họ muốn vậy. Tôi không muốn quan điểm của mình bị bất kì ai hủy bỏ”. Chính tôi cũng không thể nói điều đó tốt hơn.

Buổi tối ngày 16-1, có sáu nhân viên khác dự định rời đi trên trực thăng thuê vào sáng hôm sau. Họ nghĩ có thể ra khỏi Baghdad trước khi chiến tranh bắt đầu. Wiener và Nic Robertson quyết định ở lại.

Tối muộn hôm đó, Walter Cronkite lên hình từ văn phòng Washington của CNN, một người đàn ông lớn tuổi của truyền hình trong tâm trạng đầy triết lý khi nói chuyện về nhóm các phóng viên thường trú Mỹ ở lại thủ đô của kẻ thù trong những ngày đầu của Chiến tranh thế giới thứ hai.

“Tôi không nghĩ sự nguy hiểm ở Berlin hay Tokyo hay bất kì đâu lại đặc biệt sắp xảy ra như đối với Baghdad hôm nay”, “Tôi nghĩ quyết định ở lại một nơi rõ ràng là vùng chiến sự nguy hiểm, nơi đạo đức của con người được xem xét ở các phòng tuyến có thể coi là quyết định khó khăn nhất mà bất kì người làm báo nào từng phải đối mặt. Điều đó cũng khó khăn với chính người quản lý của anh ta”.

Ông ta cũng dự đoán các nhà tuyên truyền ở Mỹ sẽ không vui nếu việc làm tin của chúng tôi gọt lên sự thông cảm cho người Iraq. Cronkite cho tôi vài lời khuyên thân thiện trên truyền hình. “Peter, anh là tài sản vô cùng quý giá với việc làm tin dũng cảm trên thế giới. Anh đã chứng minh điều đó. Đừng đứng trên sân khấu lần nữa. Nếu anh có thể xem xét tất cả những điều đó. Tại sao thì anh đã biết, bảo trọng, chàng trai”.

Trong một khoảnh khắc tôi nhìn trừng trừng vào chiếc micro-phone bốn dây. Tôi đã không mong đợi nghe điều này từ Walter Cronkite, một trong những hình mẫu vai trò của tôi.

Tôi nói với ông ta là tôi không có gì còn lại để chứng minh cả: “Đây chỉ là câu chuyện lớn nhất trên thế giới vào thời điểm này và tôi muốn làm tin về nó nhiều như có thể”.

Chương 2: Ngày Thứ Nhất 17-01

Chúng tôi bồn chồn đi lại. Sau khoảng hai giờ sáng, Mark Biello bắt đầu dựng máy quay ở cửa sổ trong trường hợp có điều gì xảy ra bên ngoài. Nic đang nói chuyện với tôi.

Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ. Trời Baghdad không có trăng, “một đêm của những máy bay thả bom” mà một ai đó từng nói với tôi ở Việt Nam, khi máy bay chiến tranh có thể đến bất ngờ.

Nic hơi nghiêng đầu một chút, hình như anh ta nghe thấy tiếng máy bay? Tôi nói với anh ta rằng anh ta đang mơ. Anh ta bước qua hành lang tới một phòng có cửa sổ mở. Sau đó anh ta chạy lại, mặt xúc động.

Trong khoảnh khắc tiếp theo, một vệt sáng hiện ra rõ hơn trên bầu trời phía nam. Nic như chùng xuống. Tôi lắc đầu không thể tin nổi. Thông tin tình báo cho rằng Tổng thống Bush sẽ chờ vài ngày trước khi ra lệnh máy bay ném bom.

Những âm thanh của tiếng súng bắn lên trời báo hiệu rằng chiến tranh đã bắt đầu. Tôi liếc nhìn đồng hồ trong giờ phút lịch sử: 2 giờ 32 phút sáng.

Trong những ngày làm tin báo viết của mình, phút làm nên sự khác biệt giữa tin sốt dẻo còn trong truyền hình trực tiếp, giây làm nên sự khác biệt.

Tôi lao đảo về vị trí làm việc. Điện thoại four-wire vo ve lời mời truyền hình. Nic đã sẵn sàng, biến mất ở hành lang. Anh ta mở cửa mọi lối đi giữa phòng anh ta và sự an toàn nơi trú ẩn tránh bom mười tầng phía dưới. Bernie Shaw đang quỳ xuống, nhìn ra ngoài cửa sổ tầng 9 khi mò mẫm tìm microphone. “Đến với Baghdad, đến với Baghdad”, anh ta hét lên, những ngón tay bấm nút điều khiển. “Điều gì đó đang xảy ra. Điều gì đó đang xảy ra”.

Trái tim tôi như ngừng đập. Bernie là người đầu tiên với câu chuyện. Nhưng sự thất vọng cạnh tranh của tôi biến mất khi tôi nhìn ra ngoài cửa sổ phía sau anh ta.

Vệt sáng đỏ tới mức dường như mặt trời mọc trở lại. Chuỗi ánh sáng vàng trải trên nền trời mặc dù phản lại từ chiếc đèn chùm lớn và tôi dám chắc chúng là những viên đạn lửa từ súng trên máy bay.

Mark Biello di chuyển cẩn thận khi lắp ráp lại một trong những máy quay của anh ta. Không phát được hình vào thời điểm này. Người quay phim đang cố gắng lấy hình để sử dụng sau đó. Tôi giúp anh ta thì nghe thấy Bernte gọi: “Peter Arnett, tham gia cùng tôi ở đây”. Atlanta đang truyền hình trực tiếp chúng ta, cắt ngang cuộc phỏng vấn với Bộ trưởng Quốc phòng Caspar Weinberger.

Bernie bắt đầu, “bầu trời Baghdad sáng rọi. Chúng ta đang nhìn thấy những vệt sáng tràn khắp bầu trời phải không Peter?”. Khi tôi đẩy mặt mình tới chiếc microphone, tôi nói lấp bắp sự quan sát của mình về “những vệt sáng lớn trên bầu trời, những hiệu ứng giống như sấm chớp”.

Bên ngoài, đèn vẫn sáng trong các tòa nhà và đường phố. Tiếng còi báo động bắt đầu rú lên khắp thành phố, nhưng mọi người dân Iraq đã tỉnh giấc từ lâu.

Khi John Holliman bước vào phòng, đèn khách sạn đã tắt cũng như các tín hiệu truyền thông bốn dây của chúng tôi. Tôi nghĩ, tất cả kế hoạch, tất cả những đấu tranh, tất cả tiền... đều đổ xuống sông. Thế giới ngoài cửa sổ chúng tôi nỏ còn chúng tôi là những người đứng bên trong không giúp được gì.

Tôi thấy Biello ở phòng bên cạnh và giúp anh ta dựng các máy quay nhỏ ở một số cửa sổ trước khi dời tới vị trí ẩn nấp. Khi trở lại nơi làm việc, tôi nhìn thấy Holliman núp dưới cửa sổ, nhìn lên trong đêm sợ hãi và nói vào chiếc microphone bốn dây mà anh ta gắn với sợi dây dài.

“Chào Atlanta, Atlanta. Đây là Holliman. Tôi không biết là các bạn có thể nghe thấy tôi bây giờ hay không nhưng tôi sẽ tiếp tục nói chuyện với các bạn lâu như có thể”. Holliman đặt pin mới vào bốn dây để khởi động lại. Ánh đèn vàng hoa tiêu lóe lên nhưng Atlanta không nhận được tín hiệu. Holliman đặt microphone ra ngoài cửa sổ thu âm thanh đêm đó. Cửa sổ của chúng tôi rung lên. Chúng tôi mở cửa ra vào kết nối các phòng để có toàn cảnh. Sau đó, khi nghỉ vai độc thoại của mình, Holliman nghe thấy lời đáp từ Atlanta. Họ đã lắng nghe anh ta khoảng mười phút, chờ cho anh ta dừng lại để họ chen vào.

John nhảy múa trong niềm vui khi trận bom lớn nổ tung ba toà nhà làm rung chuyển căn phòng khách sạn. Tôi đoán đó là trụ sở đảng Ba'ath của Saddam Hussein.

“David, đây là một đêm đặc biệt. Tuyệt biết bao được ở cùng cậu” Holliman đang nói chuyện trực tiếp từ Baghdad với người dẫn chương trình David French. Chúng tôi chuyển microphone qua lại cho nhau giống như gậy nghỉ ngơi.

Giám đốc sản xuất ở Atlanta, Bom Furnad, cổ động trên đường dây. Giọng ông ta náo nhiệt.

— Các bạn làm điều đó đi. Cả thế giới đang xem!

Vào lúc ba giờ sáng. Cuộc tấn công đầu tiên kết thúc. Một xe cứu thương màu trắng chạy dọc đại lộ có cây phía dưới chúng tôi, ánh đèn màu xanh lấp lóe và còi báo động rú lên. Không có thứ gì khác chuyển động. Bầu trời phía

nam tôi lại, nhưng ở phía đông, trên Dinh tổng thống, những tay súng lo lắng bắn thường xuyên, đạn lửa uồn trên bầu trời.

Một trong các biên tập hình của CNN, Kris Krizmanich, nhìn lên tôi e sợ. Cô ta đang ngồi xồm trên sàn nhà dựa vào tường, ho lặng lẽ. Ngay sau đó cô ta về nơi trú ẩn cùng Wiener.

Tôi giao microphone cho Holliman. “Oh, oh, bây giờ có một trận bắn phá lớn ở phía tây vị trí chúng ta. Và chúng ta chỉ nghe thấy whoa,... Nó là vụ nổ trên không lớn mà chúng ta thấy. Nó đang đặc kín bầu trời...” Mắt của Holliman lồi ra giống như bài văn của anh ta. Tiếng vang cuộc chiến kỹ thuật nhấn chìm chúng tôi.

Giờ tới lượt tôi. Tôi dựa gần chiếc microphone. Khách sạn đang rung chuyển. Tôi ngó ra ngoài cửa sổ và giọng tôi chết trong cổ họng. “Tôi nghĩ, John, vụ nổ trên không đã thổi tung trung tâm viễn thông”. Tiếng vang của bom nổ đi qua chúng tôi.

Tôi cố gắng nói bình tĩnh nhưng dường như có âm sắc cao giọng mà tôi không thể nào kiềm chế được. “Bây giờ các bạn có thể nghe thấy tiếng bom. Nếu các bạn vẫn ở đây cùng chúng tôi, các bạn có thể nghe thấy tiếng bom. Chúng tấn công về trung tâm thành phố”. Tôi nhắm mắt lại và giơ microphone lên, để cả thế giới nghe âm thanh của cuộc chiến vang qua cửa sổ, âm thanh dội lại từ những vụ nổ làm rãng tôi va vào nhau.

Tôi chuyển microphone cho Holliman, người đoán liên lạc truyền thông của chúng tôi với Mỹ cuối cùng sẽ bị ngắt. “Tôi sẽ hỏi nếu anh có thể nghe thấy chúng tôi ở Washington và Atlanta. Các anh vẫn có thể nghe thấy chúng tôi chứ?”.

Giọng của phát thanh viên David French trên chiếc micro-phone kêu lách cách đảm bảo với chúng tôi, “John, chúng tôi vẫn nghe thấy anh. Tiếp tục đi. Chúng tôi vẫn nghe thấy anh”.

Holliman giải thích: “Các bạn biết đấy, khi các bạn nhìn thấy đường dây truyền thông liên lạc ra bên ngoài thế giới bị tấn công bằng một quả bom thì phải tiếp tục kiểm tra để chắc rằng vẫn liên lạc được”.

French ngắt quãng bằng thông báo từ sở chỉ huy của Mỹ ở Ả Rập rằng chiến tranh đã bắt đầu. “Tôi nghĩ thông tin này là thừa với các bạn. Các bạn đang xem nó”, anh ta bình luận ngắn gọn. Chúng tôi đã hành động trước Văn phòng báo chí của Lầu Năm góc khoảng 27 phút về sự bắt đầu của Chiến tranh vùng Vịnh?

Tôi bắt tay Holliman. John cho tôi lên hình sau khi kết luận rằng: “tôi sẽ nói cho các bạn biết rằng kinh nghiệm của tôi trong cuộc chiến là giới hạn, tôi tự hào nói điều đó. Nhưng tôi nghĩ khi mặt trời mọc vào ngày mai, kinh

nghiệm của tôi sẽ nhiều lên rất nhiều”.

Khi mặt trời mọc, vẫn còn khoảng bốn giờ nữa. Chúng tôi không mong đợi máy bay giảm bớt oanh tạc hay những yêu cầu của CNN bình luận trực tiếp. Cô họng của tôi rất mỏi, nói luôn mồm không dứt. Đầu tôi nhức, tôi cảm thấy cánh tay và lưng đau ê ẩm. Chúa ơi, tôi bị phát ban, ít nhất tôi đã không ngứa.

Chúng tôi tạm dừng khá lâu. Đường dây liên lạc dường như đảm bảo. Chiến tranh đang gào rú trên đầu chúng tôi giống như trận bão được dự đoán trước. Mỗi quan tâm lớn nhất của tôi là tránh xuất hiện một cách ngu ngốc trước khán giả trên toàn thế giới. Tôi sẽ tránh việc nói liên mồm, ủy mị và phỏng đoán – chỉ truyền những gì tôi nhìn thấy. Thiên cận là một trong những hiểm họa của truyền hình trực tiếp nhưng lưỡng lự là một tội ác đác đức, không dễ dàng để nói trước khi bạn nghĩ.

Có tiếng rít bên ngoài cửa sổ. Holliman dựa vào vai tôi về phía microphone. “Oh, đó nghe như tiếng rocket. Nó khá gần”. Tôi đảm bảo với anh ta, “Tôi nghĩ là rocket đang tới gần, nhưng không hướng về phía chúng ta, John”. Anh ta cười theo phản xạ tự nhiên. Tiếng gầm rú của phi cơ ném bom lập tức rú lên cùng những luồng khói đen dày đặc phụt ra từ các toà nhà chính phủ chỉ cách 1 dặm rưỡi. Trận ném bom căng thẳng và tiến gần hơn về phía khách sạn. Có rất nhiều mục tiêu trong khu vực của chúng tôi.

Tất cả các ngọn đèn ở Baghdad đều tắt trừ phòng chúng tôi, nơi chiếc đèn khẩn cấp đang lóe lên trên trần nhà. Khi nhận ra điều đó, John quay về phía tôi: “Peter, tại sao chúng ta không nhìn thấy nếu tắt ngọn đèn đó đi. Nếu chúng ta phải đập nó thì hãy làm đi. Hãy tắt ngọn đèn đó”. Ánh sáng lấp lóe là quan trọng với mọi di chuyển của chúng tôi trong phòng, để tìm nước khoáng, để điều khiển truyền thông bốn dây, để tránh đâm vào ghế và các hộp dụng cụ.

Tôi nói với anh ta không phải lo lắng. Đối với tôi dường như những máy bay ném bom và tên lửa đầu đạn hạt nhân tầm thấp tấn công những mục tiêu đã được quyết định trước. Khách sạn al – Rashid là mục tiêu chỉ khi Lầu Năm Góc quyết định như vậy và nếu chúng tôi nằm trong danh sách ném bom thì không căn phòng tối nào có thể cứu được chúng tôi.

Ánh sáng lấp lóe tiếp theo về phía đông nam và theo sau là hơn mười vụ nổ. Chúng là nơi lọc dầu trên sông Tigris. Những biểu tượng bền vững của Iraq hiện đại bị dọn sạch trong một giây. Sức nóng của trận bắn phá thổi qua cửa sổ khách sạn mở của chúng tôi.

Giờ lại tới lượt tôi ở chiếc microphone đã bật. Tôi nói rằng tất cả các quả bom dường như đều ngắm thẳng tới mục tiêu. Tôi cố gắng để mô tả rõ. Chúng tôi có thể nhìn thấy rất nhiều từ độ cao tầng 9, tất nhiên không phải

hết mọi thứ. Chúng tôi không biết chuyện gì đang diễn ra ngoài đó. Tôi biết rằng trong những khoảnh khắc đầu tiên quan trọng của cuộc chiến, ý kiến công chúng có thể hình thành đối với bản tin của chúng tôi. Chúng tôi có đường dây mở với thế giới; không có sự kiểm duyệt ở cả hai đầu. Những người giám sát Iraq đã rời vào trú ẩn trong các boong ke.

Bernie Shaw tham gia cùng chúng tôi. Anh ta ở dưới hầm tránh bom của khách sạn và đang thở hổn hển khi cố gắng leo lên chín lượt cầu thang trong bóng tối. Anh ta đã tới microphone, nhưng Holliman lấy nó lại từ anh ta. “Bernie, bạn và tôi đã có một quy định từ những ngày cả hai chúng ta phát thanh. Anh luôn luôn cảnh báo tôi đừng bao giờ lên hình khi hụt hơi. Tôi sẽ dành cho anh một khoảng thời gian để lấy lại hơi”.

Chuông điện thoại trong phòng bất ngờ reo và chúng tôi nhảy lên. Bernie nhắc máy nghe khi John hò la trong phòng, “Có phải điều gì đó mà những người xem của chúng ta muốn biết à” Holliman dường như quyết định để cả thế giới nghe lén mọi cử động của mỗi người chúng tôi. Đó là điện thoại của khách sạn giục chúng tôi rời khỏi phòng và đi xuống nơi trú ẩn. Tôi nghĩ rằng việc làm tin của chúng tôi đã hết.

Từ khi đánh bom bắt đầu, tôi đã chờ đợi nhân viên an ninh bước vào phòng và ngăn cản chúng tôi. Theo Bernie, tất cả các nhân viên truyền thông của chúng tôi đã tập hợp trong nơi trú ẩn dưới hầm và bị giữ lại bởi các nhân viên có vũ trang. Những người này cùng máy thu bán dẫn bắt kênh BBC đang phát phần bình luận trực tiếp của chúng tôi. Sự phản kháng cạnh tranh đang tới điểm bùng nổ.

Tôi tính đến sự bối rối trong những giờ đầu tiên của cuộc chiến, để tiếp tục cho cửa sổ phát thanh của chúng tôi mở. Tôi nghi ngờ Chính phủ Iraq từng có ý định để ba chúng tôi, các phóng viên truyền hình – những quan sát không có giám sát – truyền những hình ảnh cho toàn bộ khán giả trên thế giới biết thời điểm quan trọng như thế này.

Mọi bước chân ngoài khách sạn và mọi cuộc phỏng vấn trong suốt khung hoang vùng Vịnh được chính quyền Iraq kiểm duyệt. Những thông tin trì hoãn là sự quan trọng quân sự sống còn. Nếu các đồng nghiệp của chúng tôi ở nơi tránh bom có thể làm chủ điều đó. Tôi đoán các nhân viên quân sự ở Baghdad cũng có thể làm được.

Chúng tôi nghe thấy truyền hình CNN từ Tel Aviv, một phóng viên nói Bộ Ngoại giao Israel đang xem CNN và đài phát thanh quốc gia Israel đang phát phần bình luận của chúng tôi, các nhân viên quản lý của CNN khẳng định điều đó.

Holliman đề nghị Bernie một chiếc sandwich kẹp cá thu. Có tiếng gió thổi qua cửa sổ mở và Holliman đề cập thậm chí vậy nhưng tất cả chúng tôi vẫn

đang toát mồ hôi. Mọi thứ chúng tôi nói đều được truyền trực tiếp. Cảm ơn chúa wiener đã không ở đó với vốn từ vựng phong phú của anh ta.

Chúng tôi có nhiều thời gian trên hình. Cuộc tấn công diễn ra cứ 15 phút một lần. Chúng tôi so sánh cuộc đánh bom với một triệu con đom đóm với màn trình diễn pháo hoa ngày 4-7, với cơn bão, với sao băng, với tàu vũ trụ khởi hành. Shaw nói rằng nó giống như trung tâm của địa ngục.

Chúng tôi hiếm khi phủ định lẫn nhau, nhưng có một lần Bernie thách thức sự miêu tả của Holliman về một vụ ném bom như là “cái đẹp”. Anh ta bình luận đanh thép, “John, điều đó với tôi không đẹp”.

Chúng tôi chạy hết từ mặt bên này khách sạn tới mặt bên kia để kiểm tra khung cảnh. Dồn dập bom và tên lửa tấn công các khẩu pháo bắn phá máy bay, vị trí radar, các bộ ngành chính phủ, mục tiêu công nghiệp, các đầu mối liên lạc với chiến trường Kuwait. Nhưng chúng tôi có thể nhìn thấy những chiếc cầu vẫn nằm trên sông Tigris.

Có tiếng đập cửa. Tôi nhìn Bernie, John và gợi ý họ trốn đi. Tôi sẽ giải quyết việc quấy rầy. Holliman luồn vào phòng kế bên rúc xuống một chiếc giường. Shaw vào một phòng và trốn dưới bàn.

Tôi bật công tắc điện thoại, đèn màu vàng và mở cửa. Ba chiếc đèn pin rơi vào mặt tôi và tôi bị đẩy vào trong phòng. Họ là những nhân viên an ninh và to cao hơn tôi rất nhiều. Một người xoay tôi vào tường trong khi những người khác đi vòng quanh phòng của chúng tôi, mở tủ và đóng các cửa sô. Họ lấy máy quay của chúng tôi khỏi khung máy và mang chúng ra hành lang yêu cầu tôi xuống boong ke. Không còn cách nào khác, tôi buộc phải đi xuống cầu thang.

Tôi ngồi xuống trong lối cửa ra vào. Tôi tuyên bố rằng tôi sợ bị giam giữ. Tôi chứng minh bằng đôi tay run lên sợ hãi trong một khoảng không đóng kín. Tôi nói rằng tôi đã có 10 năm ở Việt Nam và những trận đánh bom bên ngoài không làm tôi lo lắng nhưng ở đây trong một căn phòng đóng kín tôi như phát điên.

Những nhân viên an ninh cố gắng một cách hời hợt kéo tôi đi và sau đó bỏ đi cùng máy quay của chúng tôi. Tôi nhìn theo ánh đèn pin của họ biến mất vào cầu thang và sau đó trở lại phòng.

Atlanta nghĩ rằng họ đã mất chúng tôi. David French đã nói với khán giả, “Tôi không mong muốn cảnh báo bất kì ai” nhưng sự liên lạc với chúng tôi đã bị mất. Wolf Blitzer truyền tin từ Lầu Năm Góc rằng tác nghẽn điện tử cuối cùng đã làm chúng tôi mất phát sóng. Tôi bật hệ thống bốn dây lên và nói với Atlanta rằng chúng tôi đã trở lại nhiệm vụ.

Bernie nói anh ta lo tất cả chúng tôi có thể bị rời đi. “Tôi sẽ chuyển mic

cho John, cho anh, Peter, và tôi sẽ trốn dưới bàn, không phải vì tôi sợ những gì đang diễn ra ngoài kia mà tôi muốn đảm bảo nếu có cuộc làm phiền khác và nếu hai anh bị đưa đi thì ít nhất còn một trong chúng ta sẽ ở đây”.

Bây giờ các phát thanh viên đang gọi chúng tôi là “Những cậu bé của Baghdad” khi Bernie lên hình thì có tiếng gõ cửa mạnh một lần nữa ngắt quãng anh ta. Anh ta thì thào: “Chúng ta phải trốn” và ném microphone vào tôi.

Tôi tắt tín hiệu để kiểm tra cửa và nghe thấy David French tuyên bố: “Cảm ơn rất nhiều các quý ông. Chúng tôi đoán đó không phải là người bán hàng Fuller Brush”.

Đó là Wiener. Anh ta cố gắng ra khỏi chỗ ẩn nấp. Bốn người chúng tôi nghe trên hệ thống bốn dây bài phát biểu của Tổng thống Bush đưa ra những yêu cầu tối thiểu cho việc dừng ném bom: rằng lực lượng của Saddam Hussein phải rời Kuwait và ông ta phải tuân theo những giải pháp của Liên hợp quốc.

Tiếng vang các vụ nổ nhấn mạnh bài phát biểu của Tổng thống. Khi Bush nói: “Đây sẽ không phải là một Việt Nam khác”, thì tôi đang nghĩ về chuỗi các cuộc tấn công của Mỹ bên ngoài Hà Nội khi tới thăm vào năm 1972. Mỹ đã dừng những cuộc tấn công ác liệt nhất tới tận khi kết thúc cuộc chiến. Nói theo cách này thì đây mới chỉ là điểm khởi đầu.

Ingrid Formanek, người cũng thoát ra thành công, đi lên từ boong ke và nói với chúng tôi có một cuộc biểu tình “đả đảo Bush” khi các nhân viên an ninh khách sạn đi vòng quanh các nơi trú ẩn cùng vũ khí tự động và mặt nạ khí gas.

Chúng tôi bật cuộc họp báo của Bộ trưởng quốc phòng Dick Cheney. một phóng viên hỏi ông ta có lo lắng đánh bom ở Baghdad đã giết người dân thường hay không. Ông ta đáp lại: “Việc làm tin tốt nhất mà tôi từng xem về những gì diễn ra ở Baghdad là trên kênh CNN. Dựa vào những lời bình luận từ đội làm tin CNN ở khách sạn ở Baghdad, cuộc tấn công vào các mục tiêu với độ chính xác cao đã thành công, ít nhất đó là thông báo theo CNN”.

Vào lúc bình minh, không gian trở nên yên ắng hơn. Chúng tôi vui vẻ ngồi vào ghế thay đổi vị trí sau khi nằm trên bụng và bò trên đầu gối. Tôi nhắc khán giả nhớ sự yên tĩnh không có nghĩa là kết thúc của bất kì điều gì vì “những phát súng đầu tiên trong cuộc chiến đã được bắn ra”.

Không có dấu hiệu gì về phản ứng của Saddam Hussein. Tôi nghĩ ông ta cũng gan lì. “ông ta đã nói rõ vài tuần trước ông ta chào đón cuộc chiến này và chuẩn bị để chiến đấu. Chiến trường của ông ta là khẩu hiệu “Allah Akbar – Allah vĩ đại”.

Sương mù trở lại. Có những dấu hiệu giao thông trên xa lộ tám làn phía trước khách sạn. Chúng tôi nhìn thấy xe cứu hỏa đi qua bầu trời phủ đầy khói đen dày đặc.

Tôi tỉnh dậy vào khoảng trưa, phát hiện ra hậu quả của trận ném bom qua đêm: toilet mất nước. Tôi rửa mặt bằng nước khoáng. Điện không có lại trong khách sạn. Holliman đang gõ bản phát thanh bằng máy đánh chữ di động của tôi vì máy tính không hoạt động và tôi cười với chính mình. Mọi người trên khi tôi mang nó tới khách sạn vài ngày trước đó. Có phải tôi không biết chúng tôi đang ở trong thời đại máy tính đâu?

Điện thoại four-wire vẫn hoạt động nhưng vì lúc đó vào sáng sớm ở Mỹ và có rất ít cuộc gọi truyền hình trực tiếp. Không gian làm việc của chúng tôi lộn xộn khi đội xếp đồ rời đi. Dây phòng khách sạn đã trở thành nhà của CNN và các đồng nghiệp truyền thông trong vòng 5 tháng.

Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ khách sạn. Từ xa, phía sau Trường đại học Baghdad, khói đen cuộn cuộn từ nhà máy lọc dầu. Do ra trên sông Tigris. Nhiều khói đen hơn bao quanh chân trời phía nam nơi tập trung công nghiệp năng lượng và hóa học của Iraq. Bụi nâu và khói trùn lên từ vùng thành phố lâu đời nơi có đạn tên lửa bắn thẳng tàn phá Bộ Quốc phòng. Những tòa nhà cao các bộ của chính phủ vẫn không bị tàn phá. Giao thông thưa thớt trên các đường lớn của thành phố.

Saddam Hussein không hoảng sợ với sức tàn phá của những đợt tấn công phủ đầu. Nic Robertson đã gặp ông ta trước đó ở trung tâm viễn thông trên đường đi gửi thông điệp tới người dân của ông ta rằng “nguồn gốc của các trận chiến” đã bắt đầu. Nic nói Saddam vận quân phục chỉnh trang, trông “rất cương quyết, có sự quyết đoán trong bước chân của ông ấy”. Nếu như các đồng minh đang mong đợi cú đấm hạ gục một lần, thì điều đó không xảy ra.

Đến lượt tôi truyền hình cùng Holliman khi Bernie ngủ, miêu tả các trận đánh bom cứ nửa giờ một lần hoặc nói chuyện về Baghdad và các cửa hàng đã đóng cửa, những hạn chế trên ống kính máy quay. Tôi hiểu chúng tôi không còn độc quyền với câu chuyện nữa, và một số các tổ chức thông tin khác đã công khai điện thoại vệ tinh của họ và bắt đầu làm tin dưới sự kiểm soát của các quan chức Iraq.

Tôi dần nhận ra chúng tôi đã trở thành một phần của câu chuyện. Các phát thanh viên CNN thường hỏi về sức khỏe của chúng tôi. Molly McCoy nhắc lại một lời bình luận mà tôi đã nói trước đó rằng tôi cảm thấy “tương đối an toàn” trong Khách sạn al-Rashid. Cô ta hỏi những người khác cảm thấy thế nào và tôi trả lời rằng họ không chia sẻ sự tự tin của tôi, một bình luận mang đến lời xì xào tán thành từ đám đông CNN tụ lại.

Tất cả đều kết thúc lúc 7 giờ tối khi Holliman đang truyền hình trực tiếp.

Người giám sát của chúng tôi, Ala'a, bước vào nơi làm việc, kéo tay áo tôi và thì thào rằng chúng tôi phải đóng cửa. Sau đó anh ta quay sang Holliman và đặt ngón tay chặn ngang cổ họng anh ta.

Holliman giả vờ không nhận ra, nói cao giọng, “Ngài Ala'a, ngài muốn tôi làm gì thưa ngài? Tôi không hiểu. Ngài phải nói với tôi”. Tay nhân viên đó đã không đi tới microphone nhưng trước sự năn nỉ của chúng tôi, buộc anh ta lưỡng lự đưa ra lời giải thích: Bộ viễn thông yêu cầu đóng cửa.

Wiener bước vào phòng tuyên bố kiểm duyệt quân đội đã ban sắc lệnh, truyền hình trực tiếp bản tin bị cấm và chúng tôi phải đóng cửa ngay lập tức. Wiener nói vào microphone: “Đây là điều mà chúng tôi không hề muốn làm”.

Wiener và Holliman không sẵn sàng nhượng bộ phần việc của họ. CNN đã chiếm được sự chú ý yêu thích trong suốt cuộc thăm sát Thiên An Môn khi các nhà sản xuất chống lại các yêu cầu của một nhân viên Trung Quốc đóng cửa việc phát hình. Tôi đoán rằng các đồng nghiệp của tôi đang cố gắng làm chiến thuật tương tự như vậy.

Tôi muốn dừng lại. Cảm nhận của tôi là chúng tôi đã tận dụng được chiếc cửa sổ đặc biệt. Chúng tôi đã truyền hình trực tiếp 17 tiếng đồng hồ mà không có một giây kiểm duyệt. Chúng tôi đã chứng kiến thủ đô Baghdad trong cuộc tấn công khủng khiếp. Chúng tôi nêu rõ mọi mục tiêu bị tấn công mà chúng tôi biết và chỉ ra rất nhiều mục tiêu chưa bị tấn công. Chúng tôi nói mọi thứ và bất kì điều gì chúng tôi muốn về cuộc chiến và Saddam Husseint ở ngay trong vườn sau của ông ta. Chúng tôi đã có tin hoàn toàn sót dẻo so với các đối thủ cạnh tranh vào đêm chiến tranh bắt đầu. Và tất cả chúng tôi cần ngủ.

Tôi lợi dụng thứ hạng. Tôi lấy microphone từ Holliman. “Do vậy John, tôi sẽ quyết định cắt thông tin liên lạc bởi vì tôi là phóng viên lâu năm ở đây”.

Phát thanh viên chịu trách nhiệm ở Atlanta, Bob Cain đang đáp lại khi tôi bước đi khỏi hệ thống bốn dây mà các cậu bé của Baghdad đã có “Những bài tin đầu tiên và họ có thể chỉ truyền hình những bài tin cuối cùng. Chúng tôi sẽ giữ liên lạc với các bạn”.

Chúng tôi đi xuống boongke khi lời đồn đại lan khắp khách sạn al-Rashid nằm trong danh sách ném bom đêm hôm đó. Tôi không cãi nhau với niềm tin của Weiner có sự nguy hiểm sắp xảy ra khi anh ta đón đầu lối đi. Tôi đấu tranh với sự hoảng sợ nhìn thấy quanh mình. Tôi tự vấn bản thân và với những người khác lí do gì cho phía đồng minh ném bom khách sạn, đặc biệt bây giờ sự có mặt của chúng tôi đã quá rõ ràng trong mắt công chúng. Thậm chí nếu khách sạn bị ném bom, tôi nghĩ những nơi trú ẩn không đủ vững chắc cho chúng tôi sống sót.

Các boongke đông đúc và ánh đèn lò mờ với năng lượng khẩn cấp Những nhà vệ sinh bắt đầu bốc mùi. Đám đông CNN cố gắng khoanh vùng góc ngủ cho chúng tôi bằng chăn từ tầng trên nhưng những người khác tràn quanh nó.

Tôi nằm cạnh một quan chức Bộ Thông tin, Jalil alSekh, người đã mang cả gia đình tới trú ẩn: hai đứa con gái tuổi vị thành niên, Rand và Reem, cùng vợ ông ta, Isahra và mẹ vợ Saffia. Họ thân thiện. Họ nói chuyện về trận tấn công của người Iran sống sót trong suốt cuộc chiến chỉ vừa mới kết thúc. Họ chuyền nhau một chai nước khoáng và vài quả cam. Họ không có chỗ nào để đi. Họ bị tắc trong suốt thời gian vừa rồi và đang cố gắng vượt qua. Tôi bắt đầu quen dần.

Chương 3: Ngày Thứ Hai

Hầu hết nhân viên CNN trừ tôi, Nic và Robert, khởi hành giữa buổi sáng trên chuyến taxi dài tới biên giới Jordan. Vì những trận tấn công không quân phá hoại giao thông trên đường cao tốc, chi phí của chuyến đi lên tới năm nghìn đô la tiền mặt cho một xe.

“Giờ còn lại ba”, Nic nhận xét khi chúng tôi bước trở lại tiền sảnh khách sạn. Tôi có cảm giác lẫn lộn. Chúng tôi ở đó không có người quay phim, biên tập để tập hợp lại như một đợt truyền hình. Tôi sẽ phải tiếp tục phát thanh giọng mình trên hệ thống bốn dây trong khi NBC và BBC còn lại ở Baghdad với đội truyền hình đầy đủ.

Mặt tích cực là chúng tôi đã làm rõ ràng những ai không muốn ở lại Điều đó dễ thực hiện hơn vì không cần lo lắng và bối rối đưa ra mọi quyết định đối với chúng tôi. Wiener sốc khi tôi nói vậy nhưng tôi không có ý coi thường những người đã bỏ đi. Tôi chỉ muốn xúc tiến công việc. Nhưng giờ giới báo chí co lại còn một nhóm, thậm chí người Iraq động viên tất cả ở lại.

Wiener chuyển hoạt động của CNN tới quầy bar Sheherazade ở tiền sảnh vì thang máy không còn hoạt động nữa. Nhân viên khách sạn mang xuống các hộp thiết bị. Ban quản lí không phản đối bởi tiền sảnh bây giờ là một vùng chiến, những cửa sổ bằng kính đóng lại và quầy lễ tân đóng cửa.

Nic lắp đặt lại thiết bị four-wire. Chúng tôi mất vị trí toàn cảnh thành phố nhưng tiền sảnh lại gần với nơi trú ẩn mà chúng tôi tụ tập bất kì khi nào còi báo động kêu mỗi nửa giờ hoặc hơn. Và ghế da dễ chịu hơn sàn nhà.

Chúng tôi bắt đầu nhận được phản ứng chính thức đầu tiên đối với các cuộc tấn công không quân, và tôi lo lắng cho sự bắt đầu câu chuyện. Khi còi báo động rú bên ngoài và đèn chòm rung ở tiền sảnh, Giám đốc Thông tin, tướng Nai al – Hadithi đọc cho chúng tôi thông cáo đầu tiên của chỉ huy Lực lượng Vũ trang Iraq, chê cười Tổng thống Bush và ca ngợi việc phòng thủ trên không của Baghdad.

Sau đó chúng tôi lái xe tới Bộ Thông tin cách đó vài dãy phố cho cuộc họp khác với Bộ trưởng Thông tin Latif Jassim – người lắp lại những dòng thông cáo của chính phủ. Sau đó, chúng tôi phát hiện ra chiếc taxi của chúng tôi đã bỏ đi vì một đợt tấn công không quân chỉ cách đó vài tòa nhà. Chúng tôi nhanh chóng đi nhờ trở lại khách sạn.

Tôi vội vàng lợi dụng vị trí của CNN. Tôi nói với các quan chức việc cần thiết để chúng tôi truyền lại những câu chuyện nhằm làm rõ sự có mặt của chúng tôi ở đây. Tiết lộ bản tin chỉ làm tăng suy xét tiêu cực ở nhà. Họ sẵn lòng lắng nghe tôi nhưng không chắc phải thực hiện như thế nào. Không ai trong số họ đối mặt với khủng hoảng như vậy trước đây.

Cuối cùng chúng tôi cũng được thông báo có thể sử dụng điện thoại tôi hôm đó.

Tôi núp mình trong cầu thang lên viết bản tin bằng máy đánh chữ suốt cuộc tấn công không quân dài. Ala'a ngồi bên cạnh chúng tôi, quan sát cẩn thận và tuyên bố sẽ là người kiểm duyệt chính thức, tôi rất vui. Tôi đã sợ rằng chúng tôi sẽ bị các nhân viên quân đội kiểm duyệt. So với những người kiểm duyệt chính thức mà tôi từng làm việc ở Sài Gòn của Ngô Đình Diệm, ở Hà Nội và ở những câu chuyện bị hạn chế khác trên khắp thế giới thì Ala'a là chấp nhận được. Các nhân viên CNN luôn vui vẻ với phong cách lịch sự của Ala'a. Nhưng với tôi, anh ta là rào chắn giữa những bài tin của tôi và thế giới bên ngoài.

Bản tin của tôi là nội dung đầy đủ về cuộc họp chúng tôi nhận được từ các quan chức Bộ Thông tin cùng một số lời bình về cuộc sống dưới sức ép bom đạn ở Khách sạn al-Rashid. Ala'a chẳng cắt bỏ đoạn nào. Lúc đầu chúng tôi được nói là ghi âm bản tin nhưng anh ta đã để tôi đọc nó trực tiếp trên điện thoại ở quầy bar Sheherazade. Anh ta ngồi cạnh tôi trong suốt bản tin. Ánh sáng những vụ nổ phản chiếu trên các tấm gương trên tường.

Còi báo động rú lên. Khi tôi hoàn thành, Bob Cain, phát thanh viên ở Atlanta, đề cập vài câu hỏi, nhưng tôi phải nói với anh ta rằng theo chỉ dẫn thì tôi không được phép trả lời. Tôi nghe thấy anh ta nói với khán giả: “Toàn bộ bài tin của Arnett đã bị các nhân viên giám sát của Iraq kiểm duyệt và anh ta không thể thêm bất kì điều gì cho tới khi được các nhân viên kiểm duyệt cho phép”.

Đó không phải là một thử thách hoàn toàn dễ chịu. Tôi vui vì được tiếp tục làm tin nhưng lại lo lắng vì những hạn chế. Tôi nói với Robert cần phải thuyết phục những người Iraq cho phép chúng tôi mở rộng phát thanh đáp ứng sự mong đợi mà bản tin trực tiếp trước đây của chúng ta đã làm.

Chương 4: Ngày Thứ Ba

Chúng tôi vẫn bị từ chối được phép khám phá bên ngoài khu vực khách sạn. Tuy nhiên bạn không phải đi xa để thấy những gì đang xảy ra: đường chân trời của Baghdad thay đổi ngay trước mắt chúng tôi. Cuối buổi sáng đó, trung tâm viễn thông, một trong các tòa nhà lớn ở thành phố biến thành đống gạch nát.

Hệ thống liên lạc four-wire của chúng tôi với Atlanta chết cùng với trung tâm đó, và nó là liên lạc trực tiếp của chúng tôi. Nhưng chúng tôi vẫn còn điện thoại vệ tinh, hộp kim loại sáng bóng được giấu dưới hộp cá thu đóng hộp trong phòng cung cấp. Đã tới lúc lộ ra sự tồn tại của điện thoại với người Iraq, thậm chí chúng tôi mạo hiểm mất nó. Họ không phản đối thiết bị này nhưng đề nghị chúng tôi chỉ sử dụng dưới sự giám sát.

Chúng tôi kéo vali to ra quầy bar tiền sảnh. Với niềm hân hoan hiện rõ, Nic bắt đầu lắp ráp thiết bị công nghệ cao. Nhưng bản tin đầu tiên của tôi một giờ sau đó mang đến thông tin buồn: giới báo chí phương Tây bị yêu cầu ra khỏi đất nước. Chúng tôi buộc phải đóng gói hành lý.

Các đồng nghiệp truyền hình thất vọng như tôi, nhưng chúng tôi không cố gắng cùng nhau để cải thiện điều này, quan hệ của chúng tôi với họ đã trở nên bất tiện. Cuộc chạy đua truyền hình đầu tiên của CNN đã gây sững sốt và có những ảnh hưởng nhất định. Có cảm giác là tính hiếu chiến hơn là tình bạn giữa những người ở lại phía sau. Họ đã có điện thoại vệ tinh và các đội quay phim đã sẵn sàng. Họ cuối cùng cũng ở vị trí cạnh tranh tốt hơn và sẵn sàng đẩy mạnh lợi thế.

Niềm đam mê nhanh chóng được đẩy lên cao khi người Iraq quyết định CNN có thể ở lại trong khi các hãng khác phải ra đi. Người Iraq quyết định chiến trường cạnh tranh tin tức của chúng tôi. Những tháng ngày lập kế hoạch và làm chính trị của Wiener đã được bù đắp.

Chương 5: Ngày Thứ Tư

Các đối thủ của chúng tôi phản đối nhưng cũng nhanh chóng rời khách sạn bởi các nhân viên không đủ kiên nhẫn. Nic và tôi ăn bữa sáng bí mật trong phòng dự trữ của CNN với pho mát và bánh quy, Wiener đi vòng quanh khách sạn giả vờ trong số sắp dời đi. Không ai ngu ngốc tin điều đó.

Một phóng viên ảnh tự do, Jana Schneider tìm thấy nơi chúng tôi trốn và đập cửa phòng xin được ở cùng đội CNN bởi cô ta là người Mỹ. Cô ta thật điên rồ. Tôi không thể đổ lỗi cho cô ta nhưng nhìn cô ta từ chối thẳng thừng.

Cuối buổi sáng đó tôi gặp Robert ở tiền sảnh cùng Sadoun, viên chức cao cấp của Bộ Thông tin tại khách sạn. Người Iraq đó đầy tự tin. Robert đã nói với tôi Sadoun nổi tiếng với giới báo chí vì anh ta vui tính và được đảng yêu quý. Vì được phép trở thành bạn nhậu với các phóng viên phương Tây, anh ta chắc phải được chính quyền tin tưởng.

Sadoun nói với tôi giờ mọi người đã đi, anh ta có thời gian để quan tâm tới “mối quan tâm cá nhân” trong nhu cầu của chúng tôi. Tôi hỏi anh ta đó là những quy định nào và anh ta đếm trên đầu ngón tay bằng vốn tiếng Anh hoàn hảo của mình. Không thông tin hậu cần, không thông tin quân sự, không đi lại mà không được phép. Tôi hỏi anh ta vậy thì còn lại cái chết tiệt gì và anh ta mỉm cười với tôi, “không bình luận”. Tôi hy vọng là anh ta đang đùa.

Tôi ngủ một giấc buổi chiều trong dãy phòng CNN thì tiếng nổ lớn rung chuyển khách sạn lay tôi tỉnh. Khi nhìn ra ngoài cửa sổ, tôi thấy hai tên lửa thon dài phóng trên Trung tâm Hội nghị, qua đường và quay quanh khách sạn phía trên tôi, hướng về trung tâm Baghdad. Vũ khí chống máy bay trên mái tòa nhà phía sau chúng tôi khai hỏa các loạt bắn choáng váng. Tôi đoán tên lửa đang tới là loại Tomahawks. Tôi đã xem những bức hình về chúng nhưng chưa bao giờ nhìn thấy ở ngoài cả. Chúng bay quá gần khách sạn tới mức hình dáng dài của chúng vừa tầm cửa sổ phòng. Tôi cảm thấy có thể thò ra ngoài và chạm vào đầu tròn của chúng.

Tiếng nổ bên dưới có lẽ là viên thứ ba. Tôi chạy xuống tiền sảnh và nhìn thấy bức tường kính dày ở quầy bar Sheherazade đã vỡ. Đồ đạc lung tung. Bụi đầy không khí. Khói đen bốc lên từ vườn qua bể bơi.

Tôi thở phào vì không đồng nghiệp CNN nào nằm trong đống đổ vỡ đó. Nhưng khi tôi thấy họ dưới boong ke, họ tin rằng vừa thoát chết trong gang tấc. Wiener la lên: “Tôi biết khách sạn sẽ bị tấn công sớm hay muộn mà”. Anh ta đang nói chuyện với Nic trong quầy bar thì bị ngã bởi trận nổ ở vườn bên ngoài.

Khi chúng tôi kiểm tra hiện trường thì chỉ một phần đạn tên lửa cày vào

khu vực nhân viên khách sạn trống không, có lẽ sau đó nó bị những tay súng chống máy bay bắn hạ. Cả Nic và Robert không ai bị thương nhưng chuyện đó làm họ hoảng. Người Iraq thông báo với chúng tôi chắc chắn phải dời khách sạn “tới một nơi an toàn hơn” ở vùng nông thôn, nhưng điều đó không làm cho ai trong chúng tôi cảm thấy bớt lo lắng.

Tôi lo lắng CNN sẽ yêu cầu tôi đi cùng với họ. Tôi đảm bảo với Tom Johnson tôi có thể thực hiện nghề nghiệp trong môi trường hạn chế. Ngược lại với điều lo sợ của tôi, Johnson đề nghị “sự ủng hộ đầy đủ nhất”. Tôi được động viên rằng hệ thống luôn ở phía sau tôi.

Đêm hôm đó trong boong ke khách sạn, đài truyền hình Iraq phát sóng cuộc phỏng vấn những phi công đồng minh và người Mỹ bị bắt cho những người ở Baghdad, những người vẫn có nguồn cung cấp điện. Các gia đình Iraq và Jordan đông kín vì sự an toàn của nơi trú ẩn. Họ vui mừng với cảnh đó khi những tù nhân chiến tranh mặc quân phục, bị khuất phục lưỡng lự kết tội chính phủ của họ trong lời đối đáp với người thẩm vấn không chiếu mặt.

Tôi biết đó sẽ là một câu chuyện gây tranh cãi. Tôi đã trải qua điều đó với các tù nhân chiến tranh Mỹ ở Hà Nội. Tôi ghi chú và viết nguệch ngoạc bài tin phát thanh của mình vì máy đánh máy di động của tôi đã bị ăn cắp hoặc bị phá trong đống đổ nát của quầy bar. Tôi phải đọc phần viết của mình cho Sadoun bởi vì chữ viết của tôi hơi khó đọc. Anh ta đồng ý điều đó.

Bây giờ Sadoun tới tiền sảnh điều hành phần tin đọc trên điện thoại của tôi. Tôi lên danh sách tên các phi công và phần nhận xét của họ về chính sách chiến tranh của đồng minh. Tôi trích lời Saddam Hussein hứa đối xử nhân đạo với họ khi chiến tranh kết thúc trong chiến thắng của ông ta.

Tôi tiếp tục nói ngoài những gì Sadoun đồng ý và bắt đầu trả lời những câu hỏi của phát thanh viên Reid Collin. Sadoun đang nói chuyện với Robert. Tôi nói rằng một phi công băng bó ở tay và hai phi công khác có khuôn mặt thâm tím. Tôi so sánh lời thú tội quay phim này với những tù nhân phi công Mỹ buộc phải nhận xét cuộc chiến ở Hà Nội.

Tôi biết rằng CNN dán nhãn tất cả các tin, bài của tôi bị hạn chế bởi các nhân viên kiểm duyệt Iraq. Sự có mặt của Sadoun trên thực tế là điều hạn chế về mặt nào đó, nhưng những câu hỏi của các phát thanh viên CNN bắt đầu có hiệu lực. Tôi nhận thấy tôi có thể truyền tải sắc thái về tình hình ở Baghdad trong các cuộc đối thoại thông thường mà không thể trong bản viết bị kiểm duyệt của mình. Tôi đang cảm thấy thoải mái hơn về các khả năng.

Tôi muộn hôm đó người Iraq cho chúng tôi phỏng vấn ghi âm và Nic chuyển bản âm về Atlanta thông qua điện thoại vệ tinh. Không phải lo lắng về sự cạnh tranh, chúng tôi tận dụng thời gian của mình.

Giám đốc thông tin, Naji al- Hadithi hỏi tôi xem có muốn phỏng vấn tù nhân chiến tranh ngày hôm sau không. Con người phóng viên trong tôi muốn điều đó nhưng con người từng trải trong tôi nhắc nhở nên dừng lại.

Tôi nói chuyện với Ed Turner bằng điện thoại vệ tinh về lời đề nghị đó. Tôi nhắc anh ta nhớ về sự tranh cãi khi các nhà báo bị chỉ trích gay gắt về các tù nhân chiến tranh Mỹ ở Việt Nam. Tôi nói tôi hiểu vị trí của CNN ở Baghdad nhạy cảm như thế nào và rằng chúng tôi tự nguyện ở đây. Tôi nói tôi hiểu nếu anh ta từ chối cơ hội cho các cuộc phỏng vấn.

“Mẹ kiếp, Arnett”, Turner nói. “Làm câu chuyện đó đi”.

Chương 6: Ngày Thứ Năm

Nic và Robert khởi hành vào bình minh tới biên giới. “Và giờ thì còn một”, Nic châm biếm khi bắt tay tôi lên taxi. Khi vẫy tạm biệt họ, tôi nghĩ về lời bình luận tạm biệt của Robert trong cảm xúc của khoảnh khắc, nói rằng tôi là “người cuối cùng của nòi giống đang tiệt chủng” các phóng viên thường trú bởi vì tôi đang ở lại. Tôi biết anh ta đã nhầm: có những phóng viên trẻ cũng cảm nhận như tôi vậy. Không phải tất cả số họ đều ở trong danh sách nhân viên của CNN.

Tôi đi bộ trở lại tiền sảnh khách sạn nhét tiền vào chiếc áo khoác bằng da. Robert đưa tôi 40 nghìn đô la, chúng tôi phải trả tất cả các hóa đơn bằng tiền mặt. Đêm hôm trước tôi đã cắt đường chỉ ở áo khoác và giấu 60 nghìn đô la khác bởi vì tôi không tin sự an toàn của khách sạn. Những tập hóa đơn hàng trăm đô la làm cho tôi trông to hơn gấp đôi.

Tôi gặp Sadoun ở tiền sảnh và anh ta chúc mừng tôi vì ở lại, trao tôi những nụ hôn thường dành cho Robert. Tôi không hôn trả lại. Tôi cố gắng giữ khoảng cách. Đó không phải là phong cách của tôi để làm bạn với các nhân viên. Như tôi quan tâm khi Robert rời đi, anh ta đã mang hết toàn bộ quan hệ đi cùng. Giờ chúng tôi chơi theo quy luật của tôi và Sadoun.

Thái độ của anh ta thay đổi nhanh chóng. Anh ta nói tôi nên bắt đầu đóng gói để chuyển tới khu vực khác. Tôi bướng bỉnh. Tôi năn nỉ muốn biết tại sao và anh ta thú nhận chính phủ quan tâm về sự an toàn của Khách sạn al-Rashid. Cùng với Trung tâm Hội nghị ngay bên cạnh, đó là nơi trình diễn của chế độ.

Tôi muốn ở lại thường thức những gì thoải mái nhỏ nhoi còn lại vì tôi nghi ngờ có nơi tốt hơn thế ở đâu đó. Tôi loại bỏ mọi cái cọ. Tôi nói với anh ta, tôi tin lí do duy nhất khách sạn không bị tấn công vì giới báo chí đã làm cho nó nổi tiếng. Tôi nói với anh ta sự thật tôi biết Tướng Norman Schwarzkopf từ những năm đầu tiên của chiến tranh Việt Nam và tôi sáng tạo thêm một chút: Schwarzkopf không bao giờ chĩa máy bay đánh bom của ông ta vào một người bạn.

Tôi nói rằng quyết định của tôi ở lại là chắc chắn vì những gì còn lại ở khách sạn. Chúng tôi đang nói chuyện thì sếp của Sadoun, Naji al-Hadithi tới và chúng tôi tiếp tục đối thoại ở mức độ căng thẳng hơn. Cuối cùng họ đồng ý trì hoãn việc chuyển đi.

Quản lí lễ tân, bà Nihad tới cảm ơn tôi vì đã đảm bảo sự an toàn cho khách sạn. Tôi chấp nhận sự đánh giá cao của bà ấy với nụ cười buồn bã. Tôi biết rằng nếu tôi sai, không ai còn lại để tranh cãi chuyện đó. Và nếu Israel quyết định trả đũa Baghdad bằng những cuộc tấn công tên lửa Scud vào Tel Aviv,

tôi nghi ngờ họ sẽ dành sự ưu ái đặc biệt với Khách sạn al-Rashid.

Khi ổn định lại tôi phát hiện ra mình không phải là phóng viên duy nhất được phép ở lại Baghdad. Ba phóng viên Nga bị kẹt lại vì không có tiền trở về nhà ở Mátxcova, cùng với một số phóng viên người Jordan và một phóng viên Tây Ban Nha. Tôi vẫn có một lợi thế không thể bác bỏ được, là sợi dây liên lạc duy nhất với thế giới bên ngoài.

Buổi chiều muộn đó, tôi cố gắng lắp ráp điện thoại vệ tinh. Tôi đã xem Nic và viết lời chỉ dẫn của anh ta ở cuốn ghi chú nhưng tôi không phải là tay cừ khôi về khoản đó.

Tom Johnson cho tôi những chỉ dẫn đặc biệt về chiếc điện thoại đó: Không ai có thể sử dụng nó trừ CNN; tôi chỉ nên gọi cho Atlanta và không nơi nào khác. Anh ta nói Lầu Năm Góc đảm bảo rằng chúng tôi sẽ là người sử dụng duy nhất đường liên lạc âm thanh ra ngoài đất nước Iraq.

Tôi hiểu rõ ràng. Một trong các mục đích tấn công không quân trong hai ngày đầu tiên là đánh phá hoàn toàn liên lạc của Iraq. Chúng tôi có ảnh hưởng mở đầu bằng điện thoại. Tôi không vui vẻ đưa ra lời xin lỗi cho quân đội Mỹ tổng khứ chúng tôi ra khỏi công việc.

Lắp ráp chiếc điện thoại đó quả là khó. Sadoun và Mohammed, nhân viên quay phim của hệ thống truyền hình Thế giới, một trong vài phóng viên của Jordan ở lại đã giúp đỡ tôi. Chúng tôi kéo chiếc vali nặng tới vườn. Con gió lạnh đang thổi và những ngón tay của chúng tôi run lên.

Đầu tiên chúng tôi bắt đầu với phần điều khiển năng lượng gas nhỏ, và sau đó là nối dây lên đĩa cùng vệ tinh xa Ấn Độ Dương để truyền tín hiệu. Một bàn phím nhỏ thử tiến độ của chúng tôi. Sau đó tới modem, chúng tôi nối với trạm mặt đất ở Nauy cho thông với phòng quốc tế CNN ở Atlanta. Bây giờ là đầu buổi tối. Khoảng một phút trôi qua trước khi tôi nghe thấy chuông điện thoại kêu và Eason Jordan ở trên đường dây. Tôi đâm vào lưng Mohammed. Chúng tôi đã làm được.

Còi báo động tấn công không quân bắt đầu rú lên cùng lúc chúng tôi kết nối đường dây. Phát thanh viên Jonathan Mann ở trên đường dây. Sau phần bài tin của tôi, anh ta hỏi tôi xem chính quyền Iraq có cố gắng phục hồi khủng hoảng và xáo trộn mà “người dân ở Iraq đang mất lòng tin vào Saddam Hussein, rằng viên thuốc thôi miên ông ta dành cho họ giờ đang bị xé tung bởi những trận bom hạ cánh xuống Iraq?”.

Tôi liếc nhìn Sadoun. Anh ta đang mỉm cười thân ái với tôi và không thể nghe thấy phần thông tin tới. Tôi nói với Jonathan rằng, người Iraq đã có 8 năm chuẩn bị cho việc đánh bom trong suốt cuộc chiến với Iran và dường như có sự tự tin yên lặng hơn là khủng hoảng ở Baghdad nhưng bức tranh đó

có thể khác ở đâu đó.

Sadoun đưa phóng viên người Tây Ban Nha, Alfonso Rojo tới điện thoại và hỏi anh ta có thể gọi điện về văn phòng của mình ở Madrid không. Tôi nhắc Sadoun về những giới hạn của tôi và yêu cầu chuyển đoạn tin qua văn phòng Atlanta. Rojo đồng ý.

Các phóng viên khác tới. Họ vui mừng, cuốn ghi chú nắm chặt trong tay họ. Một phụ nữ người Jordan, Leila Dhib, bắt đầu lên danh sách các tổ chức cô ta làm việc, gồm một hãng thông tấn lớn trên hầu hết châu lục. Sau đó là những người Nga muốn sử dụng điện thoại.

Tôi nói chuyện với Ed Turner trên đường dây và giải thích tình hình. Ông ta đáp lại rõ ràng: “Không ai được sử dụng điện thoại đó trừ CNN và anh chịu trách nhiệm về điều này”. Tôi có ấn tượng rằng ông ta quan tâm tới việc làm tin sốt dẻo cho cả thế giới hơn là lo lắng cho tôi nhưng dù sao thì lời chỉ dẫn cũng đã rõ ràng.

Khi cuộc gọi kết thúc, tôi tháo phần modem đút vào túi, để phòng trường hợp Sadoun với kiến thức về công nghệ mới hấp dẫn muốn tự mình sử dụng điện thoại đó.

Sadoun năn nỉ vì sự an toàn, tôi nên ngủ qua đêm trong boongke nhưng tôi nghĩ anh ta muốn để mắt tới tôi. Gia đình của Jalil cho tôi một chỗ gần họ trên sàn nhà cứng. Tôi mang chăn từ phòng dự trữ của CNN cho cả gia đình. Nơi trú ẩn đông đúc nhưng chỉ những đứa trẻ nhỏ nhất mới có thể ngủ được, mùi nhà vệ sinh càng tệ hơn và sự căng thẳng làm cho hầu hết mọi người tỉnh giấc.

Những người trong boongke trở thành những gương mặt quen thuộc. Cạnh tôi là gia đình Tawtieq, một người mẹ và hai đứa con gái chuyên nhau phích trà nóng của Iraq và mời tôi những chiếc bánh bích quy ngọt và sandwich thịt nướng. Người mẹ bật khóc khi coi báo động rú lên, vùi đầu vào chăn khi toà nhà rung chuyển. Con gái lớn của bà ta, Laheeb, một giáo viên công nghệ nha khoa tại Học viện Y học Baghdad hết sức an ủi bà.

Sadoun và những người bạn giám sát nằm ườn ra trong nhóm gần đó. Tất cả đều nói trôi chảy tiếng Anh và trong những tháng khủng hoảng đã trở nên gần gũi với rất nhiều phóng viên tới thăm. Họ cười rất nhiều về những điểm yếu của các đồng nghiệp của tôi. Tôi tiếp tục tác nghiệp của Robert, mang những chai Scotch và cognac xuống và chuyển vòng quanh tới tận khi họ gục. Tôi uống xã giao và điều đó giúp tôi có thể ngủ.

Khi họ vượt qua nỗi sợ hãi ban đầu, Sadoun và những người trông coi có niềm vui khi trêu chọc tôi về việc đánh bom. Vì tôi chia sẻ sự nguy hiểm với họ, họ dường như miễn trách nhiệm cho tôi. Sadoun tin Mỹ đã bắt đầu ném

bom vôi vàng và có thể được thuyết phục dừng lại khi hiểu ra vị trí của Iraq. Anh ta cho rằng đòi hỏi thuộc về lịch sử của Iraq đối với Kuwait là hợp lí, nhưng những chi tiết đó có thể thương lượng “giữa những người bạn. “Anh ta không phải là người đàn ông khôn khéo. Anh ta nói rõ với tôi lí do duy nhất mà CNN được mời ở lại vì những bài tin của chúng tôi có giá trị với nguyên nhân của Iraq. Tôi động viên anh ta vì tôi tin nhu cầu của anh ta và của tôi giống nhau.

Sadoun cũng nói tới nguyên nhân của người Palestine mà Saddam Hussein từng công bố. Tôi phô trương thanh thế không xấu hổ về sự thân mật của mình với giới chức Palestine những người tôi đã biết trong suốt năm tôi ở Israel – chỉ trước khi tôi được cử tới Baghdad.

Dân số boong ke gồm một tá người châu Âu từ đoàn hòa bình quốc tế, những người tới làm rõ nguyên nhân của người Iraq. Một số lượng lớn hơn trong số họ ở tại một trại ban sơ tại biên giới giữa Iraq và Saudi, nơi họ hy vọng hình thành lá chắn con người. Tôi thấy trò chuyện với các nhà hoạt động xã hội căng thẳng hơn là với người Iraq bởi họ phản đối cuộc chiến đình tai và không chịu đựng cuộc tranh luận nào. Sadoun nói với tôi chính phủ anh ta trả toàn bộ chi phí cho họ và sẽ đưa họ về nhà sớm vì nhiệm vụ của họ đã thất bại.

Chương 7: Ngày Thứ Sáu

Một phóng viên trẻ tự do người Anh được đưa tới khách sạn đêm hôm đó, và Sadoun giới thiệu tôi với cậu ta ở bữa sáng. Tên cậu ta là Bruce Cheesman. Cậu ta trông gầy và hoảng sợ. Tôi đã hỏi Sadoun về cậu ta đêm hôm trước sau khi một nhà sản xuất CNN nói với tôi cậu ta đã được thông báo mất tích. Sadoun nói anh ta tìm thấy cậu ta trong tù; cậu ta bị bắt đêm hôm chiến tranh bắt đầu khi đi lang thang quanh Baghdad tìm điện thoại. Cậu ta bị nhầm là một phi công Mỹ bị bắn hạ. Sadoun miêu tả cậu ta như nạn nhân của “một sự hiểu lầm”. Tôi gian lận quy định một chút và để Cheesman gọi điện cho bố mẹ của mình. Cậu ta nói với tôi tổng giam cậu ta là tội ác. Cậu ta nhả túi và mất hộ chiếu. Tôi đưa cho Cheesman chìa khóa vào phòng dự trữ của CNN và nói cậu ta ăn ở đó.

Naji, Giám đốc Thông tin tổng hợp tới khách sạn cùng một tin choáng váng. Chính phủ ông ta đã quyết định cho phép CNN mang vào đĩa vệ tinh truyền hình di động, cho phép chúng tôi lưu giữ hình ảnh và những tin, bài trực tiếp từ chiến trường. Thiết bị nặng đó vẫn đang ở Amman và sẽ được chở qua sa mạc nguy hiểm bị đánh bom. Tôi lo lắng CNN sẽ không tìm được ai mạo hiểm cho chuyến đi vất vả đó. Nhưng họ đã tìm được.

Sự ần dật của tôi để chứng kiến nhiều hơn về chiến tranh đã được đền đáp. Ala'a lái xe đưa tôi đi qua phía Tây Baghdad. Anh ta bắt đầu giảng dạy tôi về việc ném bom của đồng minh, nhưng quận Mansur giàu có mà chúng tôi đang lái xe qua không có dấu hiệu gì tàn phá. Các cửa hàng và công việc kinh doanh đều đóng cửa nhưng chúng tôi đi qua rất nhiều quầy rau và hoa quả tấp nập. Xe ô tô xếp hàng ở những trạm xăng mở cửa. Xe tải chở nước đầy các can. Xe cộ trở lại thành phố chất đầy hành lý. Cú sốc đầu tiên của cuộc chiến dường như đang lắng xuống.

Vùng ngoại ô nghèo hơn cũng không bị ảnh hưởng nhưng khi qua cầu bắc qua đường trong khu liên hiệp nông công nghiệp ở Abu Garib, tôi nhìn thấy từ xa những gì còn lại của một tòa nhà lớn. Chúng tôi lái xe dọc con đường cao tốc chính Jordan tới đó, đi vào con đường bụi qua bức hình lớn Saddam Hussein đổ một đứa trẻ đau buồn bị mờ.

Biển chỉ dẫn nhỏ ở công vào có một dòng chữ qua loa “Nhà máy sản xuất sữa trẻ em,” bằng tiếng Anh và tiếng Ả-rập. Công trình khó được coi là một tòa nhà. Những bức tường bằng phiến nhôm và mái bị rơi xuống mặt đất, phản ánh nắng mặt trời ban ngày khắc nghiệt vào mặt chúng tôi. Dầm mái nhà bằng thép cong và đen lại. Máy móc ở dưới là đồng lộn xộn kim loại nấu chảy.

Ala'a dang tay ra trong cử chỉ xác nhận. Đây là bằng chứng của ruột trần

đánh bom bừa bãi, chỉ là nhà máy sản xuất sữa trẻ em trong vùng nông thôn, anh ta nói với tôi. Mục đích của nó là vì sức khỏe trẻ em Iraq. “Tổng thống Bush của anh đã nói ông ta sẽ không đánh bom các mục tiêu dân sự, vậy hãy nhìn đi”.

Ala'a giới thiệu vài nhân viên là phóng viên quay phim Tin truyền hình Thế giới, Mohammed, và nhà sản xuất của anh ta, Michel Haij di chuyển tự do quanh đồng đồ nát. Các nhân viên đó nói rằng nhà máy sản xuất hai mươi tấn thức ăn cho trẻ con mỗi ngày, và bị tàn phá trong trận tấn công thứ hai và chủ nhật trước. Họ nói không ai bị thương vì 300 công nhân đã làm xong ca tối của họ. Họ chỉ về phía đồ nát cho tôi xem những máy làm thìa nhựa cùng hàng nghìn các ống hút trên sàn nhà. Có những chiếc xe bằng sắt chở đầy bột sữa dọc một bức tường. Tôi nhìn thấy các túi bị đốt thành tro.

Có một số tài liệu nằm ở đó. Tôi bí mật nhặt lên bỏ vào túi của mình. Một là kế hoạch bằng biểu đồ đầy đủ của công trình được gọi “Nhà máy sữa trẻ em Iraq” do những nhà xây dựng vẽ ra, Công nghệ Sodeteg của Pháp. Sản phẩm sữa được trình bày trong các tài liệu khác như năng lượng đường và chiết xuất mạch nha. Hàng rào dây thép gai xung quanh khu vực. Một tháp canh bằng gỗ vắn vẻ nằm ở góc. Nó giống như một nhà máy sản xuất vô tội. Tôi vác đầy tay các gói bột để phát cho những đứa trẻ ở khách sạn bởi chúng kêu ca không có sữa.

Lúc 8 giờ 30 tối ngày 23-1, tôi phát bản tin đầu tiên về sự tàn phá của nhà máy. Tôi đưa ra chi tiết những gì nhìn thấy và trích lời các nhân viên khi nói rằng đó là nguồn cung cấp thức ăn cho trẻ em duy nhất ở Iraq. Tôi không thấy bằng chứng nào cho thấy nhà máy đã được sử dụng vì bất kì mục đích nào khác. Phát thanh viên Patrick Emory không hỏi tôi câu nào về câu chuyện đó. Anh ta quan tâm hơn tới những cuộc tấn công tên lửa Scud của Iraq vào Tel Aviv.

Chương 8: Ngày Thứ Bảy

Tôi lạnh giá thức dậy sau khi nghỉ đêm đầu tiên trong phòng khách sạn của chính mình từ lúc cuộc chiến bắt đầu. Sadoun để tôi ở tầng trên vì việc ném bom dường như xa khu vực khách sạn. Tôi thích thú với chiếc đệm mềm, nhún nhảy của chiếc giường đơn nhưng tôi để chăn rơi xuống đất và bên ngoài những cửa sổ mở là tiếng rú vang của trận ném bom ở xa và gió mùa đông lạnh.

Tôi đốt nến trong phòng tắm đổ nước khoáng đóng chai vào bồn và cạo râu trong ánh sáng lập lờ. Tôi cố gắng giữ sạch sẽ hàng ngày dù có bất cứ chuyện gì xảy ra. Điều đó đòi hỏi phải bước vào bồn tắm trông không và chà xà phòng, đổ những bình nước lạnh hơn lên mình. Là người duy nhất trong cả tầng khách sạn, tôi cảm thấy tự do hít thở.

Tôi tìm kiếm tất cả các phòng, mở lấy khăn sạch nhưng ai đó đã làm điều đó trước tôi. Vẫn không có dịch vụ dọn phòng. Ga trải giường của tôi bẩn thỉu. Tôi đang hết cả quần áo sạch. Tôi giặt tất và quần áo lót bằng nước suối và cũng dội toilet bằng nguồn dự trữ đang hết dần. Yêu cầu kinh khủng nhất từ một người khách ghé thăm phòng là, “Anh có thể làm ơn cho tôi dùng nhà vệ sinh một lát được không?”

Tôi hết áo sơ mi và bổ sung bằng một số trang phục rẻ tiền từ nguồn kinh phí eo hẹp từ cửa hàng một đô la của chính phủ. Chúng tôi cũng phải đấu tranh với việc ăn cắp đèn pin thường xuyên. Khi nhìn ra ngoài cửa sổ, tôi thấy các vị khách đang tập trung uống nước ở bồn trang trí trong vườn khách sạn và giặt quần áo của họ trong bể bơi. Sáng kiến hay.

Tôi đi vào phòng ăn sáng được chuyển sang bên cạnh cho an toàn. Một số phục vụ người Pakistan trong những áo khoác màu trắng đứng lo lắng. Không có thực đơn. Thức ăn được xếp trên bàn gồm: trứng luộc, vài lát bánh mì ôi, vài quả cam héo và hộp Jelly ôi. Những người phục vụ rót cà phê nhạt từ chiếc bình bằng thép. Tôi có kho lớn dự trữ thức ăn thô tùy ý sử dụng và bổ sung khẩu phần bữa sáng đậm bạc với pho mát, bánh qui.

Tôi ngồi chung bàn với Said, một doanh nhân người Palestin từ Jordan đã ở lại để chăm sóc nhà máy phân bón của ông ta ở ngoại ô Baghdad. Said biết thành phố rất rõ và có mối liên hệ tại công ty nước Zulal. Ông ta bán cho tôi 40 bình nước uống. Ông ta tới cùng nhiều thùng pho mát dê Pháp ướp bằng dầu ô liu tặng thêm vị cho các bữa ăn của chúng tôi. Người lái xe mới của tôi, Sabah, mua cho tôi những ổ bánh mì phải nhai kỹ, không có men mà vợ anh ta làm nóng lại mỗi buổi sáng. Bữa trưa và bữa tối đậm bạc như bữa sáng. Khẩu phần chính là loại thịt hầm không nhận biết được, tráng miệng là bánh lăng bị ôi.

Cuộc chiến đã được một tuần. Một nhà sản xuất của CNN nói với tôi trên điện thoại, Lầu Năm góc thừa nhận không có kết thúc nhanh chóng và rằng chiến dịch đánh bom sẽ tiếp tục. Tôi đi thăm dò Baghdad cùng Ala'a, người làm phiên dịch cho tôi những thông cáo quân đội của chính phủ ca thán các đợt tấn công nhiều hơn vào khu công nghiệp và than khóc về việc mất nhà máy sản xuất sữa cho trẻ em.

Mọi người đi quanh khu chợ chính gần miếu thờ Khazmir, mua hoa quả, rau và những lát thịt tươi. Người dân đã thích nghi với khủng hoảng và không còn sợ là mục tiêu bị ném bom nữa. Khi tiếng còi cảnh báo của lực lượng phòng không không quân rú lên, họ hầu như không còn bị kích động. Vụ nổ từ bên kia sông làm chấn động cả chợ nhưng mọi người dường như không ngạc nhiên hơn một chiếc xe bị nổ.

Sadoun cầm bản tin tường thuật về chuyến đi và bắt đầu kiểm duyệt. Tâm trạng anh ta xen kẽ giữa cái búng đồng ý và sự khát khe. Anh ta đang đọc phần viết về chuyến thăm trung tâm thành phố. Tôi đã viết rằng hệ thống nước “đang bắt đầu hoạt động trở lại”. Anh ta quay sang tôi, giơ bút lên “Anh mong đợi tôi bỏ qua cái đó không?”, tôi bảo vệ rằng nó vô hại.

“Đó không phải là vấn đề an toàn, đó là ngữ pháp,” anh ta trách mắng tôi, “anh đặt phó từ giữa “to” và động từ nguyên thể”. Anh ta sửa nó bằng một nét vẩy. Tôi nhớ Sadoun tự hào là người tốt nghiệp văn học Anh của Trường Đại học Scotland.

Mặc dù Sadoun khó khăn với thông tin quân sự, kiểm duyệt phần tham khảo với việc phòng thủ không quân của Baghdad và những dự đoán chúng tôi có về sự tàn phá bom với thành phố, tôi cảm thấy có lí do để đấu tranh với công việc của mình. Tôi đã nắm rõ điện thoại vệ tinh và làm tin thường xuyên về CNN. Và tôi vượt qua giới hạn kiểm duyệt với những lời đáp không chính thức với các câu hỏi từ Atlanta.

Chương 9: Ngày Thứ Tám

Trong bản tin BBC lúc bình minh, người phát ngôn của Nhà Trắng, Marlin Fitzwater gọi tôi là kẻ nói dối. Tổng thống đã xem phóng sự của tôi về nhà máy sản xuất sữa trẻ em và Fitzwater nói rằng họ không hài lòng. Ông ta nói đó là “nơi sản xuất vũ khí sinh học”.

Fitzwater tuyên bố sản xuất sữa trẻ em là sự trơ tráo; ông ta miêu tả CNN như “ông dẫn thông tin đánh lạc hướng đối phương của Iraq”.

Những bài tin đầu tiên của CNN về các cuộc tấn công Baghdad đáp ứng sự đồng ý của chính quyền Mỹ bởi vì sự quan sát của chúng tôi về độ chính xác đánh bom đã giúp ích cho chính sách của Mỹ. Bây giờ tôi lại đang nhìn thấy mặt tiêu cực, và rõ ràng Nhà Trắng đang thay đổi giọng.

Tôi gặp Sadoun tại bữa điểm tâm sáng và anh ta che tay vui vẻ. “Anh đã làm cho người Mỹ tức giận hả?” anh ta cười. Tôi nói với anh ta CNN sẽ buộc tôi đưa ra bằng chứng xác thực nhà máy đó là đúng với những gì tôi nói. Anh ta đảm bảo: Mọi người ở Baghdad đều biết đó là nhà máy sữa trẻ em. Người Pháp đã xây dựng và điều hành nó trong nhiều năm.

Dùng bữa sáng với tôi, Said nói chen vào: – Peter, tôi đã ở đó vài lần. Nó sản xuất bột sữa.

Đêm hôm trước tôi đã cho anh ta một gói sữa tìm thấy ở nhà máy. Anh ta xé góc, đổ nó vào cốc cà phê và nhâm nhi.

Tôi nói với Sadoun những hình ảnh chúng ta gửi đi vẫn không đủ. Tôi cần tài liệu thuyết phục về lịch sử của nhà máy.

Tôi cũng đã nhân cơ hội này yêu cầu Sadoun cho tôi thoải mái hơn khi làm tin. Tôi cần tự do trên điện thoại để đáp lại những câu hỏi từ các phát thanh viên CNN, không giới hạn thời gian để nói về câu chuyện. Tôi nói phải chứng kiến nhiều hơn những gì đang diễn ra trong thành phố và vùng ngoại ô bởi vì chiến dịch đánh bom đang tiếp diễn hơn một tuần và tôi phải chủ yếu phát thanh từ Iraq.

Sadoun ôm lấy vai tôi. Anh ta cười thân thiện. Tôi nhớ một người Ả-rập nói rằng kẻ thù của kẻ thù của mình là bạn của mình. Anh ta ghét Nhà Trắng, Nhà Trắng ghét tôi và do vậy tôi được chấp nhận. Anh ta nói: “Peter, người Mỹ cho rằng họ là các chuyên gia ném bom chính xác phải không? Họ cho rằng họ chỉ phá hủy các mục tiêu quân sự. Ô hôm nay tôi sẽ đưa anh đi vòng quanh Baghdad và chỉ cho anh thấy”.

Tôi lái xe cùng Ala'a và các nhà báo khác tới quận Iwadhi ở phía tây bắc, nơi có khu phố kinh doanh sầm uất nằm trong đống đổ nát. Có một hồ bom sâu 15 thước bên vỉa hè. Những cửa kính bị đập trong một giáo đường gần

đó nhưng những người dân địa phương nói không có ai bị thương.

Chúng tôi tới thăm quận Suma ở phía bắc nơi được nói là bị tấn công hai lần. Cách Khách sạn al-Rashid nửa dặm, chúng tôi lái xe tới con đường nhỏ nơi có ba ngôi nhà riêng bị phá hủy, một số người dân được cho là bị thương. Trong vòng hai giờ, chúng tôi nhìn thấy ba ví dụ về những sự tàn phá mà người dân hứng chịu. Chúng tôi lái xe qua vài tòa nhà truyền thông và các bộ bị tàn phá trước đó trong cuộc chiến và làm tin về sự tàn phá đó. Đối với tôi những trận tấn công không quân chính xác hơn những gì Sadoun muốn tôi tin.

Khi tôi trở về vào buổi trưa làm bài tin đầu tiên trong ngày, phát thanh viên Rick Moore đề cập tới lời phàn nàn liên tục của Nhà Trắng về câu chuyện nhà máy sữa trẻ em và hỏi “Có phải anh bị nhầm lẫn không?”. Tôi xác nhận mình chỉ làm tin những gì tôi nhìn thấy. Chúng tôi được phép đi bộ quanh khu vực bị tàn phá và kiểm tra kỹ lưỡng. Tôi nói sẽ lo lắng nếu có chất sinh học và hóa học được sản xuất ở đó bởi vì như vậy tôi đã bị nhiễm độc. Tôi nhắc anh ta chúng tôi được phép quay hình thêm về sự tàn phá đó, thiết bị đang trên đường đến từ Amman, Jordan và có thể được các chuyên gia kiểm duyệt đồng ý.

Khi anh ta hỏi thông tin về nhà máy sữa trẻ em đáng tin cậy như thế nào, tôi nói chúng tôi hỏi mọi người đã gặp nhưng không thể đảm bảo tính xác thực về câu trả lời của họ. Tôi nói với anh ta: “Tôi đã học được ở Việt Nam chỉ tin vào những gì nhìn thấy. Tôi có sự hoài nghi bẩm sinh vì tôi là một nhà báo. Tôi chỉ có thể xác nhận những gì mắt tôi có thể nhìn”. Rick nhấn mạnh có phải tôi bị ép phải nói những gì không có và đang bị chỉ dẫn làm tin theo hướng của Iraq không? Tôi nói rằng đó không phải là vấn đề. Người Iraq hầu hết đều quan tâm tôi không đưa ra thông tin có lợi cho phía đồng minh.

Rick kết thúc khi nói: “Chúng tôi yêu cầu khán giả nhớ rằng bản tin của Peter từ Baghdad dựa vào những công bố chính thức của Chính phủ Iraq và bất kì quan sát cá nhân nào anh ta có thể đưa ra. Tất nhiên mọi hoạt động của anh ta đều được giới hạn bởi Chính phủ Iraq và anh ta không được tiếp cận độc lập với những nguồn tin bên ngoài”.

Kết thúc buổi đó, tôi cảm thấy thậm chí tổ chức thông tin của chính mình cũng nghi ngờ khả năng đánh giá thực tế của mình. Tôi lo lắng sức ép chính trị từ phía Chính phủ Mỹ có thể quyết định những gì tôi đang làm. Tôi đã kinh nghiệm với những chuyện tương tự ở Việt Nam và Trung Mỹ.

Sadoun lắng nghe tôi và dường như bối rối. Anh ta nói, “Họ muốn bằng chứng hả? Ngày mai tôi sẽ đưa anh đi. Chúng ta sẽ đi tới nơi nào đó để cho anh thấy sự tàn phá bừa bãi. Anh sẽ có bằng chứng của mình”.

Chương 10: Ngày Thứ Chín

Chúng tôi chờ đầy đồ cho chuyến đi dài về phía bắc, “ra khỏi Samara”, như Sadoun giải thích. Samara là vị trí khảo cổ học quan trọng, một trung tâm văn hóa của người Mesopotan cổ. Nó cũng nổi tiếng là trung tâm lớn công nghệ hóa học Iraq.

Như thường lệ Ala'a đi cùng. Chúng tôi trở thành bạn sau khi tôi hành động như người trung gian giúp đỡ anh ta và cô tiếp tân xinh đẹp ở Khách sạn al-Rashid thuyết phục gia đình giàu có của cô ta đồng ý mối quan hệ của họ. Ala'a đang cố gắng nâng cao vốn tiếng Anh của mình và sử dụng nhanh bất kì một cụm từ không quen thuộc nào. Ngày hôm trước tôi đã bổ sung từ “đá vào mông” vào vốn từ của anh ta.

Con đường phía bắc đưa chúng tôi ra khỏi vùng ngoại ô ngồn ngạn của Baghdad dọc theo con sông Tigris về phía Mosul. Đó là một ngày âm u, âm u và không lí tưởng cho tấn công không quân. Trong giờ đầu tiên, chúng tôi đi qua nhiều cộng đồng dân cư bên đường nhỏ, không nơi nào có dấu hiệu đánh bom tàn phá. Những người dân buôn bán tại các quầy bánh mì, hoa quả và chân dung Saddam Hussein trong quân phục, bộ quân áo Ả rập và bộ đồ phương Tây xuất hiện ở các quảng trường và trên đường.

Vùng nông thôn bằng phẳng với những nông trang và rừng cây rợp bóng. Tại một đoạn đường giao nhau, tôi nhìn thấy một xe tải hộ tống tên lửa Scud và máy phóng tốc độ tăng tốc hướng tây về khu vực gần Israel. Ala'a chạm ngón tay trên miệng trong lời cảnh báo im lặng. Xe tăng và xe tải quân đội rú vang đi qua chúng tôi tiến về Baghdad và tôi đoán hệ thống phòng thủ thủ đô đang được tăng cường thêm các đơn vị từ phía bắc. Điều đó cũng có nghĩa đây là thông tin quân đội mà tôi không được phép tiết lộ.

Sau hai giờ, mặt đất đầy cát mặc dù tôi có thể nhìn thấy những ngọn đồi trùng trùng phía xa. Khi chúng tôi đi qua Samara có vết tích đào bới khảo cổ, dặm dài những ụ đất khai quật và những bức tường cổ và hào đổ nát. Phía sau là lớp khói đen cuộn cuộn ở chân trời phía đông.

Chúng tôi nhanh chóng ở vùng đất đầy bụi rậm và đá bán sa mạc. Các tòa nhà hỗn hợp nằm dọc đường đi tới phía tây đang cháy âm ỉ. Ala'a miêu tả nó như một “cơ sở đào tạo kĩ thuật”. Từ xa vài dặm, tôi nhìn thấy một cộng đồng dân cư bên sườn đồi dốc cần cỗi. Đó là thị trấn Al Dour, Ala'a nói, là nơi sinh sống của lực lượng lao động của viện kĩ thuật. Chúng tôi tiến vào trung tâm thị trấn. Các ngôi nhà xây bằng gạch bê tông màu xám và trông khá mới.

Chúng tôi lái xe về hướng tây nam và rẽ vào một góc phố, một số tòa nhà thành phố bị san bằng trong trận động đất và chúng tôi không thể đi qua các

con đường. Tôi đi bộ qua những ngôi nhà mái đổ nát, tường bị sập và rễ cây bật gốc. Tôi đếm tổng số 23 nhà bị tàn phá trước khi dừng lại. Có một hố bom trước một toà nhà. Đằng trước một giáo đường bị oanh tạc nặng nề là một hố sâu gần 30m và dài khoảng 50m. Tại một đường giao nhau có bốn hố bom khá gần nhau như thể xếp thành một nhóm. Chúng sâu tới mức trông giống như vụ khai quật móng một tòa nhà cao chọc trời.

Ata'a đi xung quanh nhóm người dân địa phương nói với tôi có 24 người dân bị giết trong vụ đánh bom. Những gia đình có người thân bị giết nhìn tôi đầy hận thù. Nếu tôi tới Al Dour một mình thì có lẽ đã bị tấn công thô bạo. Các quan chức địa phương nói rằng vụ đánh bom xảy ra vào sáng sớm ngày 21-1, ngày thứ năm của cuộc chiến. Không có nơi tránh bom trong thị trấn bởi họ tin khu vực dân cư không có gì phải sợ. Chúng tôi được đưa tới một nghĩa trang địa phương có 24 ngôi mộ mới chôn.

Các quan chức khẳng định không có mục tiêu quân sự ở Al Dour và một người nói với tôi: “Hãy nhìn về chân trời. Anh sẽ chẳng nhìn thấy gì”. Tôi đã nhìn thấy khói bốc lên từ “cơ sở đào tạo kỹ thuật” vài dặm phía nam. Dường như theo tôi có thể Al Dour bị đánh bom tình cờ bởi máy bay của đồng minh tấn công căn cứ quân sự.

Trong đống đổ nát của một ngôi nhà tôi tìm thấy bản copy bìa mềm bị rách cuốn tiểu thuyết Hội chợ phù hoa của Thackeray. Trang đầu viết tên Raeda Abdul Aziz, người chết trong vụ tấn công, những người hàng xóm nói rằng, cậu bé đó 19 tuổi đang học Văn học Anh tại Đại học Baghdad. Cậu ta có rất nhiều ghi chú ở lề và trong một tờ giấy riêng cậu ta viết: “Rebecca Sharp không phải là người tốt bụng và độ lượng. Cô ta nói rằng cả thế giới đối xử với cô ta tồi tệ. Nhưng thế giới đối xử với con người như họ xứng đáng được hưởng. Thế giới là một tấm gương. Nếu bạn nhìn nó tức giận thì nó sẽ nhìn lại bạn tức giận. Nếu bạn cười với nó... nó sẽ là người bạn tốt bụng và nhân hậu”.

Tôi cầm cuốn tiểu thuyết méo mó đi như một vật kỉ niệm nhưng không có ý định đề cập nó trong bản tin truyền hình của mình. Tôi biết sẽ phải đấu tranh với trái tim mình rất nhiều khi làm tin về cuộc đánh bom gây tranh cãi về người dân Iraq trong không khí không ủng hộ hiện tại.

Sadoun không thay đổi gì trong câu chuyện của tôi, thậm chí tôi đã viết xe tải đi lại nhiều trên đường. Holliman truyền hình bản tin buổi tối và tôi miêu tả đầy đủ mức độ tàn phá và phần tin về những người sống sót. Trong phần bình luận đầu tiên, anh ta nói với tôi nhiều người Mỹ nghĩ tôi đang bị lừa bịp.

Người xem sẽ phải quen khi nghe những bản tin giống như vậy về Al Dour, tôi đáp lại. Bạn không thể trút xuống hàng nghìn tấn bom trên một đất

nước với 17 triệu dân mà không mong đợi tổn thương dân thường. Tôi nói vào năm 1966 Harrison Salisbury của tờ Thời báo New York được đưa tới những nơi ở miền Bắc Việt Nam, nơi các cộng đồng dân cư bị đánh bom và người dân bị thương trong những đợt tấn công không quân của Mỹ. Anh ta bị bình luận rất nhiều khi làm tin về mức độ tàn phá.

Tôi nói bây giờ tôi hy vọng tất cả chúng ta đều hiểu quy luật của chiến tranh, nhưng Holliman xen vào, “Không có cách nào, điều này chỉ là sự kiện dàn trước cho bạn chứng kiến phải không? Ý tôi là nó không thực sự xảy ra phải không, Peter?”.

Tôi muốn đâm vào mũi anh ta nhưng không thể, ít nhất tôi muốn hét lên lời báng bổ nhưng quy định truyền hình đã kìm tôi, tôi nói chậm rãi, “Không thể nào là một sự kiện dàn xếp, John. Tôi đã nhìn thấy sự tàn phá của bom qua 17 cuộc chiến diễn ra trong vòng 30 năm qua. Nó đáp ứng đầy đủ cấp độ và sự hiện diện của một trận đánh bom. Những người dân xác nhận điều đó. Đây không phải là sự dàn xếp”.

Holliman hỏi tôi có ý kiến mới nào về việc làm tin chiến tranh từ phía kẻ thù không. Tôi đáp lại tôi hy vọng người Mỹ đủ tinh tế để biết những người dân vô tội đang bị tổn thương trong cuộc chiến và Nhà Trắng có thể thanh minh điều đó trong bức tranh rộng hơn về cuộc chiến. “Tôi nghĩ chút nhỏ nhất chúng tôi đóng góp ở đây có giá trị”.

Anh ta hỏi tôi đánh giá những nỗ lực chiến tranh lớn hơn nhưng tôi không thể đưa ra. Tôi nói tôi không biết chiến tranh sẽ đi xa ra sao ngoài điểm quan sát bị giới hạn của mình. Tôi không thể xác nhận Lầu Năm góc tuyên bố rằng đồng minh có sức mạnh không quân đánh bại lực lượng Iraq. Từ những tờ báo địa phương, tôi trích lời Saddam Hussein nói rằng sự tàn phá mà đất nước phải gánh chịu sẽ chứng minh cho một chiến thắng toàn vẹn. Tôi nghĩ điều này có nghĩa những mất mát của ông ta là to lớn.

Khi Holliman hỏi liên tiếp các câu hỏi, mưa dột qua chiếc ô của Sadoun làm ướt áo anh ta và tôi đang khàn giọng. Tôi cũng đói. Tôi nói với John liên lạc sắp cắt, tiếng ồn quá tải và tắt tín hiệu. Một điều thuận lợi khi một mình một câu chuyện là không ai ở xung quanh để cãi lại những quyết định như vậy.

Chương 11: Ngày Thứ Mười

Atlanta nói với tôi, Bob Simon của CBS và đội của anh ta mất tích tại vùng chiến ở Kuwait. Họ được cho là bị quân đội Iraq bắt giữ. Tôi chạm trán Bob ở Jerusalem một tháng trước, anh ta nói với tôi báo chí bị hạn chế rất ngặt nghèo ở chiến trường Ả rập, anh ta phải láu hơn họ để có được tin. Tôi đề cập trường hợp của anh ta với Naji và nhờ xác nhận.

Tôi cũng thúc ép Naji cứu xe tải CNN cùng hệ thống truyền hình vệ tinh di động bị tắc ở biên giới Jordan trong tuyết dày. Đội truyền hình CNN tập hợp gọi về Atlanta nói rằng họ lạnh và hoảng sợ. Naji gửi hai phái viên có quyền hạn mang họ trở vào nhưng họ không tìm thấy đội. Tôi giục các nhân viên thứ lại lần nữa.

Tom Johnson nói với tôi xe tải có chữ CNN sơn màu đỏ tươi trên nóc và đảm bảo các nhân viên sẽ an toàn. Họ trông hoài nghi nhưng vẫn đi, tôi chất đầy thức ăn cho họ từ phòng dự trữ và cho họ vài trăm đô la tiền đi lại.

Hôm nay Naji không cạo râu và mệt mỏi. Ông ta nói tôi trông như đang thưởng thức cuộc chiến. Ông ta đúng. Tôi làm tin hàng ngày và câu chuyện thú vị rất nhiều với chính tôi. Hãng WTN gửi băng qua người đưa thư mỗi sáng cho CNN sử dụng, hình ảnh kết hợp với phần tin điện thoại của tôi. Tôi nói với Naji, CNN muốn tôi phỏng vấn các quan chức cao cấp của chính phủ, ngoài các cơ quan tuyên truyền. “Thế cậu muốn ai, Saddam Hussein hả?”. Ông ta bật cười. Tôi hỏi ông ta tại sao không

“Thật may là có tôi đây”, Naji nói, “Vị lãnh đạo đó còn nhiều việc quan trọng hơn để làm”.

Ông đề nghị tôi chuyển đi về phía nam tới An Najaf, một thành phố Hồi giáo linh thiêng, trung tâm Hồi giáo quan trọng thứ ba sau Mecca và Medina. Ông ta cho rằng An Najaf đã bị “đánh bom dã man”.

Vào ngày thứ tư trong chuyến đi, chúng tôi được đưa tới những vùng có dân cư bị tàn phá trong chiến tranh. Tôi không phàn nàn vì mỗi nơi là một câu chuyện thảm họa. Đó vốn là những gì tạo nên chiến tranh. Tôi yêu cầu tới thăm những vị trí quân sự bị tàn phá nhưng lời đề nghị của tôi đã bị từ chối vì vấn đề an ninh.

Tôi không bận tâm những bài tin của tôi viết về một phía chiến tuyến của câu chuyện. Mỗi ngày chỉ huy tối cao liên minh ở Ả rập tuyên bố danh sách các mục tiêu quân sự Iraq đã bị tiêu diệt, thậm chí đưa ra băng hình ngư lôi những vụ tấn công thành công cho truyền thông. Nhưng họ không đề cập tới những tổn thất của dân thường. Tôi biết các quan chức Iraq tin mỗi quan tâm của họ được đáp ứng bằng cách nhấn mạnh vào nạn nhân vô tội của chiến tranh. Tôi cảm thấy phần tin của mình đáp ứng hơn cả mục tiêu tuyên truyền

của họ.

Khi những chỉ trích của CNN và của Arnett ngày càng tăng thì những người giám sát càng trở nên dễ bao hơn, họ nói lỏng sự kìm kẹp hơn một chút. Tôi biết mình đang trượt trên băng mỏng.

Trong chuyến đi 300 dặm tới An Najaf, tôi nhận thấy nhiều xe tăng và những người đi mua sắm vào thứ bảy tấp nập trong các khu chợ, những nông dân đang làm việc trên các cánh đồng lúa mì và các trang trại chà là. Dù đánh bom thì trung tâm An Najaf vẫn sống động.

Ngồi ghế phía sau trên đường trở về, tôi viết bài trên giấy khổ rộng, kẹp đèn pin dưới cằm. Màn đêm buông xuống vừa khi chúng tôi tới ngoại ô phía nam Baghdad, một trận tấn công không quân lớn bắt đầu ở khu công nghiệp về phía bên trái đường cao tốc. Nó gần tới mức người lái xe của chúng tôi tắt đèn, đi theo ánh sáng của trận chiến chống trả máy bay. Ala' a giục anh ta, và lo lắng như tôi để thoát khỏi nguy hiểm. Nhưng ở trong trung tâm thành phố vẫn có tiếng vang chói tai của những đợt bom tấn công – một đợt tấn công khác vào nhà máy lọc dầu Dora và tiếp tục đợt tấn công vào sân bay Muthand của chính phủ gần khách sạn.

Tiền sảnh của Khách sạn al-Rashid tối và trống không. Sadoun ở trong boong ke kí phần tin của tôi mà không thay đổi gì. Anh ta nói với người giám sát khác đang quan sát cuộc gọi của tôi về Atlanta và nói rằng anh ta “quá mệt”.

Chúng tôi kéo vali điện thoại nặng ra vườn. Trong cái lạnh, tôi gặp rắc rối với việc điều chỉnh hệ thống âm thanh. Người quay phim, Mohammed của WTN, đã giúp tôi. Bobbie Battista ở bàn phát thanh và cô ta giữ tôi trên điện thoại khoảng 15 phút với các câu hỏi gây nhiều khó chịu cho người giám sát, anh ta muốn trở lại nơi trú ẩn vì nghe tiếng bom rơi nhiều hơn, tôi có thể nói chuyện thoải mái hơn bình thường.

Bobbie hỏi tôi có nghe cuộc nói chuyện nào về hòa bình từ những người chúng tôi gặp không. Tôi nói có những bằng chứng bất hạnh về cuộc chiến, một quan điểm tôi đã nghe thấy trong các cuộc đối thoại với những người dân Iraq ở trong khách sạn và trên đường. Một người bán thảm trong thành phố đã lặng lẽ nguyện rửa ngày Saddam xâm chiếm Kuwait vì việc buôn bán quá tệ.

Tôi nói với Battista nhiều người Iraq đang lắng nghe những quan điểm của phía đồng minh trên các buổi phát thanh sóng ngắn từ BBC và Đài tiếng nói VOA. Cô ta hỏi tôi “có phát triển quan hệ, để nói chuyện với những người giám sát của mình không?”. “Cô muốn điều đó giống như hội Stockholm phải không”, tôi cười, “Khi những người bị bắt giống hệt những người đang giam giữ họ hả?” có lẽ Atlanta nghĩ tôi đã mất sự lạnh lùng của mình.

Có phải các nhà sản xuất đã không lắng nghe buổi phát hình của tôi và đoán gì đó khác chăng? Tôi hy vọng các nhà bình luận của mình sẽ không đánh đồng sự nhã nhặn của tôi với những người giám sát là không trung thành. Nếu tôi thực sự được những người Iraq tin tưởng, tôi đã không cần người giám sát.

Đêm đó Sadoun nói anh ta đã nhận được tin đầu tiên từ người vợ mang bầu và mẹ vợ. Khi trận bom bắt đầu, họ đã trốn tới nhà một người họ hàng ở ngôi làng xa xôi. Họ an toàn. Naji cũng gửi gia đình ông ta về vùng nông thôn và lo lắng vì không nhận được tin tức gì từ họ. Gia đình của Jalil hài lòng cùng anh ta trong boong ke. Họ chuyển nhau thức ăn, hát những bài hát vào đầu buổi tối và cười rất nhiều khi trận bom ở xa.

Sau vài chai Scotch và cô-nhắc của tôi, những người giám sát trở nên huyền ảo. Sadoun nói anh ta lúng túng với sự đáp trả của Mỹ về việc xâm chiếm Kuwait của Iraq. Anh ta hành động vì bị tổn thương “Trong hàng chục năm chúng tôi nhìn người Mỹ như những người bạn và hãy xem giờ các bạn đã làm gì với chúng tôi”, anh ta phản ứng. “Nước Mỹ sẽ không bao giờ lấy được lòng tin trở lại ở Iraq”.

Tôi cố gắng cắt ngang điệu bộ tự mãn của Sadoun. Tôi nói nước Mỹ và thế giới tức giận với Saddam Hussein và chính ông ta là người chịu trách nhiệm. Bây giờ Iraq đang phải trả giá cho chính sách “bên miệng hố chiến tranh” của ông ta và điều đó thật đáng xấu hổ. Anh ta lắng nghe mà không có nhiều sự phẫn nộ. Một trong những người giám sát trẻ hơn chen ngang, “Sadoun sẽ kiểm duyệt anh nếu anh nói điều đó trên hình”. Sadoun vẩy ngón tay to lớn của mình vào tôi và cười “đừng thử, thưa ông Peter”.

Tôi hỏi xem họ cảm nhận như thế nào về Saddam Hussein. Họ đáp lại với sự cảm thông. Ông ta là người thống trị, quyền lực tối cao và chỉ đơn giản là vậy. Một số người đã nhìn thấy ông ta trong các buổi diễu hành. Không ai trong những người giám sát đã gặp ông ta, họ ở những vị trí quá thấp. Tôi có cảm nhận thậm chí ít người trong số họ nằm trong Đảng Ba'ath xã hội chủ nghĩa, một tổ chức chính trị mà Saddam điều hành đất nước qua đó.

Trên đường về phòng, tôi đi lang thang qua tiền sảnh. Bầu trời cao quang đãng. Tôi mở cửa trước và nhìn thấy hình dáng to lớn của một chiếc xe đổ ở đường lát xe vào nhà. Khi mắt tôi đã quen với ánh sáng, tôi nhận ra đó là một dàn phóng tên lửa Scud nằm ngay ở sân trước. Nếu Lầu Năm Góc biết thì khách sạn al-Rashid sẽ biến mất. Tôi đóng cửa và nhón chân đi về phòng.

Chương 12: Ngày Thứ Mười Một

Sadoun hỏi hả tới chỗ tôi ở tiền sảnh trong buổi chiều muộn ngày thứ mười một của cuộc chiến và nói tôi phải chuẩn bị để phỏng vấn một “VIP”. Anh ta từ chối tiết lộ chi tiết, giục tôi đi thay áo thể thao và áo khoác da bằng bộ đồ trang trọng hơn. Tôi mặc chiếc quần len tối màu và áo khoác thể thao màu xám. Tôi đã không mang bộ vest nào tới chiến trường. Tôi đoán cuộc phỏng vấn là với Jassim, Bộ trưởng Thông tin. Tôi viết vội vài câu hỏi để hỏi ông ta.

Khi trở lại tiền sảnh, tôi được bốn người đàn ông trong trang phục tối màu, mái tóc cắt ngắn hộ tống, khiêng tôi lên tầng trên. Tôi ra hiệu cầu cứu nhưng Ala’ a phản kháng, anh ta nói rằng tôi không nên lo lắng và theo sau từ khoảng cách xa.

Bên trong căn phòng trống, bốn người đàn ông nói tôi cởi quần áo để khám xét. Tôi nghi ngờ không ai khác ngoài Saddam yêu cầu kiểm tra an ninh ngặt nghèo như thế. Khi tôi đang theo đuổi ý nghĩ ấy, họ lấy từng phần quần áo của tôi và kiểm tra kỹ càng, lần ngón tay theo các đường khâu áo khoác, lộn túi quần và ngó vào bên trong quần áo lót của tôi. Họ gõ vào đế giày, tháo bút bi và lục ví. Họ kiểm tra cả cơ thể không quần áo của tôi.

Sau khi tôi mặc quần áo, họ đề nghị tôi rửa tay bằng thuốc tẩy uế trong bồn rửa và tôi đoán điều đó vì tôi sẽ bắt tay lãnh đạo của họ. Tôi không bị yêu cầu rửa miệng, làm tôi tin sẽ không phải hôn ông ta. Họ đặt cuốn ghi chú, ví và bút của tôi vào một túi nhựa để trả lại sau và đưa tôi xuống tiền sảnh.

Trong khi chờ đợi, tôi nghe thấy giọng nói quen thuộc từ lối vào tiền sảnh. Tôi nhận ra khuôn mặt tỏa sáng của Vito Maggiolo, nhà sản xuất CNN từ Washington mà tôi đã làm việc cùng ở Leban và Nic Robertson. Họ đã hộ tống thiết bị truyền hình CNN từ Jordan. Tôi biết chắc hẳn đó là chuyến đi khủng khiếp đầy đọa và tôi muốn chào họ nhưng tôi được cảnh báo giữ im lặng, không được nói với bất kỳ ai, vì vậy tôi nói: “Đừng tới gần, đừng nói chuyện với tôi”. Vito nhìn tôi như thể tôi bị điên.

Một trong những lính gác giật tay áo tôi và ra hiệu cho tôi đi. Ở lối vào khách sạn, một chiếc BMW màu đen đời mới đang chờ sẵn, động cơ đã khởi động, cửa mở. Tôi bước vào bên trong và chào người lái xe. Không đáp lại, anh ta lập tức đi tới con đường 14 tháng 7.

Tôi ngồi phía sau trong sự thoải mái của chiếc xe và thưởng thức khoảnh khắc hiếm hoi đó. Một cuộc phỏng vấn với người đàn ông đáng sợ nhất thế giới. Chúng tôi lái xe qua cầu Cộng hòa vào đại lộ Qadisiya ở phía bắc đi qua trung tâm viễn thông đã bị tiêu diệt. Không có chiếc xe nào khác trên

đường. Chúng tôi sang đường Palestine và người lái xe nhìn qua vai xem chúng tôi có bị bám theo không. Chỉ có vài chiếc xe trên đường. Ngay sau đó, chúng tôi vào khu dân cư sinh sống ở phía tây bắc thành phố, nơi tôi chưa từng tới. Từ những biển hiệu trên đường tôi biết đó là quận Cairo.

Trong ánh sáng chập choạng, tôi nhìn thấy hai bên đường có những ngôi nhà bằng gỗ hai tầng có hoa và cây xanh ở vườn phía trước. Chúng tôi dừng lại ở một căn nhà. Không khí thanh bình hơn tưởng tượng. Người lái xe mở cửa và một người đi về phía tôi, chỉ tôi vào trong và không nói một lời.

Tôi đi qua lối hành lang tới vào một căn phòng lớn sáng ánh đèn ti vi. Ba máy quay hướng vào căn phòng được trang trí sang trọng. Nó giống như dàn cảnh trong phim của Hollywood. Bức tường trắng được trang trí các hình màu vàng, những chiếc bình lớn được bày ở các góc. Trên một tấm thảm sang trọng in biểu tượng chính thức của Iraq có hai chiếc ghế thoải mái trải lụa đa-mát trắng.

Vài người đàn ông trong phòng, gồm có Bộ trưởng Jassim. Một người được giới thiệu là thư kí riêng của Saddam, một người khác là họ hàng của ông ta. Họ thờ ơ. Tất cả đều mặc trang phục quân đội. Tôi nhận ra người phiên dịch từ băng hình mà tôi đã xem từ các cuộc phỏng vấn. Anh ta nói họ đã xem tôi trên CNN.

Saddam Hussein được mong chờ trong giây lát, nhưng sau khoảng nửa giờ ông ta vẫn chưa tới. Để phá vỡ sự yên lặng, tôi hỏi Jassim về Bob Simon người vẫn bị mất tích, và ông ta bùng nổ sự tức giận, nghi ngờ tôi quan tâm tới một nhóm người Mỹ hơn là tôi quan tâm tới số phận của Iraq.

Saddam Hussein, tôi đã nghe nói thậm chí còn khó đoán biết hơn. Nhưng tôi không bị hăm dọa, tôi đoán tôi được triệu đến vì có lí do và tôi sẽ sống sót qua thử thách đó. Về mặt tâm lí, tôi có một lợi thế. Ông ta là kẻ trốn chạy. Ông ta là mục tiêu của những máy bay ném bom chứ không phải tôi. Tôi cảm thấy tôi có thể chủ động trước ông ta.

Cửa mở và Saddam Hussein bước vào một mình. Ông ta mặc một bộ đồ xanh thẫm, một áo choàng mỏng và mũ len xám. Ông ta cao hơn những trợ lý xung quanh. Ngay sau đó ông ta xin lỗi và đi ra chuẩn bị cho buổi phỏng vấn. Người phiên dịch đi cùng ông ta để thay bộ đồ thường phục.

Khi Saddam trở lại, ông ta tiến tới phía tôi và giơ tay ra. Ông ta bắt tay chặt, trông thoải mái. Bộ râu của ông ta được tỉa gọn gàng và mái tóc đen thưa được cắt tỉa hoàn hảo. Tôi nhớ tới hình ảnh Hollywood cổ về những người Latin yêu nhau. Ông ta có thể đã thử giọng cho một vai, có lẽ là người đóng thế cho Cesar Romeo. Bộ đồ của ông ta được may cao cấp và đeo cà vạt hoa đỏ thẫm thời trang.

Qua người phiên dịch, Saddam hỏi tôi tại sao ở lại Baghdad. Tôi nói tôi làm những điều như vậy vì kiếm sống. Ông ta mỉm cười thân thiện. Đó là một loại công việc nguy hiểm, ông ta nói, có lẽ đây là lần cuối cùng tôi phải làm. Tôi nhớ ông ta đã từng nói đây là nguồn gốc của mọi cuộc chiến.

Tôi nói với ông ta thế giới rất muốn nghe những gì ông ta nói.

“Anh có mang theo một danh sách dài các câu hỏi tới đây không đây?”, ông ta hỏi. Tôi nói tôi sẽ hỏi những gì thế giới muốn câu trả lời. Đó là một lời nhận xét khoa trương và tôi lập tức hối hận điều đó, nhưng dường như ông ta không để ý. Ông ta cầm tay tôi và hướng tôi về phía dàn cảnh. “Hỏi tôi những gì anh muốn”, ông ta nói.

Tôi biết phỏng vấn Saddam Hussein ở giữa cuộc chiến này sẽ là điều gây tranh cãi. Những người từng nhận xét quyết định của CNN ở lại Baghdad và tức giận chúng tôi đã chỉ ra những hậu quả đánh bom của đồng minh sẽ càng tức giận hơn. Tôi quyết tâm càng không thoả hiệp với Saddam càng tốt.

CNN chắc chắn sẽ phát toàn bộ cuộc phỏng vấn đó. Mọi lời tôi thốt ra sẽ được nghiên cứu kỹ lưỡng. Tôi không gọi Saddam bằng chức danh trang trọng. Tôi bắt đầu trực tiếp vào mỗi câu hỏi hoặc hầu hết là dùng từ “ông”. Sau này tôi mới biết người phiên dịch bắt đầu các câu hỏi của tôi bằng tiếng Ả-rập: “Thưa ngài”, “Lãnh đạo cao quý” hay “Người vĩ đại”.

Tôi quan sát thấy ném bom đã đẩy Baghdad vào bóng tối, và chỉ huy tôi cao Mỹ đã tuyên bố họ sẽ giành chiến thắng. Saddam đáp lại rằng ánh sáng chói chang nhất vẫn đang chiếu sáng, ánh sáng trong tâm hồn người dân, và các đồng minh không gặt hái chiến thắng từ việc đánh bom, xấu hổ vì bắt đầu những cuộc tấn công từ đầu.

Câu trả lời của ông ta dài dòng, quanh co. Tôi biết không thể cố gắng dừng được, để xem xét các chiến thuật khác nhau nhưng tôi biết phải có những trả lời đáng giá hơn từ phía ông ta. Tôi nhận xét chỉ trong vài ngày ném bom, Iraq phải gánh chịu nhiều sự tàn phá hơn là trong 8 năm chiến tranh của nó với Iran. Saddam coi khinh điều đó. Người dân và quân đội của ông ta vẫn quyết tâm chiến đấu.

Tôi muốn biết số phận của lực lượng không quân ông ta đã rút toàn bộ cho cuộc chiến Iran và việc sử dụng dầu của ông ta như một loại vũ khí ở Kuwait. Ông ta lờ đi trong các câu trả lời của mình. Những hạn chế phiên dịch làm tôi khó khăn thúc ép ông ta trả lời chính xác.

Tôi cố gắng khiêu khích khi hỏi về quyết định của ông ta sử dụng các phi công đồng minh bị bắt như lá chắn con người tại các căn cứ chiến lược và mặc dù chính ông ta chỉ trích Hiệp định Giơnevơ nhưng cách xử sự của ông ta không tuân theo các thỏa thuận chỉ đạo trong chiến tranh. Saddam lật

ngược câu hỏi, đổ lỗi cho phương Tây về quy định nhân đôi hạn chế những người dân mang nguồn gốc Iraq trong đất nước của họ khi chiến tranh bắt đầu, sau đó phàn nàn về cách đối xử tù nhân của ông ta.

Tôi cảm thấy việc gây áp lực có hiệu quả. Saddam phàn nàn Tổng thống Bush kêu gọi đối thoại giải quyết khủng hoảng chỉ như cái vỏ cho việc xây dựng chiến tranh của ông ta mà thôi. Ông ta quả quyết với giọng cay đắng bị lừa khi thả tự do cho 5 nghìn vị “khách” phương Tây và Nhật mà chính quyền Iraq đã giữ ở Baghdad trong vài tuần khi cuộc khủng hoảng vẫn đang diễn ra”. Những kẻ đạo đức giả chính trị ở Phương Tây đã nói gì vào thời điểm đó? Họ nói rằng bắt giữ người nước ngoài sẽ dẫn tới chiến tranh. Họ nói để họ đi sẽ ngăn chặn chiến tranh xảy ra. Chúng tôi hỏi hạn đã thả họ. Nhưng nếu chúng tôi giữ 5 nghìn người phương Tây và Nhật ở đây thì Bush có tấn công Baghdad không?”.

Tôi cảm thấy tôi đang tiến tới. Saddam đang trở nên phát điên. Ông ta thoát ra khỏi sự hùng biện hơn, bộc lộ mình hơn. Tôi ép tiếp ông ta về những kế hoạch chiến tranh. Đó sẽ là vấn đề then chốt của buổi phỏng vấn. Tôi nói có nhiều suy đoán về chiến tranh bộ sắp tới và nỗi sợ hãi về những kho vũ khí huyền thoại và khả năng chống trả của ông ta. Ông ta nghĩ chiến tranh bộ sẽ diễn ra bao lâu? Bao nhiêu tổn thương ông ta mong đợi sẽ giáng vào kẻ thù của mình?

Saddam dường như thích câu hỏi đó, nhưng khi trả lời nó, ông ta tiết lộ nhiều hơn một chút mà sẽ làm cho những người nghe thấy nhận định ông ta trong sự khinh miệt. Ông ta khoác lác: “Người Iraq sẽ chiến đấu theo cách sẽ giành chiến thắng mang lại cho họ sự thán phục của nhân loại”. Nhưng ông ta đe dọa: “Rất nhiều máu sẽ đổ xuống, rất nhiều máu”.

Ông ta dang tay ra miêu tả mức độ của nó và cảnh báo: “chúng tôi nói đến máu của tất cả các phía- Mỹ, Anh, Pháp, Saudi và tất nhiên máu của Iraq. Và không để các tay chính trị không có định kiến lừa đảo các bạn một lần nữa khi chia trận chiến giữa trên không và mặt đất – chiến tranh là chiến tranh”. Ông ta mỉm cười: “Họ không nói điều này là cuộc chiến chỉ tính bằng ngày sao? Họ đã sai khi đánh giá và sẽ lại sai tiếp”.

Tôi đề cập đến nỗi sợ hãi lớn nhất của những người chống đối ông ta, những vũ khí hủy diệt lớn của ông ta. Trước đó ông ta từng đe dọa tàn phá một nửa đất nước Israel bằng thứ vũ khí đó, nhưng ông ta đã không sử dụng nó trong những cuộc tấn công bằng tên lửa Scud vào Tel Aviv. Lực lượng đồng minh ở vùng Vịnh đã chuẩn bị cho các cuộc tấn công hóa sinh. Cuối cùng ông ta có mớ kho vũ khí lợi hại của mình không?

Saddam dừng lại: “Chúng tôi sẽ sử dụng vũ khí tương đương với những vũ khí chống lại chúng tôi. Chúng tôi đã cho các bạn thấy chúng tôi chân

thật với những lời nói của mình như thế nào. Các bạn thử chúng tôi, chúng tôi đáp lại như đã hứa”.

Ông ta nói nước đôi, do vậy tôi đưa đây: “Các lực lượng đa quốc gia đã nói rằng họ sẽ không sử dụng vũ khí hóa học chống lại ông. Có phải điều đó có nghĩa nếu họ không sử dụng thì ông cũng không?”.

“Những gì tôi nói là chúng tôi nên sử dụng những loại vũ khí tương đương với những vũ khí chống lại chúng tôi”, ông ta đáp lại. Dường như ông ta đang rút lại lời đe dọa của mình, do vậy tôi đẩy thêm chút nữa. Tôi nói rằng tên lửa Scud của Iraq được gọi là El Hussein có thể mang theo đầu đạn hạt nhân, sinh học, hóa học. “Có phải đến lúc này, ông đã sử dụng những loại vũ khí này?”.

Saddam lưỡng lự một lúc. “Chúng tôi là một dân tộc tuân theo những giá trị truyền thống. Tất cả những lợi thế không quân anh thấy đã không đánh bật chúng tôi ra khỏi lộ trình của một chiến trường cân bằng. Chúng tôi vẫn giữ được vị trí cân bằng của mình. Chúng tôi đã sử dụng tên lửa với các đầu đạn thường”.

Có phải ông ta thất vọng Israel đã không đáp lại trực tiếp với các cuộc tấn công tên lửa của ông ta, chuyển đổi phân cực lớn hơn của thế giới Ả rập. Saddam trả lời bằng điệp khúc cũ, đó là “Những người theo chủ nghĩa phục quốc Do Thái trong hành lang chính quyền Mỹ dẫn tới cuộc chiến tranh đang được trả lương”.

Nếu những cơ sở sản xuất hạt nhân của ông bị tiêu diệt, như Lầu Năm Góc tuyên bố? Tôi hỏi. Ông ta giả vờ phẫn nộ và cho tôi một bài giảng nhỏ về an ninh. “Anh muốn tôi nói về điều này, mặc dù Chính quyền Mỹ đưa ra những hạn chế, thậm chí những thông tin đơn giản nhất về cá nhân những người lính ở Ả rập phải không? Họ hạn chế những chi tiết đơn giản nhất về chiến dịch quân sự của họ. Và họ nói họ là dân chủ. Anh miêu tả Iraq như sự độc tài thì làm sao anh có thể mong đợi chúng tôi đưa ra chi tiết quan trọng này?”.

Lờ đi câu hỏi của tôi Saddam tự mình đọc thoại về đạo đức của người Iraq. “Điều gì là quan trọng với cá nhân người Iraq để duy trì sự nguyên vẹn, âm thanh về lòng trung thành, âm thanh về sự tự tin, âm thanh về lòng tin. Bất kì những kẻ xâm lược tàn phá gì, miễn là người Iraq vẫn còn nguyên, còn nghe được và còn sống, thì sau đó họ có thể xây dựng lại tốt hơn những gì đã bị tiêu diệt”.

Tôi cảm thấy mình đã giữ được vị trí. Và khi Saddam hầu như lắng xuống và hài hòa. Sự căng thẳng duy nhất ông ta biểu lộ là trong cái nháy mắt nhanh của mình (theo tạp chí Time, có phóng viên đếm ông ta nháy mắt 40 lần một phút so với thông thường chỉ có 25 lần.)

Tôi nói với Saddam mỗi chỉ huy chiến trường trong lịch sử đều có những nghi ngờ dành cho chiến trường phía trước. “ông có bất kì nghi ngờ gì không?”.

“Không có, thậm chí một phần triệu” ông ta đáp lại. Những người phụ tá của Saddam đang sốt ruột. Tôi nhìn đồng hồ.

Câu hỏi cuối cùng, tôi hỏi Saddam Hussein hy vọng gì về ảnh hưởng của buổi phỏng vấn đối với nước Mỹ và thế giới. Ông ta nghĩ một lúc và sau đó cố động “Những người ra đường, biểu tình chống lại cuộc chiến này.” ông ta cảm ơn họ vì “phản đối cuộc chiến được trả lương không chính đáng chống lại người dân chúng tôi”. Tôi chắc rằng nó được xem vì những gì như vậy.

Cuộc phỏng vấn kéo dài 90 phút và có thể tiếp diễn lâu hơn nữa. Song tôi muốn dừng lại. Saddam đứng dậy mỉm cười thân thiện, bắt tay tôi. Ông ta dường như hài lòng với phần trình diễn của mình. Ông ta đã chiếm được thời gian làm tuyên truyền. Ông ta đã có được thông điệp ra ngoài. Tôi cảm thấy ông ta thể hiện sự ngoan cố và đạo đức giả.

Saddam vẫy tay một phóng viên ảnh chụp suốt trong buổi phỏng vấn. Chúng tôi đứng cùng nhau trên nền tường trang trí vàng và cười vào ống kính. Vị lãnh đạo người Iraq nói vài lời với những người phụ tá rồi đi ra.

Đội truyền hình chọn những đoạn hình đẹp từ buổi quay. Một máy quay được đặt tập trung vào Saddam, một chiếc vào tôi và chiếc thứ ba quay toàn cảnh. Khi chúng tôi lấy băng, Jassim động vào vai tôi và nói để chúng xuống. Ông ta nói chúng sẽ được chuyển tới khách sạn vào buổi sáng. Tôi vội vàng từ chối. Người Iraq thường bị nghi ngờ xáo trộn băng hình về các cuộc gặp với Saddam. Chúng tôi thỏa hiệp. Jassim sẽ chuyển các băng hình cho tôi vào nửa đêm. Tôi đoán rằng điều đó chỉ đủ cho ông ta sao chúng chứ không đủ thời gian để biên tập.

Tôi trở lại tiền sảnh tối om của khách sạn. Tôi đi xuống boong ke tìm Vito và đội CNN và gặp Sadoun, người vỗ vào tay tôi và làm tôi chết ngạt trong các nụ hôn. Anh ta hét bằng tiếng Ả-rập với đám đông rằng tôi đã gặp Tổng thống. Boong ke rục lên tiếng vỗ tay. Tôi bị các giám sát khác tấn công. Các gia đình tới chỗ tôi, mỉm cười, động vào tay tôi, hỏi các câu hỏi.

Vito nói trong sự ngạc nhiên: “Chúa ơi, cậu là anh hùng ở đây”. Tôi nói cần nói chuyện với Atlanta về buổi phỏng vấn, chúng ta có thể phát nó trên vệ tinh vào buổi sáng.

Nic Robertson nhanh chóng lập điện thoại. Tôi nói chuyện với Tom Johnson trên đường dây, ông ta muốn có ngay một câu chuyện lúc đó và nói tôi với phát thanh viên. Tôi cưỡng lại vì phải tập hợp các ghi chú của mình nhưng ông ta nài nỉ và trong vòng vài giây tôi đã lên hình trực tiếp.

Tôi nói rằng đó là cuộc phỏng vấn ớn lạnh, bởi vì Saddam Hussein không biểu lộ cảm xúc gì ngoài sự tự tin tối cao, thậm chí khi đất nước của ông ta đã bị thổi tung thành từng mảnh. Ông ta thừa nhận việc xâm chiếm Kuwait và không thỏa hiệp. Nhưng ông ta đã nói sẽ không sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt. Saddam đến như một người đàn ông ngoan cố, không thỏa hiệp, tôi nói. Nếu có điều gì tôi cảm thấy thì cuộc phỏng vấn sẽ chỉ làm tăng thêm quyết tâm của phương Tây tiếp tục với cuộc chiến mà thôi.

Tôi được hỏi cuộc phỏng vấn diễn ra ở đâu. Trong một căn nhà cá nhân ở ngoại ô thành phố, tôi đáp lại. Sadoun đang lắc nắm đấm vào tôi “Anh sẽ làm ông ta bị giết với những chi tiết đó”, anh ta thì thào.

Các cuộn băng hình tới vào nửa đêm như đã hứa. Người bưu tá gửi kèm một tập ảnh buổi phỏng vấn được phóng viên ảnh của Tổng thống in ra.

Khi bình minh, một phụ tá của Sadoun đập cửa phòng và nói tôi gửi băng phỏng vấn về Jordan cùng xe bưu kiện vì họ không nhận được giấy phép thiết lập vệ tinh truyền hình. Tôi lo lắng. Tôi đã nhận ra có thể có cuộc tranh luận ở Iraq về việc cho phép truyền hình trực tiếp chiến tranh. Nếu họ thậm chí không sẵn lòng chuyển băng cuộc phỏng vấn với chính Tổng thống thì họ có thể hủy bỏ vụ đó.

Tôi quyết định nếu chúng tôi không thể làm trực tiếp thì sẽ không gửi cuộc phỏng vấn. Tôi căng thẳng với Sadoun cả ngày, nói với anh ta những cuộn băng trên đường tới Jordan để chuyển với cả thế giới thông qua vệ tinh của chúng tôi ở Amman. Khi quá muộn để chuyển cuộc phỏng vấn trên mặt đất, tôi tới thăm anh ta trong boong ke và nói anh ta không có sự lựa chọn nếu muốn cuộc phỏng vấn được phát. Chúng tôi phải phát trực tiếp.

Sadoun nghi ngờ tôi phản bội. Anh ta nói đang gặp rắc rối lớn. Anh ta đã nhờ một người phụ tá đưa sếp của anh ta, Naji tới khách sạn. Naji giải thích vấn đề. Chính phủ tin rằng việc phát cuộc phỏng vấn từ Baghdad sẽ mang tới sự trả đũa cho khách sạn và người Mỹ sẽ làm mọi thứ để Saddam im. Tôi tranh cãi người Mỹ chỉ muốn nghe những gì Saddam nói. Eason Jordan, biên tập viên chuyên mục quốc tế ở Atlanta đã nói với tôi trên điện thoại CNN đang nhận hàng trăm cuộc điện thoại về cuộc phỏng vấn.

Naji không vui, Sadoun buồn rầu. Họ đi cùng nhau. Nhưng vào giữa buổi tối, Naji trở lại. “Được rồi, Peter. Chúng tôi sẽ làm theo cách của ông lần này”.

Nic và kỹ thuật viên Jay Ayer nhảy vội đi lắp ráp máy phát tín hiệu trong vườn Khách sạn al – Rashid. Trong ánh sáng đèn pin mờ, và đèn bão, họ cùng lắp ráp những miếng bánh cắt lớn của chiếc đĩa. Họ kéo máy phát điện lớn về phía xa vườn để giám độ ồn và dựng lều làm nhà phát tín hiệu. Tiếng rít tấn công của không quân không ngừng. Có nhiều trận bom vào những

đêm trước rung chuyển chấn động mặt đất. Bầu trời thấp sáng trong trận địa bắn trả của máy bay.

Các kĩ thuật viên cuối cùng cũng hoàn thành xong thiết bị vệ tinh truyền tín hiệu 23 nghìn dặm trên bầu trời và nhận được tín hiệu từ Atlanta.

Chúng tôi sẵn sàng cho việc quay cuộn băng đầu tiên thì một trận bom khá gần làm mọi người chạy vào trong. Khi chúng tôi ẩn náu ở cầu thang, Nic đề cập tới một điều đang làm anh ta lo lắng. Anh ta nghe thấy các tín hiệu phát ra bởi một máy truyền tín hiệu năng lượng, loại chúng tôi đang sử dụng, có thể thu hút những quả bom định vị. Điều đó có thể là một tên lửa hoặc được bắn từ một chiếc máy bay có thể lẫn vào tín hiệu của chúng tôi và bay theo lộ trình của nó tới nguồn. Anh ta nói rằng nếu chúng tôi truyền bất kì tín hiệu nào sẽ làm nguy hiểm chính mình và khách sạn. Anh ta đề nghị bỏ chuyện đó. Margret Lowrie, một phóng viên thường trú từ Amman, ủng hộ anh ta. Vito nhắc cho họ nhớ rằng chúng tôi đã sử dụng công nghệ tương tự của điện thoại vệ tinh mà không bị sao. Tôi giục tiếp tục.

Chúng tôi bắt đầu phát cuộc phỏng vấn lúc một giờ sáng. Eason Jordan nói với chúng tôi trên điện thoại rằng phòng tin CNN ở Atlanta đã rất vui khi nó tới.

Tôi chuẩn bị lên hình lúc 4 giờ sáng giờ Baghdad mở đầu chương trình bản tin buổi tối với phát thanh viên Bernie Shaw. Dave Rust đặt máy quay dưới lối đi bộ bằng bê tông. Sau đó tôi lên hình, ánh đèn sáng của máy quay chiếu vào mắt tôi và giọng nói quen thuộc của Bernie trong tai tôi. Như thể có bản đọc, những trận bom nổ phía xa bắt đầu rít lên làm nhạc nền của chúng tôi.

Shaw muốn biết tất cả về cuộc phỏng vấn, và hỏi rất nhiều câu hỏi. Khi chúng tôi nói chuyện, Ala'a bắt đầu cảnh báo về các quả bom đang dội xuống. Anh ta muốn chúng tôi dừng truyền hình. Chúng tôi là ánh sáng duy nhất ở Baghdad cùng những máy bay ném bom trên bầu trời. Anh ta nài nỉ chúng tôi tắt đi. Chúng tôi tiếp tục phát hình trong bóng lối, máy quay dùng ánh sáng những trận bắn phá máy bay phía sau tôi.

Bernie nói con gái của tôi Elsa đang xem ở Boston và tôi nói: “cha yêu con, con gái yêu, hãy tiếp tục xem”. Anh ta hỏi cảm giác như thế nào khi lên hình khắp thế giới, làm tin từ thủ đô của kẻ thù trong trận tấn công. Tôi nói nhớ tới lần truyền những bài tin cho AP bằng Morse từ Jakarta. “Anh có tin được không, từ những kí tự Morse tới việc nói trực tiếp với cả thế giới là mất 30 năm? ô, đó có thể là tóm tắt nghề nghiệp của tôi, Bernie à”.

Tôi tiếp tục nói trong bản phát hình của Bernie khoảng vài phút sau bài tin của tôi. Bill Moyers nhớ lại đã ở trong Nhà Trắng “Lyndon Johnson thường tức giận với các bài tin của Arnett ra khỏi Việt Nam. Johnson thường nói,

“cậu biết đấy anh ta phải có sự thông cảm với cộng sản”.

Shaw đáp lại: “Và tất nhiên giờ có tình huống tương tự của Nhà Trắng, Bush và Lầu Năm góc phản ứng tiêu cực với một số bản tin do Peter Arnett của CNN làm”.

Tôi kéo tai nghe ra. Tôi mệt. Tôi đã không ngủ trong vòng 30 tiếng.

Chương 13: “Baghdad Pete”

Vào cuối tháng 1, người Iraq bắt đầu cho nhiều nhà báo vào hơn để làm tin về cuộc chiến. Không có nhà báo Mỹ nào trong nhóm đầu tiên của 20 nhóm tới và tôi vận động Sadoun cho thêm các tổ chức tin tức lớn vào. Anh ta nói CNN là đủ rồi nhưng tôi tranh luận sự tin tưởng của tôi sẽ mạnh hơn nếu những người Mỹ khác nhìn thấy và làm tin về những gì tôi đang làm.

Một số hãng tin phàn nàn CNN đang nhận đặc quyền từ những người Iraq. Một số cho rằng chúng tôi đã thỏa thuận để chia sẻ vệ tinh với chính phủ. Tôi đã cho phép Sadoun gọi cho Đại sứ quán Iraq trên đường dây của CNN để cấp visa cho các nhà báo. Anh ta đã đồng ý nói bằng tiếng Anh và tôi lắng nghe. Sadoun, một số đồng nghiệp nói có thể dễ dàng đã sử dụng telex trong Bộ Thông tin để trì hoãn việc cấp visa của anh ta. Tôi nói với họ anh ta quá sợ dòi khỏi khách sạn nhưng họ không tin tôi.

Tại một buổi họp nơi những người tới thăm phàn nàn về những hạn chế với giới báo chí, Sadoun nói: “Nếu bạn có bất kỳ vấn đề nào chỉ cần hỏi Peter Arnett. Anh ta là người giám sát của chúng tôi”. Sự trêu đùa của anh ta cho tôi vào chút nước nóng.

Khu vườn Khách sạn al-Rashid trở thành trung tâm liên lạc; vài chiếc điện thoại vệ tinh giờ đã được sử dụng, ăngten ô dựng ra, máy phát năng lượng kêu vo vo. CNN đồng ý cho phép phóng viên VOA ở Iraq sử dụng điện thoại của chúng tôi, và tôi tự ý để cho các phóng viên khác gọi điện về nhà. Tôi không còn lo lắng khách sạn sẽ bị đánh bom.

Nhưng vì chúng tôi có hệ thống phát tin hiệu truyền hình duy nhất và trụ sở ở Atlanta đòi trả trước khi chúng tôi truyền hình cho các tổ chức truyền hình khác nên chúng tôi phải đấu tranh với các phóng viên thường trú tức giận không chuyển hình ảnh của họ tới khi văn phòng của họ có tiền tới. Thay vì bị nói sau lưng hoặc thậm chí bị nhận xét là bất lịch sự, tôi là trung tâm của rất nhiều xích mích và càu nhàu.

Áp lực làm tôi nản lòng. Thậm chí sau khi đội CNN tới, tôi cô đơn về đêm và thỉnh thoảng cảm thấy mệt mỏi. Ném bom luôn luôn gần hơn trong bóng tối. Tôi đã cầu hôn Kimberly trên điện thoại vệ tinh và sung sướng khi cô ấy chấp nhận. Sadoun, người quan sát như thường lệ, đã chúc mừng tôi.

Giờ cùng với một đội hoàn chỉnh trong thành phố, tôi có thể đạt được những bài tin hiệu quả hơn. Chúng tôi chuyển mọi thứ xuống từ những tầng trên của khách sạn, và thiết lập Studio trong quầy bar của tiền sảnh. Người quay phim Dave Rust vui mừng được ra chiến trường với tôi

Một hôm chúng tôi tới thăm đồng đồ nát của nhà máy sữa thì bắt gặp sáu tên lửa đầu đạn hạt nhân tầm thấp bay trên đầu tới trung tâm Baghdad. Sau

khi Dave Rust quay hình tên lửa, chúng tôi đuổi theo chúng vào thành phố và tới hai khu vực có người dân nơi người Iraq nói rằng hai viên đạn tên lửa đã bắn tới. Khói từ nhà máy điện Dora gần đó cho thấy những viên khác đã trúng mục tiêu.

Sự có mặt của Rust cho phép tôi miêu tả sinh động toàn bộ cuộc sống ở đây. Chúng tôi tham gia các buổi giảng ở một nhà thờ Tin lành. Chúng tôi đi lang thang qua khu chợ đông nôi tiếng, nơi mọi người mua đèn và thùng chứa nước. Chúng tôi chiếu những đứa trẻ chơi bên bờ sông Tigris và những bà mẹ giặt quần áo trong dòng nước.

Tôi liên tục đề nghị Naji cho phép tới thăm chiến trường Kuwait nhưng ông ta từ chối. Ngày 6-2, ông ta cho phép chúng tôi tới thăm An Nasiriya, 40 dặm từ phía nam thành phố Basra. Con đường cao tốc chúng tôi đang đi nằm trong sự tấn công của các máy bay chiến tranh liên minh. Tôi nhìn thấy một xe chở khách nhỏ bị đạn tên lửa bắn trúng. Có ánh lửa bốc lên. Khi chúng tôi đi qua, tôi nhìn thấy nóc xe bị tung và hành khách bên trong bị thương, nhưng người giám sát không cho phép chúng tôi dừng lại.

Hai cây cầu chính của An Nasirya bị đánh sập trong trận ném bom và lần đầu tiên chúng tôi được phép chụp ảnh. Người Iraq trước đây phân biệt những mục tiêu quân sự và những giới hạn máy quay của chúng tôi. Tôi đã cố gắng thuyết phục Sadoun nhiều tuần để được mở rộng phạm vi làm tin. Trước đó, anh ta đã nói không thể tới thăm các ngân hàng và bưu điện bị tàn phá.

Chúng tôi trở lại Baghdad vào tối muộn hôm đó. Chúng tôi lên hình trực tiếp vào nửa đêm nhưng có báo động máy bay tấn công trong suốt buổi truyền hình và người giám sát mới, Mahmoud, bước vào ngay phía trước máy quay để dừng buổi phát hình. Anh ta lo lắng rằng ánh đèn sáng của chúng tôi sẽ thu hút máy bay tấn công. Chúng tôi tiếp tục với đèn pin chiếu vào mặt tôi.

Ngày hôm sau, chúng tôi được phép tiến gần hơn tới chiến trường. Chúng tôi đi tới Basra, thành phố mà từ đó việc xâm chiếm Kuwait đã bắt đầu. Nó hầu như nằm trong tầm nhìn của biên giới. Chúng tôi lái xe dọc theo những đường tách biệt và những làn đường nông thôn để tránh các cuộc không kích, nhưng chúng tôi đã đi qua đống đổ nát của những chiếc xe tải và xe tăng chở dầu.

Chúng tôi đi qua Basra trên một chiếc cầu duy nhất có thể đi qua được, và nhận thấy thành phố nằm giữa cuộc chiến. Máy bay tấn công từ bầu trời phía trên. Họ lái xe chạy bom dội và chạy quanh những tên lửa bắn từ mặt đất. Mọi người nhón nháo tìm nơi trú ẩn khi tiếng còi báo động thường xuyên rú lên.

Basra là một mục tiêu lớn có cảng và căn cứ quân sự mở rộng. Kết quả là có nhiều sự tàn phá với căn cứ dân sự hơn là ở Baghdad. Chúng tôi tới thăm một bệnh viện bị tiêu diệt và một giáo đường bị san phẳng. Chúng tôi ở lại Khách sạn Sheraton Basra, một khách sạn từng rất đẹp nay đã biến thành boong ke, tiền sảnh và hành lang có bao bọc cát, các cửa sổ bị bịt kín. Vào bữa tối hôm đó, bàn ăn rung lên đến nỗi dao và đĩa ăn của chúng tôi rơi xuống sàn.

Tôi rất vui khi có sự đa dạng trong tin, bài nhưng vị khách đầu tiên tôi chọn phỏng vấn trực tiếp ở Baghdad có thể là một sai lầm. Ông ta là Anthony Lawrence, một thành viên Mỹ của Đội hòa bình Vịnh vừa trở về từ chuyến đi ba tuần tại biên giới Saudi sau thất bại không ngăn được. Vị quan chức Washington giọng mềm mại được truyền hình với lời yêu cầu ủng hộ cảm động rằng, tất cả người Mỹ tham gia vào phong trào ủng hộ hòa bình trước khi cuộc xung đột “trở thành hủy diệt hàng loạt”.

Mặc dù tôi cố cân bằng sự công kích của ông ta với những câu hỏi đúng chỗ nhưng tôi đã nhận được điều tồi tệ nhất của phần đối lại. Rất nhiều người ủng hộ ông ta tập trung trong vườn khách sạn để xem và vỗ tay. Các nhà sản xuất CNN không vui vẻ.

Nhóm phóng viên đầu tiên tham gia cùng chúng tôi ở Baghdad rời đi ngày 8-2, họ chỉ được cấp visa 1 tuần. Một nhóm khác tới, gồm những người Mỹ đầu tiên từ khi chiến tranh bắt đầu, một đội làm tin truyền hình ABC do phóng viên thường trú Bill Blakemore dẫn đầu. CNN được miễn các yêu cầu về visa và ở lại.

Những người Mỹ tới cùng thư, thông điệp và giờ tôi đã biết đầy đủ sự tranh cãi quanh phần tin của tôi. Những cuộc gọi vô số của tôi tới trụ sở CNN ở Atlanta hầu hết dành cho bản tin từ Baghdad. Tôi đã nhận được những bài tin không thường xuyên về phản ứng tiêu cực ở Mỹ và nơi nào đó trên thế giới, lúc đầu từ những cuộc trò chuyện điện thoại với con gái tôi Elsa, đang làm phóng viên ở tờ Boston Globe, sau khi tốt nghiệp Đại học Harvard.

Bây giờ tôi hiểu tôi bị lên án ở quốc hội. Đại diện Lawrence Coughlin của Pennsylvania đã buộc tội: “Arnett là thánh Joseph Geobbel của chế độ giống Hitler của Saddam Hussein”. Tom Johnson đã nhận được một bức thư từ 34 thành viên quốc hội phàn nàn về phần làm tin của tôi “giúp tên độc tài loạn trí có miệng tuyên truyền tới hơn một trăm quốc gia”.

Các thành viên bảo thủ của quốc hội Anh đã so sánh tôi với những kẻ phản bội của Chiến tranh thế giới thứ hai. Những tay vẽ tranh biếm họa chính trị thích thú minh họa nhóm tôi với Saddam Hussein như một “video Benedict Arnold”. Một tổ chức cánh hữu cực đoan đặt nick tôi là “Baghdad

Pete” và biểu tình kêu gọi CNN không phát hình tôi. Charlton Heston mô tả tôi như một kẻ phản bội.

CNN vẫn để các bài tin của tôi “bị kiểm duyệt” và liên tục các thẩm vấn hàng ngày từ các phát thanh viên. Nhưng nó đang ngày càng làm nhiều hơn: ba lần một ngày, hệ thống phát cả những bức thư và fax về sự phàn nàn từ phía người xem – những người phẫn nộ tôi làm tin từ phía kẻ thù. Hàng nghìn các cuộc gọi, thư và fax tới CNN hàng ngày. CNN sử dụng các câu chuyện của tôi thường xuyên, nhưng cũng đề cập đến một vị tướng không lực đã nghỉ hưu, người ủng hộ quan điểm Lầu Năm Góc và coi thường phần tin của tôi.

Ngày 7-2, Thượng nghị sĩ Đảng Cộng hòa Lan Simpson của Wyoming nói với các phóng viên tại một bữa tiệc trưa ở Capitol Hill rằng tôi là “Những gì chúng ta thường gọi một người thông cảm... Anh ta đã rất năng động ở Chiến tranh Việt Nam và anh ta đã giành được giải thưởng Pulitzer phần lớn là bởi vì những tư liệu chống chính phủ của anh ta. Và anh ta đã cưới một người Việt Nam có anh trai là Việt Cộng. Tôi gọi đó là những người Thông cảm trong những ngày đầu của tôi ở Chiến tranh thế giới hai”.

Trong một lần trả lời điện thoại từ tờ Washington Post, Simpson nói đã được cung cấp thông tin “bởi một người AP có liên quan đến việc làm tin Chiến tranh Việt Nam. Một người đàn ông có danh tiếng lớn. Anh ta nói không biết tên của người anh rể hay cái gì là hoạt động Việt Cộng được cho là của anh ta”.

Tôi cũng không. Một trong ba người anh em trai của Nina đã chết những năm 1950. Người thứ hai, một dược sĩ, chết ở miền Bắc Việt Nam những năm 1960. Người thứ ba là một giáo viên dạy toán sống ở Hà Nội và không có hoạt động chính trị gì cả.

Simpson là một nhân vật có quyền lực ở Capitol Hill, sau đó là Nghị sĩ phụ trách dân tộc thiểu số và là bạn thân của Tổng thống Bush. Đầu những năm 1980, tôi đã phỏng vấn ông ta và làm việc cùng nhân viên của ông ta về luật nhập cư mà ông ta thảo ra. Lần cuối cùng vào tháng 4 tôi gặp Simpson ở Jerusalem khi ông ta trở về nhà từ cuộc gặp với Saddam Hussein ở Baghdad.

Tại một cuộc họp báo, ông ta chỉ trích sự không nhạy cảm của các phóng viên phương Tây với vị lãnh đạo Iraq. Sau này lộ ra rằng ông ta đã nói với Saddam Hussein: “Vấn đề của ông nằm ở chỗ truyền thông phương Tây chứ không phải với Chính phủ Mỹ. Miễn là ông tách biệt khỏi truyền thông, giới báo chí – nó là một giới báo chí kiêu căng và bợ đỡ – tất cả họ đều tự coi mình là những thiên tài chính trị. Đó là những gì phóng viên làm. Họ rất hay chỉ trích. Những gì tôi khuyên là ông nên mời họ tới đây tự chứng kiến”.

Bạn bè ủng hộ tôi. David Halberstam nói với tờ Washington Post thích

Nghị sĩ nhưng không phải “sự xấu xa của ông ta thậm chí khi đề cập một người giống như Nina và liên hệ tới việc làm tin kì lạ của Peter như thể anh ta thông cảm với phía bên kia. Ông ta hoàn toàn sai. Tôi biết gia đình họ và những lời buộc tội đặc biệt đau đớn với họ”.

Tờ Washington Post lên án Simpson, “Nếu Peter Arnett đã ở ở bất kì nơi nào để liếm gót giày và khúm núm với Saddam Hussein như Alan Simpson trong chuyến thăm nhà độc tài Iraq tháng 4 năm ngoái thì chúng tôi có thể hiểu tại sao phóng viên thường trú CNN lại đang bị tấn công về những bài phỏng vấn và phân tin của anh ta. Nhưng so sánh với những gì Nghị sĩ Simpson và một số đồng nghiệp của ông ta trên chuyến thăm đó đã làm để nịnh Saddam Hussein và làm cho họ cảm mến ông ta thì ông Arnett nhìn xuống gắt gỏng... Peter Arnett đang kiên cường ở Baghdad. Còn ở nhà đây, Alan Simpson đã trượt trong chất nhờn”.

Và CNN kháng cự lại các cuộc gọi về việc di dời vị trí của tôi. Ngày 12-2, Ed Turner đưa ra một tuyên bố: “Một số từ ngữ và hình ảnh là đau thương nhưng đó là chiến tranh. Việc kiểm duyệt là phiến hà nhưng đó là những hạn chế trong các nước, gồm cả Mỹ”. Ông ta kết luận: “Arnett và CNN ở đó để tất cả những người xem của chúng ta có thể ở đó, không hoàn hảo, hạn chế và nguy hiểm như vốn có”.

Chương 14: Nỗi Giận Ở Amilriya

Sáng sớm ngày 13-2, tiếng vang từ các vụ nổ đánh thức giấc ngủ của tôi. Sau đó, tôi ngồi ăn sáng cùng Vito và Dave thì Sadoun tới, nước mắt chảy dài: “Có Chúa, đây là điều tồi tệ nhất, đây là điều tồi tệ nhất”, anh ta hôn hển, lau mặt. Anh ta nói một nơi trú ẩn các cuộc không kích của người dân đã bị đánh bom sáng nay và một số người bạn, thư kí của anh ta có thể đã bị chết.

Chúng tôi chạy tới bãi đỗ xe. Những phóng viên khác đã được báo động, gồm có Bill Blakemore của ABC. Tôi nói người lái xe theo sau chúng tôi. Chúng tôi lái xuống đường Yaga về phía quận Amiriya. Đó là khu vực dân cư trung lưu sinh sống mà tôi chưa tới đó trước đây. Những chiếc xe jeep quân đội vượt qua chúng tôi trên đường Jordan, còi báo động của chúng rú lên. Một chiếc xe cứu thương đảo ra từ vỉa hè phía trước chúng tôi.

Chúng tôi đỗ bên cạnh đường. Khói dày đặc tỏa ra từ mái một tòa nhà bằng bê tông ngay phía trước mặt. Một đám đông lớn bu lại trên đường. Tôi nhìn thấy tấm biển trên cột điện với biển hiệu giao thông của một người đang chạy, với từ “Trú ẩn” viết bằng tiếng Anh và tiếng Ả-rập. Tôi đẩy lối đi qua hàng rào dây xích vây xung quanh tòa nhà đang bốc cháy.

Hoạt động ứng cứu diễn ra điên cuồng trong sân phía trong. Linh cứu hỏa đang phun nước lên bề mặt lửa và vào chiếc cửa bằng sắt mở vào tòa nhà. Những người khác thâm nhập bằng lối vào khác bị tắc nghẽn. Sĩ quan quân đội mặc quân phục đang hò hét bằng mệnh lệnh. Một chiếc xe tải đang đỗ vào lối đi và lính cứu hỏa trở xuống cùng những bọc được gói trong chăn và cờ Iraq bỏ vào xe. Đám đông lầm rầm trong sự đau đớn khi họ xuất hiện mang xác chết đi. Có một biển hiệu bằng tiếng Ả-rập trên tòa nhà, Ala'a tạm dịch là “Văn phòng Trú ẩn công cộng biên phòng dân sự số 25”.

Dave tiếp tục chạy máy quay. Chúng tôi đi quanh lối vào chính. Tôi nhìn thấy Jassim đang nói chuyện với thị trưởng của Baghdad. Tôi chen vào giữa họ khi Dave bắt đầu quay qua vai tôi. Tôi hỏi Jassim chuyện gì xảy ra. Ông ta nói hai quả bom định vị chính xác đã ném xuống nơi trú ẩn khoảng 4 giờ 50 phút sáng hôm đó. Ông ta khẳng định đó là nơi trú ẩn cho người dân.

Tôi hỏi Dave và tôi có thể vào bên trong không, ông ta yêu cầu một lính cứu hỏa đi theo chúng tôi. Chúng tôi đi xuống lối vào bằng bê tông dốc qua chỗ ngập nước và sau đó lên một cầu thang tối. Tôi nghẹt thở vì khói và trượt trên bậc thang. Sức nóng làm tôi ngạt thở. Có mùi hôi thối kinh khủng của thịt cháy. Với đèn máy quay sáng trước mặt, Dave vững chân hơn và dẫn đầu. Chúng tôi lò dò qua đồng đồ nát và bước vào phòng trống ở tầng trên.

Đèn rọi sáng một khung cảnh khủng khiếp. Những người lính cứu hỏa bò

quanh đồng đồ nát. Sự cô lập tách khỏi các bức tường. Lửa vẫn cháy ở đồng quần áo và đệm giường. Dave di chuyển về phía trước. Chân tôi trượt vào cái gì đó mềm, một xác chết cháy khô. Hai lính cứu hỏa đẩy tôi sang bên, một cơ thể khác trong tay họ. Lúc sau ánh sáng ban ngày chiếu qua một lỗ lớn trên mái nhà bằng bê tông dày gần 13m. Các thanh chống bằng sắt đã bị vụn cong.

Tôi đi ra ngoài. Người quản lý cư trú, Hassan Janadi gặp tôi ở lối vào Anh ta kích động dự đoán khoảng hơn 400 người dân đã ở trong khu cư trú đó, hầu hết là phụ nữ và trẻ em. Một số bị kẹt sau những cánh cửa sắt đóng bởi sức nóng quá lớn. Anh ta nói người dân địa phương mang giường và thức ăn của họ tới boong ke. Đây là một trong hai mươi nơi trú ẩn tương tự trong thành phố được xây vào năm 1984. Ala'a đang lau nước mắt. “Làm sao nước Mỹ có thể làm điều này?”.

Tôi để Vito lại và đi cùng với Dave, Ala'a, người lái xe trở lại khách sạn. Tôi đi qua tiền sảnh, gọi Sadoun, “Cử cho tôi một người giám sát”. Biên tập viên trực đêm ở phòng quốc tế CNN trên đường đây. Tôi nói với anh ta tôi cần phải lên hình trực tiếp ngay lập tức. Khi tôi đợi, Sadoun tới. “Không kiểm duyệt hôm nay. Nói những gì anh muốn về chuyện này. Chúng tôi hoàn toàn chẳng có gì phải che giấu cả” anh ta nói.

Khi phát thanh viên hỏi chuyện gì đang xảy ra, tôi đáp lại: “Có một thảm họa lớn ở đây, một bi kịch, một nơi trú ẩn máy bay của người dân bị tiêu diệt”. Một nhà sản xuất đã sẵn sàng trên đường đây. “Hãy làm đi”, anh ta hướng dẫn. Tôi hoàn thành phần bản tin của mình.

Hình chúng tôi gửi về vụ đánh bom gồm những hình ảnh bi thương nhất về cuộc chiến. Nhưng Sadoun nói: “người Đức đang gửi những bức hình còn tệ hơn các bạn”. Tôi nói rằng chúng tôi không phát phần xác chết trên CNN.

Khi Reid Collins lên hình vài giờ sau tôi trích lời của quản lý nơi trú ẩn nói rằng 200 xác chết đã được tìm thấy, chủ yếu là phụ nữ và trẻ em.

Reid chen vào: “Peter, chỉ huy Mỹ ở Riyadh nói rằng đó không thực sự là nơi trú ẩn mà là một boong ke điều khiển và điều hành quân sự thì đúng hơn”. Lâu Năm góc cho rằng nơi trú ẩn đó được tăng cường cho mục đích quân sự.

Cuối buổi tối tôi nghe thấy lời tuyên bố chính thức từ Nhà Trắng giải thích vụ tấn công nơi trú ẩn, rằng những chỉ đạo quân sự được đưa ra trực tiếp từ bộ máy chiến tranh Iraq từ nơi trú ẩn đã bị tiêu diệt, và rằng nó được sơn và ngụy trang để tránh tàn phá. Không ai biết tại sao dân thường lại ở đó.

Khi tôi trở lại nơi trú ẩn đó lần thứ hai. Tôi leo lên mái nhà cùng một tá các nhà báo khác. Chúng tôi không nhìn thấy sơn hay sự ngụy trang nào.

Những người dân tôi gặp ở hiện trường nói rằng họ đã sử dụng nơi trú ngụ này từ khi chiến tranh bắt đầu. Tôi nhìn thấy một cần ăngten cao 3m nhưng không có bằng chứng của trung tâm chỉ huy công nghệ cao. Nơi trú ẩn nằm giữa trung tâm của cộng đồng dân cư ngoại ô xung quanh là một giáo đường, một trường học và một siêu thị.

Đó không phải là việc của tôi để cãi nhau với chính phủ Mỹ. Họ có lực lượng gián điệp công nghệ và những nguồn thông tin đặc biệt ngoài khả năng của tôi. Không một khoảnh khắc nào tôi tin lời lên án của người dân Iraq rằng nơi trú ngụ đã là mục tiêu của Lầu Năm góc để giết dân thường. Toàn bộ chiến dịch đánh bom tới thời điểm đó dù sao đã được chỉ ra. Tất cả các khu vực dân cư sinh sống bị tiêu diệt mà tôi nhìn thấy hầu hết là mục tiêu quân sự.

Vẫn có một số mục tiêu – như căn cứ sử dụng hai mục đích nơi cả nhân viên và người dân làm việc cùng nhau – mở rộng khả năng cho những tổn thất vô tội. Nơi trú ẩn Amiriya có thể nằm trong danh mục đó, bị nghi ngờ vừa là trung tâm chỉ huy quân sự vừa là nơi trú ẩn của người dân.

Một số cơ quan bộ, chính phủ chuyên giải quyết các công việc hành chính đã bị tàn phá hoặc tiêu diệt trong tuần trước: Ba bưu điện đã bị đánh bom ở Baghdad. Hai trong những chiếc cầu qua sông Tigris ở trung tâm Baghdad chủ yếu người dân sử dụng đã bị đánh sập mặc dù quân đội hầu hết đi lại qua chiếc cầu hiện đại về phía bắc và phía nam của thủ đô lại không bị đánh bom. Đêm hôm trước, trong khi tôi làm tin trực tiếp, ba tên lửa lao vào trung tâm hội nghị lớn từ Khách sạn al-Rashid bị cháy suốt đêm.

Kết luận cuối cùng công khai về vụ đánh bom nơi trú ẩn là ít cuộc tấn công hơn được chỉ đạo ở Baghdad. Nhưng dù sao, cuộc tấn công đã sửa đổi thói quen của rất nhiều người trong thủ đô. Nhân viên Khách sạn al-Rashid cho thấy sở thích bất ngờ của họ là ngủ ở các phòng trọ bên ngoài.

Khi tôi phỏng vấn Chủ tịch của PLO, Yasser Arafat tại đại sứ quán của ông ta, ông ta nói rằng người Iraq đã chỉ cho ông ta một nơi trú ẩn máy bay nhưng ông ta thích tự lo liệu lấy.

Phóng viên thường trú Bản tin truyền hình Độc lập Brent Sadler nói với tôi rằng anh ta đã tới thăm một nơi trú ẩn rộng hơn gần cầu 14 tháng 7 mà trống không. Một số người nói thậm chí họ không ngủ trong các hầm của họ. Cứ khi nào có bom trên trời, không ai cảm thấy an toàn. Cái giá cho việc xâm chiếm Kuwait là đặt cuộc sống của mọi người vào nguy hiểm.

Một cuộc diễu hành khá lớn ở Amiriya với những khẩu hiệu chống Mỹ ngày hôm sau nổ ra. Đó là cuộc biểu tình công khai đầu tiên mà tôi chứng kiến từ khi chiến tranh bắt đầu. Người dân dường như không quan tâm họ có thể trở thành mục tiêu ném bom.

Đó chỉ đơn giản là một kháng cự công khai. Không khí của Baghdad trở thành nơi của sợ hãi, hăm dọa và cam chịu. Các đồng nghiệp báo chí của tôi nói về những phản kháng không lường trước với những người qua đường phàn nàn về Saddam Hussein.

Một hôm, một thanh niên trẻ tới chỗ chúng tôi đang phỏng vấn những người chủ cửa hàng và hét lên anh ta ghét chính phủ và chạy đi. Ala'a nói rằng nếu chúng tôi sử dụng video đó anh ta sẽ buộc phải điều tra người thanh niên đó, do vậy tôi phải cắt bỏ đoạn hình có người thanh niên.

Khi tờ Thời báo New York trích nguồn tin quân đội tuyên bố Khách sạn al-Rashid là nơi trú ẩn cho một trung tâm liên lạc quân sự lớn trong một tầng hầm phụ bí mật. Lầu Năm góc nói rằng việc tiêu diệt nơi trú ẩn Amiriya vì nó là trung tâm chỉ huy quân sự. Có phải tiếp theo là chúng tôi?

Có gần 150 dân thường đang sống trong khách sạn gồm các phóng viên và các nhà ngoại giao. Tôi nhanh chóng kiểm chứng điều này. Tôi gặp người quản lý khách sạn Gahzi Ali Ismail và năn nỉ rằng tôi phải được đi thăm ngay lập tức và hoàn toàn cơ sở của ông ta. Khi ông ta đưa Sadoun vào cuộc bàn bạc, tôi yêu cầu được phép chiếu máy quay qua bất kì cửa nào tôi muốn.

Họ đồng ý không hề phản đối. Dave và tôi hướng vào tầng hầm và qua các boong ke, người quản lý mở các phòng kho và tủ. Chúng tôi tới một phòng rộng mà ông ta nói rằng trung tâm hệ thống liên lạc nội bộ của khách sạn. Tôi nghĩ chúng tôi đã tìm thấy điều gì đó: hai người đàn ông đang làm việc ở bàn phím. Đó chỉ là nhân viên của khách sạn. Chúng tôi nhìn qua các đường hầm nối liền tầng hầm với các tòa nhà khác và các cửa lật ở trên sàn. Sau một giờ, tôi thông báo không có dấu hiệu tồn tại nào của một trung tâm chỉ huy.

Buổi sáng hôm sau tờ Thời báo New York trích lời các quan chức Mỹ ở Washington nói rằng khách sạn “giờ có thể là địa điểm chỉ huy chính của Iraq” nhưng xác nhận nó không bị đánh bom bởi vì sự có mặt của dân thường. Đó giống như trò đùa rất tệ dành cho tôi nhưng tôi không chắc lắm. Tôi có thể đã nhầm lẫn chiến tranh tuyên truyền với chiến tranh thật.

Tôi chưa bao giờ hoàn toàn chắc chắn về những người ở trong các phòng khách sạn và tất cả chúng dùng để làm gì. Khách sạn đang có lợi thế đặc biệt và tôi biết rằng người Iraq sẽ không lưỡng lự sử dụng nếu nó cần cho mục đích của họ.

Sự tranh cãi về vụ đánh bom nơi trú ẩn Amiriya chuyển sự chú ý về độ tin tưởng của tôi sang Lầu Năm góc. Những hình ảnh gây sốc đến mức mọi người bắt đầu đặt câu hỏi về chính sách. Một số người tranh cãi rằng hậu quả của một cuộc đánh bom lấy đi mạng sống của hơn 300 người dân có thể bị lờ đi, đặc biệt trong một cuộc chiến tranh công nghệ cao nơi những lỗi lầm như

vậy không mong đợi xảy ra.

Công chúng tự nhiên tin vào những người ra thông cáo quân đội và sự xác nhận của họ về sự hoàn hảo của công nghệ và sự chính xác tuyệt đối. Bây giờ các nhà sản xuất CNN nói với tôi, thư gửi tới hệ thống bắt đầu chuyển sang yêu quý tôi với ít lời hơn gọi tôi là phát ngôn viên của Saddam Hussein, và nhiều người đề cập tới nhu cầu về quyền được biết của công chúng.

Vào giữa tháng 2 ở Baghdad, một tháng sau khi có trận đánh bom đầu tiên, người Iraq bắt đầu nói về thỏa thuận. Các mục tiêu quân sự và công nghiệp cơ bản bị tàn phá ở Iraq. Quân đội ở Kuwait đã bị nghiền nát. Yevgeny Primakov, một phái viên do lãnh đạo Xôviết Mikhail Gorbachev phái đi để thuyết phục Saddam rời khỏi Kuwait trước khi chiến tranh mặt đất bắt đầu.

Khi chúng tôi nói chuyện với ông ta tại Khách sạn al-Rashid, ông ta tự tin về hòa bình. Chính phủ Iraq thậm chí tuyên bố họ đã sẵn sàng rút khỏi Kuwait, bằng chứng rõ ràng rằng ý chí của Saddam đang nao núng. Nhưng lời đề nghị đó kèm theo quá nhiều điều kiện không thể chấp nhận được với Tổng thống Bush.

Tuy nhiên, lời đề nghị rút lui được công bố trên Đài tiếng nói Baghdad tiết lộ nhiều điều về thái độ của người dân. Họ muốn chiến tranh kết thúc. Chúng tôi chụp ảnh người dân bắn súng lên trời trong trung tâm thành phố. Họ tấn công chúng tôi khi chúng tôi đi bộ trên đường Jamouri. Họ lò đi những người giám sát và bộc phát cảm nhận của họ.

Một người đàn ông nói bằng tiếng Anh: “Thế giới không cho chúng ta sự lựa chọn nào. Chúng ta phải rời khỏi Kuwait”. Một người khác nói rằng chẳng có gì phải tiếp tục phản kháng: “Không thức ăn, không thuốc men, không điện. Do vậy chúng ta có thể làm được gì?”.

Một người giám sát đẩy tôi sang bên và nói với tôi rằng Bob Simon và đội của anh ta đã bị bắt ở Baghdad. Anh ta thậm chí còn lái xe đưa tôi qua trụ sở gián điệp nơi Bob Simon bị giữ ở đó và tôi đã chứng nhận điều đó trên hình. Tôi nghi ngờ người Iraq đang cố gắng chuyển một thông điệp tới Lầu Năm Góc rằng không được tấn công tòa nhà đó, nhưng họ đã thất bại. Vài ngày sau đó, trụ sở bị đánh bom, các nhân viên của CBS không bị thương và vẫn sống trong hầm.

Ngày 19-2, tôi chia sẻ nhiệm vụ làm tin, lên hình trực tiếp vào buổi sáng, trưa và tối cùng phóng viên thường trú CNN Christiane Amanpour. Chúng tôi đi nhiều hơn tới vùng nông thôn nhưng những vụ đánh bom tình cờ có ít tin tức hơn bởi những cố gắng phút cuối cho một hòa bình trước khi chiến tranh mặt đất sẽ bắt đầu.

Trong những chuyến đi tới Samawa và Kebala ở phía nam và Kirkuk ở phía bắc, tôi nhận thấy có ít các vụ đánh bom hơn, các máy bay đồng minh đang tập trung tiêu diệt lực lượng Iraq ở Kuwait. Giao thông trên đường cao tốc tấp nập, chủ yếu là các xe tải chở quân, một thực tế mà chúng tôi không được phép đề cập tới.

Một đêm trên hình, Bob Cain hỏi tôi xem chiến dịch đánh bom có thành công trong việc ngăn chặn sự đi lại của quân đội trên một đường cao tốc lớn mà tôi đã đi không? Tôi nói với anh ta: “Có rất nhiều phương tiện giao thông trên đường và không có nhiều dân thường”.

Những cố gắng để đạt được hòa bình thương lượng trở thành trung tâm của những bài tin của chúng tôi. Điện Kremlin tìm kiếm một sự thỏa hiệp; Bộ trưởng Ngoại giao Tariq Aziz dành một chuyến thăm được báo giới quan tâm tới Mátxcova.

Vài ngày sau đó, 21-2, Iraq tuyên bố qua Liên Xô, mong muốn bắt đầu “việc rút quân đầy đủ và vô điều kiện” khỏi Kuwait. Theo sau là bài phát biểu tham chiến từ Saddam Hussetn nói rằng nếu lời đề nghị bị từ chối thì Iraq sẽ chiến đấu như ông ta từng gọi trước đó “the mother of battles” tới chiến thắng.

Tổng thống Bush cho Saddam 48 giờ để rút toàn bộ quân ra khỏi thành phố Kuwait và hoàn thành việc rút quân khỏi đất nước đó trong một tuần. Saddam từ chối tối hậu thư. Ngày thứ sáu, 23-2, Bush tuyên bố bắt đầu chiến tranh mặt đất.

Chương 15: Buổi Truyền Hình Cuối Cùng

Chiến tranh mặt đất đến nhanh và tàn khốc. Lực lượng Iraq ở Kuwait trốn chạy. Đối với các nhà báo ở Baghdad, việc làm tin trở nên thật tồi tệ bởi vì thủ đô bị chia cắt và tất cả bản tin của chúng tôi phải dựa vào các chương trình phát thanh quốc tế. Người dân Baghdad khủng hoảng. Họ lắng nghe những bản tin tương tự về sự sụp đổ nhanh chóng của lực lượng quân đội chính phủ.

Vào sáng ngày 26-2, Saddam Hussein chính thức kêu gọi lực lượng của ông ta rút khỏi Kuwait. Những người giám sát ở khách sạn vui mừng ôm hôn nhau. Tôi không thấy bàn tay xiết chặt trên chiến thắng, không sự hối hận vì mất Kuwait, chỉ là sự giải tỏa thách thức đã kết thúc.

Tôi chứng kiến những người lính mất nhuệ khí lác đác trong thành phố trở về từ chiến trường ở phía nam. Họ bị tước vũ khí ở ngoại ô Baghdad. Chúng tôi không được phép chụp ảnh hay phỏng vấn họ. Baghdad trở nên rộng mở cho các cuộc tấn công.

Tôi tỉnh dậy mỗi buổi sáng trong suốt cuộc chiến tranh mặt đất và nhìn ra cửa sổ xem các trục thẳng vũ trang có xuất hiện trên bầu trời không, xem Tướng Schwarzkopf có dàn những chiếc xe tăng của ông ta trên đường tới thủ đô không. Không có gì ngăn cản ông ta tiến tới Baghdad từ vị trí tiền phương trên sông Euphrates nếu Bush yêu cầu. Nhưng những mệnh lệnh đó chẳng bao giờ được đưa ra. Mà rõ ràng Bush cũng mong muốn thoát khỏi cuộc chiến.

Trận đánh bom cuối cùng của Baghdad xảy ra vào đầu giờ sáng ngày 28-2 ở ngoại ô phía nam trước gần 1 giờ khi Bush tuyên bố chiến tranh kết thúc. Những cuộc tấn công đã tiếp diễn trong vòng 43 ngày. Đài phát thanh Baghdad tuyên bố Iraq đã chiến thắng.

Tôi tới trung tâm vào đầu giờ chiều trên các con đường đầy người dân đã đi ăn náu trong nhiều tuần. Thanh niên chơi đá bóng trên đường, những người tàn tật ngồi xe lăn và đang thưởng thức ánh nắng mặt trời. Tôi không hề tìm thấy sự hối hận của bất cứ ai khi rời khỏi Kuwait.

Điều khoản đầu tiên của việc ngừng bắn là thả tự do ngay lập tức cho tất cả tù nhân chiến tranh quân đội. Bob Simon và đội của anh ta cũng được tự do, và ở lại đêm đó trong khách sạn trước khi về nhà.

Kết thúc chiến tranh kéo theo những cuộc nổi dậy của người dân Kurdish ở phía bắc và người Shia ở phía nam, nhưng chúng tôi không được phép tới thăm. Trên đài phát thanh quốc tế, chúng tôi nghe nói người dân tập hợp hàng nghìn người, chiếm các tòa nhà chính phủ và các doanh trại, tận dụng điểm yếu của chính quyền trung ương.

Nhưng Saddam vẫn đủ lực lượng quân sự để giải quyết cuộc nội loạn. Bộ trưởng Thông tin ở Baghdad cho chúng tôi vài chi tiết. Chúng tôi vẫn truyền hình trực tiếp mỗi ngày nhưng có ít tin tức hơn bởi vì chúng tôi không được phép tới những vùng có rắc rối.

Tôi mệt mỏi và ho rất nhiều. Tôi gầy đi. Tôi muốn rời Baghdad. Sadoun tức giận với các kế hoạch của tôi. Anh ta nói với tôi rằng tất cả các tổ chức tin tức sẽ bị trục xuất trong vài ngày. Chỉ CNN có thể ở lại nếu tôi tiếp tục ở lại. Tôi cảm thấy giống như một vụ bắt con tin. Tôi cô đơn. Nhưng tôi cảm nhận tôi không có sự lựa chọn nào khác là ở lại, thậm chí câu chuyện đã chuyển sang Kuwait được tự do và các thành phố chiến trường Iraq nơi chiến tranh nhân dân vượt ngoài tầm với của chúng tôi.

Sadoun khắc nghiệt, nói rằng chúng tôi chỉ được phép làm tin các câu chuyện của chính phủ công khai. Tôi bảo vệ rằng sự đàn áp của Chính phủ Iraq với các dân tộc thiểu số đang được phát khắp thế giới từ các vùng chiến mới và những gì chính phủ của anh ta đang nói với tôi bắt đầu trở nên nực cười.

Những người Iraq cho rằng chẳng có gì diễn ra trừ những doanh nhân mà tôi gặp ở Baghdad và các nhà ngoại giao Ả-rập chuyển cho tôi những thông tin về các cuộc đàn áp dã man đối với người dân Kurd và Shia. Nhưng tôi không thể sử dụng nó. Tôi thậm chí có những bản tin có giá trị về cuộc tấn công trong những khu người Shia ở thủ đô và sự đàn áp thô bạo của họ.

Một số phóng viên thường trú ở đó cũng bực mình với những hạn chế. Lee Hoffstader của tờ Washington Post, người đang sử dụng phương tiện liên lạc của CNN, thử sự kiên nhẫn của Sadoun bằng cách nộp những bài viết gồm những chỉ trích về Saddam Hussein. Người giám sát đó tức giận. Hoffstader nói với tôi là Sadoun xé nát bài tin.

Các phát thanh viên CNN không để cho vấn đề chìm xuống. Bất kì khi nào Christian hoặc tôi lên hình, họ hỏi dồn chúng tôi các câu hỏi về cuộc nổi dậy. Sadoun trở nên tức giận. Anh ta yêu cầu chúng tôi không đáp lại và tôi phải thông báo với CNN rằng những câu hỏi như vậy thậm chí không nên đưa ra. Điều đó là quá nhiều. Tôi nói với anh ta rằng chúng tôi không thể thực hiện công việc của mình theo cách đó. Đây không phải thời điểm cao trào của chiến tranh để đưa ra những yêu cầu đó. Sadoun đáp lại, “Điều này còn nhạy cảm hơn cả chiến tranh”. Tôi đoán anh ta cũng chịu áp lực lớn.

Tôi tự gây rắc rối cho mình. Tôi phàn nàn với Naji rằng chúng tôi không thể tiếp tục kiểu đó, chúng tôi muốn dòng chảy thông tin thường xuyên. Do vậy họ quyết định kết thúc sự khổ cực của tôi. Sadoun tới khi tôi đang ăn tối muộn để thông báo rằng CNN sẽ phải rời đi vào buổi sáng. Cuối cùng chúng tôi đã được ra đi.

Tôi thở phào. Câu chuyện đã tới điểm chết. Bản tin còn lại duy nhất là sự khởi hành trước mắt của chúng tôi. Tôi triệu tập Dave và chúng tôi lắp điện thoại vệ tinh gọi về Atlanta. Tôi dẫn đầu và truyền hình trực tiếp không cần đợi người giám sát. Lần đầu tiên tôi không có gì để mất. Atlanta không hài lòng chỉ với phỏng vấn điện thoại. Họ muốn tôi lên hình.

Sadoun đồng ý buổi truyền hình cuối cùng và cử một người giám sát trẻ tôi không biết mặt để giám sát tôi. Anh ta thậm chí không quan tâm tới những gì tôi nói. Anh ta đứng dưới bóng râm trong vườn vừa hóng tai nghe vừa nói chuyện với Christian còn Dave cài microphone vào áo tôi và chỉnh ánh sáng.

Frank Sesno đang dẫn chương trình từ Washington. Tôi tiết lộ mọi thứ mình biết. Tôi nói khoảng nửa giờ. Tôi nói rằng Saddam Hussein có thể vẫn duy trì quyền lực vì vị trí chính trị của ông ta còn nguyên và vẫn có lực lượng an ninh lớn để đàn áp mọi cuộc nổi loạn. Tôi nói rằng người Iraq nhận biết rõ về chiến thắng trên chiến trường nhưng không có vị trí để làm nên một sự thay đổi chính phủ.

Người giám sát vẫn đang nói chuyện với Christiane. Tôi không muốn đi quá xa. Nếu những nghị sĩ của Iraq đang xem tôi bằng đĩa vệ tinh của họ, thì tương lai của người giám sát trẻ kia sẽ rơi vào lâm nguy. Tôi nói với Sesno tôi đang để dành nhiều lời bình luận hơn cho Amman, “nơi tôi không cần thiết gây phiền hà cho bất kì nhân viên địa phương nào”

Sesno yêu cầu tôi phát biểu cảm nhận hai tháng ở Baghdad và về những lời bình luận với phần tác nghiệp của tôi. Tôi nói rằng cả thế giới đã ngừng đánh bom Baghdad và tôi là nhân chứng của điều đó. Tôi tự hào ở đó.

Sesno hỏi tôi có biết mình nổi tiếng không. Tôi nói với anh ta một phóng viên từ Ankara nói rằng phụ nữ ở Thổ Nhĩ Kỳ đặt tên cho con họ theo tên tôi, thậm chí là con gái. Một phóng viên Vatican nói rằng Giáo hoàng muốn gặp tôi. Tôi nói rằng tôi không cảm thấy có gì khác từ lần đầu tiên tôi tới Baghdad cách đó hai tháng, chỉ đơn giản là mệt mỏi hơn thôi.

Chúng tôi dành một ngày đóng gói hành lý và ra đi vào sáng sớm ngày hôm sau. Sadoun hôn tôi lần cuối cùng. Anh ta lại không cạo râu và râu cứng cào má tôi. “Tôi học rất nhiều từ anh, Peter ạ”, anh ta nói nghiêm trọng. Sadoun luôn quá nhạy cảm, quá cường điệu. Tôi nghĩ anh ta ít quý tôi. Chúng tôi chia sẻ rất nhiều và không giống là một cặp bạn bè trong thời đại ngôi làng toàn cầu. Tôi biết tôi sẽ nhớ anh ta. Nhưng tôi không bao giờ nghi ngờ về nơi anh ta đặt lòng trung thành của mình.

Đội hộ tống của chúng tôi hướng theo con đường qua sa mạc, qua rất nhiều tháp truyền thông bị phá hủy, xe tăng bị đốt và những hố bom. Trạm biên giới Iraq đã sống sót trong chiến tranh. Các nhân viên kiểm tra giấy

xuất cảnh và vẫy tay cho chúng tôi qua. Những người Jordan mau chóng mời chúng tôi dùng trà.

Vito và tôi cùng đi chung taxi tới Amman. Đã quá nửa đêm và chúng tôi đã trải qua 14 tiếng trong hành trình từ Baghdad thì chiếc taxi bị hỏng trên sa mạc trong khi còn một giờ nữa thì đến nơi. Tôi đi bộ trên con đường tối và một lúc sau vẫy đi nhờ một chiếc xe tải, ánh đèn pha dừng lại. Tôi nghe thấy giọng hét tên tôi từ ca bin. Tôi phân vân không hiểu ai biết tôi trong một chiếc xe tải ở giữa sa mạc Jordan. Một người lái xe Palestin đội khăn xếp trèo ra và bắt đầu đập vào tay tôi. Anh ta là một fan hâm mộ. Anh ta đã xem các buổi phát hình của tôi trên đài Truyền hình Jordan. “Peter Arnett, CNN, chào mừng”, anh ta nói.

Tôi gọi Vito và chúng tôi leo lên xe tải. Tôi rất ngạc nhiên vì được nhận ra nhưng tôi cảm ơn được đi nhờ nhiều hơn. Khi chúng tôi tới khách sạn, một đám đông các đồng nghiệp báo chí đang chờ ở đó họ vây quanh Vito và tôi, chụp hình và thét những câu hỏi về Baghdad. Tầng trên là văn phòng CNN, tôi vội vàng vào Studio phát hình trực tiếp và lần đầu tiên được Frank Sesno phỏng vấn, sau đó là Larry King. Không có người giám sát xung quanh. Tôi bỗng nhớ tới Sadoun.

Năm giờ sáng, CNN cuối cùng cũng để tôi một mình. Phòng ngủ ấm. Toilet sạch sẽ. Có nước nóng. Ga trải giường trắng tinh. Khách sạn al-Rashid dường như đã xa rời trong ký ức.

Tháng 3-1997, cùng với đội quay phim của CNN tôi đã phỏng vấn trùm khủng bố Osama Bin Laden ở nơi ẩn nấp trên núi của ông ta ở Afghanistan. Vào thời điểm đó, Bin Laden ít được công chúng biết đến, nhưng ông ta đã bị các cơ quan tình báo quốc tế theo dõi như một người cuồng tín Hồi giáo nguy hiểm với nguồn tài chính cá nhân đáng kể. Trong bài phỏng vấn của mình, Bin Laden tuyên bố một cuộc thánh chiến với Mỹ và hứa sẽ gây ra nhiều xung đột và thiệt hại quân đội nhằm xóa bỏ sự ảnh hưởng của phương Tây trong thế giới Hồi giáo. Vào thời gian phỏng vấn ông ta, những mối đe dọa của Bin Laden từ những ngọn núi phía xa chỉ là lời nói hoa mỹ rỗng tuếch. Nhưng khi cuộc tấn công không tặc mà ông ta tổ chức tấn công vào Tòa nhà Thương mại thế giới ngày 11-9-2001 giết chết 3.000 người dân đã làm thay đổi trật tự thế giới.

HẾT.
